VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN
BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT NAM, SỐ
208-QĐ/TW, NGÀY 1 THÁNG 11
NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

LÊ HỒNG ANH	Chủ tịch Hội đồng
ĐINH THẾ HUYNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên
NGUYỄN HOÀNG VIỆT	"
BÙI VĂN NAM	"
MAI QUANG PHẤN	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
LÊ QUANG VĨNH	"
PHẠM VĂN LINH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
HOÀNG PHONG HÀ	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

TRẦN QUỐC VƯỢNG	Trưởng ban
HOÀNG PHONG HÀ	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG QUỐC TUẤN	"
NGUYỄN MẠNH HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 58

VŨ HỒNG MÂY (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯỢNG
LƯƠNG THỊ TUYẾT TRINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN ĐẢNG
TOÀN TẬP

TẬP 58
1999

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2015

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 58

Năm 1999 là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và bắt đầu chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Năm 1999, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế - tài chính ở các nước châu Á tác động trực tiếp vào nước ta và thiên tai diễn ra liên tiếp, Đảng đã tập trung lãnh đạo chặt chẽ, chỉ đạo sâu sắc trong phát triển kinh tế - xã hội và đạt nhiều kết quả. Kinh tế duy trì được mức tăng trưởng, sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, sản xuất công nghiệp đạt kết quả khá trong một số lĩnh vực, cân đối vĩ mô được duy trì và cải thiện, tốc độ xuất khẩu đạt cao hơn. Đời sống vật chất của nhân dân được cải thiện trên nhiều mặt. Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân khá hơn trước. Chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh được củng cố. Quan hệ đối ngoại phát triển mạnh mẽ, phá được thế bị bao vây, cô lập; mở rộng hợp tác và tham gia tích cực đời sống cộng đồng quốc tế. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại với nhiều nước, với các tổ chức quốc tế ngày càng sâu rộng hơn; hệ thống văn bản pháp luật ngày một hoàn thiện hơn.

Trước sự suy thoái về tư tưởng chính trị, tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có

chiều hướng phát triển nghiêm trọng; việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không nghiêm, tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước chậm được đổi mới đã tác động to lớn đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên, và gây mất niềm tin trong nhân dân. Nhằm kiên quyết sửa chữa các khuyết điểm, tiếp tục củng cố, chỉnh đốn để Đảng ta ngày càng vững mạnh về mọi mặt, nhất là chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tổ chức, cán bộ, Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 25-1 đến ngày 2-2-1999 đã thảo luận và ban hành Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

Cùng với việc lãnh đạo xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tích cực chỉ đạo kiện toàn tổ chức, bộ máy trong hệ thống chính trị và chuẩn bị Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (tháng 1-1999) thảo luận và ban hành Nghị quyết một số vấn đề về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (tháng 11-1999) kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999 và ra Kết luận về nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2000; định hướng chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Ngoài các văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2), lần thứ bảy, lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 58 công bố các tuyên bố chung, nghị quyết, chỉ thị, thông tri, quyết định, quy định, quy chế, thông báo, báo cáo... của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị; bài phát biểu của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Khả Phiêu; bài phát biểu

của Chủ tịch nước Trần Đức Lương, bài phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải và bài phát biểu của Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị Phạm Thế Duyệt.

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 58 có 77 tài liệu xếp ở phần văn kiện chính và 10 tài liệu xếp ở phần phụ lục. Trong mỗi phần, tài liệu được sắp xếp theo trật tự thời gian. Đối với tài liệu Hội nghị Trung ương được sắp xếp theo trình tự diễn biến của từng Hội nghị. Phần phụ lục được sắp xếp theo vấn đề để tiện cho việc theo dõi, nghiên cứu.

Mặc dù Ban biên tập đã có nhiều cố gắng, song khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu tập 58 *Văn kiện Đảng Toàn tập* cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU (LẦN 2)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII*

Ngày 25 tháng 1 năm 1999

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương,
Thưa các đồng chí đại biểu,

Trong chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương đã xác định Hội nghị Trung ương lần thứ sáu bàn chuyên đề về vấn đề xây dựng Đảng. Do tình hình mới đặt ra nên Hội nghị Trung ương 6 được tổ chức họp hai lần. Lần thứ nhất Trung ương bàn và quyết định phương hướng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1999; cho ý kiến và giao Bộ Chính trị ra nghị quyết về nông nghiệp, nông thôn. Lần này, như đã thông báo, Trung ương sẽ bàn và quyết định những nhiệm vụ cơ bản, cấp bách trên một số vấn đề trọng yếu của công tác xây dựng Đảng.

---

* Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 25-1 đến ngày 2-2-1999 *(B.T)*.

Để chuẩn bị Hội nghị Trung ương lần này, Bộ Chính trị đã lập Tiểu ban giúp Bộ Chính trị soạn thảo đề án, tổ chức lấy ý kiến các đồng chí cán bộ lão thành. Tôi và nhiều đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị đã trực tiếp nghe nhiều đồng chí phát biểu ý kiến, một số đồng chí còn có văn bản gửi đến Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương. Bộ Chính trị cũng đã gửi dự thảo đề án lấy ý kiến các đồng chí Ủy viên Trung ương, các cấp ủy trực thuộc Trung ương và một số tổ chức như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Các ý kiến đóng góp đã được tổng hợp, trên cơ sở đó Bộ Chính trị đã thảo luận tiếp thu, tu chỉnh lại và hôm nay trình Trung ương. Như vậy, sự chuẩn bị lần này là khá công phu, thể hiện tinh thần dân chủ và khoa học trong quá trình hình thành dự thảo Nghị quyết.

Về mục đích yêu cầu Hội nghị lần này, Trung ương cần đi thẳng vào những vấn đề cơ bản và cấp bách của công tác xây dựng Đảng để bàn kỹ hơn, sâu hơn, đúng với tầm là then chốt của nó.

Từ trước tới nay, các đại hội Đảng, các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đều đã đề cập nhiều và ngày càng coi trọng hơn đối với công tác xây dựng Đảng. Chính nhờ luôn coi trọng công tác này nên Đảng ta đã trưởng thành, vững vàng trong mọi bước ngoặt của lịch sử, đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và ngày nay công cuộc đổi mới giành được những thành tựu to lớn.

Trong báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị, không nói lại toàn bộ, nhưng có đánh giá khái quát về quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng gần 70 năm qua, những bài học thành công và cả những khó khăn, vấp váp, trong đó mặt

thành công là cơ bản. Khi tham gia ý kiến về vấn đề này, nhiều đồng chí cho rằng mặt cơ bản, mặt chủ đạo của Đảng ta là vững vàng, kiên định. Nhưng qua các thời kỳ và đến hiện nay, Đảng ta cũng có điểm chưa thật mạnh, có mặt chưa thật vững, trong đó đáng chú ý là tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Tôi đề nghị Trung ương cần hết sức lưu ý và thảo luận kỹ vấn đề này.

Những khó khăn tồn tại và sự yếu kém của Đảng đã được các đại hội và nghị quyết của Trung ương nhận định, đánh giá. Đại hội VII, Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đại hội VIII đã chỉ rõ tệ quan liêu, tham nhũng đang làm biến chất một bộ phận cán bộ, đảng viên; nhưng hiện nay, tình trạng này còn diễn ra phổ biến hơn, tinh vi hơn, nghiêm trọng hơn, nhất là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, về đạo đức, lối sống.

Năm 1995, Hội nghị Trung ương bàn về công tác tư tưởng, Trung ương giao Bộ Chính trị ra nghị quyết về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay. Trong nghị quyết đó có nhận định: Bên cạnh mặt ưu điểm, trước những biến động phức tạp trên thế giới và tình hình trong nước còn nhiều khó khăn, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân có những biểu hiện dao động, giảm sút niềm tin; một số nhận thức mơ hồ, lệch lạc đối với chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội, đối với đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Tư tưởng thực dụng chạy theo đồng tiền làm cho một số bộ phận xa rời lý tưởng, sa sút phẩm chất đạo đức; nạn tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính và nhiều tệ nạn xã hội phát triển

nghiêm trọng. Trong quan hệ với bên ngoài, một số hoặc chưa nắm vững nguyên tắc độc lập, tự chủ, học tập kinh nghiệm một cách máy móc, rập khuôn, hoặc do trình độ non yếu hay vì mưu cầu lợi ích riêng mà làm tổn hại đến lợi ích chung của đất nước. Một số mất cảnh giác; thậm chí có người còn phụ họa với những luận điệu phản động.

Báo cáo tổng kết của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra của Đảng từ Đại hội IV (tháng 12-1976) đến tháng 3-1982 khi nhận định về tồn tại và yếu kém đã nêu rõ: Việc xử lý kỷ luật chưa kịp thời, những sai phạm về đường lối, quan điểm thường bỏ qua, không phê phán và không xử lý; có hàng trăm tổ chức đảng, hàng vạn đảng viên yếu kém kéo dài, không được giáo dục. Trong 5 năm, đã phải đưa ra khỏi Đảng 9 vạn đảng viên, nhưng còn hàng chục vạn đảng viên yếu kém không được giáo dục, xử lý đúng mức.

Đại hội Đảng lần thứ V cũng đã nhận định: kỷ luật bị buông lỏng ở nhiều cấp, nhiều nơi, kể cả những đảng bộ được công nhận là trong sạch, vững mạnh; tình trạng vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước nghiêm trọng kéo dài có xu hướng tăng lên, tác dụng xử lý kỷ luật ít hiệu quả, xử lý trên thì nhẹ, dưới thì nặng.

Đại hội Đảng lần thứ VI tiếp tục nhận định: tình trạng vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước nghiêm trọng kéo dài chưa giảm, vi phạm có tổ chức và cả tổ chức cũng vi phạm, xảy ra ở nhiều nơi, làm hư hỏng nhiều cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp, nhiều tổ chức đảng thiếu nghiêm túc trong chấp hành nghị quyết, chỉ thị, không phát huy được vai trò lãnh đạo, để những phần tử cơ hội, bất mãn kích động quần chúng gây rối nội bộ dẫn đến hậu quả xấu;

vì lợi ích trước mắt, cục bộ, có địa phương ra nghị quyết trái với nghị quyết của Trung ương, trái nghị quyết cấp trên; ý thức tuân thủ pháp luật còn yếu, thậm chí có trường hợp dung túng cho những việc làm trái và những người làm trái pháp luật. Nổi lên là cá nhân chủ nghĩa, tự do vô kỷ luật, địa vị, mất đoàn kết, bè phái, cục bộ, mất dân chủ, quan liêu mệnh lệnh, ức hiếp quần chúng, thoái hóa biến chất về chính trị và lối sống.

Đến Đại hội lần thứ VII đã nhận định: số đảng viên vi phạm kỷ luật trong số được kiểm tra tăng lên nhiều hơn (nhiều hơn khóa VI 10%, riêng số đảng viên là thường vụ cấp huyện, quận vi phạm kỷ luật tăng 17%); nêu rõ lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm kỷ luật như tài chính và một số cơ quan hành pháp, tư pháp.

Sau gần ba năm kể từ Đại hội Đảng lần thứ VIII tháng 6-1996 đến nay, chúng ta đã phải thi hành kỷ luật 60.108 đảng viên, trong đó, khai trừ 11.163, có 1.108 người bị xử tù.

Như vậy, chúng ta đã nói cả mặt mạnh, mặt yếu trong công tác xây dựng Đảng, chứ không phải không nói hoặc chỉ nói một chiều. Phải khẳng định, Đảng ta luôn quan tâm giải quyết tình trạng vi phạm kỷ luật của đảng viên, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đặc biệt nhấn mạnh vấn đề tư tưởng chính trị, trong đó có cả biểu hiện cơ hội chính trị; về đạo đức, lối sống, về tệ tham nhũng, quan liêu, cá nhân chủ nghĩa, mất đoàn kết, cục bộ địa phương, ý thức tổ chức kỷ luật kém; về tập trung dân chủ chưa thực hiện được đúng như nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng.

Suốt cả quá trình từ khi thành lập Đảng đến nay, bên cạnh mặt mạnh cơ bản như đường lối chung là đúng, nhưng,

tất nhiên trong cụ thể hóa đường lối, cơ chế, chính sách cũng có lúc có sai, hoặc chưa phù hợp.

Có đồng chí nêu là về mặt kinh tế trong những năm đổi mới đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Nhưng, về mặt xây dựng Đảng thì làm chưa tương xứng với nhiệm vụ là then chốt, có thể nói đạt ít hiệu quả, và tình hình ngày càng nghiêm trọng hơn. Ở đây, có những ý kiến rất tâm huyết của các đồng chí đảng viên lão thành và của nhiều đảng viên, cả những nhà khoa học không phải là đảng viên và của nhân dân, lo lắng cho rằng sức chiến đấu của Đảng giảm đi, do đó giảm cả lòng tin trong nhân dân với Đảng; nếu Đảng không thấy được những yếu kém ấy, không tập trung, không kiên quyết khắc phục và ngăn ngừa có hiệu quả thì rất có thể Đảng sẽ ngày càng tự biến chất, xa rời bản chất cách mạng của Đảng. Có phải nếu như chúng ta không khắc phục được, không ngăn ngừa được những yếu kém nói trên, nhất là về tư tưởng chính trị, về đạo đức, lối sống cũng như về nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, thì nó sẽ đưa đến nguy cơ tự hủy mình không?

Câu hỏi đặt ra là vì sao Đảng đã có những chủ trương, biện pháp về công tác xây dựng Đảng, nhưng những tồn tại, yếu kém trong công tác này không những không giảm mà có chiều hướng tăng và nghiêm trọng hơn, do những nguyên nhân gì? Đề nghị Trung ương thảo luận rất kỹ và chỉ tập trung đề cập ba vấn đề như đã thông báo.

Về tên gọi của Nghị quyết, các ý kiến đều thống nhất nội dung chính của Nghị quyết là xây dựng Đảng và chỉnh đốn Đảng; nhưng có nên gọi là: "Một số vấn đề về xây dựng và chỉnh đốn Đảng" hay không? Vấn đề này còn có ý kiến khác nhau.

Có ý kiến cho rằng nếu nói như thế thì sợ hiểu lầm là trong Đảng có gì đột xuất mà phải chỉnh đốn; cũng có ý kiến đề nghị nên ghi là: "Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về xây dựng và chỉnh đốn Đảng".

Bộ Chính trị đã cân nhắc, trong Báo cáo trình Trung ương viết: "Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay"; nội dung có bao hàm cả vấn đề xây dựng và chỉnh đốn. Đề nghị các đồng chí cho ý kiến; đây không phải chỉ là tiêu đề mà chính là nội dung của Nghị quyết.

Về nội dung, Báo cáo nêu ba vấn đề lớn: *thứ nhất* là nhận thức, tư tưởng chính trị; *thứ hai* là đạo đức và lối sống, trong đạo đức, lối sống nhấn mạnh vấn đề tham nhũng, quan liêu, cá nhân chủ nghĩa; *thứ ba* là một số vấn đề về tổ chức. Đây là ba vấn đề lớn, là cốt lõi của công tác xây dựng Đảng.

Về cách thể hiện, phần mở đầu của Báo cáo đánh giá khái quát thành tựu và tồn tại. Sau đó, trong mỗi phần cụ thể đều nêu thực trạng, nguyên nhân và giải pháp thực hiện để Trung ương nghiên cứu, thảo luận. Khi quyết định và thể hiện thành nghị quyết sẽ viết tổng quát lại, đi thẳng vào vấn đề cần giải quyết. Đây là sự cải tiến cách sinh hoạt và ra nghị quyết của Trung ương sao cho thiết thực, ngắn gọn và có hiệu quả hơn. Để thực hiện được vấn đề này, đề nghị Trung ương thảo luận đánh giá đúng thực trạng và nguyên nhân, nhưng cần tập trung bàn về giải pháp cơ bản và cụ thể:

1. *Về nhận thức, tư tưởng chính trị*, các ý kiến góp ý xung quanh vấn đề con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta mà trong Cương lĩnh năm 1991 đã xác định. Ý kiến nêu nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề về nhận thức chính trị, có vấn đề

về đường lối đối ngoại và đối nội, có vấn đề về đường lối kinh tế mà chúng ta đã thực hiện trong 10 năm đổi mới.

Qua mỗi năm, mỗi kỳ đại hội, chúng ta đều tổng kết và khẳng định cái gì được, cái gì chưa được. Nhưng, vẫn còn những vấn đề chưa kết luận được và đang có ý kiến khác nhau về những khía cạnh cụ thể. Chính vì có ý kiến khác nhau nên đã ảnh hưởng đến việc cụ thể hóa, thể chế hóa đường lối và tổ chức thực hiện đường lối, trong xử lý các vấn đề cụ thể. Ví dụ, về kinh tế, có thể nói trong 10 vấn đề đã làm, thì 7 vấn đề đúng, có thể có 3 vấn đề chưa đúng. Đó cũng là tất yếu vì chúng ta vừa làm, vừa tìm hiểu để tìm ra cái đúng. Như thế có phải đã chệch hướng không? Chệch hướng cố ý hay chệch hướng không cố ý? Có người nêu Đảng ta đã thừa nhận kinh tế nhiều thành phần và thực hiện cơ chế thị trường, thì tại sao không tư nhân hóa tất cả, mà cứ nói mãi kinh tế nhà nước là chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân? Hoặc nói phải cảnh giác với nguy cơ tụt hậu, thì thực tế đang tụt hậu; quan liêu, tham nhũng đã thành hiện thực rồi, cần gì phải nói là nguy cơ nữa. Có chăng chỉ là nguy cơ "diễn biến hòa bình"; nguy cơ Đảng, Nhà nước suy thoái không thực sự là của dân, do dân, vì dân? Phải sửa vấn đề này, nếu không thì sẽ mất. Tôi đề nghị Trung ương thảo luận kỹ những ý kiến này.

Về cụ thể, cũng có những quan niệm khác nhau, những lập luận khác nhau về các vấn đề đối nội, đối ngoại, hội nhập với thế giới và khu vực, và cả một số vấn đề đang phải xử lý như cổ phần hóa, kinh tế trang trại, sở hữu, phân phối... Những vấn đề này, Bộ Chính trị đã thảo luận một số lần.

Đề nghị các đồng chí Trung ương phát biểu ý kiến thẳng thắn, cởi mở xung quanh vấn đề nhận thức, tư tưởng chính trị, xung quanh những điểm còn có ý kiến khác nhau, kể cả những vấn đề đang làm, hoặc những vấn đề đã có nghị quyết. Làm rõ nhận thức khác nhau chỗ nào? Thế nào là đúng nguyên tắc và thế nào là không đúng nguyên tắc? Thế nào là sáng tạo và thế nào là không sáng tạo? Bảo thủ và giáo điều, đến mức độ nào? Sáng tạo vượt ra khỏi nguyên tắc đến mức độ nào? Cần phải đối chiếu với nghị quyết, Cương lĩnh và Điều lệ Đảng để xem xét các vấn đề đó.

2. *Vấn đề phai nhạt lý tưởng, sa sút phẩm chất đạo đức cách mạng*, quan liêu, tham nhũng, cá nhân chủ nghĩa làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Có ý kiến nói tại sao có bệnh nặng, không phải nhẹ mà Đảng ta vẫn đứng vững? Đó là do Đảng ta có truyền thống cách mạng kiên cường, có đường lối đúng, đội ngũ đảng viên trung kiên, năng động, sáng tạo chiếm số đông, và được nhân dân tin yêu, xây dựng, bảo vệ. Vậy, tồn tại, yếu kém nghiêm trọng mức độ nào, xét về số lượng và bản chất?

Đề nghị khi phân tích, các đồng chí lưu ý vấn đề phai nhạt lý tưởng gắn với vấn đề sa sút phẩm chất đạo đức, lối sống, vì trên thực tế hai vấn đề này đều gắn với nhau. Song, cần đặc biệt lưu ý phân tích tình trạng phai nhạt lý tưởng, không tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thậm chí có người dao động, mất niềm tin là vấn đề không thể xem thường tồn tại này.

Đáng chú ý là có một số ít người cơ hội chính trị dưới nhiều biểu hiện khác nhau; trong số này, có loại đối lập, có loại phủ định, phủ định cả Cương lĩnh, nghị quyết của Đại hội Đảng.

Có người nói độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội bây giờ không đúng nữa, chỉ có độc lập dân tộc thôi. Như vậy là họ phủ định vấn đề mấu chốt của Cương lĩnh.

Chúng ta quan niệm độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội gắn quyện vào nhau, và đó cũng là vấn đề giai cấp và dân tộc gắn quyện với nhau theo bản chất và lập trường của giai cấp công nhân.

Về nền tảng tư tưởng, Đảng ta đã nhiều lần khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Nhưng, vẫn có người cho rằng bây giờ chỉ nên nói tư tưởng Hồ Chí Minh, không nên nói chủ nghĩa Mác - Lênin vì đã lỗi thời; nếu cứ bám lấy cái đã lỗi thời ấy là không đúng với tư tưởng Hồ Chí Minh. Đề nghị các đồng chí thảo luận kỹ ý kiến này.

3. *Về vấn đề tổ chức*, trong đó có vấn đề nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng; nguyên tắc tự phê bình và phê bình; tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị.

Về nguyên tắc tập trung dân chủ, có người nói bây giờ chỉ có vấn đề dân chủ thôi, cái chúng ta bây giờ cần là dân chủ; nếu đi vào tập trung và thực hiện chuyên chính vô sản sẽ rơi vào con đường của Đảng Cộng sản Liên Xô và các đảng cộng sản Đông Âu trước đây, sớm muộn sẽ sụp đổ. Có người còn yêu cầu không nên nói vai trò lãnh đạo của Đảng nữa, rằng Đảng chỉ là một bộ phận của dân tộc; nên có nhiều đảng đối lập, chứ không phải chỉ có một đảng duy nhất lãnh đạo; theo họ nguyên nhân của tham nhũng, quan liêu chính là vì một đảng, các biểu hiện suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống cũng có nguồn gốc là một đảng. Muốn khắc phục được các

tệ nạn này thì chỉ có cách phải cho nhiều đảng đối lập ra đời. Xin đề nghị các đồng chí thảo luận kỹ vấn đề đó.

Về chống tham nhũng, Chính phủ đã lập ban chống tham nhũng và đã làm được một số việc, song vấn đề tham nhũng vẫn còn nhức nhối và là nguy cơ đe dọa bản chất cách mạng của Đảng. Chống tham nhũng là một cuộc vận động lớn phải có mục tiêu, giải pháp, tổ chức lực lượng và bước đi cụ thể. Hiện nay nhiều ý kiến đề nghị nên lập ban đặc biệt chống tham nhũng, Bộ Chính trị thấy cần phải cân nhắc kỹ.

4. *Về vấn đề tổ chức thực hiện*, Báo cáo đề ra năm vấn đề lớn, trong đó có việc tổ chức cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo *Di chúc* của Bác Hồ, lấy ngày 19-5-1999 là mở đầu và tiến hành cuộc vận động trong hai năm.

Để Trung ương dành thời gian vào việc lãnh đạo công tác trọng tâm của Đảng, Bộ Chính trị đề nghị điều chỉnh lại Chương trình toàn khóa của Trung ương gắn với việc chuẩn bị Đại hội IX, nhằm tạo ra sức mạnh mới của một đảng tiền phong cách mạng, một đảng mang bản chất của giai cấp công nhân, có sứ mệnh lịch sử trước dân tộc Việt Nam.

5. *Về cách thảo luận*, đề nghị các đồng chí không nên nói nhiều về biểu hiện, hơn nữa trong Báo cáo cũng nói tương đối rõ về các biểu hiện. Vấn đề quan trọng nhất là phân tích nguyên nhân, làm rõ nguyên nhân cơ bản nhất và nguyên nhân bên trong là gì? Nguyên nhân sâu xa của tình hình trên có phải là do lập trường giai cấp, quan điểm giai cấp công nhân của chúng ta có phần nào đó bị mờ nhạt hay không? Nếu như cả vấn đề đối nội và đối ngoại không đứng trên lập trường giai cấp công nhân, không kiên định lập trường giai cấp công nhân thì khó có thể giải quyết được.

Ngay cả khi giải quyết vấn đề dân tộc, nếu không trên lập trường giai cấp công nhân thì dễ sa vào quan điểm dân tộc tư sản. Liên Xô sụp đổ không phải chỉ vì kinh tế, kinh tế chỉ một phần; cái chính là mơ hồ về lập trường giai cấp.

Về đạo đức, lối sống cũng vậy, cũng phải được xem xét trên lập trường giai cấp công nhân. Người đảng viên cộng sản đi làm cách mạng khác với người không phải đảng viên. Người không phải là đảng viên cũng vì mục tiêu xây dựng và bảo vệ đất nước, còn người đảng viên có trách nhiệm vừa xây dựng và bảo vệ đất nước, vừa là thành viên trong tổ chức của Đảng lãnh đạo đất nước. Đã là người đảng viên cộng sản thì bao giờ cũng mang tính chất tiền phong, tính chất giai cấp, nếu không thì không còn là người đảng viên. Tại sao có tình trạng mất đoàn kết, tranh giành quyền vị, lợi lộc, đi tới đánh đổ nhau, người cộng sản đâu có như vậy? Nguyên nhân sâu xa nhất và bản chất của hiện tượng này là gì? Có phải là vấn đề quan điểm và lập trường giai cấp không? Nếu chỉ liệt kê các biểu hiện suy thoái về mặt đạo đức, trong đó có tham nhũng thì chứng minh bao nhiêu cũng không đủ, càng nói càng thấy đau xót. Nhưng căn nguyên của vấn đề này là gì? Không tìm ra căn nguyên thì vẫn chưa chữa được tận gốc căn bệnh này. Hơn nữa bệnh đã nặng, cho nên phải chữa tận gốc, chữa một cách cơ bản. Chính Hội nghị Trung ương lần này bàn về xây dựng Đảng là tìm ra chiều sâu bản chất nhất của nó để chữa một cách cơ bản.

Về phương pháp tiến hành Hội nghị, tôi đề nghị cần cải tiến, phát huy dân chủ một cách mạnh mẽ, nói thẳng, nói thật, phân tích nguyên nhân, kiến nghị các giải pháp và bày tỏ rõ quan điểm đối với các vấn đề đặt ra. Vì cuộc sống đang diễn ra hằng ngày, Đảng ta, Nhà nước ta và các đoàn thể nhân dân phải xử lý. Vấn đề xử lý đó có thể có khác nhau, song vấn đề

quan trọng phải làm rõ khác nhau vì sao, thế nào là đúng, thế nào là không đúng? Có bảo thủ không? Có giáo điều không? Có chệch hướng không? Có bị mua chuộc không? v.v..

Lần này, đề nghị các đồng chí làm sao thể hiện được tinh thần thực sự dân chủ, thực sự cởi mở, nói thẳng, nói hết với nhau, tìm ra được chân lý, không ai có quyền chụp mũ. Tranh luận thẳng thắn các ý kiến khác nhau cả ở trong tổ và hội trường, không đọc bài tham luận viết sẵn. Khi cần thiết, đề nghị các đồng chí chất vấn Bộ Chính trị, chất vấn các đồng chí đảng viên phụ trách các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp. Chúng ta có thảo luận thẳng thắn và đi đến những quyết định, những giải pháp đúng nhất, mạnh mẽ nhất thì mới tạo ra sự nhất trí để làm chuyển biến tình hình.

Thưa các đồng chí,

Hiện nay toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang quan tâm theo dõi và hy vọng kết quả của Hội nghị Trung ương lần này sẽ tạo ra bước chuyển biến thực sự trong củng cố, chấn chỉnh lại Đảng, bảo đảm cho Đảng thực sự vững mạnh, thực sự mang bản chất của giai cấp công nhân, đảm đương được sứ mệnh mà nhân dân giao cho trong thời kỳ cách mạng mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước như Nghị quyết Đại hội VIII đã nêu.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.

Xin chúc sức khỏe tất cả các đồng chí,

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2)
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.5-22.

BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU (LẦN 2)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII

Số 91-BC/TLHN, ngày 25 tháng 1 năm 1999

Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách về công tác xây dựng Đảng hiện nay

Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, luôn trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng "Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội", đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế của thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Chính cương vắn tắt, Cương lĩnh năm 1930 và Cương lĩnh năm 1991 của Đảng soi sáng cho bước đường tiến lên của dân tộc và công tác xây dựng Đảng.

Gần 70 năm qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta không quản hy sinh, không nề gian khổ, trải qua biết bao gian nan, thử thách, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, viết tiếp những trang sử vàng chói lọi của dân tộc, tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc. Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới. Trong mỗi thời kỳ cách mạng, nhất là trước các bước ngoặt lịch sử, Đảng ta luôn thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành và sáng tạo, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, trước hết ở việc xác định và tổ chức thực hiện Cương lĩnh, đường lối cách mạng đúng đắn và có hiệu quả.

Trên 10 năm qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới trong bối cảnh vô cùng phức tạp, trước biến động chính trị dữ dội bất lợi cho chủ nghĩa xã hội thế giới. Đảng ta tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng, nguyên tắc tổ chức, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo trong xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, hình thức, phương pháp, bước đi phù hợp với đặc điểm của Việt Nam. Nhờ đó, đất nước vượt qua được mọi sóng to, gió lớn, đứng vững và tiếp tục đi lên. Công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu quan trọng, đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề mới phải giải quyết.

Nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng rất nặng nề, có nhiều vận hội và nguy cơ đan xen. Hơn lúc nào hết, Đảng phải tiếp tục vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải ra sức xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII đã chỉ rõ: "Đảng ta phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các khuyết điểm, các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Đảng phải mạnh từ Trung ương đến cơ sở, ở tất cả các cấp, các ngành".

Hơn hai năm qua, công tác xây dựng đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII đã được triển khai thực hiện trong bối cảnh mới, đặc biệt là tình hình khủng hoảng kinh tế - tài chính ở Đông Nam Á, châu Á tác động trực tiếp vào nước ta, thiên tai diễn ra liên tiếp. Nhưng với nỗ lực to lớn của toàn dân, của các ngành, các cấp, sự lãnh đạo, điều hành năng động, nhạy bén của Đảng và Nhà nước, kinh tế vẫn tăng trưởng, văn hóa - xã hội có bước phát triển, đời sống nhân dân về nhiều mặt có phần được cải thiện, chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững, đối ngoại được mở rộng, uy tín quốc tế được nâng cao. Trên những mặt cụ thể, công tác xây dựng Đảng đã đạt được những kết quả chủ yếu sau đây:

- Tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương trong toàn Đảng, tăng cường thông tin, nhất là đối với cán bộ chủ chốt để thống nhất ý chí và hành động, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội VIII đề ra, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tiến hành đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối của Đảng, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, phê phán các quan điểm sai trái

và luận điệu chống đối của những người cơ hội về chính trị và bọn phản động.

- Trên lĩnh vực kinh tế, bên cạnh việc đánh giá những ưu điểm, tiến bộ, Đảng đã kịp thời chỉ ra và có giải pháp khắc phục những mặt yếu kém, thiếu bền vững, nhấn mạnh phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trình độ lãnh đạo, quản lý của các cấp có bước trưởng thành và tiến bộ mới. Trong hoàn cảnh có những diễn biến phức tạp đã kịp thời phân tích tình hình, có biện pháp xử lý phù hợp để hạn chế những tác động tiêu cực của khủng hoảng kinh tế - tài chính ở khu vực vào nước ta, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Tiếp tục hoàn chỉnh quan điểm và chủ trương về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, lãnh đạo xây dựng quy chế cụ thể để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, trước hết ở cơ sở; định hướng chiến lược giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới; lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử Quốc hội khóa X.

- Đã xây dựng và bước đầu triển khai thực hiện "Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Kiện toàn cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, bảo đảm tính kế thừa, phát triển và ổn định. Kiện toàn tổ chức và nhân sự các tỉnh mới tái lập. Tập trung chỉ đạo củng cố tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, kiện toàn cán bộ chủ chốt, từng bước ổn định tình hình ở một số địa phương có những diễn biến phức tạp (nhân dân khiếu kiện đông người trên diện rộng, cán bộ mất đoàn kết hoặc vi phạm luật pháp nghiêm trọng...).

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, lãnh đạo chặt chẽ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời hơn, nhất là về lĩnh vực kinh tế - tài chính trong tình hình mới; thực hiện và hoàn thiện quy trình dân chủ trong Đảng và trong xã hội để tập hợp trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong quá trình ra nghị quyết, thể chế hóa về mặt nhà nước sớm hơn sau khi có nghị quyết của Đảng.

Tuy nhiên, trong Đảng ta hiện nay đang nổi lên một số mặt yếu kém, có những yếu kém tồn tại từ lâu, nay bộc lộ nghiêm trọng hơn đặt ra cho công tác xây dựng Đảng *những vấn đề bức xúc về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và củng cố tổ chức.* Trong giai đoạn cách mạng mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chủ nghĩa xã hội, phong trào cộng sản và công nhân thế giới tạm thời lâm vào thoái trào; đất nước ta phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, mở cửa hội nhập quốc tế; chủ nghĩa đế quốc ráo riết thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng, đặc biệt, đối với Việt Nam chúng thực hiện "diễn biến hòa bình" để chống phá Đảng ta và chế độ ta. Trong bối cảnh đó, xây dựng Đảng càng trở thành vấn đề *cơ bản, cấp bách* đối với Đảng và dân tộc, và càng *khó khăn, phức tạp,* phải tiến hành *khẩn trương, kiên quyết, liên tục, thường xuyên,* song cũng phải *kiên trì.*

Ngày nay, thế và lực của đất nước đã có bước trưởng thành mới khác trước nhiều, tạo ra thời cơ mới cho cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, trước những nhiệm vụ nặng nề của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay, trước bốn nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII và Đại hội VIII đã xác định, *cần đặc biệt quan tâm đến tình trạng quan liêu,*

suy thoái, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên đang diễn ra phức tạp hơn, phổ biến hơn, tinh vi hơn và nghiêm trọng hơn, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, sự vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ cương, kỷ luật lỏng lẻo... đang làm yếu đi sức chiến đấu của Đảng, làm suy giảm lòng tin trong nhân dân. Do đó, *Đảng phải tiếp tục tự chỉnh đốn triệt để hơn, kiên quyết hơn,* nhằm giải quyết những vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản trong xây dựng Đảng, tạo ra một bước chuyển biến thật sự trên các mặt chủ yếu: *ngăn chặn và đẩy lùi một bước quan trọng tình trạng suy thoái, trước hết về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống* của một bộ phận cán bộ, đảng viên, củng cố sự kiên định về mục tiêu lý tưởng cách mạng, tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động; củng cố tổ chức chặt chẽ, sinh hoạt dân chủ, tăng cường kỷ cương, đoàn kết thống nhất; cán bộ, đảng viên tiền phong gương mẫu, trong sạch nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. *Đây là vấn đề sống còn của Đảng, của chế độ ta.*

I- VỀ NHẬN THỨC, TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ

1. Trong điều kiện mới, phần lớn cán bộ, đảng viên tiếp tục giữ vững phẩm chất chính trị, phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng, nhất trí nói và làm theo Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, đường lối, nghị quyết của Đảng. Nhiều cán bộ, đảng viên tích

cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, quan điểm, nguyên tắc tổ chức của Đảng, mong muốn đổi mới và chỉnh đốn Đảng có hiệu quả để nâng cao vai trò, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng.

Nhiều cán bộ, đảng viên kiên định lập trường cách mạng, vững vàng, nắm chắc Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, đường lối, chính sách, pháp luật, hăng hái hoạt động thực tiễn; trong tổ chức thực hiện tuy có khi còn lúng túng, vấp váp, nhưng ngày càng trưởng thành hơn, xác định quan điểm chính trị ngày càng đúng đắn hơn.

Tuy nhiên, trong Đảng, về nhận thức, tư tưởng chính trị đang bộc lộ những diễn biến phức tạp, có mặt nghiêm trọng, ảnh hưởng tới bản chất giai cấp và sức mạnh lãnh đạo của Đảng, rất đáng lo ngại là:

- Trong một số cán bộ, đảng viên, chủ yếu là ở cơ quan Trung ương, cán bộ nghiên cứu, tham mưu, cán bộ hưu trí, trí thức và một số cán bộ hoạt động thực tiễn ở các ngành, các địa phương, còn có ý kiến chưa thống nhất cao trên một số vấn đề cơ bản cũng như một số vấn đề cụ thể quan hệ tới quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng. Từ đó dẫn tới lúng túng hoặc chậm cụ thể hóa để triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, mơ hồ, dao động, hoài nghi về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy đang tham gia các hoạt động xây dựng chủ nghĩa xã hội, đang nói theo nghị quyết Đảng, nhưng một số người vẫn thiếu tin tưởng, băn khoăn về con đường lựa chọn và tiền đồ của đất nước. Nhiều cán bộ, đảng viên thiếu cảnh giác với nguy cơ "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

- Một số cán bộ, đảng viên có những biểu hiện cơ hội dưới nhiều hình thức. Tình trạng không giữ vững nguyên tắc trong quá trình đổi mới, dập khuôn nước ngoài, đang diễn ra rất phức tạp. Trong lịch sử Đảng ta từ trước tới nay, cơ hội chính trị không tồn tại như một khuynh hướng, nhưng nay có cơ sở kinh tế - xã hội từ bên trong, có hậu thuẫn từ bên ngoài, không thể xem thường. Trong các thời kỳ cách mạng trước đây, khi gặp khó khăn gay gắt, trong Đảng vẫn thường có đấu tranh giữa kiên định cách mạng và dao động, thỏa hiệp, trốn chạy, đầu hàng. Số kiên định cách mạng vẫn là lực lượng chủ đạo. Nay trong bối cảnh phức tạp, thử thách rất gay gắt, xuất hiện những quan điểm trái Cương lĩnh, Điều lệ Đảng cần được kiên quyết đấu tranh để kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi. Trong khi đó, nhiều cán bộ, đảng viên tuy vẫn tin tưởng và trung thành với Đảng nhưng lại thụ động, thiếu bản lĩnh, không dám lên tiếng đấu tranh với những kẻ cơ hội, hoặc lên tiếng yếu ớt, ít có sức thuyết phục.

Trước diễn biến nhanh chóng của tình hình, nhiều hiện tượng tiêu cực phát triển, một số cán bộ, đảng viên, tuy rằng đứng trên toàn cục vẫn tâm huyết với đường lối đổi mới, lo lắng cho vận mệnh, tiền đồ của Đảng và chế độ, nhưng lại có biểu hiện bảo thủ, giáo điều, do dự, e ngại trên một số mặt đổi mới đúng đắn.

Các biểu hiện nói trên đã làm cho tình hình tư tưởng và cuộc đấu tranh tư tưởng trong Đảng trở nên phức tạp hơn.

- Một số cán bộ, đảng viên do bất mãn cá nhân, cơ hội, hoặc do nhận thức không đầy đủ, đúng đắn, trong đó có cả cán bộ hoạt động lâu năm, đã từng cống hiến cho cách mạng, lại bị các thế lực xấu trong và ngoài nước tâng bốc tạo dựng,

đã ngấm ngầm hoặc công khai tán phát tài liệu, truyền bá những quan điểm trái với Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, Hiến pháp của Nhà nước. Số này không nhiều nhưng đang lây lan, rất nguy hại.

Bên cạnh những biểu hiện nêu trên, hiện nay trong tâm trạng nhiều cán bộ, đảng viên đang lo lắng trước tình hình kinh tế phát triển chậm lại, đời sống nhân dân ở một số nơi còn khó khăn, tình trạng tham nhũng và tệ nạn xã hội chưa ngăn chặn được, sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong Đảng kém hiệu quả; một số đồng chí lo lắng về khả năng "Đảng tự diễn biến hòa bình". Nhiều nghị quyết của Đảng chưa được tổ chức thực hiện tốt, nói không đi đôi với làm, làm cho nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước chậm đi vào cuộc sống, dẫn đến nhân dân giảm lòng tin đối với Đảng và Nhà nước ta về khả năng ngăn ngừa và khắc phục nạn quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Những nguyên nhân chủ yếu của tình hình yếu kém nêu trên là:

- Trong quá trình đấu tranh cách mạng vô cùng khó khăn gian khổ gần 70 năm qua, ở mọi thời kỳ, nhận thức, tư tưởng chính trị trong Đảng ta đều không đơn giản, thường phải trải qua đấu tranh để hình thành, phát triển đường lối và tổ chức thực hiện đường lối đúng đắn. Song, ở vào bối cảnh mới của giai đoạn cách mạng hiện nay, khi mà Liên Xô đã tan vỡ, chủ nghĩa xã hội, phong trào cộng sản và công nhân thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, công cuộc đổi mới của ta lại đang cần tiếp tục triển khai sâu rộng, đòi hỏi tìm kiếm thêm những giải pháp mới có hiệu quả hơn để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, các thế lực thù địch càng ráo riết

và xảo quyệt thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" theo hướng thúc đẩy "đa nguyên hóa chính trị", "tư nhân hóa kinh tế", "dân chủ hóa xã hội" thoát ly sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, hội nhập quốc tế nhanh chóng và không điều kiện,... bằng nhiều cách từ tuyên truyền đến răn đe, gây sức ép, mua chuộc,... thì tình hình nhận thức, tư tưởng chính trị trong Đảng diễn ra càng phức tạp.

Trong khi đó, nhiều cán bộ, đảng viên ít quan tâm đến học tập chính trị, nghiên cứu đường lối, chính sách, pháp luật.

Chỉ đạo công tác tư tưởng trong thời kỳ mới, trước hết là chăm lo giáo dục tư tưởng chính trị trong Đảng, nhất là trong cán bộ, đảng viên ở bộ máy công quyền và các cơ quan kinh tế tuy có cố gắng nhưng vẫn chưa được coi trọng đúng mức, chưa chủ động, thiếu kịp thời, thiếu tính chiến đấu sắc bén, chưa tương xứng với yêu cầu cấp bách và đặc điểm tình hình mới. Có tình trạng ngại va chạm, nương nhẹ, không dám đấu tranh phê phán, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện cơ hội chủ nghĩa.

- Sự suy thoái, trước hết về chính trị, luôn luôn là nguy cơ đối với Đảng cầm quyền, nhất là đối với một Đảng duy nhất giữ vai trò lãnh đạo như Đảng ta, lại trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế,... song việc cụ thể hóa và hoàn thiện đường lối, tuy có nhiều tiến bộ, nhưng chưa đầy đủ, thiếu kịp thời; nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật chưa theo kịp sự vận động của thực tiễn đổi mới, thậm chí có những vấn đề còn để sơ hở kéo dài; đặc biệt là việc tổ chức thực hiện kém hiệu lực và hiệu quả; công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát thiếu chặt chẽ; kỷ cương bị buông lỏng, xử lý một số vụ việc chậm hoặc hữu khuynh... đã

ảnh hưởng không nhỏ đến diễn biến về nhận thức, tư tưởng chính trị trong Đảng.

- Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn chậm, hiệu quả thấp, chưa giải đáp kịp thời những vấn đề bức xúc. Nhiều vấn đề lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; lý luận về xây dựng Đảng trong điều kiện hiện nay của Việt Nam chưa hoàn toàn sáng tỏ, nhất là phương thức lãnh đạo của Đảng, vấn đề giai cấp, dân tộc, tôn giáo, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong tình hình mới; vấn đề đảng viên không được bóc lột; vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa... Nhiều mô hình mới nảy sinh trong quá trình đổi mới chậm được khảo sát, thảo luận dân chủ, kết luận, gây ra những nhận thức tư tưởng chính trị khác nhau. Đó là một thiếu sót, đồng thời cũng là một khó khăn khách quan của công tác tư tưởng hiện nay. Việc truyền đạt các quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có cố gắng nhưng còn thiếu sắc bén, thiếu tính khoa học và sức thuyết phục.

- Sinh hoạt tư tưởng trong Đảng chưa thực sự theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Một mặt tình trạng dân chủ hình thức còn rất nặng, khá phổ biến, chưa thực hiện tốt tự do tư tưởng, có người còn tính toán con đường "tiến thân", sợ bị quy hết cho nên né tránh những vấn đề gai góc, thảo luận không sâu, nói dựa dẫm, không dám nói thẳng, nói thật. Mặt khác, kỷ cương, kỷ luật rất lỏng lẻo, có nghị quyết, pháp luật rồi mà không làm, nói và làm sai nghị quyết, pháp luật nhưng không ít trường hợp chưa bị phê phán và xử lý nghiêm minh. Tình trạng dân chủ hình thức và thiếu kỷ cương kỷ luật có quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau.

- Một số đảng viên vì thiếu thông tin hoặc do mắc bệnh "công thần", bất mãn cá nhân, trút bực dọc lên Đảng. Trong khi đó, chính sách của Đảng và thái độ của một số cấp ủy giải quyết mối quan hệ đoàn kết, hợp tác giữa một số đồng chí nghỉ hưu và đương chức, giữa một số đồng chí tiền nhiệm và kế nhiệm trong điều kiện mới lại chưa tốt.

- Các thế lực thù địch dùng nhiều thủ đoạn nham hiểm, thâm độc nhằm xuyên tạc, chia rẽ, mua chuộc, lôi kéo cán bộ, chống phá Đảng từ trong nội bộ, tập hợp lực lượng trong và ngoài nước, kích động quần chúng, gây sức ép thay đổi Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

3. Để khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

- Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng, của cách mạng đã ghi trong Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và Nghị quyết Đại hội VIII; mọi đảng viên không được nói trái, làm trái, đặc biệt phải kiên định:

+ Mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

+ Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; trên cơ sở khối đại đoàn kết toàn dân, mà nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

+ Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và sinh hoạt đảng.

+ Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Trên cơ sở kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng mà thảo luận nhằm cụ thể hóa và phát triển sáng tạo lý luận, đường lối, quan điểm của Đảng; coi trọng tổ chức sinh hoạt tư tưởng cởi mở, bảo đảm tự do tư tưởng, nói thật, nói hết, tranh luận trong tổ chức từ Trung ương đến cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ, không thành kiến, không trù dập những người có ý kiến thuộc về thiểu số. Tăng cường thông tin, đối thoại có tổ chức, trước hết đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Xử lý nghiêm minh, kịp thời những người vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ như phát tán tài liệu, truyền bá ý kiến riêng trái với Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng.

- Tập trung lãnh đạo đẩy mạnh công cuộc đổi mới có nguyên tắc, đúng định hướng, vừa nâng cao hiệu quả kinh tế, vừa nâng cao hiệu quả văn hóa - xã hội, đó là cơ sở bền vững và quan trọng nhất để ổn định và thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng chính trị trong Đảng đối với đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường tổng kết thực tiễn, chỉ đạo nghiên cứu thực tiễn các mô hình đang nảy sinh, lấy hiệu quả chính trị - kinh tế - xã hội làm thước đo, thảo luận dân chủ, sớm kết luận; lấy đó làm cơ sở để thống nhất nhận thức, tư tưởng chính trị về đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Đồng thời với giải pháp trên, phải nghiên cứu lý luận, kết luận những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra, làm căn cứ khoa học để hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, trước

hết trên lĩnh vực kinh tế và một số lĩnh vực quan trọng khác, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng. Từng bước làm rõ hơn nữa những vấn đề lý luận cơ bản về mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở nước ta. Lấy Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, các ban của Đảng, một số trường đại học, viện nghiên cứu,... làm nòng cốt để tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, trao đổi lý luận có tổ chức trong Đảng. Sớm xác định một hình thức cụ thể, vừa bảo đảm dân chủ, vừa bảo đảm kỷ luật chặt chẽ, để trao đổi những ý kiến còn khác nhau trong lý luận và thực tiễn, kể cả ý kiến bảo lưu.

Từ nay đến Đại hội IX, Bộ Chính trị lựa chọn một số vấn đề bức xúc nhất, tiến hành tổng kết thực tiễn, thảo luận sâu để làm rõ hơn về quan điểm, lý luận.

- Tiến hành sinh hoạt tư tưởng sâu rộng trong Đảng theo Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, đặc biệt về mục tiêu, nền tảng tư tưởng và nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhằm khôi phục và nâng cao tính đảng của mọi đảng viên, tiến hành tự phê bình và phê bình về tư tưởng chính trị và đạo đức lối sống từ Trung ương đến cơ sở.

- Tăng cường và đổi mới phương pháp giáo dục cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trước hết đối với cán bộ giữ trách nhiệm lãnh đạo, quản lý.

Giáo dục sâu rộng trong Đảng và trong nhân dân về chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, nêu cao tinh thần độc lập tự

chủ, xây dựng bản lĩnh chính trị trong quá trình hội nhập quốc tế.

Có quy định cụ thể về chế độ học tập lý luận chính trị cho mọi cán bộ, đảng viên. Kiện toàn và nâng cao chất lượng các trường và trung tâm giáo dục chính trị. Tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng, trước hết là chất lượng chính trị, văn hóa, khoa học của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc thực hiện chức năng giáo dục tư tưởng, thế giới quan khoa học và cách mạng, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại thẳng thắn, cởi mở giữa lãnh đạo cấp trên và cấp dưới, giữa cấp ủy và đảng viên, giữa lãnh đạo và nhân dân.

- Trong sinh hoạt Đảng từ Trung ương đến chi bộ, phải quan tâm đến nhận thức, tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên. Các cấp ủy phải kiểm tra thường xuyên tình hình tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên, giúp đỡ những đồng chí thiếu thông tin, uốn nắn những lệch lạc, phê phán và xử lý nghiêm những người không đủ tư cách chính trị. Đồng thời tiến hành chặt chẽ việc phát triển đảng viên, việc chuẩn bị và tiến hành bầu cử cấp ủy, bảo đảm yêu cầu tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

II- VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG

1. Trong điều kiện mới, phần lớn cán bộ, đảng viên tiếp tục giữ vững và phát huy được tư cách đảng viên, tích cực lao động, công tác, học tập, có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn đạo đức, lối sống lành mạnh, gắn bó với nhân dân. Đã có một số

tấm gương sáng về người chiến sĩ cộng sản trong môi trường kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập thế giới. Nhiều đồng chí tích cực đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội khác, đấu tranh giữ gìn truyền thống tốt đẹp, đạo đức cách mạng và bản sắc dân tộc, mong muốn chỉnh đốn Đảng, bảo đảm Đảng ta luôn trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, một bộ phận cán bộ, đảng viên, lại là cán bộ, đảng viên có chức có quyền suy thoái về đạo đức, lối sống, ảnh hưởng tới bản chất của Đảng, làm sa sút lòng tin của nhân dân, tổn thương mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, hạ thấp sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng. Những biểu hiện nổi bật của sự suy thoái đạo đức, lối sống là:

- Chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, thực dụng phát triển nhanh. Nhiều cán bộ, đảng viên lo vun vén lợi, quyền cho cá nhân, gia đình, họ tộc, địa phương mình, đơn vị mình, cho cuối đời mình... hơn là chăm lo việc tập thể, việc cơ quan, việc dân, việc nước; chỉ lo đời sống vật chất, coi nhẹ đời sống tinh thần, giữ gìn tư cách đảng viên; chỉ lo trước mắt, không quan tâm đến những vấn đề cơ bản lâu dài. Lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ, bản vị cục bộ không chỉ thể hiện trong một số đảng viên trẻ mà cũng thể hiện khá phổ biến trong cán bộ, đảng viên nói chung, nhất là trong cán bộ thuộc bộ máy công quyền và các tổ chức kinh tế...

Đặc biệt, tệ quan liêu, lãng phí, tham nhũng, lối sống xa hoa, hưởng lạc, tình trạng bòn rút của công, hối lộ, "ăn chặn", "ăn chia" trong một số cán bộ có chức có quyền diễn ra khá phổ biến, phát triển ngày càng nghiêm trọng, thậm chí thành đường dây, có móc nối trên dưới, trong ngoài, gây bất bình trong xã hội. Gia đình của một số cán bộ có chức, có quyền lợi

dụng thần thế người thân hưởng đặc quyền đặc lợi, vi phạm pháp luật, làm giàu bất chính, đang là mối băn khoăn sâu sắc của xã hội. Tình trạng kèn cựa địa vị, sự gắn kết giữa cá nhân vụ lợi với cá nhân địa vị đã gây ra mất đoàn kết nội bộ trong một số cán bộ có chức, có quyền, nhất là những người đứng đầu một số tổ chức đảng và cơ quan nhà nước đã làm suy yếu tổ chức, mất tín nhiệm với nhân dân.

Lối sống cơ hội còn diễn ra dưới nhiều hình thức; tình trạng "móc ngoặc", "chạy chọt" trước khi bầu cử, bổ nhiệm cán bộ, thi cử, điều tra, thanh tra, xét xử, phân phối ngân sách, dự án đầu tư, giao thầu, cấp "cô ta", thuế xuất nhập khẩu, xét duyệt đề tài, cấp viện trợ... để chạy "chức", chạy "quyền", chạy "chỗ", chạy "lợi", chạy "tội",... đang phát triển.

Một số người vào Đảng vì động cơ chức quyền, danh lợi, chưa có sự giác ngộ đúng đắn về lý tưởng cách mạng. Nhiều cán bộ, đảng viên thụ động, ít quan tâm đến chính trị và rèn luyện đạo đức cách mạng. Bản lĩnh chính trị, tính gương mẫu, "tấm gương" về tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, lối sống trong sạch, giản dị của không ít cán bộ, đảng viên bị mờ nhạt.

- Trong đội ngũ cán bộ, đảng viên đang có sự cách biệt về thu nhập không hợp lý ngày càng sâu sắc, sự phân phối thu nhập thiếu công bằng. Những người chân chính phẫn nộ trước những kẻ lợi dụng chức quyền hoặc những sơ hở, yếu kém trong luật pháp, trong quản lý để làm giàu bất chính. Đức hy sinh, tình đồng chí, lòng nhân ái bị suy giảm và mất chuẩn mực, thậm chí có người còn dùng những thủ đoạn nham hiểm để hãm hại nhau. Tình trạng thiếu bình đẳng diễn ra khá phổ biến; cách cư xử giữa cấp trên và cấp dưới

còn quan cách, thiếu hòa đồng. Nhiều nơi báo cáo không phản ánh đúng thực tế, có khi thiếu trung thực, cấp trên thường khen cấp dưới nhiều hơn là phê phán, trên dưới chưa nói thật, nói hết với nhau... gây nên tình trạng thiếu cởi mở, thiếu tin cậy nhau.

- Một số cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người có chức, có quyền quan liêu, sống xa cách dân; không sát cơ sở, ít tới những vùng khó khăn xa xôi; nhiều chuyến đi công tác có tính hình thức, phô trương, tốn kém nhiều tiền của.

Trong nội bộ Đảng ở một số nơi tiềm ẩn mâu thuẫn, mất đoàn kết khá nghiêm trọng chủ yếu vì chức quyền, lợi lộc, nhất là giữa những cán bộ chủ chốt. Có trường hợp vì mâu thuẫn cá nhân mà tập hợp lực lượng, hình thành bè cánh trong Đảng và trong nhân dân để chống đối nhau, gây mất đoàn kết trong Đảng và mất ổn định xã hội.

Ở một số nơi có tình trạng thiếu thông cảm, thậm chí mâu thuẫn giữa một số đồng chí đã nghỉ hưu và một số đồng chí đương nhiệm, giữa một số đồng chí tiền nhiệm với một số đồng chí đương chức.

2. Những nguyên nhân chủ yếu của tình hình yếu kém nêu ở trên là:

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên sống buông thả, thiếu tự giác rèn luyện, tu dưỡng, thậm chí thủ tiêu tính tiền phong gương mẫu trong điều kiện mới; ý thức và năng lực nêu gương trong Đảng, giữa cấp trên đối với cấp dưới, giữa cấp ủy đối với đảng viên và giữa đảng viên đối với quần chúng ở một số nơi rất kém. Trong khi đó, sự quản lý và kiểm tra, trước hết của chi bộ đối với đảng viên, của cấp ủy đối với cấp ủy viên lại lỏng lẻo. Việc tổ chức nhân dân tham gia giám sát,

giáo dục cán bộ, đảng viên làm không thường xuyên và chưa tốt. Do đó, một số cán bộ, đảng viên nói theo đạo lý của Đảng nhưng lại làm khác, sống khác, thể hiện tốt ở cơ quan nhưng lại không tốt ở gia đình, ở khu dân cư và khi đi công tác ở nước ngoài. Tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống chưa được kiểm soát chặt chẽ và chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

- Chủ nghĩa thực dụng phát triển vừa là thực trạng tình hình lại vừa là nguyên nhân. Nó có cơ sở kinh tế sâu xa, khách quan, từ mặt trái của việc áp dụng cơ chế thị trường, đang làm thay đổi thước đo, chuẩn mực giá trị đạo đức. Trong khi đó thì yêu cầu và biện pháp tiếp tục giáo dục, rèn luyện và kiểm tra cán bộ, đảng viên lại không kịp thời, chưa đủ mức, không tương xứng với đặc điểm và điều kiện của thời kỳ mới.

- Nhiều cấp ủy và tổ chức đảng chưa coi trọng đúng mức và chưa có biện pháp hữu hiệu để giáo dục, rèn luyện, kiểm tra đội ngũ cán bộ, đảng viên về đạo đức cách mạng trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, chưa quán triệt và xử lý tốt mối quan hệ giữa đức và tài trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo yêu cầu của thời kỳ mới, từ tuyên truyền, kết nạp, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng đến sắp xếp, sử dụng, đề bạt cất nhắc, quản lý, kiểm tra, xử lý khi có vi phạm...; đó là một nguyên nhân quan trọng hàng đầu về tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống trong Đảng. Để nạn tham nhũng phát triển tràn lan và nghiêm trọng, có những vụ việc xử lý không nghiêm minh, không kịp thời là biểu hiện hữu khuynh của các cấp ủy, trước hết là của Bộ Chính trị.

- Suy thoái vốn là nguy cơ của Đảng cầm quyền, mà biểu hiện phổ biến, dễ nhận thấy là quan liêu, cửa quyền, phô trương

lãng phí, tham nhũng. Trong những ngày sôi sục cách mạng giải phóng, giành chính quyền, thì tất yếu đảng viên gắn bó chặt chẽ với nhân dân, sống và chiến đấu vì dân, do dân. Trong điều kiện cầm quyền, xây dựng đất nước trong hòa bình, nhiều cán bộ, đảng viên không tiếp tục rèn luyện, nêu cao phẩm chất của người chiến sĩ cộng sản, cho nên một số đồng chí đã biến quyền lực thành lợi ích vật chất cá nhân, sống trên dân, xa cách nhân dân.

Trong điều kiện vốn có nguy cơ suy thoái, nhưng nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật, trước hết về kinh tế lại chưa đầy đủ hoặc có sơ hở, thậm chí sơ hở kéo dài, tình trạng đặc quyền đặc lợi nhưng trách nhiệm không rõ ràng, đặc biệt cơ chế "xin, cho" còn nặng nề, đã gây thêm khó khăn cho việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái của cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên có chức, có quyền. Trong tình hình hiện nay, chính sách đãi ngộ, nhất là chính sách tiền lương chưa bảo đảm tái sản xuất sức lao động xã hội, làm cho nhiều cán bộ, công chức phải lo có thu nhập thêm để trang trải chi tiêu, đó cũng là miếng đất tốt cho nạn nhũng nhiễu phát triển phổ biến.

- Trong cơ chế mới, xã hội có nhiều thành phần kinh tế, nhiều chủ thể kinh tế cùng phát triển và cạnh tranh nhau, bên cạnh những mặt tích cực cần khẳng định, phải thấy đầy đủ mặt trái của cơ chế thị trường với sự lôi cuốn của đồng tiền và lợi ích vật chất hằng ngày hằng giờ tác động đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên, kích thích lòng ham muốn tiền tài, địa vị, lối sống xa hoa, hưởng lạc của một số cán bộ, đảng viên trực tiếp nắm quyền, nắm tiền. Tình trạng phân hóa giàu nghèo trong xã hội đang phát triển nhanh, các giai cấp và tầng lớp trong xã hội đang biến động, đều là cơ sở

kinh tế - xã hội khách quan tác động vào các tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên.

- Các thế lực thù địch ráo riết thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" bằng mọi thủ đoạn tinh vi, thâm độc như cám dỗ bằng "tiền bạc", "sắc đẹp", "danh vọng",... để làm hư hỏng cán bộ, hòng thực hiện những âm mưu, ý đồ chính trị đen tối của chúng.

3. Để khắc phục tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

- Mọi cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần *tự rèn luyện, tu dưỡng* về đạo đức, lối sống, *cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư,* gương mẫu giữ gìn phẩm chất người chiến sĩ cộng sản trong điều kiện và môi trường mới, chấp hành nghiêm túc Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Các tổ chức đảng phải tăng cường giáo dục, kiểm tra, quản lý cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống. Đó là biện pháp hàng đầu để tăng sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố mối quan hệ giữa Đảng và dân.

- Không ngừng hoàn thiện các cơ chế, chính sách, pháp luật, trước hết về kinh tế, nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, giải quyết tốt mối quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp, ngành nghề, không để khoảng cách giàu nghèo diễn ra quá lớn, quá nhanh, quá bất hợp lý giữa các vùng, các địa phương, các lĩnh vực công tác và các loại cán bộ; có chế độ lương thưởng, đãi ngộ thống nhất, tương xứng với công việc...; là một yếu tố cơ bản để khắc phục suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực có hiệu quả:

+ Các tổ chức đảng phải tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, nắm vững và tổ chức thực hiện *Pháp lệnh cán bộ, công chức, Pháp lệnh chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, Luật khiếu nại tố cáo* của công dân. Thực hiện những quy định cán bộ, công chức không được làm.

+ Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở (xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp...) và thực hiện Nghị định của Chính phủ về công khai tài chính.

+ Cán bộ, đảng viên thực hiện kê khai tài sản theo quy định của Nhà nước.

+ Quy định cụ thể, chặt chẽ và thực hiện đúng quy định về quà tặng và nhận quà tặng.

+ Thực hiện đấu thầu và công khai hóa về xây dựng các công trình, mua sắm các thiết bị đắt tiền.

+ Công khai hóa và thực hiện các chế độ chính sách được hưởng đối với cán bộ (như sử dụng xe, nhà cửa, đất đai...).

+ Điều chỉnh chính sách phân phối thu nhập hợp lý, thống nhất.

+ Giảm tối đa thiết chế đặc quyền, đặc lợi và cơ chế "xin, cho" để hạn chế tham nhũng, sách nhiễu nhân dân.

+ Tập trung chỉ đạo xử lý các vụ tham nhũng, những người vi phạm, bất kể là ai ở các cấp, các ngành, các đơn vị. Khi có đơn thư tố giác cán bộ tham nhũng, phải cho kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời.

+ Từng cấp, từng ngành phải tập trung xử lý chống tham nhũng, làm tốt ở cấp trên sẽ có tác dụng tích cực đến toàn cục. Các cấp ủy viên và người đứng đầu các cấp, các ngành,

trước hết là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị đều phải chịu trách nhiệm chống tham nhũng ở nơi mình phụ trách. Khi xảy ra tham nhũng ở địa phương, ngành, cơ quan, đơn vị mình phụ trách thì tùy theo mức độ và tính chất nghiêm trọng của nó mà xem xét kỷ luật cấp ủy và người đứng đầu về chế độ trách nhiệm.

+ Phân công một số Ủy viên Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo chống tham nhũng, quan liêu; huy động một số cán bộ trong sạch, có uy tín, có kinh nghiệm giúp việc.

- Cùng với động viên lợi ích vật chất, cần khôi phục và đề cao động lực tinh thần, nêu cao chuẩn mực giá trị đạo đức của cán bộ và con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa, thể hiện trong các chính sách tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý, kiểm tra, đãi ngộ, đánh giá, đề bạt, xử lý cán bộ, đảng viên. Các trường lớp, các phương tiện thông tin đại chúng cần đề cao giá trị đạo đức, lối sống, coi đó vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp phát triển kinh tế. Rèn luyện tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội thực dụng.

- Coi trọng tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến. Chỉ đạo cơ quan truyền thông đại chúng tập trung nêu gương "người tốt, việc tốt"; lên án cái xấu, cái ác, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu và các tệ nạn xã hội. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu tự rèn luyện, giữ gìn bản thân và gia đình, nêu gương trong quần chúng, trước hết đối với quần chúng chung quanh gần gũi.

- Quản lý tốt đội ngũ cán bộ, đảng viên; mọi cán bộ, đảng viên phải thực hiện đúng Điều lệ, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Sớm ban hành những điều đảng viên không được làm.

- Có quy định về quan hệ của đảng viên ở cơ quan với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú; quy định tổ chức nhân dân tham gia xây dựng Đảng, giám sát đảng viên ở cơ quan, đường phố, thôn, xóm, ấp, bản; lấy ý kiến quần chúng ở nơi công tác và nhân dân nơi cư trú góp ý, phê bình cán bộ, đảng viên theo định kỳ hằng năm.

- Cấp ủy phải nắm chắc tình hình và khẩn trương kiểm tra những đơn tố cáo liên quan tới đạo đức, lối sống của từng cấp ủy viên, người đứng đầu các cơ quan, trước hết đối với Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, trưởng ban, bộ trưởng, bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sử dụng đồng bộ hệ thống giám sát cán bộ, đảng viên thông qua sự giám sát của các tổ chức đảng, trước hết là từ chi bộ, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm tập thể giám sát cá nhân, nhất là người đứng đầu; giám sát của nhân dân và các cơ quan đại diện nhân dân; giám sát của công luận... Các cấp ủy và chi bộ phải kiểm tra thường xuyên về phẩm chất đạo đức, lối sống và các mối quan hệ xã hội của cán bộ, đảng viên. Củng cố, bảo đảm các cơ quan thanh tra, kiểm tra, bảo vệ luật pháp trong sạch, vững mạnh để làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Các cấp ủy phân công một số đồng chí trực tiếp chỉ đạo chống tham nhũng, quan liêu, huy động một

số cán bộ, đảng viên trong sạch, có uy tín, có kinh nghiệm giúp việc.

- Tăng cường nghiên cứu về đảng cầm quyền, tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc chỉnh đốn Đảng và những biện pháp khắc phục nguy cơ thoái hóa của Đảng cầm quyền, nhất là trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường, mở cửa hội nhập thế giới, là những cơ sở quan trọng để ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống trong Đảng.

III- MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỔ CHỨC

1. Từ Đại hội VIII đến nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, nhiều cấp ủy và tổ chức đảng ở các cấp đã tăng cường hơn chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, chế độ kiểm điểm công tác theo định kỳ, tiến hành kiểm tra phát hiện và xử lý nhiều vụ vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng, góp phần thực hiện có kết quả các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng...

Tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) và Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng.

Tổ chức bộ máy đảng ở các cấp được kiện toàn một bước, lề lối làm việc được đổi mới, phương tiện hoạt động được bổ sung, ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo và công tác xây dựng Đảng do Đại hội VIII đề ra.

Công tác dân vận của các cấp ủy đảng và các cơ quan nhà nước được tăng cường hơn, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có tiến bộ. Nhiều cấp ủy đảng đã tích cực

chỉ đạo kiểm tra, kiên quyết xử lý một số vụ việc tiêu cực, tham nhũng, vi phạm nghiêm trọng quyền làm chủ của nhân dân, củng cố về tổ chức, bố trí lại cán bộ chủ chốt, sửa đổi lề lối làm việc,... bước đầu ổn định tình hình ở những nơi có vấn đề phức tạp, từ đó quan hệ giữa Đảng và dân từng bước được khôi phục.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tình trạng Đảng bao biện làm thay Nhà nước, vai trò thụ động của Mặt trận và các đoàn thể, sinh hoạt thiếu dân chủ trong hệ thống chính trị được khắc phục một bước. Chức năng và hiệu lực quản lý của Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp được coi trọng. Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp - nơi thể hiện thống nhất quyền lực của nhân dân được phát huy. Tiếp tục tăng cường dân chủ nội bộ và tổ chức lấy ý kiến của các tầng lớp nhân dân trong quá trình chuẩn bị các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thực hiện quy trình dân chủ trong công tác cán bộ.

Tuy nhiên, từ nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng đến bộ máy tham mưu, tổ chức cơ sở đảng và phương thức lãnh đạo của Đảng vẫn còn nhiều tồn tại, vướng mắc, khuyết điểm. Sau đây là một số tồn tại chủ yếu:

- Nhận thức và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ chưa tốt, có những sai phạm. Tình trạng phổ biến hiện nay là dân chủ mang tính hình thức, không ít nơi tập thể chỉ là "bình phong" hợp thức hóa ý kiến của người đứng đầu, thực chất là tập trung độc đoán, thậm chí gia trưởng, chuyên quyền, nhất là ở một số cán bộ lãnh đạo cơ quan đảng, chính quyền và nhiều đơn vị kinh tế. Sự thiếu thẳng thắn, trung thực, giảm

sút tinh thần đấu tranh bảo vệ nguyên tắc của Đảng, bảo vệ chân lý, những biểu hiện cơ hội của một bộ phận cán bộ, đảng viên là miếng đất tốt cho những cán bộ chủ chốt độc đoán áp đặt ý kiến của mình, buộc tập thể phải chấp nhận thông qua. Dân chủ hình thức dẫn đến mất dân chủ trong Đảng, lâu dần đảng viên không muốn đóng góp ý kiến, ngại đấu tranh thẳng thắn, khi quá bất bình thì viết thư nặc danh, mạo danh, hoặc bày cho người khác đấu tranh...

Tình trạng dân chủ hình thức còn thể hiện ở chỗ: trong sinh hoạt của nhiều cấp ủy và tổ chức đảng chuẩn bị không chu đáo, thảo luận qua loa, nghị quyết không cụ thể, không tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động. Thường né tránh các vấn đề gai góc, nói loanh quanh, nói không rõ, nói "vô thưởng vô phạt"... Nhiều vấn đề quan trọng có tính nguyên tắc không được biểu quyết, không được kết luận rõ ràng, hoặc không thảo luận kỹ đã biểu quyết. Do đó, có tình trạng khá phổ biến là trong hội nghị thì nhất trí nhưng ra ngoài lại nói khác hoặc không thực hiện, nói một đằng làm một nẻo; khi đương chức thì không nói hoặc nói kiểu này, khi nghỉ chức vụ hoặc về hưu lại nói kiểu khác; khi còn phụ trách thì không được góp ý, đến khi chuyển công tác, nghỉ hưu thì bị "moi móc"... Có không ít nơi lấy cớ "đề cao dân chủ tập thể", nhưng người đứng đầu cấp ủy, cán bộ chủ chốt các cơ quan, đơn vị không dám đứng ra chịu trách nhiệm, dựa dẫm vào tập thể, không quyết đoán công việc; tình trạng phổ biến hiện nay là trách nhiệm cá nhân chưa thật rõ, hoặc không làm hết chức trách của mình.

Mặt khác, dân chủ không đi đôi với kỷ luật, do đó kỷ cương lỏng lẻo, nói và làm tùy tiện, chấp hành nghị quyết

của Đảng và pháp luật của Nhà nước không nghiêm; có tình trạng vi phạm sinh hoạt dân chủ, tán phát "tờ rơi", thư nặc danh, mạo danh, đưa tin đồn để nói xấu, đả kích, làm mất uy tín nhau, gây nghi ngờ, chia rẽ nội bộ, mất ổn định xã hội.

Nhìn chung, việc chỉ đạo thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ nhiều nơi bị buông lỏng; Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước không được chấp hành nghiêm chỉnh; đặc biệt là tình trạng phát ngôn tùy tiện, truyền bá các quan điểm trái với Cương lĩnh, Điều lệ và nghị quyết của Đảng đang phát triển trong một số người, kể cả một số cán bộ có quá trình tham gia cách mạng lâu năm.

- Sinh hoạt tự phê bình và phê bình nhiều nơi không thành nền nếp, nơi thực hiện thì còn rất nặng về hình thức, kém hiệu quả. Tự phê bình rất yếu, thiếu tinh thần tự giác. Tình trạng phổ biến là xuê xoa, thỏa hiệp, đặc biệt thường né tránh các vấn đề về nhận thức quan điểm, đường lối và thực hiện các nguyên tắc tổ chức của Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu. Ngược lại không ít nơi lại "đấu đá", gây rối nội bộ hoặc trù dập người phê bình thẳng thắn, một số nơi nội bộ không thống nhất, nhưng không nói ra, thủ thế lẫn nhau, đến khi có vấn đề đụng đến cá nhân, khi bầu cử, đề bạt mới "bung ra".

- Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi còn yếu kém tuy rằng nhiều đảng bộ vẫn được công nhận danh hiệu trong sạch, vững mạnh, nhiều đảng viên được công nhận đủ tư cách. Việc đánh giá, phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh chưa đúng thực chất, còn nể nang, hình thức và thành tích chủ nghĩa. Nhiều chi bộ, chi ủy, nhất là ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp... sinh hoạt thất

thường, lỏng lẻo kỷ luật, nội dung nghèo nàn, mất sức chiến đấu, không giữ được vai trò lãnh đạo. Tổ chức đảng ở nhiều xã, phường, cơ quan, đơn vị sự nghiệp... không ngăn chặn được tình trạng cán bộ, đảng viên suy thoái, để xảy ra những vụ việc vi phạm luật pháp rất nghiêm trọng, gây thất thoát lớn tài sản của Nhà nước và của tập thể, không còn đủ uy tín và sức mạnh, bất lực trước các vụ khiếu kiện của nhân dân. Một số chi bộ, nhất là ở cơ quan, đơn vị kinh tế không kiểm soát được những đảng viên thoái hóa về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

- Tổ chức bộ máy đảng và hệ thống chính trị ở các cấp cồng kềnh, chồng chéo, trùng lắp, phân tán. Chất lượng nghiên cứu, tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định, phản biện của các ban đảng còn thấp. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các bộ, ngành, và địa phương còn lúng túng trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ. Nhiều tổ chức chính trị - xã hội còn hành chính hóa, không sát cơ sở và đối tượng vận động.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện, trong đó nổi lên vẫn là sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện vẫn là một khâu rất yếu, vẫn "nói nhiều, làm ít", ra quá nhiều nghị quyết; học nghị quyết và triển khai thực hiện nghị quyết còn tình trạng "tồn đọng" khá phổ biến, nhất là ở cơ sở; có nơi xem việc ra được nghị quyết và phổ biến nghị quyết là xong; chương trình hành động thường rập khuôn, thiếu sáng tạo, thiếu sát hợp với điều kiện cụ thể của cấp mình, ngành mình; một số nơi

thực hiện không nghiêm hoặc có việc lại làm trái với nghị quyết của Đảng.

Công tác kiểm tra của Đảng - một chức năng cơ bản của lãnh đạo, nhìn chung còn yếu kém, nhiều cấp ủy chưa quan tâm đúng mức, kiểm tra không kịp thời, xử lý chưa nghiêm minh, chính xác.

2. Những nguyên nhân chủ yếu của tình hình yếu kém nêu ở trên là:

- Chưa có sự thống nhất nhận thức cao về nguyên tắc tập trung dân chủ. Không ít cán bộ, đảng viên hiểu dân chủ tách rời tập trung, nhấn mạnh một chiều dân chủ hoặc một chiều tập trung. Trên thực tế, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ còn có phần đơn giản. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về nguyên tắc này chưa được đặt ra đúng mức; thiếu những quy định cụ thể, cần thiết mang tính pháp quy về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ phù hợp với từng lĩnh vực, từng ngành, từng cấp, từng nơi. Có nguyên nhân sâu xa, một mặt do mang nặng đặc tính của nền sản xuất nhỏ phân tán, mặt khác lại do trải qua thời kỳ lâu dài quen cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, quen ỷ lại cấp trên, quen chấp hành các hoạt động mang tính hình thức.

Chủ nghĩa cá nhân thực dụng, ích kỷ, vụ lợi phát triển, trong khi đó công tác kiểm tra từ trên xuống và từ dưới lên không thường xuyên, đã ảnh hưởng không tốt tới việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng. Tình trạng tự phê bình và phê bình trong Đảng yếu kém còn có nguyên nhân là trong điều kiện hòa bình, nhiều đảng viên nặng lo cho cuộc sống bản thân và gia đình, nếu tích cực đấu tranh sợ mất việc làm, mất địa vị,

sụt giảm thu nhập, trong khi chưa có cơ chế bảo vệ có hiệu quả người dũng cảm thẳng thắn đấu tranh.

- Tình trạng yếu kém của tổ chức cơ sở đảng có nhiều nguyên nhân, như: chưa nhận thức rõ và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của từng loại cơ sở theo quy định, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện chưa tốt; việc bố trí một số cán bộ chủ chốt chưa đúng; không ít cán bộ chủ chốt thiếu tính đảng, không nghiêm túc chấp hành vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, thiếu chăm lo bồi dưỡng cán bộ cơ sở; chính sách đối với cơ sở tuy đã được nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới...

- Chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm, mối quan hệ lẫn nhau của nhiều tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị chưa được xác định thật rõ và hợp lý, còn phân tán, thiếu thống nhất, dẫn đến bộ máy biên chế cồng kềnh, kém hiệu lực và hiệu quả, vừa bao biện, vừa buông lỏng, không rõ trách nhiệm chính thuộc về ai. Từ Trung ương đến cơ sở đều có tình trạng như vậy.

Những tồn tại về tổ chức bộ máy đảng và hệ thống chính trị, một phần do nhận thức về mô hình tổ chức bộ máy đảng và hệ thống chính trị còn thiếu thống nhất, chưa xây dựng được cơ sở khoa học về tổ chức trong điều kiện một đảng cầm quyền; phần khác có biểu hiện thiếu thận trọng, chủ quan, hoặc cục bộ, bản vị trong công tác kiện toàn tổ chức, dẫn đến trường hợp vì người mà đặt tổ chức, vì có tổ chức ở cấp trên thì phải có tổ chức ở cấp dưới, v.v..

- Sau cùng, ảnh hưởng tới nhiều mặt xây dựng Đảng, đó là chậm tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền

và hệ thống chính trị, nhất là một đảng lãnh đạo trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

3. Để khắc phục tình trạng yếu kém, tồn tại về mặt tổ chức nêu trên, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

- Một mặt nâng cao nhận thức thống nhất trong Đảng về nguyên tắc tập trung dân chủ, đó là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và sinh hoạt đảng, bảo đảm cho sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Mặt khác, phải tiếp tục xây dựng bổ sung quy chế thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ cụ thể theo hướng sinh hoạt thật dân chủ để bảo đảm kỷ cương trong Đảng chặt chẽ hơn.

Giữ vững chế độ sinh hoạt định kỳ của các tổ chức đảng, chuẩn bị chu đáo nội dung các kỳ họp, mở rộng dân chủ, khuyến khích tranh luận thẳng thắn, tôn trọng và tập hợp hết ý kiến của các cấp ủy viên và đảng viên trước khi quyết nghị. Khi có ý kiến khác nhau càng phải thảo luận kỹ càng và đối với những vấn đề quan trọng phải biểu quyết; khi cần thiết có thể cho tiến hành điều tra, khảo sát, làm thí điểm rồi kết luận. Cụ thể hóa nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, cơ chế đa số trong biểu quyết và chế độ trách nhiệm của người đứng đầu khi có sai lầm về chủ trương công tác và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước kém hiệu quả kéo dài hoặc khi cán bộ do cấp mình quản lý có sai lầm; quy định cụ thể về bảo lưu ý kiến, phát

biểu đầy đủ ý kiến bảo lưu trong chi bộ, trong cấp ủy và ở một số cơ quan lý luận thích hợp.

Định kỳ tổ chức sinh hoạt chính trị, học tập lại Cương lĩnh, đường lối, Điều lệ Đảng, các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng cho tất cả đảng viên, kết hợp với tự kiểm điểm việc thực hiện của từng người, từng tổ chức.

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, Điều lệ, những quy định, quy chế hoạt động của các cấp ủy và tổ chức đảng. Phải thực hiện tốt hơn nữa chức năng kiểm tra của cấp ủy các cấp.

- Phải xây dựng chế độ tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng từ Trung ương đến cơ sở. Có cơ chế phù hợp để lấy ý kiến quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên theo định kỳ hằng năm, đồng thời bảo vệ người thẳng thắn phê bình, phát hiện sai phạm của cán bộ, đảng viên. Cấp ủy, chi bộ ở các cơ sở phải nghiêm túc cụ thể hóa và lãnh đạo thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở*. Rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy định hiện có, loại bỏ các quy định không còn phù hợp với yêu cầu mở rộng dân chủ và tăng cường kỷ luật của Đảng.

Củng cố đoàn kết thống nhất trong nội bộ từng cấp ủy và tổ chức đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng. Ở những nơi có dấu hiệu mất đoàn kết thì cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, trước hết từng đảng viên ở đó phải có trách nhiệm tự kiểm điểm, tự giải quyết, chỉ rõ trách nhiệm của tập thể, nhất là của người đứng đầu; nếu nghiêm trọng thì phải thay ngay cán bộ chủ chốt và có hình thức xử lý nghiêm minh đối với những người có liên quan trực tiếp và tập thể cấp ủy nơi để xảy ra mất đoàn kết.

- Kiểm tra, bổ sung, hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động cụ thể của các loại hình tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với tình hình mới, đúng Điều lệ Đảng, đúng pháp luật Nhà nước.

Chấn chỉnh nền nếp sinh hoạt chi bộ theo định kỳ, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, phân công và kiểm tra công tác của đảng viên. Đảng viên đang làm công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp... định kỳ 6 tháng một lần tham gia sinh hoạt với tổ chức đảng nơi cư trú để nghe thông báo về tình hình nhiệm vụ, nhận một số nhiệm vụ công tác thích hợp và đóng góp ý kiến với cấp ủy và chính quyền địa phương. Đổi mới công tác phân tích chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, khắc phục cách làm hình thức không phản ánh đúng thực chất.

Tập trung kiện toàn cấp ủy, bố trí đúng bí thư đảng ủy, bí thư chi bộ. Có quy định cụ thể về việc bố trí bí thư, phó bí thư chuyên trách ở các cơ sở trọng điểm, có đông đảng viên và quần chúng, nhất là ở các doanh nghiệp lớn, đơn vị sự nghiệp và cơ quan trọng yếu. Củng cố các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các cấp, nhất là các trường và trung tâm chính trị tỉnh, huyện, bảo đảm cho tất cả đảng viên được dự các cuộc học tập theo chương trình chung hằng năm; tất cả các cấp ủy viên, nhất là các bí thư đảng ủy cơ sở và bí thư chi bộ được nghiên cứu, học tập, nắm vững và thực hiện tốt yêu cầu nội dung, phương pháp công tác đảng ở cơ sở.

Các cấp ủy, chi bộ phải xây dựng khối đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa đảng viên đương chức và đảng viên là cán bộ nghỉ hưu. Có hình thức phù hợp để tiếp tục phát huy năng lực và kinh nghiệm của các cán bộ, đảng viên nghỉ hưu

trong công tác xây dựng Đảng và quản lý nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành, các cơ quan, các cơ sở.

- Tiến hành một bước cải tiến tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy đảng gắn liền với cải cách hành chính nhà nước, sắp xếp hợp lý tổ chức, bộ máy của cả hệ thống chính trị.

Từ nay đến Đại hội IX, kiên quyết sắp xếp tinh gọn một bước bộ máy các tổ chức trong hệ thống chính trị, xây dựng phương án giảm biên chế ở các cơ quan đảng, đoàn thể và cơ quan hành chính nhà nước, góp phần giảm bớt tình trạng cồng kềnh, nặng nề của tổ chức bộ máy thuộc hệ thống chính trị hiện nay. Có chế độ, chính sách hợp lý để thực hiện yêu cầu giảm biên chế.

Việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy đảng cần quán triệt *hai quan điểm* sau:

+ Bộ máy đảng cần phù hợp với điều kiện một đảng giữ vai trò lãnh đạo nhà nước và toàn xã hội, được Hiến pháp quy định. Cần xây dựng tổ chức bộ máy chuyên trách tinh gọn, có chất lượng, đồng thời phát huy đúng mức vai trò của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội làm tham mưu cho Đảng về chủ trương, chính sách, thẩm định, phản biện, kiểm tra đối với những lĩnh vực có liên quan.

+ Không nhất thiết Trung ương có ban nào thì buộc địa phương cũng phải có ban nấy, vì cấp Trung ương là cấp chiến lược, cấp địa phương chủ yếu là cấp vận dụng và chấp hành. Xây dựng đội ngũ cán bộ đảng theo chức danh, tiêu chuẩn quy định. Mở rộng chế độ cộng tác viên của các cơ quan đảng

để góp phần vừa nâng cao chất lượng công tác, vừa tinh giản bộ máy.

Tiến hành sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, lấy hoạt động có hiệu lực, hiệu quả làm mục tiêu. Do đó phải:

+ Xác định chức năng nhiệm vụ rõ ràng, không để chồng chéo.

+ Giảm đầu mối, tầng nấc, tinh giản biên chế.

+ Bám sát cơ sở, sát dân; giữ vững kỷ cương.

+ Ngăn ngừa tệ tham nhũng, quan liêu, giải quyết tốt các khiếu nại, tố cáo.

- Cụ thể hóa hơn nữa về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ và quy chế hoạt động của các ban cán sự đảng và đảng đoàn hiện có. Bổ sung, kiện toàn kịp thời về tổ chức và nhân sự của các ban cán sự đảng, đảng đoàn.

- Nghiên cứu phương án sắp xếp lại đầu mối tổ chức, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của đảng ủy khối hiện nay, quy định chức năng, nhiệm vụ phù hợp với đặc điểm tình hình của đảng bộ khối.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) và Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII).

- Cải tiến việc ra các nghị quyết và quyết định của Đảng. Đảng chỉ ra nghị quyết khi thấy thật cần thiết và lựa chọn đúng vấn đề cơ bản và bức xúc. Tăng cường điều tra xã hội học, thăm dò dư luận và khai thác thông tin từ nhiều nguồn để nắm chắc tình hình mọi mặt, coi đó là một nguồn thông tin quan trọng cho việc chuẩn bị các quyết định. Tiếp tục đổi mới quy trình chuẩn bị các nghị quyết,

chỉ thị của Đảng và phương thức nghiên cứu, triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết ở các cấp. Yêu cầu nội dung nghị quyết đặt ra phải rõ ràng, mọi cấp, mọi ngành có thể thực hiện được, giảm bớt thời gian chờ đợi sự hướng dẫn, cụ thể hóa ở các cấp.

Cấp ủy và tổ chức đảng ở các địa phương, các ngành không ra các nghị quyết chung chung, mô phỏng nghị quyết của Trung ương, phải trên cơ sở nghị quyết của Trung ương, xây dựng các chương trình hành động cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành, từng lĩnh vực, từng cơ sở.

Công khai hóa các nghị quyết, chương trình hành động của cấp ủy, tổ chức đảng có quan hệ đến phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nghĩa vụ và quyền lợi của nhân dân (không thuộc bí mật của Đảng và bí mật quốc gia), nhất là ở các cơ sở, để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra các hoạt động của Đảng, nhằm xây dựng và bảo vệ Đảng.

Khi đã có nghị quyết, phải tập trung chỉ đạo thực hiện có kết quả, tạo chuyển biến thực sự, bảo đảm lời nói đi đôi với việc làm; người không làm, làm không đầy đủ, hoặc làm trái bị phê bình, xử lý kỷ luật một cách nghiêm túc. Các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động ở các cơ quan nhà nước phải lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của Đảng thành pháp luật, chính sách, quyết định về mặt nhà nước, làm cho nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống. Giảm bớt các cuộc họp, hội thảo không cần thiết.

Phải tổ chức chỉ đạo điểm rút kinh nghiệm đối với việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng. Phải sơ kết rút kinh nghiệm, bổ khuyết kịp thời. Phải tổng kết việc thực hiện

nghị quyết trước khi quyết định những chủ trương, nhiệm vụ mới.

Quy định chế độ cán bộ đi cơ sở, nhất là đi tới vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn (vùng sâu, vùng xa, nơi có nhiều khó khăn ở ngay từng cơ sở, từng địa phương).

Kiên quyết thực hiện việc luân chuyển cán bộ theo tinh thần Nghị quyết 3 của Trung ương (khóa VIII).

- Tất cả các cấp ủy và tổ chức đảng đều phải tăng cường thực hiện chức năng kiểm tra, trước hết về ý thức và năng lực chấp hành nghị quyết của Đảng, về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Công tác kiểm tra cần được tiến hành ngay từ khâu chuẩn bị nghị quyết đến các khâu cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết. Tăng cường vai trò, trách nhiệm, quyền hạn và cán bộ có chất lượng cho các cơ quan kiểm tra đảng và thanh tra nhà nước.

- Xúc tiến tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền, về xây dựng Đảng để góp phần đưa công tác đảng vào cuộc sống, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, làm cho Đảng ta luôn xứng đáng với vai trò lãnh đạo và người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sự lựa chọn chủ đề với những nội dung vừa cơ bản vừa cấp bách trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay để Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và ra Nghị quyết là đáp ứng nguyện vọng của toàn Đảng và nhân dân, có ý nghĩa rất quan trọng, song tổ chức thực hiện đồng bộ, kiên quyết, nghiêm túc và hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở là khâu có ý nghĩa quyết

định nhất. Lúc này "nói đi đôi với làm", "nói ít làm nhiều" là yêu cầu khẩn thiết để khôi phục lòng tin của nhân dân.

1. Mở cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (2-9-1999) và kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng (3-2-2000), bắt đầu từ ngày 19-5-1999 đến ngày 19-5-2001, sau đó trở thành cuộc vận động xây dựng Đảng thường xuyên, gồm các nội dung lớn trong *Di chúc* của Bác:

- Coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng;
- Rèn luyện về đạo đức và năng lực cán bộ, đảng viên;
- Xây dựng tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, chăm lo đời sống nhân dân;
- Đoàn kết nội bộ;
- Thực hiện năm lời thề khi vĩnh biệt Bác.

2. Ngay sau Hội nghị Trung ương 6 (lần 2), phải cụ thể hóa thành chương trình công tác xây dựng Đảng của từng cấp; xây dựng các quy chế, các phương án sắp xếp tổ chức, tinh giản biên chế, giải quyết tiền lương. Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị quyết định.

3. Từng Ủy viên Bộ Chính trị, từng Ủy viên Trung ương tiến hành chỉ đạo điểm để thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), có sơ kết, rút kinh nghiệm và bổ khuyết kịp thời để chỉ đạo trong lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách, trước hết về đạo đức, lối sống, chống tham nhũng, nêu gương tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

4. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các cấp ủy trực thuộc Trung ương khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) về "Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay" gắn liền với yêu cầu

lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

5. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, cùng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương xây dựng kế hoạch tăng cường giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, trước mắt tiến hành sinh hoạt tư tưởng sâu rộng trong toàn Đảng nghiên cứu, học tập Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng; có kế hoạch triển khai cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng xây dựng quy định những việc đảng viên không được làm, quy định cụ thể thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng các ban đảng xây dựng hướng dẫn tự phê bình và phê bình trong Đảng, đổi mới sinh hoạt các cấp ủy đảng, xây dựng đề án cải tiến tổ chức bộ máy trong Đảng, gắn liền với cải cách hành chính nhà nước.

Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương xây dựng quy chế bảo vệ chính trị nội bộ gắn với xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Ban Dân vận Trung ương chủ trì trong việc hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng và kiểm tra thực hiện quy chế về mối quan hệ Đảng, Nhà nước với nhân dân, về củng cố Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, quy chế toàn diện về nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.

Văn phòng Trung ương chủ trì xây dựng đề án đổi mới phương thức ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng.

*

* *

Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch tác chiến cụ thể, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cấp ủy đảng thực hiện Nghị quyết của Trung ương.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU (LẦN 2)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Số 09-NQ/TW, ngày 2 tháng 2 năm 1999

Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) họp từ ngày 25-1 đến ngày 2-2-1999, tại Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ:

1. Ban Chấp hành Trung ương nhất trí nội dung cơ bản Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị về một số vấn đề cơ bản và cấp bách về công tác xây dựng Đảng hiện nay và giao Bộ Chính trị hoàn thiện báo cáo trên cơ sở ý kiến đóng góp của Trung ương.

2. Giao Bộ Chính trị căn cứ vào Báo cáo và Bản trình bày ý kiến của Bộ Chính trị, ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương tại Hội nghị và kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương để chỉnh lý và ban hành "Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) một số vấn đề cơ bản và cấp bách về công tác xây dựng Đảng hiện nay".

3. Ban Chấp hành Trung ương nhất trí với Tờ trình của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh nội dung của Hội nghị Trung ương 7 và Trung ương 8 khoá VIII và Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương từ nay đến hết nhiệm kỳ.

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào chủ đề đã được xác định cho Hội nghị Trung ương 7 và Trung ương 8 để chỉ đạo các ban, ngành có liên quan chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương.

4. Ban Chấp hành Trung ương nhất trí với Tờ trình của Bộ Chính trị về kế hoạch chuẩn bị Đại hội IX của Đảng.

Giao Bộ Chính trị chỉ đạo các cơ quan liên quan chuẩn bị cụ thể nội dung của kế hoạch trên để trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII).

5. Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, các cấp ủy và tổ chức đảng ở tất cả các cấp, các ngành tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng Đảng, tạo ra một bước chuyển biến mới trong công tác xây dựng Đảng và chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng ta ngày càng vững mạnh và trong sạch, đủ sức lãnh đạo và tổ chức nhân dân vượt qua mọi khó khăn thử thách, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra, chuẩn bị tốt cho Đại hội Đảng lần thứ IX và đưa đất nước tiến vào thế kỷ XXI một cách vững vàng, xứng đáng với lòng mong mỏi của toàn Đảng, toàn dân.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU (LẦN 2)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Số 10-NQ/TW, ngày 2 tháng 2 năm 1999

Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay

Suốt bảy thập kỷ qua, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân vượt qua bao gian nan thử thách, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, viết tiếp những trang sử vẻ vang của dân tộc. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Những thành tựu đạt được trong quá trình đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, một lần nữa chứng minh sự phát triển và trưởng thành của Đảng. Thế và lực của cách mạng nước ta ngày càng được tăng cường. Thành tựu đó rất to lớn và đáng tự hào.

Tuy nhiên, trước yêu cầu mới ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng, trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém: sự suy thoái về tư tưởng chính trị; tình trạng tham nhũng,

quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không nghiêm, bộ máy tổ chức của Đảng và Nhà nước chậm được củng cố và đổi mới.

Để đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, Đảng phải có biện pháp phát huy ưu điểm, kiên quyết sửa chữa các khuyết điểm, tiếp tục củng cố, chỉnh đốn, để ngày càng vững mạnh về mọi mặt, đặc biệt là về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tổ chức và cán bộ.

Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu các tổ chức đảng và mọi cán bộ, đảng viên từ Trung ương đến cơ sở phải thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã nêu trong báo cáo của Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương, chú trọng những nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức, ý chí và hành động, kiên trì đấu tranh đẩy lùi bốn nguy cơ; đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước; kiên định những vấn đề về quan điểm có tính nguyên tắc sau đây:

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta, dân tộc ta.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; không chấp nhận "đa nguyên, đa đảng".

- Nhà nước Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân, thể hiện khối đại đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

- Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Trong quá trình cụ thể hóa để thực hiện các quan điểm nói trên, tùy từng vấn đề, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và các tổ chức đảng có trách nhiệm tổ chức thảo luận dân chủ, cởi mở, bảo đảm tự do tư tưởng theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

Các cấp ủy chủ động nắm diễn biến nhận thức tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên, thường xuyên cung cấp thông tin, giúp đỡ lẫn nhau tạo sự nhất trí về quan điểm, đường lối của Đảng; kịp thời uốn nắn những lệch lạc; phê phán và xử lý nghiêm minh những đảng viên vi phạm nguyên tắc tổ chức của Đảng đã được tổ chức đảng giúp đỡ nhưng vẫn truyền bá ý kiến riêng, tán phát tài liệu trái với Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng.

2. Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận (trong nước và thế giới), tiếp tục làm rõ hơn những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra, làm rõ hơn mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chuẩn bị cho Đại hội IX của Đảng.

Trước mắt, Trung ương giao Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo nghiên cứu, tổng kết, thảo luận để tiếp tục làm rõ hơn một số vấn đề bức xúc, như: kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; củng cố và đổi mới kinh tế

hợp tác và hợp tác xã; chính sách đối với kinh tế tư nhân và tư bản tư nhân; sắp xếp hệ thống tổ chức bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể, hoàn thiện chế độ tiền lương; kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; hội nhập, hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài với việc giữ vững độc lập tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa; chống chiến lược "diễn biến hòa bình" và những vấn đề bức xúc khác, chuẩn bị cho Đại hội IX.

3. Đổi mới công tác giáo dục trong Đảng và trong xã hội về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Quy định cụ thể chế độ học tập lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên. Kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan nghiên cứu lý luận và hệ thống các trường đảng, nhà nước, đoàn thể. Tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng, trước hết là chất lượng chính trị, văn hoá, khoa học của hệ thống giáo dục, đào tạo, các cơ quan thông tin đại chúng và hệ thống xuất bản.

4. Tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, quản lý, kiểm tra cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống. Cán bộ, đảng viên phải tự giác rèn luyện đạo đức, lối sống cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư; gương mẫu giữ gìn phẩm chất người chiến sĩ cộng sản, đề cao tinh thần đoàn kết, chống chủ nghĩa cá nhân; chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước; đồng thời, chú ý giáo dục, thuyết phục gia đình cùng thực hiện.

Tổ chức cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng:

- Học, nắm vững và tổ chức thực hiện nghiêm túc *Pháp lệnh cán bộ, công chức, Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật khiếu nại, tố cáo;*

- Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế tiếp dân, chế độ công khai tài chính;

- Thực hiện kê khai tài sản theo quy định của Đảng và Nhà nước;

- Thực hiện nghiêm các văn bản pháp quy về đấu thầu và công khai hóa về dự toán, quyết toán xây dựng các công trình, mua sắm thiết bị;

- Công khai hóa và thực hiện đúng các chế độ, chính sách được hưởng đối với cán bộ (như sử dụng xe, nhà, đất...);

- Thực hiện Quy định những việc đảng viên không được làm.

5. Tập trung chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu có hiệu quả.

- Các cấp ủy đảng và người đứng đầu các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở phải chịu trách nhiệm chống tham nhũng ở nơi mình phụ trách. Bộ Chính trị phân công một số Ủy viên Bộ Chính trị, các cấp ủy phân công ủy viên ban thường vụ trực tiếp chỉ đạo chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Khi xảy ra tham nhũng, lãng phí và các hiện tượng tiêu cực ở địa phương, ngành, cơ quan, đơn vị mình phụ trách thì tùy theo mức độ và tính chất vi phạm của vụ việc mà xem xét hình thức kỷ luật đối với cấp ủy và người đứng đầu về chế độ trách nhiệm.

- Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp cùng với các cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm sát, tòa án phải nắm chắc tình hình

và khẩn trương kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời đúng pháp luật những đơn tố cáo về đạo đức, lối sống tiêu cực của cấp ủy viên và người đứng đầu các cơ quan, trước hết đối với Ủy viên Trung ương, trưởng ban, bộ trưởng, bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị.

- Không ngừng hoàn thiện các chính sách, pháp luật, trước hết là về quản lý ngân sách, quản lý tài sản doanh nghiệp, quản lý đất đai nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực. Các chương trình kinh tế - xã hội, văn hoá, an ninh, quốc phòng, đối ngoại đều phải có biện pháp thực hành tiết kiệm và phòng, chống tham nhũng.

- Sử dụng đồng bộ hệ thống giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là sự giám sát của tổ chức đảng, trước hết là từ chi bộ, sự giám sát của nhân dân và các cơ quan đại diện nhân dân, sự giám sát của công luận. Củng cố tổ chức và có cơ chế quản lý chặt chẽ bảo đảm các cơ quan kiểm tra, thanh tra, bảo vệ luật pháp trong sạch, vững mạnh để làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng nêu gương "người tốt, việc tốt", giới thiệu kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến; lên án cái xấu, cái ác, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội; chống những quan điểm sai trái, thù địch.

6. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng.

Nâng cao nhận thức thống nhất trong Đảng về nguyên tắc tập trung dân chủ. Xây dựng và bổ sung các quy định,

quy chế thực hiện nguyên tắc này. Cụ thể hóa nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; chế độ trách nhiệm của người đứng đầu; quy định cụ thể về bảo lưu ý kiến, bảo đảm cho người có ý kiến bảo lưu được phát biểu đầy đủ trong tổ chức đảng và một số cơ quan lý luận thích hợp.

Giữ vững chế độ sinh hoạt định kỳ của các tổ chức đảng, mở rộng dân chủ, khuyến khích tranh luận thẳng thắn; tôn trọng, tập hợp và xem xét để tiếp thu hết ý kiến đúng đắn của các cấp ủy viên và đảng viên trước khi quyết định... Khi có ý kiến khác nhau phải thảo luận kỹ, đối với những vấn đề quan trọng phải biểu quyết; khi cần, phải điều tra, khảo sát, làm thí điểm rồi kết luận. Khi đã có kết luận thì mọi người phải nói và làm theo kết luận; đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số có quyền báo cáo lên cấp trên.

Ở những nơi có biểu hiện mất đoàn kết thì cấp ủy cấp trên phải trực tiếp chỉ đạo việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình; từng đảng viên có trách nhiệm tự kiểm điểm, chỉ rõ trách nhiệm của tập thể, nhất là của người đứng đầu; trường hợp nghiêm trọng thì phải thay ngay cán bộ chủ chốt và có hình thức xử lý thích đáng đối với những người có liên quan.

7. Củng cố tổ chức, tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng.

Kiểm tra, bổ sung, hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động cụ thể của các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

Chấn chỉnh nền nếp sinh hoạt chi bộ, phân công và kiểm tra công tác đảng viên. Đảng viên đang công tác ở các cơ quan,

doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở nơi cư trú theo quy định cụ thể của Bộ Chính trị và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Đổi mới công tác phân tích chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, khắc phục cách làm hình thức, chiếu lệ, thành tích chủ nghĩa.

Tiếp tục kiện toàn cấp ủy, nhất là bí thư cấp ủy. Các cấp ủy phân công bí thư, phó bí thư và ủy viên thường vụ phụ trách các cơ sở trọng điểm.

8. Sắp xếp lại tổ chức, bộ máy đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Từ nay đến Đại hội IX, kiên quyết sắp xếp một bước bộ máy các tổ chức trong hệ thống chính trị, giảm biên chế ở các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan đảng, đoàn thể. Có chế độ, chính sách hợp lý để thực hiện yêu cầu giảm biên chế, cải tiến chính sách tiền lương.

Bộ Chính trị chỉ đạo các cơ quan có liên quan nghiên cứu, chuẩn bị đề án về vấn đề này để trình Hội nghị Trung ương 7.

Kiên quyết thực hiện các quy chế về cán bộ, nhất là về luân chuyển, điều động cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII).

Quy định chế độ cán bộ đi cơ sở, nhất là đi đến các vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn.

9. Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (2-9-1969 – 2-9-1999) và kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng (3-2-1930 – 3-2-2000).

Cuộc vận động này tiến hành từ ngày 19-5-1999 đến ngày 19-5-2001, sau đó trở thành nền nếp, thường xuyên xây dựng và chỉnh đốn Đảng thực hiện *Di chúc* của Bác, nhằm nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng.

10. Cải tiến việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng.

Tiếp tục đổi mới cách ra nghị quyết và chỉ thị của Đảng. Đảng chỉ ra nghị quyết, chỉ thị khi thật cần thiết. Nghị quyết phải ngắn gọn, rõ ràng, các cấp ủy và tổ chức đảng từng ngành có thể thực hiện được ngay, giảm bớt thời gian chờ đợi hướng dẫn, cụ thể hóa ở các cấp; trên cơ sở nghị quyết của Trung ương, xây dựng nghị quyết của cấp mình bằng các chương trình hành động cụ thể, phù hợp. Khắc phục ngay việc ra các nghị quyết chung chung, mô phỏng nghị quyết của Trung ương.

Công bố công khai các nghị quyết, chương trình hành động của cấp ủy, tổ chức đảng (nhất là cấp cơ sở) có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nghĩa vụ và quyền lợi của nhân dân (không thuộc bí mật của Đảng và Nhà nước), để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra các hoạt động của Đảng, xây dựng và bảo vệ Đảng.

Khi đã có nghị quyết, phải tập trung chỉ đạo thực hiện có kết quả, tạo chuyển biến thực sự, bảo đảm lời nói đi đôi với việc làm. Cá nhân và tổ chức không làm, làm không đầy đủ, hoặc làm trái phải bị phê bình, xử lý kỷ luật. Tổ chức chỉ đạo, sơ kết rút kinh nghiệm, bổ khuyết kịp thời đối với việc triển

khai thực hiện nghị quyết của Đảng. Tổng kết việc thực hiện nghị quyết trước khi quyết định những chủ trương, nhiệm vụ mới. Các cấp ủy, tổ chức đảng phải tăng cường kiểm tra việc chấp hành nghị quyết của Đảng. Từ Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương đến các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành phải thực sự đi sâu kiểm tra, đôn đốc, nắm chắc tình hình thực hiện các nghị quyết của Đảng, khơi dậy nhân tố mới, uốn nắn lệch lạc, kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh; bớt giấy tờ, hô hào chung chung, qua nhiều tầng nấc trung gian. Cấp dưới phải báo cáo kịp thời, đầy đủ và trung thực tình hình lên cấp trên.

Bộ Chính trị chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chương trình kế hoạch cụ thể về xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Các cấp ủy và tổ chức đảng căn cứ vào kế hoạch chung để xây dựng chương trình hành động của cấp mình, ngành mình. Từng Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành gương mẫu thực hiện và chỉ đạo thực hiện thật tốt Nghị quyết này gắn liền với lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở lĩnh vực và địa bàn mình phụ trách.

*
* *

Ban Chấp hành Trung ương tin tưởng rằng, với truyền thống và bản chất tốt đẹp của Đảng, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng, nhất định chúng ta sẽ thực hiện tốt Nghị quyết của Trung ương Đảng lần này, tạo ra một bước

chuyển biến mới trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, làm cho Đảng ta ngày càng vững mạnh và trong sạch, đủ sức lãnh đạo và tổ chức nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra, đưa đất nước vững bước vào thế kỷ XXI, xứng đáng với lòng mong mỏi của toàn Đảng, toàn dân.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2)
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr.23-37.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU (LẦN 2)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII

Ngày 2 tháng 2 năm 1999

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương,
Thưa Hội nghị,

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) có nhiệm vụ: kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII về công tác xây dựng Đảng. Trên cơ sở sự kiểm điểm nghiêm túc ấy, đề ra các chủ trương, các giải pháp đảm bảo chấp hành có hiệu quả các yêu cầu, nhiệm vụ cơ bản và cấp bách của công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ mà Đại hội VIII và các nghị quyết Trung ương đề ra, làm cho công tác xây dựng Đảng thực sự là nhiệm vụ then chốt.

Đảng ta là đảng cầm quyền, Điều lệ Đảng đã xác định: Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ Đại hội. Do đó, mọi vấn đề liên quan đến sự nghiệp của đất nước, của Đảng, liên quan đến hạnh phúc,

nguyện vọng và đời sống của nhân dân phải được Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và quyết định.

Nhiệm vụ ấy đòi hỏi các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương phải thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, phải thật sự dân chủ, không né tránh, nể nang, thẳng thắn thảo luận, tranh luận đến nơi đến chốn, chân thành và cởi mở, với động cơ trong sáng vì dân, vì nước, với trách nhiệm cộng sản cao quý, với tinh thần đồng chí, tự phê bình và phê bình, tin yêu tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhau.

Qua thảo luận dân chủ phải đi đến các kết luận, các quyết định rõ ràng, đúng đắn, phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta. Dựa trên các quyết định ấy, huy động đồng bộ hệ thống chính trị, vận động nhân dân tổ chức thực hiện bằng được và có hiệu quả. Đó là tập trung dân chủ. Đó cũng là sức sống, sức lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng ta.

Hội nghị Trung ương lần này đã thể hiện nguyên tắc và quyết tâm ấy.

Các đồng chí Ủy viên Trung ương đã phát huy trách nhiệm của mình, tập trung trí tuệ và tinh thần chủ động, thảo luận dân chủ, cởi mở, lắng nghe ý kiến của nhau và thẳng thắn phê bình Bộ Chính trị, có chất vấn, có trả lời, có tự phê bình, có đấu tranh chỉ ra khuyết điểm, có phân tích tình hình, có nêu ra các giải pháp. Nhờ vậy, việc đánh giá tình hình và nguyên nhân đúng đắn hơn, chủ trương và giải pháp tập trung hơn, thực tiễn và khả thi hơn.

Mặc dù còn phải cố gắng nhiều hơn nữa, nhưng có thể khẳng định rằng Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã đạt được các yêu cầu đề ra.

Thưa các đồng chí,

Để chấp hành Nghị quyết Đại hội VIII về công tác xây dựng Đảng, qua các kỳ hội nghị, Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra chiến lược giáo dục và đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực con người, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, mà chúng ta hiểu rằng đó chính là nền tảng tạo ra lực lượng chiến đấu của Đảng; đã xác định chiến lược cán bộ trong giai đoạn mới, một bộ phận cực kỳ quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng; chiến lược văn hóa để tiếp tục xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; đã kịp thời phân tích tình hình quốc tế và trong nước, đề ra các chủ trương và giải pháp thúc đẩy nền kinh tế phát triển ổn định và vững chắc, tìm mọi cách hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ hiện nay; tiếp tục hoàn chỉnh quan điểm và chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; lãnh đạo xây dựng quy chế cụ thể để phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tập trung giải quyết các vấn đề phức tạp và kéo dài nảy sinh trong mối quan hệ giữa nhân dân và cán bộ, đảng viên ở một số đảng bộ, tiếp tục củng cố khối đoàn kết toàn dân; lãnh đạo xúc tiến công tác kiểm tra và thanh tra; tiếp tục đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, nguyên tắc tổ chức, Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối của Đảng, uốn nắn những nhận thức mơ hồ, lệch lạc, phê phán các quan điểm sai trái và luận điểm phản động, chống đối của những người cơ hội chính trị và của các thế lực thù địch.

Nhờ vậy mà sự nghiệp đổi mới tiếp tục thu được những thành tựu to lớn và rất quan trọng, thế và lực của nước ta được tăng cường.

Nhưng nghiêm khắc nhìn lại, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII về xây dựng Đảng cũng có nhiều khuyết điểm. Đó là:

- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị chưa kiên quyết tổ chức thực hiện có hiệu quả các yêu cầu, nhiệm vụ cơ bản và cấp bách về công tác xây dựng Đảng do Cương lĩnh, Điều lệ Đại hội VIII của Đảng và các nghị quyết của Trung ương đề ra.

Chúng ta không thể lấy lý do là phải lo tập trung xử lý các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự, an ninh, đối ngoại nên không còn thời gian để chăm lo công tác đảng. Thực tế ở lĩnh vực nào, địa phương nào, đảng bộ nào vấp phải yếu kém, để lại những hậu quả nghiêm trọng chính là do coi nhẹ công tác đảng. Hoặc làm chiếu lệ, hình thức, tách rời các mặt hoạt động về kinh tế - xã hội với công tác đảng, biến công tác đảng chỉ còn là công tác đảng vụ, công tác hành chính.

- Để tồn tại sự chưa thống nhất cao về một số vấn đề quan hệ tới quan điểm, đường lối cụ thể của Đảng. Mặc dù biết rằng còn có nhiều ý kiến khác nhau trong quá trình vận dụng đường lối trong hoạt động thực tiễn, nhưng Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị chưa dành đủ thời gian cần thiết để thẳng thắn thảo luận đi đến thống nhất; hoặc có làm nhưng còn quá ít, chưa đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống.

Tổng kết thực tiễn, suy cho cùng, chính là nêu ra các vấn đề còn có ý kiến khác nhau để làm sáng tỏ, cụ thể hóa và phát triển đường lối, giải đáp các câu hỏi nóng hổi của đời sống. Công việc đó chính là công việc của Bộ Chính trị và của Ban Chấp hành Trung ương.

- Quan liêu, không sát tình hình, đôn đốc và kiểm tra còn kém, nhiều vụ việc xử lý không kiên quyết và kịp thời. Dân chủ ở nhiều nơi còn hình thức. Kỷ luật không nghiêm. Nể nang, thỏa hiệp, tinh thần đấu tranh nội bộ yếu, tự phê bình và phê bình trong Đảng không nghiêm túc và thường xuyên.

Những khuyết điểm ấy, Bộ Chính trị xin chịu trách nhiệm và nghiêm khắc tự phê bình trước Trung ương và toàn Đảng.

- Các cấp ủy, đảng bộ và tổ chức cơ sở đảng chấp hành các nghị quyết về xây dựng Đảng chưa nghiêm, một số nơi còn buông lỏng.

- Đảng viên thiếu sự tu dưỡng, rèn luyện, học tập thường xuyên, chưa tích cực tham gia công tác đảng và công tác vận động quần chúng, thiếu gương mẫu, thiếu tính chiến đấu, ý thức tự giác chịu sự quản lý của tổ chức đảng còn yếu, để cho chủ nghĩa cá nhân phát triển.

Nhìn chung lại, do những khuyết điểm trên, việc chống tệ tham nhũng, quan liêu và thực hành tiết kiệm chưa đáp ứng được mong mỏi của nhân dân và bản chất của chế độ ta; bộ máy tổ chức đảng, nhà nước và các đoàn thể chậm củng cố và đổi mới; các chính sách thực hiện không đến nơi đến chốn. Chậm nghiên cứu ban hành một số chính sách phục vụ sản xuất và đời sống; công tác lý luận, đấu tranh tư tưởng, chính trị thiếu chiều sâu và sắc bén; việc bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện, kiểm tra và giám sát cán bộ hiệu quả hạn chế. Vì vậy mà khắc phục chậm các hiện tượng: phai nhạt lý tưởng, dao động, nghiêng ngả trước các tình huống phức tạp, mơ hồ về bản chất giai cấp công nhân của Đảng, cơ hội dưới nhiều hình thức, suy thoái về đạo đức và lối sống, lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, sách nhiễu,

ức hiếp nhân dân, gia trưởng độc đoán, tham vọng cá nhân, kèn cựa địa vị, kém kỷ luật, phát ngôn và làm việc tùy tiện, thiếu tinh thần trách nhiệm, gây mất đoàn kết nội bộ mà Nghị quyết Đại hội VIII và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã phê phán. Thậm chí những hiện tượng ấy có mặt tiếp tục phát triển, gây hậu quả nghiêm trọng, làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch chống phá, thực hiện "diễn biến hòa bình" đối với Đảng ta, chế độ ta.

Như vậy, những khuyết điểm và tồn tại ấy là nghiêm trọng, không thể xem thường.

Thưa các đồng chí,

Qua tập thể thảo luận ở Hội nghị Trung ương và với sự đóng góp đầy tâm huyết của các đồng chí lão thành cách mạng, các vị nhân sĩ, trí thức và đoàn thanh niên, theo nguyện vọng của nhân dân và đảng viên, quyết định đầu tiên và quan trọng nhất của Hội nghị Trung ương lần này là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và toàn Đảng phải sửa chữa khuyết điểm vừa qua, kiên quyết chấp hành và tổ chức thực hiện bằng được các yêu cầu, nhiệm vụ cơ bản và cấp bách mà Đại hội VIII và các nghị quyết Trung ương đã đề ra về công tác xây dựng Đảng.

Một là, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng, của cách mạng đã được ghi trong Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và Nghị quyết Đại hội VIII. Mọi đảng viên phải nói và làm theo đúng nghị quyết của Đảng, không được truyền bá những quan điểm cá nhân.

Hai là, theo sự ủy nhiệm của Trung ương, Bộ Chính trị khẩn trương chuẩn bị để đưa ra Trung ương thảo luận các vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong quá trình vận dụng đường lối, về tổ chức bộ máy đảng, nhà nước, các đoàn thể và các quy định quan trọng khác.

Theo tinh thần này, Bộ Chính trị sẽ trực tiếp chỉ đạo và đầu tư nhiều hơn cho công tác lý luận, tổng kết thực tiễn, giải quyết các vấn đề mà lâu nay ý kiến còn khác nhau và cũng là để chuẩn bị cho Đại hội IX.

Trong quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các đảng bộ nhận thấy cần phải thí điểm rút kinh nghiệm vấn đề gì thì tập thể cấp ủy thảo luận, đề xuất phương án, báo cáo lên Trung ương để xin ý kiến.

Bộ Chính trị và các cơ quan trung ương có nhiệm vụ trả lời, tôi đề nghị quy định chung là không quá một tháng. Sau một tháng, nếu không trả lời, cơ quan đề xuất có quyền tiến hành dự án thí điểm.

Ba là, cải tiến phong cách và lề lối làm việc từ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đến các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng; bố trí thời gian trực tiếp gặp gỡ nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, tháo gỡ các vướng mắc; trong các lần sinh hoạt của cấp ủy phải bám chắc nghị quyết của Đảng và thực tiễn cuộc sống, nêu đúng các vấn đề để tập thể bàn bạc, quyết định; từ Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách các lĩnh vực đến các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành phải tăng cường kiểm tra, qua đó mà hiểu được những nhân tố mới, những sáng tạo mới, phát huy ưu điểm, uốn nắn các lệch lạc; khắc phục bệnh quan liêu, giấy tờ, qua nhiều tầng nấc trung gian, xa thực tế...

Bốn là, tích cực đổi mới phương pháp tiến hành hội nghị, đổi mới cách ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Trước mắt, Hội nghị này Trung ương ra nghị quyết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ làm, dễ quán triệt cho cấp dưới và có các quy định, các kế hoạch cụ thể kèm theo. Tinh thần này phải được quán triệt tới tất cả các cấp ủy và tổ chức đảng; các cấp ủy, tổ chức đảng cũng phải thay đổi cách ra nghị quyết: dựa vào nghị quyết của cấp trên, đối chiếu với tình hình thực tế của ngành, địa phương và đơn vị mà cụ thể hóa thành các chương trình và biện pháp thiết thực để thực hiện.

Năm là, mở cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tiến hành tự phê bình và phê bình từ ngày 19-5-1999 đến ngày 19-5-2001. Mục đích là để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo, nâng cao uy tín và thanh danh Đảng; thực hiện quan hệ máu thịt với nhân dân, Đảng - dân một ý chí.

Thưa các đồng chí,

Ngày mai, mồng 3 tháng 2 là kỷ niệm 69 năm Đảng ta ra đời. Với lòng khao khát tìm đường cứu nước, Bác Hồ đã bôn ba khắp năm châu bốn biển và Bác đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, nhận thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin cẩm nang thần kỳ để giải phóng đồng bào đang bị đọa đày đau khổ. Người hiểu rằng để thực hiện con đường giải phóng ấy, trước hết phải có Đảng cách mệnh. Kiên trì kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào yêu nước và phong trào công nhân, Người đã sáng lập ra Đảng ta. Và từ khi Đảng ra đời, Người dồn hết tâm lực vào sự nghiệp xây dựng, giáo dục,

rèn luyện, củng cố và chỉnh đốn Đảng, bảo đảm Đảng làm tròn sứ mệnh là bộ tham mưu lãnh đạo và đội tiền phong chiến đấu của giai cấp công nhân và của dân tộc, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta.

Chúng ta vô cùng xúc động khi nhớ lại những lời Bác nói trong dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng.

Bác nói:

"Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: *Đảng ta thật là vĩ đại!*"[1].

"Từ ngày mới ra đời, Đảng ta liền giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Màu cờ đỏ của Đảng chói lọi như mặt trời mới mọc, xé tan cái màn đen tối, soi đường dẫn lối cho nhân dân ta vững bước tiến lên con đường thắng lợi"[2].

Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông - Nam Á; đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tiến hành công cuộc đổi mới.

Trong một bối cảnh quốc tế cực kỳ phức tạp, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, cách mạng xã hội chủ nghĩa lâm vào thoái trào, các thế lực thù địch điên cuồng thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng,

---

1), 2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.400, 401 *(B.T)*.

nhân dân ta đã kiên cường, độc lập tự chủ, năng động và sáng tạo thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới. Đảng đã lãnh đạo nhân dân vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài 15 năm, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng.

Từ Đại hội VIII đến nay, kiên định đường lối đổi mới, chúng ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tiếp tục giữ vững và phát triển những thắng lợi đã đạt được, hạn chế được ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ hiện nay.

Không chỉ trong giai đoạn cách mạng trước, mà ngay sau chiến thắng 30-4-1975, chúng ta đã trải qua những tình huống khó khăn phức tạp, như khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý... Trong phong ba bão táp, Đảng ta đã kiên định, vững vàng, không từ bỏ mục tiêu, lý tưởng, không run sợ trước áp lực của kẻ thù, không nhụt chí trước những khó khăn chồng chất, không hạ thấp vị trí tiền phong chiến đấu và trách nhiệm là người lãnh đạo, người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng, một lòng tận tụy phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Hàng chục vạn đảng viên trước kia cũng như hiện nay đã mãi mãi để lại những tấm gương quên mình, âm thầm và oanh liệt. Bởi thế mà suốt gần 70 năm nay, nhân dân đặt trọn niềm tin vào Đảng, thừa nhận Đảng là đội tiền phong chính trị, người lãnh đạo chân chính duy nhất của cả dân tộc. Được như vậy là vì như Bác Hồ nói: "Đảng ta là con nòi, xuất thân từ giai cấp lao động"[1)].

---

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.400 *(B.T)*.

Trong cuộc chiến đấu mất còn với kẻ thù, trong gian khổ hy sinh, trong thắng lợi cũng như khi vấp sai lầm, khuyết điểm, Đảng ta vẫn đứng vững trên nền móng của một đứa "con nòi", đó là bản chất công nhân, bản chất của người chiến sĩ cộng sản, nồng nàn yêu nước và thương dân. Giữ vững bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng, khoa học và niềm tin cộng sản dù trong gông cùm, trong máu lửa, trong xây dựng kinh tế hay trong đời sống hằng ngày, trong từng đảng bộ, từng người đảng viên, chính là cội nguồn của mọi thắng lợi.

Ngược lại, khi nào xa rời bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng và niềm tin cộng sản thì khi đó mắc sai lầm, khuyết điểm, thậm chí dẫn đến sai lầm về đường lối.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác Hồ, điều quan tâm trước hết và trên hết của Người là xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng, trong đó, điểm trung tâm là giáo dục lập trường và bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng và niềm tin cộng sản, lòng yêu nước thương dân.

Trong bài báo *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, mãi mãi còn in sâu trong tâm hồn các thế hệ đảng viên, Bác viết:

"Trong lịch sử đấu tranh của Đảng và trong mọi hoạt động hằng ngày, nhất là trên mặt trận chiến đấu và sản xuất, rất nhiều cán bộ, đảng viên ta tỏ ra anh dũng, gương mẫu, gian khổ đi trước, hưởng thụ đi sau và đã làm nên những thành tích rất vẻ vang...

Song bên cạnh những đồng chí tốt ấy, còn có một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém.

Họ mang nặng *chủ nghĩa cá nhân*, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết. Họ không lo "mình vì mọi người" mà chỉ muốn "mọi người vì mình".

Do *cá nhân chủ nghĩa* mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ.

Cũng do *cá nhân chủ nghĩa* mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân.

Tóm lại, do *cá nhân chủ nghĩa* mà phạm nhiều sai lầm.

Để làm cho tất cả cán bộ, đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ cách mạng, Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên. Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên. Chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*"[1)].

---

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.546-547 *(B.T)*.

Trong *Di chúc* để lại cho muôn đời con cháu, trước hết Bác nói về Đảng:

"Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân"[1)].

Bác lại viết:

"Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên *là chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi"[2)].

---

1), 2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.621-622, 616 *(B.T)*.

Để thực hiện tư tưởng và *Di chúc* thiêng liêng của Người, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần này đã quyết định trong thời gian tới tập trung sức thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tiến hành tự phê bình và phê bình từ Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đến cơ sở, là khâu đột phá và là biện pháp có ý nghĩa then chốt đảm bảo cho các giải pháp khác thắng lợi.

Thưa các đồng chí,

Sinh thời, Bác thường căn dặn chúng ta:

"Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ"[1)].

"Tự phê bình và phê bình là thứ vũ khí sắc bén nhất, nó giúp cho Đảng ta mạnh và ngày càng thêm mạnh. Nhờ nó mà chúng ta sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, tiến bộ không ngừng"[2)].

"Chúng ta không sợ có sai lầm và khuyết điểm, chỉ sợ không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Và càng sợ những người lãnh đạo không biết tìm cách đúng để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm và khuyết điểm"[3)].

Đồng bào, chiến sĩ có quyền đòi hỏi cán bộ phải làm tròn nhiệm vụ, có quyền phê bình và chỉ trích cán bộ không làm tròn nhiệm vụ. "*Dân chủ* là dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng. Cho nên phong trào chống tham

---

1), 3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.272, 323 *(B.T)*.

2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.521 *(B.T)*.

ô, lãng phí, quan liêu *ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng* thì mới thành công"[1].

Bác tha thiết kêu gọi:

"Muốn tự phê bình và phê bình có kết quả, cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cao cấp phải *làm gương trước*"[2].

Sự tha thiết của Bác trùng hợp với ý kiến của các đồng chí lão thành cách mạng và các đảng bộ trên toàn quốc. Tất cả mong đợi các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí chủ trì các ban, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố, các tổng công ty, nghĩa là các đồng chí đương nhiệm, đang giữ trọng trách trong bộ máy lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, cơ quan tư pháp, lực lượng vũ trang, các cơ quan nắm quyền lực và tài chính phải thực sự gương mẫu trong cuộc tự phê bình và phê bình lần này.

Trong phê bình và tự phê bình phải có tinh thần đồng chí trong sáng, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau, nghiêm túc mà khoan dung, thấu lý và đạt tình, tự giác, tự nguyện và trung thực, có phê phán, có đấu tranh để xây dựng, để đoàn kết, chính vì đoàn kết, vì nhất trí mà đấu tranh và phê phán, tất cả vì mục tiêu, lý tưởng và lợi ích chung. Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng kèn cựa địa vị, lợi lộc, cũng như đầu óc cục bộ, bản vị hẹp hòi. Ở những nơi có khuyết điểm và mất đoàn kết nghiêm trọng thì cấp trên phải trực tiếp chỉ đạo việc tự phê bình và phê bình, kết hợp chặt chẽ với công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, xem xét, kết luận rõ các sai phạm, kiện toàn tổ chức, khôi phục đoàn kết nội bộ.

---

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.362 *(B.T)*.

2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.459 *(B.T)*.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả cuộc vận động tự phê bình và phê bình, phải coi trọng tự phê bình từ trên xuống và phê bình từ dưới lên.

Đó cũng là đòi hỏi của nhân dân ta đối với Đảng, được nhân dân và dân tộc giao cho sứ mệnh cầm quyền, lo toan mọi công việc của đất nước và hạnh phúc của đồng bào. Bác Hồ từng căn dặn chúng ta: "Các cô, các chú, tất cả đảng viên phải hiểu: nhân dân ta rất ngoan cường, rất tin vào Đảng, nhân dân ta đưa tính mệnh và tài sản gửi cho Đảng"[1)].

Trong chiến đấu khốc liệt và lâu dài đối với kẻ thù hung ác, biết bao nhiêu đồng bào đã đem tính mạng, tài sản của mình để bảo vệ, nuôi dưỡng, đùm bọc đảng viên, cán bộ chính quyền và lực lượng vũ trang ta. Bằng mồ hôi và trí thông minh sáng tạo, nhân dân đã anh dũng, kiên cường làm nên sự nghiệp đổi mới.

Không có sự hy sinh chiến đấu bền bỉ, nước mắt, mồ hôi và máu xương; không có những phẩm chất, trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn của giai cấp công nhân và nhân dân ta thì Đảng ta không tồn tại và phát triển được, không có thắng lợi của kháng chiến trước đây và sự nghiệp đổi mới ngày nay. Công ơn của giai cấp công nhân và nhân dân ta đối với Đảng lớn lao như công ơn sinh thành của cha mẹ.

Nhân dịp kỷ niệm 69 năm Ngày thành lập Đảng, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi xin gửi đến giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, lực lượng vũ trang và toàn thể nhân dân các dân tộc lòng biết ơn sâu sắc.

---

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.17 *(B.T)*.

Xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc, kiên cường sửa chữa sai lầm và khuyết điểm chính là sự đền đáp công ơn đối với nhân dân, với dân tộc.

Sáu mươi chín năm về trước, Tổ quốc ta, đất trời, biển cả, núi rừng mênh mông là thế, nhưng dưới xiềng xích gông cùm của đế quốc phong kiến, trong đêm đen Đảng ta sinh ra như một giọt máu nằm trên cỏ. Từ đêm đen nô lệ ấy, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tạo lập được cơ đồ vẻ vang như ngày nay.

Hạnh phúc của thế hệ chúng ta là được hưởng và kế thừa sự nghiệp vĩ đại mà nhân dân và các bậc tiền bối để lại.

Thế hệ chúng ta có trọng trách phải thực hiện sự nghiệp khó khăn, mới mẻ và vĩ đại hiện nay trong một bối cảnh quốc tế phức tạp, đầy những biến động chưa dự lường hết được.

Nhận thức ý nghĩa sâu xa đó, chúng ta kiên quyết thực hiện bằng được Nghị quyết Đại hội VIII về công tác xây dựng Đảng và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Sức mạnh của Đảng, của mỗi đảng bộ và đảng viên không chỉ ở ưu điểm mà còn ở chỗ nhận rõ và sửa chữa bằng được những vấn đề tồn tại, những sai lầm, khuyết điểm và tự vượt lên chính bản thân mình.

Đảng ta là đạo đức, là văn minh. Tự phê bình và phê bình và kiên quyết sửa chữa khuyết điểm, thực hiện dân chủ là một truyền thống tốt đẹp của Đảng ta.

Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình lần này đáp ứng sự mong mỏi, chờ đợi của toàn Đảng và của nhân dân. Toàn thể nhân dân, các bậc lão thành, các nhà trí thức, thanh niên, công nhân, viên chức nhà nước, các lực lượng vũ trang chắc chắn sẽ nhiệt tình

ủng hộ và góp sức xây dựng Đảng ta, Nhà nước ta trong sạch và vững mạnh.

Từ trước đến nay, bất cứ việc gì đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, của toàn Đảng, được nhân dân và toàn Đảng đồng lòng góp sức thì nhất định thắng lợi.

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) kết thúc trong niềm tin và quyết tâm vững chắc ấy.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, nhân dịp năm mới và kỷ niệm 69 năm Ngày thành lập Đảng, tôi xin chân thành cảm ơn sự cổ vũ và đóng góp cực kỳ quý báu của các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức, các cấp ủy và đảng viên trong cả nước đối với Hội nghị; xin gửi tới đồng bào và đồng chí trong cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài lời chúc mừng năm mới, tiến bộ mới.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương 6 (lần 2). Chúc sức khỏe các đồng chí Cố vấn, chúc sức khỏe các đồng chí Trung ương và toàn thể các đồng chí.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2)
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr.38-61.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU (LẦN 2)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII

Từ ngày 25 tháng 1 đến ngày 2 tháng 2 năm 1999

Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) tiến hành từ ngày 25-1 đến ngày 2-2-1999 tại Thủ đô Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chủ trì Hội nghị, đã đọc các bài phát biểu quan trọng khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt đã dự Hội nghị.

Hội nghị Trung ương tập trung kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và các nghị quyết Trung ương về công tác xây dựng Đảng, đề ra các chủ trương, giải pháp đảm bảo "Đảng phải mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ mới" như Nghị quyết Đại hội VIII xác định.

Hội nghị đã phát huy trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm của từng đồng chí Ủy viên Trung ương, thảo luận dân chủ, thẳng thắn nhiều vấn đề quan trọng và đã nhất trí thông qua

Nghị quyết "Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về công tác xây dựng Đảng hiện nay".

Hội nghị nhấn mạnh, suốt bảy thập kỷ qua, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi gian nan thử thách, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, viết tiếp những trang sử vẻ vang của dân tộc. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đặc biệt những thành tựu giành được trong quá trình đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo đã chứng minh sự phát triển, trưởng thành của Đảng; thế và lực của nước ta được tăng cường. Thành tựu mà chúng ta giành được là rất to lớn và đáng tự hào. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng, trong Đảng cũng đang bộc lộ một số yếu kém, việc chống tệ tham nhũng, quan liêu và thực hành tiết kiệm chưa đáp ứng được mong mỏi của nhân dân và bản chất chế độ ta; bộ máy tổ chức đảng và nhà nước chậm được củng cố và đổi mới. Đảng phải có biện pháp rất kiên quyết sửa chữa các khuyết điểm, tiếp tục củng cố, chỉnh đốn, làm cho Đảng ngày càng vững mạnh về mọi mặt, đặc biệt là về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tổ chức và cán bộ, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc ưu điểm, khuyết điểm, Hội nghị đã đề ra một số nhiệm vụ cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay:

Một là, tăng cường sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động, nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng

Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng, của cách mạng đã được ghi trong Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và Nghị quyết Đại hội VIII; xử lý nghiêm minh, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tập trung lãnh đạo đẩy mạnh công cuộc đổi mới có nguyên tắc, đúng định hướng; đẩy mạnh việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, từng bước làm rõ hơn một số vấn đề bức xúc cũng như những vấn đề lý luận cơ bản về mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tăng cường và đổi mới phương pháp giáo dục cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam; có quy định cụ thể chế độ học tập lý luận chính trị cho mọi cán bộ, đảng viên. Trong sinh hoạt Đảng phải luôn luôn quan tâm đến nhận thức tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên.

Hai là, giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Đảng viên phải tự giác rèn luyện đạo đức, lối sống cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, gương mẫu giữ gìn phẩm chất người chiến sĩ cộng sản, đề cao tinh thần đoàn kết, chống chủ nghĩa cá nhân trong điều kiện và môi trường mới; chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước. Cán bộ, đảng viên phải nêu gương trong quần chúng và giáo dục, thuyết phục gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương và chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Các tổ chức đảng phải thường xuyên quản lý, giáo dục, kiểm tra cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống.

Không ngừng hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm phát triển sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất, giải quyết tốt hơn các quan hệ lợi ích, bảo đảm công bằng xã hội.

Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tiến hành kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên; quy định về quà tặng và nhận quà tặng; công khai tài chính, chế độ, chính sách đối với các loại cán bộ. Sớm ban hành quy định về những điều cán bộ, đảng viên không được làm và có cơ chế kiểm tra, giám sát thực hiện. Có quy chế về quan hệ của đảng viên ở cơ quan với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú; quy chế động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng; sử dụng đồng bộ hệ thống giám sát cán bộ, đảng viên, trước hết là sự giám sát của tổ chức đảng, của chi bộ.

Cùng với động viên lợi ích vật chất, cần khôi phục và đề cao động lực tinh thần, nêu cao chuẩn mực giá trị đạo đức của con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Coi trọng tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến, nêu gương "người tốt, việc tốt", đẩy lùi tiêu cực. Củng cố các cơ quan kiểm tra, thanh tra, cơ quan bảo vệ pháp luật trong sạch, vững mạnh. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu có hiệu quả; xử lý nghiêm minh và kịp thời các vụ tham nhũng đã phát hiện.

Ba là, chấn chỉnh việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng. Củng cố các tổ chức cơ sở đảng. Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể; giảm biên chế và cải cách chính sách tiền lương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Để tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, Hội nghị Ban Chấp hành

Trung ương quyết định: mở đợt sinh hoạt tư tưởng sâu rộng trong toàn Đảng nghiên cứu, học tập Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng, bắt đầu từ ngày 19-5-1999 đến ngày 19-5-2001, và sau đó nội dung cuộc vận động này là nội dung sinh hoạt thường xuyên của Đảng.

Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) biểu thị quyết tâm và trách nhiệm cao trước toàn Đảng, toàn dân, lãnh đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng Đảng trên tinh thần "nói đi đôi với làm", nêu gương tốt, ngăn chặn và đẩy lùi các tiêu cực, trước hết là tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí của công, để Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh, gắn bó với nhân dân, hết lòng phục vụ nhân dân, xứng đáng với lòng mong muốn và sự tin cậy của nhân dân. Hội nghị kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết chặt chẽ, tích cực tham gia xây dựng Đảng, phát huy cao độ lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội năm 1999 và kế hoạch nhà nước 5 năm 1996 - 2000, tạo thế và lực đưa đất nước vững bước vào thiên niên kỷ mới.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾ HOẠCH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 03-KH/TW, ngày 10 tháng 2 năm 1999

Về triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng và tiến trình đổi mới đất nước ta.

Nghị quyết Hội nghị nêu lên một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay trên ba lĩnh vực: nhận thức, tư tưởng chính trị; đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; và một số vấn đề tổ chức, đồng thời mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hai năm (từ ngày 19-5-1999 đến ngày 19-5-2001), tiến tới Đại hội lần thứ IX của Đảng.

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Bảo đảm quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương cũng là quá trình triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Kết quả việc triển khai Nghị quyết

được thể hiện bằng kết quả cuộc vận động, bảo đảm đạt được các yêu cầu sau đây:

- Nâng cao nhận thức về vị trí then chốt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ mới; thực hiện nghiêm túc phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng để Đảng trong sạch, vững mạnh, gắn bó với nhân dân, vững vàng trong mọi tình thế, nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, hoàn thành sứ mạng lịch sử mà nhân dân giao phó, giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; trước mắt thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng.

- Tăng cường rèn luyện đạo đức và nâng cao năng lực cán bộ, đảng viên, bảo đảm cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nêu gương tốt, ngăn ngừa và đẩy lùi một bước quan trọng tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; đấu tranh khắc phục chủ nghĩa cá nhân vụ lợi, địa vị, cục bộ, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình. Tăng cường xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; thúc đẩy mạnh hơn cải cách hành chính. Nêu cao tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, chăm lo đời sống

vật chất và tinh thần của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

II- CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương tiến hành làm mấy bước:

1. *Bước chuẩn bị*: Từ khi có Nghị quyết đến ngày 19-5-1999, tiến hành các việc sau đây:

- Các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn thông báo nhanh những nội dung cơ bản của Nghị quyết cho cán bộ chủ chốt ở địa phương và bộ, ngành Trung ương.

Tài liệu để phổ biến nhanh kết quả Hội nghị là: thông báo Hội nghị, bài bế mạc Hội nghị của đồng chí Tổng Bí thư và bản đề cương thông báo nhanh do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chuẩn bị.

- Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến phê bình của các cơ quan, ban, ngành đoàn thể, tiến hành kiểm điểm, tự phê bình và phê bình tập thể Bộ Chính trị và cá nhân từng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị theo nội dung Kế hoạch số 01-KH/TW.

- Bộ Chính trị thông qua các quy chế: quy định những việc cán bộ, đảng viên không được làm; quy định thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ (do Ủy ban Kiểm tra Trung ương chuẩn bị); quy chế học tập chính trị của đảng viên (do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chuẩn bị), các quy chế về cán bộ (do Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị); kế hoạch đợt sinh hoạt tư tưởng chính trị trong toàn Đảng nghiên cứu,

học tập Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, kế hoạch cuộc vận động chỉnh đốn, xây dựng Đảng (do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cùng các Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chuẩn bị).

Chính phủ ban hành một số quy định cụ thể, thống nhất tiêu chuẩn, chế độ trang cấp phương tiện, vật dụng cho các chức danh cán bộ.

- Trước mắt, thực hiện nghiêm chỉ thị về tiết kiệm, chấm dứt việc biếu xén trong dịp Tết Nguyên đán theo chỉ thị của Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ. Hạn chế đến mức cao nhất các thông tin lễ tân theo quyết định của Thường vụ Bộ Chính trị.

2. *Bước một*: Từ ngày 19-5-1999 đến ngày 2-9-1999:

- Mở hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) trong dịp kỷ niệm lần thứ 109 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời mở đầu cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đồng chí Tổng Bí thư thay mặt Trung ương phát động cuộc vận động nhân lễ kỷ niệm 109 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Tổ chức học tập, nghiên cứu sâu Nghị quyết do các cấp ủy đảng tổ chức.

Tài liệu phục vụ học tập gồm: Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); các bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư khai mạc, bế mạc Hội nghị và tại lễ kỷ niệm 109 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; tài liệu học tập Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Cương lĩnh, Điều lệ Đảng cho các đối tượng do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn.

- Phổ biến kế hoạch của Bộ Chính trị về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và kế hoạch đợt sinh hoạt tư tưởng chính trị về Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; phổ biến các quy định do Bộ Chính trị và Thủ tướng quyết định.

- Các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn có chương trình hành động và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) gắn với tiếp tục thực hiện các nghị quyết Trung ương 2, 3, 4, 5, 6 (lần 1) và thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, ngành; đồng thời tổ chức, động viên phong trào thi đua yêu nước, phong trào xây dựng đời sống văn hóa, chuẩn bị Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc trong thời kỳ đổi mới vào cuối năm 2000. Tiến hành tự phê bình và phê bình theo Kế hoạch 01 của Bộ Chính trị.

3. *Bước hai*: Từ ngày 2-9-1999 đến ngày 3-2-2000 (từ kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh tới kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng).

- Phát động toàn Đảng, toàn dân học tập và làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và 5 lời thề trong lễ truy điệu Người, với nội dung mà Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã quyết định: coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng; rèn luyện về đạo đức và năng lực cán bộ, đảng viên; xây dựng tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, chăm lo đời sống nhân dân; đoàn kết nội bộ tốt. Trên cơ sở nâng cao nhận thức, liên hệ kiểm điểm theo tinh thần hướng dẫn của Bộ Chính trị.

- Tiến hành sơ kết cuộc vận động để rút kinh nghiệm triển khai tiếp bước sau theo yêu cầu, mục đích của cuộc vận động. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các ban,

ngành, đoàn thể chuẩn bị nội dung sơ kết để Bộ Chính trị quyết định.

4. *Bước ba*: Từ ngày 3-2-2000 đến ngày 19-5-2001:

- Tiếp tục cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Đại hội Đảng các cấp. Toàn Đảng, toàn dân tham gia thảo luận dự thảo Văn kiện Đại hội IX.

- Cùng với cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, chuẩn bị thật tốt kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000; tổ chức tốt Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc và các nhiệm vụ quan trọng khác.

Trên đây là kế hoạch chung tổng quát, mỗi bước sẽ có kế hoạch cụ thể riêng.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng thực sự có hiệu quả, các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn cần xây dựng kế hoạch triển khai của cấp mình, thực hiện "nói đi đôi với làm".

- Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Nghị quyết và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy, bí thư ban cán sự đảng, đảng đoàn trực tiếp chỉ đạo triển khai Nghị quyết và cuộc vận động ở địa phương, ngành mình.

- Các ban Đảng ở Trung ương giúp Bộ Chính trị kiểm tra, rút kinh nghiệm từng bước, tiến hành sơ kết và tổng kết.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương hướng dẫn triển khai Nghị quyết cho các đối tượng và biên soạn các loại tài liệu phục vụ việc triển khai Nghị quyết và cuộc vận động.

Trong khi tổ chức triển khai Nghị quyết và cuộc vận động cần thiết thực, hết sức tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức, lãng phí tiền của, thời gian.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2)
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr.62-70.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 195-TB/TW, ngày 25 tháng 1 năm 1999

Về việc sửa đổi *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân* và *Pháp lệnh công an xã*

Tại phiên họp ngày 23-1-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về việc sửa đổi *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân* và *Pháp lệnh công an xã,* Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Việc sửa đổi *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân*

- Cần tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi cơ bản theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 176-TB/TW, ngày 15-10-1998.

Trước mắt, tích cực chuẩn bị trình Quốc hội (tại kỳ họp lần thứ 5) để sửa đổi, bổ sung một số điều thực sự cấp thiết nhằm cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động của

chính quyền địa phương, nhất là hiệu lực giám sát của Hội đồng nhân dân.

Nội dung sửa đổi phải phù hợp với Hiến pháp 1992; bảo đảm không tăng đầu mối, không tăng biên chế; có tính đến phương án sửa đổi cơ bản sau này.

- Việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới, tiến hành vào cuối năm 1999 theo quy định của luật hiện hành.

2. Về *Pháp lệnh công an xã*

- Một số vấn đề cơ bản thuộc nội dung của dự án Pháp lệnh (vị trí, tính chất, chức năng, nhiệm vụ đối tượng hoạt động của công an xã) chưa được làm rõ, cần tiếp tục nghiên cứu. Do vậy, chưa nên ban hành *Pháp lệnh công an xã*.

- Chính phủ ban hành Nghị định về công an xã. Sau một thời gian thực hiện, tổng kết đánh giá lại, nếu đủ cơ sở thì nâng lên thành Pháp lệnh hoặc Luật.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 196-TB/TW, ngày 30 tháng 1 năm 1999

Về dự án *Bộ luật hình sự (sửa đổi)*

Tại phiên họp ngày 22-1-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án *Bộ luật hình sự (sửa đổi)*, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Nhất trí với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung cơ bản *Bộ luật hình sự* cho phù hợp với yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Trên cơ sở tổng kết việc thi hành *Bộ luật hình sự* trong thời gian qua và dự báo xu hướng tội phạm trong thời gian tới, cân nhắc sửa đổi, bổ sung những vấn đề đã có đủ cơ sở. Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, chưa đủ cơ sở kết luận thì tiếp tục nghiên cứu, không nhất thiết phải sửa đổi, bổ sung lần này.

2. Nội dung dự án *Bộ luật hình sự (sửa đổi)* phải quán triệt quan điểm: lấy giáo dục, phòng ngừa là chính, kết hợp với răn đe, giữ nghiêm kỷ cương; nghiêm trị những kẻ chủ mưu, ngoan cố, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức quyền phạm tội gây nguy hiểm cho lợi ích nhà nước, xâm phạm nghiêm trọng lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, đồng thời

khoan hồng đối với những người biết ăn năn hối cải, lập công chuộc tội; đề cao tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa, bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc; phát huy vai trò của quần chúng và các đoàn thể nhân dân chủ động tham gia phòng, chống tội phạm và giáo dục người phạm tội.

3. Về một số vấn đề của nội dung dự luật.

- Đối với chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia, giữ lại các tội có động cơ chống nhà nước xã hội chủ nghĩa, chống chính quyền nhân dân, các tội khác chuyển sang các chương tương ứng.

- Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về các tội xâm phạm sở hữu; các tội phạm kinh tế. Riêng đối với Điều 174, cần tiếp tục nghiên cứu, nếu xét thấy vẫn cần giữ lại để tránh bỏ lọt tội phạm thì cũng phải quy định cho chặt chẽ và chính xác hơn.

- Về định lượng làm căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự và xác định hình phạt cần được quan tâm hơn; những vấn đề có thể lượng hóa được thì cố gắng lượng hoá, khắc phục tình trạng tội phạm và hình phạt được hiểu theo khung rộng dễ nhầm lẫn, oan, sai...

- Vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân, cần tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn; nếu chưa đủ điều kiện thì chưa nên bổ sung vào Bộ luật.

- Về hình phạt, nên sửa đổi theo hướng sau đây:

+ Việc xử lý và giáo dục cải tạo người phạm tội, phải áp dụng thích hợp các biện pháp kinh tế, hành chính, giam giữ cải tạo và quản lý giáo dục tại cộng đồng để đạt hiệu quả cao nhất đối với từng đối tượng phạm tội.

+ Tăng cường hình phạt tiền; tránh khuynh hướng phạt tù giam tràn lan; không nên bỏ hình phạt cải tạo không giam giữ và cải tạo ở đơn vị kỷ luật quân đội.

+ Giảm đến mức tối thiểu các tội danh phải áp dụng hình phạt tử hình.

4. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Nội chính Trung ương tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chức năng chỉnh lý hoàn thiện dự án Bộ luật và tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

Nội dung, hình thức việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân phải tính toán kỹ thích hợp với từng loại đối tượng, chú ý cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật; các luật gia, các doanh nghiệp... bảo đảm tính thiết thực và hiệu quả. Đồng thời, thông qua việc tổ chức lấy ý kiến lần này, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

5. Sau khi lấy ý kiến nhân dân, Đảng đoàn Quốc hội tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị trước khi trình Quốc hội. Cố gắng thông qua *Bộ luật hình sự (sửa đổi)* trong năm 1999.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 201-TB/TW, ngày 23 tháng 3 năm 1999

Về một số vấn đề liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài

Ngày 20-3-1999, sau khi nghe đại diện Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về một số vấn đề liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài (Tờ trình số 19/BCS, ngày 16-3-1999 của Ban Cán sự Đảng Chính phủ), Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

- Về trích nộp kinh phí công đoàn:

Đồng ý với kiến nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ: ngoài công đoàn phí do đoàn viên công đoàn đóng góp theo quy định chung và các khoản thu của các tổ chức thuộc hệ thống công đoàn, Chính phủ sẽ lấy từ ngân sách để hỗ trợ phần kinh phí còn thiếu để đảm bảo hoạt động của công đoàn, như đối với các tổ chức chính trị - xã hội khác; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khi chưa có quy định của Nhà nước thì không phải trích nộp kinh phí công đoàn.

- Về việc quy định tiền lương tối thiểu cho lao động Việt Nam làm việc tại các liên doanh:

Đồng ý với kiến nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về việc Chính phủ quy định lương tối thiểu và lương của lao động Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bằng đồng Việt Nam trên cơ sở quy đổi theo tỷ giá thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng; khi chỉ số giá tiêu dùng tăng từ 10% trở lên, mức lương sẽ được điều chỉnh tương ứng với chỉ số đó.

- Về thế chấp quyền sử dụng đất:

Việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất trong thời hạn thuê đất đã trả tiền tại các ngân hàng hoạt động tại Việt Nam, bao gồm cả ngân hàng liên doanh với nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam để vay vốn đầu tư và sản xuất kinh doanh, trước mắt cần thực hiện theo đúng quy định của luật pháp hiện hành. Nếu thấy cần sớm sửa đổi thì phải báo cáo với Bộ Chính trị để Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo và đưa ra Quốc hội bàn và quyết định.

- Về vấn đề xây dựng nhà ở để bán và người nước ngoài mua nhà ở:

Bộ Chính trị đã đồng ý cho làm thí điểm tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh việc cho công ty 100% vốn nước ngoài thuê đất làm nhà bán trả góp và cho thuê như nêu trong Thông báo số 147-TB/TW, ngày 27-6-1998. Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần chỉ đạo tổng kết đánh giá việc thực hiện

chủ trương này để báo cáo Bộ Chính trị có căn cứ xem xét và quyết định việc mở rộng.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 205-TB/TW, ngày 2 tháng 4 năm 1999

Về việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc

Tại phiên họp ngày 30-3-1999, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Đảng đoàn Quốc hội báo cáo, Thường vụ Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

- Nhất trí với đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Đảng đoàn Quốc hội về việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc.

- Triển khai Nghị quyết của Quốc hội trong việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc là cần thiết và phải tiến hành ngay. Tuy nhiên, một số quy định trong Pháp lệnh về việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc năm 1983 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung năm 1985 không còn phù hợp với tình hình mới, vì vậy để kịp cho việc phát hành công trái trong năm 1999, đề nghị Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo để Ủy ban Thường vụ Quốc hội phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ khẩn trương chuẩn bị sớm ban hành Pháp lệnh mới.

Xin thông báo các đồng chí biết.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 206-TB/TW, ngày 10 tháng 4 năm 1999

Về dự án *Luật công ty và doanh nghiệp tư nhân*

Tại phiên họp ngày 5-4-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về dự án *Luật công ty và doanh nghiệp tư nhân*, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về lâu dài, cần phải có một luật điều chỉnh tất cả các loại hình doanh nghiệp. Để thực hiện được điều đó, đòi hỏi phải có thời gian, có bước đi cụ thể phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế và tiến trình hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới. Việc Quốc hội thông qua dự án luật này và yêu cầu cấp thiết, đây là một bước để đi đến một luật thống nhất cho các doanh nghiệp. Vì vậy, tên gọi của luật là *Luật doanh nghiệp*, điều chỉnh một số các loại hình doanh nghiệp như: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Đối với đối tượng là các hộ kinh doanh theo Nghị định 66/HĐBT có quy mô phù hợp thì cần có quy định chuyển sang hình thức doanh nghiệp, chịu sự điều chỉnh của luật này. Riêng các doanh nghiệp của Đảng

và đoàn thể, cần nghiên cứu tiếp, chưa nên xác định là đối tượng của luật này.

2. Nội dung của luật phải tạo cơ sở pháp lý bình đẳng cho các doanh nghiệp; thực hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là: khuyến khích mọi thành phần kinh tế làm giàu chính đáng theo đúng pháp luật; phát huy mạnh mẽ nội lực của nền kinh tế; đồng thời, nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

3. Về một số vấn đề cụ thể của dự luật:

- Nhất trí với việc không quy định vốn pháp định, trừ một số những lĩnh vực cần thiết (như bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán...); loại bỏ thủ tục xin phép thành lập mà tập trung vào một khâu là đăng ký kinh doanh. Cần có quy định cụ thể rõ ràng về điều kiện, thủ tục đăng ký một cách thuận tiện, chấm dứt tình trạng phiền hà, sách nhiễu; đồng thời, tăng cường vai trò của các cấp chính quyền trong việc quản lý các doanh nghiệp trước và sau đăng ký kinh doanh; cần có cơ chế quản lý thiết thực, quy định bắt buộc về kiểm toán, công khai một số chỉ tiêu của doanh nghiệp nhằm tạo môi trường kinh doanh lành mạnh.

- Luật nên quy định cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc giao cho cơ quan chuyên môn có trách nhiệm tham mưu giúp Chính phủ và ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Chính phủ quy định cho phù hợp.

Căn cứ vào ý kiến chỉ đạo trên và ý kiến phát biểu của các đồng chí Bộ Chính trị trong phiên họp này, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc hoàn chỉnh

dự án trình Quốc hội tại kỳ họp lần thứ 5. Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội trình Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi Quốc hội biểu quyết thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 207-TB/TW, ngày 10 tháng 4 năm 1999

Về dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*, dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân*

Tại phiên họp ngày 5-4-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*; dự án sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân*, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Căn cứ vào chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, tại Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương sẽ bàn và quyết định các vấn đề về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó có tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương. Do vậy, sau Hội nghị Trung ương 7 sẽ tiến hành sửa đổi cơ bản cả hai luật: *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân*.

Trước mắt, chỉ trình ra kỳ họp thứ 5 Quốc hội khoá X sửa đổi một điểm trong *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân* về việc bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân trong trường hợp riêng biệt có thể không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII).

2. Việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ mới sẽ được tiến hành vào cuối năm 1999 theo quy định của *Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân* hiện hành.

Đây là khoá chính quyền địa phương ở thời điểm đầu của thế kỷ XXI nên có vị trí rất quan trọng. Yêu cầu cơ bản của việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân lần này là: nâng cao chất lượng đại biểu, làm trong sạch bộ máy chính quyền địa phương, tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; bảo đảm phát huy nhiều hơn, tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và giám sát hoạt động của bộ máy chính quyền nhà nước ở địa phương; bảo đảm thực hiện tốt các quy chế dân chủ ở cơ sở.

3. Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc trình Quốc hội ra nghị quyết về vấn đề bầu cử Hội đồng nhân dân theo tinh thần chỉ đạo nêu trên; cho phép làm thí điểm (ở diện hẹp) việc nhân dân bầu trực tiếp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 208-TB/TW, ngày 10 tháng 4 năm 1999

Về dự án *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*

Tại phiên họp ngày 3-4-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Trong các thời kỳ cách mạng và trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng và Nhà nước ta luôn đề cao và phát huy vai trò to lớn của Mặt trận trong việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới hệ thống chính trị, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện có hiệu quả nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ, việc ban hành Luật Mặt trận là cần thiết. Luật Mặt trận nhằm cụ thể hóa Cương lĩnh của Đảng và Điều 9 Hiến pháp 1992, tạo cơ sở pháp lý để khẳng định rõ và làm cho mọi người

nhận thức đầy đủ, đúng đắn về vị trí vai trò, quyền hạn, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; làm rõ mối quan hệ giữa Mặt trận với các cơ quan nhà nước, các tổ chức thành viên, nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* có nội dung chính trị sâu sắc thể hiện chính sách lớn - đại đoàn kết toàn dân của Đảng và Nhà nước ta. Do vậy, phải được chuẩn bị thật chu đáo, xử lý thận trọng những vấn đề còn vướng mắc trước khi trình ra Quốc hội.

Cần lưu ý những vấn đề cơ bản sau đây:

- Việc xác định vị trí, tính chất, mục tiêu hoạt động của Mặt trận và mối quan hệ giữa Đảng với Mặt trận phải căn cứ vào Cương lĩnh, các nghị quyết của Đảng, Hiến pháp 1992, Điều lệ của Mặt trận và những yêu cầu thực tế trong giai đoạn hiện nay, để bảo đảm sự phù hợp về chính trị và pháp lý.

- Về quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên nên quy định một cách khái quát, xác định rõ phạm vi những quyền hạn và trách nhiệm trên một số vấn đề lớn như: tập hợp đoàn kết toàn dân; tham gia xây dựng, củng cố chính quyền; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước và cán bộ, viên chức nhà nước;...

- Về tổ chức của Mặt trận, chỉ quy định những vấn đề mang tính chất nguyên tắc chung, không nên quy định cụ thể những vấn đề mang tính nội bộ của Mặt trận.

Về điều kiện bảo đảm cho hoạt động của Mặt trận, phải căn cứ vào Nghị quyết của Đảng và pháp luật hiện hành để quy định cho phù hợp.

Căn cứ vào ý kiến chỉ đạo nêu trên và ý kiến phát biểu của các đồng chí Bộ Chính trị tại phiên họp này, Đảng đoàn Quốc hội và Đảng đoàn Mặt trận chỉ đạo việc chỉnh lý, hoàn thiện dự án luật và báo cáo Bộ Chính trị trước khi trình Quốc hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 209-TB/TW, ngày 10 tháng 4 năm 1999

Về dự án *Luật báo chí*

Tại phiên họp ngày 6-4-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật báo chí*, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật báo chí* nhằm phát huy hơn nữa vai trò của báo chí trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo đường lối đổi mới của Đảng, đồng thời tăng cường quản lý của Nhà nước đối với hoạt động báo chí, bảo đảm báo chí thực sự là đội quân cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, góp phần đắc lực vào việc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước.

2. Về một số vấn đề của nội dung dự luật:

- Không nên bổ sung vấn đề kiểm duyệt báo chí khi cần thiết vào *Luật báo chí*.

- Về hoạt động kinh tế của cơ quan báo chí, cho phép báo chí được kinh doanh, dịch vụ nhưng phải phù hợp với

chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan báo chí theo quy định của Chính phủ.

- Về phát thanh và truyền hình, giữ nguyên như luật hiện hành. Cần chú ý xác định rõ việc quản lý đối với báo điện tử.

- Về trách nhiệm của tổng biên tập, cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí và những điều không được thông tin trên báo chí, cần được xem xét để bổ sung cho rõ ràng và chặt chẽ hơn.

- Về trách nhiệm, đạo đức của người làm báo, luật cần quy định rõ trách nhiệm cụ thể đối với từng loại vi phạm để có căn cứ xử lý.

3. Đảng đoàn Quốc hội cần định hướng cho đại biểu Quốc hội tập trung thảo luận kỹ các nội dung sửa đổi, bổ sung, khẳng định rõ những thành tựu cũng như những mặt còn tồn tại, hạn chế hiện nay của báo chí, phê phán những biểu hiện tiêu cực, những hành vi sai trái. Từ đó, nâng cao nhận thức về quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí của công dân theo quy định của pháp luật, tăng cường trách nhiệm của các nhà báo trước Đảng và Nhà nước.

4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với các cơ quan hữu quan tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW, ngày 17-10-1997. Đánh giá đúng thực trạng hoạt động của các cơ quan báo chí, đội ngũ những người làm báo; chú ý nêu rõ hiệu quả hoạt động và sự cần thiết của từng cơ quan báo chí; đề xuất phương hướng giải quyết và báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 211-TB/TW, ngày 21 tháng 4 năm 1999

Về tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 1999 và việc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) về kế hoạch năm 1999

Trong phiên họp ngày 16 và 17-4-1999, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Kinh tế Trung ương và các bộ, ngành báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 1999 và việc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) về kế hoạch năm 1999, Bộ Chính trị đã kết luận:

1. Nhất trí với báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về đánh giá tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 1999 và một số chủ trương lớn tiếp tục chỉ đạo thực hiện kế hoạch trong quý II và cả năm 1999.

2. Bộ Chính trị nhấn mạnh và lưu ý thêm một số vấn đề sau đây:

2.1. Tình hình kinh tế - xã hội quý I nhìn chung vẫn ổn định song đang đứng trước những thách thức gay gắt hơn cả ở bên trong và bên ngoài. Chính phủ và các ngành đã có cố gắng trong việc điều hành, triển khai và thực hiện

các biện pháp, chính sách để ngăn chặn tình trạng trì trệ của nền kinh tế, một số lĩnh vực có phát triển; nhưng nhìn chung nền kinh tế có chiều hướng giảm sút, thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản chậm, đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm; mức tăng trưởng sản xuất công nghiệp đặc biệt là công nghiệp quốc doanh thấp, một số sản phẩm tồn kho ứ đọng lớn; kim ngạch xuất khẩu giảm; lao động thiếu việc làm hoặc không có việc làm, số người thiếu đói tăng hơn trước.

Việc nhận thức, quán triệt và tổ chức thực hiện chủ trương phát huy nội lực từ Trung ương đến địa phương bên cạnh những cố gắng và kết quả đạt được, nhưng do nhận thức chưa thật đầy đủ, nhất là khâu cụ thể hóa những chủ trương thành những cơ chế và chính sách còn chậm nên nhiều địa bàn, lĩnh vực chưa phát huy tốt được các nguồn tiềm lực trong nhân dân và trong nền kinh tế. Các giải pháp kích cầu để kích thích sản xuất phát triển và sức mua chưa được triển khai mạnh.

2.2. Trong quý II và cả năm 1999, cần tập trung phấn đấu với quyết tâm và nỗ lực rất cao để bù đắp những thiếu hụt của quý I, thực hiện được các mục tiêu kinh tế - xã hội cả năm, ngăn chặn xu thế sút giảm của nền kinh tế.

Cần áp dụng những giải pháp đặc biệt để khai thác được các nguồn tiềm năng trong nước kết hợp việc khéo léo khai thác và phát huy có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, thực hiện tốt các chủ trương trong Nghị quyết Trung ương 4 và Trung ương 6 (lần 1):

a) Khuyến khích sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: Nhà nước thực hiện hỗ trợ về vốn, công nghệ, vật tư để nhân dân

đầu tư nâng cao năng suất cây trồng, tu bổ hệ thống đê điều, kênh tưới phục vụ sản xuất.

Sơ kết, rút kinh nghiệm kịp thời việc thực hiện *Luật thuế VAT,* điều chỉnh, bổ sung ngay những điểm bất hợp lý không để ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Tiếp tục triển khai các giải pháp, chính sách để sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là triển khai việc thí điểm bán, khoán, giao, cho thuê doanh nghiệp; xóa bỏ mọi cản trở phiền hà cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; có biện pháp hỗ trợ về tài chính như miễn giảm thuế, hỗ trợ lãi vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp giảm giá tiêu thụ sản phẩm...

b) Thực hiện các chủ trương kích cầu: trong đó tập trung vào việc tăng nhu cầu đầu tư xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng ở nông thôn như kiên cố hệ thống kênh mương, phát triển thủy lợi nhỏ ở miền núi, đẩy nhanh chương trình nước sạch nông thôn, mạng lưới điện, hệ thống đê ven biển, nhà ở, cho vay trồng cây công nghiệp nhà nước bao tiêu sản phẩm, ưu đãi xuất khẩu. Thực hiện giảm giá một số mặt hàng hiện còn tồn đọng nhiều, thành lập quỹ tiêu dùng trong dân cư, áp dụng hình thức tín dụng tiêu dùng, bán hàng trả chậm nhằm tăng sức mua và kích thích tiêu dùng.

c) Về đầu tư: đẩy mạnh việc huy động nội tệ và ngoại tệ thông qua phát hành công trái, trái phiếu, huy động qua tín dụng. Có cơ chế để cho các doanh nghiệp trong nước vay ngoại tệ từ nguồn huy động của nhân dân hoặc chuyển đổi sang tiền Việt Nam để cho vay.

Thực hiện việc giải ngân nhanh các khoản vay ODA để khai thác thêm nguồn vốn ODA; đàm phán với Nhật,

tranh thủ sự giúp đỡ và tài trợ của Nhật để tăng nguồn vốn nước ngoài.

Tiếp tục tổ chức huy động nhân dân đóng góp lao động công ích để xây dựng các công trình công cộng, đặc biệt là các công trình kênh mương, đường giao thông nông thôn.

Tiếp tục rà soát lại cơ cấu đầu tư, theo hướng tập trung hơn nữa vốn đầu tư cho phát triển sản xuất và các cơ sở hạ tầng thiết yếu, mang lại hiệu quả nhanh. Cân nhắc tiến độ đầu tư thủy điện Sơn La. Triển khai thêm một số công trình thủy lợi kết hợp thủy điện ở miền Trung và Tây Nguyên, triển khai nhanh việc xây dựng thêm các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc. Việc đầu tư xây dựng các di tích lịch sử - văn hóa phải theo một quy hoạch thống nhất trên phạm vi cả nước.

d) Về thị trường:

Chú trọng việc khai thác và phát triển các thị trường EU, Nhật Bản, Nga và Trung Quốc, Lào. Có kế hoạch để khai thác thị trường Campuchia.

Sớm hình thành quỹ xuất khẩu; khuyến khích các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu. Trong trường hợp khó khăn thực hiện hỗ trợ xuất khẩu để bảo đảm công ăn việc làm và thu nhập của người dân.

đ) Về cải cách thủ tục hành chính và tổ chức thực hiện:

Thực hiện cải cách mạnh các thủ tục hành chính, đặc biệt và thủ tục hải quan, thuế.

Tạo chuyển biến thực sự trong công tác chỉ đạo điều hành theo hướng khẩn trương, sát cơ sở, giảm bớt các khâu trung gian; thành lập các đội công tác liên ngành để giải quyết trực tiếp những ách tắc trong sản xuất, lưu thông hàng hóa ở cơ sở. Tăng cường kỷ luật hành chính, xử lý

nghiêm các trường hợp không tuân thủ pháp luật và quyết định của cấp trên.

*
* *

Căn cứ vào các chủ trương trên đây, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Chính phủ triển khai, nếu có vướng mắc phát sinh cần báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị để giải quyết; đồng thời chuẩn bị phương án cụ thể báo cáo Bộ Chính trị về một số dự án quan trọng như: công trình thủy điện Sơn La, đường xa lộ Bắc - Nam, đề án về phát huy nội lực của nền kinh tế...

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 212-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 1999

Về dự án *Bộ luật hình sự (sửa đổi)*

Tại phiên họp ngày 22-4-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về một số vấn đề của *Bộ luật hình sự (sửa đổi)*, Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

1. Căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 196-TB/TW, ngày 22-1-1999, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo cơ quan soạn thảo nghiên cứu tiếp thu đầy đủ ý kiến đóng góp của nhân dân và ý kiến của các đồng chí Bộ Chính trị, các đồng chí Cố vấn trong phiên họp này. Chỉnh lý để nâng cao hơn nữa chất lượng của dự án Bộ luật trước khi trình ra Quốc hội; cần chú ý làm rõ những vấn đề còn tồn tại vướng mắc.

2. Trên cơ sở kết quả tổng kết quá trình thi hành *Bộ luật hình sự* trong những năm vừa qua và tình hình cụ thể hiện nay, các cơ quan có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo với Quốc hội về những mặt đã làm được, những mặt còn tồn tại và những vấn đề cơ bản, mấu chốt cần phải sửa đổi, bổ sung

Bộ luật hình sự để Quốc hội thảo luận, đánh giá kỹ từng vấn đề trước khi đi vào thảo luận, quyết định các nội dung cụ thể của Bộ luật.

Chú ý tập trung thảo luận, phân tích, đánh giá đúng thực trạng tình hình tội phạm và trách nhiệm của các cơ quan bảo vệ pháp luật, các cấp, các ngành, và trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trong công tác phòng, chống tội phạm, tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục. Từ đó, tạo thêm cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định những nội dung cần sửa đổi trong từng chương, điều cụ thể của Bộ luật.

3. Nhất trí với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình Quốc hội xem xét dự án *Bộ luật hình sự (sửa đổi)* tại kỳ họp lần thứ 5. Trên cơ sở kết quả thảo luận của các đại biểu Quốc hội, nếu có đủ điều kiện thì thông qua Bộ luật tại kỳ họp này, nếu còn có những vấn đề chưa đủ căn cứ thì tiếp tục nghiên cứu làm rõ và thông qua tiếp tại kỳ họp sau.

Trong quá trình Quốc hội thảo luận và thông qua, nếu có vấn đề cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội xin ý kiến Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 213-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 1999

Về dự án *Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng* và việc sửa đổi *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*

Tại phiên họp ngày 24-4-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về dự án *Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng* và việc sửa đổi *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*, Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

1. Về dự án *Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*.

Nhất trí với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội cần sớm ban hành *Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, để tạo cơ sở pháp lý cho người tiêu dùng bảo vệ quyền và lợi ích của mình, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước; nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ trong việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Nội dung của Pháp lệnh cần chú ý xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; các biện pháp kiểm tra, kiểm soát đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

hàng hoá, dịch vụ. Chú ý quản lý chặt chẽ chất lượng hàng tiêu dùng, đặc biệt là hàng tiêu dùng từ nước ngoài vào; đề cao vai trò và trách nhiệm của các doanh nghiệp nhà nước trong việc thực hiện Pháp lệnh này.

Chính phủ có nghị định hướng dẫn cụ thể việc thi hành Pháp lệnh, quy định cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về việc sửa đổi *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*, Bộ Chính trị đã có ý kiến tại phiên họp ngày 5-4-1999 (Thông báo số 207-TB/TW, ngày 10-4-1999). Tại phiên họp này, sau khi nghe đồng chí Bí thư Đảng đoàn Quốc hội báo cáo, Bộ Chính trị nhất trí với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc không đặt vấn đề sửa đổi *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân* tại kỳ họp lần này; việc thí điểm tổ chức cho nhân dân trực tiếp bầu cử chức danh chủ tịch ủy ban nhân dân cơ sở (xã, phường), nếu còn có khó khăn, vướng mắc thì tiếp tục nghiên cứu, không nhất thiết phải trình Quốc hội xem xét trong đợt này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 49-QĐ/TW, ngày 3 tháng 5 năm 1999

Về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khoá VIII);

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

chỉ đạo, thực hiện Quyết định này và Quyết định về phân cấp quản lý cán bộ thuộc phạm vi phụ trách.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có vấn đề gì cần bổ sung thì báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49-QĐ/TW ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nội dung quản lý cán bộ

Trong Quy định này, quản lý cán bộ bao gồm các nội dung chính sau:

1. Tuyển chọn, bố trí, phân công công tác đối với cán bộ,

2. Tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng và phân công, phân cấp quản lý cán bộ,

3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,

4. Nhận xét, đánh giá cán bộ,

5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ,

6. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ,

7. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ,

8. Kiểm tra công tác cán bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về cán bộ.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý cán bộ

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị:

1.1. Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và thông qua các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan nhà nước, mặt trận, đoàn thể, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp nhà nước để lãnh đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện các quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ.

1.2. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của hệ thống chính trị trên mọi lĩnh vực. Đảng trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp; đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị.

1.3. Đảng phân công, phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp ủy và tổ chức đảng, đồng thời thường xuyên kiểm tra việc thực hiện công tác cán bộ của các ngành, các cấp.

2. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định đi đôi với thực hiện đầy đủ trách nhiệm cá nhân trong công tác quản lý cán bộ:

2.1. Những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ phải do tập thể cấp ủy và tổ chức đảng có thẩm quyền thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến người đứng đầu và của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị

có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về cán bộ và công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

2.3. Cá nhân đề xuất, cơ quan thẩm định, tập thể quyết định về cán bộ phải chịu trách nhiệm về đề xuất, thẩm định, quyết định của mình.

2.4. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng; cấp ủy cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp ủy cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ.

Điều 3. Về quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp quản lý cán bộ (kể cả các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị) đang công tác, sinh hoạt trong tổ chức mình (theo 8 nội dung quy định tại Điều 1, trong phạm vi được phân cấp) và chịu trách nhiệm trước cấp ủy, thủ trưởng cấp trên về cán bộ thuộc quyền quản lý của mình.

2. Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị quản lý, trực tiếp quyết định một số khâu trong nội dung quản lý cán bộ đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các lực lượng vũ trang; đồng thời phân công, phân cấp cho các cấp ủy, tổ chức đảng quản lý, trực tiếp quyết định một số khâu khác và những chức danh cán bộ khác.

Chương II

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 4. Bộ Chính trị

1. Quyết định các chủ trương, chính sách về cán bộ và công tác cán bộ theo Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2. Trình Ban Chấp hành Trung ương những vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

3. Quyết định phân công công tác các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

4. Chuẩn y kết quả bầu cử Bí thư tỉnh ủy, thành ủy. Chỉ định Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng ủy quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao; khi cần thiết chỉ định Bí thư Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố và đảng ủy trực thuộc Trung ương.

5. Quyết định việc bố trí, giới thiệu ứng cử, chỉ định; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ có chức danh nêu tại Điều 9, Chương IV của Quy định này.

6. Quyết định phân công, phân cấp quản lý cán bộ đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương.

7. Quyết định kiểm tra công tác cán bộ ở các ngành, các cấp, các thành viên trong hệ thống chính trị.

Điều 5. Bộ Chính trị ủy quyền Thường vụ Bộ Chính trị

1. Trình Bộ Chính trị những vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Chính trị.

2. Quyết định việc bố trí, giới thiệu ứng cử; bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật từ cảnh cáo trở lên; nghỉ hưu đối với cán bộ có chức danh nêu tại Điều 10, Chương IV của Quy định này.

3. Quyết định kiểm tra công tác cán bộ theo ủy quyền của Bộ Chính trị.

4. Chỉ định các ban cán sự đảng bộ, cơ quan ngang bộ, các tổng cục và cơ quan trực thuộc Chính phủ; Ban Cán sự Đảng ngoài nước; Ban Cán sự Đảng Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, các hội văn học nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội đồng Trung ương liên minh các hợp tác xã Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, một số tổng công ty.

5. Chuẩn y ban chấp hành, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ đảng bộ tỉnh, thành phố và đảng bộ trực thuộc Trung ương. Chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành; khi cần thiết chỉ định quyền bí thư ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố và đảng ủy trực thuộc Trung ương.

6. Chỉ định ủy viên ban chấp hành đảng bộ quân khu là cán bộ ngoài quân đội.

7. Chuẩn y chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và các ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

8. Định kỳ báo cáo Bộ Chính trị những vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ theo ủy quyền của Bộ Chính trị.

Điều 6. Các cấp ủy trực thuộc Trung ương

A- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương:

1. Ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1.1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương về cán bộ và công tác cán bộ tại địa phương.

1.2. Trình Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư tỉnh ủy, thành ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; nhân sự bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố.

1.3. Căn cứ quy định của Trung ương, quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy.

1.4. Bầu ủy viên thường vụ, bí thư, phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy; bầu ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy.

1.5. Giới thiệu người ứng cử ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố.

1.6. Quyết định kiểm tra công tác cán bộ tại địa phương.

2. Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy:

2.1. Quyết định phân công công tác các đồng chí ủy viên thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố.

2.2. Trên cơ sở đề nghị của đồng chí bí thư và thường trực tỉnh ủy, thành ủy, thảo luận và quyết định:

- Tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; giới thiệu ứng cử, chỉ định; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với các chức danh ủy viên thường vụ, trưởng ban, phó trưởng ban của tỉnh ủy, thành ủy và tương đương; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ huyện ủy, quận ủy và tương đương; bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ đảng ủy khối trực thuộc; giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận và tương đương; chủ tịch, phó chủ tịch Mặt trận, cấp trưởng và cấp phó trong ban chấp hành các đoàn thể của tỉnh, thành phố.

- Chuẩn bị nhân sự để tỉnh ủy, thành ủy xem xét, đề nghị Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị chỉ định bổ sung tỉnh ủy viên, thành ủy viên; giới thiệu bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra của tỉnh ủy, thành ủy.

- Đề nghị Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị về bố trí, phân công công tác, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm... các chức danh cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết

định của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị công tác tại địa phương.

2.3. Quyết định việc phân cấp quản lý cán bộ đối với các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, thành phố; cấp ủy huyện, quận và tương đương.

2.4. Quyết định kiểm tra công tác cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trong phạm vi phụ trách.

2.5. Chuẩn y ban chấp hành, bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc. Chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng bộ trực thuộc; khi cần thiết chỉ định bí thư ban chấp hành đảng bộ trực thuộc.

2.6. Chỉ định đảng đoàn, ban cán sự đảng một số cơ quan nhà nước, mặt trận, đoàn thể ở cấp tỉnh, thành phố.

2.7. Chủ trì phối hợp, trao đổi ý kiến với ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các cơ quan Trung ương có liên quan về bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật từ cảnh cáo trở lên đối với giám đốc sở và chức vụ tương đương (không phải là ngành dọc); bố trí, giới thiệu nhân sự ứng cử, kỷ luật từ cảnh cáo trở lên đối với cán bộ cấp trưởng mặt trận, đoàn thể tỉnh, thành phố. Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy phân tích, thảo luận những ý kiến khác nhau và quyết định.

2.8. Chủ động tham gia với đảng đoàn, ban cán sự đảng các cơ quan Trung ương về cán bộ lãnh đạo theo ngành dọc công tác tại địa phương. Tham gia ý kiến với Đảng ủy quân sự Trung ương, Đảng ủy công an Trung ương về chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố; giám đốc, phó giám đốc công an tỉnh, thành phố.

B- Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương:

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Quyết định phân công công tác các đồng chí ủy viên thường vụ, ủy viên Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương.

3. Trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, thảo luận và quyết định:

- Bố trí, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ trong quân đội, công an được phân cấp quản lý.

- Đề nghị về tạo nguồn, tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; nhận xét, đánh giá; bổ nhiệm, miễn nhiệm... các chức danh cán bộ trong quân đội, công an thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị.

4. Quyết định ủy quyền cho thường vụ đảng ủy và phân cấp quản lý cán bộ đối với các cấp ủy trực thuộc.

5. Chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và các ủy viên ủy ban kiểm tra các đảng ủy trực thuộc. Chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc; khi cần thiết chỉ định bí thư ban chấp hành đảng bộ trực thuộc.

6. Chủ trì phối hợp, trao đổi ý kiến với ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy về cấp trưởng, cấp phó Bộ Chỉ huy

quân sự tỉnh, thành phố; giám đốc, phó giám đốc công an tỉnh, thành phố. Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương phân tích, thảo luận những ý kiến khác nhau và quyết định.

7. Quyết định kiểm tra công tác cán bộ của các cấp ủy trực thuộc.

C- Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương

Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các ban đảng có liên quan thẩm định về bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ công tác trong khối thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị.

Điều 7. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương

1. Ban Cán sự Đảng Chính phủ:

1.1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

1.2. Được Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị ủy quyền quyết định việc tổ chức quản lý, sử dụng cán bộ; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nhận xét, đánh giá cán bộ; khen thưởng; kỷ luật dưới mức cảnh cáo cán bộ trong phạm vi phụ trách có chức danh nêu tại Điều 10, Chương IV của Quy định này.

1.3. Trên cơ sở đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, thảo luận và quyết định:

- Tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp

quản lý. Trên cơ sở đó Thủ tướng Chính phủ ra quyết định về mặt Nhà nước.

- Đề nghị Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị về tạo nguồn, bố trí, phân công công tác; bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử... các chức danh cán bộ trong bộ máy Chính phủ (bao gồm cả Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị; nhân sự Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Đảng đoàn Quốc hội:

2.1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2.2. Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quốc hội, tập thể Đảng đoàn thảo luận và quyết định:

- Tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý. Trên cơ sở đó, Chủ tịch Quốc hội ra quyết định về mặt Nhà nước.

- Đề nghị Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị về tạo nguồn; nhận xét, đánh giá; bố trí, phân công công tác; bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử... các chức danh cán bộ trong bộ máy của Quốc hội thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị.

3. Ban cán sự đảng cơ quan nhà nước ở Trung ương:

3.1. Lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các quyết định của cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

3.2. Trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, thảo luận và quyết định:

- Tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý. Trên cơ sở đó, Thủ trưởng cơ quan ra quyết định về mặt Nhà nước.

- Kiến nghị về tạo nguồn, tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; nhận xét, đánh giá; bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử... các chức danh cán bộ của bộ, ngành... thuộc quyền trực tiếp quyết định của cấp trên.

3.3. Chủ trì phối hợp, trao đổi ý kiến với ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy về bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật từ cảnh cáo trở lên đối với cán bộ lãnh đạo cấp trưởng của ngành dọc công tác trên địa bàn tỉnh, thành phố. Ban cán sự đảng bộ, ngành phân tích, thảo luận những ý kiến khác nhau và quyết định.

3.4. Tham gia ý kiến với ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy về bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật từ cảnh cáo trở lên đối với các giám đốc sở và chức vụ tương đương thuộc ngành, lĩnh vực có liên quan thuộc quyền quản lý của tỉnh ủy, thành ủy.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể ở Trung ương; Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

4.1. Lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các quyết định của cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

4.2. Trên cơ sở ý kiến đề xuất của bí thư đảng đoàn, bí thư thứ nhất, thảo luận và quyết định:

- Tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý.

- Đề nghị về tạo nguồn, bố trí, phân công công tác, nhận xét, đánh giá; bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử... các chức danh cán bộ của tổ chức mình thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị.

4.3. Tham gia ý kiến với ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, các đảng đoàn, ban cán sự đảng có liên quan trong việc bố trí, giới thiệu ứng cử, kỷ luật từ cảnh cáo trở lên đối với cán bộ cấp trưởng của mặt trận, đoàn thể ở các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN THAM MƯU CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG VỀ CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

Điều 8.

1. Ban Tổ chức Trung ương:

1.1. Là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đường lối, chủ trương, chính sách cán bộ và công tác cán bộ; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương Đảng về cán bộ và công tác cán bộ.

1.2. Tổng hợp, theo dõi đội ngũ cán bộ chủ chốt, trước hết là phối hợp với các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương giúp Bộ Chính trị quản lý, nhận xét, đánh giá cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị và cán bộ dự nguồn các chức danh này.

1.3. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị.

1.4. Chủ trì phối hợp với các ban, cơ quan có liên quan thẩm định về cán bộ và tuỳ theo chức danh cán bộ mà báo cáo kết quả thẩm định đến Chủ tịch nước, Ban Cán sự Đảng Chính phủ hoặc Đảng đoàn Quốc hội. Tổng hợp, đề xuất và trình những vấn đề về cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị.

1.5. Được Thường vụ Bộ Chính trị giao chủ trì phối hợp với các ban của Trung ương Đảng theo dõi, kiểm tra, phát biểu ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm một số chức danh cán bộ (nêu tại Điều 11 của Quy định này) ở các ban, bộ, ngành và cấp ủy trực thuộc Trung ương.

1.6. Giải quyết một số chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ theo ủy nhiệm của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị.

1.7. Hướng dẫn công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ, lý lịch cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị. Hướng dẫn thống nhất việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ; trực tiếp quản lý cơ sở

dữ liệu cán bộ trong các cơ quan đảng, đoàn thể; đảng viên trong toàn Đảng.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các ban của Trung ương Đảng:

2.1. Kiến nghị Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị việc bố trí, sử dụng, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị; kiểm tra, kiến nghị Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị xem xét những quyết định không đúng quan điểm, đường lối, chính sách đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của các tổ chức đảng cấp dưới.

2.2. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương thẩm định về bổ nhiệm cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị.

2.3. Cùng với Ban Tổ chức Trung ương theo dõi, kiểm tra đối với một số chức danh cán bộ (nêu ở Điều 11 của Quy định này).

Chương IV

CHỨC DANH CÁN BỘ DO BỘ CHÍNH TRỊ TRỰC TIẾP QUYẾT ĐỊNH VÀ ỦY QUYỀN THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ TRỰC TIẾP QUYẾT ĐỊNH

Điều 9. Chức danh cán bộ do Bộ Chính trị trực tiếp quyết định

1. Cơ quan Trung ương:

- Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội.

- Ủy viên Hội đồng Quốc phòng an ninh.

- Thành viên Đảng đoàn Quốc hội; thành viên Ban Cán sự Đảng Chính phủ; Bí thư Ban Cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Bí thư Ban Cán sự Đảng Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Bí thư Ban Cán sự Đảng các bộ và cơ quan ngang bộ; Bí thư Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Trung ương.

- Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Trưởng ban của Trung ương; Chánh Văn phòng Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Chánh án Toà án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng dân tộc của Quốc hội; Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.

- Bộ trưởng; Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước; Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia; Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.

- Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân

Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Tổng Biên tập Báo Nhân dân; Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Bí thư tỉnh ủy, thành ủy.
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

3. Quân đội:

- Ủy viên Đảng ủy Quân sự Trung ương.
- Tổng tham mưu trưởng.
- Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.
- Tư lệnh quân khu, quân chủng, bộ đội biên phòng.
- Đại tướng.
- Thượng tướng.
- Đô đốc hải quân.

4. Công an:

- Ủy viên Đảng ủy Công an Trung ương.
- Đại tướng.
- Thượng tướng.

Điều 10. Chức danh cán bộ do Bộ Chính trị ủy quyền Thường vụ Bộ Chính trị trực tiếp quyết định

1. Cơ quan Trung ương:

- Phó Trưởng ban của Trung ương; Phó Văn phòng Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng biên tập Báo Nhân dân; Phó Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản; Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia; Phó Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan Trung ương.

- Phó Bí thư, Ủy viên Ban Cán sự Đảng là Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

- Phó Bí thư, Ủy viên ban cán sự đảng là Thứ trưởng và chức vụ tương đương ở các bộ và cơ quan ngang bộ; Phó Bí thư, Ủy viên đảng đoàn là Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

- Bí thư ban cán sự đảng các tổng cục và cơ quan trực thuộc Chính phủ, một số doanh nghiệp đặc biệt của Nhà nước; Bí thư Đảng đoàn Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội đồng Trung ương liên minh các hợp tác xã Việt Nam.

- Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội.

- Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia; Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam; Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia; Tổng cục trưởng các tổng cục và tương đương trực thuộc Chính phủ.

- Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Chủ tịch hoặc Tổng Thư ký Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Trung ương liên minh các hợp tác xã Việt Nam.

- Đại sứ Việt Nam tại các nước.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy.

3. Quân đội:

- Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Chủ nhiệm (*trừ Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị*), Phó Chủ nhiệm tổng cục.

- Tổng cục trưởng, Phó tổng cục trưởng.

- Phó tổng tham mưu trưởng.

- Phó tư lệnh quân khu, quân chủng, bộ đội biên phòng.

- Tư lệnh quân đoàn.

- Viện trưởng và Phó Viện trưởng Học viện Quốc phòng.

- Viện trưởng Học viện Chính trị quân sự, Học viện Lục quân.
- Trung tướng, Phó đô đốc hải quân.
- Thiếu tướng, Chuẩn đô đốc hải quân.

4. Công an:

- Thứ trưởng.
- Tổng cục trưởng các tổng cục trực thuộc Bộ Công an.
- Trung tướng.
- Thiếu tướng.

Điều 11. Chức danh cán bộ sau đây trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm phải có ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các ban hữu quan của Trung ương Đảng

- Phó tổng cục trưởng tổng cục và cơ quan trực thuộc Chính phủ, chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt không thuộc diện trực tiếp quyết định của Thường vụ Bộ Chính trị.

- Giám đốc các phân viện thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Ủy viên đảng đoàn, ủy viên ban cán sự đảng các cơ quan, đoàn thể cấp Trung ương là vụ trưởng tổ chức cán bộ, bí thư đảng ủy cơ quan, chủ tịch công đoàn ngành... không thuộc diện quản lý của Thường vụ Bộ Chính trị.

- Phó Chủ tịch hoặc Phó Tổng Thư ký Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ

Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội đồng Trung ương liên minh các hợp tác xã Việt Nam; Tổng Thư ký các hội văn học nghệ thuật chuyên ngành Việt Nam.

- Ủy viên thường vụ Đảng ủy Khối cơ quan Trung ương.

- Ủy viên thường vụ tỉnh ủy, thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 50-QĐ/TW, ngày 3 tháng 5 năm 1999

Về việc ban hành Quy chế đánh giá cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá cán bộ.

2. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện Quyết định này; quy định cụ thể việc thực hiện đối với cán bộ thuộc phạm vi phụ trách.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đánh giá cán bộ để:

1. Không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực và hiệu quả công tác của cán bộ.

2. Làm căn cứ tuyển chọn, xây dựng quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, bố trí sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ.

Điều 2. Yêu cầu đánh giá cán bộ:

1. Phải làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực và hiệu quả công tác, chiều hướng phát triển của cán bộ;

2. Phải bảo đảm tính khách quan, toàn diện, tính lịch sử - cụ thể;

3. Phải trên cơ sở thực hiện tự phê bình và phê bình; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận dân chủ, kết luận theo đa số; công khai đối với cán bộ được đánh giá.

Điều 3. Thẩm quyền, trách nhiệm đánh giá cán bộ:

1. Bản thân cán bộ tự đánh giá (bằng văn bản);

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ;

3. Cấp ủy, tổ chức đảng nơi cán bộ sinh hoạt, công tác;

4. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cán bộ, cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cán bộ;

5. Bản thân cán bộ, người đứng đầu, tập thể lãnh đạo nói trên phải chịu trách nhiệm về nội dung đánh giá cán bộ của mình.

Điều 4. Thời hạn đánh giá cán bộ:

1. Đánh giá cán bộ theo định kỳ hằng năm.

2. Đánh giá cán bộ trước khi hết nhiệm kỳ.

3. Đánh giá cán bộ trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển công tác, khen thưởng, kỷ luật.

Điều 5. Đối tượng áp dụng:

Quy chế đánh giá cán bộ áp dụng đối với cán bộ, công chức nói chung trong các cơ quan đảng, nhà nước, mặt trận, đoàn thể chính trị xã hội; cơ quan sự nghiệp; doanh nghiệp nhà nước.

Chương II

CĂN CỨ, NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CÁN BỘ THEO MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ

Điều 6. Căn cứ đánh giá:

1. Tiêu chuẩn cán bộ (tiêu chuẩn chung của cán bộ được

xác định trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về Chiến lược cán bộ và tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh cán bộ).

2. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

3. Chức trách, nhiệm vụ của cán bộ.

4. Môi trường và điều kiện cán bộ thực hiện nhiệm vụ trong thời hạn đánh giá cán bộ.

Điều 7. Nội dung đánh giá:

1. Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao: khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc trong từng vị trí, từng thời gian;

2. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:

- Nhận thức, tư tưởng chính trị; việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Tinh thần học tập nâng cao trình độ; tính trung thực, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công tác; tinh thần tự phê bình và phê bình;

- Việc giữ gìn đạo đức và lối sống lành mạnh; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và những biểu hiện tiêu cực khác;

- Đoàn kết, quan hệ trong công tác; tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân.

3. Chiều hướng và khả năng phát triển.

Điều 8. Phân loại theo mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ:

Căn cứ vào kết quả đánh giá theo những nội dung tại Điều 6 và Điều 7, phân thành ba mức như sau:

a) Hoàn thành xuất sắc chức trách, nhiệm vụ;

b) Hoàn thành chức trách, nhiệm vụ;

c) Chưa hoàn thành chức trách, nhiệm vụ.

Chương III

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ

Điều 9. Đánh giá cán bộ hằng năm:

1. Đánh giá cán bộ hằng năm được tiến hành vào dịp cuối năm ở các đơn vị cơ sở (ở các cơ quan trung ương, đơn vị cơ sở là cục, vụ, viện, trung tâm...; ở các tỉnh, thành phố, huyện, quận là phòng, ban...; ở các đơn vị sự nghiệp là khoa, phòng, trung tâm...; ở các doanh nghiệp là phòng, ban, phân xưởng...). Việc đánh giá cán bộ hằng năm được tiến hành như sau:

1.1. Đối với cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ:

- Cán bộ tự nhận xét, đánh giá (bằng văn bản), theo nội dung Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này;

- Tập thể cán bộ cùng làm việc trong đơn vị cơ sở tham gia ý kiến;

- Thủ trưởng trực tiếp của cán bộ nhận xét, đánh giá.

1.2. Đối với cán bộ lãnh đạo đơn vị cơ sở:

- Cán bộ tự nhận xét, đánh giá (bằng văn bản), theo nội dung Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này;

- Tập thể cán bộ cùng làm việc trong đơn vị cơ sở tham gia ý kiến;

- Thủ trưởng cấp trên trực tiếp nhận xét, đánh giá.

2. Đánh giá cán bộ là thành viên lãnh đạo của cơ quan, đơn vị (ở Trung ương là đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo ban, ngành...; ở địa phương là thường vụ tỉnh, thành ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo ban, sở, ngành...):

- Cán bộ tự nhận xét, đánh giá (bằng văn bản), theo nội dung Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này;

- Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến;

- Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của cán bộ nhận xét, đánh giá.

Điều 10. Đánh giá cán bộ đảm nhiệm chức vụ do bầu cử trước khi hết nhiệm kỳ:

1. Cán bộ tự nhận xét, đánh giá (bằng văn bản), theo nội dung Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này;

2. Các thành viên của tổ chức được bầu tham gia ý kiến;

3. Người đứng đầu tổ chức được bầu nhận xét, đánh giá; tập thể lãnh đạo (ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn...) thảo luận, thông qua;

4. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp đối với cán bộ nhận xét, đánh giá.

Điều 11. Đánh giá cán bộ trước khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử:

1. Người đứng đầu cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, cơ quan, đơn vị nhận xét, đánh giá;

2. Lấy ý kiến của đại diện cấp ủy hoặc chính quyền cơ sở nơi cán bộ cư trú về tư cách công dân của bản thân và gia đình cán bộ;

3. Tập thể cấp ủy hoặc ban thường vụ, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan, đơn vị thảo luận và thống nhất nhận xét, đánh giá.

Điều 12. Thông báo và báo cáo nội dung nhận xét, đánh giá cán bộ:

1. Đại diện cấp ủy, tổ chức đảng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị thông báo đến cán bộ ý kiến của người đứng đầu, của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn về nhận xét, đánh giá đối với từng cán bộ;

2. Đối với cán bộ thuộc diện cấp trên trực tiếp quyết định, cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản về nội dung nhận xét, đánh giá lên cấp trên.

Điều 13.

1. Cán bộ có quyền được trình bày ý kiến, bảo lưu và báo cáo lên cấp trên những vấn đề không tán thành về nhận xét, đánh giá đối với bản thân mình, nhưng phải chấp hành ý kiến kết luận của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

2. Khi có khiếu nại về đánh giá cán bộ thì người đứng đầu cùng tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ có trách nhiệm xem xét, kết luận và thông báo (bằng văn bản) đến người khiếu nại.

Điều 14.

Bản nhận xét, đánh giá cán bộ của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ phải có chữ ký của người đứng đầu hoặc của một

thành viên lãnh đạo và đóng dấu của cơ quan, đơn vị đó; được lưu vào hồ sơ cán bộ theo chế độ tài liệu mật.

Điều 15.

Các văn bản, tài liệu về nhận xét, đánh giá cán bộ: bản tự nhận xét, đánh giá của cán bộ; đánh giá của thủ trưởng cơ quan, của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn...; kết luận của cơ quan kiểm tra, thanh tra (nếu có) phải gửi cho cơ quan quản lý cán bộ để lưu hồ sơ theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 51-QĐ/TW, ngày 3 tháng 5 năm 1999

Về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước,
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bổ nhiệm cán bộ.

2. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo và cụ thể hóa việc thực hiện Quyết định này trong phạm vi phụ trách.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ BỔ NHIỆM CÁN BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51-QĐ/TW ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị)

Chương I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Việc bổ nhiệm cán bộ phải tuân thủ các nguyên tắc:

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

2. Tập thể lãnh đạo ở các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định một cách dân chủ trên cơ sở phát huy đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn của từng thành viên, nhất là của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

3. Phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức, cơ quan, đơn vị; phải căn cứ vào phẩm chất, đạo đức, năng lực và sở trường của cán bộ.

4. Đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ:

Trong phạm vi quản lý cán bộ theo quy định phân cấp của Bộ Chính trị:

1. Người đứng đầu và các thành viên cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và nhận xét, đánh giá cán bộ mà mình đề xuất.

2. Tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị thảo luận, nhận xét, đánh giá cán bộ, quyết định bổ nhiệm hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Cá nhân, tập thể đề nghị bổ nhiệm cán bộ phải chịu trách nhiệm về đề nghị của mình.

Điều 3. Quy trình, thủ tục về bổ nhiệm cán bộ phải thực hiện theo đúng Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước, Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và Quy chế này.

Chương II

BỔ NHIỆM CÁN BỘ

Điều 4. Thời hạn giữ chức vụ:

Thời hạn mỗi lần bổ nhiệm chức vụ là 5 năm đối với cán bộ cấp trưởng, cấp phó ở cơ quan, đơn vị trong bộ máy tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp từ cấp huyện trở lên; thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng... các doanh nghiệp nhà nước.

Thời hạn mỗi lần bổ nhiệm chức vụ dưới 5 năm đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

Điều 5. Điều kiện bổ nhiệm:

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung của cán bộ quy định tại

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm.

2. Có đầy đủ hồ sơ cá nhân, lý lịch được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác minh rõ ràng.

3. Tuổi bổ nhiệm:

- Cán bộ các cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tuổi bổ nhiệm lần đầu nói chung không quá 55 tuổi đối với nam, 50 tuổi đối với nữ.

- Cán bộ các cơ quan huyện, quận và tương đương, tuổi bổ nhiệm lần đầu nói chung không quá 45 tuổi (cả nam và nữ).

4. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Cán bộ bị kỷ luật từ khiển trách trở lên thì không được bổ nhiệm vào các chức vụ cao hơn trong thời gian ít nhất 1 năm kể từ khi có quyết định kỷ luật.

Điều 6. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị trực tiếp quyết định:

Căn cứ nhu cầu công tác, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các ban và cơ quan trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tập thể lãnh đạo) thực hiện các bước sau:

1. Trình cơ quan cấp trên có thẩm quyền (bằng văn bản) về chủ trương, số lượng và dự kiến phân công công tác đối với cán bộ sẽ bổ nhiệm.

2. Đề xuất nhân sự cụ thể sau khi được cấp trên đồng ý về chủ trương:

2.1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ

a) Cán bộ đứng đầu, các thành viên lãnh đạo cơ quan, đơn vị đề xuất phương án nhân sự.

Trên cơ sở nguồn cán bộ trong quy hoạch và ý kiến giới thiệu của cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị, cán bộ đứng đầu, các thành viên lãnh đạo đề xuất và nhận xét, đánh giá nhân sự.

b) Tập thể lãnh đạo thảo luận, lựa chọn nhân sự và thông qua nhận xét, đánh giá để lấy ý kiến của cán bộ trong cơ quan, đơn vị. Nhu cầu bổ nhiệm 1 người có thể lựa chọn 1 người hoặc nhiều hơn.

c) Tổ chức lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt: vụ trưởng, phó vụ trưởng và tương đương, trưởng các đơn vị trực thuộc, thường vụ đảng ủy, trưởng các đoàn thể ở cơ quan, ban, bộ, ngành (có thể lấy thêm ý kiến của giám đốc sở và tương đương, khi tổng hợp thì tách riêng) về nhân sự theo trình tự:

- Trao đổi, thảo luận về yêu cầu bổ nhiệm, tiêu chuẩn cán bộ.

- Thông báo danh sách cán bộ do lãnh đạo giới thiệu; tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; nhận xét, đánh giá ưu khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, triển vọng phát triển; dự kiến phân công công tác.

- Giới thiệu bổ sung (ngoài danh sách nhân sự do lãnh đạo giới thiệu).

Cán bộ được giới thiệu có thể được trình bày ý kiến về thực hiện nhiệm vụ nếu được bổ nhiệm, trả lời những vấn đề có liên quan.

- Ghi phiếu (không phải ký tên).

Phiếu lấy ý kiến có giá trị tham khảo rất quan trọng, nhưng không phải là căn cứ duy nhất để quyết định.

d) Cán bộ đứng đầu cùng với tập thể lãnh đạo:

- Phân tích kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến.

- Xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có).

- Đảng ủy hoặc thường vụ đảng ủy cơ quan phát biểu ý kiến bằng văn bản về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm.

- Tập thể lãnh đạo thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết nhân sự (bằng phiếu kín). Nhân sự đề nghị bổ nhiệm phải được đa số các thành viên trong tập thể lãnh đạo tán thành.

- Làm tờ trình đề nghị cấp trên bổ nhiệm.

Trường hợp cán bộ đứng đầu cơ quan, đơn vị và tập thể lãnh đạo có ý kiến khác nhau thì cần báo cáo đầy đủ lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

a) Cán bộ đứng đầu, các thành viên lãnh đạo cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự hoặc cấp có thẩm quyền giới thiệu.

b) Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thảo luận, thống nhất về chủ trương và tiến hành một số công việc sau:

- Gặp cán bộ được đề nghị bổ nhiệm trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Làm việc với thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ đang công tác để trao đổi ý kiến về nhu cầu bổ nhiệm, tìm hiểu về cán bộ và xác minh lý lịch của cán bộ.

- Thông báo chủ trương, kết quả làm việc với cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác và lấy ý kiến của thường vụ đảng ủy cơ quan.

- Thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết nhân sự (bằng phiếu kín).

Trong trường hợp cán bộ đảm bảo được tiêu chuẩn bổ nhiệm, nhưng chưa được cơ quan nơi cán bộ đang công tác nhất trí điều động, thì cơ quan có yêu cầu bổ nhiệm vẫn có thể báo cáo đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Làm tờ trình đề nghị cấp trên bổ nhiệm.

Điều 7. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị phân cấp cho các ban, bộ, ngành, địa phương:

Ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các ban và cơ quan trực thuộc Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Thường vụ tỉnh, thành ủy căn cứ vào Quy chế này cụ thể hóa trình tự, thủ tục bổ nhiệm đối với cán bộ trong diện được phân cấp quản lý và hướng dẫn cấp dưới thực hiện.

Điều 8. Thẩm định, xét duyệt đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị trực tiếp quyết định:

1. Các cơ quan, đơn vị làm tờ trình bổ nhiệm cán bộ gửi lên cấp có thẩm quyền thì đồng gửi hồ sơ đề nghị bổ nhiệm cho Ban Tổ chức Trung ương để thẩm định.

2. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì thẩm định, tổng hợp ý kiến của các ban đảng, Đảng ủy khối cơ quan Trung ương, thường vụ tỉnh, thành ủy và các cơ quan liên quan.

Ý kiến thẩm định được báo cáo đến các đồng chí lãnh đạo và các cơ quan sau đây:

a) Chủ tịch nước đối với nhân sự bổ nhiệm: Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chánh án Toà án

nhân dân tối cao; đối với nhân sự giới thiệu ứng cử: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

Chủ tịch nước cân nhắc, đề nghị Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

b) Thủ tướng Chính phủ đối với nhân sự bổ nhiệm: Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thứ trưởng, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước và chức vụ tương đương, Tổng Cục trưởng và chức vụ tương đương trực thuộc Chính phủ; đối với nhân sự giới thiệu ứng cử Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Thủ tướng Chính phủ đề xuất ý kiến, Ban Cán sự Đảng Chính phủ thảo luận, đề nghị Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

c) Chủ tịch Quốc hội đối với nhân sự bổ nhiệm: Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; đối với nhân sự giới thiệu ứng cử: Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội.

Chủ tịch Quốc hội đề xuất ý kiến, Đảng đoàn Quốc hội thảo luận, đề nghị Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

3. Ban Tổ chức Trung ương hoàn chỉnh hồ sơ nhân sự, tổng hợp ý kiến, và làm tờ trình trình Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị, báo cáo rõ ý kiến của đồng chí Chủ tịch nước, Thủ tướng và Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Chủ tịch và Đảng đoàn Quốc hội; ý kiến của Thường vụ tỉnh, thành ủy; ý kiến của các ban đảng, Đảng ủy khối, của Ban Tổ chức Trung ương.

4. Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Cùng dự họp trình xét duyệt có đại diện lãnh đạo một số ban của Trung ương Đảng và những cơ quan có liên quan về nhân sự cần trình.

Chương III

BỔ NHIỆM LẠI

Điều 9.

1. Khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm theo quy định, phải xem xét để bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại.

Những cán bộ sau khi được bổ nhiệm, vì những lý do cụ thể như sức khỏe không đảm bảo, không phù hợp với điều kiện làm việc, sinh hoạt, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước... thì cấp lãnh đạo có thẩm quyền cần xem xét điều chỉnh, thay thế kịp thời, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm.

2. Việc bổ nhiệm lại được tiến hành từng bước, phù hợp với yêu cầu của từng lĩnh vực, từng ban, bộ, ngành, địa phương, bảo đảm ổn định và hiệu quả thiết thực.

Điều 10. Điều kiện bổ nhiệm lại:

1. Hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ và vẫn đủ tiêu chuẩn, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới.

2. Cơ quan, đơn vị có yêu cầu.

3. Đủ sức khỏe.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại:

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm cán bộ thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại.

Bộ Chính trị ủy quyền cho các đồng chí Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội xem xét, bổ nhiệm lại đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị trực tiếp quyết định trong phạm vi phụ trách. Ban Tổ chức Trung ương tham mưu, đề xuất ý kiến những trường hợp cần thiết.

Những trường hợp cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị quản lý không bổ nhiệm lại phải báo cáo Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

2. Những cán bộ còn dưới 5 năm công tác (không đủ một thời hạn bổ nhiệm lại) đến tuổi nghỉ hưu, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu thì được kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến tuổi nghỉ hưu.

3. Cán bộ không được bổ nhiệm lại sẽ được bố trí công tác khác.

Điều 12. Thủ tục bổ nhiệm lại:

1. Cán bộ làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Quy chế đánh giá cán bộ.

2. Tập thể cán bộ, công chức trong đơn vị tham gia ý kiến.

3. Cán bộ đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ nhận xét, đánh giá và đề xuất ý kiến có bổ nhiệm lại hay không bổ nhiệm lại. Tập thể lãnh đạo xem xét, quyết định

hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

Chương IV

TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM

Điều 13. Từ chức:

1. Trong thời gian giữ chức vụ, nếu cán bộ có nguyện vọng xin từ chức thì làm đơn báo cáo lãnh đạo xem xét.

2. Lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ xem xét quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Cán bộ sau khi từ chức được bố trí công tác khác.

Điều 14. Miễn nhiệm:

Trong thời gian giữ chức vụ cán bộ xin từ chức, cán bộ có sai phạm chưa đến mức phải kỷ luật cách chức, nhưng không còn đủ uy tín, điều kiện để giữ chức vụ, thì cơ quan trực tiếp sử dụng cán bộ quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định miễn nhiệm chức vụ của cán bộ và bố trí công tác khác.

Chương V

ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ

Điều 15. Việc điều động, luân chuyển cán bộ phải căn cứ yêu cầu công tác, nhiệm vụ chính trị, quy hoạch cán bộ nhằm sử dụng có hiệu quả và tạo nên sự đồng bộ trong đội ngũ

cán bộ; tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được bồi dưỡng toàn diện, rèn luyện trong thực tiễn; khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng ngành, từng địa phương, từng tổ chức.

Điều 16. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định điều động, luân chuyển cán bộ:

1. Đối tượng:

- Cán bộ các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương, địa phương có yêu cầu luân chuyển cán bộ để giữ các chức vụ lãnh đạo theo quy hoạch cán bộ.

- Cán bộ đứng đầu (do bầu cử) từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên đã giữ chức vụ hai nhiệm kỳ ở cùng một đơn vị, địa phương.

- Cán bộ được điều động, luân chuyển do yêu cầu công tác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phạm vi: điều động, luân chuyển cán bộ giữa các địa phương, các ngành, các cấp.

3. Thẩm quyền: thẩm quyền quyết định điều động, luân chuyển cán bộ thực hiện theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị.

Điều 17. Kế hoạch điều động, luân chuyển cán bộ:

Căn cứ quy hoạch cán bộ, nhu cầu công tác và năng lực, sở trường cán bộ, ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch, biện pháp điều động, luân chuyển cán bộ thuộc phạm vi quản lý:

- Lập danh sách cán bộ cần điều động, luân chuyển (ghi rõ chức vụ hiện tại, chức vụ nơi đến).

- Biện pháp thực hiện cụ thể đối với từng cán bộ.

- Trước khi quyết định điều động, luân chuyển, lãnh đạo cấp có thẩm quyền cần gặp gỡ cán bộ nói rõ mục đích, sự cần thiết của việc điều động, luân chuyển để nghe cán bộ phát biểu, đề xuất ý kiến; trao đổi với cơ quan, đơn vị nơi cán bộ đi và nơi cán bộ đến.

Điều 18. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định điều động, luân chuyển cán bộ của cấp có thẩm quyền.

Điều 19. Bảo đảm chế độ, chính sách đối với cán bộ được điều động, luân chuyển:

1. Thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn chỉ đạo cơ quan, đơn vị có liên quan tạo điều kiện để cán bộ sớm ổn định công tác và sinh hoạt.

2. Cán bộ được điều động, luân chuyển đến các vùng có khó khăn như miền núi, vùng sâu, vùng xa... được ưu tiên giải quyết trước thời hạn một số chế độ, chính sách.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ phối hợp với các cơ quan chức năng, có sự tham gia của Ban Tổ chức Trung ương quy định chế độ, chính sách cụ thể nhằm đảm bảo thực hiện tốt chủ trương điều động, luân chuyển cán bộ.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 214-TB/TW, ngày 3 tháng 5 năm 1999

Về đề án "Nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng"

Sau khi nghe Ban Khoa giáo Trung ương trình bày đề án "Nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng" và ý kiến phát biểu của các đồng chí Nguyễn Đức Bình, Nguyễn Phú Trọng, Phạm Gia Khiêm, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương..., Thường vụ Bộ Chính trị nhất trí với nội dung cơ bản đã nêu trong đề án và lưu ý mấy điểm sau:

- Cần tính kỹ số lượng và phạm vi nội dung những bộ môn về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đưa vào chương trình giảng dạy và học tập tại các trường đại học và cao đẳng. Chính phủ cần ban hành quy định về các bộ môn chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh bắt buộc phải học đối với cả sinh viên trong nước và nước ngoài

học tập tại các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam và phải được tổ chức giảng dạy, thi cử nghiêm túc.

Nhanh chóng ban hành giáo trình chuẩn thống nhất về các môn học này.

- Cần có phương án cụ thể chọn lựa đối tượng đào tạo giáo viên cho các môn học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để đáp ứng nhu cầu giáo dục và học tập tại các trường đại học và cao đẳng trong những năm tới, chọn lựa trong đội ngũ sĩ quan quân đội trẻ đã được rèn luyện, số cán bộ trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, những cán bộ đã có trình độ đại học... có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực nghiên cứu và giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để bồi dưỡng nội dung, tư tưởng giảng dạy các bộ môn này.

- Về chế độ đối với cán bộ giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nên giải quyết theo hướng có phụ cấp thỏa đáng, động viên được anh em. Việc này Chính phủ xem xét quyết định cụ thể.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các ban, ngành liên quan xây dựng các đề án cụ thể về các vấn đề trên trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin thông báo các đồng chí biết và thực hiện.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 52-QĐ/TW, ngày 5 tháng 5 năm 1999

Về giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định số 29-QĐ/TW ngày 2-6-1997 của Bộ Chính trị về thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, của các ban và cơ quan giúp việc Ban Chấp hành Trung ương;

- Căn cứ Quyết định số 49-QĐ/TW ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ, Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng và tình hình giải quyết tố cáo thời gian qua,

BỘ CHÍNH TRỊ QUY ĐỊNH:

Điều 1. Trách nhiệm giải quyết tố cáo.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương trực tiếp giải quyết những nội dung tố cáo liên quan đến những quy định về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt nội bộ Đảng.

2. Ban Cán sự Đảng Thanh tra Nhà nước chỉ đạo giải quyết những nội dung tố cáo liên quan đến quản lý nhà nước trong mọi lĩnh vực theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo. Ban Nội chính Trung ương, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương chỉ đạo giải quyết những nội dung tố cáo liên quan đến việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương trực tiếp giải quyết những nội dung tố cáo liên quan đến lịch sử chính trị và hoạt động chính trị hiện hành.

4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương trực tiếp giải quyết những nội dung tố cáo liên quan đến quan điểm, tư tưởng.

5. Đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo giải quyết những nội dung tố cáo về việc chấp hành Điều lệ của đoàn thể mình.

Những nội dung tố cáo không thuộc trách nhiệm giải quyết của mình, chậm nhất 5 ngày sau khi tiếp nhận phải chuyển đến tổ chức có trách nhiệm để kịp thời xem xét, giải quyết.

Điều 2. Phối hợp giải quyết tố cáo.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì giải quyết tố cáo, trực tiếp xem xét những nội dung thuộc trách nhiệm của mình; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nhiệm vụ giải quyết tố cáo; tổng hợp kết quả

giải quyết tố cáo đối với cán bộ; báo cáo Bộ Chính trị theo định kỳ sáu tháng một lần về tình hình giải quyết tố cáo cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

2. Các tổ chức đảng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các tổ chức đảng có liên quan chỉ đạo hoặc trực tiếp giải quyết những nội dung tố cáo đảng viên thuộc cấp mình quản lý.

3. Khi trực tiếp hoặc chỉ đạo giải quyết và sau khi kết luận về những nội dung tố cáo thuộc trách nhiệm của mình, các tổ chức đảng thông báo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương biết. Ủy ban Kiểm tra Trung ương khi xem xét, giải quyết và sau khi kết luận về những nội dung tố cáo thuộc trách nhiệm của mình thì thông báo cho tổ chức đảng có liên quan biết.

4. Trường hợp cần thiết, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các tổ chức đảng có trách nhiệm báo cáo để Bộ Chính trị giao cho một cơ quan chủ trì, có sự phối hợp của các cơ quan có liên quan hoặc lập tổ công tác để giải quyết.

5. Qua giải quyết hoặc chỉ đạo giải quyết tố cáo, nếu thấy có vấn đề phải xem xét thi hành kỷ luật của Đảng, kỷ luật hành chính hoặc xử lý bằng pháp luật, các tổ chức đảng báo cáo Bộ Chính trị qua Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với các tổ chức đảng có liên quan xem xét và yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới báo cáo; quyết định hoặc đề nghị Bộ Chính trị quyết định thi hành kỷ luật theo thẩm quyền...

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương căn cứ văn bản

này để quy định việc giải quyết tố cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp mình quản lý.

Các ban và cơ quan giúp việc Trung ương, Ban Cán sự Đảng Thanh tra Nhà nước, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Toà án Nhân dân tối cao, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội chỉ đạo xây dựng quy chế phối hợp giải quyết tố cáo theo Điều 1, Điều 2 của Quy định này.

Hằng quý, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì giao ban với các tổ chức đảng trực tiếp hoặc chỉ đạo giải quyết tố cáo để thông báo tình hình, bàn biện pháp phối hợp và những vấn đề khác cần thiết cho việc giải quyết tố cáo.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký, được phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 53-QC/TW, ngày 5 tháng 5 năm 1999

Về chế độ kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các cấp ủy và tổ chức đảng phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ.

Điều 2. Kiểm tra để đánh giá đúng cán bộ và công tác cán bộ, kịp thời nêu gương cán bộ và tổ chức đảng làm tốt, giúp đỡ cán bộ và tổ chức đảng gặp khó khăn, ngăn chặn những biểu hiện lệch lạc của cán bộ (về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, trách nhiệm...) và công tác cán bộ (thực hiện các nguyên tắc, quy chế, chế độ đã quy định về phát huy dân chủ, đoàn kết nội bộ...), phát hiện những kinh nghiệm tốt, uốn nắn những sơ hở, thiếu sót trong công tác cán bộ, kịp thời xử lý những vi phạm.

Điều 3. Việc kiểm tra phải tuân thủ Điều lệ Đảng, quy định

của Ban Chấp hành Trung ương và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Chương II

CHẾ ĐỘ, NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA

Điều 4. Chế độ kiểm tra.

1. Đối với cán bộ:

1.1. Thường xuyên tự kiểm điểm đánh giá ưu điểm, khuyết điểm trong công tác và rèn luyện hằng ngày.

1.2. Mỗi năm một lần tự phê bình tại chi bộ và tại cấp ủy hoặc tổ chức chính quyền, đoàn thể mà mình là thành viên.

1.3. Hằng năm, chi ủy nơi cán bộ sinh hoạt lấy ý kiến đóng góp của chi ủy nơi cán bộ cư trú bằng hình thức thích hợp (chi ủy nơi cán bộ sinh hoạt trực tiếp lấy ý kiến phản ánh của chi ủy nơi cán bộ cư trú; hoặc chi ủy nơi cán bộ cư trú thấy có vấn đề cần thiết thì phản ánh, góp ý kiến bằng văn bản hoặc trực tiếp trao đổi với chi ủy nơi cán bộ sinh hoạt) về mối quan hệ của cán bộ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú; về chấp hành và giáo dục gia đình chấp hành chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của khu dân cư.

1.4. Chịu sự kiểm tra của chi bộ, tổ chức đảng nơi sinh hoạt đảng và của tổ chức đảng cấp trên.

2. Đối với cấp ủy và tổ chức đảng:

2.1. Thường xuyên có chương trình, kế hoạch tự kiểm tra về công tác cán bộ và kiểm tra cán bộ thuộc cấp mình quản lý;

hướng dẫn, kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện các nội dung đó.

2.2. Thực hiện chế độ tự phê bình, phê bình thường xuyên về công tác cán bộ.

2.3. Mỗi năm một lần tổ chức lấy ý kiến đóng góp xây dựng Đảng của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong đơn vị.

2.4. Chịu sự kiểm tra và chấp hành kế hoạch kiểm tra của tổ chức đảng cấp trên theo định kỳ và khi có yêu cầu.

2.5. Tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp về công tác cán bộ; về thực hiện chế độ kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ theo định kỳ và bất thường.

Điều 5. Nội dung kiểm tra.

1. Đối với cán bộ:

Kiểm tra về tiêu chuẩn cán bộ bao gồm: phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực chuyên môn, ý thức trách nhiệm trong công tác và thực hiện nhiệm vụ được giao, mối liên hệ với quần chúng trong cơ quan và nơi cư trú.

2. Đối với cấp ủy và tổ chức đảng:

Kiểm tra việc thực hiện các nội dung về công tác cán bộ, bao gồm:

2.1. Quán triệt và thực hiện các quan điểm của Đảng về chiến lược cán bộ và công tác cán bộ.

2.2. Xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

2.3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ.

2.4. Thực hiện các quy chế, quy định về công tác cán bộ

(về đánh giá cán bộ, về bổ nhiệm cán bộ, về phân cấp quản lý cán bộ...).

2.5. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

2.6. Thực hiện chế độ kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ.

2.7. Thực hiện cơ chế nhân dân tham gia xây dựng và giám sát cán bộ.

Điều 6. Đối tượng kiểm tra.

1. Đối với cán bộ: cán bộ là cấp ủy viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý (theo Quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và của cấp ủy các cấp), trước hết là các cán bộ chủ chốt, cán bộ kế cận trong diện quy hoạch, thủ trưởng cơ quan quản lý cán bộ và cán bộ tham mưu về công tác cán bộ của cấp ủy hoặc tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

2. Đối với tổ chức đảng (chi bộ, cấp ủy các cấp, các ban của Đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn) kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới, tập trung kiểm tra các cơ quan làm tham mưu giúp cấp ủy, tổ chức đảng về công tác cán bộ.

Chương III

QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

A- Tự kiểm tra

Điều 7. Đối với cán bộ, đảng viên:

- Cán bộ là đảng viên tự phê bình mỗi năm một lần (bằng văn bản) trước tổ chức đảng: đảng viên là cấp ủy viên tiến hành trong chi bộ và cấp ủy mà mình là thành viên, đảng viên

không phải là cấp ủy viên tiến hành trong chi bộ. Nếu cán bộ tham gia nhiều cấp ủy thì tự phê bình trước cấp ủy có quan hệ trực tiếp đến công việc thường xuyên của cán bộ. Nếu cần, tự phê bình trước cấp ủy khác thì do cấp ủy quản lý cán bộ đó quyết định.

- Cán bộ không phải là đảng viên tự phê bình trong tổ chức mà mình là thành viên.

Tiếp thu ý kiến đóng góp của tập thể về ưu điểm, khuyết điểm để đề ra biện pháp phát huy, sửa chữa, khắc phục.

Điều 8. Đối với tổ chức đảng (chi bộ, cấp ủy, các ban của cấp ủy):

1. Chuẩn bị báo cáo tự phê bình; lấy ý kiến đóng góp của đảng viên và quần chúng.

2. Tập thể chi bộ hoặc cấp ủy thảo luận, tự phê bình, phê bình.

3. Kết luận ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm (nếu có), đề ra phương hướng, biện pháp khắc phục khuyết điểm.

4. Báo cáo kết quả lên cấp ủy cấp trên.

B- Kiểm tra

Điều 9. Tổ chức đảng tiến hành kiểm tra.

1. Xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác kiểm tra, trong đó có nội dung về kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ để lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra (dùng cho cấp ủy các cấp) và thực hiện kiểm tra.

2. Ban Thường vụ cấp ủy định kỳ 6 tháng, 1 năm nghe đại diện các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp báo cáo kết quả

thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; xem xét và giải quyết các yêu cầu, kiến nghị của cấp dưới; thông báo nhận xét và chỉ đạo thực hiện những việc cần thiết để các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp chấp hành. Định kỳ 1 năm kết hợp với thực hiện kiểm điểm theo Quy chế đánh giá cán bộ, tổ chức đảng đã tiến hành kiểm tra, kiểm tra lại việc thực hiện kết luận kiểm tra và quyết định hoặc đề nghị thi hành kỷ luật (nếu có).

Điều 10. Các tổ chức đảng tiến hành kiểm tra theo ba bước: chuẩn bị nội dung, kế hoạch, tổ chức lực lượng kiểm tra; tiến hành kiểm tra; kết thúc kiểm tra (theo hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

Điều 11. Kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra với công tác tư tưởng, tổ chức, bảo vệ chính trị nội bộ, tự phê bình và phê bình, coi trọng tự phê bình; kết hợp kiểm tra định kỳ 1 năm với thực hiện kiểm điểm theo Quy chế đánh giá cán bộ. Nếu phát hiện có vi phạm Điều lệ Đảng, nguyên tắc tổ chức của Đảng thì cấp ủy chỉ đạo việc xem xét, kết luận và xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm.

Chương IV

PHỐI HỢP, KẾT HỢP KIỂM TRA

Điều 12. Cấp ủy phải xây dựng quy chế phối hợp và trực tiếp điều hành sự phối hợp để tiến hành các cuộc kiểm tra của các tổ chức đảng (cấp ủy, ban, ủy ban kiểm tra):

1. Ủy ban Kiểm tra tham mưu về nghiệp vụ công tác kiểm tra, nắm tình hình, giúp cấp ủy gợi ý để đảng viên,

tổ chức đảng tự phê bình; chủ trì kiểm tra cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm; tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều 32 Điều lệ Đảng về công tác cán bộ, phân loại cán bộ và tổ chức đảng.

2. Ban Tổ chức của cấp ủy tham mưu cho cấp ủy về phối hợp tiến hành kiểm tra hoặc chủ trì kiểm tra theo thẩm quyền việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị liên quan đến công tác cán bộ; kiểm tra việc nhận xét, đánh giá theo tiêu chuẩn cán bộ, kiểm tra phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức đảng theo định kỳ; phối hợp với Ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra các vụ việc có dấu hiệu vi phạm về công tác cán bộ.

3. Ban Tư tưởng - Văn hóa (Ban Tuyên giáo ở cấp tỉnh, thành, huyện, thị) tham mưu giúp cấp ủy hoặc chủ trì kiểm tra về tư tưởng chính trị, tham gia kiểm tra đánh giá, phân tích chất lượng cán bộ, tổ chức đảng.

4. Ban Bảo vệ chính trị nội bộ tham mưu giúp cấp ủy hoặc chủ trì kiểm tra về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay và tham gia kiểm tra đánh giá, phân tích chất lượng cán bộ, tổ chức đảng.

5. Ban Cán sự Đảng các cơ quan nhà nước, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội chủ trì kiểm tra những vấn đề thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình về công tác cán bộ. Khi Ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra, nếu có yêu cầu thì các ban của cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn có trách nhiệm phối hợp kiểm tra.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Quy chế về chế độ kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ được thực hiện đối với tất cả cán bộ và tổ chức đảng theo quy định của Điều 6 của Quy chế này. Cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn căn cứ Quy chế này quy định cụ thể việc thực hiện đối với cán bộ và tổ chức đảng thuộc phạm vi lãnh đạo của mình.

Điều 14. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với các ban của Đảng hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Quy chế này được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 215-TB/TW, ngày 8 tháng 5 năm 1999

Về đàm phán chương trình Miyazawa - Nhật Bản

Tại phiên họp ngày 7-5-1999, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo kết quả đàm phán về chương trình Miyazawa, Bộ Chính trị đã kết luận:

Nhất trí với đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ trong việc tranh thủ đàm phán vay của Nhật Bản từ chương trình Miyazawa và lưu ý thêm một số vấn đề sau:

1. Việc đàm phán với Nhật Bản để tranh thủ nguồn vốn bổ sung cho những khó khăn về vốn của ta hiện nay là cần thiết, nhưng phải nhận thức đầy đủ bản chất của vấn đề, thấy cả mặt thuận và cả những mặt không thuận để có đối sách hợp lý vừa khai thác được những thuận lợi, đồng thời vừa bảo đảm thực hiện chủ trương và đường lối đối ngoại, kinh tế của Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình đàm phán phải nêu rõ những đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta, quan điểm và chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong hội nhập kinh tế với các nước trên thế giới. Các điểm cam kết phải có tính khả thi,

bảo vệ uy tín của quốc gia khi thực hiện các chương trình đã ký kết với nước ngoài.

2. Chương trình Miyazawa của Nhật Bản cung cấp cho ta khoản vay tín dụng ưu đãi, sau này phải hoàn trả, vì vậy, Chính phủ phải xác định cụ thể lĩnh vực và dự án đầu tư, có cơ chế giải ngân nhanh, sử dụng khoản vay có hiệu quả báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị.

3. Về một số nội dung của đàm phán:

- Khi đàm phán, ký kết với Nhật Bản phải nêu rõ đường lối của Đảng và Nhà nước ta là phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần kinh tế tư nhân; việc bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân phải có những bước đi phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của ta.

- Về vấn đề hỗ trợ kiểm toán doanh nghiệp nhà nước (số lượng và doanh nghiệp cỡ nào do Chính phủ quyết định) mục đích là để giúp ta đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp này, ta cần làm rõ và khẳng định tính độc lập, tự chủ của nước ta trong việc lựa chọn doanh nghiệp, tổ chức tiến hành và cung cấp kết quả kiểm toán.

- Đối với những điều kiện về xoá bỏ hàng rào phi thuế và nâng thuế để bảo hộ trong nước phải được cân đối với lịch trình đã xác định với các tổ chức quốc tế khác như AFTA, WTO, APEC, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ...

Căn cứ vào kết luận trên đây, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Chính phủ tổ chức triển khai, chỉ đạo các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại và các cơ quan có liên quan phối hợp chặt chẽ trong việc nghiên cứu, đàm phán, tranh thủ sự giúp đỡ của Nhật Bản từ quỹ này,

đồng thời có kế hoạch chỉ đạo các doanh nghiệp nhà nước nỗ lực phấn đấu vươn lên làm ăn có hiệu quả, cạnh tranh được với nước ngoài.

Thừa lệnh Bộ Chính trị, xin thông báo các đồng chí biết để thực hiện.

T/L BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 47-CT/TW, ngày 12 tháng 5 năm 1999

Về việc phát hành và tổ chức cuộc vận động toàn dân tham gia mua công trái xây dựng Tổ quốc

Phát hành công trái xây dựng Tổ quốc là một chủ trương quan trọng của Đảng và Nhà nước nhằm phát huy nội lực, huy động sự đóng góp của toàn dân cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Trước đây, việc phát hành công trái đã thu được những kết quả quan trọng; nguồn thu từ công trái được sử dụng để đầu tư xây dựng nhiều công trình công nghiệp lớn và góp phần thực hiện thắng lợi chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

Trong điều kiện hiện nay, nhu cầu vốn cho công nghiệp hoá, hiện đại hóa rất lớn; đòi hỏi phải huy động tối đa mọi nguồn lực trong nước; đặc biệt là nhu cầu vốn cho các công trình, các dự án đầu tư có ý nghĩa kinh tế - xã hội thiết thực, như đầu tư cho thủy lợi, xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn, trước hết là các xã nghèo, đặc biệt khó khăn.

Tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá X đã giao Chính phủ

phát hành công trái xây dựng Tổ quốc để huy động khoảng 3.000 - 4.000 tỉ đồng phục vụ cho các mục đích trên.

Để việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc đạt được kết quả tốt, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo cuộc vận động toàn dân tham gia mua công trái xây dựng Tổ quốc với những yêu cầu và nội dung như sau:

1. Việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc nhằm động viên lòng yêu nước của mọi công dân và các tổ chức trong việc huy động vốn cho đầu tư phát triển đất nước.

2. Nhà nước khuyến khích và bảo đảm lợi ích của người mua và sở hữu công trái theo pháp luật.

3. Các cơ quan chức năng phải tăng cường công tác quản lý trong phát hành cũng như trong việc sử dụng nguồn vốn huy động từ công trái; tiền thu công trái phải được đầu tư cho các công trình, dự án theo đúng mục đích được xác định và quản lý chặt chẽ việc sử dụng để đạt được hiệu quả cao. Thực hiện việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về kết quả phát hành công trái xây dựng Tổ quốc và việc sử dụng nguồn vốn huy động được từ phát hành công trái.

4. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo kịp thời việc ban hành cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể triển khai thực hiện tốt chủ trương phát hành công trái xây dựng Tổ quốc, đồng thời có biện pháp tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc mua công trái, vận động mọi công dân Việt Nam, kiều bào ta đang sinh sống ở trong nước hoặc ngoài nước và các tổ chức nên tham gia mua công trái.

5. Các đảng bộ, chi bộ đảng tổ chức sinh hoạt quán triệt tới từng đảng viên chủ trương này, gắn cuộc vận động tiết kiệm

tiêu dùng, mua công trái xây dựng Tổ quốc với chương trình triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII. Cán bộ, đảng viên tuỳ hoàn cảnh của mình, cần gương mẫu trong phong trào mua công trái xây dựng Tổ quốc.

6. Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các đoàn thể, các hội quần chúng nhân dân khác lấy việc thi đua mua công trái làm một nội dung sinh hoạt quan trọng trong công tác vận động quần chúng của mình.

Việc động viên toàn dân mua công trái xây dựng Tổ quốc là cuộc vận động chính trị rộng lớn, qua cuộc vận động này làm cho mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi công dân thấy được vai trò trách nhiệm của mình đối với đất nước, từ đó tin tưởng hơn nữa vào sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Để thực hiện thắng lợi chủ trương phát hành và tổ chức cuộc vận động toàn dân mua công trái xây dựng Tổ quốc, Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 54-QĐ/TW, ngày 12 tháng 5 năm 1999

Về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng

I- NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1.

- Học tập là nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức chuyên môn và năng lực hoạt động thực tiễn.

Bản Quy chế này quy định chế độ học tập lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên.

- Việc học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị được thực hiện gắn với việc tiêu chuẩn hóa đối với cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội.

- Kết quả học tập lý luận chính trị là một trong những tiêu chuẩn để xem xét đánh giá, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ, đánh giá tư cách đảng viên và tổ chức đảng trong sạch vững mạnh.

- Thực hiện đúng quy định về phân công, phân cấp quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị trong hệ thống trường lớp của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và hệ thống giáo dục quốc dân, tránh sự chồng chéo, lãng phí.

II- VỀ CHẾ ĐỘ HỌC TẬP LÝ LUẬN, CHÍNH TRỊ TRONG ĐẢNG

Điều 2.

Chương trình học tập bắt buộc của đảng viên bao gồm:

1. Đảng viên trong thời gian dự bị phải học xong chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới.

Đảng viên chính thức tuỳ theo yêu cầu trách nhiệm và trình độ lý luận chính trị đã được đào tạo để lựa chọn chương trình học tập phù hợp, cụ thể như sau:

- Đảng viên ở cơ sở học xong chương trình lý luận chính trị sơ cấp tại trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, và phải có kế hoạch thường xuyên học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị. Đảng viên là cán bộ, công chức, cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước phải có trình độ lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức danh đã ban hành. Đối với cán bộ, công chức chưa phải là đảng viên, việc học tập lý luận chính trị thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh công chức. Đảng viên là người dân tộc thiểu số và đảng viên ở vùng sâu, vùng xa có trình độ văn hóa thấp, học chương trình lý luận chính trị sơ cấp được biên soạn riêng.

- Đảng viên trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội học tập các chương trình lý luận chính trị nêu trong bản Quy định này theo sự chỉ đạo của các đảng ủy khối nơi sinh hoạt.

- Đảng viên trong các lực lượng vũ trang học tập các chương trình lý luận chính trị nêu trong bản Quy định này, theo sự chỉ đạo của Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương.

- Đảng viên đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức tham gia học tập các nghị quyết của Đảng ở tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên cư trú được cấp ủy định kỳ thông báo tình hình thời sự, chính sách trong nước và thế giới.

- Đảng viên có trình độ lý luận chính trị trung cấp hoặc đã tốt nghiệp đại học và cao đẳng học các chương trình lý luận chuyên đề về kinh tế, văn hoá, xã hội... phù hợp với yêu cầu công tác.

- Đảng viên có trình độ lý luận cao cấp, đại học chính trị trở lên có kế hoạch tự học theo hướng dẫn của cơ quan phụ trách.

2. Đảng viên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở, phải học xong chương trình trung học chính trị tại trường chính trị tỉnh, thành phố.

3. Đảng viên là bí thư chi bộ và đảng ủy viên, chi ủy viên cơ sở học chương trình lý luận chính trị, nghiệp vụ quy định cho cấp ủy cơ sở tại trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

4. Đảng viên là công chức ngạch chuyên viên, là chuyên viên chính phải học xong chương trình trung cấp về lý luận chính trị, chuyên viên cao cấp phải học xong chương trình lý luận chính trị cao cấp.

5. Đảng viên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, quận và cán bộ lãnh đạo một số ban, ngành cấp tỉnh, một số doanh nghiệp... (có quy định riêng) phải học xong chương trình lý luận chính trị cao cấp tại Phân viện thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

6. Đảng viên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, thành, cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ban, ngành Trung ương, ủy viên thường vụ các đoàn thể Trung ương, ban giám đốc các tổng công ty, các doanh nghiệp lớn của Nhà nước... (có quy định riêng) phải học xong chương trình lý luận chính trị cao cấp tại Trung tâm Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

7. Tất cả đảng viên và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp phải học tập quán triệt các nghị quyết của Đại hội Đảng, của Ban Chấp hành Trung ương thông qua các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị do Bộ Chính trị quy định cụ thể cho từng năm.

8. Thống nhất tên gọi các cấp chương trình lý luận chính trị được sử dụng trong hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên của Đảng là: sơ cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị (hoặc trung học chính trị), cao cấp lý luận chính trị (hoặc cử nhân chính trị). Đối với các chương trình khác tương đương với ba cấp chương trình này sẽ có hướng dẫn cụ thể.

Điều 3.

Cấp ủy các cấp căn cứ vào tình hình cụ thể về trình độ lý luận chính trị của đảng viên trong chi bộ, đảng bộ, xây dựng

kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên nhằm thực hiện đúng quy chế học tập gắn với quy hoạch cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Cấp ủy có kế hoạch, biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích, giúp đỡ đảng viên tự học; tăng cường quản lý, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chế độ học tập, kết quả học tập qua thực tiễn công tác của cán bộ, đảng viên; tuyên dương, khen thưởng cán bộ, đảng viên có thành tích học tập trong dịp sơ kết, tổng kết công tác hằng năm của đơn vị; tạo phong trào thi đua học tập lý luận chính trị trong chi bộ, đảng bộ, đưa việc học tập lý luận chính trị vào nền nếp thường xuyên.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan Đảng, Nhà nước có liên quan giúp Bộ Chính trị trong việc hướng dẫn, kiểm tra các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trong Đảng.

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức biên soạn, đổi mới nội dung, chương trình học tập cho các đối tượng được phân công đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức biên soạn sách giáo khoa, tài liệu tham khảo cho các chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị;

có quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong hệ thống Đảng, tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị các cấp.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thống nhất nội dung chương trình lý luận chính trị trong hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng, Nhà nước, đoàn thể; hướng dẫn việc sử dụng hệ thống văn bằng, chứng chỉ, khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị hiện nay.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ soát xét lại hệ thống chế độ, chính sách hiện hành để bổ sung, sửa đổi những điểm không phù hợp; quan tâm đầu tư về mặt tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các trường chính trị, trung tâm bồi dưỡng chính trị, có chế độ đãi ngộ khuyến khích, ưu tiên đối với đội ngũ giảng viên, kể cả giảng viên kiêm chức, báo cáo viên, học viên các trường, lớp lý luận chính trị.

Điều 5.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương tổ chức hướng dẫn thực hiện Quy định này và thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện với Bộ Chính trị.

Các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng các bộ, ngành, đoàn thể có trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra

việc thi hành Quy định này, tạo điều kiện thuận lợi về kinh phí, chính sách, chế độ, cơ sở vật chất kỹ thuật và bố trí đủ cán bộ có năng lực và phẩm chất tốt để công tác giáo dục lý luận chính trị đạt chất lượng cao và hiệu quả thiết thực.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 55-QĐ/TW, ngày 12 tháng 5 năm 1999

Những điều đảng viên không được làm

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, nhằm giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới;

- Căn cứ Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị quy định:

I- NHỮNG ĐIỀU ĐẢNG VIÊN KHÔNG ĐƯỢC LÀM

1. Nói và làm trái Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng; những điều mà pháp luật hiện hành không cho phép công dân, cán bộ, công chức được làm.

2. Phát ngôn, tán phát tài liệu (bài viết, bài nói, tờ rơi, băng ghi hình, băng ghi âm...) và xúi giục người khác phát ngôn, tán phát tài liệu để truyền bá những quan điểm trái với

đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trái với quyết định của tổ chức đảng.

3. Tố cáo sai sự thật, viết đơn thư tố cáo nặc danh, mạo danh; tổ chức, kích động, phụ họa, xúi giục, lôi kéo, mua chuộc, cưỡng ép người khác đi khiếu kiện, hoặc viết, ký tên vào đơn thư khiếu kiện tập thể.

4. Tổ chức, tham gia mít tinh, biểu tình mà không được tổ chức có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước cho phép.

5. Tổ chức, tham gia các hoạt động bè phái, gây mất đoàn kết, gây chia rẽ cục bộ địa phương, dòng họ.

6. Đả kích, vu cáo, xúc phạm, đe dọa, trấn áp, trù dập người phê bình, góp ý kiến trái với ý mình.

7. Tự ý ứng cử hoặc tự nhận đề cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân,... khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu hoặc cho phép.

8. Quan liêu, thiếu trách nhiệm để cơ quan, địa phương, đơn vị của mình xảy ra tình trạng mất đoàn kết, tham ô, tham nhũng, lãng phí và các hiện tượng tiêu cực khác.

9. Lợi dụng chức quyền trong việc giao, nhận dự án; giấy phép xuất, nhập khẩu; cấp hạn ngạch (quota), cấp đất, cấp nhà, cấp các loại vốn,... sai quy định của Nhà nước.

10. Chủ trì tham mưu, đề xuất, tham gia ban hành các quyết định, quy định của địa phương trái với chính sách, quy định của Đảng và Nhà nước.

11. Nhận hoặc yêu cầu cấp dưới, các tổ chức kinh tế - xã hội và cá nhân đóng góp kinh phí ngoài quy định của Nhà nước để dùng cho việc giao dịch, biếu xén, hối lộ, chi tiêu cho cá nhân và tập thể.

12. Đưa, nhận hoa hồng thông qua hoạt động môi giới và giao thầu, nhận thầu các công trình kinh tế, xã hội trái quy định của Nhà nước.

13. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bản thân, người trong gia đình đi du lịch, tham quan, học tập ở trong nước và nước ngoài bằng kinh phí của Nhà nước, tập thể hoặc bằng nguồn tài trợ của tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

14. Can thiệp, tác động sai quy định đến cá nhân, tổ chức để người khác được đề bạt sai tiêu chuẩn; lợi dụng chức quyền để tuyển dụng, sắp xếp, bố trí cán bộ vì mục đích cá nhân; ép buộc hoặc mua chuộc cá nhân hoặc tổ chức để bao che, giảm tội cho người khác.

15. Dùng công quỹ mua sắm trang thiết bị nội thất, phương tiện đi lại, thông tin liên lạc vượt quá định mức và sử dụng vào việc riêng.

16. Dùng công quỹ để tiếp khách, tặng quà vượt quá quy định cho phép; xây dựng các công trình hoặc chi cho các hoạt động vui chơi, giải trí cho cá nhân và một số ít người.

17. Tham gia đánh bạc, "số đề", cá cược, say rượu, bia, ăn uống bê tha làm mất tư cách; tổ chức tham gia các dịch vụ không lành mạnh (bia ôm, karaôkê ôm, mát xa ở nhà hàng...).

18. Mê tín dị đoan và hoạt động mê tín dị đoan.

19. Tổ chức việc tang, việc cưới, mừng ngày lễ, mừng sinh nhật, mừng thọ, mừng nhà mới, mừng lên chức, kỷ niệm ngày cưới, chuyển công tác... quá mức bình thường, nhằm mục đích vụ lợi.

II- XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng viên vi phạm quy định này là vi phạm kỷ luật Đảng. Nếu vi phạm đến mức phải xử lý thì phải thẩm tra, xác minh, kết luận, xử lý công minh, chính xác, kịp thời theo quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước.

2. Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định này và sáu tháng một lần báo cáo Bộ Chính trị về tình hình thực hiện.

Các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, tổ chức thực hiện tốt Quy định này.

Trong quá trình thực hiện Quy định này có vấn đề cần sửa đổi, bổ sung thì báo cáo Bộ Chính trị xem xét quyết định.

3. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký, áp dụng với mọi đảng viên, được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾ HOẠCH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 04-KH/TW, ngày 13 tháng 5 năm 1999

Về triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã quyết định "Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ ngày 19-5-1999 đến ngày 19-5-2001". Đây là nhiệm vụ cơ bản, cấp bách của công tác xây dựng Đảng, là công việc trọng tâm của tiến trình triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Việc triển khai cuộc vận động cần kết hợp chặt chẽ với việc tổ chức thực hiện thắng lợi chương trình công tác năm 1999 và các năm sau, xử lý kịp thời và có hiệu quả những công việc cấp bách; phải được tiến hành theo tinh thần thiết thực, tiết kiệm, tránh hình thức và lãng phí.

Bộ Chính trị đã ban hành "Kế hoạch triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng" (số 03-KH/TW, ngày 10-2-1999).

Sau đây là kế hoạch triển khai cụ thể cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

I- MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng - tiến hành tự phê bình và phê bình từ ngày 19-5-1999 đến ngày 19-5-2001 nhằm mục đích "xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo, nâng cao uy tín và thanh danh của Đảng, thực hiện quan hệ máu thịt với nhân dân, làm cho Đảng - dân một ý chí".

1. Nâng cao nhận thức về vị trí then chốt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ mới; tăng cường sự thống nhất về nhận thức, tư tưởng chính trị, về ý chí và hành động trong toàn Đảng; củng cố và tăng cường sức mạnh của Đảng về mọi mặt, làm cho Đảng thật sự vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; ngăn chặn, đẩy lùi một bước quan trọng sự suy thoái về đạo đức, lối sống ở một bộ phận cán bộ, đảng viên; xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, gắn bó với nhân dân, thực hiện lời dạy của Bác Hồ: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh".

3. Tạo bước chuyển biến mới trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; chấn chỉnh, sắp xếp lại các tổ chức, bộ máy trong hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh, gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

4. Nêu cao tính nghiêm túc và gương mẫu chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết Đảng, pháp luật Nhà nước, "nói đi đôi với làm".

II- CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

Cuộc vận động được tiến hành đồng bộ, thống nhất và chia làm ba bước:

1. Bước 1: từ ngày 19-5-1999 đến ngày 2-9-1999

1- Tổ chức Hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Thời gian: Hội nghị họp trong bốn ngày vào dịp kỷ niệm 109 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và 30 năm thực hiện *Di chúc* của Người; đồng thời phát động cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Thành phần triệu tập:

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

+ Bí thư hoặc phó bí thư;

+ Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

+ Trưởng ban tuyên giáo, trưởng ban tổ chức, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

- Các ban, ngành Trung ương:

+ Trưởng ban hoặc phó trưởng ban các ban của Trung ương Đảng;

+ Bí thư hoặc phó bí thư trực các đảng ủy khối trực thuộc Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương.

- Bí thư hoặc phó bí thư Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các bộ; bí thư hoặc phó bí thư Đảng đoàn Quốc hội, Mặt trận, các đoàn thể chính trị và các Hội Văn học nghệ thuật, Liên hiệp Hội Khoa học và kỹ thuật; Liên hiệp các tổ chức hữu nghị

Việt Nam, Hội Nhà báo, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội đồng Trung ương Liên minh các hợp tác xã Việt Nam; chủ nhiệm các ủy ban của Quốc hội; trưởng đoàn đại biểu Quốc hội...

Nội dung Hội nghị:

+ Đồng chí Tổng Bí thư khai mạc Hội nghị.

+ Đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị trình bày một số vấn đề quan trọng về nội dung cần quán triệt và việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) (Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chuẩn bị đề cương).

+ Giới thiệu "Quy định những việc cán bộ, đảng viên không được làm", Quy chế về chế độ kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ; quy định giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý (đồng chí Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Ủy viên Bộ Chính trị).

+ Giới thiệu các quy chế về quản lý cán bộ và hướng dẫn thực hiện kế hoạch triển khai phê bình và tự phê bình (đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị).

+ Giới thiệu quy chế học tập lý luận chính trị trong Đảng (đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị).

+ Hội nghị thảo luận trao đổi ở tổ.

+ Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu giải đáp, tổng kết Hội nghị.

Tài liệu Hội nghị:

- Văn kiện Hội nghị Trung ương 6 (lần 2); Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, *Di chúc* của Bác, Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương tại Lễ truy điệu Bác; bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* của Bác Hồ.

- Các quy chế, quy định nêu trên.

- Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn dùng cho báo cáo viên và cán bộ trung, cao cấp để tham khảo.

2- Tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm lần thứ 109 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (sáng ngày 18-5-1999, trong thời gian Hội nghị cán bộ toàn quốc).

- Đồng chí Tổng Bí thư thay mặt Trung ương đọc diễn văn quan trọng và chính thức phát động cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ ngày 19-5-1999 đến ngày 19-5-2001 (Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chuẩn bị nội dung).

- Đại diện lão thành cách mạng, đại diện các Đảng ủy khối trực thuộc Trung ương, đại biểu Thanh niên phát biểu ý kiến hưởng ứng cuộc vận động (Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chuẩn bị).

Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam tường thuật tại chỗ buổi mít tinh kỷ niệm. Các địa phương không tổ chức mít tinh riêng.

Trong đợt sinh hoạt chi bộ tháng 5-1999, đảng viên đọc toàn văn *Di chúc* của Bác, Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại buổi lễ truy điệu Bác Hồ và bài diễn văn của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại lễ kỷ niệm ngày sinh của Bác.

3- Tổ chức quán triệt sâu Nghị quyết, bàn chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và tuyên truyền giáo dục tinh thần Nghị quyết cho nhân dân ở các cấp (Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương hướng dẫn thực hiện).

4- Tiến hành kiểm điểm phê bình và tự phê bình của các cấp

- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình trong phạm vi bộ, ban, ngành, địa phương mình; đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 1998 và quý I năm 1999, tình hình tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đảng bộ.

- Tập thể và cá nhân kiểm điểm. Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo việc tự phê bình và phê bình ở một số bộ, ban, ngành, tỉnh, thành và sẽ sơ kết, có văn bản hướng dẫn việc triển khai tự phê bình và phê bình ở các cấp, các ngành (chậm nhất là ngày 15-6-1999).

2. Bước 2: từ ngày 2-9-1999 đến ngày 3-2-2000

a) Tổ chức kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (3-9-1969 – 3-9-1999); toàn Đảng, toàn dân, toàn quân học tập, liên hệ với *Di chúc* của Bác để đánh giá kết quả bước đầu cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Văn phòng Trung ương chủ trì, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội phối hợp tổ chức tốt lễ kỷ niệm ở Trung ương và có kế hoạch thiết thực cho các chi bộ và đơn vị cơ sở.

b) Tiếp tục thực hiện tự phê bình và phê bình theo kế hoạch của Bộ Chính trị và của cấp ủy.

c) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7.

d) Lãnh đạo tốt việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

e) Đẩy mạnh phong trào thi đua tiến tới kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng 3-2-2000.

3. Bước 3: từ ngày 3-2-2000 đến ngày 19-5-2001

Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX:

a) Tổ chức trọng thể kỷ niệm mừng Đảng ta tròn 70 tuổi. Có đề cương tổng kết 70 năm hoạt động của Đảng gắn với việc đánh giá tiến trình phát triển của dân tộc trong thế kỷ XX. Bồi dưỡng, nâng cao niềm tự hào về truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc và của Đảng cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nhất là thế hệ trẻ; xây dựng ý thức chăm lo xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện sứ mệnh lịch sử đưa dân tộc ta sánh bước cùng nhân loại tiến vào thiên niên kỷ mới.

b) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, các cơ quan lý luận, tư tưởng của Đảng phối hợp tổ chức hội thảo, sinh hoạt lý luận tư tưởng nhân kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng, góp phần giải đáp những vấn đề lý luận, thực tiễn hướng tới Đại hội IX của Đảng.

c) Gắn liền công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng với việc tổ chức thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội IX, dự thảo báo cáo của các cấp ủy trình đại hội đảng bộ các cấp, bảo đảm việc xây dựng đường lối chính trị của Đảng và lựa chọn tốt nhân sự qua đại hội các cấp.

d) Chỉ đạo tốt hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000, trọng tâm là kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng, 55 năm ngày Quốc khánh, 110 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 25 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước;

đẩy mạnh phong trào thi đua tiến tới Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc vào cuối năm 2000.

e) Tổ chức kết nạp lớp đảng viên mới nhân kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng 3-2-2000.

g) Tổng kết cuộc vận động.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng từ nay đến năm 2001 có ý nghĩa rất to lớn đến việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII và chuẩn bị Đại hội IX của Đảng. Đây là một nhiệm vụ then chốt phải được quán triệt trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước ta. Các cấp ủy đảng cần chỉ đạo thực hiện tốt cuộc vận động để thúc đẩy hoàn thành mọi nhiệm vụ, trước mắt là bảo đảm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 1999, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết phải được đổi mới, nói đi đôi với làm, chương trình hành động phải thể hiện sự vận dụng nghị quyết sáng tạo, hiệu quả, phải kết hợp chặt chẽ các khâu quán triệt nhận thức, tổ chức thực hiện, kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm và báo cáo kết quả.

Các ban của Đảng tập trung giúp Trung ương và Bộ Chính trị theo dõi, tổ chức thực hiện và hoàn thành tốt những công việc được phân công.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì việc sơ kết các bước triển khai thực hiện và tổng kết cuộc vận động.

- Văn phòng Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Học viện Chính trị Quốc gia

Hồ Chí Minh, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các cơ quan liên quan tổ chức tốt Hội nghị cán bộ toàn quốc.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn kế hoạch thực hiện các bước và hoàn thành những việc được phân công theo chức năng: biên soạn tài liệu học tập, soạn thảo các đề cương tuyên truyền giáo dục, mở các lớp nghiên cứu cho các đối tượng được phân công phụ trách, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền thực hiện Nghị quyết.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì cùng Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia và các ban Đảng liên quan tổ chức xây dựng đề cương tổng kết 70 năm hoạt động của Đảng vào dịp kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng.

- Hội đồng lý luận Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cùng các Tiểu ban văn kiện chuẩn bị Đại hội IX có kế hoạch cụ thể, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận tập trung vào những vấn đề bức xúc mà Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đề ra trình Bộ Chính trị trong quý III-2000, góp phần chuẩn bị Đại hội IX của Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 216-TB/TW, ngày 14 tháng 5 năm 1999

Về tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước, khoán, cho thuê kinh doanh và chuyển đổi sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước nhỏ

Tại phiên họp ngày 7-5-1999, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về thực hiện chủ trương "Giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước", Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

Về cơ bản đồng ý với những chủ trương của Ban Cán sự Đảng Chính phủ nêu trong Tờ trình số 29/BCS ngày 16-4-1999, đồng thời lưu ý một số vấn đề:

1. Chủ trương giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước là nằm trong chủ trương sắp xếp và tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước bằng các hình thức thích hợp, đã được nêu tại Nghị quyết Đại hội VIII và Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VIII) của Đảng, nhằm nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh, tiến tới thực hiện tốt hơn vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

2. Những doanh nghiệp thuộc diện không cần thiết phải duy trì 100% sở hữu nhà nước, có quy mô nhỏ bé, không có khả năng duy trì hoạt động, kinh doanh thua lỗ kéo dài nên khó có khả năng tiếp tục kinh doanh có hiệu quả hoặc tiến hành cổ phần hoá. Việc áp dụng các hình thức khoán, cho thuê kinh doanh và chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước thuộc diện này là cần thiết, nhằm sử dụng tốt hơn tài sản, thiết bị, bảo đảm việc làm cho người lao động để phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

3. Về một số nội dung cụ thể:

- Các doanh nghiệp nhà nước thuộc diện đã nêu trên có vốn dưới 1 tỉ đồng Việt Nam cần sớm thực hiện các hình thức chuyển đổi sở hữu.

- Ưu tiên chuyển giao doanh nghiệp nhà nước cho tập thể người lao động được tổ chức hoạt động theo hình thức hợp tác xã. Quá trình chuyển đổi cần được tiến hành theo đúng các thủ tục pháp lý, có các quy định thích hợp bảo đảm người lao động thực sự là người đồng sở hữu doanh nghiệp, tham gia làm chủ trong quá trình quản lý doanh nghiệp sau khi chuyển đổi. Trường hợp Nhà nước chuyển đổi sở hữu cho tập thể thì người lao động được ưu đãi, giảm giá ở mức độ khác nhau. Cần có quy định cấm đầu cơ, bán lại với giá cao cổ phần đã được mua theo các điều kiện ưu đãi trong thời hạn tối thiểu cần thiết.

- Có các biện pháp khuyến khích người tiếp nhận doanh nghiệp (tổ chức hay cá nhân) tiếp tục đầu tư và phát triển doanh nghiệp. Áp dụng các chính sách khuyến khích với người lao động thuộc diện các doanh nghiệp kể trên như đối với những doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa.

- Khi thực hiện chuyển đổi sở hữu, cần tuân thủ chặt chẽ các quy định của *Luật đất đai*. Có các quy định chặt chẽ để tránh lợi dụng các chủ trương này để giảm giá, tẩu tán, sang nhượng trái phép tài sản nhà nước trong các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi sở hữu.

- Chưa áp dụng các hình thức khoán, cho thuê kinh doanh, chuyển đổi sở hữu đối với nông trường, lâm trường quốc doanh và các doanh nghiệp nhà nước có vốn nhỏ nhưng hoạt động trong các dịch vụ trí tuệ, chuyên môn như tư vấn, thiết kế, giám định, v.v.. Đối với nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban Cán sự Đảng Chính phủ sớm có đề án riêng trình Bộ Chính trị.

- Chưa áp dụng các biện pháp trên đối với người nước ngoài.

- Thực hiện thí điểm, rút kinh nghiệm để từng bước mở rộng khi có điều kiện đối với những doanh nghiệp nhà nước có vốn từ 1 tỉ đồng đến 5 tỉ đồng Việt Nam.

4. Chỉ đạo chặt chẽ công tác tư tưởng trong quá trình chuyển đổi, bảo đảm cho các cấp, các ngành, toàn Đảng, toàn dân hiểu đúng đắn bản chất của việc áp dụng các biện pháp cần thiết trên là một trong những chủ trương tổ chức và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước đã được Đảng và Nhà nước xác định trong các nghị quyết của Đảng.

Thừa lệnh Bộ Chính trị, xin thông báo các đồng chí biết.

T/L BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 48-CT/TW, ngày 21 tháng 5 năm 1999

Về đại hội của các hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương

Trong hai năm 1999 - 2000 các hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương sẽ tiến hành đại hội nhiệm kỳ mới. Đại hội các hội văn học, nghệ thuật được tiến hành trong bối cảnh công cuộc đổi mới đất nước và đổi mới sự nghiệp văn học, nghệ thuật đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhưng cũng đang đứng trước nhiều vấn đề mới, thách thức mới. Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là căn cứ cốt lõi để các hội liên hệ, vận dụng xây dựng đề án đại hội.

I- YÊU CẦU CỦA CÁC ĐẠI HỘI LÀ:

1. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 5 và các nghị quyết khác của Đảng, đại hội các hội phải thực sự là những đợt sinh hoạt chính trị và nghề nghiệp quan trọng

của văn nghệ sĩ, nhằm thống nhất quan điểm, đánh giá đúng tình hình hoạt động của hội nhiệm kỳ qua, tổng kết sâu sắc các vấn đề có tính lý luận và thực tiễn về hoạt động của hội, đề ra được phương hướng nhiệm vụ công tác của nhiệm kỳ tới một cách cụ thể, có tính khả thi tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng, phát triển và đổi mới có hiệu quả các hoạt động của mỗi hội. Đại hội cần tập trung thảo luận một số vấn đề liên quan đến việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 5 của Đảng, chú trọng "phấn đấu sáng tạo nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng sâu sắc xây dựng con người".

2. Tiếp tục làm rõ tính chất chính trị - xã hội và nghề nghiệp của các hội và cụ thể hóa phương thức hoạt động, mô hình tổ chức thích hợp với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của từng hội, phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay, bảo đảm tập hợp, đoàn kết, động viên được mọi văn nghệ sĩ phát huy tiềm năng sáng tạo phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Tổ quốc.

3. Với tinh thần đoàn kết, dân chủ và xây dựng, bầu được ban chấp hành mới đủ mạnh, có chất lượng chính trị, văn hoá, nghề nghiệp, có khả năng tập hợp văn nghệ sĩ trong hội tham gia thực hiện các nhiệm vụ của hội trong nhiệm kỳ tới.

II- PHƯƠNG THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI:

1. Trước khi tiến hành đại hội, các hội cần chuẩn bị tốt nội dung báo cáo công tác, kiểm điểm sự lãnh đạo của ban

chấp hành, báo cáo sửa đổi, bổ sung điều lệ, dự kiến về nhân sự.

2. Để bảo đảm đại hội tiến hành có chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm, các đại hội sắp tới sẽ là đại hội đại biểu.

3. Bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, đảng đoàn, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quá trình tiến hành các đại hội; ở cơ sở các hội cần nghiên cứu cách tiến hành thích hợp bằng nhiều hình thức khác nhau như sinh hoạt từng chi hội, hoặc liên chi hội theo địa phương, ngành, v.v.. Bảo đảm cho hội viên được tham gia đóng góp vào các bản dự thảo báo cáo công tác, sửa đổi điều lệ, tự phê bình và phê bình của ban chấp hành cũ, giới thiệu nhân sự cho ban chấp hành mới từ đại hội cơ sở. Bảo đảm tuyệt đại đa số những người được bầu hoặc được chỉ định đi dự đại hội toàn quốc là những văn nghệ sĩ tiêu biểu của các thế hệ, vùng, miền, dân tộc, lứa tuổi, v.v..

Cấp ủy các tỉnh, thành phố, các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm chỉ đạo các đại hội cơ sở và giúp đỡ những đại biểu được bầu đi dự đại hội đại biểu toàn quốc.

Trong các đại hội đại biểu toàn quốc, cần có sự lãnh đạo sâu sát, tập trung, tạo được không khí đoàn kết, dân chủ, thẳng thắn, cởi mở và ý thức trách nhiệm cao trước Đảng, trước nhân dân, kiến nghị được nhiều giải pháp hữu ích và khả thi; lựa chọn được ban chấp hành mới theo yêu cầu nêu trên.

III- VỀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN:

Bộ Chính trị ủy nhiệm đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị; đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên

Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, cùng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ làm việc với Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, đảng đoàn và ban lãnh đạo các hội chuẩn bị tốt về nội dung và kế hoạch tiến hành đại hội, phương án nhân sự ban chấp hành mới, đặc biệt là nhân sự tổng thư ký để trình Thường vụ Bộ Chính trị xem xét.

Về ngân sách chi tiêu của các đại hội: căn cứ vào phương án tổ chức đại hội của các hội đã được duyệt, ban lãnh đạo các hội lập dự toán trình Chính phủ xem xét, giải quyết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 217-TB/TW, ngày 24 tháng 5 năm 1999

Về dự án *Luật doanh nghiệp*

Tại phiên họp ngày 22-5-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo một số vấn đề về dự án *Luật doanh nghiệp*, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về các vấn đề: phạm vi điều chỉnh; vốn pháp định (Tờ trình số 152-ĐĐQH, ngày 20-5-1999).

2. Về tên Luật, việc góp vốn vào doanh nghiệp và công ty trách nhiệm hữu hạn, một thành viên là cá nhân Quốc hội thảo luận làm rõ thêm và quyết định.

3. Về cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện việc đăng ký kinh doanh, giao cho Chính phủ quy định. Chính phủ quy định vấn đề này theo hướng phân cấp hợp lý, tăng cường trách nhiệm quản lý theo ngành và lãnh thổ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 218-TB/TW, ngày 24 tháng 5 năm 1999

Về dự án *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*

Tại phiên họp ngày 22-5-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo một số vấn đề của dự án *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc thông qua dự án *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khoá X.

Việc thông qua Luật này có ý nghĩa chính trị quan trọng nhằm khẳng định và tăng cường hơn nữa vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước. Đảng đoàn Quốc hội chú ý lãnh đạo quá trình thảo luận và biểu quyết để *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* được thông qua với sự nhất trí cao, thể hiện truyền thống đại đoàn kết của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2. Về một số vấn đề cụ thể của dự luật:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, *liên hiệp tự nguyện*, do vậy Luật không nên quy định

Đảng là thành viên của Mặt trận (Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng đã khẳng định rõ vấn đề này). Nhưng, phải xác định rõ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Mặt trận.

- Về đối tượng điều chỉnh của Luật, cần rà soát để làm rõ những vấn đề thuộc quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và vấn đề thuộc quyền và trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cho phù hợp.

3. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên và ý kiến của các đồng chí Bộ Chính trị trong phiên họp này, Đảng đoàn Quốc hội và Đảng đoàn Mặt trận chỉ đạo việc hoàn chỉnh dự luật để trình Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 219-TB/TW, ngày 29 tháng 5 năm 1999

Về dự án *Bộ luật hình sự (sửa đổi)*

Tại phiên họp ngày 27-5-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan có liên quan về dự án *Bộ luật hình sự (sửa đổi)*, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Những vấn đề cơ bản của việc sửa đổi *Bộ luật hình sự*, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo tại Thông báo số 196-TB/TW ngày 30-1-1999 và Thông báo số 212-TB/TW ngày 26-4-1999, Đảng đoàn Quốc hội cần tiếp tục quán triệt thực hiện đúng những nội dung đó.

2. Về một số nội dung cụ thể của dự thảo *Bộ luật hình sự (sửa đổi)* mà Đảng đoàn Quốc hội đề nghị lần này (Tờ trình số 154-ĐĐQH10 ngày 25-5-1999), Bộ Chính trị cơ bản nhất trí và lưu ý một số vấn đề:

- Khi trình Quốc hội thông qua, Ban soạn thảo cần giải trình rõ những vấn đề mà các đại biểu còn có ý kiến khác nhau.

- Giải thích rõ sự cần thiết phải duy trì tội cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 164) nhằm tránh bỏ lọt tội phạm.

- Không đưa vào dự thảo *Bộ luật hình sự (sửa đổi)* nội dung: Toà án khi quyết định hình phạt tiền là hình phạt chính thì ghi ngay trong bản án thời hạn chấp hành hình phạt tiền, quá thời hạn này nếu người bị kết án không chấp hành sẽ chuyển sang hình phạt tù để tránh sự hiểu lầm có thể "lấy tù thay tiền" hoặc "lấy tiền thay tù".

- Đối với hành vi xâm phạm đến chính sách đoàn kết dân tộc, tôn giáo chỉ nên quy định một điều về tội phá hoại chính sách đoàn kết tại chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia (Điều 87).

- Nghiên cứu, để giải trình rõ việc nâng mức hình phạt tù có thời hạn từ 20 năm lên 30 năm trong trường hợp tổng hợp hình phạt đối với người phạm nhiều tội.

- Việc bổ sung các tội liên quan đến mạng máy tính và tội hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có (tội rửa tiền) phải xác định rõ các dấu hiệu cấu thành tội phạm, nếu xác định rõ được và có tính khả thi thì mới đưa vào.

- Chưa nên bổ sung quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân vào dự thảo *Bộ luật hình sự (sửa đổi)* vì nội dung còn thiếu cơ sở và không có tính khả thi.

Thừa lệnh Bộ Chính trị, xin thông báo các đồng chí.

T/L BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 220-TB/TW, ngày 31 tháng 5 năm 1999

Về việc xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại tỉnh Nghệ An

Tại phiên họp ngày 27-5-1999, sau khi nghe đại diện Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và lãnh đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin báo cáo về đề án xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và qua xem xét mô hình cụ thể, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Thể theo nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghệ An, Bộ Chính trị đồng ý xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh trên quê hương của Người.

2. Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh phải là một công trình văn hóa có tầm cỡ quốc gia, là một tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật và đặt ở vị trí trang trọng, hài hoà, phải thể hiện được tấm lòng kính yêu của nhân dân tỉnh Nghệ An và nhân dân cả nước đối với vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc.

3. Bộ Chính trị giao cho đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị và đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An xây dựng đề án cụ thể bao gồm cả việc phác thảo và chất liệu tượng đài, địa điểm đặt tượng, tổng thể, khuôn viên và kinh phí xây dựng... từ khi lập dự án đến khi kết thúc công trình.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan có trách nhiệm, của các kiến trúc sư và các nhà điêu khắc có tâm huyết, của một số cán bộ, đại diện các đồng chí lão thành cách mạng và nhân dân trong tỉnh... trước khi trình Bộ Chính trị xem xét quyết định.

Phải bảo đảm quá trình phác thảo, lấy ý kiến và xây dựng công trình tiết kiệm, thiết thực, không phô trương hình thức và kiên quyết xử lý nghiêm khắc mọi biểu hiện tiêu cực trong việc thực hiện xây dựng công trình này.

4. Bộ Chính trị yêu cầu Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin xây dựng đề án tổng thể về các khu bảo tàng, di tích lịch sử cách mạng trong cả nước, ở từng miền, địa phương, khu vực, bảo đảm việc xây dựng theo một quy hoạch thống nhất, trang trọng, đạt các yêu cầu về chính trị, nghệ thuật, văn hoá, v.v. trình Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 05-TT/TW, ngày 9 tháng 6 năm 1999

Về lãnh đạo Đại hội Hội Chữ thập đỏ các cấp

Theo Điều lệ của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, đầu năm 2000 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Hội sẽ được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội.

Hội Chữ thập đỏ Việt Nam là một tổ chức xã hội nhân đạo, có vị trí, vai trò quan trọng. Hoạt động của Hội đã góp phần tích cực vào việc thực hiện chính sách xã hội nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta. Đại hội các cấp của Hội phải thực sự là một sinh hoạt lớn của tổ chức và phong trào chữ thập đỏ nhằm tiếp tục quán triệt tinh thần Chỉ thị số 14-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá VI về việc củng cố tổ chức, phát huy tính tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong công tác xã hội nhân đạo trong thời kỳ mới.

Để đại hội các cấp hội đạt kết quả tốt, tạo sự chuyển biến mới trong hoạt động của Hội, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, các ban, các đảng đoàn, ban cán sự đảng thực hiện một số việc sau đây:

1. Chỉ đạo Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ các cấp chuẩn bị tốt nội dung Đại hội. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ vừa qua, cần đánh giá đúng phong trào chữ thập đỏ và hoạt động của các cấp hội, phân tích kỹ nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, xác định yêu cầu, phương hướng hoạt động và nhiệm vụ chủ yếu của Hội trong nhiệm kỳ tới.

2. Chỉ đạo chặt chẽ việc giới thiệu và lựa chọn cán bộ chủ chốt của Hội. Những người tham gia Ban Chấp hành phải có phẩm chất đạo đức tốt, có tín nhiệm và năng lực vận động quần chúng, có khả năng tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác chữ thập đỏ; kiện toàn tổ chức đảng ở cơ quan chuyên trách của Hội đủ sức chỉ đạo xây dựng tổ chức Hội và phong trào Hội các cấp.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tạo điều kiện cho Đại hội Hội Chữ thập đỏ được tiến hành thuận lợi.

4. Thường vụ Bộ Chính trị ủy nhiệm đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội Hội Chữ thập đỏ các cấp và báo cáo kết quả với Thường vụ Bộ Chính trị.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 222-TB/TW, ngày 9 tháng 6 năm 1999

Về thí điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài

Tại phiên họp ngày 8-6-1999, sau khi nghe đại diện Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Bộ Tài chính trình bày về tờ trình bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài, Thường vụ Bộ Chính trị kết luận:

1. Nhất trí với tờ trình của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về thực hiện thí điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài trong khuôn khổ pháp luật hiện hành.

2. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo lựa chọn một số doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa có quy mô vừa ở một số lĩnh vực, ngành nghề tại các địa bàn khác nhau và có khả năng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài để tiến hành thí điểm. Sau một thời gian thực hiện cần có tổng kết, đánh giá kết quả để

xem xét mở rộng diện và mức độ bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.

Xin thông báo để các đồng chí biết.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 224-TB/TW, ngày 16 tháng 6 năm 1999

Về tổ chức việc quản lý và các hoạt động của cụm công trình di tích lịch sử, văn hóa khu Ba Đình

Tại phiên họp ngày 15-6-1999, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về tổ chức việc quản lý và các hoạt động của cụm công trình di tích lịch sử, văn hóa khu vực Ba Đình, Thường vụ Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Để quản lý tốt các hoạt động của khu di tích lịch sử, văn hóa Ba Đình, cần có bộ phận chỉ đạo điều phối chung các hoạt động do đồng chí Phó Thủ tướng phụ trách.

Vẫn giữ các đơn vị đầu mối như hiện nay; mỗi đơn vị vẫn tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, đồng thời phải phối hợp với nhau trong bộ phận chỉ đạo chung để thực hiện tốt công việc của mỗi đơn vị.

Để tránh tình trạng trùng lặp về cấp kinh phí hoặc có hoạt động không có kinh phí bảo đảm, các đơn vị lập dự toán kinh phí hằng năm và Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài chính

cân đối chung trình Thủ tướng Chính phủ giao cho các đơn vị một cách hợp lý.

2. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các đơn vị có liên quan rà soát lại quy hoạch khu Trung tâm chính trị - văn hóa Ba Đình để sớm trình Bộ Chính trị xem xét quyết định.

3. Trước mắt, trong khi chưa có quy hoạch tổng thể khu Trung tâm chính trị - văn hóa Ba Đình, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chuẩn bị đề án trình Bộ Chính trị xem xét việc có thể mở thêm đường bảo đảm cho nhân dân đi lại thuận tiện khi Nhà Quốc hội có hội nghị.

Thừa lệnh Thường vụ Bộ Chính trị, xin thông báo các đồng chí biết.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 231-TB/TW, ngày 5 tháng 7 năm 1999

Về quyết định phân lũ, chậm lũ thuộc hệ thống sông Hồng

Tại phiên họp ngày 1-7-1999, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về dự thảo quyết định phân lũ, chậm lũ thuộc hệ thống sông Hồng, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Trong các năm qua, Nhà nước và nhân dân ta đã tập trung đầu tư đóng góp nhiều công sức để củng cố và xây dựng hệ thống đê điều, nhiều công trình phục vụ cho công tác điều tiết lũ lụt. Đó là thành tựu quan trọng góp phần to lớn bảo đảm cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại nhiều vùng.

2. Thời gian gần đây, tình hình thời tiết và thiên tai trên thế giới và khu vực có nhiều diễn biến khác thường. Đã xảy ra một số trận lũ lớn vượt mức lịch sử, gây ra hậu quả nghiêm trọng trong phạm vi lớn. Theo dự báo, năm nay có khả năng xảy ra lũ đặc biệt lớn thuộc về hệ thống sông Hồng;

mặt khác, các tác nhân tiêu cực do việc phá rừng đầu nguồn và việc lấn chiếm lòng dẫn thoát lũ ở nhiều nơi càng làm cho tình hình phức tạp hơn.

Các cấp, các ngành và các địa phương cần nhận thức đầy đủ tính chất phức tạp của mùa mưa bão năm nay; thường xuyên chăm lo, củng cố, bảo vệ đê điều; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, chủ động tới mức cao nhất, đối phó với tình huống xấu nhất.

3. Để bảo vệ an toàn cho Thủ đô Hà Nội và hồ Hoà Bình trong trường hợp có lũ lớn, Thường vụ Bộ Chính trị đồng ý với phương án trình của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về quyết định phân lũ, chậm lũ thuộc hệ thống sông Hồng.

Để thực hiện phương án nêu trên, cần chú ý một số vấn đề sau:

- Nâng cao khả năng sẵn sàng của công trình phân lũ sông Đáy và khôi phục bổ sung các vùng chậm lũ đã được xác định.

- Các tỉnh ủy và chính quyền địa phương trong vùng phân lũ, chậm lũ tổ chức quán triệt nhiệm vụ, chủ động đối phó với các tình huống phức tạp nhất nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, giảm tổn thất. Làm tốt công tác tư tưởng trong Đảng, chính quyền, chủ động có các biện pháp thực hiện các quyết định của Chính phủ về phân lũ, chậm lũ. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân vùng phân lũ, chậm lũ vừa an tâm sản xuất, vừa chủ động tổ chức cuộc sống thích nghi với tình huống khi có phân lũ, chậm lũ.

Cần có chính sách phù hợp với vùng phân lũ, chậm lũ. Rà soát lại quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đối với các

vùng này. Chú ý tới việc quy hoạch các khu dân cư, hệ thống giao thông và thủy lợi, bố trí các xí nghiệp sản xuất công nghiệp và lịch trình sản xuất nông nghiệp cho phù hợp.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các ngành, các cấp xây dựng kế hoạch phối hợp hoạt động trước, trong và sau khi có quyết định phân lũ, chậm lũ.

Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão Trung ương và Tổng cục Khí tượng thủy văn phấn đấu nâng cao chất lượng dự báo, điều hành, bảo đảm cho việc chuẩn bị các quyết định phân lũ, chậm lũ chính xác và đạt hiệu quả.

Bộ Quốc phòng bố trí một số đơn vị có trang bị chuyên dùng đặc biệt làm nòng cốt ứng cứu khi có lũ lụt lớn xảy ra.

Các lực lượng tham gia phòng, chống lũ lụt thường xuyên diễn tập hợp đồng, tổ chức rút kinh nghiệm công tác phòng, chống lụt bão, xử lý các tình huống khi phân lũ, chậm lũ nhằm nâng cao tinh thần sẵn sàng và hiệu quả của công tác phòng, chống lụt bão.

Sớm ban hành Nghị định của Chính phủ về phân lũ, chậm lũ thuộc đồng bằng sông Hồng; Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thực hiện các phương án phân lũ, chậm lũ khi cần thiết.

- Các cơ quan tuyên truyền đại chúng cần thấy rõ tính chất phức tạp của nhiệm vụ này, góp phần tích cực trong tuyên truyền, giáo dục và động viên nhân dân vùng phân lũ, chậm lũ an tâm sản xuất. Hạn chế tuyên truyền phổ biến trên diện rộng, gây tâm lý không ổn định và lo âu đối với nhân dân.

4. Các cơ quan có trách nhiệm duy trì thường xuyên chế độ báo cáo với Bộ Chính trị, Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về công tác phòng, chống bão lụt; kịp thời báo cáo những trường hợp xảy ra đột xuất.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 232-TB/TW, ngày 10 tháng 7 năm 1999

Về việc xây dựng đặc khu kinh tế tại Việt Nam

Tại phiên họp ngày 2-7-1999, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình bày đề án xây dựng đặc khu kinh tế tại Việt Nam, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý chủ trương triển khai xây dựng thí điểm mô hình khu kinh tế mở tại Chu Lai, tỉnh Quảng Nam. Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng đề án chi tiết với các chính sách và cơ chế bảo đảm thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước và hiệu quả hoạt động của khu kinh tế mở, trình Bộ Chính trị và Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong quý IV-1999.

2. Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần chỉ đạo việc tổng kết đánh giá tình hình thực hiện chủ trương thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tình hình hoạt động và hiệu quả của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu mậu dịch cửa khẩu trong thời gian qua và đề xuất các giải pháp trong thời gian tới. Báo cáo tổng kết cần trình Bộ Chính trị vào đầu quý IV-1999.

3. Thời gian tới, cần tiếp tục nghiên cứu việc xây dựng đặc khu kinh tế phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và tình hình kinh tế trong khu vực và thế giới.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 233-TB/TW, ngày 12 tháng 7 năm 1999

Về đề án phát huy nội lực, tăng vốn cho đầu tư phát triển, kích thích mạnh sản xuất và nâng cao tiêu dùng hợp lý

Tại phiên họp ngày 3-7-1999, sau khi nghe đại diện Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo đề án phát huy nội lực, tăng vốn cho đầu tư phát triển, kích thích mạnh sản xuất và nâng cao tiêu dùng hợp lý, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Chủ trương phát huy nội lực đã được nêu tại Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 và nhấn mạnh tiếp tại Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 1). Trong điều kiện nền kinh tế đang sút giảm, càng cần đặc biệt tập trung chỉ đạo thực hiện tốt chủ trương phát huy nội lực.

2. Thời gian qua, Chính phủ đã có nhiều giải pháp nhằm phát huy nội lực, trong đó một số giải pháp đã phát huy tác dụng, nhưng cũng còn nhiều mặt, nhiều lĩnh vực chưa đạt kết quả. Để nâng cao hiệu quả của các giải pháp trong thời gian tới cần phân tích, đánh giá, khai thác toàn diện các

nguồn nội lực, bao gồm các nguồn tài nguyên, đất đai, sức lao động, chất xám, các nguồn vốn. Cần coi trọng công tác giáo dục tư tưởng, nêu cao tinh thần yêu nước của nhân dân; kết hợp giữa khai thác nội lực với phát huy ngoại lực, tạo sức mạnh tổng hợp cho phát triển kinh tế.

3. Trong việc phát huy nội lực, tăng đầu tư phát triển, cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Soát xét, tính toán kỹ phương hướng đầu tư vào các lĩnh vực, địa bàn để bảo đảm phát huy hiệu quả, thu hồi vốn nhanh.

+ Tập trung đầu tư phát triển sản xuất, bảo đảm nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân, từ đó kích thích sức mua của dân.

+ Chú trọng đúng mức việc đầu tư phát triển tư liệu sản xuất, trong đó có các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp cơ khí...; đầu tư phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực và sự liên kết thúc đẩy phát triển toàn vùng; đầu tư chiều sâu để nâng cấp và phát huy tốt năng lực sản xuất của các cơ sở hiện có.

+ Việc đầu tư cơ sở hạ tầng cần lưu ý đúng mức đến các địa bàn chiến lược ở trung du, miền núi và Tây Nguyên; gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh quốc phòng.

- Tiếp tục xem xét điều chỉnh các chính sách kinh tế vĩ mô theo hướng kích thích việc sử dụng, phát huy các nguồn nội lực, khắc phục tâm lý ỷ lại, bao cấp của các doanh nghiệp. Chính phủ cần tiếp tục chỉ đạo theo dõi nắm chắc diễn biến tình hình kinh tế - xã hội để có những giải pháp xử lý kịp thời các vấn đề bảo hộ sản xuất trong nước, thuế VAT, chính sách tiền tệ, tín dụng, vấn đề nhân sự... để nâng cao khả năng

cạnh tranh của các doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của tiến trình hội nhập quốc tế.

4. Về các kiến nghị của Chính phủ nêu trong đề án.

- Đối với các chủ trương thuộc thẩm quyền Chính phủ hoặc đã được Bộ Chính trị thông qua (như các chương trình "kích cầu", "mua hàng trả góp", "hạ giá bán một số sản phẩm"...), Chính phủ cần khẩn trương hoàn thành đề án chi tiết và chỉ đạo triển khai thực hiện khẩn trương, có sơ kết và kịp thời rút kinh nghiệm.

- Cần rút kinh nghiệm đợt phát hành công trái vừa qua để thực hiện tốt chủ trương vay thêm 4.000 tỉ đồng cho đầu tư; trong đó cần lưu ý công tác tuyên truyền để mọi người dân hiểu được ý nghĩa của việc này, từ đó bảo đảm huy động nguồn lực trong dân là chủ yếu. Mức vay phải tuỳ theo nhu cầu và khả năng sử dụng vốn, tránh tình trạng ứ vốn không giải ngân được. Vốn vay cần tập trung đầu tư các dự án có khả năng thu hồi, phần đầu tư vào cơ sở hạ tầng phải tính đến khả năng trả nợ của ngân sách sau này.

- Theo tinh thần đó, cần tuỳ tình hình cụ thể để điều hành mức bội chi ngân sách trong giới hạn Quốc hội đã cho phép.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 11-NQ/TW, ngày 26 tháng 7 năm 1999

Về tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000

Năm 2000 là năm có nhiều ngày kỷ niệm lịch sử quan trọng. Đó là:

- 70 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 – 3-2-2000).

- 110 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 – 19-5-2000).

- 25 năm Ngày thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (30-4-1975 – 30-4-2000).

- 55 năm Ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9-1945 – 2-9-2000).

- Giỗ tổ Hùng Vương.

- Lễ hội giao thừa thế kỷ.

Và một số ngày lễ lớn của các đoàn thể, các ngành như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Lực lượng Công an nhân dân, Ngoại giao, v.v..

Về quốc tế, có các ngày kỷ niệm quan trọng như 130 năm Ngày sinh V.I. Lênin, 180 năm Ngày sinh Ph. Ăngghen...

Năm 2000 cũng là năm diễn ra Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ VI, là năm cuối phấn đấu để hoàn thành những mục tiêu do Đại hội VIII và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra cho kế hoạch 5 năm (1996 - 2000), là năm chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng...

Đây là dịp thuận lợi để tiến hành giáo dục chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, truyền thống cách mạng, tiếp tục khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường xã hội chủ nghĩa, khẳng định sự lãnh đạo của Đảng, biểu dương những thành tựu của 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới, cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, tiếp tục xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh.

Với ý nghĩa trọng đại đó,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Tổ chức trọng thể các hoạt động kỷ niệm nhân dịp các ngày lễ lớn trong năm 2000, nhằm đạt các mục đích, yêu cầu sau đây:

- Tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam từ ngày có Đảng lãnh đạo, đặc biệt là trong 15 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới.

- Giáo dục sâu sắc lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, khẳng định lý tưởng, mục tiêu, con đường của cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo; phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tinh thần cách mạng tiến công, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, ý chí tự lực tự cường dân tộc trong giai đoạn mới, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị do Đại hội VIII của Đảng đề ra.

- Đẩy mạnh các phong trào hành động cách mạng nhằm phát huy mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, củng cố quốc phòng, an ninh, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí và các tệ nạn xã hội có hiệu quả, xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện cải cách hành chính, đổi mới và kiện toàn một bước tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

- Làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước, hiểu đúng tình hình Việt Nam hiện nay. Từ đó tranh thủ sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân loại tiến bộ và bạn bè, tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

- Các hoạt động kỷ niệm phải được tổ chức chu đáo, thiết thực, mang tính quần chúng sâu rộng, tạo được khí thế cách mạng, niềm tin tưởng và phấn khởi trong nhân dân; tránh lãng phí, hình thức.

2. Về tổ chức thực hiện:

- Từ quý III năm 1999, các ngành, các cấp, các đoàn thể ở Trung ương và địa phương cần xây dựng chương trình hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000. Chỉ đạo ngay những

việc cần làm sớm để phục vụ cho các hoạt động kỷ niệm như các hoạt động văn hóa - văn nghệ, sáng tác, thể dục thể thao; các hoạt động "Chào thế kỷ XXI"; tổ chức các phong trào chăm sóc, giúp đỡ những người có công với cách mạng, xây dựng các vùng căn cứ cách mạng phát triển về mọi mặt...

- Tổ chức thật tốt phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng những ngày lịch sử lớn của đất nước với những mục tiêu thiết thực và cụ thể kết hợp với việc tổ chức Đại hội thi đua yêu nước từ cơ sở đến các tỉnh, thành và bộ, ngành trung ương từ cuối năm 1999; tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc vào tháng 12-2000. Các đại hội này tập trung vào việc biểu dương người tốt, việc tốt, bầu chọn các anh hùng, chiến sĩ thi đua trong 15 năm tiến hành đổi mới. Nghiên cứu các chính sách cần thiết để cải thiện đời sống, động viên khuyến khích các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tổ chức thực hiện tốt *Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng*, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của các bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh, liệt sĩ, đồng bào các vùng căn cứ cách mạng. Vận động toàn dân tham gia phong trào "Uống nước nhớ nguồn", "Đền ơn đáp nghĩa"...

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu và học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tổ chức một số hội nghị khoa học tổng kết và phát huy những bài học kinh nghiệm lớn, những truyền thống quý báu của dân tộc, của Đảng, của Bác Hồ và nhân dân ta. Biên soạn và phát hành một số sách lịch sử, lý luận và chính trị về công cuộc đấu tranh dựng nước, giữ nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương hướng dẫn cụ thể về tổ chức hoạt động của từng ngày kỷ niệm lớn và tổ chức biên soạn các tài liệu hướng dẫn tuyên truyền, cùng Bộ Văn hóa - Thông tin, các Hội Văn học - Nghệ thuật tổ chức các cuộc thi sáng tác về lịch sử cách mạng của dân tộc ta, đặc biệt là từ ngày có Đảng đến nay, tạo ra nhiều tác phẩm văn học - nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao; hướng dẫn các đoàn thể nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng tổ chức các cuộc thi tìm hiểu làm cho mỗi người dân, nhất là thanh, thiếu niên nắm và hiểu được lịch sử hào hùng của dân tộc.

- Giao cho Chính phủ thành lập Ban Tổ chức Nhà nước kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000 do đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ đứng đầu, có bộ phận thường trực gồm các đồng chí lãnh đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin, Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước. Ban Tổ chức Nhà nước kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000 có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị xây dựng kế hoạch chi tiết và chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm.

- Chính phủ sớm có hướng dẫn tổ chức kỷ niệm và giải quyết những vấn đề về mặt nhà nước để việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lịch sử lớn trong năm 2000 đạt được kết quả tốt theo các mục đích, yêu cầu đã đề ra.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 236-TB/TW, ngày 2 tháng 8 năm 1999

Về Đại hội V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Tại phiên họp ngày 30-7-1999, sau khi nghe đại diện Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo về Đại hội V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và ý kiến của các ban của Trung ương Đảng có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến chỉ đạo như sau:

- Báo cáo chính trị trình Đại hội lần thứ V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được chuẩn bị khá công phu, có nhiều nội dung tốt. Báo cáo cần khẳng định và làm rõ hơn vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tập hợp đoàn kết các tầng lớp nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình được thể hiện qua *Luật Mặt trận* đã được Quốc hội thông qua.

- Đồng ý tổ chức Đại hội V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Thủ đô Hà Nội bốn ngày, từ ngày 25-8 đến ngày 28-8-1999

(trong đó có 1 ngày họp nội bộ), với số lượng đại biểu trong nước và số đoàn khách, đại biểu quốc tế mời dự Đại hội như Đảng đoàn Mặt trận đề nghị.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương chuẩn bị đề án nhân sự Đại hội V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để trình Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, quyết định. Cần phải chọn người thật tiêu biểu, đại diện trong các tầng lớp nhân dân tham gia Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chức danh lãnh đạo của Mặt trận bao gồm Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, số lượng không quá 43 người; số lượng Ban Thường trực khoá V từ 7 - 9 người (trong đó có 1 đồng chí Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và 1 đồng chí Tổng Thư ký); số ủy viên Ủy ban Trung ương gồm 254 người.

- Không nên quy định trong Điều lệ chức danh Chủ tịch danh dự và các Ủy viên danh dự Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Các chức danh này do Đại hội suy tôn. Đồng ý bổ sung vào Điều lệ Ban Công tác Mặt trận ở địa bàn dân cư. Cần cân nhắc kỹ việc lập tổ chức hội đồng tư vấn và cộng tác viên nhưng không phải là một cơ cấu cứng của Mặt trận Tổ quốc.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Đảng đoàn Mặt trận bàn và có kế hoạch hướng dẫn các cơ quan tuyên truyền, báo chí ở Trung ương, ở Hà Nội và các tỉnh, thành phố lớn nội dung tuyên truyền Đại hội.

- Đại hội cần được tổ chức tốt cả về nội dung, hình thức phong phú, với tinh thần đoàn kết, dân chủ, trang trọng, tiết kiệm, tạo một khí thế mới động viên các tầng lớp nhân dân bước vào thế kỷ mới.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 49-CT/TW, ngày 7 tháng 8 năm 1999

Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã công bố ngày bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp trong cả nước vào ngày chủ nhật, 14-11-1999.

Cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004 được tổ chức trong thời điểm nhân dân ta thực hiện đường lối đổi mới của Đảng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, đối ngoại. Mặt khác, tình hình khu vực và thế giới vừa có nhiều cơ hội mới, vừa đặt ra nhiều thách thức, khó khăn, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải có những nỗ lực cao hơn để vươn lên khắc phục khó khăn, thách thức, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giành thắng lợi lớn hơn trong giai đoạn mới.

Với ý nghĩa là cuộc vận động chính trị và sinh hoạt dân chủ sâu rộng của nhân dân cả nước, nhằm bầu ra những đại biểu ưu tú, đại diện cho nhân dân địa phương ở thời điểm

đầu thế kỷ XXI, cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân lần này cần đạt những yêu cầu sau đây:

- Tổ chức cuộc bầu cử thực sự dân chủ, đúng luật, bảo đảm an toàn, tiết kiệm và thể hiện không khí ngày hội của toàn dân;

- Nâng cao chất lượng đại biểu hội đồng nhân dân để phát huy vai trò người đại biểu nhân dân trong việc quyết định những vấn đề quan trọng ở địa phương;

- Làm trong sạch bộ máy chính quyền địa phương, tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân; bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân qua hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và giám sát hoạt động của bộ máy chính quyền ở địa phương, tiếp tục triển khai tốt Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Để đạt được các yêu cầu trên, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng chỉ đạo chặt chẽ việc chuẩn bị và tiến hành cuộc bầu cử, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến cuối năm 1999, cụ thể là:

1. Bằng nhiều hình thức phong phú, lãnh đạo tốt việc tuyên truyền sâu rộng ý nghĩa của cuộc bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, quyền và nghĩa vụ của công dân đối với cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân, những nội dung cơ bản của *Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi), Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi);* động viên mọi cử tri tự giác, chủ động tham gia bầu cử. Mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, đề cao trách nhiệm, tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân tích cực tham gia cuộc bầu cử.

2. Chỉ đạo khẩn trương việc tổng kết hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 1994 - 1999 có chiều sâu, theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và kết hợp chặt chẽ với việc triển khai Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở với việc lựa chọn người ra ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp. Thông qua cuộc bầu cử, củng cố và kiện toàn chính quyền các cấp ở địa phương, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp trong nhiệm kỳ mới, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị.

3. Lãnh đạo tốt việc hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong công tác cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) là bầu cử có nhiệm kỳ, bổ nhiệm có thời hạn; đồng thời, gắn công tác nhân sự của chính quyền khoá mới với nhân sự của đại hội đảng các cấp trong thời gian tới. Việc lựa chọn đại biểu hội đồng nhân dân phải căn cứ vào tiêu chuẩn do *Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân* quy định, đặc biệt phải bảo đảm tiêu chuẩn về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các độ tuổi, dân tộc, tôn giáo, nam, nữ; giảm số lượng đại biểu là cán bộ ở các cơ quan hành chính nhà nước, trên cơ sở tiêu chuẩn mà tăng số lượng đại biểu là người ngoài đảng, phụ nữ, dân tộc và tuổi trẻ.

4. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm chỉ đạo chính quyền các cấp bảo đảm các điều kiện, phương tiện vật chất cho cuộc bầu cử; đồng thời, thực hiện tốt những nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ

năm 1999 của cả nước, chuẩn bị tốt cho việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2000.

5. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ trì phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ban cán sự đảng các bộ, ngành hướng dẫn, kiểm tra các cấp ủy đảng địa phương thực hiện tốt công tác bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp; bảo đảm các nhiệm vụ thường xuyên của các bộ, ngành và địa phương.

Các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương tập trung tuyên truyền kịp thời, sâu rộng về công tác chuẩn bị bầu cử và kết quả cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ hướng dẫn cụ thể về tỷ lệ, cơ cấu, thành phần đại biểu hội đồng nhân dân các cấp; theo dõi quá trình triển khai Chỉ thị này và kịp thời báo cáo Bộ Chính trị tình hình chuẩn bị và kết quả thực hiện.

Chỉ thị này được phổ biến và quán triệt tới các chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 237-TB/TW, ngày 7 tháng 8 năm 1999

Về hai năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) về khoa học - công nghệ

Sau khi nghe báo cáo về kết quả triển khai việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) về khoa học - công nghệ, Thường vụ Bộ Chính trị đã thảo luận và nhấn mạnh một số điểm như sau:

1. Nghị quyết Trung ương 2 về khoa học - công nghệ được Chính phủ, các địa phương và các ngành triển khai khẩn trương, nghiêm túc. Nhận thức của các ngành, các cấp, các địa phương về vai trò của khoa học và công nghệ trong công cuộc đổi mới đã có chuyển biến rõ rệt; trình độ khoa học và công nghệ trong thời gian qua từng bước được nâng cao; một số nhân tố mới, tích cực đã xuất hiện: khoa học và công nghệ đã gắn bó hơn, phục vụ thiết thực hơn cho sản xuất và đời sống, một số công trình nghiên cứu khoa học được áp dụng đem lại hiệu quả rõ rệt về kinh tế - xã hội, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản,

điện tử - tin học, viễn thông, công nghệ vật liệu và thẩm định công nghệ...

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện Nghị quyết cần sâu rộng hơn, làm sao để sản xuất thực sự "tìm" đến khoa học, ngược lại khoa học phải tích cực "tìm" đến sản xuất.

2. Để đạt được mục tiêu biến nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020, Chính phủ cần có kế hoạch huy động mọi lực lượng khoa học và công nghệ để thực hiện tốt Nghị quyết này. Trước mắt, phải lấy ứng dụng, chuyển giao công nghệ là chính và đi thẳng vào các công nghệ hiện đại ở những ngành và lĩnh vực như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, công nghệ gia công chính xác trong chế tạo máy và tự động hoá.

Chính phủ, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài chính nghiên cứu đầu tư tập trung cho những lĩnh vực trọng điểm, mũi nhọn. Nghiên cứu dành ngân sách nhà nước và vốn vay để xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm đạt trình độ khu vực và quốc tế; dành ngân sách nhà nước thích đáng để đào tạo cán bộ, gửi người giỏi ra nước ngoài đào tạo theo kế hoạch. Đảm bảo 2% tổng chi ngân sách dành cho khoa học và công nghệ vào năm 2000, đồng thời, đẩy mạnh chủ trương đa dạng hóa các nguồn lực đối với phát triển khoa học và công nghệ.

3. Trong thời gian tới, một trong những nhiệm vụ quan trọng của khoa học và công nghệ là góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn theo tinh thần Nghị quyết số 06 ngày 10-11-1998 của Bộ Chính trị khoá VIII "Về một số vấn đề phát triển nông nghiệp

và nông thôn", trong đó, tập trung cho áp dụng các thành tựu công nghệ sinh học hiện đại, nghiên cứu và áp dụng giống mới để tạo khâu đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp; phát triển công nghệ chế biến, bảo quản...; tạo điều kiện để đẩy mạnh nghiên cứu và sản xuất các loại máy móc, thiết bị, công cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản.

Mỗi ngành, mỗi địa phương cần xác định những lĩnh vực công nghệ mũi nhọn để thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo sản phẩm có tính cạnh tranh trên thị trường. Việc ứng dụng thành công các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại sẽ là một trong những yếu tố quyết định tăng trưởng và tạo ra khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

4. Chính phủ cần nhanh chóng thể chế hóa các chủ trương của Đảng về khoa học - công nghệ theo Nghị quyết Trung ương 2 thành các chính sách cụ thể như: đưa nội dung khoa học và công nghệ vào các chương trình kinh tế, xã hội, các chương trình quốc gia, các công trình đầu tư xây dựng cơ bản; chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho khoa học - công nghệ; chính sách đối với cán bộ khoa học - công nghệ... Nhanh chóng hoàn thiện dự thảo *Luật khoa học và công nghệ* để trình Quốc hội xem xét, thông qua; hoàn thành việc xây dựng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ; xây dựng các cơ chế, chính sách tạo nguồn lực và động lực cho khoa học và công nghệ.

Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống và phương thức quản lý các hoạt động khoa học - công nghệ cho phù hợp với cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

5. Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng các bộ, ngành Trung ương cần quan tâm hơn nữa việc chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động khoa học - công nghệ thuộc lĩnh vực mình phụ trách và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu về khoa học và công nghệ đã được nêu trong Nghị quyết Trung ương 2.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 223-TB/TW, ngày 9 tháng 6 năm 1999

Về đề án trình Hội nghị Trung ương 7

Tại phiên họp từ ngày 5 đến ngày 7-6-1999, sau khi nghe Tiểu ban báo cáo hai đề án trình Hội nghị Trung ương 7 về "Đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị" và "Chủ trương và biện pháp cải cách chế độ tiền lương", Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến chỉ đạo như sau:

I- VỀ ĐỀ ÁN "ĐỔI MỚI VÀ KIỆN TOÀN TỔ CHỨC, BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ"

Về cơ bản, đề án đã thể hiện được quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và ý kiến của Bộ Chính trị tại phiên họp ngày 11-3-1999. Bộ Chính trị tán thành với nhiều nội dung của đề án và nhấn mạnh một số điểm sau đây:

1. Việc đổi mới và kiện toàn tổ chức và bộ máy của hệ thống chính trị phải nhằm tạo ra sức mạnh mới của hệ thống chính trị; tăng cường và giữ vững mãi mãi vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả của bộ máy

nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và quyền tự chủ của cơ sở.

2. Chủ đề của đề án cần thể hiện đầy đủ hai nội dung mà Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã đề ra là:

+ Định hướng chung cơ bản về sắp xếp tổ chức hệ thống chính trị của nước ta gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

+ Những việc phải làm ngay từ nay đến Đại hội IX là sắp xếp một bước bộ máy, giảm biên chế hành chính.

Về trọng tâm của đề án, tập trung làm rõ những việc cần làm ngay từ nay đến Đại hội IX. Phải trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức để sắp xếp lại bộ máy và tinh giản biên chế. Phương châm là thận trọng, nhưng phải kiên quyết, cái gì đã rõ thì phải quyết tâm làm.

Từ chủ đề và trọng tâm của đề án như trên, tên của đề án nên sửa lại là: "Đổi mới và kiện toàn một bước tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị".

3. Về tổ chức, bộ máy, đề án cần nêu vài ba phương án để Ban Chấp hành Trung ương cân nhắc. Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo trên, Bộ Chính trị lưu ý:

+ Về tổ chức, bộ máy Đảng:

Phải làm rõ Đảng phải có bộ máy tham mưu để thực hiện vai trò lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, cách làm việc của các ban để sắp xếp lại bộ máy của Đảng hợp lý, không để chồng chéo.

Bộ máy của Đảng ở Trung ương, có thể tinh giản một số đầu mối: không tổ chức Ban Cán sự Đảng ngoài nước, công tác đảng ngoài nước giao cho tổ chức đảng trong ngành ngoại giao;

không tổ chức Ban Khoa giáo Trung ương, nhiệm vụ công tác khoa giáo một phần giao cho Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, một phần cùng với nhiệm vụ của Ban Kinh tế Trung ương do Ban Nghiên cứu chính sách Trung ương đảm nhiệm.

Về Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương, đồng ý với phương án nêu trong đề án.

Về bộ máy đảng ở địa phương cần khẳng định nguyên tắc: không nhất thiết Trung ương có tổ chức nào thì địa phương có tổ chức đó. Riêng đối với cấp huyện: trước mắt vẫn có các ban như hiện nay; làm thí điểm việc nhập các ban: tổ chức, tuyên giáo, kiểm tra, trung tâm bồi dưỡng chính trị thành một ban xây dựng Đảng.

+ *Về tổ chức bộ máy nhà nước:*

Một số vấn đề chưa đủ cơ sở để kết luận, nên đưa vào phần định hướng chung để nghiên cứu như việc: thành lập Bộ Công thương; tổ chức Bộ Công an; tổ chức hội đồng nhân dân các cấp, tổ chức của Viện Kiểm sát; tổ chức lại cơ quan điều tra và việc thống nhất quản lý thi hành án.

+ *Về tổ chức, bộ máy các đoàn thể:*

Phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đoàn thể để đổi mới và kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế, bảo đảm mặt trận và các đoàn thể nhân dân hướng mạnh về cơ sở, phát huy quyền dân chủ của hội viên, đoàn viên.

II- VỀ ĐỀ ÁN "CHỦ TRƯƠNG VÀ BIỆN PHÁP CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG"

1. Đề án cần tập trung xác định rõ định hướng để tiến hành cải cách tiền lương; đồng thời, có phương án giải quyết

ngay bù trượt giá để bảo đảm tiền lương thực tế như năm 1993 và lập lại kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực trả lương và phân phối thu nhập.

Cần lưu ý nghiên cứu kỹ và có giải pháp thận trọng và bước đi thích hợp về xã hội hóa y tế, giáo dục, phương án và chính sách đối với lao động dôi dư trong quá trình sắp xếp và tinh giản biên chế.

2. Về thực hiện giải pháp tiền lương trong một vài năm tới, có thể nêu hai phương án:

- *Phương án 1*: Thực hiện bù trượt giá và chấn chỉnh tiền lương và phân phối thu nhập.

- *Phương án 2*: Cùng với việc thực hiện bù trượt giá, chấn chỉnh tiền lương và phân phối thu nhập, thực hiện một bước thí điểm theo định hướng cải cách tiền lương.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên và các ý kiến phát biểu của các đồng chí Bộ Chính trị và các đồng chí Cố vấn trong phiên họp này, Tiểu ban hoàn chỉnh hai đề án; Thường vụ Bộ Chính trị duyệt trước khi lấy ý kiến đóng góp của các đồng chí Ủy viên Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và các ngành, ban có liên quan. Sau đó, Tiểu ban tiếp thu và báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến hoàn chỉnh để trình Hội nghị Trung ương 7.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 235-TB/TW, ngày 26 tháng 7 năm 1999

Về đề án trình Hội nghị Trung ương 7

Tại phiên họp ngày 22 và 23-7-1999, sau khi nghe Tiểu ban chuẩn bị đề án Hội nghị Trung ương 7 báo cáo về việc tiếp thu ý kiến của các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, các Ủy viên Trung ương và một số cán bộ cao cấp nghỉ hưu về hai dự thảo đề án trình Hội nghị Trung ương 7, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến chỉ đạo như sau:

I- VỀ ĐỀ ÁN TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Việc chuẩn bị đề án này để trình Hội nghị Trung ương 7 là nhằm thực hiện quyết định của Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) và tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII), Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII); đồng thời nội dung của đề án này là bộ phận rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Vì vậy, Hội nghị lần này Trung ương bàn về đổi mới và kiện toàn một bước tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị là đúng đắn, đáp ứng sự trông đợi của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2. Việc đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị là những vấn đề quan trọng, phức tạp và nhạy cảm, còn có ý kiến khác nhau. Để tạo được sự nhất trí trong Đảng, nhất là trong Ban Chấp hành Trung ương, cần chỉnh lý lại đề án trên cơ sở xác định rõ mục đích, yêu cầu và nhất là phạm vi những vấn đề mà Hội nghị Trung ương 7 phải giải quyết.

Đổi mới, kiện toàn một bước tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị lần này trên cơ sở ý kiến của Bộ Chính trị, Tiểu ban tiếp thu hoàn chỉnh đề án. Phần định hướng cơ bản cần nêu rõ những quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu và phương hướng chung của việc đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị trong thời kỳ mới.

Mặt khác cần xác định những việc làm về tổ chức, bộ máy và cán bộ từ nay đến Đại hội IX của Đảng.

Công việc trọng tâm từ nay đến Đại hội IX là sắp xếp tinh gọn cơ cấu bên trong của các tổ chức; khắc phục tình trạng các tổ chức chồng lấn chức năng, cắt bỏ các khâu trung gian; tích cực và kiên quyết tinh giản biên chế theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

3. Về nội dung của đề án, Bộ Chính trị nhấn mạnh một số điểm sau:

- Đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị phải bảo đảm yêu cầu giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững bản chất xã hội chủ nghĩa

của Nhà nước ta; phải có bước đi thích hợp, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, tạo động lực cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Gắn đổi mới về tổ chức, bộ máy với việc tinh giản biên chế một cách tích cực, thực hiện chính sách cán bộ và cải cách một bước chế độ tiền lương.

- Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội thông qua hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, thông qua ban cán sự đảng, đảng đoàn trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, thông qua các cấp ủy viên và đảng viên hoạt động trong các cơ quan và tổ chức đó. Đồng thời, các cấp ủy đảng phải có bộ máy tham mưu là các ban của Đảng có chất lượng cao, bảo đảm sự lãnh đạo, kiểm tra của Đảng về đường lối, chủ trương trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và về công tác xây dựng Đảng.

- Về chức năng của các ban, cần xác định rõ các ban của Trung ương Đảng có chức năng tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương về đường lối, chủ trương, chính sách; giúp Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện ở các cấp dưới và thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể do Bộ Chính trị giao. Trong quan hệ giữa các ban ở Trung ương với các ban ở địa phương không phải là mối quan hệ chỉ đạo giữa cấp trên và cấp dưới, mà là mối quan hệ hướng dẫn công tác, hướng dẫn nghiệp vụ.

- Việc tổ chức bộ máy của Đảng, chính quyền và đoàn thể ở các cấp cần xuất phát từ nhu cầu công việc của mỗi cấp; không nhất thiết ở Trung ương có tổ chức nào thì địa phương cũng có tổ chức ấy.

- Từ nay đến Đại hội IX, tập trung làm các việc sau:

+ Các cấp, các ngành cần rà soát, đánh giá tổ chức, bộ máy các cơ quan trực thuộc, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, tinh giản cơ cấu bên trong của các ban, bộ, sở, ngành, đoàn thể ở mỗi cấp, cắt bỏ bớt các khâu trung gian. Đề cao trách nhiệm cá nhân cán bộ, công chức, nhất là cán bộ chủ trì, trên cơ sở đó để tinh giản biên chế một cách tích cực.

+ Xác định rõ mức giảm biên chế nói chung; các cấp, các ngành chỉ đạo việc giảm biên chế cụ thể ở mỗi cơ quan thuộc cấp mình. Chuẩn bị để ban hành ngay một số chế độ, chính sách cụ thể giải quyết số người dôi dư.

+ Các đồng chí Ủy viên Trung ương, cán bộ chủ chốt các ngành và địa phương phải nghiêm túc triển khai thực hiện các chủ trương về tinh giản biên chế.

Đối với các việc chuẩn bị cho triển khai sau Đại hội IX, căn cứ vào quan điểm, mục tiêu, phương hướng chung mà Hội nghị Trung ương 7 đã xác định tiến hành một số công việc sau:

+ Nghiên cứu xác định rõ bộ máy của Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở Trung ương và địa phương để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

+ Sửa đổi Điều lệ Đảng để trình Đại hội.

+ Lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp để sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương, tổ chức tư pháp; sửa đổi các luật tổ chức nhà nước.

II- ĐỀ ÁN: CHỦ TRƯƠNG, BIỆN PHÁP CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP XÃ HỘI THUỘC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Cần trình bày rõ với Trung ương, hiện nay chưa có điều kiện

để thực hiện cải cách cơ bản tiền lương. Trước mắt tập trung vào một số việc sau:

- Thực hiện bù trượt giá vào lương tối thiểu, qua hai bước như đề án xác định.

- Phải kiên quyết lập lại trật tự kỷ cương trong việc trả lương. Các cơ quan, đơn vị phải công khai hóa các khoản thu nhập ngoài lương. Trên cơ sở đó, chấn chỉnh lại tiền lương và thu nhập.

- Phải đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, triệt để tiết kiệm chi tiêu.

- Có chính sách, biện pháp thực hiện điều tiết những đơn vị, cá nhân có thu nhập cao, thực hiện công bằng xã hội, nhất là trong việc chữa bệnh đối với người nghèo, học tập đối với con em nông dân...

- Bộ Chính trị sẽ nghe sâu chuyên đề về công tác tài chính và ngân hàng.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên và ý kiến của các đồng chí Bộ Chính trị, Cố vấn tại phiên họp này, Tiểu ban hoàn chỉnh đề án để trình Thường vụ Bộ Chính trị trước khi trình Trung ương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII*

Ngày 9 tháng 8 năm 1999

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí đại biểu,

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã quyết định tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng. Hội nghị cũng đề ra nhiệm vụ: "Từ nay đến Đại hội IX, kiên quyết sắp xếp một bước bộ máy các tổ chức trong hệ thống chính trị, giảm biên chế ở các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan đảng, đoàn thể. Có chế độ, chính sách hợp lý để thực hiện yêu cầu giảm biên chế, cải tiến chính sách tiền lương". Công việc ấy "gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả".

---

* Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 09 đến ngày 16-8-1999 (*B.T*).

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Bộ Chính trị đã thành lập Tiểu ban soạn thảo các đề án về kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và vấn đề tiền lương do đồng chí Phan Văn Khải làm Trưởng Tiểu ban, các đồng chí Nguyễn Văn An, Nguyễn Tấn Dũng, Phan Diễn và một số đồng chí Ủy viên Trung ương làm ủy viên.

Với thời gian chuẩn bị rất ngắn, Tiểu ban đã rất cố gắng trình ra dự thảo ban đầu. Bộ Chính trị đã họp bốn phiên để thảo luận. Tuy còn nhiều vấn đề chưa chín, nhưng để phát huy dân chủ, Bộ Chính trị quyết định gửi dự thảo đến các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy, các cấp ủy trực thuộc, mặt trận và các đoàn thể, các ban đảng và một số cán bộ cao cấp đã nghỉ hưu để lấy ý kiến rộng rãi.

Các cấp ủy đảng, các ban, ngành Trung ương, các đồng chí Ủy viên Trung ương, các đồng chí Cố vấn, các đồng chí lão thành cách mạng và cán bộ cao cấp nghỉ hưu đã đóng góp nhiều ý kiến phong phú và cụ thể.

Bộ Chính trị đã họp tiếp hai phiên để nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến đóng góp và trên cơ sở ấy, chỉnh lý đề án trình Hội nghị Trung ương.

Thưa các đồng chí,

Trước khi Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, tôi xin phát biểu thêm một số vấn đề:

Thứ nhất, trong các thời kỳ cách mạng, Đảng ta rất coi trọng việc xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nhờ vậy, trong quá trình đấu tranh giành chính quyền cũng như trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược đầy khó khăn, gian khổ, kinh tế nghèo nàn, vũ khí thiếu thốn, tài chính khó khăn, Đảng ta đã tạo

được sức mạnh tổng hợp về chính trị và tổ chức, đã đánh thắng kẻ thù, hoàn thành sứ mệnh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước mà nhân dân giao phó.

Từ năm 1975 đến năm 1986, 10 năm sau khi nước nhà hoàn toàn độc lập và thống nhất, chúng ta đã làm nhiều việc để củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị.

Từ Đại hội Đảng lần thứ VI mở đầu công cuộc đổi mới và tiếp đến Đại hội Đảng lần thứ VII, chúng ta lại tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị. Những chủ trương kiên quyết và kịp thời đó là một trong những nguyên nhân rất quan trọng tạo nên thắng lợi to lớn của sự nghiệp đổi mới.

Quan điểm nhất quán của Đảng ta là đồng thời với việc xây dựng, chỉnh đốn về chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức cách mạng, phải kiên quyết, kịp thời xây dựng và chấn chỉnh về mặt tổ chức, bảo đảm cho hệ thống chính trị ngày càng mạnh hơn, có hiệu lực hơn để lãnh đạo thắng lợi sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta.

Thứ hai, tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương cần nghiêm túc đánh giá những mặt đã làm được, những mặt tồn tại, yếu kém của bộ máy và công việc củng cố, kiện toàn bộ máy ấy; phân tích rõ nguyên nhân, xác định rõ vấn đề gì là vấn đề quan trọng nhất, cấp bách nhất hiện nay phải giải quyết (hình thức, cơ cấu tổ chức hay là sự yếu kém về chất lượng của mỗi tổ chức). Những vấn đề thuộc quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ thì phải giải quyết ngay. Những vấn đề đã được xác định trong Cương lĩnh, Điều lệ, Hiến pháp thì phải nghiêm chỉnh chấp hành. Những vấn đề không thuộc

quyền hạn Ban Chấp hành Trung ương, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ thì phải tổ chức nghiên cứu trong quá trình chuẩn bị Đại hội IX.

Thứ ba, việc kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị phải nhằm bảo đảm tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo bền vững của Đảng trong mọi tình huống và trên toàn bộ lĩnh vực của đời sống xã hội; giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, làm cho Nhà nước thực sự là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, củng cố quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, lập lại trật tự, kỷ cương, bảo đảm giành thắng lợi trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, về vấn đề tiền lương. Chúng ta đều biết chế độ tiền lương hiện hành bộc lộ nhiều bất hợp lý, gây nhiều tiêu cực trong kinh tế và đời sống. Tình hình đó đã diễn ra từ mấy năm nay. Vì vậy, yêu cầu cải cách chính sách tiền lương đặt ra rất cấp bách. Giải quyết tốt vấn đề này sẽ góp phần quan trọng vào thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, làm trong sạch, lành mạnh đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

Đề nghị Ban Chấp hành Trung ương xác định rõ quan điểm về chính sách tiền lương và một số chính sách xã hội khác.

Có quan điểm đúng đắn và rõ ràng thì dù khó khăn thế nào chúng ta cũng tìm được giải pháp đúng.

Thưa các đồng chí,

Tổ chức, bộ máy và tiền lương là những vấn đề quan trọng và phức tạp. Muốn giải quyết được tốt, Ban Chấp hành Trung ương phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhìn thẳng vào những vấn đề bức bách nhất, những yếu kém, tồn tại, có giải pháp đúng đắn để tạo được sự nhất trí cao về quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, thống nhất hành động của các ngành, các cấp, làm cho tình hình thực sự chuyển biến, đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân.

Với tinh thần như vậy, thay mặt Bộ Chính trị, tôi tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương.

Xin chúc các đồng chí mạnh khỏe.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 5-10.

BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Số 104/TLHN, ngày 4 tháng 8 năm 1999

Đề án về đổi mới và kiện toàn một bước tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị*

Hệ thống chính trị ở nước ta bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, trải qua các giai đoạn kháng chiến và kiến quốc, nhất là trong thời kỳ đổi mới, đã từng bước được kiện toàn về chức năng, nhiệm vụ về tổ chức, bộ máy, phát huy được sức mạnh tổng hợp, là nhân tố bảo đảm thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Ngày nay, đứng trước yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta chủ trương tiếp tục đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị cho đồng bộ với sự đổi mới về kinh tế - xã hội,

---

* Tài liệu này được gửi trước ngày khai mạc Hội nghị (*B.T*).

bảo đảm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, từ tình hình nhiệm vụ mới của đất nước và thực trạng tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ sáu (lần 2, khóa VIII) đã đề ra nhiệm vụ "*Sắp xếp lại tổ chức, bộ máy đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả*" và khẳng định: "*Từ nay đến Đại hội IX, kiên quyết sắp xếp một bước bộ máy các tổ chức trong hệ thống chính trị, giảm biên chế ở các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan đảng, đoàn thể. Có chế độ chính sách hợp lý để thực hiện yêu cầu giảm biên chế, cải tiến chính sách tiền lương*".

Để thực hiện tốt các chủ trương nêu trên, Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đề án về đổi mới và kiện toàn một bước tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời kỳ mới. Đề án gồm bốn phần:

1- Tình hình tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị trong những năm tiến hành sự nghiệp đổi mới và hiện nay.

2- Quan điểm chỉ đạo, phương hướng chung, chủ trương và giải pháp về đổi mới và kiện toàn một bước tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị trong những năm tới.

3- Những việc cần làm về đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị từ nay đến Đại hội IX của Đảng.

4- Tổ chức chỉ đạo thực hiện.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG NHỮNG NĂM TIẾN HÀNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI VÀ HIỆN NAY

Từ Đại hội lần thứ VI đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo thực hiện hai cuộc sắp xếp, kiện toàn, đổi mới tổ chức, bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể ở Trung ương và địa phương. Cùng với quá trình này đã tiến hành việc điều chỉnh địa giới hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và một số huyện, quận; theo đó là việc chia tách, lập mới tổ chức, bộ máy các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện; đồng thời điều chỉnh, bổ sung một số chủ trương, chính sách để củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức ở cấp cơ sở.

Cuộc kiện toàn tổ chức, bộ máy lần thứ nhất, theo Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết 34-NQ/TW tháng 9-1986 của Bộ Chính trị khóa V.

Từ sau Đại hội VI đến trước Đại hội VII, đã tiến hành việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể từ Trung ương đến các địa phương nhằm khắc phục tình trạng tổ chức, bộ máy và biên chế quá lớn.

Kết quả là đã tinh giản được một bước tổ chức, bộ máy và biên chế các cơ quan đảng và nhà nước ở Trung ương và các địa phương, giảm các khâu trung gian, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh tế của các đơn vị cơ sở.

Tuy nhiên, do công cuộc đổi mới vừa mới bắt đầu, việc cụ thể hóa và thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng trên các

lĩnh vực chưa làm được bao nhiêu, nên việc tinh giản tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian này chưa đem lại kết quả vững chắc, phần lớn các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp chưa thoát được nếp làm việc cũ, thậm chí phục hồi một số tổ chức và biên chế đã tinh giản, lập thêm một số bộ máy mới ở các cấp, các ngành.

Cuộc kiện toàn tổ chức, bộ máy lần thứ hai, theo Nghị quyết Đại hội VII, Nghị quyết Trung ương 2 khóa VII, theo Hiến pháp và các luật về tổ chức ban hành năm 1992.

Cuộc kiện toàn tổ chức, bộ máy từ sau Đại hội VII đến nay tiếp tục được tiến hành trong các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể ở Trung ương và các cấp nhưng hướng chỉ đạo tập trung vào tổ chức, bộ máy các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương, tăng cường vai trò của Quốc hội, của các cơ quan tư pháp và đặc biệt là của Chính phủ.

Cùng với việc ban hành Hiến pháp năm 1992, nội dung đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII và Nghị quyết Trung ương 2 khóa VII được thể chế hóa bằng một hệ thống các bộ luật, luật, pháp lệnh và văn bản dưới luật, đặc biệt là về kinh tế, dân sự... và về tổ chức các cơ quan nhà nước. Trên cơ sở đó, việc đổi mới tổ chức, bộ máy trong giai đoạn này ở Trung ương cũng như ở các địa phương đã đem lại kết quả thực tế tác động tích cực vào tiến trình đổi mới.

Tuy nhiên, trong thời gian này bộ máy và biên chế ở một số ngành và các địa phương lại tăng lên, một phần để đáp ứng yêu cầu đối với một số nhiệm vụ mới đặt ra, phần vì việc chia tách các đơn vị hành chính tỉnh, huyện. Tính từ cuối năm 1986 đến nay, số lượng cơ quan đầu mối ở cấp tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng từ 44 lên 61; ở cấp huyện, quận, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh từ 535 lên 604; theo đó ở cấp tỉnh phải lập thêm hơn 300 sở, ban và trên 2.000 phòng, bộ phận công tác mới; ở cấp huyện phải lập thêm trên 1.000 phòng, ban (mỗi tỉnh bình quân có 20 sở, ban; mỗi sở, ban có 5 - 7 phòng, bộ phận công tác; mỗi huyện bình quân có 12 phòng, ban). Cấp xã, phường, thị trấn cũng tăng từ 10.026 lên 10.398 đơn vị.

Nhìn chung tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị sau hai lần sắp xếp, kiện toàn, nổi lên những việc đã làm được và những tồn tại chủ yếu sau:

I- NHỮNG VIỆC ĐÃ LÀM ĐƯỢC

Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể đã từng bước được đổi mới, điều chỉnh, bổ sung theo yêu cầu của quá trình chuyển từ cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang thực hiện chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa:

1. Các cấp ủy đảng đã có một bước đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo, khắc phục một phần đáng kể tình trạng ôm đồm, bao biện làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo và công tác kiểm tra.

Các ban đảng vừa tăng cường công tác xây dựng Đảng, vừa làm chức năng nghiên cứu, tham mưu, giúp cấp ủy hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Việc củng cố các đảng đoàn, lập các ban cán sự đảng trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể ở Trung ương và cấp tỉnh (sau Nghị quyết Trung ương 3, khóa VII) đã góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong các tổ chức của hệ thống chính trị, nhất là đối với công tác cán bộ.

Việc ban hành và triển khai thực hiện một hệ thống các quy định, quy chế hoạt động của các cấp ủy và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở đã cụ thể hóa một bước nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng, tăng cường chức năng lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị và xã hội.

Việc thực hiện mô hình bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy đảng kiêm nhiệm chức vụ chủ tịch hội đồng nhân dân cùng cấp đã được thực tiễn chứng minh là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với điều kiện một đảng cầm quyền.

Đầu mối tổ chức các ban và cơ quan đảng đã được tinh giản đáng kể so với thời kỳ trước đổi mới. Ở cấp Trung ương, từ 24 đầu mối (16 ban, văn phòng và 8 đơn vị sự nghiệp) nay còn 16 đầu mối (12 ban, văn phòng và 4 đơn vị sự nghiệp). Ở cấp tỉnh từ 12 - 15 đầu mối nay còn trên dưới 10 đầu mối. Ở cấp huyện nói chung vẫn giữ từ 5 - 6 đầu mối các ban và văn phòng cấp ủy.

2. Quốc hội đã có sự đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động; tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; hình thành cơ chế giải quyết kiến nghị của nhân dân thông qua việc tiếp xúc giữa đại biểu Quốc hội với cử tri. Dân chủ trong sinh hoạt của Quốc hội, cùng với việc bảo đảm sự

lãnh đạo của Đảng được tôn trọng. Lòng tin, sự tín nhiệm của nhân dân đối với Quốc hội được nâng lên.

Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành nhiều bộ luật, luật, pháp lệnh, thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát huy các quyền dân chủ của nhân dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Quốc hội từng bước nâng cao chất lượng thảo luận, ra nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, về ngân sách nhà nước, về điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, về bầu, phê chuẩn các chức vụ cấp cao của Nhà nước.

Hoạt động giám sát của Quốc hội đã được cải tiến thông qua việc xem xét các báo cáo của Chính phủ và các cơ quan tư pháp, thông qua các hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn trong các kỳ họp Quốc hội, tiếp dân, chỉ đạo việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân.

3. Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước đã có sự đổi mới về chức năng, cơ cấu, tổ chức, bộ máy gắn với quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế, thể hiện rõ hơn chức năng quản lý vĩ mô của Chính phủ và các bộ, phân biệt rõ hơn quản lý hành chính với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Chính phủ đã tiến hành cải cách thể chế, tập trung cải cách thủ tục hành chính, nhất là trong các lĩnh vực trực tiếp liên quan đến sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân. Các thủ tục và quy trình giải quyết công việc hành chính trong nhiều lĩnh vực như thành lập doanh nghiệp, nhà đất, thuế, hải quan, đầu tư, xuất khẩu, nhập khẩu,

xuất cảnh, nhập cảnh... đã được cải tiến một bước. Chính phủ đã triển khai việc thực hiện luật khiếu nại, tố cáo và ban hành nghị định về quy chế dân chủ, công khai ở các loại cơ sở, tạo thêm cơ sở pháp lý cho việc phát huy quyền dân chủ của nhân dân và tăng cường mối liên hệ giữa chính quyền với nhân dân.

Trên cơ sở đổi mới thể chế, tổ chức, bộ máy của hệ thống hành chính đã tinh giản hơn trước. So với năm 1986, ở cấp Trung ương tổng số đầu mối các cơ quan của Chính phủ đã giảm từ 76 xuống còn 48 (23 bộ, cơ quan ngang bộ và 25 cơ quan thuộc Chính phủ). Ở cấp tỉnh: từ 35 - 40 đầu mối, nay còn trên dưới 20 đầu mối các sở, ban. Ở cấp huyện từ 20 - 25 đầu mối nay còn 10 - 15 đầu mối các phòng, ban.

4. Các cơ quan tư pháp đã được kiện toàn và đổi mới một bước về tổ chức và hoạt động, về phối hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm, giải quyết các tranh chấp dân sự, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Hệ thống các tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án đã được điều chỉnh, bổ sung về nhiệm vụ, quyền hạn, về tổ chức, cán bộ, về cơ sở vật chất và kỹ thuật. Việc tiêu chuẩn hóa các chức danh kiểm sát viên, thẩm phán, điều tra viên, chấp hành viên đã bước đầu được thực hiện.

Mạng lưới tổ chức các cơ quan hỗ trợ tư pháp (như luật sư, công chứng, giám định và tổ chức tư vấn pháp lý cho người nghèo) bước đầu hình thành và phát triển.

5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có bước đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, coi trọng các mặt công tác giáo dục, vận động và tập hợp nhân dân tham gia các phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất,

xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần, giữ gìn trật tự trị an, chống các biểu hiện tiêu cực; tích cực góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới.

II- NHỮNG MẶT TỒN TẠI CHỦ YẾU

1. *Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy trong các tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể còn nhiều khâu chồng chéo, trùng lắp;* vẫn chưa xử lý được thật rành mạch các mối quan hệ giữa các tổ chức với nhau, nhất là giữa thường vụ cấp ủy và thường trực ủy ban nhân dân, giữa một số ban và tổ chức đảng với nhau và với một số cơ quan nhà nước cùng cấp, giữa một số cơ quan nhà nước với nhau và với các doanh nghiệp; giữa tập thể cơ quan lãnh đạo và thủ trưởng...

Thẩm quyền, trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, người đứng đầu ở các cấp, các ngành chưa được chế định *đồng bộ, chặt chẽ,* vừa có tình trạng tập trung quá mức ở cấp Trung ương, chưa khắc phục được triệt để cơ chế "xin - cho", vừa có những biểu hiện phân tán, cục bộ ở các ngành, các cấp làm cho tổ chức, bộ máy vận hành kém hiệu lực và hiệu quả, kỷ cương, kỷ luật không nghiêm; thưởng phạt không rõ ràng. Nhiều tổ chức cùng thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra nhưng rất ít phát hiện được các vụ vi phạm kỷ luật đảng và luật pháp nhà nước để xử lý kịp thời.

a) Nội dung và phương thức lãnh đạo của cấp ủy và tổ chức đảng chưa được xác định thật cụ thể, phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng cấp, từng ngành, từng loại đơn vị cơ sở trong cơ chế mới nên chưa phát huy đúng mức vai trò của

từng tổ chức đảng, của các cấp ủy viên và cán bộ phụ trách trong bộ máy nhà nước và các đoàn thể. Chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra vẫn là khâu yếu; tình trạng ra quá nhiều nghị quyết, kỷ luật chấp hành không nghiêm, "nói nhiều, làm ít" chậm được khắc phục. Nhiều cấp ủy địa phương và cơ sở vẫn còn tình trạng bao biện, làm thay, hoặc có mặt buông lỏng vai trò lãnh đạo.

Tổ chức đảng trong hệ thống các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, ở các khối cơ quan Trung ương và địa phương cũng còn những vấn đề về chức năng, nội dung lãnh đạo, quan hệ công tác... chưa được làm rõ. Các doanh nghiệp do cấp ủy đảng trực tiếp thành lập chưa có quy định về phạm vi và cơ chế hoạt động phù hợp với luật pháp và khả năng quản lý, một số doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, "lợi bất cập hại".

b) Việc phân định chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp) với nhau vẫn còn một số vấn đề chưa được giải quyết, chậm khắc phục sự trùng lắp, chồng chéo, vướng mắc về chức năng, thẩm quyền làm ảnh hưởng đến sự thống nhất quyền lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước.

- Quốc hội tuy đã có bước tiến rõ nét so với trước về thực hiện chức năng lập pháp, song cả về số lượng và chất lượng các luật và việc ban hành luật chưa theo kịp yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường; chức năng và thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước chưa được quy định cụ thể về nội dung và về phương thức; chức năng giám sát tối cao của Quốc hội chưa được xác định rõ nội dung,

đối tượng giám sát và cách tiến hành, nên còn có những biểu hiện hình thức, chưa phát huy được hiệu quả.

- Các cơ quan hành chính nhà nước tuy đã thực hiện một bước đổi mới về chức năng và cơ chế quản lý nhưng vẫn còn nhiều cơ quan chưa làm đúng thẩm quyền quản lý nhà nước theo cơ chế mới đối với tất cả các thành phần kinh tế, chưa tách bạch thật triệt để chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Chưa phân biệt rõ về tổ chức và cơ chế hoạt động giữa quản lý nhà nước và dịch cụ công; các đơn vị sự nghiệp lâu nay chủ yếu vẫn hoạt động theo cơ chế hành chính. Thủ tục hành chính đã có bước cải tiến, nhưng quan hệ giữa Nhà nước với dân và với các doanh nghiệp vẫn còn nhiều phiền hà, cản trở công việc và hạn chế việc phát huy tiềm lực của dân.

Sự phân cấp thẩm quyền hành chính đi đôi với phân định trách nhiệm chưa rõ ràng, dứt khoát; tính tập trung thống nhất trong những lĩnh vực cần thiết của hệ thống hành chính còn yếu; tính năng động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của các địa phương, các ngành chưa được phát huy đúng mức; giữa các cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương cũng như giữa các bộ, ngành còn có tình trạng thiếu phối hợp, vướng mắc về thẩm quyền, đùn đẩy trách nhiệm, việc khó giải quyết thường dồn lên cấp trên. Trách nhiệm cá nhân không rõ, thường dựa dẫm vào tập thể.

- Các cơ quan tư pháp tuy có một số tiến bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ mới.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII đã xác định Viện Kiểm sát nhân dân tập trung thực hiện chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, nhưng trong thực tế, hoạt động

của các cơ quan này vẫn chưa tập trung đúng mức vào các chức năng đó. Chức năng kiểm sát chung (việc tuân theo pháp luật) của Viện là vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau, chậm được xem xét, kết luận để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu mới.

Thẩm quyền của tòa án các cấp chưa được quy định hợp lý; các quan hệ tố tụng tư pháp và quan hệ hành chính còn có những việc lẫn lộn; sự phân công, phối hợp giữa các lực lượng bảo vệ pháp luật chưa thành quy chế rõ ràng. Đó là một nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng không tốt đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm; tình trạng xét xử oan sai, không đúng người, đúng tội, tồn đọng án, xử xong không thi hành được còn khá nặng nề. Công tác quản lý tòa án địa phương về mặt tổ chức vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau, chưa được khẳng định rõ để thực hiện một cách nhất quán.

c) Nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chưa đổi mới kịp tình hình, các tầng lớp quần chúng có những biến đổi trên nhiều mặt, với các mối quan hệ phức tạp, đa dạng hơn trong kinh tế thị trường. Một số đoàn thể đã có những hoạt động thiết thực đáp ứng nhu cầu và lợi ích của quần chúng, nhưng không ít tổ chức quần chúng còn bị động, lúng túng, việc gì cũng làm, lĩnh vực nào cũng tham gia nhưng hiệu quả hạn chế, nặng tính hình thức.

2. *Cơ cấu bộ máy của các tổ chức trong hệ thống chính trị nhìn chung vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc trung gian, công việc chồng chéo và có khi cản trở lẫn nhau;* hoạt động kém hiệu quả, thiếu thống nhất, không thông suốt, gây phiền hà, chậm trễ công việc, lại làm tăng thêm biên chế và chi phí hành chính; là một trong những nguyên nhân phát sinh

nhiều biểu hiện tiêu cực. Các cơ quan đảng, nhà nước, mặt trận và các đoàn thể tuy chức năng, nhiệm vụ khác nhau, nhưng có phần *rập khuôn về mô hình, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động,* Trung ương tổ chức thế nào thì địa phương cũng tổ chức gần như vậy; các địa phương có quy mô công việc và đặc điểm khác nhau nhưng đầu mối tổ chức không khác gì nhau.

- Tổ chức, bộ máy của Đảng ở các cấp tuy đã được sắp xếp nhưng vẫn chưa thật tinh gọn về đầu mối các ban và các bộ phận trực thuộc.

- Tổ chức, bộ máy ở một số khâu trong các cơ quan của Quốc hội chưa được sắp xếp hợp lý. Chế độ bầu cử đại biểu Quốc hội còn có những mặt chậm được đổi mới; chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, tỷ lệ đại biểu là người ngoài Đảng còn rất thấp; cơ chế hoạt động của các đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội chưa được quy định thật rõ; việc tổ chức tiếp dân, tiếp xúc cử tri còn mang tính hình thức, ít hiệu quả thiết thực.

- Tổ chức, bộ máy Chính phủ tuy đã giảm số bộ, nhưng nhiều bộ chưa thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước trong phạm vi toàn xã hội, lại có quá nhiều cơ quan trực thuộc Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ chồng lấn nhiệm vụ với các bộ tương ứng; một số ủy ban, ban chỉ đạo, hội đồng có tổ chức, bộ máy riêng ở Trung ương và địa phương, không phù hợp với phương thức hoạt động phối hợp liên ngành; cơ cấu bên trong của các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương (các tổng cục, cục, vụ, viện, sở, phòng) còn rườm rà, chưa được sắp xếp hợp lý. Tổ chức, bộ máy của chính quyền tỉnh, thành phố rập khuôn gần như

Trung ương, không phân biệt các địa phương có quy mô, tính chất khác nhau; chưa tính đến đặc điểm khác nhau trong quản lý hành chính ở đô thị và ở nông thôn; cấp huyện chưa được xác định rõ về vị trí, trách nhiệm và thẩm quyền trong hệ thống hành chính. Tổ chức bộ máy chính quyền cấp xã ở nhiều nơi hoạt động kém hiệu quả; chưa thật gắn với cộng đồng dân cư; đến nay vẫn chưa có sự thống nhất quan điểm, chính sách đối với đội ngũ cán bộ xã, phường.

- Hệ thống tòa án chưa được tổ chức một cách hợp lý, có những vụ xét xử qua quá nhiều nấc, kéo dài mà không giải quyết dứt điểm được, dồn quá nhiều việc xét xử phúc thẩm cho tòa án tối cao, làm cho tòa này không đủ điều kiện tập trung vào việc giám đốc thẩm và tổng kết thực tiễn xét xử để hướng dẫn thi hành pháp luật trong hoạt động xét xử một cách thống nhất. Tòa án cấp huyện hiện có ở tất cả các huyện, kể cả những huyện có quy mô nhỏ hoặc mới được chia tách; đội ngũ cán bộ, thẩm phán chưa được tăng cường cả về số lượng và chất lượng; có nơi xét xử không hết án, có nơi lại rất ít án phải xét xử.

- Các cơ quan điều tra còn phân tán ở các ngành công an, viện kiểm sát, quân đội...; trong từng ngành cũng có tình trạng phân tán lực lượng điều tra ở các tổng cục, cục và ở các cơ quan tương ứng tại địa phương.

- Bộ máy chuyên trách của các đoàn thể ở cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố còn lớn; cơ cấu ban chấp hành Mặt trận và các đoàn thể chưa thật hợp lý, tỷ lệ quần chúng tiêu biểu trong các lĩnh vực và người ngoài Đảng tham gia còn thấp; tình trạng nhà nước hóa về tổ chức và kinh phí, hành chính hóa về phương thức hoạt động, cán bộ đoàn thể

làm việc gần như công chức nhà nước, khiến cho công tác của các đoàn thể thiếu sự gắn bó mật thiết với quần chúng. Chưa có tiêu chí rõ ràng để phân định các loại hình tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp...; bên cạnh một số hình thức tổ chức tự quản của quần chúng, nhiều hội có tính chất nghề nghiệp và từ thiện cũng đòi hỏi Nhà nước cung cấp kinh phí và phương tiện hoạt động.

3. *Biên chế không ngừng tăng lên;* từ năm 1992 đến cuối năm 1998: bình quân hằng năm, biên chế khối đảng và đoàn thể tăng 2,8%, khối quản lý nhà nước tăng 6,1%, khối sự nghiệp tăng 4,6%, biên chế hành chính trong các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước cũng khá lớn. Tình hình đó đã tạo áp lực lớn đối với việc bảo đảm ngân sách cho tiền lương hằng năm, tuy mức lương vẫn còn rất thấp. Biên chế tăng là do bộ máy các ngành, các cấp còn cồng kềnh, do lập thêm một số tổ chức mới theo hệ thống từ Trung ương đến các địa phương và việc chia tách tỉnh, huyện làm tăng thêm nhiều đầu mối mới; do việc tiêu chuẩn hóa và chế độ tuyển chọn cán bộ, công chức chưa được tiến hành chặt chẽ, đều khắp; số người làm việc có chất lượng cao không nhiều, số người làm công tác phục vụ khá đông ở các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp.

Nhìn một cách tổng quát thì cả hệ thống chính trị nói chung, cũng như trong từng tổ chức đảng, nhà nước và đoàn thể vẫn còn những khâu lẫn lộn về chức năng, trùng lắp về nhiệm vụ, không rõ thẩm quyền và trách nhiệm, bộ máy cồng kềnh, đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều mặt hạn chế cả về tinh thần phục vụ nhân dân, cả về năng lực thực tiễn chưa đáp ứng được yêu cầu mới. Tình trạng đó đã làm giảm hiệu quả

công tác lãnh đạo, làm yếu hiệu lực quản lý điều hành kinh tế, xã hội; tệ quan liêu, lãng phí, tham nhũng, các biểu hiện tiêu cực khác trong hệ thống công quyền và tệ nạn xã hội phát triển có mặt rất nghiêm trọng, chậm được khắc phục; trật tự kỷ cương bị vi phạm; sự tin cậy và gắn bó của dân với hệ thống chính trị bị giảm sút.

III- NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG MẶT YẾU KÉM TRONG TỔ CHỨC, BỘ MÁY

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, phần vì chúng ta còn thiếu kinh nghiệm về xây dựng tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị trong điều kiện Đảng cầm quyền thực hiện các chính sách và cơ chế quản lý mới, nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn chưa được sáng tỏ; cái cũ chưa được khắc phục hết, cái mới đang hình thành và chưa định hình; phần vì tư tưởng, tập quán của người sản xuất nhỏ và ảnh hưởng của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp còn đè nặng lên nếp nghĩ và cách làm của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, cho nên quá trình đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy còn nhiều trở ngại, khó khăn.

Tuy nhiên, cần thấy rõ những nguyên nhân chủ quan sau đây:

1. *Đặc điểm cơ bản của chế độ chính trị ở nước ta* khi chuyển sang cơ chế mới *chưa được nhận thức sâu sắc và nhất quán*; *vì thế chúng ta chưa xác định được thật rõ chức năng, nhiệm vụ mới của từng tổ chức* trong hệ thống chính trị. Nhiều vấn đề như phương thức lãnh đạo của một đảng duy nhất

cầm quyền; vai trò, chức năng và phương thức quản lý của Nhà nước trong kinh tế thị trường; nội dung công tác vận động nhân dân và các hình thức tự quản của dân... chưa được làm sáng tỏ cả về lý luận và thực tiễn, hiểu và làm còn khác nhau. Đây là nguồn gốc của sự chồng chéo về chức năng, trùng lắp về tổ chức, kém hiệu quả trong hoạt động của hệ thống chính trị.

2. Tuy đã sớm thấy yêu cầu đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy, song chúng ta thiếu một *cách nhìn tổng thể, nên chủ trương và tổ chức thực hiện không đồng bộ*. Khi bàn về tổ chức bộ máy, chưa dựa trên cơ sở một chiến lược, một định hướng rõ ràng đối với toàn bộ hệ thống chính trị, các giải pháp còn chắp vá, cắt khúc nên khi thực hiện gặp nhiều vướng mắc, không tháo gỡ được. Sắp xếp tổ chức, bộ máy chưa dựa trên một nguyên tắc nhất quán, chưa thật xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ và tính hiệu quả, chưa gắn với việc bố trí cán bộ một cách phù hợp, còn có biểu hiện vì người mà định ra tổ chức; chưa kết hợp chặt chẽ với đổi mới thể chế, chính sách và phương thức hoạt động. Đó là nguyên nhân khiến cho cơ cấu tổ chức, bộ máy lúc giảm, lúc tăng đầu mối, khi tách, khi nhập tổ chức, bộ máy; biên chế ngày càng tăng.

3. Đổi mới tổ chức, bộ máy là vấn đề phức tạp và nhạy cảm, đòi hỏi phải có quyết tâm, sự nhất trí và có tầm nhìn chiến lược. Trong những năm qua, Trung ương đã ra nhiều nghị quyết về tổ chức nhưng đối với những vấn đề phức tạp, chưa bàn bạc kỹ để giải quyết đến nơi đến chốn, thường thấy khó thì để lại hoặc làm nửa vời. Tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật của các tổ chức và cá nhân chưa được đề cao, nên *việc tổ chức chỉ đạo thực hiện nghị quyết về tổ chức,*

bộ máy không thống nhất, thiếu kiên quyết, dễ làm, khó bỏ, ngại đụng chạm; những biểu hiện của *tư tưởng cục bộ, bản vị, vì lợi ích cá nhân* còn khá phổ biến trong việc xây dựng chính sách, thể chế, tổ chức, bộ máy cũng như trong việc triển khai thực hiện.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG, CHỦ TRƯƠNG VÀ GIẢI PHÁP VỀ ĐỔI MỚI VÀ KIỆN TOÀN MỘT BƯỚC TỔ CHỨC, BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG NHỮNG NĂM TỚI

A- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Việc đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị ở nước ta trong những năm tới phải xuất phát từ các *quan điểm, nguyên tắc cơ bản về hệ thống chính trị* đã được xác định trong Cương lĩnh chính trị và các nghị quyết của Đảng, cụ thể là:

- *Đảng ta là Đảng duy nhất cầm quyền. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân*. Đảng là lực lượng lãnh đạo hệ thống chính trị đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh, chiến lược, chính sách, chủ trương, bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và

kiểm tra, giám sát việc thực hiện thông qua hệ thống tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể.

- *Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân;* là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thống nhất về quyền lực, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, giữa Trung ương và địa phương*. Đảng phải thông qua Nhà nước và chủ yếu bằng Nhà nước để thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, quản lý và điều hành đất nước bằng pháp luật. Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào các cơ quan nhà nước, thường xuyên coi trọng việc xây dựng, chỉnh đốn các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các cơ quan nhà nước thực sự trong sạch và vững mạnh; giữ vững bản chất giai cấp công nhân và mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, vì nhân dân phục vụ, đấu tranh có hiệu quả với các tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

- *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên, thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Đảng lãnh đạo, Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể hoạt động có hiệu quả.

2. Tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị được hình thành và không ngừng phát triển trong quá trình lịch sử của chế độ xã hội mới do Đảng lãnh đạo, nhằm đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng khác nhau. *Việc đổi mới,*

kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị ngày nay vừa phải kế thừa những thành quả và kinh nghiệm đã đạt được, vừa phải theo kịp yêu cầu của tiến trình đổi mới đất nước, nhất quán và đồng bộ với việc xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, giữ vững độc lập và chủ quyền quốc gia; *phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam* khi hạ tầng cơ sở, lực lượng sản xuất còn ở trình độ phát triển thấp; phù hợp với vị trí, chức năng của từng cấp từ Trung ương đến cơ sở, phù hợp với quy mô, đặc điểm của các địa phương.

3. Đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị phải *đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của Nhà nước, tiến hành với tinh thần cải cách từng bước vững chắc;* từ Trung ương tới các địa phương, trước hết phải làm tốt ở các cơ quan Trung ương.

Phạm vi *tiến hành phải đồng bộ* trong các tổ chức đảng, nhà nước và đoàn thể. *Chú trọng đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của Nhà nước,* kể cả lập pháp, hành pháp và tư pháp, vì đây là vấn đề rộng lớn, đòi hỏi nhiều công sức nhất, có quan hệ trực tiếp đối với việc thực hiện các chính sách và cơ chế quản lý mới về kinh tế, xã hội; đồng thời *đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng* là vấn đề có ý nghĩa thúc đẩy đổi mới chung; đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của Mặt trận và các đoàn thể để góp phần thực hiện quyền làm chủ của nhân dân một cách có hiệu quả.

4. *Sự chỉ đạo đổi mới về tổ chức, bộ máy phải kết hợp chặt chẽ ba mặt:*

Một là, coi trọng công tác tư tưởng, giáo dục cán bộ, công chức, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ yêu cầu và

mục tiêu của đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy, đặt lợi ích chung lên trên hết; chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ, bản vị, cục bộ.

Hai là, giải quyết thỏa đáng về chế độ, chính sách, bảo đảm ổn định xã hội và tạo thuận lợi cho việc sắp xếp tổ chức, bố trí lực lượng cán bộ, tinh giản biên chế.

Ba là, đề cao kỷ luật chấp hành Nghị quyết của Đảng và quyết định của cấp trên. Đồng thời phải gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị thường xuyên ở mỗi cấp, mỗi ngành.

B- PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG

Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới, từ thực tiễn và kinh nghiệm đổi mới hơn 10 năm qua, việc đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể cần có phương hướng chung, tiến hành trong một thời gian nhất định, dự kiến cơ bản hoàn thành trong nhiệm kỳ Đại hội IX trước năm 2005. Trên cơ sở phương hướng chung, cần định rõ chủ trương và giải pháp cụ thể về đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của từng ngành, từng cấp, những công việc phải làm trong thời gian trước mắt từ nay đến Đại hội IX của Đảng và bước đi tiếp theo. Một số vấn đề lớn có liên quan đến đường lối chung, Hiến pháp và Điều lệ Đảng thì tích cực chuẩn bị để trình Đại hội IX xem xét, quyết định.

1. Đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII, các Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, phấn đấu đạt các mục tiêu, yêu cầu và nội dung chủ yếu sau:

Mục tiêu tổng quát là bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; giữ vững bản chất giai cấp công nhân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhằm phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường tiềm lực quốc gia, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, *củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân.*

Mục tiêu cụ thể là nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, các tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy của Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể ở các cấp; tinh giản bộ máy và biên chế; cùng với việc nghiêm túc thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng *để từng bước làm trong sạch tổ chức, bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể; phát huy tinh thần chủ động và sáng tạo của cán bộ, công chức và nhân dân trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; củng cố kỷ luật, kỷ cương; ngăn chặn, đẩy lùi quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác.*

2. *Yêu cầu và nội dung chủ yếu của việc đổi mới và kiện toàn một bước tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị lần này là:*

a) Trên cơ sở tiếp tục đổi mới và từng bước hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới thể chế và phương thức quản lý nhà nước trong cơ chế mới, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị, xã hội, tiến hành *phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và các mối quan hệ* giữa các tổ chức, các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể ở các cấp.

Tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh các thể chế, quy chế, điều lệ hoạt động của các tổ chức và cơ quan, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức, tạo điều kiện để tinh giản bộ máy và biên chế; kiên quyết loại bỏ sự chồng lấn về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể ở mỗi cấp và trong các bộ phận ở từng cơ quan.

Thực hiện sự kết hợp giữa hai yêu cầu: vừa *tăng cường vai trò lãnh đạo và quản lý tập trung, thống nhất của Trung ương* trong việc ban hành đường lối, chính sách, luật pháp, thể chế và trên những vấn đề có tính chiến lược, các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại...; *vừa mở rộng hơn nữa sự phân cấp cho các địa phương* theo nguyên tắc cái gì địa phương, cơ sở, nhân dân làm tốt hơn thì phân giao rành mạch; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của các địa phương, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh tế của các doanh nghiệp, tính cộng đồng của các xã, thôn, ấp, bản..., khắc phục tình trạng tập trung quan liêu, hoặc cục bộ địa phương, phân tán, chia cắt.

Thực hiện sự đổi mới sâu sắc hơn về tổ chức, bộ máy các cơ quan nhà nước, mặt trận và đoàn thể để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong điều kiện một Đảng cầm quyền, cần thiết phải *tăng thêm tỷ lệ những người ngoài Đảng có đủ tín nhiệm tham gia các cơ quan Quốc hội, hội đồng nhân dân, mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp và ở một số cơ quan chính quyền hành pháp.*

b) *Xác định hợp lý cơ cấu tổ chức, bộ máy ở mỗi ngành, mỗi cấp và từng cơ quan theo nguyên tắc vì yêu cầu, nhiệm vụ mà xây dựng tổ chức, bộ máy phù hợp; mỗi tổ chức, mỗi cơ quan và bộ phận hợp thành đều có chức năng và trách nhiệm rõ ràng; mỗi phần việc đều có cơ quan và bộ phận phụ trách chính; tinh giản đầu mối để khắc phục sự trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ nhưng không để trống, bỏ sót công việc.*

Sáp nhập hoặc giải thể các cơ quan và bộ phận trực thuộc chồng lấn về chức năng, nhiệm vụ, cắt bỏ các khâu trung gian gây phiền hà và chậm trễ công việc, cản trở tiến trình đổi mới.

c) Gắn với việc sắp xếp tổ chức, bộ máy, tiến hành *tinh giản biên chế các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, biên chế gián tiếp trong các ngành, các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước. Tính chung cả nước từ nay đến trước Đại hội IX phải đạt mức giảm biên chế khoảng từ 15 đến 20% so với hiện nay; sau đó tiếp tục tiến hành giảm biên chế gắn với việc tiếp tục tinh giản hơn nữa bộ máy với tinh thần tích cực hơn.* Đồng thời chú trọng *nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức;* tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chức danh, tiêu chuẩn, định biên cán bộ, công chức; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; đổi mới lề lối làm việc, từng bước áp dụng các phương pháp và phương tiện hiện đại để nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan. Có chế độ, chính sách với số người dư dôi. Triển khai thực hiện nghiêm túc các pháp lệnh về cán bộ, công chức, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm và các quy chế dân chủ ở các đơn vị cơ sở.

C- CHỦ TRƯƠNG VÀ GIẢI PHÁP

I- VỀ TỔ CHỨC, BỘ MÁY CỦA ĐẢNG

Đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy đảng là để hoàn thiện phương thức lãnh đạo, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, bảo đảm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng

Các cơ quan lãnh đạo của Đảng (Đại hội đại biểu, Ban Chấp hành Trung ương và cấp ủy các cấp, tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội...) và các tổ chức cơ sở đảng có tầm quan trọng quyết định trong hệ thống tổ chức của Đảng. Ngày nay đứng trước yêu cầu, thời cơ và thách thức của thời kỳ mới, việc đổi mới và kiện toàn các cơ quan lãnh đạo, gắn liền với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng nằm trong tổng thể của nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng, cần phải được triển khai thực hiện một cách đồng bộ nhằm bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới.

Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo việc nghiên cứu các đề án trình Đại hội IX xem xét, quyết định các vấn đề trên, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng, tích cực chuẩn bị nhân sự Đại hội IX của Đảng và Đại hội đại biểu đảng bộ các cấp; trước mắt chuẩn bị tốt công tác nhân sự bầu cử hội đồng nhân dân các cấp vào cuối năm 1999.

2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp

Điều 14 của Điều lệ Đảng đã ghi rõ: "cấp ủy mỗi cấp lập các cơ quan tham mưu, giúp việc theo hướng dẫn của Bộ Chính trị"; "khi cần, cấp ủy lập Tiểu ban, Hội đồng, tổ công tác và giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ".

Trong thực tế, các cơ quan tham mưu và giúp việc của cấp ủy các cấp đã được kiện toàn nhiều lần, hoạt động đạt kết quả với những mức độ khác nhau, nhưng vẫn có những vấn đề tồn tại về cơ cấu, chức năng và còn nhiều ý kiến khác nhau. Để có cơ sở cho việc đổi mới và kiện toàn các cơ quan tham mưu, giúp việc của các cấp ủy đạt hiệu quả cao hơn, cần thống nhất một số quan điểm, chủ trương và giải pháp sau:

- Để bảo đảm chức năng lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, *các cấp ủy đảng phải thường xuyên quan tâm đổi mới và kiện toàn các ban tham mưu* để các ban có đủ năng lực và điều kiện thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. *Đồng thời trong điều kiện Đảng cầm quyền,* phần lớn cán bộ, đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước và các tổ chức của hệ thống chính trị và xã hội, *các cấp ủy đảng phải đổi mới và từng bước hoàn thiện phương thức lãnh đạo của mình cho phù hợp với đặc điểm đó, coi trọng việc phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên,* trong đó có vai trò, trách nhiệm của *các cấp ủy viên* và *cán bộ chủ chốt* hoạt động trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể, *vừa là lực lượng hạt nhân lãnh đạo chính trị* ở các tổ chức đó, *vừa làm tham mưu* cho Đảng về các mặt chủ trương, chính sách có liên quan. Cần khắc phục cả hai khuynh hướng: hoặc xem nhẹ việc xây dựng và sử dụng các ban tham mưu làm

yếu chức năng lãnh đạo và kiểm tra của Đảng; hoặc không chú trọng dựa vào các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể, từ đó xây dựng tổ chức, bộ máy các ban đảng cồng kềnh, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, hoạt động kém hiệu quả.

- Các ban đảng ở Trung ương có *chức năng tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra và công tác vận động quần chúng...; nghiên cứu, đề xuất hoặc thẩm định những đề án có liên quan đến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng nhất là về kinh tế, xã hội; phát triển lý luận của Đảng; giúp Bộ Chính trị hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng ở cấp dưới; một số ban và đơn vị sự nghiệp được Bộ Chính trị ủy nhiệm thực hiện một số công việc cụ thể. Bộ máy các ban và đơn vị sự nghiệp của Đảng cần tinh gọn, cán bộ phải có chất lượng cao.*

- Tổ chức, bộ máy các ban đảng ở các cấp phải phù hợp với vị trí, chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng địa phương có quy mô, đặc điểm khác nhau. *Không nhất thiết ở Trung ương có cơ quan nào thì ở địa phương cũng có cơ quan ấy.* Các ban là cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, do cấp ủy cùng cấp lập ra và quản lý. Trong quan hệ công tác giữa các ban của cấp trên với các ban của cấp dưới không phải là quan hệ chỉ đạo theo hệ thống dọc; nhưng có quan hệ về thông tin; các ban của cấp trên có trách nhiệm hướng dẫn công tác, hướng dẫn nghiệp vụ đối với các ban, các bộ phận hoặc cán bộ phụ trách có liên quan của cấp ủy cấp dưới; được cấp ủy cùng cấp ủy nhiệm thực hiện một số công việc cụ thể.

3. Các ban cán sự đảng và đảng đoàn

Do Điều lệ Đảng hiện hành đã quy định cụ thể về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các ban cán sự đảng và đảng đoàn ở cấp Trung ương và cấp tỉnh nên việc sửa đổi các quy định này phải đặt trong nội dung nghiên cứu sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội IX.

Ở Hội nghị Trung ương 7, đề nghị xác định phương hướng cải tiến là:

- Về mặt tổ chức và phương thức lãnh đạo, để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan nhà nước và đoàn thể trong điều kiện một đảng cầm quyền, các cấp ủy phải thông qua tổ chức đảng (ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy cơ quan) và đảng viên hoạt động trong các tổ chức và cơ quan đó; đồng thời phải đề cao trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giao cho các cấp ủy viên và cán bộ đứng đầu các cơ quan nhà nước và đoàn thể; khắc phục cả hai khuynh hướng: hoặc coi nhẹ nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tập thể lãnh đạo của tổ chức đảng, nhất là đối với các vấn đề về chủ trương, chính sách và công tác cán bộ hoặc không tôn trọng đúng mức vai trò của người đứng đầu các tổ chức này.

- Xác định trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước (Chính phủ - các bộ, ủy ban nhân dân - các sở) cần tổ chức ban cán sự đảng ở những cơ quan nào, mối quan hệ giữa các ban cán sự đảng ấy, để vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy đầy đủ vai trò quản lý và điều hành của Chính phủ đối với các bộ, của ủy ban nhân dân đối với các sở, ngành ở địa phương, khắc phục những vướng mắc trong quan hệ giữa lãnh đạo và điều hành.

4. Tổ chức đảng ở khối các cơ quan Trung ương và cơ quan cấp tỉnh, thành

Đây là hình thức tổ chức đảng cấp trên của tổ chức cơ sở đảng ở những cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội khác nhau, lại không có cơ quan quản lý hành chính của Nhà nước ngang cấp, nên tổ chức đảng ở mỗi khối không có chức năng lãnh đạo toàn diện các nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ... như nhiệm vụ của các cấp ủy địa phương.

Từ tình hình thực tế trên, cần đổi mới và kiện toàn tổ chức đảng ở các khối cơ quan, *xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức đó* như sau:

- Về chức năng, nhiệm vụ, hình thức tổ chức:

Lập *Ban cán sự đảng (hoặc đảng ủy chỉ định)* ở mỗi khối với thành viên là một số đảng viên có cương vị lãnh đạo ở các cơ quan Trung ương hoặc địa phương, với chức năng chủ yếu là lãnh đạo bảo đảm các mặt tư tưởng chính trị, chỉ đạo xây dựng các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên ở các cơ quan trong khối thực sự trong sạch, vững mạnh và tăng cường công tác kiểm tra. Trên cơ sở làm tốt các nhiệm vụ trên, tổ chức đảng ở từng khối góp phần cùng với ban cán sự đảng, đảng đoàn và tập thể lãnh đạo của các cơ quan trong khối bảo đảm cho việc thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị.

- Về cơ cấu tổ chức:

Tổ chức lại các khối theo hướng giảm đầu mối; mỗi khối bao gồm các cơ sở đảng ở các đơn vị thành viên có mối liên hệ với nhau về nhiệm vụ chính trị:

Ở cấp Trung ương có thể hình thành các khối: công tác đảng và đoàn thể, công tác quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội, công tác lập pháp, tư pháp...

Ở cấp tỉnh: mỗi tỉnh chỉ lập từ một đến hai khối: một khối tất cả các cơ quan cấp tỉnh; hoặc hai khối: khối các cơ quan đảng, đoàn thể và khối các cơ quan nhà nước, kinh tế.

Riêng Thành phố Hồ Chí Minh hiện có đầu mối các tổ chức đảng ở các khối khá lớn (bao gồm tổ chức đảng ở các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp do Trung ương hoặc địa phương thành lập); cần sắp xếp lại gọn hơn theo phương hướng nêu trên. Cải tiến sự chỉ đạo đối với các tổ chức đảng ở cơ quan ban, bộ, ngành Trung ương đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh (một số ít ở thành phố Đà Nẵng). Các tổ chức này có thể đặt trực thuộc Đảng ủy cơ quan ban, bộ, ngành Trung ương ở Hà Nội hoặc đặt trực thuộc Đảng ủy khối của Thành ủy như hiện nay.

5. Tổ chức đảng ở các tổng công ty nhà nước

Gắn với việc tổng kết thực tiễn để đổi mới mô hình tổ chức và cơ chế quản lý ở các tổng công ty nhà nước, cần tiếp tục nghiên cứu mô hình tổ chức và phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng trong các tổng công ty này.

- Củng cố đảng bộ toàn tổng công ty (gồm tổ chức đảng ở cơ quan tổng công ty và ở các đơn vị thành viên) ở một số ít tổng công ty lớn mà hoạt động sản xuất kinh doanh có tính chất liên hoàn, được quản lý tập trung, thống nhất (hàng không, đường sắt) và ở đa số các Tổng công ty 90 (do bộ, ngành hoặc địa phương thành lập) mà các đơn vị thành viên nằm trên phạm vi một địa bàn nhất định.

Các đảng bộ tổng công ty hàng không, đường sắt đặt trực thuộc đảng ủy (hoặc Ban cán sự đảng) khối công tác quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội ở Trung ương.

Các đảng bộ Tổng công ty 90 (do bộ, ngành Trung ương hoặc địa phương thành lập) đều đặt trực thuộc cấp ủy địa phương (nơi tổng công ty đặt trụ sở).

- Ở các tổng công ty khác, không lập đảng bộ toàn tổng công ty thì các cấp ủy địa phương (nơi tổng công ty đặt trụ sở và nơi có các đơn vị thành viên của tổng công ty hoạt động) cần phối hợp với ban cán sự đảng của bộ, ngành có liên quan để chỉ đạo công tác xây dựng Đảng ở cơ quan tổng công ty và các đơn vị thành viên. Tổ chức đảng ở văn phòng tổng công ty và ở các đơn vị thành viên đặt trụ sở và hoạt động ở địa phương nào thì trực thuộc sự chỉ đạo của cấp ủy địa phương ấy.

6. Về các doanh nghiệp của Đảng

Sắp xếp lại các doanh nghiệp của Đảng ở cấp Trung ương và cấp tỉnh, củng cố các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động có hiệu quả, giải thể các đơn vị làm ăn thua lỗ, không lập mới các doanh nghiệp kinh doanh đơn thuần vì lợi nhuận; xác định rõ cơ chế quản lý phù hợp với *Luật doanh nghiệp*. Không duy trì doanh nghiệp của Đảng ở cấp quận, huyện.

7. Về việc kết hợp một số chức danh của Đảng và của Nhà nước

Tiếp tục thực hiện chủ trương các cấp ủy giới thiệu bí thư (hoặc phó bí thư) cấp ủy để được bầu kiêm nhiệm chức vụ chủ tịch hội đồng nhân dân; giới thiệu trưởng ban đảng để bầu kiêm nhiệm trưởng ban của hội đồng nhân dân cùng cấp...

II- VỀ TỔ CHỨC, BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan nhà nước là nhằm thể hiện rõ bản chất giai cấp công nhân, tính chất nhà nước của dân, do dân, vì dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành, xây dựng các cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức *trong sạch, vững mạnh, đẩy lùi quan liêu, tham nhũng,* đáp ứng yêu cầu đổi mới, xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Tiếp tục phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức lập pháp, hành pháp, tư pháp, các mối quan hệ và cơ chế phối hợp giữa các tổ chức đó với nhau, tinh gọn tổ chức, bộ máy và biên chế, khắc phục sự trùng lắp, chồng chéo về chức năng làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.

1. Quốc hội

Đổi mới và kiện toàn về tổ chức và phương thức làm việc của Quốc hội nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội, để Quốc hội thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo các quy định của Hiến pháp. Nâng cao chất lượng các kỳ họp; cải tiến cách làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội; nâng cao trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của các đại biểu Quốc hội. Sắp xếp tinh gọn bộ máy giúp việc của Quốc hội.

a) Đổi mới phương thức và quy trình làm việc của Quốc hội

- Đối với chức năng lập pháp: Quốc hội cần *tập trung thực hiện tốt chức năng lập pháp,* đẩy nhanh tiến trình hoàn thiện hệ thống pháp luật; đổi mới quy trình xây dựng luật, nâng cao

chất lượng các khâu soạn thảo dự án luật ở các cơ quan hữu quan; Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý hoàn thiện dự án luật (cả về nội dung và kỹ thuật lập pháp) để Quốc hội tập trung thảo luận, quyết định những nội dung lớn, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, không mất nhiều thì giờ tranh luận về các vấn đề cụ thể.

- Đối với chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước: cần tạo điều kiện để Quốc hội thực hiện đầy đủ quyền quyết định ngân sách như Hiến pháp đã quy định. Chuẩn bị tốt để Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua các vấn đề lớn về chủ trương, chính sách, về kế hoạch hằng năm và 5 năm, về tổ chức và nhân sự.

- Đối với chức năng giám sát: Tăng cường quyền giám sát tối cao của Quốc hội đối với hoạt động của Chính phủ, của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, tập trung vào những vấn đề bức xúc như chống tham nhũng, chống lãng phí, quản lý vốn và tài sản của Nhà nước, bắt giam, điều tra, truy tố, xét xử... Cần bố trí thời gian thích đáng cho hoạt động chất vấn trong chương trình nghị sự của mỗi kỳ họp; đề cao quyền và trách nhiệm của các đại biểu Quốc hội trong việc chất vấn, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và người đứng đầu các cơ quan này trong việc trả lời chất vấn.

Việc tổ chức các đoàn của Quốc hội đi giám sát ở các ngành và địa phương cần thiết thực, có hiệu quả, phục vụ cho yêu cầu giám sát tối cao.

b) Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan Quốc hội

- Đối với Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

+ Trong điều kiện Quốc hội không hoạt động thường xuyên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần tập trung lực lượng các cơ quan của Quốc hội vào việc chuẩn bị các dự án luật, chuẩn bị và ban hành các pháp lệnh, bảo đảm chất lượng các pháp lệnh và các dự án luật trình Quốc hội; tổ chức các hoạt động giám sát thiết thực, có hiệu quả, chỉ đạo, điều hòa phối hợp hoạt động của các ủy ban của Quốc hội; giảm dần việc ban hành pháp lệnh; tăng cường chức năng giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh.

+ Chuyển chức năng hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của hội đồng nhân dân địa phương cho Chính phủ để bảo đảm tính thống nhất trong quản lý hành chính nhà nước đối với chính quyền địa phương.

- Đối với Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội:

+ Xác định rõ Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội là hình thức tổ chức làm việc tập thể của đại biểu Quốc hội, có trách nhiệm tham mưu, giúp Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo từng lĩnh vực do Quốc hội giao.

Tổ chức lại và tăng cường các cơ quan này theo hướng củng cố bộ phận thường trực, tăng thêm số đại biểu hoạt động chuyên trách và bảo đảm hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội không chuyên tham gia.

+ Mở rộng các hình thức tổ chức thu thập ý kiến của các cơ quan và cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu khoa học có kiến thức và kinh nghiệm trong quá trình chuẩn bị các dự án luật...

- Đối với đại biểu Quốc hội và đoàn đại biểu Quốc hội:

+ Tiếp tục đổi mới thể chế bầu cử để nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đồng thời bảo đảm tính đại diện, với cơ cấu

hợp lý, tăng thêm tỷ lệ đại biểu là những người ngoài Đảng có đủ tiêu chuẩn và có tín nhiệm với dân, khắc phục cơ cấu mang tính hình thức. Thực hiện việc phân công đại biểu Quốc hội giữ mối liên hệ thường xuyên với cử tri tại khu vực bầu cử để phát huy trách nhiệm cá nhân của từng đại biểu Quốc hội.

+ Tổ chức hoạt động của đoàn đại biểu Quốc hội theo địa phương một cách thiết thực, có hiệu quả. Đoàn đại biểu Quốc hội không phải là hình thức hoạt động chủ yếu của các đại biểu Quốc hội giữa hai kỳ họp và trong các kỳ họp.

- Đối với bộ máy giúp việc của Quốc hội:

Kiện toàn bộ máy giúp việc của Quốc hội theo hướng tinh gọn về tổ chức và biên chế; nâng cao trình độ nghiên cứu chuyên sâu của bộ máy và cán bộ giúp việc của Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội. Sắp xếp hợp lý đầu mối và biên chế ở các bộ phận làm chức năng thông tin, hành chính, quản trị, phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội.

2. Tổ chức, bộ máy hành chính

Tiếp tục đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy hành chính nhà nước theo hướng xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa với cơ cấu, bộ máy tinh gọn và có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy hành chính là nhiệm vụ trọng tâm của việc đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

a) Trước hết cần tập trung *điều chỉnh chức năng và phương thức hoạt động của Chính phủ* phù hợp với cơ chế quản lý mới: Chính phủ quản lý vĩ mô các lĩnh vực hoạt động của toàn xã hội bằng hệ thống pháp luật, các chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ và thông qua việc hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đảm bảo thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- *Rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các bộ và cơ quan ngang bộ* (gọi tắt là bộ) theo hướng dẫn tổ chức bộ quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực, trong phạm vi toàn quốc. Tinh giản các cơ quan trực thuộc Chính phủ do Chính phủ thành lập, chỉ duy trì một số ít cơ quan làm chức năng sự nghiệp hoặc quản lý chuyên ngành đối với một số lĩnh vực xét thấy chưa thể giao cho một bộ nào đảm nhiệm.

- Trên cơ sở điều chỉnh chức năng của Chính phủ và các bộ, tiếp tục *nghiên cứu mô hình tổ chức Chính phủ* cho phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới, có số lượng và cơ cấu hợp lý, bao quát được nhiệm vụ quản lý toàn xã hội của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập khu vực và thế giới...

- *Sắp xếp tinh giản cơ cấu bộ máy và biên chế bên trong của Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ* và các cơ quan trực thuộc Chính phủ là một yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách hiện nay.

Cơ cấu bên trong các bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ cần được quy định thống nhất:

+ Cơ cấu lãnh đạo bộ gồm: bộ trưởng là thành viên Chính phủ, là người đứng đầu quản lý hành chính nhà nước đối với

các ngành và lĩnh vực do bộ quản lý; có một số thứ trưởng (với số lượng tinh giản) là những người giúp việc bộ trưởng, thay mặt bộ trưởng và được bộ trưởng ủy quyền giải quyết những lĩnh vực công tác cụ thể.

+ Cơ cấu bộ máy giúp việc của các bộ gồm có *các vụ* thực hiện chức năng tham mưu cho Bộ trưởng; *các cục* quản lý hành chính nhà nước chuyên ngành được Bộ trưởng ủy nhiệm (hạn chế việc lập Tổng cục trong Bộ); *thanh tra bộ* (thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành); *văn phòng bộ;* và cơ quan *thông tin.*

- *Sắp xếp lại các tổ chức sự nghiệp* thuộc bộ làm dịch vụ công như trường học, viện nghiên cứu, bệnh viện, đoàn nghệ thuật, báo...; duy trì cơ cấu và số lượng hợp lý để thực hiện các nhiệm vụ dịch vụ công mà chỉ có Nhà nước mới có thẩm quyền và khả năng thực hiện. Các tổ chức này sẽ dần dần được nâng cao tính "tự chủ, tự quản" gắn với tiến trình xã hội hóa, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ.

- Nghiên cứu để tiếp tục *đổi mới cơ chế quản lý nhà nước của các bộ* (và ủy ban nhân dân địa phương) *đối với các doanh nghiệp nhà nước* do bộ (hoặc ủy ban nhân dân địa phương) thành lập; xác định rõ thẩm quyền của các cơ quan được giao thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp; các bộ (và ủy ban nhân dân) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, chính sách, phân phối tài chính, bổ nhiệm cán bộ quản lý chủ chốt ở các doanh nghiệp; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh tế trước pháp luật. Đối với loại doanh nghiệp công ích và doanh nghiệp kinh doanh độc quyền, cần có cơ chế quản lý thích hợp để khắc phục tình trạng bộ hoặc

ủy ban nhân dân can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nghiên cứu đổi mới cơ cấu tổ chức, bộ máy của các doanh nghiệp nhà nước, xác định rõ hơn trách nhiệm và các mối quan hệ của hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc phù hợp với doanh nghiệp nhà nước có 100% vốn; các doanh nghiệp nhà nước đã chuyển thành công ty cổ phần thì các thành viên hội đồng quản trị và tổng giám đốc theo *Luật doanh nghiệp* quy định; chuyển hình thức tổ chức liên hiệp xí nghiệp còn lại thành tổng công ty.

- *Điều chỉnh các tổ chức tư vấn, liên ngành* giúp việc Thủ tướng Chính phủ theo hướng tinh giản, thiết thực và hiệu quả.

+ Đối với các tổ chức liên ngành có chức năng chính làm tư vấn cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (như các ủy ban, hội đồng...) hoặc chức năng giải quyết những vấn đề có liên quan đến nhiều bộ, ngành thì xử lý theo nguyên tắc: không có bộ máy và biên chế riêng, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, có tổ chức duy trì lâu dài, có tổ chức hoạt động ngắn hạn.

+ Đối với các Ban chủ nhiệm các chương trình kinh tế, kỹ thuật, công nghệ... thì giao cho bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan có liên quan thuộc Chính phủ làm chủ nhiệm, có Văn phòng giúp việc đặt tại bộ, ngành chủ trì.

+ Đối với các tổ chức chuyên trách có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ về một lĩnh vực công tác cụ thể thì xử lý theo mấy hướng sau:

• Tổ chức chuyên trách có nhiệm vụ gắn với chức năng quản lý nhà nước của một bộ, ngành nào đó thì đưa tổ chức

chuyên trách đó về bộ, ngành tương ứng quản lý để tiện cho sự chỉ đạo thực hiện chương trình có hiệu quả. Tổ chức chuyên trách này có bộ máy và biên chế riêng được tính trong tổng biên chế chung của Bộ, ngành quản lý trực tiếp. Ví dụ: Ban quản lý các khu công nghiệp đặt trực thuộc Bộ Công nghiệp.

• Tổ chức làm nhiệm vụ tư vấn trực tiếp cho Thủ tướng Chính phủ không có chức năng chỉ đạo, nói chung không thành cơ quan độc lập mà nằm trong biên chế bộ máy của Văn phòng Chính phủ (như Ban nghiên cứu của Thủ tướng...).

b) Đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy chính quyền địa phương theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, không có quyền lực nhà nước ở địa phương tách rời quyền lực Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chính quyền địa phương bao gồm *hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân đều thực hiện chức năng chấp hành pháp luật và các quyết định hành chính của cấp trên, do đó cả hội đồng và ủy ban đều thuộc cơ cấu của bộ máy hành pháp, hành chính nhà nước.* Cần điều chỉnh lại vị trí pháp lý của hội đồng nhân dân các cấp như nêu trên.

Hội đồng nhân dân là cơ quan đại diện cho cộng đồng dân cư, đồng thời là cơ quan tự quản địa phương để quyết định những vấn đề được Trung ương phân cấp và những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của địa phương theo luật định. Hội đồng nhân dân gồm có chủ tịch (do bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy cùng cấp kiêm nhiệm), 1 phó chủ tịch, một số ban chuyên môn bao gồm một số đại biểu hội đồng nhân dân được phân công vào các lĩnh vực để chuẩn bị cho các cuộc họp của hội đồng nhân dân. Văn phòng ủy ban nhân dân có trách nhiệm

phục vụ hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cùng cấp.

Ủy ban nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương và là cơ quan chấp hành của hội đồng nhân dân địa phương. Cơ cấu ủy ban nhân dân địa phương có chủ tịch, một số phó chủ tịch (với số lượng tinh giản), chánh văn phòng ủy ban nhân dân và một số ủy viên (có ý kiến đề nghị không nên có các ủy viên ủy ban nhân dân là thủ trưởng cơ quan chuyên môn kiêm nhiệm như hiện nay mà áp dụng cơ chế thiết thực hơn: tùy theo vấn đề cần thảo luận mà ủy ban nhân dân mời thủ trưởng các cơ quan chuyên môn tham gia, hoặc tùy vấn đề cần xem xét, giải quyết thì do chủ tịch hoặc phó chủ tịch trực tiếp chỉ đạo).

c) Phân cấp thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương

- Trung ương chỉ duy trì tổ chức các cơ quan ngành dọc xuyên suốt đối với một số ngành, lĩnh vực đòi hỏi phải quản lý tập trung, thống nhất của Trung ương như: quốc phòng, an ninh, ngoại giao, thống kê, thuế, kho bạc, ngân hàng, kiểm toán nhà nước... Các tổ chức ngành dọc do Trung ương quản lý cả nhiệm vụ, kinh phí và nhân sự, chính quyền địa phương tham gia, phối hợp theo quy chế được xác định cụ thể. Tổ chức ngành dọc không nhất thiết có ở tất cả các cấp hành chính và có thể được tổ chức theo khu vực, không nhất thiết theo địa giới của một đơn vị hành chính.

- Tăng cường phân cấp thẩm quyền cho địa phương một cách hợp lý, nâng cao tính chủ động và tinh thần trách nhiệm của chính quyền địa phương, trước hết là trong lĩnh vực quản lý kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, thực hiện chính sách xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn và đô thị,

trật tự vệ sinh công cộng. Trong những lĩnh vực được phân cấp, địa phương được quyền quyết định về kế hoạch, ngân sách, tổ chức, bộ máy, biên chế, nhân sự trong khuôn khổ pháp luật, thể chế (do đó việc phân cấp phải đi đôi với hoàn thiện pháp luật, thể chế); nếu vượt ra khỏi khuôn khổ đó thì phải xin ý kiến Chính phủ hoặc các bộ trước khi quyết định. Trong phạm vi thẩm quyền quyết định của địa phương phải quy định rõ những việc gì ủy ban nhân dân được quyết định, việc gì phải thông qua hội đồng nhân dân. Các nhiệm vụ được phân cấp cho địa phương thì chính quyền địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và báo cáo với Chính phủ theo đúng chế độ quy định.

d) Phân loại các đơn vị hành chính các cấp cho phù hợp với thực tiễn nước ta trên cơ sở quy mô diện tích, dân số, đặc điểm tự nhiên, đặc điểm dân sinh, dân trí, dân tộc, trình độ phát triển, khả năng thu ngân sách... để làm cơ sở cho các quyết định về tổ chức, biên chế và thực hiện các chế độ, chính sách phù hợp.

đ) Đổi mới và hoàn thiện cơ chế vận hành của bộ máy hành pháp - hành chính

Tiếp tục đổi mới cơ chế vận hành của bộ máy hành pháp: xây dựng và hoàn thiện quy chế về mối quan hệ quản lý và điều hành của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng giúp việc Thủ tướng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo hướng: Thủ tướng và các Phó Thủ tướng tập trung cao hơn vào việc *hoạch định chính sách,* chỉ đạo xây dựng thể chế (dự thảo luật, pháp lệnh và các văn bản pháp quy khác), hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển tổng thể nền kinh tế quốc dân và giải quyết

những vấn đề quan trọng mang tính liên ngành. Đề cao trách nhiệm và thẩm quyền của Bộ trưởng trong các quyết định quản lý thuộc lĩnh vực do bộ phụ trách và trong việc chỉ đạo, kiểm tra nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động theo đúng pháp luật trong lĩnh vực đó. Chú trọng cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng chuẩn bị các dự án luật, pháp lệnh và các văn bản pháp quy khác, khắc phục tình trạng phân tán, cục bộ và trùng chéo, mâu thuẫn trong hệ thống văn bản pháp quy.

- Nghiên cứu đổi mới cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương theo hướng có cấp chính quyền địa phương hoàn chỉnh (có hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân) và cấp chính quyền địa phương không hoàn chỉnh (có cơ quan quản lý hành chính, không có hội đồng nhân dân); phân biệt sự khác nhau về thẩm quyền giữa chính quyền địa phương tỉnh, huyện với chính quyền địa phương ở các đô thị.

Hoàn thiện *Luật tổ chức chính quyền địa phương* (hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân) các cấp. Bổ sung, sửa đổi chức năng, nhiệm vụ của hội đồng nhân dân các cấp như điểm 2 đã nêu. Đề nghị cho nghiên cứu sửa một điểm quy định trong Hiến pháp và *Luật tổ chức chính quyền địa phương* trước đây nêu "hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương" cho phù hợp với quan điểm về xây dựng Nhà nước ta là Nhà nước *thống nhất về quyền lực.* Đổi mới thể chế bầu cử để bảo đảm chất lượng các đại biểu phù hợp với cơ chế dân chủ, đồng thời có cơ chế bãi miễn đại biểu hội đồng nhân dân một cách kịp thời khi đại biểu đó mất uy tín và có sai phạm. *Để thực hiện chế độ luân chuyển, điều động thay thế chủ tịch ủy ban nhân dân, có thể áp dụng*

cơ chế bổ nhiệm gắn với việc phê chuẩn của hội đồng nhân dân đối với chức danh chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp, không phải là thành viên của hội đồng nhân dân.

Tổ chức các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện cho phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, không rập khuôn máy móc. Các cơ quan chuyên môn thuộc lĩnh vực được phân công cho chính quyền địa phương chịu sự chỉ đạo trực tiếp của ủy ban nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân. *Quan hệ giữa Chính phủ, bộ, ngành Trung ương với địa phương trong các lĩnh vực đã phân cấp trước hết và chủ yếu là với ủy ban nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân.*

+ Ở cấp tỉnh: Chính phủ quyết định cơ cấu thống nhất đối với một số cơ quan chung. Chính quyền cấp tỉnh quyết định lập các sở chuyên ngành có tính đặc thù của địa phương và các cơ quan khác. Biên chế và chi phí hành chính được xác định ổn định từng thời kỳ 3 - 5 năm.

+ Ở cấp huyện: tổ chức lại ủy ban nhân dân với bộ máy các phòng, ban gọn nhẹ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cấp huyện.

e) Đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy chính quyền cấp xã

Chính quyền cấp xã như Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) đã xác định, cần bảo đảm thực hiện tốt yêu cầu phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, tổ chức chính quyền cơ sở phải gần dân, có tính tự quản cao, đội ngũ cán bộ cấp xã cần bố trí tinh gọn, giảm bớt định xuất, các cán bộ chủ chốt ở xã (như bí thư đảng ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân) do bầu cử nên hoạt động bán chuyên trách được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; bố trí bảo đảm chất lượng và

ổn định bốn chức danh được chuyên môn hóa hiện nay; *không công chức hóa đội ngũ cán bộ xã.*

Chính thức hóa quy chế dân bầu trực tiếp trưởng thôn, xóm, bản, ấp để giúp chính quyền xã thực hiện một số nhiệm vụ trên địa bàn theo các quy định chung.

Chính phủ cần sớm xây dựng đề án riêng về tổ chức, bộ máy chính quyền cấp xã phù hợp với các thiết chế dân chủ ở cơ sở, tính tự quản cộng đồng làng xã truyền thống và tăng cường năng lực cho bộ máy chính quyền cơ sở đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới.

3. Tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp

Đổi mới và kiện toàn các cơ quan tư pháp nhằm phân định rõ thẩm quyền của từng cơ quan, từng cấp, bảo đảm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan đó. Các cơ quan tư pháp phải là mẫu mực của việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, thể hiện công lý, tính dân chủ và công khai trong hoạt động; đấu tranh nghiêm trị các tội chống Tổ quốc, chống chế độ, tham nhũng, sách nhiễu dân, bảo vệ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Khắc phục những biểu hiện hữu khuynh trong đấu tranh chống tội phạm; chống tình trạng bắt, giam giữ oan, sai, xét xử không công minh, vi phạm quyền dân chủ của công dân.

a) Về tổ chức tòa án nhân dân

Thực hiện phương án hai cấp xét xử, bố trí đủ thẩm phán ở những trọng điểm, nơi nhiều việc, không bình quân, dàn đều; khắc phục tình trạng dồn quá nhiều việc cho Tòa án nhân dân tối cao, làm án bị tồn đọng và kéo dài.

Tổ chức lại các cấp tòa án theo hướng:

+ Tòa án nhân dân tối cao chỉ có các tòa chuyên môn (hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế, lao động...) và Hội đồng thẩm phán. Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết, hướng dẫn áp dụng pháp luật và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm; tăng cường đội ngũ thẩm phán và chuyên viên nghiên cứu giỏi.

+ Tòa án nhân dân cấp tỉnh từng bước tiến tới chủ yếu xét xử phúc thẩm, bỏ thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm, tránh tình trạng có quá nhiều cấp giám đốc thẩm hiện nay.

+ Tòa án nhân dân cấp huyện là tòa án sơ thẩm (có thể tổ chức ở vài ba huyện) có nhiệm vụ xét xử theo trình tự sơ thẩm các tranh chấp dân sự, kinh tế, lao động...; tiến tới xét xử phần lớn các loại án hình sự, do vậy cần được xây dựng và kiện toàn, tăng cường đội ngũ thẩm phán và cán bộ bảo đảm chất lượng và đủ số lượng.

b) Về Viện Kiểm sát nhân dân

Đổi mới và kiện toàn về tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân theo hướng Viện Kiểm sát thực hiện chức năng công tố và kiểm sát tư pháp, không thực hiện chức năng kiểm sát chung. Hệ thống tổ chức của Viện được thành lập gắn với các cấp tòa án như nêu ở điểm a, mục 3 cho phù hợp với công tác xét xử.

Chức năng kiểm sát chung của Viện Kiểm sát giao cho các cơ quan nhà nước khác thực hiện. Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội giám sát việc ban hành văn bản của Chính phủ, còn các loại văn bản pháp luật khác thực hiện theo nguyên tắc cơ quan chính quyền cấp trên kiểm tra việc ban hành văn bản của cơ quan chính quyền cấp dưới. Việc kiểm sát hành vi do

các cơ quan thanh tra thực hiện; nhiệm vụ điều tra có thể giao lại cơ quan điều tra.

c) Về các cơ quan điều tra

Nghiên cứu thành lập hệ thống cơ quan điều tra tập trung thống nhất chỉ đạo theo ngành dọc (có thể gọi là Tổng cục điều tra) nhằm khắc phục tình trạng phân tán, thiếu tập trung và chồng chéo giữa quan hệ tố tụng với quan hệ hành chính.

d) Về các cơ quan thi hành án

Nghiên cứu việc thống nhất công tác thi hành án (cả thi hành án hình sự và các án về dân sự, kinh tế, lao động, hành chính) đặt trực thuộc Bộ Tư pháp; thành lập cảnh sát tư pháp.

III- VỀ TỔ CHỨC, BỘ MÁY MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ

Đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, các liên hiệp hội văn học - nghệ thuật, khoa học - kỹ thuật, hòa bình - hữu nghị với nước ngoài và một số hội thành viên; gắn với đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của từng tổ chức, thể hiện rõ đặc trưng của Mặt trận và các đoàn thể theo các quy định trong Cương lĩnh chính trị của Đảng, Hiến pháp và Điều lệ của mỗi tổ chức; tinh giản bộ máy các cấp bên trên, hướng mạnh về cơ sở, sát thực tiễn, sát hội viên, đoàn viên; nhằm nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhất là đối với các nhiệm vụ đoàn kết, giáo dục, động viên và tổ chức đông đảo nhân dân tham gia các phong trào hành động cách mạng, thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị - xã hội, khắc phục tình trạng

"nhà nước hóa, hành chính hóa". Đồng thời, đa dạng hóa các hình thức đoàn kết, tập hợp, tự quản của nhân dân, khuyến khích các hội quần chúng có tính chất xã hội, nghề nghiệp, từ thiện hoạt động chủ yếu ở cơ sở, tự chủ về kinh phí.

1. Tiếp tục làm rõ chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể trong thời kỳ mới; các hình thức tổ chức của Mặt trận và các đoàn thể vừa không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, vừa có sự phối hợp giữa các đoàn thể, các tổ chức với nhau và với các cơ quan nhà nước trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội của Đảng và Nhà nước và của từng đoàn thể.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, hội viên, nâng cao ý thức chính trị - xã hội, tham gia các phong trào thi đua yêu nước, tham gia xây dựng Đảng; tham gia xây dựng và quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

- Cụ thể hóa cơ chế dân chủ đại diện, tư vấn, giám sát của Mặt trận và các đoàn thể đối với các hoạt động của Nhà nước và xã hội.

- Bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng, kế hoạch của Nhà nước để vận dụng xây dựng các chương trình mục tiêu, tổ chức thành các phong trào hành động, đáp ứng với yêu cầu của công cuộc đổi mới, lợi ích và nguyện vọng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng tổ chức chính trị - xã hội khác nhau. Thông qua hoạt động mà khẳng định vai trò của Mặt trận và các đoàn thể trong đời sống xã hội.

- Chăm lo xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở, thể hiện kết quả hoạt động của các đoàn thể chủ yếu là ở cơ sở; mở rộng diện đoàn viên, hội viên, bồi dưỡng và phát huy các nhân tố mới, các điển hình tiên tiến.

- Định rõ nội dung, đối tượng vận động chính của từng đoàn thể với việc phối hợp, lồng ghép các cuộc vận động với nhau ở cơ sở, khắc phục tình trạng một nội dung, một đối tượng cụ thể mà nhiều đoàn thể cùng vận động, thống kê thành tích... trong khi còn nhiều quần chúng không tổ chức nào tập hợp, vận động.

2. Đổi mới và kiện toàn tổ chức các cơ quan lãnh đạo và bộ máy làm việc của từng đoàn thể theo hướng tinh gọn và hoạt động có chất lượng.

- Nghiên cứu đổi mới, kiện toàn cơ cấu các cơ quan lãnh đạo của đoàn thể, tăng tỷ lệ quần chúng tiêu biểu là người ngoài Đảng tham gia các ban chấp hành; mở rộng chế độ cán bộ hoạt động kiêm nhiệm và cộng tác viên; tinh giản bộ máy các ban chuyên môn và biên chế; giảm bớt các tổ chức và hoạt động của đoàn thể có tính chất nhà nước, đồng thời phát triển các tổ chức và hoạt động mang tính tự quản của nhân dân trong một số lĩnh vực dịch vụ công cộng, các hình thức hỗ trợ chương trình kinh tế - xã hội của Nhà nước, đổi tên các vụ, cục thành các ban, tiểu ban của đoàn thể.

Nghiên cứu sắp xếp lại hệ thống các trường, các cơ quan nghiên cứu của đoàn thể, gắn nghiên cứu với đào tạo theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước. Củng cố tổ chức, tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của các doanh nghiệp, các báo, tạp chí của đoàn thể, giải thể những đơn vị hoạt động kém hiệu quả, thua lỗ; nâng dần tính chủ động, tự chủ về tài chính của các đoàn thể.

3. Khuyến khích phát triển các tổ chức xã hội - nghề nghiệp: là tổ chức quần chúng rộng rãi tập hợp trên cơ sở

tự nguyện, tự quản, tự chủ; tự trang trải về kinh phí với nội dung hoạt động chủ yếu là làm công tác xã hội, nhân đạo, từ thiện, giúp đỡ nhau trong nghề nghiệp... không vì lợi nhuận, thông qua đó góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội của nhân dân ở các địa phương, nhất là ở cơ sở.

Sớm nghiên cứu ban hành luật về tổ chức các hội để tăng cường quản lý nhà nước đối với việc lập hội và nội dung hoạt động của các hội.

IV- VỀ TINH GIẢN BIÊN CHẾ

Tinh giản biên chế là một yêu cầu quan trọng của quá trình đổi mới tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị, là điều kiện để cải tiến chính sách tiền lương, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy. Song đây lại là một công việc có nhiều khó khăn, trở lực. Từ kinh nghiệm của nhiều lần tinh giản biên chế trước đây, cần phải chuẩn bị chu đáo về tư tưởng và tổ chức, có chế độ, chính sách phù hợp, kịp thời, bảo đảm thực hiện tốt các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Thông qua việc xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, tinh giản những khâu trùng lắp, chồng chéo của tổ chức, bộ máy đảng, nhà nước và đoàn thể để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng và cơ cấu hợp lý ở trong mỗi cơ quan, mỗi cấp, mỗi ngành, trên cơ sở đó *tiến hành một cách tích cực* việc tinh giản biên chế cán bộ, công chức, những người phục vụ trong tất cả các loại cơ quan hành chính và sự nghiệp ở các ngành, các cấp và bộ phận gián tiếp, phục vụ trong các doanh nghiệp nhà nước.

2. Nguyên tắc để quy định mức biên chế cụ thể ở các cơ quan dựa trên cơ sở xác định các chức danh công việc và tiêu chuẩn các chức danh ở mỗi cơ quan. Việc xác định tổng biên chế ở từng ngành và địa phương cần phải tính đến đặc điểm khác nhau (số lượng đầu mối, tính chất khó khăn, phức tạp trong công việc ở mỗi ngành, quy mô diện tích, dân số ở mỗi địa phương...).

3. Thí điểm khoán biên chế và chi phí hành chính ở các cơ quan hành chính. Áp dụng hình thức thuê khoán hoặc hợp đồng thực hiện một số loại dịch vụ trong cơ quan hành chính (như vệ sinh, ăn uống, sửa chữa nhà cửa, điện nước, lái xe...) thay cho việc tuyển người vào biên chế nhà nước.

4. Tách biệt biên chế công chức trong bộ máy hành chính với những người là viên chức làm việc trong các đơn vị kinh tế, sự nghiệp, dịch vụ công. Từng bước tiến hành xã hội hóa các lĩnh vực dịch vụ, y tế, giáo dục, khoa học và hoạt động văn hóa, thể thao..., chuyển một bộ phận lao động trong các lĩnh vực này từ biên chế hành chính sang biên chế các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công, gắn với đổi mới cơ chế tài chính nhằm tạo thuận lợi cho sự phát triển các lĩnh vực đó, nâng cao thu nhập của những người hoạt động trong các lĩnh vực đó, đồng thời hỗ trợ tốt hơn cho người nghèo được hưởng các dịch vụ công.

5. Có chế độ chính sách, biện pháp thỏa đáng đối với cán bộ công chức dôi ra, bảo đảm thực hiện tốt việc tinh giản bộ máy, biên chế, không gây ảnh hưởng lớn đến tư tưởng và đời sống của cán bộ, công chức. Cụ thể là:

+ Đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý trong diện phải thôi giữ chức vụ do sắp xếp lại bộ máy thì cần duy trì các chế độ

chính sách đang hưởng một thời gian, khẩn trương sắp xếp công việc mới theo yêu cầu và năng lực từng cán bộ, có chính sách khuyến khích bảo lưu tiền lương - phụ cấp cho cán bộ lãnh đạo tình nguyện thôi giữ chức vụ quản lý để làm chuyên viên; thực hiện chế độ nghỉ hưu đối với những cán bộ đến tuổi hoặc nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Nhà nước.

+ Đối với cán bộ, công chức dôi ra khi tinh giản biên chế, phải có kế hoạch cụ thể, căn cứ vào trình độ năng lực, độ tuổi... của từng người mà sắp xếp theo hướng: chuyển đổi công việc mới, từ cơ quan hành chính đến làm việc ở các đơn vị cơ sở, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đưa đi đào tạo, bồi dưỡng để sử dụng tiếp sau này (diện công chức từ 40 tuổi trở xuống).

6. Nhà nước cần dự trù một khoản kinh phí để thực hiện chủ trương tinh giản biên chế.

Phần thứ ba

NHỮNG VIỆC CẦN LÀM VỀ ĐỔI MỚI VÀ KIỆN TOÀN TỔ CHỨC, BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TỪ NAY TỚI ĐẠI HỘI ĐẢNG IX

Trên cơ sở phương hướng chung đã nêu ở phần hai, trong thời gian trước mắt từ nay đến năm 2001, cần thực hiện một bước việc sắp xếp tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể trong khuôn khổ Điều lệ Đảng, Hiến pháp và pháp luật hiện hành; tinh giản bộ máy ở các tổ chức trực thuộc Chính phủ, ở các bộ phận bên trong của các ban, bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương; tinh giản biên chế ở hầu hết các cơ quan thuộc các tổ chức của hệ thống chính trị từ Trung ương đến

cơ sở; tinh giản biên chế gián tiếp ở các doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp, tạo cơ sở để đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị một cách đồng bộ hơn trong những năm sau.

I- VỀ TỔ CHỨC, BỘ MÁY ĐẢNG

1. Nghiên cứu đề án trình Đại hội IX của Đảng xem xét, quyết định về đổi mới cơ cấu tổ chức, nội dung và phương thức lãnh đạo của các cấp ủy và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở; về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

2. Đổi mới và kiện toàn một bước các ban tham mưu và đơn vị sự nghiệp:

Bộ Chính trị trực tiếp xem xét, quyết định việc đổi mới và kiện toàn các ban đảng ở Trung ương; chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc Trung ương tiến hành việc đổi mới và kiện toàn các ban và đơn vị sự nghiệp của cấp mình và cấp trực thuộc theo hướng tinh gọn đầu mối; điều chỉnh những bộ phận trùng lắp chức năng, nhiệm vụ, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; mở rộng chế độ kiêm nhiệm các chức vụ lãnh đạo và chế độ cộng tác viên ở các ban đảng.

II- VỀ TỔ CHỨC, BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

1. Quốc hội

Theo phương hướng chung đã nêu ở phần thứ hai, cần tập trung vào một số việc sau đây:

a) Nghiên cứu bổ sung điều chỉnh phương thức hoạt động của Quốc hội để thực hiện tốt các chức năng lập pháp, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

Nghiên cứu, sửa đổi quy trình chuẩn bị các dự án luật và nhất là thông qua luật tại kỳ họp Quốc hội. Chuẩn bị xây dựng luật về giám sát tối cao của Quốc hội, trong đó xác định phạm vi, thẩm quyền, trách nhiệm, trình tự, thủ tục hoạt động giám sát.

b) Tổ chức nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều trong Hiến pháp năm 1992 và các luật tổ chức, bộ máy nhà nước, các luật, pháp lệnh có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 và chuẩn bị Đại hội IX của Đảng.

c) Sắp xếp lại bộ máy giúp việc và tinh giản biên chế, tăng cường cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ có trình độ cao để phục vụ có hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan của Quốc hội.

2. Tổ chức, bộ máy hành chính

1- Tổ chức, bộ máy Chính phủ

Tiếp tục thực hiện yêu cầu cải cách nền hành chính nhà nước, làm cho bộ máy quản lý nhà nước trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, khắc phục bệnh quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà cho dân, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và tệ tham nhũng.

Sửa đổi các quy định để thực hiện đúng chức năng quản lý hành chính nhà nước của Chính phủ, các bộ và cơ quan ngang bộ, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ tướng, các Phó Thủ tướng và các bộ trưởng.

a) Điều chỉnh chức năng của các bộ là cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực. Tinh giản đầu mối các cơ quan trực thuộc Chính phủ, các tổ chức tư vấn và phối hợp liên ngành của Thủ tướng Chính phủ, tinh giản đầu mối các đơn vị trực thuộc và biên chế của các bộ, cắt bỏ những khâu trùng lắp về chức năng.

Nghiên cứu đề án lập một số bộ mới như: Bộ Thông tin để thống nhất quản lý công tác thông tin, báo chí, xuất bản; Ủy ban an ninh quốc gia để tăng cường và phối hợp tốt hơn các lực lượng có liên quan trong việc bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia trong tình hình mới...

b) Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi *Luật doanh nghiệp nhà nước* nhằm phát huy hơn nữa tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh tế của các doanh nghiệp. Xác định rõ thẩm quyền của các cơ quan được giao thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước; trách nhiệm và mối quan hệ giữa hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị với tổng giám đốc; gắn với đổi mới mô hình tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp.

2- Tổ chức, bộ máy chính quyền địa phương

a) Chuẩn bị và tiến hành tốt việc bầu cử hội đồng nhân dân các cấp tỉnh, huyện và xã, bầu các chức danh chủ chốt, kiện toàn ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn của các cấp chính quyền địa phương theo *Luật bầu cử hội đồng nhân dân, Luật tổ chức hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân* hiện hành.

b) Tiến hành xong việc phân loại đơn vị hành chính các cấp để làm cơ sở cho các quyết định về tổ chức, biên chế và

thực hiện các chế độ chính sách cán bộ. Trừ một số trường hợp đặc biệt, nói chung ngừng ngay việc chia tách các đơn vị hành chính các cấp để khắc phục tình trạng làm thiếu ổn định về tổ chức, tăng bộ máy và biên chế ở các đơn vị hành chính.

c) Chính phủ nghiên cứu sửa đổi, bổ sung dự thảo luật về tổ chức Chính phủ và chính quyền địa phương; ban hành các quy định mới về quy chế vận hành của bộ máy Chính phủ và chính quyền các cấp, *về phân cấp thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương;* về tổ chức, bộ máy chính quyền các cấp tỉnh, huyện và xã phù hợp với các thiết chế dân chủ ở cơ sở, tính tự quản cộng đồng làng xã truyền thống và tăng cường năng lực cho bộ máy chính quyền cơ sở, chính thức hóa quy chế dân bầu trực tiếp trưởng thôn, xóm, bản, ấp.

3. Các cơ quan tư pháp

a) Tiếp tục thực hiện các nội dung đổi mới đã được khẳng định trong Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) và những định hướng nêu ở điểm 3, mục II, phần hai; trước mắt cần làm một số việc dưới đây:

- Sắp xếp, điều chỉnh lại tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát nhân dân các cấp theo hướng viện kiểm sát tập trung làm tốt chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

- Triển khai thực hiện thủ tục xét xử rút gọn đối với những vụ án nhỏ, có tình tiết đơn giản, rõ ràng.

- Sắp xếp lại cơ quan điều tra theo hướng gọn đầu mối.

- Kiện toàn các tổ chức thi hành án về dân sự, kinh tế, hành chính, lao động; chuẩn bị điều kiện để tiến tới tổ chức một cơ quan quản lý tập trung thống nhất công tác thi hành án nói chung.

- Xúc tiến thành lập tổ chức Cảnh sát tư pháp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, dẫn giải bị can, bị cáo, phục vụ công tác thi hành án, quản lý các trại giam... Xây dựng cơ chế hoạt động và quản lý thích hợp với lực lượng này.

- Tiếp tục phát triển, đa dạng hóa một số tổ chức bổ trợ tư pháp theo pháp luật.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư pháp, do Bộ Tư pháp thống nhất quản lý. Kiện toàn đội ngũ cán bộ và các chức danh tư pháp đảm bảo các tiêu chuẩn đặt ra và đủ số lượng cho các cơ quan tư pháp từ Trung ương đến huyện, quận. Trước mắt ưu tiên cho các cơ quan tư pháp cấp quận, huyện để đáp ứng yêu cầu xét xử ở cấp này, chủ yếu cho tòa án cấp huyện, tòa án quân sự khu vực, chuẩn bị điều kiện sau này xây dựng, kiện toàn tòa án sơ thẩm để tòa này xét xử tất cả các vụ án sơ thẩm (như phương án chung đã nêu).

b) Đảng đoàn Quốc hội phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan hữu quan khác tổ chức chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng đề án cụ thể trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định về chủ trương để chỉ đạo việc sửa các quy định có liên quan của Hiến pháp, các luật tổ chức, bộ máy nhà nước.

III- VỀ TỔ CHỨC, BỘ MÁY MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

1. Củng cố tổ chức, sắp xếp lại các ban chuyên môn của các đoàn thể ở cấp Trung ương, không lập các tổ chức có cùng chức năng như cơ quan nhà nước, bỏ các vụ, cục trong

các đoàn thể. Hợp lý hóa các tổ chức có nhiệm vụ gần giống nhau.

- Sắp xếp lại các tổ chức doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, báo chí, xuất bản, trường lớp đào tạo... phù hợp với chức năng của đoàn thể, với tôn chỉ, mục đích hoạt động của đoàn thể.

2. Gắn sắp xếp tổ chức, bộ máy với xây dựng quy chế làm việc, đổi mới phương thức hoạt động phù hợp với thời kỳ mới, đáp ứng ngày càng tốt hơn lợi ích và nguyện vọng của đoàn viên, hội viên về việc làm, đời sống, dân chủ, công khai... giảm bớt hội họp, giấy tờ hành chính, các hoạt động nặng hình thức... tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, củng cố tổ chức cơ sở, phát triển đoàn viên, hội viên; đoàn kết tập hợp ngày càng đông quần chúng vào các phong trào thi đua yêu nước tại các đơn vị cơ sở, các khu dân cư.

3. Tăng cường cán bộ chủ chốt, kiện toàn cán bộ ở cơ quan lãnh đạo; nghiên cứu đề án đổi mới cơ cấu các ban chấp hành đoàn thể theo hướng tăng thêm tỷ lệ quần chúng tiêu biểu là người ngoài Đảng; xúc tiến việc xây dựng chức danh cán bộ, tinh giản bộ máy chuyên môn và biên chế theo hướng nâng chất lượng, giảm số lượng. Đồng thời xác định rõ số lượng cán bộ, nhân viên ở các đơn vị sự nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; xây dựng quy chế mở rộng việc sử dụng cán bộ kiêm chức, cộng tác viên, thu hút các chuyên gia giỏi.

IV- VỀ TINH GIẢN BIÊN CHẾ

Trên cơ sở các quan điểm, chủ trương về tinh giản biên chế đã nêu ở phần thứ hai, mục IV, trong thời gian từ nay tới năm 2001 cần thực hiện tốt một số việc sau đây:

1. Từ nay đến khi xác định xong phương án biên chế tinh giản cụ thể, nói chung giữ mức biên chế hiện nay ở các cơ quan, không tuyển thêm người mới, trừ một số trường hợp đặc biệt, chủ yếu để thay thế số người nghỉ hưu, điều chuyển công tác.

2. Tất cả các tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể cần rà soát, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan trực thuộc; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy cần duy trì, tổ chức, bộ máy trùng lắp cần tinh giản để có hướng thu gọn đầu mối bên trong các cơ quan và trên cơ sở đó tiến hành tinh giản biên chế. Phấn đấu thực hiện mức tinh giản biên chế chung của các cơ quan trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, trong bộ máy gián tiếp của các doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp khoảng từ 15% đến 20%.

Trên cơ sở mức phấn đấu chung, các cấp, các ngành xác định mức giảm biên chế cụ thể ở từng cơ quan trực thuộc, báo cáo với cơ quan cấp trên có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện với tinh thần tích cực, không bình quân như nhau.

3. Hướng tinh giản biên chế cần tập trung vào các loại cơ quan sau:

a) Ở tất cả các cơ quan cần tập trung vào việc tinh giản đầu mối các vụ, cục phòng, tổng cục (chồng lấn chức năng, nhiệm vụ); sắp xếp lại các tổ chức sự nghiệp công; tinh giản số người phục vụ, số cán bộ, công chức chưa được đào tạo trình độ năng lực hạn chế, số cán bộ, công chức tuổi cao, sức yếu...

b) Ở các cơ quan thuộc diện sáp nhập tổ chức (một số tổ chức trực thuộc Chính phủ, tư vấn, liên ngành của Thủ tướng Chính phủ).

c) Ở các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước mà tỷ lệ biên chế gián tiếp quá lớn.

4. Nghiên cứu ban hành quy định về mức biên chế ở các cơ quan dựa trên cơ sở xác định các chức danh công việc và tiêu chuẩn các chức danh, cơ cấu cán bộ, công chức hợp lý ở các cơ quan, các ngành và địa phương để làm căn cứ tinh giản biên chế cho những năm trước mắt và lâu dài.

5. Thực hiện thí điểm việc khoán biên chế và chi phí hành chính ổn định một số năm để khắc phục tình trạng các cơ quan tự tăng biên chế, gây áp lực về biên chế và chi ngân sách.

6. Thực hiện chế độ thuê khoán hoặc hợp đồng một số loại dịch vụ trong cơ quan hành chính (như vệ sinh, ăn uống, sửa chữa nhà cửa, điện nước, lái xe...) thay cho việc tuyển người vào biên chế cơ quan.

7. Tiến hành việc tách biệt biên chế cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính với những người làm việc trong các đơn vị kinh tế, sự nghiệp, dịch vụ công; đẩy nhanh việc xã hội hóa các lĩnh vực dịch vụ, y tế, giáo dục, khoa học và hoạt động văn hóa, thể thao..., chuyển một bộ phận lao động trong các lĩnh vực này từ hưởng lương từ ngân sách sang hưởng lương và phụ cấp theo kết quả công việc từ nguồn thu dịch vụ công. Làm thí điểm xã hội hóa giáo dục tiểu học ở một số thành phố lớn.

8. Khẩn trương nghiên cứu, ban hành các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức dôi ra, bảo đảm thực hiện tốt việc tinh giản bộ máy và biên chế (như đã nêu ở phần phương hướng chung của Đề án).

Phần thứ tư

TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị là vấn đề lớn, phức tạp và có ý nghĩa rất quan trọng. Các cấp ủy và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở cần tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể theo đúng tinh thần Nghị quyết; tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, triệt để, đồng bộ những nội dung của Nghị quyết, trước hết kiên quyết làm ngay ở những cơ quan và bộ phận có sự thay đổi về tổ chức, bảo đảm cho Nghị quyết thật sự là nghị quyết hành động.

1. Thành lập Ban chỉ đạo của Trung ương về đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, phối hợp sự chỉ đạo tập trung, thống nhất việc thực hiện Nghị quyết, không để tình trạng lâu nay làm hay không làm cũng được. Bộ Chính trị quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ và phân công các đồng chí tham gia Ban chỉ đạo này (do đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban).

2. Thành lập Ban chỉ đạo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 để chuẩn bị tiến hành sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Hiến pháp theo những nội dung được nêu trong Nghị quyết. Bộ Chính trị chỉ định thành phần Ban chỉ đạo.

3. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí đứng đầu các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể ở Trung ương và địa phương có trách nhiệm

chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm Nghị quyết được thực hiện đúng đắn, có kết quả.

4. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy, các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương tiến hành rà soát tình hình cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và biên chế của từng ngành, từng cấp, từng cơ quan hiện nay; làm rõ những cơ cấu tổ chức cần khẳng định để tiếp tục duy trì, những vấn đề về tổ chức, bộ máy và biên chế còn bất hợp lý để xây dựng kế hoạch và biện pháp đổi mới ở ngành, cấp mình theo đúng tinh thần của Nghị quyết, đạt hiệu quả thiết thực.

5. Ban Cán sự Đảng Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan của Chính phủ, chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan để chuẩn bị, tiến hành cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khóa tới, bảo đảm phát huy dân chủ, bầu được Hội đồng nhân dân và kiện toàn các cơ quan chính quyền các cấp có chất lượng theo yêu cầu tiêu chuẩn và với cơ cấu hợp lý, đáp ứng sự tín nhiệm của nhân dân.

6. Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo việc thực hiện cải cách nền hành chính đã được khẳng định tại Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) và Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII); chỉ đạo việc ban hành các quyết định sửa đổi về tổ chức và chính sách cụ thể phục vụ cho việc sắp xếp lại tổ chức, bộ máy và tinh giản biên chế, chỉ đạo việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan trực thuộc Chính phủ; chỉ đạo việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương; kiện toàn tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban có liên quan hướng dẫn việc sắp xếp tổ chức, bộ máy trong nội bộ các ban, các tổ chức đảng ở khối cơ quan, doanh nghiệp.

Đảng đoàn Quốc hội tiến hành việc tổ chức thực hiện những nội dung đổi mới và kiện toàn về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội và của từng đại biểu Quốc hội; chủ trì phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan có liên quan tổ chức việc rà soát, nghiên cứu các vấn đề cần đề xuất để sửa đổi Hiến pháp và pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước, các luật về tố tụng tư pháp.

Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp và các cơ quan hữu quan triển khai việc điều chỉnh nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức và bố trí cán bộ thuộc trách nhiệm của các ngành này.

Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện những nội dung nghị quyết có liên quan đến tổ chức mình, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực vào việc đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và các nhiệm vụ quản lý nhà nước, quản lý xã hội, tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với các cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước.

7. Ban Tổ chức Trung ương cùng với Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các cơ quan có liên quan giúp Bộ Chính trị

nghiên cứu việc bố trí và giải quyết vấn đề nhân sự trong quá trình sắp xếp tổ chức; chỉ đạo việc thống nhất sắp xếp tổ chức bộ máy ở Trung ương và địa phương.

8. Các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy, ban cán sự đảng và đảng đoàn định kỳ sơ kết, rút kinh nghiệm, kịp thời báo cáo với Ban Chỉ đạo Trung ương về kết quả thực hiện và đề xuất những vấn đề mới nảy sinh.

9. Văn phòng Trung ương chủ trì cùng các ban và cơ quan có liên quan có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo và đề xuất ý kiến về tổ chức chỉ đạo, giúp Ban Chỉ đạo Trung ương, Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo có hiệu quả, tiến hành sơ kết từng bước thực hiện.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Số 105/TLHN, ngày 12 tháng 8 năm 1999

Về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản, cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay và quyết định mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong 2 năm (từ 19-5-1999 đến 19-5-2001). Đến nay, tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết như sau:

I- NHỮNG VIỆC ĐÃ LÀM

1. Sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương

- Tiếp theo Kế hoạch 01-KH/TW ngày 10-10-1998 của Bộ Chính trị về sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình

trong Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5; sau khi có Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) Bộ Chính trị có Kế hoạch 03-KH/TW ngày 10-2-1999 về triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); Kế hoạch 04-KH/TW ngày 13-5-1999 về thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Các kế hoạch của Bộ Chính trị đã xác định rõ yêu cầu, nội dung, phương châm, phương pháp, thời gian và các bước tiến hành để triển khai thực hiện trong toàn Đảng.

- Bộ Chính trị đã chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung và tổ chức hội nghị cán bộ toàn quốc để triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; quán triệt các quy định, quy chế về công tác cán bộ, công tác kiểm tra và việc học tập lý luận chính trị trong Đảng...

- Bộ Chính trị đã quyết định thành lập Tiểu ban giúp Bộ Chính trị chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), ban hành quy chế làm việc của Tiểu ban; phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị chỉ đạo, phụ trách các ngành, địa phương; xác định những ngành, địa phương cần tập trung chỉ đạo tự phê bình và phê bình để rút kinh nghiệm.

- Thường vụ Bộ Chính trị đã có Công văn số 194 ngày 2-7-1999 hướng dẫn cụ thể việc chuẩn bị tiến hành tự phê bình và phê bình đối với tập thể cấp ủy và cá nhân cán bộ chủ chốt.

- Đồng chí Tổng Bí thư, các đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Ủy viên Bộ Chính trị, nhiều đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, lãnh đạo các ban đảng ở Trung ương đã dành thời gian chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai

nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết, chuẩn bị tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

- Chính phủ đã ra chỉ thị về thực hành tiết kiệm; ngăn cấm việc dùng công quỹ để biếu xén trong dịp Tết nguyên đán Kỷ Mão; quy định chế độ, sử dụng phương tiện (xe con, điện thoại...) cho các đối tượng cán bộ; chỉ đạo tổng kết đấu tranh chống buôn lậu; chỉ đạo các bộ, ngành trực thuộc Chính phủ phối hợp với các cơ quan tư pháp tiến hành điều tra, đưa ra xét xử một số vụ án lớn có liên quan đến phẩm chất của cán bộ, đảng viên như: Tân Trường Sanh, phá rừng Tánh Linh, Minh Phụng - EPCO..., tiến hành kiểm điểm và xử lý các cán bộ lãnh đạo ngành có trách nhiệm trong việc để xảy ra những vụ án này.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương và các ban của Trung ương đã giúp Bộ Chính trị chuẩn bị nội dung, biên soạn tài liệu, học tập Nghị quyết, gợi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp ủy, tập thể ban cán sự đảng, đảng đoàn và cán bộ chủ chốt ở một số địa phương và bộ, ngành Trung ương, giúp Bộ Chính trị ban hành các quy định, quy chế về công tác cán bộ, công tác kiểm tra, chế độ học tập lý luận chính trị, những điều đảng viên không được làm. Đồng thời triển khai thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ và sự chỉ đạo của Bộ Chính trị.

- Các cơ quan thông tin đại chúng đã đẩy mạnh tuyên truyền về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ và lời kêu gọi của Tổng Bí thư về thực hành tiết kiệm

trong dịp Tết Kỷ Mão; báo chí ở Trung ương và địa phương đều mở chuyên mục Hưởng ứng cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Một số vụ việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong xây dựng cơ bản, tổ chức đám cưới... đã bị lên án mạnh mẽ trước công luận, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình.

2. Về phổ biến, quán triệt nghị quyết

- Sau Hội nghị cán bộ toàn quốc do Bộ Chính trị triệu tập để triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng (tháng 5-1999), đến ngày 20-7-1999, 61 tỉnh ủy, thành ủy, 8 đảng bộ trực thuộc Trung ương, hầu hết các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở Trung ương, 33/51 cấp ủy ở ngoài nước đã xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nội dung và tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và thông qua chương trình, kế hoạch triển khai ở địa phương, đơn vị.

Qua học tập, nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại lễ kỷ niệm 109 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kết luận hội nghị cán bộ toàn quốc và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình với Nghị quyết của Trung ương; thấy rõ hơn tính cấp bách của công tác xây dựng Đảng hiện nay; tin tưởng hơn đối với việc tổ chức thực hiện Nghị quyết, vì thấy rằng lần này Trung ương nhất trí cao về chủ trương, nhìn thẳng vào sự thật, làm rõ những mặt yếu kém của Đảng và có quyết tâm sửa chữa, khắc phục khuyết điểm. Việc tập trung chỉ đạo điều tra, đưa ra xét xử một số vụ án lớn đã có tác động tốt

đến nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

3. Về tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)

Thực hiện Kế hoạch 01-KH/TW ngày 10-10-1998 của Bộ Chính trị về tổ chức sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở Trung ương đã xây dựng kế hoạch triển khai, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 1998, tình hình tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên ở địa phương, đơn vị; chuẩn bị báo cáo kiểm điểm của tập thể và cá nhân cấp ủy viên. Theo sự chỉ đạo của Trung ương, việc tự phê bình và phê bình đối với cán bộ, đảng viên ở cơ sở gắn với kiểm điểm công tác năm và phân tích chất lượng đảng viên năm 1998. Do chỉ đạo chưa chặt chẽ, nội dung, phương pháp tiến hành còn theo nếp cũ nên nhìn chung việc tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 ở cơ sở (cuối năm 1998 và quý I năm 1999) chưa đáp ứng yêu cầu, chất lượng và hiệu quả còn thấp.

Sau khi có Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Kế hoạch 03-KH/TW ngày 10-2-1999 của Bộ Chính trị, một số tỉnh, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương đã bổ sung theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, tiếp tục chuẩn bị báo cáo kiểm điểm của cấp ủy và cán bộ chủ chốt. Tuy vậy, do Trung ương chậm hướng dẫn cụ thể nên các cấp ủy địa phương lúng túng về nội dung và cách thức tiến hành. Phần lớn các tỉnh

và ban ngành đều dừng lại, chờ sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương. Những nơi tiếp tục tiến hành tự phê bình và phê bình theo Kế hoạch 01-KH/TW thì nội dung, cách làm cũng khác nhau:

+ Một số cấp ủy tiếp tục tiến hành tự phê bình và phê bình vào dịp tổng kết cuối năm như những năm trước (Hà Tây, Nam Định, Bắc Ninh, Lạng Sơn...).

+ Các tỉnh Lào Cai, Tuyên Quang tuy kiểm điểm chung cấp ủy và cá nhân có kỹ hơn (4 - 5 ngày) và xử lý một số trường hợp vi phạm nhưng cũng chưa đạt yêu cầu chỉ đạo của Trung ương.

+ Một số tỉnh vừa chuẩn bị báo cáo kiểm điểm của tập thể, vừa tập hợp ý kiến để gợi ý cho việc chuẩn bị kiểm điểm cá nhân (Hải Phòng, Quảng Ninh, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Kon Tum...); có nơi đã chuẩn bị thì gửi cả báo cáo kiểm điểm của tập thể và cá nhân xuống cấp ủy cấp dưới tham gia, đóng góp ý kiến (Trà Vinh, Quảng Bình...).

+ Một số nơi như: Thành phố Hồ Chí Minh, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Thừa Thiên - Huế, Bến Tre, An Giang tập trung chỉ đạo làm điểm ở một số đơn vị cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở.

+ Thành ủy Hà Nội đã tiến hành kiểm điểm chung của Ban Thường vụ (cuối tháng 1-1999) và kiểm điểm cá nhân các ủy viên thường vụ (tháng 4-1999), chỉ đạo tự phê bình và phê bình ở 5 cơ quan: đảng đoàn hội đồng nhân dân, ban cán sự đảng ủy ban nhân dân, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Quận ủy Ba Đình, Huyện ủy Gia Lâm. Ban thường vụ thành ủy đã kiểm điểm bổ sung theo chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị,

trong đó cần làm rõ một số vấn đề nổi cộm mà dư luận quan tâm;... đã hướng dẫn các cấp ủy quy trình phê và tự phê bình.

Sau Hội nghị cán bộ toàn quốc, việc chuẩn bị báo cáo kiểm điểm của tập thể cấp ủy và cá nhân cán bộ chủ chốt được tiến hành đỡ lúng túng hơn. Một số tỉnh, thành ủy lập tiểu ban giúp thường vụ tỉnh, thành ủy chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo chỉ đạo của Bộ Chính trị.

Nhiều tỉnh, thành ủy đã gửi dự thảo báo cáo kiểm điểm của cấp ủy xuống cấp ủy cấp dưới để lấy ý kiến, đồng thời hướng dẫn, gợi ý nội dung chuẩn bị tự phê bình và phê bình đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt và cấp ủy viên.

Tuy vậy, nhiều cấp ủy địa phương vẫn lúng túng về phương pháp lấy ý kiến đóng góp cho báo cáo kiểm điểm của tập thể và cá nhân, một số nơi có công văn hoặc điện về Bộ Chính trị, Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương đề nghị hướng dẫn cụ thể hơn về vấn đề này.

Sau khi có Công văn số 194-CV/TW ngày 2-7-1999 của Thường vụ Bộ Chính trị về việc hướng dẫn tự phê bình và phê bình, nhiều tỉnh, thành ủy đã sao gửi Công văn của Bộ Chính trị kèm theo hướng dẫn của tỉnh cho các đảng bộ trực thuộc để thống nhất chỉ đạo ở các cấp.

Một số tỉnh, thành ủy đã bổ sung kế hoạch thực hiện ở địa phương cho phù hợp với yêu cầu chỉ đạo mới của Thường vụ Bộ Chính trị. Nhiều nơi trước đây chuẩn bị báo cáo kiểm điểm của tỉnh, thành ủy đã viết lại hoặc bổ sung thành báo cáo kiểm điểm của ban thường vụ, trong đó tập trung đi sâu

vào ba nội dung theo hướng dẫn của Trung ương. Một số nơi đã hoãn lại việc lấy ý kiến cấp ủy cấp dưới đối với báo cáo kiểm điểm của cá nhân các đồng chí ủy viên thường vụ, cấp ủy viên. Có nơi đã dự kiến tổ chức tự phê bình và phê bình nhưng hoãn lại để chuẩn bị thêm...

Đến nay, tiến độ chuẩn bị tự phê bình và phê bình ở các cấp như sau:

* Ở Trung ương:

Bộ Chính trị, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã tiến hành tự phê bình và phê bình. Các ban, bộ, ngành Trung ương được Bộ Chính trị chỉ đạo làm trước đã chuẩn bị báo cáo kiểm điểm của tập thể và tự phê bình cá nhân, đang tập hợp ý kiến của các ban, cơ quan có liên quan để bổ sung, hoàn chỉnh dự thảo trước khi trình Bộ Chính trị. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở Trung ương đang trong quá trình xây dựng và hoàn chỉnh báo cáo kiểm điểm của tập thể lãnh đạo và cá nhân cán bộ chủ chốt.

Qua tự phê bình và phê bình của Bộ Chính trị, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, một số kinh nghiệm bước đầu rút ra đã được thể hiện trong Công văn số 194 ngày 2-7-1999 của Thường vụ Bộ Chính trị. Để tự phê bình và phê bình có kết quả, những yếu tố rất quan trọng là: phải quán triệt sâu sắc mục đích, yêu cầu, nội dung, phương châm, phương pháp của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị phải đích thân chủ trì sự chuẩn bị, tự giác và gương mẫu tự phê bình và phê bình, quyết tâm sửa chữa sai sót; kiểm điểm phải cụ thể, kiểm điểm cá nhân phải gắn với chức trách của cán bộ; kiểm điểm tập thể bổ sung cho kiểm điểm cá nhân và ngược lại; phải lắng nghe

những ý kiến đúng đắn của cán bộ, đảng viên và nhân dân để gợi ý kiểm điểm; kiểm điểm phải đề cao trách nhiệm của tập thể và cá nhân, làm rõ được nguyên nhân, đưa ra được các chủ trương, giải pháp sửa chữa và khắc phục khuyết điểm.

* Ở địa phương:

Các tỉnh, thành ủy đã mở hội nghị quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và có kế hoạch tiến hành tự phê bình và phê bình ở địa phương. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị và gợi ý của các ban Trung ương để tiến hành làm bổ sung báo cáo kiểm điểm của ban thường vụ. Khoảng một nửa số tỉnh, thành ủy chuẩn bị xong một bước dự thảo báo cáo tự phê bình của ban thường vụ. Một số tỉnh đã chuẩn bị kiểm điểm của cá nhân.

Nhìn chung, việc chuẩn bị tự phê bình và phê bình ở các địa phương và các ban, bộ, ngành Trung ương đang được xúc tiến theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị; bước đầu đã có chuyển biến trong nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nhất là đối với thường vụ cấp ủy và cán bộ chủ chốt.

II- MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ NỔI LÊN CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO

Qua tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tuy mới làm bước đầu, song nhận xét chung là được sự đồng tình, ủng hộ trong Đảng và trong nhân dân, được sự hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc trong Đảng, chất lượng và quyết tâm thực hiện trong Đảng được nâng dần, nhưng chậm.

Đồng thời cũng thấy nổi lên một số mặt hạn chế và những vấn đề cần tập trung chỉ đạo sau đây:

1. Việc tổ chức hội nghị cán bộ triển khai, nghiên cứu và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết ở nhiều nơi tuy có nghiêm túc và chu đáo hơn song nhìn chung vẫn theo nếp cũ, chưa thực sự đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), chưa tạo được sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức theo yêu cầu của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Nhiều hội nghị dành quá nhiều thời gian vào việc đọc, trình bày các văn bản của Trung ương, ít liên hệ, thảo luận; một số nơi đồng chí bí thư không trực tiếp giới thiệu Nghị quyết mà giao cho phó bí thư, trưởng ban, phó trưởng ban tuyên giáo hoặc mời báo cáo viên ở Trung ương về truyền đạt, do vậy tình hình của địa phương và ngành không được liên hệ một cách sâu sắc khi quán triệt Nghị quyết. Việc xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của nhiều nơi cũng còn chung chung, thiếu cụ thể, chưa sát thực với tình hình của địa phương, gần giống như kế hoạch, hướng dẫn của Trung ương.

2. Việc chuẩn bị tiến hành tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) tuy được triển khai sớm nhưng do Trung ương chưa tập trung và cũng có những lúng túng trong chỉ đạo; ban hành nhiều Kế hoạch (01, 03, 04), nhưng việc hướng dẫn cụ thể lại chậm và thiếu nhất quán nên nhiều cấp ủy, tổ chức đảng lúng túng, bị động và chờ đợi sự chỉ đạo của Trung ương.

Sau khi có Công văn 194-CV/TW ngày 2-7-1999, các cấp ủy và tổ chức đảng đã và đang bổ sung, hoàn chỉnh kế hoạch, chuẩn bị báo cáo kiểm điểm của tập thể và tự phê bình

cá nhân theo yêu cầu mới, khắc phục được một phần sự lúng túng và thống nhất được cách làm trong các cấp ủy và tổ chức đảng.

3. Việc chuẩn bị tự phê bình và phê bình tuy có cố gắng, nhưng chưa đạt yêu cầu; một số nơi đồng chí bí thư chưa trực tiếp chỉ đạo và tham gia chuẩn bị, còn khoán cho một số cơ quan chức năng. Một số cấp ủy, tổ chức đảng có tư tưởng muốn làm nhanh, làm gọn việc tự phê bình và phê bình trong khi chưa chuẩn bị chu đáo, chưa chú trọng đến chất lượng, hiệu quả... như yêu cầu đã đề ra. Việc chuẩn bị dự thảo báo cáo kiểm điểm của tập thể và cá nhân ở nhiều ngành, địa phương còn sơ sài, chung chung, chưa rõ trách nhiệm; chưa rõ địa chỉ; chưa mạnh dạn tự phê bình, ít nêu và phân tích các khuyết điểm, nhược điểm. Phần kiểm điểm về tư tưởng chính trị còn lẫn với kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ chính trị hằng năm, chưa đi sâu kiểm điểm việc thực hiện những quan điểm, tư tưởng lớn của Đảng thể hiện trong Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội VIII, các nghị quyết của Trung ương vào ngành và địa phương mình để qua tự phê bình và phê bình nâng cao nhận thức, tăng cường sự nhất trí và tinh thần trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và tổ chức đảng.

4. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, đảng viên hưu trí, cán bộ khoa học vẫn còn thiếu tin tưởng vào việc thực hiện có kết quả Nghị quyết. Có hiện tượng trông chờ nhau (xem cấp trên, ngành khác làm thế nào thì mình làm như vậy, có nơi còn ngại nếu làm đúng, làm nghiêm túc sẽ đụng đến một số cán bộ trong cấp ủy). Có biểu hiện lo lắng, vì công việc thì nhiều, tình hình kinh tế - xã hội đang có nhiều khó khăn, rất khó

đạt kết quả kiểm điểm, tự phê bình tốt. Một số cán bộ ở cơ quan Trung ương và địa phương trong diện dự kiến sắp xếp lại có biểu hiện không yên tâm, chưa tập trung vào việc chuẩn bị tự phê bình và phê bình.

Nhiều cán bộ, đảng viên, một số cán bộ trung, cao cấp nghỉ hưu cho rằng việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) chưa được tập trung chỉ đạo đúng mức, đúng tầm và lo ngại cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng không đạt yêu cầu đặt ra như khi Tổng Bí thư thay mặt Ban Chấp hành Trung ương phát động. Nhiều thư phản ánh một vài tỉnh, thành phố làm chưa tốt mà tuyên truyền đạt kết quả tốt là không nghiêm túc. Một số đồng chí đề nghị làm rõ trách nhiệm của lãnh đạo các ngành như ngân hàng, hải quan... và một số cấp ủy địa phương có liên quan đến một số vụ án lớn và các vụ việc nghiêm trọng đã xảy ra.

5. Những việc cần tập trung chỉ đạo trong thời gian tới:

- Tiếp tục chuẩn bị thật tốt việc tự phê bình và phê bình ở các cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố... như ý kiến đồng chí Tổng Bí thư nêu trên báo ngày 4-8-1999.

- Tập trung chỉ đạo sát sao hơn việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiếp tục nâng cao nhận thức, tạo cho được những chuyển biến cụ thể, những kết quả cụ thể theo yêu cầu đã đề ra, nhất là thông qua việc thực hiện tự phê bình và phê bình trong cấp ủy và lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ban, bộ, ngành. Phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị và một số Ủy viên Trung ương chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở các ngành và địa phương.

- Yêu cầu các đồng chí Ủy viên Trung ương, ban thường vụ các tỉnh, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn và đồng chí đứng đầu phải *trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm* về kết quả việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong ngành, đoàn thể, địa phương, đơn vị mình; chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm túc việc tự phê bình và phê bình theo đúng quy định, hướng dẫn của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị và tiểu ban giúp Bộ Chính trị chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); chú ý lắng nghe sự góp ý chân thành, đúng đắn của các đồng chí lão thành cách mạng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, quần chúng, các đảng ủy và cơ quan cấp mình và cấp dưới trực tiếp quản lý, của nhân dân, tránh làm vội, làm lướt, làm hình thức. Các đồng chí bí thư tỉnh, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn cơ quan Trung ương phải trực tiếp chỉ đạo việc chuẩn bị báo cáo kiểm điểm, tự phê bình của ban thường vụ tỉnh, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn.

- Yêu cầu từng cấp, từng ngành phải xác định rõ trọng tâm, trọng điểm; xem xét, kết luận những vấn đề nổi cộm; làm rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân. Có biện pháp xử lý thích hợp theo Điều lệ Đảng và theo pháp luật những trường hợp vi phạm khuyết điểm nặng. Những trường hợp trù dập người phê bình hoặc lợi dụng phê bình để vu cáo; những trường hợp có trách nhiệm lớn đối với những vụ việc tiêu cực, tham nhũng lớn xảy ra. Kịp thời sơ kết rút kinh nghiệm và nhân rộng những cách làm nghiêm túc, sáng tạo, biểu dương những địa phương, đơn vị làm tốt.

- Chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai nhanh Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) xuống cán bộ, đảng viên ở cơ sở vì hiện nay cán bộ, đảng viên, nhân dân mới biết đến Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Yêu cầu các ban của Trung ương Đảng theo chức năng của mình, khẩn trương hướng dẫn thực hiện các quy định, quy chế của Bộ Chính trị; hướng dẫn rõ hơn mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BẢN TRÌNH BÀY CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 122/TLHN, ngày 16 tháng 8 năm 1999

Về ý kiến thảo luận của Trung ương đối với các đề án về tổ chức, bộ máy và tiền lương

Qua các buổi thảo luận, đã có gần 300 lượt đồng chí phát biểu ý kiến. Các ý kiến phát biểu rất phong phú, cụ thể và thể hiện tinh thần trách nhiệm của các đồng chí Trung ương trước Đảng và trước nhân dân.

Trước khi Trung ương biểu quyết một số vấn đề về tổ chức, bộ máy và tiền lương, Bộ Chính trị xin trình bày thêm một số vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau để Trung ương xem xét, quyết định.

***Một là,* về mục đích, yêu cầu và phạm vi của đề án trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương**

Hầu hết các đồng chí Trung ương tán thành với chủ trương của Bộ Chính trị trình ra Hội nghị Trung ương lần này bàn và quyết định các vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và vấn đề tiền lương; cho rằng đây thực sự là những vấn đề rất quan trọng và cấp bách mà cán bộ, đảng viên và nhân dân đang mong chờ Trung ương Đảng giải quyết; đây cũng là thể hiện sự nghiêm túc thực hiện những quyết định của Hội nghị Trung ương 6 (lần 2).

Tuy nhiên, nhiều đồng chí băn khoăn cho là đề án mới chỉ trình bày những quan điểm và chủ trương chung, thiếu những biện pháp cụ thể, thiên về ổn định. So với đề án ban đầu gửi lấy ý kiến các cấp, các ngành thì nội dung đổi mới thu hẹp lại nhiều.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Đảng ta luôn luôn nhấn mạnh rằng để nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, phải chăm lo xây dựng Đảng cả về ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị không thể tách rời xây dựng Đảng về tổ chức. Tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị được đổi mới, tăng cường là một nhân tố bảo đảm thống nhất ý chí và hành động, tạo nên sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, thực hiện thắng lợi đường lối và nhiệm vụ chính trị của Đảng trong thời kỳ mới. Với tinh thần ấy, Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã đi đến quyết định: dành kỳ Hội nghị Trung ương 7 để bàn chuyên đề về vấn đề tổ chức, bộ máy và chính sách tiền lương.

Hội nghị Trung ương 7 cùng với Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) tạo thành một chỉnh thể quan trọng về công tác xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị ở nước ta.

- Trong quá trình chỉ đạo xây dựng đề án trình Hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị luôn bám sát tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2): xác định phương án tổng thể, thiết kế mô hình cụ thể về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị với tinh thần đổi mới và kiện toàn tích cực, kể cả những vấn đề liên quan đến Điều lệ Đảng và Hiến pháp năm 1992. Do đó, đề án gửi xin ý kiến các cấp ủy, tổ chức đảng

trực thuộc Trung ương, các đồng chí Ủy viên Trung ương và một số cán bộ cao cấp nghỉ hưu đã thể hiện tinh thần trên đây.

Qua tổng hợp ý kiến các cấp, các ngành đóng góp vào đề án thấy còn nhiều ý kiến khác nhau, có những vấn đề chưa thật chín, kể cả một số vấn đề cơ bản và những phương án cụ thể. Muốn giải quyết được những vấn đề quan trọng đó cần phải có thời gian nghiên cứu, khảo sát, tổng kết một cách thấu đáo hơn và có những vấn đề trong dự thảo liên quan đến Cương lĩnh, Điều lệ, Hiến pháp phải có thời gian chuẩn bị, nghiên cứu trình Đại hội IX của Đảng và còn xin ý kiến Quốc hội. Mặt khác, từ nay đến Đại hội IX, thời gian không còn dài, trong khi chúng ta đang tập trung chỉ đạo cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình; giải quyết một số vấn đề cấp bách về kinh tế, xã hội; chuẩn bị bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, đại hội đảng các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng...

Vì vậy, đề án trình ra Trung ương lần này đã được điều chỉnh, nhấn mạnh yêu cầu trọng tâm là bảo đảm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, bản chất cách mạng của Nhà nước ta, nâng cao chất lượng chính trị của tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; tiếp tục làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, quan hệ và lề lối làm việc của từng loại hình tổ chức cũng như của toàn bộ hệ thống chính trị. Đặt vấn đề như vậy là đúng đắn và cần thiết, là phù hợp với tình hình hiện nay.

Như vậy, nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương 7 về kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị, cải cách

chính sách tiền lương không chỉ là tinh giản đầu mối tổ chức, thêm hay bớt các ban của Đảng, tăng hay giảm các bộ, ngành của Nhà nước mà là giải quyết đồng bộ các vấn đề chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành, phương thức hoạt động, lề lối làm việc, tinh giản biên chế, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức trong cả bộ máy.

Đương nhiên, Bộ Chính trị cũng nhất trí với nhiều ý kiến cho rằng khắc phục tình trạng bộ máy cồng kềnh, không hợp lý như hiện nay cũng là một yêu cầu, một nội dung quan trọng mà Hội nghị cần xem xét, quyết định.

***Hai là,* về đánh giá tình hình và nguyên nhân**

- Nhiều đồng chí Trung ương tán thành với cách đánh giá nêu trong đề án, cho rằng Bộ Chính trị đã nhìn thẳng vào sự thật. Đúng là tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị nước ta còn nhiều đầu mối, nhiều tầng nấc trung gian, nhất là trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước. Song, điều có ý nghĩa cơ bản hơn, cũng là điều đáng lo ngại hơn, chính là hiệu lực, hiệu quả của bộ máy còn thấp, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và chế độ trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu chưa rõ ràng, chất lượng chính trị đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều yếu kém. Đó cũng chính là nguyên nhân đưa đến tình trạng quan liêu, tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực khác, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với bộ máy đảng và nhà nước.

- Một số đồng chí cho rằng cần phải có sự đánh giá có tính tổng kết về hệ thống tổ chức, bộ máy của Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nước ta, nhất là việc chia, tách tỉnh, huyện, bộ, ngành trong thời gian vừa qua; trong sự đánh giá không chỉ thấy những tồn tại,

yếu kém, mà còn cần khẳng định rõ những thành tựu quan trọng của chúng ta về xây dựng và kiện toàn tổ chức, bộ máy trong thời gian qua, để tạo niềm tin và định hướng cho sự phát triển trong thời gian tới.

Bộ Chính trị tán thành những ý kiến trên đây và xin trình bày rõ thêm như sau:

- Trong đề án trình ra Trung ương đã khẳng định rằng: trải qua các giai đoạn kháng chiến và kiến quốc, nhất là từ sau Đại hội VI của Đảng, qua hai lần sắp xếp, hệ thống chính trị nước ta bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đã từng bước được cụ thể hóa về chức năng, nhiệm vụ; củng cố về tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế; đổi mới phương thức hoạt động về tổ chức, bộ máy; chế độ tiền lương được cải cách từ năm 1993 đã có tác dụng nhất định. Những tiến bộ đó thực tế đã góp phần phát huy sức mạnh tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, công chức, là một nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

- Đề án cũng nêu bật ba mặt yếu kém, tồn tại về chức năng, nhiệm vụ, về cơ cấu bộ máy, biên chế và tiền lương, trong đó nhấn mạnh:

+ Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy trong các tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể tuy đã được cải tiến một phần, nhưng đến nay vẫn còn nhiều chồng chéo, trùng lắp. Thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể, thủ trưởng các cấp, các ngành nói chung chưa được chế định đồng bộ, chặt chẽ; vừa có tình trạng tập trung quá mức ở trung ương, vừa có tình trạng phân tán, cục bộ ở các cấp, các ngành, phân tán quyền lực ở nhiều hệ thống, làm cho tổ chức, bộ máy vận hành kém

hiệu lực và hiệu quả; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm; tệ quan liêu, tham nhũng chậm được ngăn chặn, đẩy lùi.

+ Cơ cấu bộ máy của các tổ chức của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc trung gian trong cả hệ thống cũng như trong mỗi tổ chức, rập khuôn về mô hình tổ chức và phương thức hoạt động; công việc chồng chéo, nhiều khi cản trở lẫn nhau.

+ Đảng và Nhà nước đã nhiều lần đề ra chủ trương cải cách hành chính, tinh giản biên chế, nhưng thực tế thì cải cách hành chính chưa thực hiện được bao nhiêu, biên chế lại không ngừng tăng lên. Từ năm 1992 đến cuối năm 1998, biên chế khối đảng và đoàn thể tăng 2,8%, khối quản lý nhà nước tăng 6,1%, khối sự nghiệp tăng 4,6%, biên chế hành chính của các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước cũng tăng lên. Tình hình đó đã làm cho bộ máy ít năng động, càng quan liêu, đồng thời càng gây áp lực lớn đối với việc bảo đảm ngân sách, đối với việc giải quyết tiền lương, tuy mức lương hiện còn thấp và nhiều bất hợp lý.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ nội dung cơ bản của sự đánh giá trên đây, đồng thời nhấn mạnh rõ hơn về chất lượng chính trị của bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức. Đây thực sự là vấn đề cơ bản và cấp bách tuy đã được đặt ra ở Hội nghị Trung ương 3 và Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, nhưng tình hình chưa chuyển biến, thậm chí có mặt còn nghiêm trọng hơn. Bộ Chính trị đề nghị tại Hội nghị này, Trung ương cần biểu thị sự nhất trí cao về nhận định trên đây và quyết tâm chỉ đạo thực hiện cho được những quyết định đã đề ra để thực sự làm chuyển biến tình hình.

- Về nguyên nhân:

Nhiều đồng chí Trung ương cho rằng ba nguyên nhân nêu trong đề án là đúng, song còn quá chung nên rất khó khắc phục, đề nghị đi sâu làm rõ hơn các nguyên nhân về quan điểm, nhận thức và về chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Trung ương, như:

+ Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ đề ra từ Đại hội IV đến nay chưa được cụ thể hóa, thể chế hóa một cách đầy đủ. Còn nhiều vấn đề chưa thật rõ trong quan hệ giữa các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể; Nhà nước với nhân dân, trung ương với địa phương, tập thể và cá nhân; dẫn đến quyền lực phân tán, trách nhiệm không rõ ràng; khi có thành tích thì có nhiều người nhận, khi có khuyết điểm, sai lầm thì không rõ người chịu trách nhiệm chính.

+ Nhiều năm qua, ta chưa đi sâu nghiên cứu cơ sở lý luận, khoa học về tổ chức, bộ máy trong điều kiện một đảng cầm quyền, nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, mở cửa hội nhập, vì thế dẫn đến sự thay đổi bộ máy thiếu nhất quán, không lý giải được vì sao tách, nhập, lập tổ chức mới, giải thể tổ chức cũ. Trong thời kỳ đổi mới đã qua hai lần sắp xếp và kiện toàn bộ máy nhưng chưa tổng kết, rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc.

Bộ Chính trị tán thành với những ý kiến trên của Trung ương. Cần làm rõ cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, đặc biệt phân tích sâu những nguyên nhân chủ quan về lãnh đạo và quản lý:

1. Chưa quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về hệ thống chính trị trong điều kiện một đảng cầm quyền.

2. Tuy đã sớm thấy yêu cầu bức bách và tầm quan trọng của việc đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy, nhưng thiếu một cách nhìn tổng thể, thiếu một chiến lược tổng thể; chưa tổng kết và nghiên cứu một cách đầy đủ, từ đó chưa rút ra được những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo việc đổi mới và kiện toàn tổ chức, nên chủ trương và giải pháp thiếu hệ thống và chưa đồng bộ.

3. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức, bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị còn phân tán, chia cắt, lỏng lẻo, tùy tiện. Có tình hình mỗi lần ban hành luật, pháp lệnh, thông tri, chỉ thị đều có thể dẫn đến tăng tổ chức, tăng biên chế. Việc tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết về tổ chức, bộ máy không thống nhất, thiếu kiên quyết.

***Ba là,* về quan điểm chỉ đạo và phương hướng chung**

- Nhiều đồng chí Trung ương đề nghị làm rõ thế nào là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới. Các ý kiến cho rằng nhiệm vụ quan trọng nhất của đảng cầm quyền là vạch ra đường lối chính trị đúng đắn và lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo nhân dân thực hiện có kết quả đường lối ấy. Muốn làm được điều đó thì Đảng phải có các cơ quan tham mưu đủ mạnh, chất lượng cao; đồng thời, phải phát huy vai trò, khả năng, trách nhiệm của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể làm tham mưu cho Đảng về các mặt chủ trương, chính sách có liên quan. Vấn đề này cần được khẳng định.

- Nhiều đồng chí Trung ương cho rằng đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy trong hệ thống chính trị phải bảo đảm giữ vững sự ổn định chính trị, đồng thời tạo điều kiện cho sự

phát triển, thúc đẩy công cuộc đổi mới, không nên chỉ nhấn mạnh một chiều.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin nói rõ thêm như sau:

Cần khẳng định rằng: Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền. Đó là bản chất, là đặc điểm nổi bật nhất của hệ thống chính trị nước ta. Đảng là một tổ chức trong hệ thống chính trị, nhưng là lực lượng duy nhất lãnh đạo hệ thống ấy. Đảng định ra đường lối, chủ trương, chiến lược, định hướng phát triển của đất nước; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta, nhưng Đảng tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể; Đảng hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật. Điều đó đã được khẳng định trong thực tế của cách mạng Việt Nam kể từ khi có Đảng lãnh đạo.

Việc kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị trước hết phải nhằm giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; giữ vững bản chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta; giữ vững ổn định chính trị; tạo động lực mạnh hơn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Với vai trò và trách nhiệm của một đảng cầm quyền, Đảng phải không ngừng nâng cao trình độ và năng lực lãnh đạo, không ngừng cải tiến phương thức lãnh đạo để phát huy được sức mạnh và trí tuệ của toàn dân, của toàn Đảng, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Từng bước nâng cao chất lượng, trước hết là chất lượng chính trị của mỗi tổ chức cũng như của toàn bộ hệ thống chính trị.

Trong điều kiện đảng cầm quyền, muốn tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hệ thống tổ chức của Đảng phải mạnh,

mạnh từ trung ương đến cơ sở. Các cấp ủy phải có bộ máy công tác của mình tinh gọn, có chất lượng cao, đủ sức tham mưu cho Đảng trong các vấn đề về xây dựng Đảng và trong việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách lớn, bảo đảm sự lãnh đạo, kiểm tra của cấp ủy đảng trong quá trình thực hiện. Mặt khác, cũng cần quan niệm thống nhất rằng giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng không đồng nhất với việc lập nhiều ban tham mưu giúp việc, mà quan trọng nhất là tổ chức thế nào cho hợp lý, khoa học, hiệu quả, nâng cao chất lượng cơ quan tham mưu. Tăng cường cán bộ có chất lượng cao cho các cơ quan tham mưu của Đảng.

Đồng thời, với tư cách là đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội thông qua hệ thống tổ chức của Đảng trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, qua các cấp ủy và đảng viên hoạt động trong các cơ quan và tổ chức đó. Đảng phải phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm và khả năng của tổ chức đảng và đảng viên, nâng cao ý thức đảng, tính đảng của cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, mặt trận và các đoàn thể. Chúng ta đều nhất trí rằng không có một đảng mạnh khi nhà nước yếu, khi mặt trận và các đoàn thể hoạt động kém hiệu quả.

Theo tinh thần trên, trong sự chỉ đạo đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị cần phải khắc phục cả hai khuynh hướng: hoặc xem nhẹ việc xây dựng các cơ quan tham mưu của cấp ủy đảng, hoặc xem nhẹ việc sử dụng, phát huy các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể trong việc làm tham mưu cho Đảng về chủ trương, chính sách đối với những vấn đề có liên quan.

***Bốn là,* về các giải pháp**

Các đồng chí Trung ương đều cho rằng nếu Hội nghị Trung ương lần này chỉ dừng lại ở nguyên tắc và giữ ổn định cơ cấu tổ chức, bộ máy như hiện nay thì không đáp ứng được yêu cầu; nhưng nếu thực hiện phương án tách, nhập, giảm đầu mối thì chưa đủ cơ sở khoa học và thực tiễn. Đề nghị tại Hội nghị lần này phải xác định rõ những việc cần làm từ nay đến Đại hội IX.

Bộ Chính trị tán thành những ý kiến trên đây và xin nói rõ thêm mấy điểm như sau:

- Tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương bàn và quyết định những vấn đề về chủ trương và giải pháp lớn về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và về tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước.

Về phương án cụ thể kiện toàn về tổ chức, bộ máy thì những vấn đề gì đã rõ, có thể làm được, trong khuôn khổ Điều lệ Đảng và Hiến pháp thì kiên quyết thực hiện ngay từ nay đến trước Đại hội IX của Đảng.

- Sắp xếp lại tổ chức, bộ máy đảng ở địa phương theo hướng cấp tỉnh, thành gồm có: ủy ban kiểm tra, ban tổ chức, ban tuyên giáo, ban dân vận, văn phòng, trường chính trị và tờ báo của đảng bộ tỉnh, thành. Nếu thấy có yêu cầu mà cần lập thêm ban khác thì do cấp ủy địa phương quyết định theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị.

- Đối với ban đảng ở Trung ương, đề nghị Trung ương cho ý kiến bằng phiếu và giao cho Bộ Chính trị xem xét, quyết định với tinh thần tích cực nhất, những tổ chức đã kết luận rõ cần điều chỉnh thì điều chỉnh ngay.

- Đối với các cơ quan của Chính phủ, cần tiến hành ngay việc điều chỉnh, giảm đến mức hợp lý tối đa các tổ chức trực thuộc Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Tại Hội nghị này cũng đề nghị các đồng chí Trung ương cho ý kiến bằng phiếu về các tổ chức trên.

- Trong từng ban đảng, từng cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, từng bộ, từng ngành thuộc hệ thống hành chính và tư pháp, mặt trận và các đoàn thể từ trung ương đến địa phương cần rà soát lại một cách khẩn trương và nghiêm túc về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, của người đứng đầu. Trên cơ sở đó, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đồng chí thủ trưởng phải chịu trách nhiệm trước Trung ương về việc tinh giản đầu mối và biên chế của từng cơ quan; về bố trí, điều chỉnh, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu mới.

- Những vấn đề có liên quan đến Hiến pháp và Điều lệ Đảng thì khẩn trương nghiên cứu phương án sửa đổi một số điều cần thiết.

Thành lập Tiểu ban sửa đổi Điều lệ Đảng để soạn thảo văn kiện trình Đại hội IX; đề nghị Quốc hội thành lập Tiểu ban sửa đổi, bổ sung một số điểm của Hiến pháp 1992 để trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Những vấn đề chưa rõ thì tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, có thể cho làm thử trước khi kết luận.

- Về cách làm, Bộ Chính trị sẽ trình Trung ương bản dự thảo Nghị quyết Hội nghị lần này. Nghị quyết tập trung vào những vấn đề lớn, quan trọng để Trung ương xem xét, quyết định.

***Năm là,* về chủ trương, biện pháp, chính sách tiền lương và chính sách trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước**

- Về vấn đề bù trượt giá:

+ Nhiều đồng chí Trung ương nhất trí với đề án cải cách tiền lương, cho rằng tiền lương là vấn đề cấp bách, nếu không làm sẽ bất lợi về nhiều mặt. Một số đồng chí đề nghị cần giải quyết ngay trong năm 1999 và mức lương tối thiểu phải cao hơn như nêu trong đề án.

Bộ Chính trị cho rằng cải cách tiền lương là một yêu cầu rất chính đáng và hết sức bức xúc, tiền lương và thu nhập hiện hành có nhiều bất hợp lý và không công bằng. Song, chúng ta tiến hành cải cách một bước tiền lương trong tình hình tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta mấy năm gần đây có xu hướng giảm dần, tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước cũng có tình trạng như vậy. Theo dự báo năm 1999 và các năm 2000, 2001, tình hình kinh tế vẫn tiếp tục còn khó khăn, ít có khả năng tăng trưởng cao như các năm trước đây.

Trong bối cảnh không thuận lợi đó, ngân sách nhà nước phải bảo đảm thực hiện cả hai yêu cầu cấp bách là: thứ nhất, tiến hành cải cách một bước tiền lương nhằm khôi phục tiền lương thực tế bị giảm sút do trượt giá; thứ hai, phải có nguồn vốn bảo đảm cho đầu tư phát triển để bảo đảm cho nền kinh tế tiếp tục phát triển bền vững trong thời gian tới và giữ mức lạm phát từ 4,5 - 5%.

Như thế, chỉ có thể thực hiện bù trượt giá dần dần theo hai bước: bù đợt một vào đầu năm 2000 và bù đủ mức trượt giá vào đầu năm 2001.

- Về vấn đề lập lại trật tự kỷ cương trong tiền lương:

Nhiều đồng chí Trung ương đồng tình với đề án và nhấn mạnh cần phải giải quyết vấn đề này một cách kiên quyết, các đơn vị phải kê khai, công khai hóa các khoản thu nhập này.

Bộ Chính trị nhất trí với ý kiến trên và trình bày rõ thêm như sau:

Ngay từ năm 1993, khi triển khai thực hiện chế độ tiền lương mới, đã đặt vấn đề yêu cầu các cơ sở phải kê khai, rà soát các khoản thu. Nhưng, do chúng ta chưa có cơ chế tài chính nên không thực hiện được. Nay muốn thực hiện được việc này cần chú trọng thực hiện các biện pháp sau:

+ Chính phủ ban hành cơ chế tài chính cho từng loại hình tổ chức, cơ quan có nguồn thu, trong đó quy định rõ các nguồn thu được phép, việc sử dụng nguồn thu; có chính sách khuyến khích những đơn vị có nguồn thu tốt do kết quả công tác mang lại.

+ Các cấp ủy đảng, thủ trưởng các đơn vị có nguồn thu phải nghiêm túc thực hiện và chịu trách nhiệm về việc sử dụng nguồn thu sai quy định.

- Về thực hiện xã hội hóa và đổi mới cơ chế tiền lương trong khu vực sự nghiệp có thu:

Trong tổng số biên chế hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể năm 1999 là 1,4 triệu người, thì biên chế sự nghiệp chiếm tới 80%. Theo đà phát triển của xã hội thì khu vực sự nghiệp sẽ ngày càng mở rộng. Do đó, việc thực hiện xã hội hóa từng bước khu vực sự nghiệp là cần thiết. Nhưng việc xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp cũng là vấn đề rất nhạy cảm, có quan hệ

trực tiếp đến đông đảo nhân dân và cán bộ, công chức, phải được chuẩn bị chu đáo và có sự chỉ đạo rất chặt chẽ. Bộ Chính trị nhấn mạnh rằng, việc xã hội hóa các sự nghiệp giáo dục, y tế phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

+ Nhà nước chịu trách nhiệm chủ yếu trong việc phát triển các hoạt động sự nghiệp, trước hết là giáo dục và y tế; đồng thời, cần xác định lĩnh vực nào tập thể hoặc tư nhân có thể thực hiện tốt thì khuyến khích tập thể, tư nhân làm, Nhà nước thống nhất quản lý bằng pháp luật và thực hiện tốt việc kiểm tra, thanh tra.

+ Bảo đảm cho các đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào sống ở vùng sâu, vùng xa, miền núi được hưởng sự chăm sóc, nhất là về giáo dục và y tế ngày càng tốt hơn.

+ Tiền lương cán bộ, công chức ngày càng được cải thiện phù hợp với chất lượng phục vụ và điều kiện phát triển kinh tế, xã hội.

Căn cứ vào các nguyên tắc trên đây, Chính phủ sẽ có những quy định cụ thể về đổi mới cơ chế tiền lương trong khu vực sự nghiệp với những bước đi thích hợp. Thực hiện xã hội hóa không có nghĩa là thương mại hóa mà phải có sự hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước.

- Thực hiện việc trả trợ cấp ưu đãi một lần cho một bộ phận đối tượng người có công:

Hiện nay, người có công với nước có nhiều loại khác nhau, hàng năm ngân sách nhà nước đã dành mấy ngàn tỉ đồng để trả trợ cấp thường xuyên và một lần theo Pháp lệnh người có công với nước. Trong đó, trên một triệu người tham gia kháng chiến được thưởng huân chương, huy chương

kháng chiến đang được hưởng trợ cấp hàng tháng, trên tám vạn người có công giúp đỡ cách mạng; gần 600 người được phong danh hiệu Anh hùng (chưa kể khoảng ba triệu người được thưởng huân, huy chương kháng chiến chưa đến tuổi hưởng: nam chưa đến 60 tuổi, nữ chưa đến 55 tuổi).

Căn cứ vào kinh nghiệm qua quá trình thực hiện và khả năng ngân sách, thấy cần thiết phải thay thế việc chi trả hàng tháng hiện nay (tốn nhiều công sức, thì giờ cho việc cấp phát thanh toán) bằng việc chi trả một lần cho những người tham gia kháng chiến được thưởng huân chương, huy chương, người được phong danh hiệu Anh hùng, người có công giúp đỡ cách mạng. Các đối tượng khác vẫn tiếp tục chi trả thường xuyên như hiện nay và khuyến khích trả một lần cho các đối tượng tự nguyện.

- Về thực hiện tuần làm việc 40 giờ:

Chế độ và thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của người lao động luôn luôn được Đảng và Bác Hồ quan tâm. Trong tình hình hiện nay, việc giảm giờ làm sẽ tạo thêm chỗ làm việc, phát triển khu vực dịch vụ xã hội, kích thích sản xuất, tăng năng suất lao động, tạo điều kiện để cán bộ học tập nâng cao trình độ, tiết kiệm các chi phí hành chính. Hiện nay, nhiều nước trên thế giới đã thực hiện mỗi tuần làm việc từ 35-40 giờ. Qua thảo luận, đại đa số các đồng chí Trung ương đã tỏ ý tán thành thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần.

Tuy nhiên, việc thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần phải gắn liền với việc sắp xếp lại tổ chức, tổ chức lao động hợp lý trong tất cả các cơ quan, đơn vị nhà nước, tăng cường kỷ luật, trách nhiệm của cán bộ, viên chức đối với công việc

được giao; bảo đảm nguyên tắc: không vì giảm giờ làm việc mà để công việc chậm trễ, tăng biên chế, tăng chi ngân sách.

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương đồng ý cho thực hiện chủ trương này (thời gian cụ thể do Chính phủ quyết định).

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr.11-31.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Số 12-NQ/TW, ngày 16 tháng 8 năm 1999

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) họp từ ngày 9 đến 16-8-1999 tại Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ:

1. Giao Bộ Chính trị căn cứ vào các đề án trình Hội nghị Trung ương, Báo cáo giải trình của Bộ Chính trị, ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương tại Hội nghị và kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương để chỉnh lý và ban hành chính thức:

"Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước".

2. Tán thành Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Giao Bộ Chính trị trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Trung ương chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

3. Triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào cuối quý I năm 2001.

Các báo cáo trình Đại hội IX của Đảng, gồm:

- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII.

- Báo cáo về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005.

- Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng.

Thành lập bốn Tiểu ban của Ban Chấp hành Trung ương Đảng để chuẩn bị Đại hội IX của Đảng gồm:

- Tiểu ban văn kiện,
- Tiểu ban kinh tế - xã hội,
- Tiểu ban nhân sự,
- Tiểu ban Điều lệ.

Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị điều hành hoạt động của các Tiểu ban và chuẩn bị dự thảo các báo cáo của Đại hội IX để trình Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHOÁ VIII

Số 13-NQ/TW, ngày 16 tháng 8 năm 1999

Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước

Từ sau Đại hội VI của Đảng, qua hai lần sắp xếp, hệ thống chính trị ở nước ta bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đã từng bước được cụ thể hóa về chức năng, nhiệm vụ, củng cố về tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới phương thức, lề lối làm việc; chính sách tiền lương được cải cách và thực hiện từ năm 1993 đã có tác dụng nhất định. Những tiến bộ đó đã phát huy sức mạnh tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, công chức, góp phần bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Tuy nhiên, cho đến nay, nhìn chung tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước

còn cồng kềnh, nhiều đầu mối, tầng nấc trung gian, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và chế độ trách nhiệm của nhiều cơ quan và người đứng đầu chưa thật rõ, còn chồng chéo, cơ chế vận hành và nhiều mối quan hệ còn bất hợp lý; đội ngũ cán bộ, công chức còn hạn chế cả về năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm. Chế độ tiền lương, thu nhập bộc lộ nhiều bất hợp lý, không còn ý nghĩa đòn bẩy, kích thích người lao động tích cực làm việc. Tình hình đó đã làm giảm hiệu quả công tác lãnh đạo của Đảng, làm yếu hiệu lực quản lý của Nhà nước; tệ quan liêu, lãng phí, tham nhũng... tăng lên, có mặt rất nghiêm trọng; trật tự kỷ cương bị vi phạm; sự tin cậy và gắn bó của nhân dân đối với hệ thống chính trị bị giảm sút.

Tình hình trên đây do nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chủ yếu là chưa quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về hệ thống chính trị trong điều kiện một Đảng cầm quyền; chậm tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học về tổ chức; việc tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết về tổ chức, bộ máy không nhất quán, thiếu kiên quyết, triệt để.

Để thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đáp ứng yêu cầu của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu các tổ chức đảng và mọi cán bộ, đảng viên từ Trung ương đến cơ sở phải thực hiện có hiệu quả các nội dung dưới đây:

I- VỀ TỔ CHỨC, BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. *Kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị lần này là tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII), Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII; là một nội dung quan trọng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nhằm đạt được mục tiêu:* giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, bản chất cách mạng của Nhà nước ta, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tăng cường tiềm lực quốc gia, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân.

2. *Việc kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị nước ta trong những năm tới phải quán triệt các quan điểm, nguyên tắc cơ bản về hệ thống chính trị đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và các nghị quyết của Đảng; chú ý các yêu cầu chủ yếu sau đây:*

- Từng bước nâng cao chất lượng, trước hết là chất lượng chính trị của mỗi tổ chức cũng như của toàn hệ thống chính trị; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, cơ chế vận hành, lề lối làm việc; nâng cao chất lượng cán bộ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương; cụ thể hóa nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, nội dung và phương thức quản lý của Nhà nước, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị, xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Bộ máy của Đảng phải phù hợp với điều kiện một Đảng cầm quyền. Đảng cần có tổ chức tham mưu chuyên trách có chất lượng cao và tinh gọn, đồng thời Đảng phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, các cấp ủy viên và cán bộ chủ chốt hoạt động trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể. Tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể vừa là hạt nhân lãnh đạo chính trị các tổ chức đó, vừa làm tham mưu cho Đảng về chủ trương, chính sách đối với những lĩnh vực có liên quan.

3. *Những nhiệm vụ phải làm từ nay đến Đại hội IX:*

3.1- Tập trung củng cố, chỉnh đốn nội bộ từng tổ chức và các mối quan hệ trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Các cấp ủy đảng, tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở phải tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức và đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, đặc biệt là chất lượng chính trị, trách nhiệm phục vụ nhân dân. Bảo đảm bộ máy của hệ thống chính trị vận hành thông suốt và năng động; khắc phục tình trạng trì trệ, gây phiền hà, tiêu cực, yếu kém trong tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Trong nội dung tự phê bình và phê bình của các cấp ủy, tổ chức đảng và cá nhân lãnh đạo phải có một phần kiểm điểm về công tác kiện toàn tổ chức, bộ máy gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) (khoá VIII).

3.2- Bộ Chính trị chỉ đạo tổng kết hoạt động của các ban, đơn vị sự nghiệp và các doanh nghiệp trong hệ thống đảng; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, cải tiến lề lối làm việc của các ban tham mưu và đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương và cấp ủy các cấp.

Bộ Chính trị xem xét và quyết định cụ thể việc kiện toàn tổ chức các ban Đảng, các đảng ủy khối ở Trung ương. Những tổ chức nào đã được kết luận rõ cần điều chỉnh thì điều chỉnh ngay.

Các cấp ủy trực thuộc Trung ương tiến hành tinh gọn bộ máy của cấp mình theo hướng ở cấp tỉnh ủy, thành ủy gồm: Ủy ban kiểm tra, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận và văn phòng, trường chính trị, báo của đảng bộ tỉnh; nếu thấy có yêu cầu cần thành lập thêm ban nào nữa thì phải xin ý kiến Bộ Chính trị trước khi quyết định.

3.3- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc quy định những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội; nâng cao trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của các đại biểu Quốc hội.

Đổi mới quy trình chuẩn bị và thông qua các dự án luật tại kỳ họp Quốc hội; xây dựng *Luật về hoạt động giám sát của Quốc hội*, xác định rõ cơ chế giám sát đối với Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; từng bước tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách; coi trọng việc lấy ý kiến nhân dân trong quá trình xây dựng pháp luật và chuẩn bị những quyết sách của Quốc hội.

Sắp xếp bộ máy giúp việc của Quốc hội theo hướng tinh giản về đầu mối, tăng cường cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ có trình độ cao.

Tổ chức việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số vấn đề về tổ chức, bộ máy các cơ quan nhà nước liên quan đến Hiến pháp năm 1992 và các luật tổ chức các cơ quan nhà nước.

3.4- Ban Cán sự Đảng Chính phủ tăng cường chỉ đạo việc tiếp tục thực hiện cải cách nền hành chính nhà nước

theo Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII) và Trung ương 3 (khoá VIII). Rà soát và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các bộ và cơ quan ngang bộ, cơ quan chính quyền địa phương theo hướng quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực bao quát các thành phần kinh tế. Tinh giản các tổ chức trực thuộc Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, trước hết cần giảm ngay các đầu mối không hợp lý. Sắp xếp, tinh giản các đơn vị trực thuộc các bộ, cắt bỏ những khâu trùng lắp về chức năng.

Chuẩn bị và tiến hành tốt việc bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, bầu các chức danh chủ chốt, kiện toàn ủy ban nhân dân và tinh gọn các cơ quan chuyên môn của các cấp chính quyền địa phương.

Trên cơ sở điều chỉnh chức năng, thẩm quyền của Chính phủ và các bộ, cần xác định cơ cấu tổ chức Chính phủ cho phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới, nhằm bao quát được nhiệm vụ quản lý toàn xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm an ninh, quốc phòng; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các luật về tổ chức Chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương; bổ sung các quy định về cải tiến chế độ làm việc, quy định rõ quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trực thuộc Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, chính quyền các cấp; về phân cấp thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tính tự quản cộng đồng, truyền thống tốt đẹp của làng xã và tăng cường năng lực cho bộ máy chính quyền cơ sở; thí điểm quy chế dân bầu trực tiếp trưởng thôn, bản, ấp.

Tiếp tục thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của tất cả các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính. Tăng cường tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, tập trung giải quyết khiếu kiện của nhân dân, coi đó là công cụ quan trọng để bảo đảm hiệu lực quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân, thiết lập trật tự kỷ cương xã hội.

3.5- Đảng đoàn Quốc hội phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo việc sắp xếp hợp lý tổ chức của hai ngành kiểm sát và toà án; sắp xếp các cơ quan điều tra, kiện toàn cơ quan thi hành án; tổ chức nghiên cứu, xây dựng đề án cụ thể về tổ chức, chức năng, thẩm quyền của các cơ quan kiểm sát, toà án theo các định hướng đã đề ra ở Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII), Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này.

3.6- Đảng đoàn Mặt trận, đảng đoàn các đoàn thể, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cấp ủy địa phương chỉ đạo việc sắp xếp tổ chức, bộ máy Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phù hợp với chức năng, tôn chỉ, mục đích hoạt động. Xây dựng quy chế làm việc, đổi mới phương thức hoạt động cho sát cơ sở, sát nhân dân, đáp ứng ngày càng tốt hơn lợi ích và nguyện vọng của đoàn viên, hội viên về việc làm, đời sống, về yêu cầu phát huy dân chủ và tính công khai. Nghiên cứu ban hành *Luật về tổ chức các hội*.

3.7- Tích cực chỉ đạo việc giảm biên chế hành chính các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, biên chế gián tiếp trong các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước với mức

phấn đấu giảm khoảng 15%. Mỗi cấp, mỗi ngành quy định mức giảm biên chế cụ thể của từng cơ quan trực thuộc với ý thức trách nhiệm đầy đủ và chỉ đạo thực hiện tích cực, chặt chẽ, không định tỷ lệ bình quân như nhau. Mức biên chế của từng cơ quan, đơn vị ở các ngành và địa phương phải dựa trên cơ sở xác định nội dung và khối lượng công việc cụ thể và tiêu chuẩn các chức danh, cơ cấu cán bộ, công chức hợp lý.

- Chỉ đạo thí điểm việc khoán biên chế và khoán chi phí hành chính ổn định một số năm để khuyến khích việc giảm biên chế và tiết kiệm chi phí hành chính ở các cơ quan, đơn vị. Khắc phục tình trạng các cơ quan tăng thêm biên chế dưới bất cứ hình thức nào.

- Thực hiện chế độ thuê, khoán hoặc hợp đồng một số loại dịch vụ trong cơ quan hành chính (như vệ sinh, ăn uống, sửa chữa nhà cửa, điện, nước, lái xe...) thay cho việc tuyển người vào biên chế nhà nước.

- Tiến hành từng bước việc phân định rõ biên chế trong bộ máy hành chính với biên chế trong các đơn vị sự nghiệp, kinh tế, dịch vụ công; thí điểm việc xã hội hóa một số lĩnh vực dịch vụ, y tế, giáo dục, khoa học và hoạt động văn hóa, thể thao... trước hết là ở các thành phố và các khu công nghiệp đi đôi với đổi mới cơ chế tiền lương, nâng cao thu nhập của những người làm việc trong các lĩnh vực này gắn với nâng cao kết quả và chất lượng hoạt động.

- Khẩn trương ban hành các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi ra, bảo đảm thực hiện tốt việc tinh giản bộ máy và biên chế, không gây ảnh hưởng lớn đến tư tưởng và đời sống của cán bộ, công chức.

- Từ nay đến khi xác định xong phương án cụ thể về tinh giản biên chế nói chung không tuyển thêm người vượt biên chế được duyệt. Ở những nơi có điều kiện thì chủ động giảm ngay biên chế, không chờ đợi.

3.8- Thành lập Tiểu ban nghiên cứu sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội IX.

3.9- Đề nghị Quốc hội thành lập Tiểu ban nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điểm Hiến pháp năm 1992.

II- VỀ TIỀN LƯƠNG VÀ TRỢ CẤP XÃ HỘI THUỘC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. *Chính sách tiền lương phải quán triệt quan điểm:* tiền lương gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trả lương đúng cho người lao động chính là thực hiện đầu tư cho phát triển; góp phần quan trọng làm lành mạnh, trong sạch đội ngũ cán bộ, nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu suất công tác. Bảo đảm giá trị thực của tiền lương và từng bước cải thiện theo sự phát triển của kinh tế - xã hội.

2. *Từ nay đến năm 2001, tập trung chỉ đạo để làm một số việc sau đây:*

- Quán triệt và thống nhất trong Đảng, Nhà nước, từ Trung ương đến địa phương về các chủ trương, biện pháp cải cách tiền lương. Tổng kết thực hiện chính sách tiền lương năm 1993; xác định yêu cầu và phương hướng tiếp tục cải cách chính sách tiền lương trong giai đoạn 2001 - 2005.

- Thực hiện bù trượt giá vào lương đợt một vào đầu năm 2000 và bù đủ vào đầu năm 2001.

- Thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần (thời điểm thực hiện do Chính phủ quy định).

- Tiếp tục thực hiện chủ trương tiền tệ hóa tiền lương, trước nhất cần tập trung nghiên cứu đưa tiền nhà vào tiền lương để sớm ban hành cụ thể chính sách về nhà ở đối với cán bộ, công nhân, viên chức; đồng thời sớm quy định những phương tiện làm việc, phục vụ... có thể đưa được vào tiền lương như điện thoại tại nhà riêng, phụ cấp người phục vụ...

- Lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý tiền lương và thu nhập. Công khai hóa các khoản thu nhập ngoài lương. Xóa bỏ dần các khoản thu nhập ngoài lương có nguồn gốc ngân sách do các ngành, địa phương, đơn vị đang cho hưởng.

- Xây dựng chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức khu vực hành chính, đảng, đoàn thể.

- Phân loại các đơn vị, tổ chức có nguồn thu; ban hành chính sách, cơ chế tài chính đối với từng loại hình tổ chức.

- Xét nâng mức lương hưu đối với cán bộ, công nhân, viên chức về hưu trước tháng 9-1985.

- Thực hiện việc trả trợ cấp ưu đãi một lần cho một bộ phận đối tượng người có công.

- Tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách theo Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII), từng bước mở rộng thực hiện xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp, khuyến khích phát triển các đơn vị dân lập và tư thục, nghiên cứu ban hành chính sách thu học phí, chính sách đóng góp phí đào tạo từ các đơn vị sử dụng lao động, lập quỹ khuyến học; mở rộng thực hiện chế độ bảo hiểm y tế; có các chính sách, chế độ hỗ trợ người nghèo trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

III- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban chỉ đạo của Trung ương về củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị và cải tiến tiền lương. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, phối hợp sự chỉ đạo tập trung, thống nhất. Bộ Chính trị quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ và phân công các đồng chí tham gia Ban chỉ đạo này (do đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị làm Trưởng ban).

2. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí đứng đầu các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở Trung ương và địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm Nghị quyết được thực hiện đúng đắn, có kết quả.

3. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy, các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương tiến hành rà soát tình hình cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và biên chế của từng ngành, từng cấp, từng cơ quan để xây dựng kế hoạch và biện pháp đổi mới ở ngành, cấp mình đạt hiệu quả thiết thực.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ cùng với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan giúp Bộ Chính trị nghiên cứu việc bố trí và giải quyết vấn đề nhân sự trong dịp bầu cử hội đồng nhân dân, Đại hội Đảng các cấp và trong quá trình sắp xếp tổ chức; chỉ đạo việc thống nhất sắp xếp tổ chức, bộ máy ở Trung ương và địa phương.

5. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng các ban và cơ quan liên quan có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo và đề xuất ý kiến, giúp Ban chỉ đạo

Trung ương, Bộ Chính trị chỉ đạo có hiệu quả, tiến hành sơ kết từng bước việc thực hiện Nghị quyết này.

*
* *

Củng cố và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và cải tiến tiền lương là vấn đề lớn, phức tạp và có ý nghĩa rất quan trọng. Các cấp ủy và tổ chức Đảng từ Trung ương đến cơ sở cần tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện nghiêm túc, triệt để, đồng bộ những nội dung của Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr.32-46.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Ngày 16 tháng 8 năm 1999

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương,
Thưa các đồng chí đại biểu,

Với tinh thần làm việc khẩn trương, trách nhiệm, dân chủ và thẳng thắn nhìn vào sự thật, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét những mặt làm được và những mặt tồn tại, khuyết điểm về việc kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và cải cách chính sách tiền lương cùng một số chính sách xã hội khác. Hội nghị đã biểu dương sự cố gắng và thẳng thắn chỉ ra những nhược điểm trong quá trình chuẩn bị đề án.

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và nhất trí nhận định rằng, tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị còn nhiều điểm chưa hợp lý. Nhưng, vấn đề cấp bách nhất không

phải chủ yếu là thu gọn và nhập một số ban đảng hoặc một số cơ quan chính quyền, tách - nhập một số bộ hoặc đổi tên bộ này, bộ khác, mà điều quan trọng nhất, cấp bách nhất hiện nay trong việc sắp xếp và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị là vấn đề chất lượng toàn diện của tổ chức và bộ máy, đặc biệt là chất lượng chính trị.

Do đó, từ nay đến Đại hội IX, phải tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức trong bộ máy đảng, nhà nước, mặt trận, đoàn thể, đặc biệt là chất lượng chính trị.

Trên nền cơ bản của hệ thống tổ chức đã ổn định, tập trung củng cố, chỉnh đốn nội bộ từng tổ chức và các mối quan hệ trong toàn bộ hệ thống chính trị. Tổ chức nào đã hoàn thành nhiệm vụ, không còn phù hợp nữa thì giải thể hoặc thu gọn.

Đó là một quyết định hết sức đúng đắn.

Tư tưởng và những công việc mà chúng ta phải làm sau Hội nghị này về mặt kiện toàn tổ chức đã được thể hiện trong Nghị quyết của Hội nghị. Tôi chỉ phát biểu thêm một số vấn đề:

Thứ nhất, kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị phải đạt cho được mục tiêu: Tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo bền vững của Đảng trong mọi tình huống và trên toàn bộ lĩnh vực của đời sống xã hội, bảo đảm cho Đảng làm tròn nhiệm vụ là Đảng lãnh đạo, thống nhất, toàn diện mọi mặt của đời sống xã hội mà lịch sử và dân tộc đã giao phó; xây dựng, chỉnh đốn bộ máy nhà nước, đoàn thể thật sự trong sạch, vững mạnh, mãi mãi là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân,

quản lý hiệu quả đất nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, lập lại trật tự kỷ cương, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Yêu cầu kiện toàn bộ máy, tổ chức là phải tạo ra cho được một sức mạnh về chính trị, tổ chức, kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại cao hơn, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ đã đề ra cho những tháng cuối năm 1999, năm 2000 và 2001 trong cả nước, từng địa phương, đơn vị và trên tất cả mọi lĩnh vực.

Chỉ có hành động với tinh thần đó mới đạt được hiệu quả thiết thực, bộ máy mới vận hành một cách đồng bộ, từng cán bộ, nhân viên trong bộ máy làm việc nghiêm túc, khắc phục bệnh quan liêu, phiền hà, tham nhũng; mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước, nhân dân mới được củng cố và tăng cường.

Thưa các đồng chí,

Tại Đại hội lần thứ VII của Đảng, đã chỉ rõ: toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị trong giai đoạn mới là nhằm từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Nhân dân là nguồn gốc của mọi quyền lực. Quyền độc lập dân tộc và quyền làm chủ của nhân dân lao động được tổ chức thành quyền lực chính trị. Đó là Nhà nước.

Tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, là để bảo đảm Nhà nước mãi mãi là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, bảo đảm tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Nhân dân Việt Nam chỉ có một ý chí, một con đường là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhân dân hiểu sâu sắc rằng chỉ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam thì mới có thể thực hiện được mục tiêu cao cả đó. Đảng không có mục đích chiến đấu nào khác ngoài mục đích vì sự trường tồn của dân tộc và hạnh phúc lâu dài của nhân dân.

Sự lãnh đạo của Đảng là thống nhất, toàn diện. Lãnh đạo thống nhất, toàn diện là lãnh đạo cả chính trị, tư tưởng và tổ chức, bao gồm tổ chức bộ máy và tổ chức lực lượng, đội ngũ cán bộ. Lịch sử, thời đại và nhân dân ta không cho phép chia sẻ quyền lực chính trị cho một thế lực nào khác. Mọi luận điểm tuyên truyền về "dân chủ tuyệt đối", về nhân quyền cao hơn chủ quyền, đa nguyên, đa đảng, v.v. đều là dối trá, lừa bịp.

Quyền lực nhà nước cũng là thống nhất. Quyền lực chỉ có một, không phân chia, song có sự phân công và phối hợp giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Chính phủ là cơ quan hành pháp. Chính phủ là một tập thể gồm các thành viên do Thủ tướng đứng đầu và lãnh đạo. Mô hình này đã có từ Hiến pháp đầu tiên của nước ta ra đời năm 1946 tới nay (qua bốn lần sắp xếp, nền cơ bản của hệ thống hành pháp không thay đổi).

Thủ tướng lãnh đạo công tác của Chính phủ và các thành viên của Chính phủ. Bộ trưởng là thành viên của

Chính phủ, được Thủ tướng giới thiệu và Quốc hội phê chuẩn. Bộ trưởng chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về các lĩnh vực và ngành mình phụ trách trong phạm vi cả nước và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng và trước Quốc hội. Điều này có nghĩa là đề cao vai trò của Bộ trưởng trong lĩnh vực và ngành được phân công. Thứ trưởng là người giúp việc cho Bộ trưởng và do Bộ trưởng chỉ đạo, phân công và phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng.

Đã là Nhà nước, đã là Chính phủ thì phải có đủ quyền lực và thực thi cho được quyền lực, phải quản lý cho được đất nước.

Muốn thực thi cho được quyền lực thì phải làm đúng, làm hết, làm rõ chức năng, thẩm quyền, phải xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm của từng cá nhân trong bộ máy; xác định rõ nguyên tắc làm việc, cơ chế vận hành và các quy chế phối hợp. Khi có vấn đề xảy ra thì có căn cứ để phân rõ đúng, sai một cách minh bạch và xác định rõ trách nhiệm thuộc về ai.

Không đủ quyền lực hoặc có quyền lực mà không biết thực thi, năng lực yếu mà lại không trong sạch thì không thể nói đến hiệu lực, hiệu quả của bộ máy, thậm chí có khi tê liệt.

Đội ngũ cán bộ phải có năng lực, phẩm chất, phải trong sạch. Người đứng đầu bộ máy phải chịu trách nhiệm mọi mặt về bộ máy mà mình phụ trách.

Có làm được như vậy thì mới thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, thực sự lo cho nhân dân. Nâng cao được chất lượng hoạt động của bộ máy, chống tham nhũng, quan liêu, thủ tục hành chính rườm rà, sách nhiễu, phiền hà là nhân dân mong muốn nhất.

Các vụ việc tham nhũng, ăn cắp, lãng phí, làm thất thoát tài sản của công, làm thiệt hại tính mạng và tài sản của nhân dân, cố tình vi phạm pháp luật, phải được các cơ quan pháp luật làm rõ và phải công khai báo cáo để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân biết.

Có nơi, dân nói: cán bộ chính quyền của ta vừa hách dịch, vừa lỏng lẻo kỷ cương. Vì quyền lợi của nhân dân, ta phải xử lý nghiêm theo pháp luật với các phần tử làm thiệt hại đến tài sản của đất nước và của nhân dân.

Đất nước phải có kỷ cương. Trật tự, kỷ cương trước hết phải rất nghiêm từ trong bộ máy nhà nước. Có làm được như vậy thì mới lập lại được trật tự, kỷ cương của toàn xã hội.

Thứ hai, kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị là một nhiệm vụ trong toàn bộ cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Chỉ có kết hợp chặt chẽ việc kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng thì công việc ấy mới có kết quả.

Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo tổng kết việc kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị. Trước mắt, trong nội dung tự phê bình và phê bình của các cấp ủy và cá nhân phải có một phần kiểm điểm, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác kiện toàn tổ chức và bộ máy; rà soát và xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm tập thể và trách nhiệm cá nhân, cơ chế vận hành, quy chế phối hợp, các thủ tục hành chính, khắc phục sự chồng chéo và trùng lặp nhiệm vụ.

Trong tự phê bình và phê bình, phải làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và đề ra biện pháp khắc phục. Việc gì bản thân tổ chức phải sửa chữa thì kiên quyết sửa chữa ngay; việc gì thuộc thẩm quyền cấp trên thì kiến nghị

cụ thể lên cấp trên. Cấp trên phải thông báo rõ thời gian trả lời.

Qua tự phê bình và phê bình, rút kinh nghiệm, phải kiện toàn tổ chức, tăng cường trách nhiệm, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các cấp ủy trực thuộc, các ban đảng, các ban cán sự đảng và đảng đoàn, nâng cao quan điểm chính trị, ý chí, phẩm chất, tinh thần gương mẫu và năng lực lãnh đạo của đảng viên.

Như các đồng chí đã biết:

Có nơi Nhà nước cấp tiền hỗ trợ cho nhân dân thông qua dự án nhưng có cán bộ lại ăn bớt của dân. Như vậy thì thái độ của cán bộ, đảng viên đối với nhân dân, đối với người lao động, đối với giai cấp thế nào?

Vì thế, phải thật sự kiện toàn, nâng cao chất lượng các ban đảng, các tổ chức đảng trong các cơ quan chính quyền, Quốc hội, trong bộ máy tư pháp, trong các đoàn thể để tất cả các tổ chức đảng cùng phối hợp phục vụ có hiệu quả sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng. Các đảng viên được cử làm nhiệm vụ ở các tổ chức đó phải là những người cộng sản gương mẫu và có năng lực.

Bộ Chính trị sẽ làm việc với từng ban của Trung ương Đảng, các ban cán sự đảng, các đảng ủy khối, cùng nghiên cứu xác định chức năng, nhiệm vụ để tránh chồng chéo, để nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng và đảng viên.

Thứ ba, cải cách chính sách tiền lương phải quán triệt quan điểm: tiền lương gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trả lương đúng cho người lao động là thực hiện đầu tư cho phát triển; góp phần làm lành mạnh,

trong sạch đội ngũ cán bộ, nâng cao hiệu suất công tác. Bảo đảm giá trị thực của tiền lương và từng bước cải thiện theo sự phát triển của kinh tế - xã hội.

Phải tổng kết thực hiện chính sách tiền lương từ năm 1993 đến nay. Xác định chủ trương tiếp tục thực hiện cải tiến chính sách tiền lương từ 2001 - 2005.

Trước mắt, từ nay đến năm 2001, tập trung bù đủ mức trượt giá vào lương, lập lại trật tự kỷ cương trong quản lý tiền lương. Giải quyết một số điểm bất hợp lý về lương đối với những cán bộ, viên chức về hưu trước tháng 9-1985 và một số chủ trương khác.

Thưa các đồng chí,

Lập lại trật tự, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của tổ chức và bộ máy trong hệ thống chính trị, làm cho bộ máy của chúng ta trong sạch, cán bộ, đảng viên chúng ta cần, kiệm, liêm, chính, lo cho nhân dân, cho nước, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ đã đề ra từ nay đến Đại hội Đảng lần thứ IX là quyết tâm và tinh thần cơ bản của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần này.

Quyết tâm ấy cũng là nguyện vọng của dân. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề nghị nhân dân cả nước tiếp tục tham gia xây dựng, giám sát, góp ý phê bình các tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể; yêu cầu cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức tích cực làm việc, rèn luyện, học tập, sửa chữa khuyết điểm và nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này. Đó là thiết thực kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Bác Hồ kính yêu, là nghiêm chỉnh thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kỷ niệm

Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, là thiết thực thi đua yêu nước.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII và chúc sức khỏe tất cả các đồng chí.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr. 47-57.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM KHÓA VIII

Từ ngày 9 tháng 8 đến ngày 16 tháng 8 năm 1999

Từ ngày 9-8 đến ngày 16-8-1999 tại Thủ đô Hà Nội đã tiến hành Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII).

Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chủ trì Hội nghị, đã phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt đã dự Hội nghị.

Hội nghị Trung ương lần này bàn "Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước" và những công việc chuẩn bị cho Đại hội IX của Đảng.

Hội nghị đã làm việc tích cực, khẩn trương, phát huy trí tuệ, đề cao trách nhiệm của từng đồng chí Ủy viên Trung ương, thảo luận dân chủ, nêu nhiều vấn đề quan trọng và đã nhất trí thông qua Nghị quyết "Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội

thuộc ngân sách nhà nước" và Nghị quyết "về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng".

Hội nghị nhấn mạnh: từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng và củng cố tổ chức, bộ máy hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Trải qua các thời kỳ cách mạng, kháng chiến và kiến quốc, nhất là trong thời kỳ đổi mới, chúng ta đã từng bước đổi mới về chức năng, nhiệm vụ, củng cố tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; đổi mới phương thức lãnh đạo và cơ chế, lề lối làm việc của các tổ chức, bộ máy Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị; cải cách chính sách tiền lương đã có tác dụng nhất định, góp phần phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, công chức, là một nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Tuy nhiên, cho đến nay nhìn một cách tổng quát, tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị chất lượng và hiệu quả thấp, còn cồng kềnh, nhiều đầu mối, tầng nấc trung gian, nhất là trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và chế độ trách nhiệm của nhiều cơ quan và người đứng đầu chưa thật rõ; cơ chế vận hành và các mối quan hệ còn chồng chéo, bất hợp lý; đội ngũ cán bộ, công chức còn hạn chế cả về năng lực và tinh thần trách nhiệm. Tình hình đó làm giảm hiệu quả công tác lãnh đạo, làm yếu hiệu lực quản lý; tệ quan liêu, lãng phí, tham nhũng... tăng lên; trật tự, kỷ cương bị vi phạm...

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và các Nghị quyết Trung ương, trên cơ sở đánh giá, phân tích sâu sắc những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, Hội nghị nhất trí nhấn mạnh các quan điểm, mục tiêu,

phương hướng và các giải pháp kiện toàn và nâng cao chất lượng tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay; coi đó là một nội dung quan trọng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Mục tiêu của việc kiện toàn một bước tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị là nhằm: giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, bản chất cách mạng của Nhà nước ta, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân.

Quán triệt các quan điểm, nguyên tắc cơ bản về hệ thống chính trị được xác định trong Cương lĩnh chính trị và các Nghị quyết của Đảng, từng bước nâng cao chất lượng, trước hết là chất lượng chính trị của mỗi tổ chức cũng như của toàn hệ thống chính trị, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, cơ chế vận hành, lề lối làm việc, nâng cao chất lượng cán bộ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, phương thức quản lý nhà nước, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Từ mục tiêu, yêu cầu trên, Ban Chấp hành Trung ương đề ra những vấn đề cần tập trung thực hiện từ nay đến Đại hội IX của Đảng như xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức các Ban của Đảng ở các cấp; cải tiến cách làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, nâng cao trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của các đại biểu Quốc hội; rà soát và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu

tổ chức cơ quan Chính phủ và cơ quan chính quyền địa phương, tinh giản hợp lý tối đa các cơ quan trực thuộc Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, tinh giản các đơn vị trực thuộc các bộ, cắt bỏ các khâu trùng lắp về chức năng; chỉ đạo và sắp xếp tinh gọn tổ chức của hai ngành kiểm sát và tòa án; xây dựng quy chế làm việc, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, đáp ứng tốt hơn lợi ích và nguyện vọng của đoàn viên, hội viên về việc làm, đời sống, dân chủ, công khai, sát cơ sở, sát nhân dân. Tinh giản biên chế, nhất là biên chế hành chính ở các cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể.

Về cải tiến chính sách tiền lương và chính sách trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước, Hội nghị nhấn mạnh phải quán triệt các quan điểm: tiền lương gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trả lương đúng cho người lao động chính là thực hiện đầu tư cho phát triển, nâng cao năng suất lao động và hiệu suất công tác; góp phần quan trọng làm lành mạnh, trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức; bảo đảm giá trị thực của tiền lương và từng bước cải thiện theo sự phát triển của kinh tế - xã hội.

Hội nghị đề ra mục tiêu: từ nay đến hết năm 2001 tập trung vào việc thực hiện bù đủ mức trượt giá vào lương; lập lại trật tự kỷ cương trong quản lý tiền lương; khắc phục những bất hợp lý trong cơ chế tiền lương hiện hành và trong thang bảng lương, chuẩn bị điều kiện để từ năm 2002 tiếp tục hoàn thiện chế độ tiền lương.

Hội nghị quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng vào cuối quý I năm 2001 và đã thành lập các Tiểu ban của Trung ương chuẩn bị cho Đại hội Đảng.

Hội nghị đã bầu bổ sung hai đồng chí Nguyễn Thị Doan và Mai Văn Năm làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng khóa VIII.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương biểu thị quyết tâm và trách nhiệm cao trước toàn Đảng, toàn dân, kiên quyết lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Hội nghị; gắn việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 với cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình để tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị thật sự có chất lượng cao, trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo và phục vụ nhân dân trong thời kỳ mới.

Hội nghị kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất, ra sức phấn đấu thực hiện các nghị quyết của Đảng, chính sách và giải pháp của Nhà nước, đưa nước ta vượt qua khó khăn, thử thách, hoàn thành thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội năm 1999 và kế hoạch Nhà nước 5 năm 1996 - 2000, đưa đất nước vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 239-TB/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1999

Về việc tiếp nhận, xử lý đơn, thư khiếu tố

Sau khi nghe Văn phòng Trung ương báo cáo về tình hình tiếp nhận, chuyển giao, xử lý đơn, thư của cán bộ, đảng viên, nhân dân gửi đến Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Thường vụ Bộ Chính trị đồng ý sửa lại điểm 8 mục I, Quyết định 22-QĐ/TW ngày 1-10-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá VI như sau:

- Đối với các đơn, thư của cán bộ, đảng viên, nhân dân gửi đến các đồng chí Bộ Chính trị, nếu được gửi theo hình thức thư bảo đảm và ghi rõ họ tên đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị thì chuyển nguyên bì các đơn, thư đó đến đồng chí có tên để xử lý.

- Đối với các đơn, thư đề gửi Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị và các đơn, thư gửi đích danh các đồng chí lãnh đạo Đảng nhưng không dán tem bảo đảm thì Văn phòng Trung ương tiếp nhận, xử lý như

Quyết định 22-QĐ/TW ngày 1-10-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá VI.

Văn phòng Trung ương phối hợp với các cơ quan hữu quan bảo đảm các đơn, thư được chuyển giao kịp thời, chính xác, an toàn đến từng đồng chí Bộ Chính trị.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 240-TB/TW, ngày 20 tháng 8 năm 1999

Về chương trình khí - điện - đạm

Tại phiên họp ngày 18-8-1999, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo về chương trình khí - điện - đạm, Thường vụ Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Thực hiện sớm dự án phát triển mỏ khí lô 06.1 và dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn; đồng ý phía Việt Nam tham gia 15% số vốn đầu tư trong dự án lô 06.1 và 51% số vốn đầu tư trong dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn.

2. Bảo đảm việc chuyển đổi đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu bằng tiền Việt Nam của hai dự án nói trên ra ngoại tệ cho các nhà đầu tư nước ngoài, sau khi trừ các khoản chi bằng tiền Việt Nam.

3. Đồng ý để dự án mỏ khí lô 06.1 nộp thuế VAT với thuế suất 10% từ thời điểm đi vào khai thác, được miễn thuế trong thời gian xây dựng mỏ.

Đối với dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn áp dụng thuế suất thuế VAT là 10% và được miễn thuế VAT cho các

thiết bị, vật tư nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được, cũng như đối với các dịch vụ được cung cấp từ nước ngoài trong thời gian xây dựng.

4. Đồng ý để Chính phủ cam kết bảo lãnh cho các nhà đầu tư nước ngoài như các nội dung đã báo cáo với Thường vụ Bộ Chính trị.

5. Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan hữu quan căn cứ vào những thay đổi, biến động về tiềm năng khí mới phát hiện tại các khu vực trong cả nước, các phương án khác nhau về cân bằng năng lượng trong những năm tới để điều chỉnh lại chương trình khí - điện - đạm báo cáo Bộ Chính trị. Trước mắt, cần sớm có báo cáo về phương án xử lý đối với việc đầu tư nhà máy phân đạm ở Phú Mỹ; khẩn trương nghiên cứu lập phương án đầu tư hai nhà máy sản xuất phân đạm dùng khí tại Nam Bộ và đồng bằng sông Hồng theo phương thức ta tự làm (mua trả chậm máy móc, thiết bị, công nghệ) sau khi khẳng định được tính khả thi của nguồn khí Tây Nam và đồng bằng sông Hồng.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 243-TB/TW, ngày 20 tháng 8 năm 1999

Về Đại hội IV Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam

Tại phiên họp ngày 18-8-1999, sau khi nghe đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Dân vận Trung ương, đồng chí Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam báo cáo về việc chuẩn bị Đại hội đại biểu lần thứ IV Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Báo cáo chính trị trình Đại hội IV cần đánh giá chính xác, biểu dương đúng mức sự trưởng thành và những cống hiến to lớn của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong 15 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng và kết quả hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ vừa qua; tạo được khí thế lạc quan, phấn khởi và tự tin trong thanh niên, cổ vũ lòng yêu nước, gắn bó lý tưởng thanh niên với sự nghiệp cách mạng của dân tộc, của Đảng, vững bước vào thế kỷ XXI. Báo cáo cũng cần chỉ ra và làm rõ những mặt hạn chế, yếu kém và

những nguyên nhân trong công tác tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam để có biện pháp khắc phục một cách mạnh mẽ, có hiệu quả, nhằm cuốn hút rộng rãi thanh niên vào những hoạt động thiết thực của Hội. Qua hoạt động thực tiễn phong phú, đa dạng của Hội mà giáo dục, rèn luyện, chăm lo lợi ích thiết thực cho thanh niên; đẩy lùi những yếu kém về đạo đức, lối sống, các tệ nạn xã hội, trước hết trong thanh niên...

Cần xác định rõ vai trò, trách nhiệm của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam đối với các vấn đề trên.

- Đồng ý tổ chức Đại hội IV Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, thời gian hai ngày cuối quý IV năm 1999, tại Thủ đô Hà Nội, với số đại biểu chính thức là 600 người. Đồng ý về nguyên tắc mời một số khách quốc tế dự Đại hội; giao cho Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm việc với Ban Đối ngoại Trung ương về danh sách cụ thể khách mời (bao gồm cả thanh niên tiêu biểu của Việt Nam đang lao động và học tập ở nước ngoài). Các đại biểu khách mời tự túc tiền vé máy bay đi và về, ta đài thọ toàn bộ cho đoàn Cuba.

- Số lượng Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam khoá IV không quá 130 ủy viên, chú ý cơ cấu bộ máy lãnh đạo hợp lý, tránh hình thức. Cần chọn người thật tiêu biểu đại diện và tập hợp được các đối tượng thanh niên công nhân, nông dân, học sinh, sinh viên, dân tộc, tôn giáo...

- Đại hội cần được tổ chức tốt về nội dung, đổi mới về hình thức. Đại hội phải thực sự là diễn đàn dân chủ, đối thoại cởi mở, trí tuệ và hành động, hướng về cơ sở, đẩy mạnh

phong trào thi đua yêu nước, xây dựng tổ chức Hội ngày càng vững mạnh vì tương lai của thế hệ trẻ và dân tộc Việt Nam bước vào thế kỷ mới.

- Các tỉnh ủy, thành ủy và các ban, ngành liên quan lãnh đạo, chỉ đạo và tạo những điều kiện cần thiết để hội liên hiệp thanh niên tỉnh, thành phố và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tổ chức tốt Đại hội, bảo đảm yêu cầu chất lượng và tiến độ.

- Thường vụ Bộ Chính trị ủy nhiệm đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị và đồng chí Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam phối hợp với các ban của Đảng có liên quan chuẩn bị và tiến hành Đại hội liên hiệp thanh niên các cấp và báo cáo kết quả với Thường vụ Bộ Chính trị.

Xin thông báo các đồng chí biết.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 241-TB/TW, ngày 21 tháng 8 năm 1999

Về dự án *Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích (sửa đổi)*

Tại phiên họp ngày 20-8-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày tờ trình một số vấn đề của dự án *Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích (sửa đổi)* và ý kiến của các ngành có liên quan, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý sửa đổi *Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích* như nội dung đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội nêu tại Tờ trình số 162-ĐĐQH10, ngày 5-8-1999.

Về mức huy động, cần quy định rõ số ngày công nghĩa vụ lao động công ích hằng năm của mỗi công dân trong độ tuổi là 10 (mười) ngày, nhằm bảo đảm sự công bằng giữa các công dân và áp dụng thống nhất trong cả nước, tạo điều kiện thuận lợi để chính quyền các cấp chủ động lập kế hoạch xây dựng các công trình công ích ở địa phương, đồng thời hạn chế sự tuỳ tiện trong việc huy động, quản lý, sử dụng quỹ ngày công lao động công ích.

2. Chính phủ có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể việc thi hành Pháp lệnh, bảo đảm việc quản lý và sử dụng quỹ ngày công lao động công ích dân chủ, công khai, đúng mục đích để tránh tiêu cực, tuỳ tiện trong tổ chức thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 244-TB/TW, ngày 23 tháng 8 năm 1999

Về Đại hội lần thứ VII Hội Nhà báo Việt Nam

Ngày 18-8-1999, Thường vụ Bộ Chính trị đã nghe Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam báo cáo việc chuẩn bị Đại hội lần thứ VII Hội Nhà báo Việt Nam. Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đại hội lần thứ VII Hội Nhà báo Việt Nam họp vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử: toàn Đảng, toàn dân ta đang tiến hành cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo *Di chúc* thiêng liêng của Bác Hồ; chuẩn bị kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng và của dân tộc trong năm 2000, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng; đất nước và nhân loại kết thúc thế kỷ XX chuyển sang thế kỷ XXI.

Giới báo chí cả nước đang phấn đấu thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí - xuất bản và *Luật báo chí* sửa đổi, tiến tới kỷ niệm 75 năm Ngày báo chí cách mạng Việt Nam và 50 năm Ngày thành lập Hội Nhà báo Việt Nam. Do đó, Đại hội lần thứ VII Hội Nhà báo Việt Nam là một sự kiện

có ý nghĩa quan trọng của giới báo chí cả nước, cần được chuẩn bị chu đáo để đạt kết quả tốt.

2. Đại hội lần thứ VII Hội Nhà báo Việt Nam phải tổng kết một cách sâu sắc hoạt động của báo chí cả nước cũng như của Hội Nhà báo trong 5 năm qua và trong 15 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới; đánh giá đúng đắn những thành tựu của báo chí, của Hội Nhà báo; đồng thời, chỉ rõ những khuyết điểm, tồn tại. Chú ý đi sâu phân tích và đề ra được biện pháp khắc phục khuynh hướng thương mại hóa trong hoạt động báo chí, những biểu hiện xa rời tôn chỉ, mục đích và không bảo đảm tính chân thật của tờ báo, trách nhiệm xã hội của báo chí và nghĩa vụ công dân của nhà báo chưa được thực hiện đầy đủ, cùng những hiện tượng tiêu cực khác trong hoạt động báo chí và trong đội ngũ những người làm báo.

Trên cơ sở tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm xây dựng và phát triển Hội Nhà báo Việt Nam trong thời gian qua, cần tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của báo chí cách mạng Việt Nam và của Hội Nhà báo Việt Nam, giữ vững và không ngừng nâng cao bản chất cách mạng, tính chính trị, tính văn hóa, tính khoa học, trình độ nghiệp vụ của báo chí Việt Nam và của đội ngũ những người làm báo Việt Nam. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội, chất lượng hội viên, chuẩn bị hành trang để phấn đấu và phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc trong thiên niên kỷ mới.

3. Hội Nhà báo Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội và nghề nghiệp tự nguyện của những người làm báo Việt Nam, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng và trong khuôn khổ

pháp luật của Nhà nước. Hội tập hợp và đoàn kết những người làm báo Việt Nam, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hội có trách nhiệm góp phần vào sự chỉ đạo và quản lý báo chí, xây dựng và thúc đẩy thực hiện chính sách, pháp luật về báo chí; bồi dưỡng để không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà báo; bảo vệ quyền lợi hoạt động chính đáng, hợp pháp của hội viên, phát huy tài năng sáng tạo của nhà báo.

4. Đồng ý tổ chức Đại hội lần thứ VII Hội Nhà báo Việt Nam vào tháng 3-2000 tại Hà Nội. Đại hội được mời đại biểu một số tổ chức báo chí quốc tế (OIJ, CAJ) và Hội Nhà báo một số nước tham dự Đại hội. Ban Thường vụ Hội Nhà báo Việt Nam cần làm việc với Ban Đối ngoại Trung ương về danh sách cụ thể khách mời. Khách mời dự Đại hội tự túc tiền vé máy bay đi, về. Ta đài thọ cho đại biểu Cuba.

5. Số lượng Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam khóa VII không quá 39 ủy viên. Cần chọn người đủ tiêu chuẩn, tiêu biểu cho các vùng, miền, tờ báo, các thế hệ nhà báo... tham gia Ban Chấp hành.

Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam bàn bạc với các ban của Đảng chuẩn bị nhân sự chủ chốt của Hội trình Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

6. Thường vụ Bộ Chính trị phân công đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị và đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ cùng các đồng chí lãnh đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,

Ban Tổ chức Trung ương chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức Đại hội lần thứ VII Hội Nhà báo Việt Nam.

Các tỉnh, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn có trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện cho Hội Nhà báo trực thuộc sự quản lý của mình chuẩn bị và tổ chức tốt Đại hội theo sự hướng dẫn của Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam, bảo đảm Đại hội lần thứ VII Hội Nhà báo Việt Nam được tổ chức thắng lợi ngay từ cơ sở.

Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam có trách nhiệm xây dựng đề án cụ thể tổ chức Đại hội và làm việc trực tiếp với các đồng chí đã được Thường vụ Bộ Chính trị phân công; đồng thời phối hợp với các tỉnh, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn trong việc chỉ đạo và tổ chức Đại hội Hội Nhà báo các tỉnh, thành, các liên chi và chi hội trực thuộc.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 50-CT/TW, ngày 24 tháng 8 năm 1999

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Khuyến học Việt Nam

Hội Khuyến học Việt Nam được thành lập từ năm 1996. Là một tổ chức tự nguyện của những người tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, sau gần ba năm hoạt động, Hội đã bám sát mục tiêu đề ra và thu được những kết quả tốt trong các hoạt động khuyến học, bước đầu khẳng định vai trò của mình trong công cuộc xã hội hóa giáo dục.

Hoạt động của Hội Khuyến học cần quán triệt theo phương hướng dưới đây:

1. Tuân thủ các nghị quyết của Trung ương về giáo dục, đào tạo con người, góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực, nguồn cán bộ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thực hiện đúng đắn chủ trương xã hội hóa giáo dục, khơi dậy truyền thống hiếu học của dân tộc, phát huy nội lực của đất nước và con người Việt Nam, đưa sự nghiệp giáo dục lên ngang tầm đòi hỏi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong tình hình mới.

2. Phát triển phong trào khuyến học theo phương châm "giáo dục là sự nghiệp của toàn xã hội". Hội cần tăng cường công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều biện pháp nhằm xây dựng phong trào "Toàn dân học tập, học tập thường xuyên, học tập suốt đời, học tập với động cơ trong sáng"; tham gia xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, nâng cao chất lượng giáo dục về chính trị, đạo đức, kiến thức văn hóa, nghề nghiệp, thể lực, thẩm mỹ và lối sống văn minh, lành mạnh.

3. Tăng cường mối quan hệ phối hợp công tác với các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, đặc biệt là với ngành giáo dục - đào tạo trong hoạt động khuyến học, coi đây là một phương thức hoạt động quan trọng. Vận động các cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước giúp đỡ phát triển sự nghiệp giáo dục; xây dựng quỹ khuyến học, đồng thời quản lý, sử dụng đúng mục đích của quỹ này.

4. Tập hợp rộng rãi các nhà giáo dục, nhà khoa học, giới trí thức, nhà kinh doanh, những người hoạt động xã hội và các kiều bào ở nước ngoài tự nguyện tham gia sự nghiệp chấn hưng và phát triển giáo dục. Củng cố tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích của Hội; phát triển tổ chức hội ở những địa phương và cơ sở thực sự có nhu cầu và có đủ điều kiện.

5. Để phong trào khuyến học đạt hiệu quả thiết thực, các cấp ủy đảng cần quan tâm chỉ đạo thường xuyên công tác của hội khuyến học thuộc cấp mình. Ban Dân vận Trung ương giúp Bộ Chính trị theo dõi và định hướng chỉ đạo các

hoạt động của Hội Khuyến học Việt Nam. Cùng với việc tăng cường công tác quản lý, Nhà nước dành cho Hội sự hỗ trợ cần thiết, tạo điều kiện để Hội hoạt động đạt kết quả thiết thực.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 257-TB/TW, ngày 18 tháng 10 năm 1999

Về tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2000

Trong hai ngày 14 và 15-10-1999 và sáng 16-10-1999, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình bày báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2000, nghe ý kiến phát biểu của lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương và một số cơ quan của Chính phủ, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1999

- Cuối năm 1998, khi xây dựng và thông qua kế hoạch năm 1999, nền kinh tế nước ta đang gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế các nước trong khu vực và thiên tai to lớn tác động. Trong bối cảnh đó, qua hơn chín tháng thực hiện, với sự nỗ lực phấn đấu cao của toàn Đảng, toàn dân theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 và Trung ương 6 (lần 1), chúng ta đã duy trì được mức tăng trưởng kinh tế

ước khoảng 4,7 - 5% cả năm, quý sau cao hơn quý trước; sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, được mùa lớn; sản xuất công nghiệp trong một số lĩnh vực đạt kết quả khá; các cân đối vĩ mô được duy trì và cải thiện; tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao hơn dự kiến kế hoạch; các hoạt động văn hóa - xã hội, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và môi trường đạt được một số tiến bộ; công tác chỉ đạo, điều hành tiếp tục được cải tiến và sát tình hình địa phương, cơ sở hơn.

- Tuy nhiên cần phải thấy hết những khó khăn, yếu kém của nền kinh tế và một số vấn đề xã hội nước ta hiện nay:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp, nhịp độ tăng trưởng vẫn đang trong tình trạng giảm so với các năm trước.

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế kém sôi động, số doanh nghiệp nhà nước yếu kém còn nhiều (chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao, thua lỗ), chưa chuẩn bị đủ điều kiện để thích ứng với yêu cầu và tiến trình hội nhập; một số doanh nghiệp (kể cả trong ngành ngân hàng) có nguy cơ phá sản.

+ Thị trường kém sôi động, giá cả hàng hóa dịch vụ giảm liên tục trong nhiều tháng, mức tăng giá thấp nhất từ trước đến nay (ước cả năm chỉ tăng khoảng 2%). Một số sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ khó khăn, sản phẩm công nghiệp của một số lĩnh vực sản xuất (thép, đường, xi măng, than...) tồn kho ứ đọng lớn.

+ Các ngân hàng thương mại tồn đọng vốn lớn không cho vay được mặc dù đã giảm lãi suất cho vay; tỷ lệ các dư nợ tín dụng quá hạn, khó đòi cao.

Tốc độ tăng vốn đầu tư toàn xã hội có xu hướng giảm dần, chưa khắc phục được tình trạng đầu tư phân tán, hiệu quả

sử dụng vốn đầu tư thấp và có xu hướng giảm dần; nguồn vốn tín dụng và vốn ODA giải ngân chậm, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế suy giảm...

+ Lĩnh vực xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc: lao động thiếu và chưa có việc làm còn lớn và có xu hướng tăng lên, những tiêu cực và tệ nạn xã hội vẫn phát triển, nhiều loại tội phạm gia tăng; tình hình khiếu kiện của nhân dân vẫn phức tạp...

Như vậy, nhìn chung nền kinh tế nước ta trong năm 1999, vừa có những dấu hiệu tiến bộ, phục hồi, phát triển, vừa có những biểu hiện trì trệ, sự phát triển chậm lại.

- Đối chiếu Nghị quyết Trung ương 4, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) Chính phủ cần phân tích sâu sắc hơn nguyên nhân của tình hình kinh tế - xã hội hiện nay, trong đó làm rõ các vấn đề:

+ Vì sao tốc độ và hiệu quả tăng trưởng kinh tế còn thấp, chưa ngăn chặn được sự giảm sút tốc độ tăng trưởng?...

+ Vì sao hoạt động của các doanh nghiệp kém sôi động? Một bộ phận lớn doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả? Hàng hóa tồn đọng lớn? Chỉ số giá cả hàng hóa và dịch vụ bị giảm nhiều? Vốn tồn đọng nhiều trong các ngân hàng thương mại không cho vay được?...

+ Phân tích những nguyên nhân bên ngoài, xác định mức độ ảnh hưởng của tình hình kinh tế khu vực và thế giới tới kinh tế nước ta và những nguyên nhân bên trong, mức độ ảnh hưởng của những yếu tố bên trong tới tình hình kinh tế - xã hội hiện nay?

+ Xác định và phân tích những vấn đề thuộc nhận thức, quan điểm chưa thống nhất, chưa đổi mới, còn ảnh hưởng

của bao cấp, những vấn đề thuộc về cơ chế chính sách, về chỉ đạo điều hành, những vấn đề thuộc về tổ chức bộ máy, năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ các cấp dẫn đến tình hình kinh tế - xã hội hiện nay?

2. Về định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2000

Bộ Chính trị về cơ bản tán thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2000 của Chính phủ và lưu ý thêm một số nội dung sau đây:

- Về nhiệm vụ của năm 2000: việc xác định nhiệm vụ, mức phấn đấu cho năm 2000 cần gắn với việc phấn đấu thực hiện các mục tiêu của cả thời kỳ kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, đồng thời cần tạo được một số tiền đề gối đầu cho thời kỳ kế hoạch 2001 - 2005 và các năm sau đó.

- Về các phương án và các chỉ tiêu phát triển: Chính phủ cần xác định rõ hơn căn cứ khoa học của từng phương án; tính toán, cân nhắc những điều kiện và khả năng để đạt được các chỉ tiêu phát triển theo từng phương án, vừa bảo đảm được sự ổn định, vừa nâng cao dần tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước trong những năm tới để trình Trung ương và Quốc hội xem xét, quyết định. Hướng lựa chọn phương án 1, nhưng cần chủ động chuẩn bị để nếu có điều kiện thuận lợi thì thực hiện phương án 2.

- Về các giải pháp: hướng chính là chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp đã xác định trong Nghị quyết Trung ương 4, Trung ương 6 (lần 1), đồng thời lưu ý tập trung giải quyết tốt một số vấn đề cụ thể sau đây:

+ *Về nông nghiệp:* Chính phủ cần có báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 10-11-1998 về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn, nêu rõ những mặt đã làm được và những chính sách, giải pháp cần bổ sung để phát huy hơn nữa vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông thôn nước ta, vai trò kinh tế hộ gia đình, hợp tác xã... Trong nông nghiệp chú ý đầu tư cho công nghệ sinh học, công nghiệp chế biến, phát triển tín dụng nông thôn. Đề cao trách nhiệm của các tỉnh trực tiếp đôn đốc, chỉ đạo, sự phát triển nông nghiệp, nông thôn theo chủ trương chung của Trung ương.

+ *Về công nghiệp và thủ công nghiệp:* Trên cơ sở đánh giá những ngành, sản phẩm có hiệu quả, để xác định mức phấn đấu cụ thể cho năm 2000. Đối với những công trình, sản phẩm mới, gối đầu cho giai đoạn sau chỉ nêu định hướng.

+ *Về đầu tư:* Phải bằng mọi biện pháp để giữ được tổng mức vốn đầu tư toàn xã hội nói chung, trong đó phần đầu tư từ nguồn ngân sách tập trung của Nhà nước ít nhất phải bằng (không được thấp hơn) hoặc phải cao hơn tổng mức vốn đầu tư của năm 1999.

Chính phủ cần xem xét để tiếp tục điều chỉnh cơ cấu đầu tư (cân nhắc rất kỹ việc quyết định đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng có vốn đầu tư lớn, xác định những ngành sản phẩm có hiệu quả, có sức cạnh tranh để tăng đầu tư), xem xét lại cơ chế, chính sách và tổ chức điều hành để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, quản lý để sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.

+ *Về quan hệ sản xuất:* Đối với doanh nghiệp: phải nghiên cứu để thống nhất và cụ thể hóa quan điểm doanh nghiệp

nhà nước giữ vai trò chủ đạo; đổi mới cơ chế, chính sách, tổ chức chỉ đạo điều hành để tạo ra được môi trường, điều kiện cho sự hoạt động năng động, sôi động của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Khắc phục hiện tượng mở rộng bao cấp cho các doanh nghiệp nhà nước. Nghiên cứu việc giao cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ cho các địa phương quản lý.

Triển khai nhanh, đồng bộ việc thực hiện *Luật doanh nghiệp* để khuyến khích sự phát triển của các loại hình doanh nghiệp tư nhân, tạo môi trường thuận lợi cho tư nhân. Đẩy nhanh việc thực hiện những biện pháp cụ thể để sắp xếp lại, cổ phần hóa, bán khoán cho thuê doanh nghiệp nhà nước để nâng cao chất lượng và hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, khắc phục tình trạng "hình sự hóa" các quan hệ kinh tế.

+ *Về thị trường:* Tiếp tục đẩy mạnh việc khai thác, mở rộng thị trường; coi trọng cả thị trường trong nước và ngoài nước.

+ *Về tài chính, tiền tệ:* Giữ mức bội chi ngân sách không quá 5% GDP. Chính phủ chuẩn bị phương án về việc tiếp tục điều chỉnh lãi suất vào thời điểm thích hợp, báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

+ *Về chỉ đạo điều hành:* Hết sức chú ý thực hiện các quyết định của Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) và Hội nghị Trung ương 7 về nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động cho nền kinh tế.

3. Trên cơ sở các ý kiến trên đây, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo gửi Thường vụ Bộ Chính trị trước ngày 23-10-1999 để kịp trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) theo quy chế quy định. Đồng thời, Chính phủ (có sự tham gia của Ban Kinh tế Trung ương) chỉ đạo chuẩn bị để sớm trình Bộ Chính trị những đề án lớn sau:

- Chiến lược tổng thể về hội nhập của nước ta vào kinh tế khu vực và thế giới.

- Đánh giá toàn diện về doanh nghiệp nhà nước và xây dựng chương trình đổi mới; sắp xếp lại, nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp nhà nước.

- Đánh giá toàn diện về hệ thống ngân hàng; xây dựng kế hoạch đổi mới, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động ngân hàng.

- Đánh giá về kinh tế hợp tác, hợp tác xã trong các lĩnh vực.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 67-QĐ/TW, ngày 20 tháng 10 năm 1999

Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII;
- Nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học lý luận chính trị trong giai đoạn mới,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

I- Chức năng, nhiệm vụ của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, là trung tâm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt trung, cao cấp, cán bộ khoa học lý luận chính trị của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội; là trung tâm quốc gia nghiên cứu

khoa học lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, nghiên cứu về khoa học chính trị, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ, đồng thời góp phần vào phát triển lý luận, tổng kết thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

1. *Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ*

a) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trung, cao cấp của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, về khoa học chính trị và lãnh đạo chính trị.

b) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học lý luận chính trị có trình độ đại học, sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ), nhằm cung cấp cán bộ nghiên cứu chủ chốt cho các cơ quan lãnh đạo và các viện nghiên cứu khoa học xã hội; đội ngũ giảng viên lý luận chính trị cho các trường đại học, cao đẳng, các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các trường bồi dưỡng cán bộ quản lý của các bộ, ngành và đoàn thể.

c) Đào tạo và bồi dưỡng ở bậc đại học, bậc sau đại học những cán bộ chủ chốt trên lĩnh vực báo chí, xuất bản, tuyên truyền.

d) Bồi dưỡng chuyên ngành cho cán bộ chủ chốt làm công tác tư tưởng, tổ chức, kiểm tra, dân vận, văn phòng, đối ngoại của Đảng.

đ) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ lý luận cho một số nước bạn, đảng bạn.

2. *Về nghiên cứu khoa học*

Nghiên cứu lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng; lịch sử, lý luận và thực tiễn

phong trào cách mạng Việt Nam; nghiên cứu phong trào cách mạng thế giới và các quan hệ quốc tế; nghiên cứu chính trị học nói chung.

3. *Chủ trì phối hợp với Học viện Hành chính quốc gia* nghiên cứu, hướng dẫn chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học cho các trường chính trị của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. *Chủ trì phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo và với Hội đồng Lý luận Trung ương,* chỉ đạo tổ chức biên soạn giáo trình, đổi mới nội dung chương trình học tập về các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng.

5. *Hướng dẫn nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng* ở các địa phương và các bộ, ban, ngành Trung ương.

6. *Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học* với các nước, các đảng cộng sản và phong trào cách mạng, các đảng cánh tả trên thế giới.

7. *Tổ chức nghiên cứu tổng kết và thông tin những vấn đề lý luận*, thực tiễn trong nước và quốc tế, những kết quả nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

II- Tổ chức bộ máy của Học viện

- Học viện có Trung tâm Học viện và 4 Phân viện.

- Lãnh đạo Học viện và các Phân viện có Giám đốc và các Phó Giám đốc.

- Ở Trung tâm Học viện có các viện, khoa, ban, trung tâm, tạp chí và Văn phòng trực thuộc Giám đốc Học viện.

- Ở các Phân viện có các khoa, bộ môn, phòng, tạp chí.

- Việc thành lập, sáp nhập, giải thể các tổ chức trực thuộc Học viện và Trung tâm Học viện do Thường vụ Bộ Chính trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Học viện và ý kiến thẩm định của Ban Tổ chức Trung ương.

Việc thành lập, sáp nhập, giải thể các tổ chức trực thuộc các Phân viện do Giám đốc Học viện quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Phân viện.

III- Về tài chính và cơ sở vật chất

Chính phủ bố trí ngân sách cho Học viện theo quy định của *Luật ngân sách* trên cơ sở đề nghị của Học viện và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương là đầu mối phân bổ đầu tư, quản lý ngân sách của Học viện và các Phân viện.

IV- Quan hệ giữa Học viện với các ban của Đảng, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các bộ, ngành, các cấp ủy địa phương, các Phân viện, Thường vụ Bộ Chính trị có hướng dẫn riêng.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các ban, ngành có liên quan và các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 06-TT/TW, ngày 20 tháng 10 năm 1999

Hướng dẫn thi hành Quyết định số 67-QĐ/TW ngày 20-10-1999 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Nhằm thực hiện phân cấp quản lý giữa Trung tâm Học viện và các Phân viện thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; nhiệm vụ của các ban, ngành Trung ương và các cấp ủy địa phương, được xác định trong Quyết định số 67-QĐ/TW ngày 20 tháng 10 năm 1999 của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị hướng dẫn việc thực hiện Quyết định nói trên như sau:

I- QUAN HỆ GIỮA TRUNG TÂM HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC PHÂN VIỆN

1. Về đối tượng đào tạo, bồi dưỡng

a) Tại cơ sở Trung tâm của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- Đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trung, cao cấp trong diện quy hoạch cho cấp tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương, các ban, ngành Trung ương của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Các đối tượng này khi vào học đã có một bằng đại học. Sau hai năm học khi tốt nghiệp được cấp bằng đại học thứ hai - bằng đại học chính trị.

- Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trung, cao cấp đương chức cho các tỉnh, thành, các ban, ngành Trung ương của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và các doanh nghiệp, trường đại học và bệnh viện lớn.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lý luận ở bậc sau đại học.

- Đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ lý luận cho một số nước bạn, đảng bạn.

b) Phân viện Hà Nội, Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh, Phân viện Đà Nẵng có nhiệm vụ

- Đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt đương nhiệm và trong diện quy hoạch cấp huyện, quận, thị, các ban, ngành Trung ương, tỉnh, thành và các doanh nghiệp nhà nước ngoài diện do Trung tâm Học viện phụ trách.

Các đối tượng này đã qua thực tiễn lãnh đạo và quản lý, khi vào học phải có một bằng đại học, khi tốt nghiệp khoá hai năm được cấp bằng đại học chính trị.

- Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt đương chức thuộc các diện trên.

- Bồi dưỡng theo chuyên ngành cho cán bộ các ban làm công tác xây dựng Đảng của huyện ủy, quận ủy, cán bộ tổ chức, kiểm tra của các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa phương; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc cấp tỉnh và huyện.

c) Phân viện Báo chí - Tuyên truyền có nhiệm vụ

Đào tạo và bồi dưỡng ở bậc đại học, sau đại học những cán bộ chủ chốt trên lĩnh vực báo chí, xuất bản, tuyên truyền,

xã hội học; đào tạo giảng viên bậc đại học các chuyên ngành lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Học viện chỉ đạo chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy và phương hướng hoạt động khoa học và quản lý nghiên cứu khoa học đối với các Phân viện.

3. Về quản lý cán bộ

- Ban Giám đốc Học viện quản lý: Ban Giám đốc các Phân viện, trưởng các khoa, bộ môn, tạp chí, trưởng phòng, giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ, giảng viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp ở các Phân viện.

- Ban Giám đốc Phân viện quản lý cán bộ, công chức trong diện còn lại ở các Phân viện.

4. Cơ sở vật chất

Các Phân viện là đầu mối trực tiếp với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

II- NHIỆM VỤ CÁC BAN CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

1. Ban Tổ chức Trung ương

- Phối hợp với Trung tâm Học viện và các Phân viện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức chiêu sinh đúng đối tượng đã quy định.

- Phối hợp với Trung tâm Học viện, các Phân viện trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình học tập chuyên ngành về công tác tổ chức cán bộ.

- Chủ trì phối hợp với Học viện trong việc xây dựng quy hoạch và quy trình đề bạt cán bộ lãnh đạo Học viện thuộc diện Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị quản lý.

- Chủ trì phối hợp với Học viện nghiên cứu, đề xuất chế độ, chính sách đối với cán bộ đến học tập tại Trung tâm Học viện và các Phân viện, trình Thường vụ Bộ Chính trị và Bộ Chính trị.

- Duyệt biên chế hằng năm của Trung tâm Học viện và các Phân viện.

- Hướng dẫn Trung tâm Học viện và các Phân viện thực hiện các chế độ, chính sách cán bộ của Đảng, Nhà nước.

2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

- Giúp Bộ Chính trị kiểm tra về mặt tư tưởng chính trị qua nội dung giảng dạy, bảo đảm đúng quan điểm, đường lối của Đảng.

- Thông báo thường xuyên cho cán bộ, học viên các lớp ở Trung tâm Học viện và các Phân viện về thời sự, chính sách.

- Phối hợp với Học viện trong việc tuyển sinh, trong xây dựng chương trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học về chuyên ngành tuyên truyền - báo chí - xuất bản cho Phân viện Báo chí và Tuyên truyền.

3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp phát và quản lý ngân sách do Nhà nước phân bổ cho Học viện và các Phân viện. Quản lý cơ sở vật chất của Học viện và các Phân viện.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường giúp Chính phủ xét duyệt dự trù ngân sách nhà nước cho Học viện và các Phân viện qua Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quản lý các hệ đào tạo theo quy chế của Nhà nước và phù hợp với mục tiêu của trường đảng.

4. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Chủ trì phối hợp với Trung tâm Học viện, các Phân viện (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng) trong xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình học tập chuyên ngành công tác kiểm tra.

5. Ban Đối ngoại Trung ương

Chủ trì phối hợp với Trung tâm Học viện và các Phân viện về phương hướng, kế hoạch mở rộng quan hệ quốc tế với các nước, các Đảng trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học. Phối hợp với Trung tâm Học viện mở các lớp bồi dưỡng về công tác đối ngoại.

6. Văn phòng Trung ương Đảng

- Phối hợp với Trung tâm Học viện và Phân viện Báo chí và Tuyên truyền về kế hoạch và nội dung đào tạo, bồi dưỡng (từ 3 tháng trở lên) với cán bộ văn phòng cấp ủy.

- Cung cấp các văn kiện, chỉ thị, nghị quyết, tài liệu cần thiết cho Trung tâm Học viện và các Phân viện.

7. Ban cán sự đảng các bộ, ban, ngành ở Trung ương và cấp ủy các địa phương

Các đảng đoàn, ban cán sự đảng các bộ, ngành của

Trung ương, các cấp ủy địa phương theo chức năng của mình có trách nhiệm phối hợp tạo điều kiện cho Trung tâm Học viện và các Phân viện hoàn thành nhiệm vụ.

8. Ban Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Văn phòng Trung ương, các ban cán sự đảng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổng cục, các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương thực hiện Thông tri này.

Thông tri này thay thế Thông tri số 06-TT/TW ngày 1-2-1994 của Ban Bí thư.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 68-QĐ/TW, ngày 21 tháng 10 năm 1999

Về việc thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp cao

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII);

- Căn cứ Quyết định số 49-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Để thực hiện một số chế độ, chính sách phục vụ công tác và sinh hoạt đối với cán bộ cấp cao,

BỘ CHÍNH TRỊ QUY ĐỊNH:

I- CÁN BỘ CAO CẤP ÁP DỤNG TRONG QUY ĐỊNH NÀY GỒM CÁC CHỨC DANH SAU

1. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.

2. Ủy viên Bộ Chính trị.

3. Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

II- CÁC CHỨC DANH NÊU TRÊN ĐƯỢC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH NHƯ SAU

1. Chế độ tiền lương và phụ cấp

- Cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước giữ chức vụ gì thì hưởng lương và các chế độ theo chức vụ đó. Khi thay đổi chức vụ thì xếp lương và hưởng các chế độ của chức vụ mới được giao.

- Một người đảm nhận nhiều chức vụ thì được hưởng lương của chức vụ có mức lương cao nhất.

2. Chế độ nhà ở

- Các chức danh nêu ở điểm 1, mục I của Quy định này, trong thời gian đảm nhiệm chức vụ được bố trí nhà biệt thự công vụ và thực hiện một khoản trợ cấp thường xuyên hằng tháng để bảo đảm chi phí về điện, nước... khi thôi giữ chức vụ được sắp xếp nhà ở phù hợp với tiêu chuẩn quy định.

- Các chức danh nêu ở điểm 2, 3, mục I của Quy định này nói chung được bố trí nhà ở phù hợp với tiêu chuẩn quy định, cụ thể là:

+ Cán bộ cấp cao hiện có nhà ở được cấp trước đây phù hợp với tiêu chuẩn diện tích quy định chung của Nhà nước thì giữ nguyên. Trường hợp đang ở nhà thuộc sở hữu nhà nước

diện tích chật hẹp, không bảo đảm điều kiện sinh hoạt thì bố trí thêm diện tích ở hoặc sắp xếp để được chuyển đến diện tích nhà ở phù hợp.

+ Các cơ quan chức năng có kế hoạch xây dựng và quản lý nhà công vụ, cư xá, nhà cho thuê để cán bộ cấp cao điều động về cơ quan Trung ương công tác được bố trí nhà ở phù hợp.

3. Chế độ người giúp việc và phục vụ

- Đối với các chức danh Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội được bố trí từ 1 đến 5 trợ lý và thư ký giúp việc, 2 người phục vụ, 1 lái xe, 1 bác sĩ theo dõi sức khỏe, 1 sĩ quan bảo vệ tiếp cận.

- Đối với Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương hiện có các trợ lý, thư ký, người phục vụ, lái xe, bác sĩ theo dõi sức khỏe; nếu cần thay đổi, bổ sung thì do đồng chí Cố vấn đề xuất, Ban Tổ chức Trung ương trình Thường vụ Bộ Chính trị xem xét quyết định.

- Đối với các chức danh Ủy viên Bộ Chính trị, bố trí từ 1 đến 2 thư ký giúp việc, 1 lái xe, 2 người phục vụ, 1 sĩ quan bảo vệ tiếp cận.

- Đối với các chức danh nêu ở điểm 3, mục I của Quy định này được bố trí 1 thư ký, 1 lái xe, 1 người phục vụ.

Riêng đối với người phục vụ các chức danh nêu trên, nếu gia đình tự phục vụ thì thực hiện một khoản trợ cấp thường xuyên là 500.000 đồng/tháng.

4. Phương tiện đi lại

a) Chế độ, tiêu chuẩn định mức sử dụng ôtô con

- Đối với các chức danh nêu ở điểm 1, mục I của Quy định

này được sử dụng thường xuyên 1 xe ôtô con (cả khi thôi giữ chức vụ).

- Đối với các chức danh nêu ở điểm 2, 3, mục I được sử dụng thường xuyên 1 xe ôtô con trong thời gian công tác.

b) Chế độ đi công tác bằng máy bay và các phương tiện giao thông khác

- Đối với các chức danh nêu ở điểm 1, mục I của Quy định này, khi đi công tác bằng máy bay thì thuê khoang riêng, trường hợp đặc biệt thì đi chuyên cơ.

- Đối với các chức danh nêu ở điểm 2, 3, mục I của Quy định này, khi đi công tác bằng máy bay thì mua vé hạng nhất, trường hợp đặc biệt thì thuê khoang riêng.

Các cán bộ đi cùng thì mua vé máy bay như quy định đối với cán bộ, công chức.

Trường hợp cán bộ cấp cao đi công tác bằng phương tiện giao thông khác (ôtô công cộng, tàu thủy, tàu hỏa...) thì do cơ quan nơi cán bộ cấp cao công tác sắp xếp.

5. Chế độ thông tin, điện thoại

a) Về chế độ thông tin

Cơ quan nơi cán bộ cấp cao công tác chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, báo chí, tài liệu có liên quan đến công việc do từng đồng chí phụ trách.

b) Về điện thoại nhà riêng

- Đối với các chức danh nêu ở điểm 1, 2, mục I của Quy định này được lắp đặt 2 máy điện thoại tại nhà.

- Đối với các chức danh nêu ở điểm 3, mục I của Quy định này được lắp đặt 1 máy điện thoại tại nhà.

- Thực hiện thống nhất việc khoán tiền sử dụng điện

thoại tại nhà riêng đối với các chức danh nêu trên theo quy định của Chính phủ.

6. Chế độ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe

- Các cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước đăng ký khám chữa bệnh hoặc điều trị ở bệnh viện, cơ sở y tế nào thì tiếp tục khám, điều trị ở bệnh viện, cơ sở y tế đó. Tiêu chuẩn, chế độ khám chữa bệnh trước mắt thực hiện theo quy định hiện hành, cụ thể là:

+ Việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe thường xuyên đối với cán bộ cấp cao do Hội đồng Bảo vệ sức khỏe Trung ương và các bệnh viện sau đây chịu trách nhiệm: Bệnh viện Hữu Nghị, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 (ở Hà Nội), Bệnh viện Thống Nhất (ở Thành phố Hồ Chí Minh), Bệnh viện C (ở thành phố Đà Nẵng).

+ Đối với các cán bộ cấp cao công tác và cư trú ở địa phương thì do ban bảo vệ sức khỏe của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm.

- Việc khám chữa bệnh ở nước ngoài đối với cán bộ cấp cao nói chung không đặt ra. Trường hợp đặc biệt, do điều kiện, phương tiện trong nước không bảo đảm chẩn đoán, điều trị được, cần phải gửi đi nước ngoài thì theo đề nghị của Hội đồng Bảo vệ sức khỏe Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương trình Thường vụ Bộ Chính trị xem xét quyết định.

7. Chế độ nghỉ dưỡng sức, trợ cấp bồi dưỡng thường xuyên, trợ cấp khó khăn đột xuất

a) Chế độ nghỉ dưỡng sức

Thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức hằng năm đối với các chức danh nêu ở điểm 1, 2, mục I của Quy định này.

Giao Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương cùng với các cơ quan liên quan xây dựng quy định cụ thể trình Thường vụ Bộ Chính trị quyết định.

b) Chế độ trợ cấp bồi dưỡng thường xuyên

Thực hiện chế độ trợ cấp bồi dưỡng thường xuyên (để bảo đảm mức ăn, sinh hoạt hằng ngày) đối với các chức danh nêu ở điểm 1, mục I của Quy định này với mức 900.000 đồng/tháng; đối với Ủy viên Bộ Chính trị trợ cấp với mức 600.000 đồng/tháng.

c) Chế độ trợ cấp khó khăn đột xuất

Đối với cán bộ cấp cao giữ các chức vụ nêu ở mục I của Quy định này, khi ốm đau kéo dài, tai nạn, gia đình có hoàn cảnh khó khăn thì được trợ cấp khó khăn đột xuất theo 3 mức: 1.000.000 đồng - 2.000.000 đồng và 3.000.000 đồng/lần.

8. Chế độ tiếp khách, tặng phẩm

Đối với các chức danh Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, hằng năm được cấp một khoản tiền để chi tiếp khách, chi mua tặng phẩm để tặng cá nhân, tập thể khi cần, đi thăm các cán bộ lão thành, gia đình có công với cách mạng...

Giao Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương trao đổi ý kiến với các cơ quan có liên quan xây dựng mức cụ thể trình Thường vụ Bộ Chính trị quyết định.

9. Chế độ nghỉ công tác, nghỉ hưu

- Đối với các cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945, giữ các chức vụ nêu ở

mục I của Quy định này, khi thôi giữ chức vụ thì cơ bản giữ nguyên tiền lương và một số chế độ đang hưởng.

- Đối với các cán bộ cấp cao tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1945 trở về sau, giữ các chức vụ nêu ở mục I của Quy định này, nếu đã nghỉ hưu thì cơ bản giữ nguyên một số chế độ đang hưởng; nếu còn đương chức và sẽ thôi giữ chức vụ, thì thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.

Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cán bộ cấp cao công tác, sinh hoạt ở cơ quan nào thì cơ quan đó trực tiếp chịu trách nhiệm và phối hợp với các cơ quan có liên quan để thực hiện Quy định này.

2. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện.

3. Quy định này thay thế các quy định trước đây và được thực hiện kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 258-TB/TW, ngày 22 tháng 10 năm 1999

Về triển khai thực hiện thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hộ sản xuất nông nghiệp có thu nhập cao

Ngày 19-10-1999, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về tình hình triển khai thực hiện thuế *Thu nhập doanh nghiệp đối với hộ gia đình và cá nhân sản xuất hàng hóa lớn có thu nhập cao,* Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Chủ trương thu thuế đối với hộ nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn có thu nhập cao là chủ trương đúng. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai luật thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các đối tượng này, Chính phủ và Bộ Tài chính chưa hướng dẫn rõ ràng các tiêu thức để xác định đối tượng nộp thuế, công tác tuyên truyền chưa được chú trọng đúng mức nên dẫn đến có một số dư luận không thuận trong xã hội về chủ trương này.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần chỉ đạo Bộ Tài chính *hướng dẫn rõ tiêu thức cụ thể xác định đối tượng nộp thuế là*

các hộ thuộc diện kinh doanh trong nông nghiệp, các trang trại tư nhân có đầu tư vốn, diện tích đất rộng, thuê lao động có sản phẩm hàng hóa lớn và có lãi cao. Trước mắt chưa nên áp dụng mức thuế suất thông thường 32% như trong các doanh nghiệp mà nên xem xét để vận dụng tạm thời mức thuế suất 15% như đối với một số lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài. Phải tổ chức chuẩn bị kỹ việc hướng dẫn, phối hợp chu đáo giữa các cơ quan trong công tác tuyên truyền vận động trước khi thực hiện chủ trương này.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 262-TB/TW, ngày 6 tháng 11 năm 1999

Về kế hoạch tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế

Ngày 28 tháng 10 năm 1999, Bộ Chính trị đã nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ và một số bộ, ngành trình bày các nội dung của dự thảo Báo cáo kế hoạch tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế. Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa với tinh thần Việt Nam muốn làm bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, và chủ trương hội nhập với khu vực và thế giới đã được đề ra một cách nhất quán trong Văn kiện Đại hội VII, Đại hội VIII và được cụ thể hóa trong nhiều Nghị quyết của Trung ương như Nghị quyết 01-NQ/TW, ngày 18-11-1996 của Bộ Chính trị về mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại 5 năm 1996 - 2000, Nghị quyết 04-NQ/HNTW của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII), ngày 29-12-1997 về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Để tiếp tục thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới, góp phần tích cực vào phát triển nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến đổi nhanh chóng phức tạp, Bộ Chính trị giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan tiến hành tổng kết đánh giá hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian đổi mới vừa qua, nhất là thời kỳ từ sau Đại hội VIII đến nay.

- Trong quá trình tổng kết cần căn cứ vào những chủ trương lớn đã nêu trong các nghị quyết của Đảng về vấn đề này, làm rõ những mặt được và chưa được; tìm ra các nguyên nhân, phân tích tác động qua lại giữa mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế với các vấn đề kinh tế - xã hội khác. Trên cơ sở tổng kết, đề xuất các phương hướng giải pháp, bước đi thích hợp để chủ động thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn tới, bảo đảm và nâng cao hiệu quả của hội nhập. Cần chú ý gắn quá trình hội nhập với việc đổi mới cơ cấu kinh tế, xây dựng chiến lược phát triển những ngành kinh tế, những mặt hàng ta có lợi thế nhằm ngày càng nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Trên cơ sở báo cáo tổng kết về hội nhập kinh tế quốc tế, Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình để Bộ Chính trị xem xét ra nghị quyết về hội nhập kinh tế quốc tế trong tháng 12 năm 1999.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

ĐỀ CƯƠNG
PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII*

Ngày 4 tháng 11 năm 1999

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương,
Thưa các đồng chí dự Hội nghị,

Theo chương trình, nội dung Hội nghị Trung ương lần này gồm ba vấn đề:

- Kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999, quyết định mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng, giải pháp chủ yếu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và thu chi ngân sách nhà nước năm 2000.

- Cho ý kiến về định hướng nội dung các văn kiện trình Đại hội IX: Báo cáo chính trị, báo cáo kinh tế - xã hội, báo cáo

---

* Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 4 đến ngày 11-11-1999 *(B.T)*.

sửa đổi Điều lệ Đảng, báo cáo về nhân sự; trong đó Báo cáo chính trị là trung tâm.

- Bộ Chính trị báo cáo kết quả và những vấn đề rút ra qua kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của một số cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương.

Đến ngày 1-11-1999 đã có trên 20 cấp ủy và tổ chức đảng (ở Trung ương và cấp tỉnh, thành) thực hiện xong việc kiểm điểm chung của cấp ủy và từng cá nhân cấp ủy viên, "có nơi mới xong phần chung, còn cá nhân chưa làm".

Cả ba nội dung nói trên đều quan trọng và có liên quan chặt chẽ với nhau, có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trước mắt cũng như những mục tiêu cách mạng lâu dài của Đảng.

Về kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2000:

a) Năm 2000 là năm cuối cùng thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (1991 - 2000) và kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) do Đại hội VII và Đại hội VIII đề ra, do đó *khi đánh giá không thể chỉ tách riêng tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999 mà cần rà soát, đối chiếu lại các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đã đề ra trong chiến lược 10 năm và kế hoạch 5 năm để đánh giá xem những mục tiêu, nhiệm vụ nào đã đạt và vượt; mục tiêu, nhiệm vụ nào có khả năng đạt; mục tiêu, nhiệm vụ nào không thể đạt.*

Mặt khác, điều quan trọng là việc xem xét, đánh giá lần này *phải đặt trong bối cảnh từ cuối năm 1997 đến nay nền*

kinh tế nước ta bị tác động, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế châu Á (đây là điểm hoàn toàn khác với thời điểm năm 1991 - 1995) để *làm rõ bản chất của tình hình, thấy rõ mức độ ảnh hưởng của mỗi yếu tố khách quan, chủ quan* đến nhịp độ phát triển kinh tế. Cụ thể cần xem xét trên mấy khía cạnh:

- Từ sau năm 1996 đến nay, tốc độ tăng trưởng kinh tế của ta hằng năm giảm dần: năm 1996 GDP tăng 9,3%, 1997 chỉ tăng 8,2%, 1998 xuống 5,8%, 1999 xuống 4,7 - 5%. Vấn đề cần làm rõ là sự giảm sút này do tác động khách quan đến đâu? Như khủng hoảng kinh tế khu vực đến mức nào, trên những khía cạnh và lĩnh vực nào là chính? Do tác động của những yếu tố chủ quan trong nước đến đâu? Vì sao trong khi kinh tế các nước bị khủng hoảng, kể cả các nước bị khủng hoảng nặng nề (như Thái Lan, Hàn Quốc...) đã phục hồi trở lại, còn kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục trên đà sút giảm? Giả sử nếu không có khủng hoảng kinh tế thì chúng ta có tiếp tục giữ được đà phát triển như thời kỳ 1991 - 1995 hay không? Có vấn đề gì về chủ trương, đường lối, chính sách hoặc về tổ chức thực hiện, tổ chức điều hành (tức là những yếu tố chủ quan) cần được làm rõ?

- Để chủ động hạn chế tác động của khủng hoảng, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách (Trung ương ra Nghị quyết 04 về phát huy nội lực, Nghị quyết 6 (lần 1) nhấn mạnh chủ trương "kích cầu", Bộ Chính trị ra Nghị quyết về phát triển nông nghiệp và nông thôn... Chính phủ ban hành các nghị định về khuyến khích đầu tư nước ngoài, khuyến khích xuất khẩu, "kích cầu"..., Quốc hội ban hành các

luật thuế mới, *Luật doanh nghiệp*, luật khuyến khích đầu tư trong nước...).

Việc thực hiện các chủ trương, chính sách này *đã mang lại một số kết quả:* (giữ ổn định nền kinh tế, nhất là ổn định tài chính - tiền tệ, tạo bước phát triển mới trong nông nghiệp, khôi phục dần nhịp độ tăng xuất khẩu, cải thiện các cân đối vĩ mô, đảm bảo kế hoạch thu chi ngân sách, v.v..). *Nhưng điều quan trọng là làm rõ những vấn đề khó khăn vướng mắc và nguyên nhân của nó,* chẳng hạn:

+ Vì sao đã nhiều năm đặt mạnh vấn đề phát huy nội lực để tăng đầu tư phát triển nhưng tốc độ tăng vốn đầu tư toàn xã hội lại có xu hướng giảm dần, tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách, tỷ lệ vốn đầu tư từ ngân sách không tăng hoặc cũng giảm (năm 1996 thu ngân sách chiếm 22,9% GDP, 1998: 20,5%, 1999: 18,6%), vốn huy động vào ngân hàng bị ứ đọng không cho vay được? Cân đối giữa tích lũy và tiêu dùng có gì chưa hợp lý? Tình hình tệ nạn xã hội không giảm...

+ Vì sao từ Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) đã có chủ trương "kích cầu" nhưng từ đầu năm 1999 đến nay giá cả lại liên tục giảm, tháng 10 (0,9%) khó mà ở mức 2%, nền kinh tế kém sôi động trở lại được mà còn có biểu hiện trì trệ, có lĩnh vực trì trệ hơn trước? Phải chăng vì nội dung "kích cầu" còn thiếu đồng bộ với các chính sách khác, vì tổ chức thực hiện chậm, hay vì chính sách tiền tệ vẫn còn bị "thắt chặt" không phù hợp với yêu cầu xử lý *tình trạng thiểu phát của nền kinh tế?* (thiểu phát có ảnh hưởng không?).

+ Vì sao đã ban hành nhiều chính sách mới về đầu tư trong nước và nước ngoài nhưng hiệu quả đầu tư nhiều công trình

trong nước rất thấp, kết quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài vẫn thấp hơn nhiều so với các năm trước? Phải chăng những giải pháp đó vẫn chưa đủ sức hấp dẫn, hay còn nhiều những nguyên nhân nào khác?

+ Vì sao những quan điểm, chủ trương lớn về kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác và kinh tế tư nhân đã được khẳng định và nhiều lần đề cập, luật pháp về các lĩnh vực này cũng đã được ban hành tương đối đồng bộ nhưng kinh tế nhà nước vẫn giảm dần, hiệu quả thấp, kinh tế hợp tác không được nhân rộng, kinh tế tư nhân có xu hướng phát triển chậm lại? Có phải do việc cụ thể hóa chưa đủ mức, việc đánh giá thiếu chuẩn mực thống nhất (nhất là với kinh tế nhà nước), hay là do sai sót trong bản thân các chính sách vĩ mô của Nhà nước? Đó là bốn vấn đề gợi ra.

b) Trên cơ sở làm rõ bản chất của tình hình và những yếu tố chi phối, nhất là yếu tố chủ quan, *việc xác định các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch năm 2000 cần được xây dựng trên tinh thần phấn đấu đạt mức cao nhất, các mục tiêu, nhiệm vụ của chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm (1991 - 2000) và kế hoạch 5 năm (1996 - 2000)*. Đề nghị Trung ương căn cứ vào phương án đã nêu trong báo cáo của Chính phủ, Bộ Chính trị đã cho ý kiến để Trung ương cân nhắc và lựa chọn, nhưng điều quan trọng hơn là cần tập trung thảo luận, *làm rõ các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2000*, bao gồm:

- Các giải pháp để tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện các chủ trương đã đề ra trong các Nghị quyết Trung ương 4, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1, lần 2), Nghị quyết Trung ương 7 và Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- *Các giải pháp mới và mang tính đột phá* phù hợp với những diễn biến mới của nền kinh tế, đặc biệt là tình trạng thiểu phát đã xuất hiện và kéo dài từ đầu năm 1999 đến nay vẫn đang tiếp diễn; hàng hóa sản xuất ra không tiêu thụ được, tiền cũng ứ đọng trong ngân hàng nhưng các doanh nghiệp không dám vay; sức mua của xã hội giảm, làm ăn không sôi động, trì trệ (nguyên nhân?...).

Điều cần lưu ý là *những giải pháp này phải được cụ thể hóa và làm rõ đối với từng ngành, từng lĩnh vực, địa bàn chủ yếu*, kể cả một số ngành, lĩnh vực có bước phát triển khá như nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, xuất khẩu...

c) Với các nội dung gợi ý trên đây và các vấn đề khác thấy cần thiết, đề nghị *mỗi đồng chí Trung ương trên cương vị công tác của mình nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình, tính chiến đấu trong sinh hoạt đảng*, với thái độ nhìn nhận khách quan, đề cập thẳng thắn, trực diện vào những vấn đề cần thiết; thông qua đó tập trung và thể hiện được trí tuệ tập thể của Ban Chấp hành Trung ương tạo ra sức mạnh mới thúc đẩy tình hình phát triển kinh tế - xã hội với hiệu quả và chất lượng cao hơn.

(Chẳng hạn: các đồng chí Trung ương phụ trách các ngành kinh tế tổng hợp, hoặc phụ trách các cơ quan tư pháp cần nêu tác động của chính sách vĩ mô có làm trở ngại gì đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước? Các đồng chí Trung ương ở các tỉnh cần nêu trách nhiệm trong việc phát triển kinh tế hợp tác thế nào? Kinh tế nông nghiệp, nông thôn? Các đồng chí Trung ương phụ trách lĩnh vực tài chính - tiền tệ, chính sách thuế vụ cần rút kinh nghiệm gì trong việc chưa cân nhắc kỹ khi ban hành các quyết định dẫn đến phản ứng trong dư luận xã hội, v.v..).

Về định hướng chuẩn bị các văn kiện Đại hội IX:

- Để thảo luận phần này theo đúng mục đích và phạm vi đặt ra, đề nghị Trung ương cần lưu ý là *các bước chuẩn bị Văn kiện Đại hội IX có khác với các đại hội trước:*

Ở các đại hội trước, sau khi được Trung ương ra quyết định thành lập, các tiểu ban chủ động chuẩn bị (trong khoảng thời gian một năm), sau đó *trình luôn toàn văn dự thảo các văn kiện* với Bộ Chính trị để Bộ Chính trị trình Trung ương; *không có bước trình xin ý kiến Trung ương về định hướng chuẩn bị đề cương các văn kiện* như Trung ương đã quyết định tại Hội nghị lần thứ bảy vừa rồi.

Theo tinh thần đó, *mục đích và phạm vi trình Trung ương về định hướng nội dung chuẩn bị các văn kiện Đại hội IX tại Hội nghị Trung ương 8 lần này chủ yếu là cách đặt vấn đề về yêu cầu, những nội dung dự kiến sẽ đề cập* (trừ báo cáo về hướng chuẩn bị nhân sự do đặc điểm riêng nên nội dung sẽ trình Trung ương lần khác).

Đề nghị Trung ương căn cứ vào tinh thần và ý định trên để thảo luận, đóng góp ý kiến để các tiểu ban và Bộ Chính trị có cơ sở, căn cứ thống nhất để thiết kế bản dự thảo các văn kiện. Còn đối với nội dung, quan điểm đối với từng vấn đề, nhất là những vấn đề quan trọng thuộc đường lối đang có nhận thức khác nhau hoặc đang có mắc mứu trong thực hiện, sau Hội nghị này, căn cứ vào ý kiến Trung ương, các tiểu ban sẽ tiến hành tổ chức tổng kết thực tiễn, dựng lên từng vấn đề để Trung ương thảo luận và có ý kiến bằng các hình thức phù hợp (*kể cả việc triệu tập họp Ban Chấp hành Trung ương đột xuất*) trước khi đưa vào dự thảo văn kiện.

- Một vấn đề quan trọng khác đề nghị Trung ương dành thời gian trao đổi trong khi thảo luận về định hướng chuẩn bị các văn kiện *là việc xác định chủ đề của Đại hội IX.*

Như trong bản báo cáo về định hướng chuẩn bị viết Báo cáo chính trị đã nêu: từ thời kỳ đổi mới đến nay, mỗi Đại hội của Đảng ta đều mang một chủ đề, đều đọng lại một dấu ấn lớn (Đại hội VI đưa ra đường lối đổi mới, Đại hội VII thông qua Cương lĩnh và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Đại hội VIII đánh dấu thời kỳ đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa). Vậy chủ đề của Đại hội IX sắp tới là gì? Trong báo cáo định hướng chuẩn bị viết Báo cáo chính trị đã nêu ra một số phương án xác định chủ đề gồm những yếu tố để lựa chọn và thể hiện, nhưng điều quan trọng hơn nữa là phải *làm rõ nhiệm vụ cốt lõi của Đại hội IX. Phải chăng đó là: trên cơ sở kết tinh, kế thừa những thành quả và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong 70 năm của thế kỷ XX, trong 15 năm đổi mới và 5 năm nhiệm kỳ Đại hội VIII để khẳng định tiếp tục bổ sung, cụ thể hóa, hoàn thiện thêm một bước Cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng và thể chế của Nhà nước.*

Đề nghị Trung ương dành thời gian thảo luận sâu để có nhận thức rõ và thống nhất về vấn đề này và theo đó các Tiểu ban bắt tay vào chuẩn bị (có tổng kết).

Về chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2):

Bộ Chính trị sẽ báo cáo Trung ương về tình hình triển khai thực hiện việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình và

những vấn đề rút ra được qua thực tiễn kiểm điểm và chuẩn bị kiểm điểm của hơn 90 cấp ủy và tổ chức đảng.

- Năm 2000 là năm có ý nghĩa rất quan trọng, năm cơ bản kết thúc cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng để sau đó đưa vào nhiệm vụ thường xuyên hằng năm, do đó *nhất thiết trong năm 2000 phải đạt được kết quả thực sự cả về hai mặt xây dựng và chỉnh đốn*, để tạo thuận lợi cho việc chuẩn bị Đại hội IX, vì nếu không thực hiện được việc này thì Đảng không thể trong sạch, vững mạnh, chất lượng bộ máy nhà nước cũng không được nâng cao, những căn bệnh đã được chỉ ra nhưng không được chữa trị, và như vậy thì sẽ mất hẳn lòng tin của nhân dân với Đảng, việc tổ chức Đại hội IX cũng sẽ giảm nhiều ý nghĩa.

Điều cần lưu ý là: trong khi toàn Đảng đang thực hiện việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, nhân dân hăng hái góp ý kiến xây dựng Đảng, bên cạnh một số tập thể và cá nhân làm tốt, tạo được sự chuyển biến, cũng còn không ít cấp ủy và cá nhân cấp ủy viên tinh thần tự giác trong tự phê bình chưa cao, còn xuê xoa, thậm chí vẫn còn có những trường hợp tiếp tục vi phạm đạo đức, lối sống, cố tình không thực hiện nghị quyết của Đảng. Không tự giác với khuyết điểm, lẩn tránh khuyết điểm và bằng cách này hay cách khác tiếp tục tham nhũng, quan liêu, chạy chức, tranh quyền ngay kỳ bầu cử hội đồng nhân dân ba cấp đang diễn ra hiện nay.

+ Nếu chỉ kiểm điểm, tự phê bình và phê bình chung chung, ngay cả việc xử lý kỷ luật đối với những vụ vi phạm vừa qua nếu không làm nghiêm, rõ ràng, công minh, đúng

tinh thần xây dựng, chỉnh đốn Đảng thì làm sao Đảng mạnh, bộ máy Nhà nước mạnh được? Vừa qua chúng ta đã bỏ qua hoặc xử lý không đúng mức, không nghiêm nhiều trường hợp khiến trong Đảng, trong dân bất bình, nghi ngờ nội bộ có sự bao che cho nhau, dung túng cho những người tiêu cực từ cấp Trung ương và cấp tỉnh. Toàn Đảng, toàn dân đang chờ thái độ của Trung ương ở Hội nghị này đối với các vụ việc đó. Tại Hội nghị này, Bộ Chính trị sẽ trình Trung ương *xem xét kỷ luật về trách nhiệm người phụ trách các cấp, các ngành trong thực hiện nguyên tắc quản lý nhà nước, nếu không sẽ ảnh hưởng không những trước mắt mà còn gây trở ngại về sau cho cả đoạn đường rất dài trong thế kỷ tới và khó mà giữ được vai trò lãnh đạo của Đảng, nếu Đảng và bộ máy nhà nước không trong sạch.*

Thưa các đồng chí,

Năm 2000 là năm có ý nghĩa lịch sử, năm kết thúc thế kỷ XX, bước sang thế kỷ XXI, năm Đảng ta chuẩn bị toàn diện và cơ bản cho việc tổ chức Đại hội IX.

Với ý nghĩa lớn lao và trọng đại đó, nên cả ba nội dung mà Bộ Chính trị trình Trung ương lần này đều rất quan trọng, rất cần thiết và cả ba nội dung ấy quan hệ mật thiết với nhau: thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2000 (cũng tức là mục tiêu kinh tế - xã hội 10 năm và kế hoạch 5 năm) sẽ có tác động tích cực đến việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng và ngược lại. Nền kinh tế sôi động lên với những thành tựu mới, cùng với những kết quả rõ rệt của xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chắc chắn sẽ đem lại sinh khí mới của

đất nước ta kết thúc thế kỷ XX và tư thế vững vàng đi vào những năm đầu của thế kỷ XXI và đó cũng chính là tạo cơ sở và tiền đề cho việc chuẩn bị tổ chức thành công Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Theo tinh thần và ý nghĩa nói trên, đề nghị các đồng chí Trung ương đề cao dân chủ để thảo luận, tranh luận, để có những kết luận đúng về đánh giá tình hình, những sáng kiến mới, những biện pháp hay, thiết thực, đóng góp vào các quyết định quan trọng của Hội nghị lần này.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Số 126/TLHN, ngày 27 tháng 10 năm 1999

Về tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2000

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1999

Hội nghị lần thứ 6 (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã nhận định: "*Bước vào năm 1999, những thách thức và khó khăn của đất nước còn rất lớn, gay gắt và phức tạp do những yếu kém từ bên trong của nền kinh tế và những bất cập trong quản lý, điều hành; cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ dẫn đến suy thoái kinh tế ở một số nước trong khu vực có thể còn diễn biến phức tạp; khí hậu và thời tiết bất thường chưa thể lường hết được*".

Trên cơ sở đó, Hội nghị đã ra Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1999 với mục tiêu tổng quát là: "*Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; nhất là công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn, thực hiện có hiệu quả chương trình hành động theo Nghị quyết Trung ương 4; phát huy cao nhất nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân vượt khó khăn, thách thức, giữ vững ổn định kinh tế - xã hội, tập trung phát triển các ngành, các lĩnh vực, các sản phẩm có lợi thế, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo tiền đề cho bước phát triển tiếp theo*".

Tư tưởng chỉ đạo trong việc xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch năm 1999 được Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) khẳng định là quán triệt nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bám sát định hướng của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000, chặn đà suy giảm nhịp độ tăng trưởng kinh tế; tiếp tục đổi mới đồng bộ hơn về chính sách, thể chế để củng cố và tăng cường kinh tế nhà nước, giải phóng và phát huy mọi lực lượng, mọi tiềm năng, tạo bước đột phá trong việc khai thác các nguồn nội lực và nguồn lực bên ngoài, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế...

Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1999, Nghị quyết nêu rõ: tập trung sức cao hơn nữa cho nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cả trong nước và ngoài nước, coi trọng và kích thích tăng cầu thị trường nội địa; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, chú trọng các nguồn vốn trong nước; có giải pháp tích cực hơn làm lành mạnh nền tài chính quốc gia, triệt để

tiết kiệm tiêu dùng để tăng tích lũy; giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội; giải quyết có hiệu quả công cuộc cải cách hành chính; củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động khu vực kinh tế nhà nước; thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh.

Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 4 đã ra Nghị quyết về nhiệm vụ năm 1999.

Quán triệt tinh thần đó, Chính phủ đã xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) và Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn, đồng thời chỉ đạo cho các ngành, các tỉnh, thành phố triển khai cụ thể hóa chương trình hành động của Chính phủ đến tận cơ sở.

Đối chiếu với nhiệm vụ và các giải pháp về kế hoạch năm 1999 được Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, lần thứ 6 (lần 1) và Nghị quyết của Quốc hội thông qua, căn cứ tình hình 10 tháng và sơ bộ dự báo các tháng còn lại, có thể đánh giá những nét lớn việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1999 như sau:

1. Trong bối cảnh có nhiều khó khăn và yếu kém, chúng ta vẫn cố gắng duy trì được tăng trưởng kinh tế, sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, được mùa lớn, sản xuất công nghiệp trong một số lĩnh vực đạt kết quả khá. Tuy nhiên, chất lượng phát triển kinh tế còn thấp, một số sản phẩm tiêu thụ còn khó khăn, chưa chặn được tình trạng giảm dần tốc độ tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng GDP ước thực hiện cả năm khoảng 4,7 - 5% (kế hoạch là 5 - 6%). So với năm 1998 vẫn còn thấp

hơn khoảng 1%, nhưng khác với năm 1998, năm 1999 tình hình kinh tế diễn biến theo chiều hướng tích cực hơn: tháng sau khá hơn tháng trước, quý sau tốt hơn quý trước (quý I, GDP tăng 4,1%, quý II tăng 4,5%, quý III tăng 5%, quý IV dự báo có khả năng tăng trên 5% so với cùng kỳ, trong khi năm 1998 tình hình diễn biến ngược lại), đang tiến tới chặn được đà giảm sút.

- *Nổi bật nhất là sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, hầu hết các chỉ tiêu sản xuất chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch.* Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5,2 - 5,5% so với năm 1998, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Sản xuất lương thực cả vụ đông xuân lẫn vụ hè thu được mùa lớn, sản lượng thóc đạt 22,7 triệu tấn. Ước cả năm sản lượng lương thực có khả năng đạt trên 33,8 triệu tấn, cao nhất từ trước đến nay, tăng 2 triệu tấn so với năm 1998. Diện tích và sản lượng các loại cây công nghiệp như chè, cà phê, cao su, mía đường, cây ăn quả đều tăng. Chăn nuôi tiếp tục phát triển, đàn gia súc, gia cầm đều tăng, đặc biệt đàn bò sữa tăng khá. Ước cả năm, sản lượng thịt hơi các loại tăng gần 13 vạn tấn so với năm 1998.

Công tác trồng rừng, bảo vệ và chăm sóc rừng được triển khai thực hiện khá ở nhiều địa phương; rừng trồng tập trung ước thực hiện khoảng 20 vạn hécta, khoanh nuôi tái sinh gần 26 vạn hécta.

Ngành thủy sản có bước phát triển khá, ước cả năm, sản lượng thủy sản đạt 1,8 triệu tấn, tăng trên 2,4% so với năm 1998.

Nông nghiệp đạt kết quả cao, trước hết là do thời tiết năm nay khá thuận lợi, đồng thời nhờ triển khai Nghị quyết

của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn, thực hiện các chính sách vĩ mô hỗ trợ phát triển nông nghiệp, đầu tư cho nông nghiệp năm nay tăng khá cao, bằng hơn 2 lần so với năm ngoái. Nhiều mô hình sản xuất tốt ở nông thôn đã xuất hiện, số hộ nông dân làm ăn giỏi tăng đáng kể. Đời sống của nông dân ở nhiều vùng có được cải thiện.

- *Một số ngành công nghiệp phát triển khá,* nhiều chính sách về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đang được tiếp tục thực hiện: đối với các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm có thị trường tiêu thụ, các sản phẩm xuất khẩu đã tập trung hỗ trợ cho vay vốn đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị để phát triển tối đa; đối với một số ngành cơ khí, thì cho vay ưu đãi đầu tư để tổ chức lại sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, chiếm lĩnh thị trường nội địa. Đầu tư cho công nghiệp (chủ yếu là vốn tín dụng nhà nước, vốn của các doanh nghiệp nhà nước, vốn của dân và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài) năm 1999 chiếm gần 46% trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó đầu tư cho công nghiệp chế biến chiếm gần 13% vốn đầu tư toàn ngành.

Giá trị sản xuất công nghiệp ước cả năm tăng 10,3 - 10,5%, trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng khoảng 4,8%, khu vực dân doanh tăng khoảng 8,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 20%.

Một số sản phẩm công nghiệp quan trọng và các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu, có nhu cầu và có thị trường tiêu thụ, tăng khá như: sản xuất dầu thô tăng 20,5%; điện tăng 8,2%, thép tăng 11,8%, hàng dệt may tăng 12%, giày dép tăng 9%, xe đạp tăng 16,3%, động cơ điezen tăng 31%...

- *Kinh doanh dịch vụ* ở một số lĩnh vực đã có chuyển biến. Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách đã có nhiều cố gắng. Ước cả năm 1999, vận tải hàng hóa tăng 3,2% so với năm 1998; vận tải hành khách tăng 4,5%; doanh thu ngành bưu điện tăng 9,4%; ngành hàng không tăng 6,3%, ngành du lịch tăng 6,2% so với năm 1998.

Tuy nhiên, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, biểu hiện rõ nét nhất là chi phí sản xuất vật chất trong sản xuất và kinh doanh tăng cao: chi phí sản xuất vật chất toàn bộ các ngành kinh tế chiếm trong giá trị sản xuất từ 48% (năm 1996) tăng lên 50,5% (năm 1999), trong đó ngành công nghiệp từ 57% tăng lên 58,5%, ngành dịch vụ từ 28% tăng lên 35% làm cho giá trị tăng thêm (GDP) của các ngành, nhất là công nghiệp và dịch vụ đạt thấp (giá trị sản xuất công nghiệp tăng 10,3 - 10,5%, trong khi đó GDP của ngành này chỉ tăng khoảng 7,5 - 8,0%; giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng 3,5 - 3,8%, trong khi GDP của lĩnh vực này chỉ tăng khoảng 2,4 - 2,5%). Riêng khu vực nông nghiệp do được mùa, chi phí sản xuất vật chất trong đơn vị sản phẩm thấp nên giá trị tăng thêm đạt rất cao, khoảng 4,8 - 5,1%.

Vấn đề đáng lo ngại là chưa chặn được đà giảm sút nhịp độ tăng trưởng kinh tế: năm 1996 GDP tăng 9,3%; năm 1997 tăng 8,2%; năm 1998 tăng 5,8%; năm 1999 ước thực hiện khoảng 4,7 - 5%. Những yếu tố để ngăn chặn đà giảm sút và phục hồi nhịp độ tăng trưởng cao vẫn chưa đủ mạnh:

- Một số sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ còn khó khăn, nhiều sản phẩm Nhà nước phải trợ cấp dưới nhiều hình thức như bù lãi suất, bù giá mới có khả năng tiêu thụ được. Năng suất cây trồng, vật nuôi nói chung còn thấp, chỉ bằng 30 - 50%

so với các nước tiên tiến, tổn thất ở khâu thu hoạch vẫn còn cao. Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển biến chậm, sản xuất thuần nông vẫn là chủ yếu, chăn nuôi mới chiếm khoảng 20% trong giá trị sản lượng nông nghiệp so với mục tiêu năm 2000 là 30%. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho nông nghiệp và nông thôn nhiều nơi còn yếu kém chưa đáp ứng được việc chống đỡ trước những diễn biến phức tạp của hạn hán, bão lụt, dịch bệnh. Hệ thống quản lý ngành còn nhiều yếu kém, nhất là trong việc đảm bảo thực thi luật pháp về đất đai, nước, rừng, về quản lý chất lượng giống, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật và phân bón. Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn quá lớn, ngành nghề ở nông thôn chậm phát triển.

- Sản xuất công nghiệp vẫn còn nhiều tồn tại, khu vực doanh nghiệp không có vốn đầu tư nước ngoài, nhất là khối doanh nghiệp nhà nước tăng trưởng thấp và giảm dần, hiệu quả sản xuất toàn ngành còn kém, chỉ có khoảng 21% các doanh nghiệp nhà nước làm ăn khá, số còn lại bấp bênh, thậm chí có khoảng 15 - 20% có nguy cơ phá sản. Trừ một số doanh nghiệp công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có công nghệ khá và chất lượng sản phẩm tương đối cao, còn phần lớn công nghiệp có trang thiết bị và công nghệ lạc hậu so với các nước trong khu vực. Cơ cấu đầu tư không hợp lý, có một số ngành đầu tư quá nhiều, vượt quá nhu cầu cơ cấu sản phẩm chưa có sự chuyển biến đáng kể, sản phẩm công nghiệp xuất khẩu phần lớn là từ khai thác nguyên liệu, gia công, tỷ lệ công nghiệp chế tác thấp, hàm lượng kỹ thuật nhiều loại sản phẩm chưa đáng kể, không đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Việc chuyển đổi, điều chỉnh cơ cấu sản xuất, nâng cao hiệu quả, bảo đảm khả năng cạnh tranh để phát triển

theo lộ trình hội nhập AFTA và tham gia WTO triển khai chậm hoặc chưa được triển khai đến các cơ sở sản xuất.

- Mức sản xuất bình quân đầu người của nước ta còn thấp xa so với các nước trong khu vực, nhưng khả năng tiêu thụ hàng hóa trên thị trường nội địa khó khăn, do thu nhập của dân cư thấp, sức mua có khả năng thanh toán thấp hơn khả năng cung ứng hàng hóa trên thị trường. Các giải pháp kích cầu đầu tư và tiêu dùng mới triển khai, chưa phát huy tác dụng như mong muốn, làm cho thị trường kém sôi động, một số sản phẩm còn tồn đọng, dư thừa. Lưu chuyển hàng hóa bán lẻ đạt thấp, ước cả năm 1999 tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội tăng khoảng 2 - 3% so với năm 1998, là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm qua; ngành thương nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong lĩnh vực dịch vụ nhưng chỉ đạt mức tăng trưởng dưới 2% (nếu tính cả trượt giá trong lĩnh vực thương mại thì bị giảm so với năm trước), lĩnh vực kinh doanh khách sạn, nhà hàng cũng chỉ tăng 2 - 2,3% đã làm cho tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ (chiếm đến 41% GDP) đạt thấp. Trong dịch vụ vận tải, vận tải viễn dương kém phát triển, chiếm thị phần thấp.

2. Các cân đối kinh tế vĩ mô được duy trì, tạo điều kiện cho phát triển, hạn chế bớt đà giảm sút nhịp độ tăng trưởng

1- Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao hơn dự kiến kế hoạch, thu hẹp đáng kể chênh lệch xuất nhập khẩu, đây là một cố gắng lớn. Kim ngạch xuất khẩu ước cả năm 1999 đạt khoảng 10,7 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm 1998. Kim ngạch xuất khẩu tăng dần qua các quý, một mặt do kinh tế các

nước bạn hàng của ta trong khu vực đang dần ổn định và tăng trưởng, thị trường xuất khẩu được cải thiện, mặt khác giá xuất khẩu một số mặt hàng có nhích lên, đặc biệt là dầu thô, đồng thời, môi trường pháp lý khuyến khích hoạt động xuất, nhập khẩu đã hoàn thiện hơn.

Khối lượng một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực có mức tăng cao so với năm 1998 như: gạo tăng 12%, dầu thô 21%; hàng dệt may tăng 14%; giày dép tăng 31%; hàng thủy sản tăng 11%; hàng điện tử tăng 16%; cà phê tăng 9,9%; rau quả tăng 31%; hàng thủ công mỹ nghệ tăng 33%.

Kim ngạch nhập khẩu ước cả năm đạt 11,3 tỷ USD, giảm 2% so với năm 1998, trong đó các doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 8,4 tỷ USD, giảm 5,2%.

Các mặt hàng nhập khẩu tăng so với cùng kỳ là linh kiện điện tử; xăng dầu; phân bón; sợi dệt; thuốc trừ sâu và nguyên liệu; nguyên liệu và phụ liệu dệt may,... Các mặt hàng nhập khẩu giảm là phôi thép; ôtô nguyên chiếc; máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; các loại hóa chất,...

Ước cả năm 1999, nhập siêu khoảng 600 triệu USD, bằng 5,6% so với kim ngạch xuất khẩu, là mức thấp nhất trong nhiều năm qua, nhờ đó, cán cân thanh toán quốc tế cả năm có được cải thiện, bội thu khá.

Tuy nhiên, thị trường xuất khẩu đang trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, dễ bị thu hẹp do hàng hóa của ta kém chất lượng, tỷ lệ hàng xuất khẩu qua chế biến còn thấp; trong khi đó, giá xuất khẩu một số mặt hàng giảm, nhất là giá gạo làm cho giá trị kim ngạch xuất khẩu không cao.

2- Có tiến bộ mới trong huy động nội lực cho đầu tư phát triển. Năm 1999, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4

và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1), Chính phủ đã đề ra các giải pháp đồng bộ về kích cầu thông qua đầu tư, huy động nhiều nguồn vốn trong nước. Vốn đầu tư từ ngân sách và tín dụng nhà nước đã được bổ sung để bù đắp nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đang giảm sút; chủ yếu tập trung vào các công trình cần đẩy nhanh tiến độ trong các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, hỗ trợ cho các vùng nghèo, khó khăn. Nhờ đó tổng mức vốn đầu tư xã hội đỡ giảm sút (đạt 95% kế hoạch), vốn trong nước tăng 25% so với năm 1998.

Nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đã được tập trung đầu tư nhiều hơn cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển công nghiệp chế biến và các ngành công nghiệp then chốt, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, bưu điện, phát triển giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, văn hóa, xã hội. Riêng đầu tư phát triển thuộc ngân sách cho nông nghiệp và nông thôn năm 1999 (bao gồm cả bổ sung) gấp đôi năm 1998, giao thông tăng 66%, hạ tầng xã hội tăng trên 30%.

Năm 1999, Chính phủ đã rất cố gắng sắp xếp, bổ sung vốn cho miền núi, vùng khó khăn, vùng nghèo các chương trình quốc gia, nhất là chương trình xóa đói giảm nghèo đều cao hơn nhiều so với năm trước; riêng vốn ngân sách dành cho chương trình xóa đói giảm nghèo năm 1999 được bố trí vào khoảng 610 tỷ đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho 1.000 xã đặc biệt khó khăn là 410 tỷ đồng; đến giữa năm nguồn vốn ngân sách bổ sung thêm 100 tỷ đồng cho 198 xã ngoài các xã đặc biệt khó khăn ở vùng biên giới, hải đảo; bổ sung 100 tỷ đồng cho việc xây dựng hạ tầng các trung tâm

cụm xã và 50 tỷ đồng cho ngân hàng người nghèo, ngoài ra còn vốn của các chương trình kinh tế - xã hội khác thực hiện trên vùng nghèo, xã nghèo đã tăng thêm đáng kể nguồn lực thuộc mục tiêu của chương trình.

Đánh giá sơ bộ, tổng đầu tư xã hội ước thực hiện cả năm 1999 khoảng 105 nghìn tỷ đồng, trong đó nguồn vốn trong nước chiếm 67% tổng vốn, tăng 25% so với năm 1998, vốn ngoài nước (kể cả ODA và FDI) chiếm 33%. Đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước ước thực hiện khoảng 26,5 nghìn tỷ đồng, nếu so với phương án thông qua tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa X (tháng 10-1998 là 21 nghìn tỷ đồng) thì đạt 126,2%; nếu so với phương án bố trí kế hoạch đầu năm (đã có bổ sung thêm 3.000 tỷ đồng theo Nghị quyết của Quốc hội) thì đạt 108,3%; nhưng nếu so với mức vốn đầu tư có bổ sung thêm trong 6 tháng cuối năm thì chỉ đạt 95%, chủ yếu là do nguồn ODA giải ngân không đạt kế hoạch (nhưng chắc chắn sẽ được giải ngân trong thời gian tới); vốn tín dụng ước thực hiện 76,5% kế hoạch; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước thực hiện khoảng 76% so với dự kiến đầu năm.

- Từ đầu những năm 1990, đã có sự thay đổi quan trọng trong cơ cấu đầu tư từ nguồn vốn của Nhà nước: nguồn vốn ngân sách tập trung cho đầu tư xây dựng những dự án không thu hồi được vốn thuộc cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội; đối với những dự án sản xuất kinh doanh và cả những dự án cơ sở hạ tầng có thu hồi được vốn thì đầu tư theo hình thức tự vay, tự trả, Nhà nước hỗ trợ để doanh nghiệp vay vốn và áp dụng lãi suất ưu đãi; nhờ đó, việc sử dụng nguồn vốn của ngân sách và nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách đã hợp lý và có hiệu quả hơn.

Tính chung trong 4 năm (1996 - 1999), tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện (theo mặt bằng giá 1995) khoảng 29 tỷ USD, bằng 70% so với dự kiến kế hoạch 5 năm (1996 - 2000), trong đó, vốn ngân sách nhà nước chiếm khoảng 21%, vốn tín dụng nhà nước 15% (bao gồm cả phần Nhà nước vay của nước ngoài về cho vay lại), vốn của doanh nghiệp nhà nước 16%, vốn của khu vực dân cư và tư nhân 23%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 24%. Tỷ trọng vốn trong nước bình quân cả thời kỳ chiếm 59%, vốn nước ngoài 41% (theo dự kiến kế hoạch 5 năm thì vốn trong nước chiếm 51%, vốn nước ngoài chiếm 49%).

Kết quả đầu tư trong nhiều năm qua, nhất là việc cố gắng hoàn thành một số công trình chủ yếu trong 2 năm trở lại đây đã làm cho năng lực sản xuất một số ngành chủ yếu như điện, thép, ximăng, các ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến, các cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, thủy lợi, bưu chính viễn thông... tăng lên rõ rệt. So với nhu cầu tiêu dùng có khả năng thanh toán thì một số ngành năng lực sản xuất còn đang dư thừa, đó là khó khăn trước mắt nhưng lại là lợi thế lớn cho phát triển trong thời gian tới.

Một số tồn tại trong đầu tư phát triển:

- Tốc độ tăng vốn đầu tư toàn xã hội đang có xu hướng giảm dần, nguồn vốn đầu tư chưa đủ sức điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy những lợi thế của từng ngành, từng lĩnh vực, từng vùng, chưa tạo được khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

- Trong khi Chính phủ đã rất cố gắng tìm thêm nguồn vốn bổ sung cho đầu tư để xây dựng những công trình cấp bách và những công trình có thể đưa vào sử dụng trong

năm 2000, coi đây là giải pháp lớn nhằm tháo gỡ khó khăn cả trong sản xuất và trong đầu tư xây dựng cơ bản, nhưng việc triển khai thực hiện ở nhiều bộ, ngành, địa phương nhìn chung còn chậm, nhất là triển khai nguồn vốn tín dụng nhà nước.

Kích cầu đầu tư là chủ trương đúng, nhưng do mới được triển khai trong một thời gian ngắn, đầu tư lại phải tuân thủ các quy định về trình tự các bước tiến hành, nên cũng cần có thời gian để chủ trương này tác động vào nền kinh tế. Hơn nữa kích cầu đầu tư phải gắn với thị trường và giá cả, với đầu ra của sản phẩm nhưng các yếu tố này hiện nay chưa hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế thấp, giải ngân vốn ODA và nguồn vốn tín dụng chậm, đầu tư nước ngoài giảm sút; biểu hiện sự kém hấp dẫn trong môi trường đầu tư.

- Chất lượng các dự án thấp, tình trạng "vốn chờ dự án" còn nhiều, nhất là đối với nguồn vốn tín dụng. Điều đó có phần do lãi suất cho vay ưu đãi hiện nay chưa thật sự hấp dẫn đối với doanh nghiệp, bên cạnh đó, các thủ tục vay chậm cải tiến, nhất là việc bảo lãnh, thế chấp, thời gian thẩm định của các tổ chức cho vay kéo dài, thiếu các quy định cụ thể, rõ ràng, công khai,... mặt khác các doanh nghiệp đang trong quá trình sắp xếp lại, cần ổn định về tổ chức và các phương án sản xuất, nên nhu cầu vay hạn chế...

- Vấn đề dàn trải trong đầu tư tuy đã được khắc phục nhiều, nhưng vẫn còn phải tiếp tục điều chỉnh lại cho tập trung hơn. Từ năm 1998, Chính phủ đã có những biện pháp quyết liệt trong việc sắp xếp lại đầu tư, nhất là vốn đầu tư từ ngân sách. Tập trung nhiều hơn cho nông nghiệp và phát

triển kinh tế nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, tăng đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, tập trung vốn cho miền núi, cho chương trình xóa đói giảm nghèo, đầu tư cho 1.000 xã đặc biệt khó khăn... Số lượng các dự án đã giảm nhiều; riêng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, năm 1997 có khoảng 6.000 dự án được triển khai, năm 1998 giảm còn 5.000 dự án và năm 1999 chỉ còn khoảng 3.500 dự án, đó là một cố gắng đáng kể. Tuy vậy, nhìn tổng thể đầu tư vẫn chưa tập trung dứt điểm, kể cả nhiều công trình trọng điểm, quan trọng, làm cho hiệu quả sử dụng vốn đầu tư vừa thấp, vừa có xu hướng ngày càng giảm. Chưa chú trọng đúng mức đầu tư tăng năng lực sản xuất, đặc biệt là đối với các sản phẩm có thị trường tiêu thụ, nhất là sản phẩm xuất khẩu.

Việc chuyển đổi cơ cấu đầu tư đòi hỏi một mặt phải tiến hành kiên quyết trong một thời gian, không thể làm vội vàng, nhưng mặt khác phải thấy rằng tiến trình chuyển đổi này ở nước ta diễn ra chậm, thiếu kiên quyết.

3- Thu ngân sách có nhiều cố gắng

Tổng thu ngân sách nhà nước (bao gồm cả ghi thu) ước thực hiện 74,5 nghìn tỷ đồng; tổng thu cân đối ngân sách khoảng 69,5 nghìn tỷ đồng, đạt dự toán năm. Việc thông qua và đưa vào áp dụng lần đầu ở nước ta loại thuế VAT là một cố gắng lớn, bước đầu có những tác động tích cực trong một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

Tổng chi ngân sách (bao gồm cả ghi chi) ước đạt 94 nghìn tỷ đồng; tổng chi cân đối ngân sách 89,4 nghìn tỷ đồng (kể cả khoản đã bổ sung) đạt dự toán năm, bảo đảm được các khoản chi, nhất là chi đầu tư phát triển.

Bội chi ngân sách nhà nước bằng 4,9% GDP, giữ mức Quốc hội cho phép.

Tuy nhiên, điều cần lưu ý là, mấy năm gần đây tỷ lệ thu ngân sách có xu hướng giảm dần, năm 1996 thu ngân sách nhà nước (bao gồm cả ghi thu) bằng 22,9% GDP, đến năm 1998 bằng 20,5% GDP và năm 1999 bằng 18,6% GDP, còn thấp so với mục tiêu do Đại hội VIII đề ra (21 - 22%). Có tình trạng này, một mặt do quy mô kinh tế còn quá nhỏ bé, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, tỷ lệ thất thu trong khu vực doanh nghiệp dân doanh còn lớn nhưng mặt khác còn do thực hiện chủ trương khuyến khích để lại tái đầu tư, khuyến khích đầu tư trực tiếp, bồi dưỡng nguồn thu.

Do nguồn thu hạn chế nên chi đầu tư phát triển từ ngân sách chủ yếu còn phải dựa vào nguồn vốn vay trong nước và ngoài nước.

Một số biện pháp hỗ trợ tài chính còn mang dáng dấp "tái bao cấp", làm cho các doanh nghiệp còn ỷ lại, trông chờ. Việc áp dụng các sắc thuế mới, nhất là thuế VAT do một số thuế suất chưa hợp lý và còn tồn tại trong điều hành có gây ra những khó khăn nhất định đối với sản xuất kinh doanh. Mặc dù Chính phủ đã kịp thời xem xét đề ra các biện pháp tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, đồng thời kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết điều chỉnh thuế suất VAT một số mặt hàng cho phù hợp nhưng còn chậm, làm cho một số ngành sản xuất gặp khó khăn.

4- Trong lĩnh vực tiền tệ, tổng phương tiện thanh toán năm 1999 tăng 20% so với năm 1998; nguồn vốn huy động tăng 24,5% và dư nợ nền kinh tế tăng 12% so với năm 1998. Ngân hàng đã có những cố gắng trong việc điều hành linh hoạt

các công cụ chính sách tiền tệ như dự trữ bắt buộc, lãi suất, tỷ giá và quản lý ngoại hối,... góp phần tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, ổn định giá trị đồng tiền, gia tăng đáng kể dự trữ quốc gia.

Các hoạt động củng cố, chấn chỉnh hệ thống ngân hàng đã bước đầu được triển khai có kết quả, nâng cao một bước năng lực tài chính và chất lượng hoạt động các ngân hàng, trước hết là các ngân hàng thương mại quốc doanh.

Vấn đề tồn tại lớn nhất trong hoạt động tiền tệ là chất lượng tín dụng của hệ thống ngân hàng chưa được cải thiện, nợ quá hạn đến cuối tháng 7-1999 vẫn chiếm 7,2%, tuy có giảm 0,8% so với đầu năm nhưng vẫn cao hơn mức dự kiến là không quá 5%. Nếu tính cả các khoản nợ chưa thu được do nợ đã được khoanh, xóa nhưng chưa xử lý, nợ liên quan đến vụ án,... thì tổng mức nợ xấu của toàn hệ thống còn rất cao: 14,5%, tuy đã giảm 0,6% so với đầu năm. Bên cạnh số nợ quá hạn nói trên, một vấn đề đáng lo ngại là các khoản nợ xấu tiềm ẩn có thể trở thành nợ quá hạn của một số chương trình đầu tư mà khả năng thu hồi vốn không cao. Tính an toàn của nhiều tổ chức tín dụng, đặc biệt là các ngân hàng thương mại cổ phần còn thấp, ảnh hưởng đến an toàn chung của hệ thống.

5- Về giá cả: chỉ số giá tiêu dùng giảm liên tục từ tháng 3 đến nay. Chỉ số giá tháng 10 tiếp tục giảm đến 1% so với tháng 9 và giảm đến 0,8% so với tháng 12-1998. Tuy nhiên trong 11 nhóm hàng thì chỉ có lương thực giảm giá, còn lại 10 nhóm hàng khác, kể cả thực phẩm giá vẫn tăng bình quân khoảng 2,2 - 2,5%. Chỉ số giá cả hàng hóa và dịch vụ thấp và giảm liên tục là do nhiều nguyên nhân:

Trước hết và quan trọng nhất là năm nay, sản xuất nông nghiệp tăng khá, được mùa lớn, nhưng giá lương thực thế giới giảm mạnh, kéo theo giá lương thực trong nước giảm; trước tình hình đó, Chính phủ đã đưa ra nhiều giải pháp để hạn chế giảm giá lương thực như cho các doanh nghiệp vay vốn (không lãi) mua lương thực tạm trữ; tăng hạn ngạch xuất khẩu gạo; cho phép các doanh nghiệp được bán gạo trực tiếp, nếu tìm được thị trường; cho phép các doanh nghiệp xuất khẩu trả chậm lương thực cho một số nước... Tuy vậy, do nguồn lương thực hàng hóa dồi dào, nên giá lương thực trong 10 tháng qua giảm đến 10,5%, riêng 7 tháng từ tháng 3 đến tháng 10 giảm tới 14,4%.

Mặt khác, do khả năng thanh toán giảm, sức mua của dân cư bị thu hẹp, chi tiêu thường xuyên của ngân sách bị cắt giảm nhiều, các biện pháp kích cầu triển khai chậm; hàng tồn kho tăng, nhiều doanh nghiệp phải hạ giá bán; giá xuất khẩu gạo giảm mạnh, nên tuy Nhà nước đã có nhiều giải pháp hỗ trợ nhưng vẫn chưa có điều kiện để nâng giá lương thực trên thị trường trong nước lên hơn nữa.

Giá hàng hóa tiêu dùng và dịch vụ giảm liên tục từ tháng 3-1999 đến nay, trong khi đã có chủ trương nới lỏng chính sách tiền tệ và chi ngân sách, nhất là chi đầu tư phát triển là điều rất đáng lo ngại; đã ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.

Ước cả năm giá hàng hóa và dịch vụ chỉ tăng khoảng dưới 2% là mức thấp nhất từ trước đến nay.

3. Cơ cấu kinh tế đã có những chuyển dịch, tuy nhiên còn chậm, chưa phát huy được nguồn lực trong các thành phần kinh tế, trong từng ngành và từng vùng để phát triển

Quán triệt chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần,

trong nhiều năm qua, chúng ta có những cố gắng trong việc ban hành các cơ chế chính sách, tạo môi trường vĩ mô thuận lợi để khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, huy động nhiều nguồn lực trong tất cả các thành phần kinh tế tham gia xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Quốc hội đã thông qua *Luật doanh nghiệp, Luật khuyến khích đầu tư trong nước* (sửa đổi), kinh tế trang trại được khuyến khích phát triển, ban hành nhiều cơ chế chính sách về các giải pháp sắp xếp doanh nghiệp nhà nước có vốn dưới 1 tỷ đồng. Nhưng nhìn chung là chậm, những tiềm năng, nguồn lực và những lợi thế trong từng thành phần kinh tế, từng ngành, từng vùng chưa được phát huy đầy đủ.

1- Cơ cấu thành phần kinh tế

- Khu vực kinh tế nhà nước được củng cố một bước. Nhiều chính sách hỗ trợ cho khu vực doanh nghiệp nhà nước được triển khai thực hiện như bổ sung vốn lưu động cho những doanh nghiệp làm ăn có lãi, tăng đầu tư cho các doanh nghiệp phục vụ công ích, bảo đảm vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước cho các doanh nghiệp công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến, công nghiệp hàng tiêu dùng thiết yếu và các sản phẩm công nghiệp then chốt, hỗ trợ các doanh nghiệp đang làm ăn khó khăn để giúp họ khắc phục, vươn lên như khoanh nợ, giãn nợ, thực hiện một số chính sách bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước...

Chính phủ đã có chủ trương thí điểm cơ chế tổng công ty góp vốn vào đơn vị thành viên, sử dụng đòn bẩy tài chính để tạo sự liên kết giữa các đơn vị thành viên và chuyển dần phương thức điều hành bằng mệnh lệnh hành chính sang điều hành bằng công cụ tài chính giữa tổng công ty đối với các đơn vị thành viên.

Tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước trong GDP năm 1996 chiếm 39,9%, năm 1999 chiếm 40,2%.

- Kinh tế hợp tác bước đầu được tổ chức lại theo *Luật hợp tác xã* mới. Trong nông nghiệp: sau hai năm thực hiện Luật đã chuyển đổi được 41,8% số hợp tác xã hiện có. Tỷ lệ góp vốn của xã viên tăng bình quân 2,5 lần so với trước chuyển đổi, thúc đẩy sự hợp tác giữa các hộ thông qua thực hiện các dịch vụ đầu vào và đầu ra có hiệu quả.

Trong các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các dịch vụ xã hội, đã chuyển đổi được 71,4% số hợp tác xã cũ. Sau chuyển đổi, nhiều hợp tác xã đã mở rộng sản xuất, tăng vốn, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Tỷ trọng khu vực kinh tế tập thể trong GDP hiện còn thấp, chỉ xấp xỉ 9%, triển vọng khu vực này sẽ tăng lên.

- Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài năm 1996 đóng góp vào GDP khoảng 7,4%, năm 1999: 10,4%. Kinh tế hỗn hợp (bao gồm kinh tế nhà nước liên doanh với kinh tế tư nhân trong nước) chiếm tỷ trọng 3% GDP.

- Kinh tế cá thể, tiểu chủ trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, thương mại phát triển nhanh, đã góp phần quan trọng vào các thành tựu kinh tế - xã hội, chiếm tỷ trọng trên dưới 34% GDP.

- Khu vực kinh tế tư nhân trong nước đã hình thành bước đầu, có một số doanh nghiệp có quy mô tương đối lớn, sử dụng nhiều lao động, khu vực này chiếm tỷ trọng trên dưới 3,4% GDP.

Điều đặc biệt quan trọng là hàng loạt các cơ chế chính sách mới (bao gồm các luật kinh tế) được ban hành trong

năm 1999 đã bắt đầu phát huy tác dụng. Nhưng, nhìn chung cơ cấu thành phần kinh tế trong 4 năm qua biến đổi chậm. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm đại bộ phận trong các ngành quan trọng, giành vị trí có lợi nhất trong kinh doanh, nhưng hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Điều đó có phần do vốn sản xuất của doanh nghiệp quá nhỏ bé, manh mún, 90% doanh nghiệp thuộc loại vừa và nhỏ, công nghệ chậm được đổi mới, cán bộ quản lý doanh nghiệp còn yếu kém, chậm trễ trong việc thực hiện các chủ trương đổi mới sắp xếp doanh nghiệp của Nhà nước. Các mô hình kinh tế chậm được tổng kết, chỉ đạo và nhân rộng.

Các chính sách khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế chưa thực sự đi vào cuộc sống, còn nhiều biểu hiện phân biệt đối xử đối với các thành phần kinh tế ngoài khu vực nhà nước, hạn chế khả năng huy động các nguồn lực của các thành phần kinh tế.

2- Cơ cấu ngành kinh tế đã từng bước chuyển dịch

Khu vực nông, lâm, ngư nghiệp tăng khá về giá trị tuyệt đối, song giảm tỷ trọng trong GDP từ 27,2% năm 1995 xuống 25,6% năm 1999; khu vực công nghiệp và xây dựng từ 28,7% năm 1995 lên 33,7% năm 1999; khu vực dịch vụ năm 1999 có khó khăn nên đã giảm từ 44,1% năm 1995 xuống còn 40,7% năm 1999. Sự dịch chuyển cơ cấu ngành còn chậm, một mặt nguồn vốn của đất nước chưa đủ sức cơ cấu lại nền kinh tế, mặt khác chính sách vĩ mô và môi trường đầu tư chưa thật ổn định, nhất quán để thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3- Các vùng kinh tế gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, các đô thị, các địa bàn, lãnh thổ, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm ở ba miền đang được xây dựng và hình thành từng bước. Một số khu công nghiệp, khu chế xuất đang được triển khai xây dựng. Điều này có tác động tích cực đến sự phát triển chung của cả nước. Đến nay cả nước đã có 66 khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao được thành lập với diện tích gần 11 nghìn hécta (chưa kể khu công nghiệp Dung Quất có diện tích 14.000 ha). Hiện đã cho thuê được 30% diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch.

4. Giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và môi trường đã đạt được một số kết quả sau ba năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2

1- Ngành giáo dục đào tạo

Quy mô các cấp học hằng năm đều tăng. Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành có cải thiện. Đã tập trung nguồn lực cho các tỉnh khó khăn để đảm bảo mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ để đến năm 2000 sẽ đạt mục tiêu đề ra. Công tác quản lý dạy nghề đã có một số chuyển biến tích cực, đa dạng hóa các hình thức dạy nghề, tăng cường chất lượng dạy nghề, phát triển thêm nhiều cơ sở dạy nghề mới, nâng cấp một số cơ sở hiện có.

Đến hết năm 1999 có 58 tỉnh được công nhận tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Số học sinh mẫu giáo năm học 1999 - 2000 tăng 5,9%, cao hơn dự kiến; học sinh tiểu học giảm 0,4%; học sinh trung học phổ thông tăng 16,7%; học sinh trung học chuyên nghiệp tăng 4%; học sinh

đại học và cao đẳng tăng 5%; số người được đào tạo nghề tăng 25% so với năm trước.

Nhưng chất lượng dạy và học còn thấp, đồ dùng dạy học, phòng thí nghiệm,... còn thiếu và sơ sài, công tác quản lý xuất bản, in, phát hành sách giáo khoa còn nhiều sơ hở, không thống nhất. Tình trạng tiêu cực trong thi cử, cấp bằng, chứng chỉ vẫn còn tồn tại. Giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo còn khó khăn. Một số khoản thu trong nhà trường ở một số nơi chưa công khai và sử dụng chưa đúng mục đích. Tệ nạn xã hội trong học đường đã có giảm bớt, nhưng vẫn còn nhiều bức xúc.

2- Lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường

Công nghệ và trình độ công nghệ của nhiều ngành được đổi mới và nâng cao một bước. Công tác thẩm định công nghệ môi trường đã được chú ý hơn. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các cơ quan nghiên cứu được tăng cường, năng lực đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ được nâng cao, cơ chế chính sách quản lý khoa học và công nghệ được đổi mới theo hướng pháp chế hóa các hoạt động khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, chính sách khoa học công nghệ còn chậm đổi mới. Chủ trương và mục tiêu đổi mới công nghệ và phát triển năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ chưa được cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách để thực hiện. Đề tài nghiên cứu còn dàn trải, trùng lắp, chưa tập hợp được sự cộng tác của các viện đầu ngành nên hiệu quả nghiên cứu khoa học và công nghệ còn bị hạn chế. Công tác đánh giá trình độ công nghệ chưa được coi trọng. Tốc độ đổi mới công nghệ trong các ngành kinh tế quốc dân là khá chậm.

Công tác kiểm tra giám sát môi trường còn hạn chế, xử lý ô nhiễm môi trường ở những vùng trọng điểm chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều khu vực tiếp tục bị ô nhiễm nặng.

5. Các hoạt động văn hóa - xã hội có tiến bộ, tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề bức xúc, nóng bỏng, tỷ lệ lao động chưa có việc làm còn lớn và đang tăng lên, tệ nạn xã hội không giảm, các loại tội phạm vẫn còn rất nặng nề; tâm lý xã hội ở một số vùng và bộ phận dân cư còn diễn biến phức tạp

1- *Ngành văn hóa - thông tin* đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 và các chỉ thị của Đảng, Chính phủ. Tích cực triển khai chương trình đưa văn hóa về cơ sở, đẩy mạnh phong trào văn hóa quần chúng, hướng dẫn nhân dân thực hiện nếp sống mới, văn hóa và văn minh trong sinh hoạt và đời sống. Chương trình phủ sóng truyền hình, phát thanh tiếp tục được thực hiện.

Việc quản lý trong lĩnh vực xuất bản, báo chí còn nhiều tồn tại cần nhanh chóng khắc phục; công tác tuyên truyền vận động quần chúng thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nếp sống văn hóa văn minh còn ở mức hạn chế; công tác bảo tồn bảo tàng còn chắp vá, thiếu đồng bộ, gây lãng phí, làm giảm ý nghĩa văn hóa và lịch sử của các công trình.

2- *Có nhiều cố gắng trong việc triển khai thực hiện chương trình giải quyết việc làm.* Ước cả năm 1999 có thể thu hút với các mức độ khác nhau khoảng 1,2 triệu lao động vào làm việc trong các ngành sản xuất kinh doanh, trong đó Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm đã cho vay 11.000 dự án nhỏ thu hút

27 - 30 vạn lao động. Nhưng lao động thiếu và chưa có việc làm còn lớn và đang có xu hướng tăng lên; tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực thành thị chiếm 7,4% lực lượng lao động trong độ tuổi (năm 1998 chiếm 6,85%), trong đó thành phố Hà Nội là 10,3%, Thành phố Hồ Chí Minh 7,04%, Quảng Ninh 9,3%; ở khu vực nông thôn tình trạng thiếu việc làm là phổ biến, mới sử dụng khoảng 70% thời gian lao động. Nếu quy đổi theo ngày công chuẩn (250 ngày công/năm cho một lao động) thì có đến gần 9 triệu nông dân không có việc làm. Đây là vấn đề nổi cộm nhất hiện nay.

3- *Chương trình xóa đói giảm nghèo* được xác định là chương trình tổng hợp, liên ngành, đang được triển khai khắp các địa phương, các vùng nghèo, xã nghèo. Chính phủ chỉ đạo điều hành theo hướng toàn bộ các nguồn lực đầu tư trên xã nghèo, vùng nghèo đều phải hướng vào mục tiêu xóa đói, giảm nghèo.

Vốn của các chương trình phục vụ xóa đói giảm nghèo tăng nhiều hơn trước, nhất là chương trình cho 1.000 xã đặc biệt khó khăn.

Nhiều tỉnh đã lồng ghép mục tiêu và vốn của các chương trình khác trên địa bàn cho mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Nhiều tỉnh đã đưa cán bộ tỉnh, huyện về giúp các xã nghèo. Việc phân công các cơ quan Trung ương, các địa phương khá, các đơn vị kinh doanh lớn hỗ trợ cho các địa phương nghèo là một chủ trương đúng, nhiều đơn vị thực hiện tốt. Nhìn chung, tuy là năm đầu triển khai thực hiện với quy mô lớn, trải trên diện rất rộng, còn nhiều bỡ ngỡ, nhưng chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo đã thu được kết quả bước đầu. Năm 1999 cả nước ước giảm được khoảng 40 vạn hộ đói nghèo.

4- *Công tác phòng, chống dịch bệnh* đã được quan tâm chỉ đạo, số người mắc bệnh và chết do dịch bệnh giảm so với cùng kỳ năm 1998, tránh được các dịch lớn xảy ra. Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành y tế đã được củng cố một bước. Tuy nhiên, cơ sở vật chất khám chữa bệnh nhiều nơi còn rất khó khăn. Vấn đề đa dạng hóa các loại hình khám chữa bệnh chưa được triển khai mạnh mẽ. Việc khám chữa bệnh cho người nghèo vẫn rất bức xúc hiện nay.

Về an toàn vệ sinh thực phẩm, tình hình ngộ độc thức ăn đang là vấn đề đáng lo ngại.

5- *Hoạt động dân số và kế hoạch hóa gia đình* có chuyển biến tích cực, tỷ lệ tăng dân số giảm nhanh; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 1999 vào khoảng 1,58%.

6- *Phong trào thể dục thể thao phát triển sâu rộng,* các địa phương tổ chức tốt các hội thi thể thao trong giới học sinh, sinh viên, viên chức, công nhân. Số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên tăng lên; khoảng 65% số trường học thực hiện nội dung giáo dục thể chất có nền nếp. Đã có nhiều tiến bộ trong thi đấu thể thao quốc tế và khu vực.

7- *Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công và chăm sóc trẻ em* đã được triển khai thực hiện tốt. 100% Bà mẹ Việt Nam anh hùng được nuôi dưỡng suốt đời. Đã vận động được các tổ chức từ thiện, các hội đoàn thể quần chúng trong và ngoài nước và các cá nhân tham gia hoạt động chăm sóc, bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đã giảm từ 40,6% năm 1998 xuống còn 38,9% năm 1999.

8- *Công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội* nhất là chống ma túy, truy quét các ổ chứa chấp, tổ chức mại dâm, nạn cờ bạc, phòng chống HIV/AIDS... được tăng cường và đã thu được một số kết quả. Tuy nhiên những hủ tục, những tệ nạn xã hội vẫn còn nhức nhối, nhiều loại tội phạm gia tăng, là đáng lo ngại hiện nay.

9- *Công tác bảo đảm quốc phòng và an ninh chính trị, xã hội* đã được quan tâm, đời sống của cán bộ chiến sĩ, lực lượng vũ trang đã được chú ý. Tuy nhiên nhiều vụ khiếu kiện của dân chưa được xử lý kịp thời, gây nên các vụ khiếu kiện kéo dài, lôi kéo nhiều người tham gia. Vấn đề truyền đạo trái phép chậm được ngăn chặn; tệ quan liêu, nhũng nhiễu đã gây tâm lý bất lợi, diễn biến phức tạp ở một số vùng, một bộ phận dân cư.

Đánh giá chung:

Trong điều kiện khó khăn và nhiều thách thức, tình hình kinh tế - xã hội vẫn giữ được ổn định, kinh tế tiếp tục tăng trưởng, sản xuất nông nghiệp được mùa lớn, xuất khẩu vượt kế hoạch đề ra, các lĩnh vực hoạt động giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ, văn hóa, xã hội đều có những tiến bộ. Quốc phòng an ninh được giữ vững... đạt được kết quả đó là nhờ:

- Sự nỗ lực, quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân, sự cố gắng của các ngành, các cấp thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 và Trung ương 6 (lần 1) và Nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ năm 1999.

- Công tác điều hành của Chính phủ cũng như các ngành, các cấp có tiến bộ, đổi mới. Cơ chế chính sách luật pháp đã được đồng bộ hóa thêm một bước. Đã tập trung giải quyết

những vấn đề cấp bách nhất về kinh tế, văn hóa, xã hội, chủ động tìm nguồn vốn cho đầu tư phát triển, huy động nội lực, thực hiện các giải pháp kích cầu,... Nghị quyết của Chính phủ trong các kỳ họp thường kỳ đã mang tính điều hành, tạo ra những thuận lợi cho các cấp, các ngành chỉ đạo thực hiện.

- Thời tiết thuận, thiên tai ít hơn các năm trước đã tạo thuận lợi lớn cho phát triển nông nghiệp; tình hình khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực có xu hướng dịu dần, kinh tế một số nước trong khu vực đang phục hồi đã tạo điều kiện cho ta mở rộng kinh tế đối ngoại và tăng kim ngạch xuất khẩu.

Bên cạnh những tiến bộ và dấu hiệu phục hồi phát triển của nền kinh tế, còn đan xen những biểu hiện trì trệ, chưa ngăn chặn được sự giảm sút tốc độ tăng trưởng; hiệu quả tăng trưởng thấp, một bộ phận lớn doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh còn kém hiệu quả, hoạt động của một số doanh nghiệp cầm chừng, sản phẩm tiêu thụ khó khăn, chỉ số giá hàng tiêu dùng và dịch vụ giảm liên tục, thị trường kém sôi động; cơ hội và môi trường đầu tư còn nhiều rủi ro, các nhà đầu tư trong nước, kể cả các doanh nghiệp nhà nước còn e ngại không dám mạnh dạn đầu tư, vốn của các ngân hàng thương mại còn tồn đọng lớn, nhịp tăng đầu tư nước ngoài giảm sút. Các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, xã hội còn nhiều mặt bức xúc, lao động thiếu và không có việc làm còn quá lớn và đang tăng lên, tâm lý xã hội diễn biến phức tạp...

Những tồn tại, yếu kém trên do nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan, mà nguyên nhân chủ quan chiếm phần quan trọng. Xin phân tích năm nhóm nguyên nhân sau đây:

Trước hết, trên tầm vĩ mô, công cuộc phát triển đất nước và đổi mới kinh tế, đòi hỏi phải tập trung giải quyết những vấn đề mấu chốt về điều chỉnh cơ cấu kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh tế, ổn định môi trường đầu tư và các cân đối lớn, nhằm giải quyết một cách cơ bản những tồn tại khó khăn vốn có, tạo thế và lực trong phát triển; song trên thực tế chưa giải quyết được đồng bộ và có hiệu quả các vấn đề đó.

Những khó khăn tồn đọng trong nhiều năm nay, nhất là trong năm 1998 vẫn chưa giải quyết được triệt để, đã là áp lực đè nặng trong năm 1999; thêm vào đó những khó khăn mới phát sinh càng bộc lộ thêm những yếu kém, nhất là trong các ngành dịch vụ tăng trưởng thấp và công nghiệp chưa được phục hồi, làm chậm khả năng phát triển chung của nền kinh tế, chưa đủ khả năng chặn đứng đà giảm sút.

Hàng loạt các giải pháp, các cơ chế chính sách đúng đắn, phù hợp, đã được ban hành, nhưng việc hướng dẫn và triển khai thực hiện vừa chậm vừa không đến nơi đến chốn, làm cho nhiều giải pháp mang tính "thời sự, tình thế" không còn nhiều ý nghĩa trong thực hiện, không đạt hiệu quả như mong muốn. Những yếu kém về mặt văn hóa, xã hội chậm được khắc phục. Thêm vào đó hệ thống các cơ chế chính sách nhiều, nhưng có lĩnh vực chưa đồng bộ, chưa tạo ra động lực mới để vượt khó khăn và phát triển.

Thứ hai, thu nhập dân cư thấp, thị trường bị thu hẹp, nhất là thị trường nông thôn, sức mua có khả năng thanh toán bị hạn chế, giá cả thị trường giảm liên tục, sản xuất có dấu hiệu trì trệ, hàng tồn kho tăng, kìm hãm sản xuất, tốc độ tăng trưởng; các chính sách kích cầu về đầu tư và tiêu dùng là chủ trương đúng, nhưng triển khai còn chậm.

Thứ ba, các doanh nghiệp trong nước chậm chuyển biến, nặng về yêu cầu nhà nước bảo hộ, trợ cấp; không gắn kết sản xuất với thị trường trong từng sản phẩm, dẫn đến tình trạng nhiều sản phẩm đầu tư theo hướng phát triển mạnh năng lực sản xuất, không chú ý đến đầu ra của sản phẩm, đến yêu cầu của thị trường cả về số lượng, chất lượng và giá cả, nhất là thị trường trong nước, khả năng cạnh tranh kém, buộc các doanh nghiệp phải sản xuất cầm chừng, hoạt động kém hiệu quả dẫn đến yêu cầu đảo nợ, giãn nợ hoặc xóa nợ vay, gây ra không ít khó khăn cho nền kinh tế.

Thứ tư, nguồn lực phát triển của đất nước chưa đủ sức điều chỉnh cơ cấu nền kinh tế theo hướng phát huy những lợi thế trong từng ngành, từng vùng, chưa tạo ra khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế. Nguồn vốn huy động trong các tầng lớp dân cư còn bị hạn chế; tình trạng hình sự hóa các quan hệ kinh tế vẫn còn nặng nề... nên chưa huy động cao các nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

Thứ năm, bộ máy quản lý điều hành vẫn còn cồng kềnh và trùng lắp chức năng. Sự phối hợp giải quyết công việc giữa các ngành ở Trung ương, giữa Trung ương và địa phương thiếu chặt chẽ, việc phân công phân nhiệm chưa rõ ràng, rành mạch; vừa chưa bảo đảm tập trung thống nhất lại vừa thiếu dân chủ trong điều hành. Kết quả là nhiều chủ trương, quyết định đúng đắn không được tổ chức triển khai kịp thời làm lỡ thời cơ, kém hiệu quả.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 10 tháng đầu năm và những giải pháp điều hành tích cực, có hiệu quả của các tháng cuối năm, sơ bộ dự báo 12 chỉ tiêu

chủ yếu của kế hoạch năm 1999 do Quốc hội thông qua so với năm 1998 đạt được như sau:

- Tốc độ tăng trưởng GDP đạt khoảng 4,7 - 5,0% (kế hoạch là 5 - 6%);

- Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5,2 - 5,5% (kế hoạch là 3,5 - 4,0%);

- Sản lượng lương thực quy thóc đạt 33,8 triệu tấn (kế hoạch là 32 triệu);

- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 10,3 - 10,5% (kế hoạch là 10 - 11%);

- Giá trị các ngành dịch vụ tăng 3,5 - 3,8% (kế hoạch là 4 - 5%);

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 10,7 tỷ USD, tăng 14,3% (kế hoạch là 10 tỷ USD, tăng 5 - 7%);

- Bội chi ngân sách dưới 5% GDP (giữ ở mức Quốc hội cho phép);

- Giá hàng tiêu dùng cả năm tăng khoảng 2% so với tháng 12-1998;

- Số hộ nghèo đói giảm 40 vạn hộ (kế hoạch là 30 vạn hộ);

- Tạo việc làm mới cho 1,2 triệu người (kế hoạch là 1 - 1,2 triệu người);

- Nâng số tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ lên 58 tỉnh (kế hoạch là 50 tỉnh);

- Tốc độ tăng dân số 1,58%.

Nhìn lại việc thực hiện kế hoạch 4 năm qua, so với mục tiêu kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) đã được Đại hội VIII thông qua, một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau:

- Tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hằng năm trong 4 năm (1996 - 1999) khoảng 7,1%, đạt 78% dự kiến kế hoạch 5 năm, ***khó đạt dự kiến kế hoạch 5 năm****.*

- Tổng GDP năm 1999 tăng gấp đôi so với năm 1990, ***đạt mục tiêu chiến lược đã đề ra.***

- GDP bình quân đầu người đến năm 1999 bằng 1,7 lần so với năm 1990, đạt 85% dự kiến kế hoạch 5 năm, ***khó đạt dự kiến.***

- Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5,2%, ***vượt dự kiến kế hoạch.***

- Sản lượng lương thực đạt 33,8 triệu tấn, ***vượt dự kiến kế hoạch.***

- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 12,6%, đạt 90% dự kiến kế hoạch, ***khó đạt dự kiến kế hoạch.***

- Tổng kim ngạch xuất khẩu 4 năm đạt 36,5 tỷ USD, bằng 63% dự kiến kế hoạch 5 năm, ***khó đạt dự kiến kế hoạch.***

- Tổng kim ngạch nhập khẩu 4 năm đạt 45,5 tỷ USD, bằng 61% dự kiến kế hoạch 5 năm, ***khó đạt dự kiến kế hoạch 5 năm.***

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện 4 năm trên 29 tỷ USD (theo giá năm 1995), đạt 70% so với dự kiến huy động 5 năm, ***khó đạt dự kiến kế hoạch.***

- Nhịp độ phát triển dân số năm 1999 là 1,58%, ***vượt dự kiến kế hoạch.***

- Trong 4 năm giải quyết 4,8 triệu chỗ làm việc mới, bằng 74% dự kiến 5 năm, ***có khả năng đạt kế hoạch vào năm 2000.***

- Số hộ đói nghèo đến năm 1999 còn khoảng 13% so với mục tiêu 10% vào năm 2000, ***có khả năng đạt kế hoạch vào năm 2000.***

- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch đạt 50% so với mục tiêu 80% vào năm 2000, ***khó đạt dự kiến kế hoạch.***

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2000

I- ĐẶC ĐIỂM KẾ HOẠCH NĂM 2000

1. Vị trí và yêu cầu đặt ra cho năm 2000

Năm 2000 là năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (1991 -2000) do Đại hội VII đề ra. Năm 2000 cũng là năm chuẩn bị bước vào thế kỷ XXI, có tính bước ngoặt của nhân loại, đánh dấu việc chuyển sang thế kỷ mới đầy hứa hẹn và thách thức.

Bốn năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu rất cao của toàn Đảng, toàn dân ta, nền kinh tế đã từng bước vượt qua những khó khăn thách thức, duy trì được khả năng phát triển khá. Tuy vậy, so với mục tiêu kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) do Đại hội VIII thông qua, thì còn nhiều nhiệm vụ chưa hoàn thành, nhiều mục tiêu khó đạt được, trong đó nổi lên là tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt thấp do lĩnh vực dịch vụ và lĩnh vực sản xuất công nghiệp còn nhiều khó khăn; kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu tuy đã có chuyển biến nhưng vẫn còn thấp so với kế hoạch; tổng vốn đầu tư phát triển khó đạt mức dự kiến; cơ cấu kinh tế chậm chuyển biến; một số các chỉ tiêu về phát triển cơ sở hạ tầng, về văn hóa - xã hội thực hiện còn chưa cao...

Điều đó đặt ra nhiệm vụ cho năm 2000 rất nặng nề, cần phải quán triệt đường lối đổi mới của Đảng và các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4, thứ 6 (lần 1), của Ban Chấp hành

Trung ương Đảng (khóa VIII), Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn, khai thác nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để xây dựng đất nước. Đồng thời, tập trung khắc phục những khó khăn tồn đọng từ các năm trước chuyển sang, khai thác tốt nguồn nội lực, lấy việc giải phóng tối đa lực lượng sản xuất gắn với thị trường trong và ngoài nước làm động lực mới cho phát triển; ngăn chặn giảm sút tốc độ tăng trưởng, đạt tốc độ cao hơn năm 1999, phấn đấu đạt mức cao nhất các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch 5 năm (1996 - 2000).

2. Những thuận lợi và khó khăn khi bước vào kế hoạch năm 2000

- Bước vào năm 2000, ta có nhiều mặt mạnh; tình hình kinh tế - xã hội tương đối ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng, nông nghiệp tiếp tục phát triển, năng lực sản xuất nhiều ngành công nghiệp quan trọng tăng đáng kể, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng xã hội. Trình độ công nghệ của một số ngành được nâng cao; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội có bước cải thiện, đặc biệt là trong các lĩnh vực năng lượng, giao thông, thủy lợi,...

Những tiến bộ trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và các hoạt động văn hóa - xã hội được phát huy trong thời gian tới, nhất là phong trào thi đua yêu nước hướng tới Đại hội Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc; các chương trình hành động thiết thực kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm... sẽ là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

Những cơ chế, chính sách, những giải pháp mạnh mẽ đang được triển khai thực hiện trong năm 1999, nhất là các

chính sách về kích cầu đầu tư và tiêu dùng hợp lý; các luật quan trọng về kinh tế sẽ có hiệu lực trong năm 2000, các quỹ hỗ trợ đầu tư, xuất khẩu, bảo hiểm tín dụng sẽ đi vào cuộc sống. Thêm vào đó, việc triển khai các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 của các ngành, các cấp, các địa phương sẽ là những động lực mới thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ năm 2000.

Tuy nhiên, những yếu kém và tồn tại trong nền kinh tế đang là những thách thức lớn trong những năm tới, trước mắt năm 2000 phải gánh chịu nặng nề.

- Đối với nước ta, xu hướng ổn định và phát triển của kinh tế thế giới và khu vực sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ, một mặt sẽ tạo thuận lợi hơn trong việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, nâng cao chất lượng phát triển; mặt khác, năng lực cạnh tranh của nhiều nước được cải thiện qua việc khắc phục khủng hoảng, trong khi những tồn tại và yếu kém của nền kinh tế nước ta chưa khắc phục được nhiều, sẽ càng tăng thêm sức ép đối với nền kinh tế vốn đã kém sức cạnh tranh của nước ta, dẫn đến tình trạng bị thua thiệt trong quan hệ kinh tế là khó tránh khỏi.

II- MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Mục tiêu tổng quát

Huy động nội lực, ngăn chặn đà giảm sút về tốc độ tăng trưởng, phát huy các nhân tố ổn định để phát triển kinh tế với tốc độ cao hơn năm 1999, phấn đấu đạt mức cao nhất các

chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch 5 năm (1996 - 2000), tạo đà phát triển bền vững cho 5 năm sau.

Tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh, phát triển khoa học công nghệ, chăm lo bồi dưỡng nguồn nhân lực, giải quyết công ăn việc làm, tăng mức thu nhập các tầng lớp dân cư, thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống cho nhân dân.

Mục tiêu tổng quát đó đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, thực hiện đồng bộ, triệt để và có hiệu quả hơn Nghị quyết Trung ương 4, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) và các giải pháp tháo gỡ khó khăn đã được đề ra, phát huy triệt để nguồn lực trong nước, nhất là nguồn lực từ khu vực dân cư, thiết lập các cơ chế chính sách thích hợp, mang tính khuyến khích cao, tập trung vào lĩnh vực tài chính - tiền tệ để động viên đầu tư trực tiếp từ khu vực dân cư; kết hợp việc thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn nước ngoài để đạt kết quả cao nhất các mục tiêu đã đặt ra cho năm 2000.

2. Nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch năm 2000

1- Tập trung cho sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ. Phát triển nông nghiệp toàn diện gắn với tiêu thụ sản phẩm và chuyển đổi kinh tế nông thôn, tăng nhanh sức mua, tăng khả năng trao đổi hàng hóa với khu vực thành thị; tháo gỡ những tồn đọng, ách tắc trong sản xuất công nghiệp, tập trung giải quyết những khó khăn về thị trường, về chất lượng sản phẩm, giải phóng năng lực sản xuất còn đang dư thừa; phát triển các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ sản xuất, tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng

thị trường xuất khẩu hàng hóa. Thực hiện chế độ bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước phù hợp với tiến trình tham gia vào AFTA, WTO và các cam kết quốc tế khác. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hoạt động kinh tế, thực hiện mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế, phấn đấu đạt ***tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 1999***.

2- Huy động nội lực, tăng đầu tư phát triển. Sử dụng có hiệu quả tài chính quốc gia; tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước để góp phần lành mạnh hóa tài chính tiền tệ, triệt để tiết kiệm đi đôi với nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản nhà nước và tiết kiệm khu vực dân cư để đưa vào đầu tư. Tăng khả năng thu hút và thực hiện có hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tập trung đầu tư vào các dự án có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, có tác động đến nhiều ngành kinh tế, có tỷ lệ xuất khẩu cao.

Tăng nhanh khả năng giải ngân các nguồn vốn; tập trung hỗ trợ nguồn vốn ngân sách cho các vùng còn khó khăn, dành phần đáng kể cho văn hóa - xã hội. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống ngân hàng.

3- Phát triển và nâng cao giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ; áp dụng nhanh chóng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất, đổi mới công nghệ ở một số ngành sản xuất và dịch vụ chủ yếu. Bảo đảm duy trì các hoạt động điều tra cơ bản thường xuyên, tăng cường công tác bảo vệ môi trường để hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng gây ô nhiễm do hoạt động kinh tế - xã hội ở những vùng trọng điểm.

4- Giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc của xã hội. Thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia giải quyết việc làm, chương trình xóa đói giảm nghèo và các chương trình

mục tiêu quốc gia khác. Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội, y tế, và tổ chức thực hiện tốt việc xã hội hóa các hoạt động trên.

5- Củng cố quốc phòng và an ninh, kết hợp giữa quốc phòng với phát triển kinh tế. Bảo đảm trật tự kỷ cương trong hoạt động kinh tế, xã hội.

3. Nhiệm vụ phát triển từng ngành, từng lĩnh vực

1- Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội, làm nền tảng để phát triển kinh tế

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo lợi thế của từng vùng và hiệu quả của từng loại cây trồng, vật nuôi, gắn với việc tiêu thụ hàng hóa nông sản; duy trì tốc độ tăng trưởng của toàn ngành ở mức 3,5 - 4%, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, tạo ra sự chuyển biến mới về cơ sở vật chất kỹ thuật, quan hệ sản xuất, tổ chức của hệ thống ngành, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển bền vững trong giai đoạn 2001 - 2005 theo hướng nâng cao nhanh năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh; thúc đẩy phát triển nông thôn mới, toàn diện. Có quy hoạch và chính sách cụ thể để nông dân có thể chuyển đổi mục đích sử dụng đất để vừa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, vừa giúp nông dân đạt giá trị sản lượng và thu nhập cao hơn. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu sau:

- Tổng sản lượng lương thực đạt 33,5 - 34 triệu tấn; kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng 7%; tỷ lệ che phủ rừng trên 31%.

- Phát triển hạ tầng nông thôn. Về thủy lợi, năng lực công trình huy động tăng thêm tưới nước 28.700ha, tiêu nước

53.400ha, ngăn mặn 56.000ha, tạo nguồn tưới 49.600ha; tỷ lệ dân nông thôn được dùng nước sạch 45%.

- Tiếp tục thực hiện dự án trồng 5 triệu hécta rừng, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, kinh tế mới; định canh, định cư cho 100 nghìn hộ, ổn định dân di cư tự do 65 nghìn hộ, sắp xếp ổn định dân biên giới 5 nghìn hộ, phân bổ lại dân cư xây dựng vùng kinh tế mới 20 nghìn hộ.

- Phát triển ngành thủy sản, cùng với việc bảo vệ nguồn lợi và sinh thái biển, cần nâng cao năng lực và hiệu quả việc đánh bắt cá xa bờ, khai thác tốt hơn lợi thế các vùng ven biển và mặt nước nội địa để nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là tôm, cá, cua. Sản lượng thủy hải sản tăng 5,6%, diện tích nuôi trồng thủy hải sản khoảng 55 vạn hécta. Đảm bảo xuất khẩu thủy sản tăng 10,5% so với năm 1999.

2- Phát triển công nghiệp, chú trọng những ngành có lợi thế cạnh tranh, để phát triển và hội nhập có hiệu quả. Rà soát từng mặt hàng, từng nhóm sản phẩm, tăng năng lực sản xuất trong một số ngành như khai thác và chế biến dầu khí, sản xuất điện, các sản phẩm có thị trường tiêu thụ và khả năng xuất khẩu cao.

Tập trung vào một số sản phẩm chủ yếu có tác động lớn trong nền kinh tế và các sản phẩm có thị trường tiêu thụ như:

- Khai thác dầu, khí đạt sản lượng 17,5 triệu tấn dầu quy đổi, tăng 8%, trong đó 1,5 tỷ mét khối khí. Triển khai xây dựng các mỏ khí tại lô 06-1, đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn, Nhà máy lọc dầu số 1.

- Tính toán chặt chẽ khả năng thị trường tiêu thụ than trong nước và xuất khẩu để bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, dự kiến năm 2000 sản xuất ở mức 10 triệu tấn.

- Phát triển ngành điện, trong năm 2000 sẽ tăng thêm 1.260 MW công suất phát điện, xây dựng đồng bộ hệ thống lưới và trạm bám sát theo các mục tiêu phục vụ sản xuất. Tăng cường đầu tư đưa điện về vùng sâu, xa. Sử dụng hợp lý công suất các nhà máy điện hiện có, đạt sản lượng điện phát ra tăng 11,1%. Thực hiện 100% huyện có điện lưới hoặc điện tại chỗ, 80% số xã, phường có điện.

- Dự kiến đạt sản lượng thép tăng 7,7%; ximăng tăng 9,5% so với năm 1999, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án ximăng Hải Phòng, Tam Điệp đảm bảo cho nhu cầu ximăng sau năm 2000. Sản lượng phân bón các loại tăng 5%.

- Tiếp tục thực hiện chương trình phát triển ngành cơ khí, điện tử; đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm có chất lượng, cạnh tranh được trên thị trường trong nước và tiến tới xuất khẩu như quạt điện, xe đạp, tăng nhanh xuất khẩu động cơ nhỏ. Phát triển cơ khí chế tạo phục vụ công nghiệp sơ chế và chế biến sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp. Triển khai đóng tàu loại có trọng tải 6.500 tấn. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến và công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu.

- Sản lượng giấy tăng 7,4%; đẩy mạnh tiến độ xây dựng một số dự án sản xuất giấy lớn tại khu vực Bãi Bằng, Đồng Nai...

- Sản lượng vải các loại tăng 25%. Tìm kiếm thêm thị trường phi hạn ngạch hàng dệt may, giày dép để giải quyết việc làm cho người lao động; tăng cường đầu tư chiều sâu hiện đại hóa một số nhà máy dệt, may để có sản phẩm chất lượng cao.

- Sản lượng đường mật các loại sản xuất trong nước thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội, không nhập khẩu, và chống nhập lậu.

Phấn đấu đạt giá trị sản xuất các ngành công nghiệp tăng 10,5 - 11,5%.

3- Trong lĩnh vực dịch vụ, phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, bám sát thị trường và những nhu cầu phát sinh để đáp ứng, nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội trên thị trường nội địa dự kiến tăng khoảng 10% so với năm 1999, tốc độ tăng thực tế khoảng 3,5 - 4%.

- Phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, tham quan các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh. Đầu tư nâng cấp các điểm du lịch; nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch; xây dựng các chương trình du lịch đặc trưng cho năm 2000. Doanh thu ngành du lịch dự kiến tăng 10% so với năm 1999, trong đó thu ngoại tệ tăng khoảng 10%.

- Phát triển dịch vụ vận tải, đáp ứng yêu cầu vận tải hàng hóa trong và ngoài nước và nhu cầu đi lại của dân cư. Dự kiến năm 2000, vận tải hàng hóa tăng 8,4% về tấn và trên 3% về tấn/km. Vận tải hành khách tăng khoảng 7% về hành khách vận chuyển và 6% về hành khách luân chuyển; củng cố vận tải hàng không, tổng doanh thu ngành hàng không dự kiến tăng khoảng 17%.

- Phát triển mạnh dịch vụ bưu chính viễn thông, bảo đảm thông tin liên lạc nội hạt và quốc tế thông suốt trong mọi tình huống, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Tăng thêm máy điện thoại thuê bao, đưa tổng số máy điện thoại đạt bình quân 4 máy trên 100 dân;

phát triển dịch vụ internet. Tổng doanh thu dự kiến tăng 10% so với năm 1999.

- Phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, tiền tệ, bảo hiểm, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng kịp thời nhu cầu của các thành phần kinh tế.

Phấn đấu giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng 4,5 - 5,0%.

4- Tiếp tục thực hiện chương trình phát triển cơ sở hạ tầng, đáp ứng cơ bản nhu cầu phát triển kinh tế.

- Chú ý công tác giải phóng mặt bằng và đáp ứng tốt vốn đối ứng cho các dự án ODA nhằm bảo đảm tiến độ theo hiệp định đã được ký kết, đặc biệt là các dự án hoàn thành vào năm 2000 và 2001 như các dự án quốc lộ 1 đoạn Vinh - Đông Hà - Quảng Ngãi, Hà Nội - Lạng Sơn, cầu Mỹ Thuận, 2 tuyến đường thủy phía nam và cảng Cần Thơ, quốc lộ 5; 42 cầu trên quốc lộ 1; dự án giao thông nông thôn, các cầu trên đường sắt Thống Nhất và quốc lộ 18 (đoạn Chí Linh - Bãi Cháy, Biểu Nghi - Bắc Luân); khôi phục các cầu yếu trên các quốc lộ; khắc phục tình trạng sạt lở trên tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai; khôi phục các cầu yếu, thay ray, và cải tạo các hầm yếu trên đường sắt Thống Nhất để rút ngắn thời gian chạy tàu, hoàn thành cải tạo, nâng cấp cảng Sài Gòn, Hải Phòng, cảng Cửa Lò; đẩy mạnh tiến độ xây dựng nhà ga T1 sân bay quốc tế Nội Bài, nhanh chóng đưa vào sử dụng; khởi công xây dựng hầm qua đèo Hải Vân và 10 cầu trên đường sắt Thống Nhất. Trong năm 2000 dự kiến cải tạo và mở rộng 1.543km đường nhựa, hoàn thành xây dựng 22 cầu với tổng chiều dài 5.943m.

- Phát triển mạng lưới thủy lợi, trước hết tập trung tu bổ, nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ đập đang sử dụng để

nâng cao năng lực và hiệu quả tưới, tiêu, cấp nước cho công nghiệp và sinh hoạt của nhân dân. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án thủy lợi đang xây dựng để sớm đưa vào huy động và phát huy hiệu quả. Triển khai thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương.

Chú trọng đầu tư củng cố bồi trúc đê điều tăng độ bền vững, an toàn của các tuyến đê. Thực hiện chương trình nước sạch nông thôn, miền núi, cung cấp nguồn nước cho công nghiệp và đô thị; cơ bản giải quyết nước ăn cho 1 triệu người vùng cao đang thiếu nước; hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, lũ lụt. Quản lý tốt nguồn nước, chống ô nhiễm trong quá trình công nghiệp hóa.

5- Tập trung phát triển giáo dục và đào tạo, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 2.

Tăng cường công tác quản lý toàn ngành, nghiên cứu điều chỉnh lại tổng quy mô đào tạo, cơ cấu đào tạo, chuẩn hóa chương trình dạy và học ở các cấp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học ở 3 tỉnh còn lại là Lào Cai, Lai Châu, Kon Tum. Đồng thời củng cố kết quả của các tỉnh đã phổ cập. Phát triển hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo cân đối với điều kiện hiện có.

Tiếp tục thực hiện chương trình phát triển hệ thống các trường sư phạm, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, nâng cao chất lượng thầy, cô giáo; từng bước khắc phục tình trạng thiếu giáo viên ở các cấp học. Thực hiện chương trình giáo dục miền núi, xây dựng các trường dân tộc nội trú; chú trọng phát triển giáo dục vùng đồng bằng sông Cửu Long, xây dựng 3 trường phổ thông trung học chất lượng cao. Tập trung phát triển

một số trường đại học đầu ngành để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực hiện việc phân luồng học sinh, gắn đào tạo với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng vùng. Tăng quy mô và chất lượng đào tạo nghề, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dạy nghề. Giữ quy mô tuyển sinh sau đại học như năm 1999, chú ý củng cố các điều kiện để nâng cao chất lượng đào tạo. Tăng quy mô hợp lý việc bồi dưỡng và đào tạo lại cán bộ để đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới. Thực hiện kế hoạch đào tạo đại học và sau đại học ở nước ngoài.

Tích cực thực hiện xã hội hóa giáo dục theo Nghị định 73 của Chính phủ.

6- Lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường

Tập trung đẩy mạnh việc đổi mới công nghệ trong các ngành sản xuất và dịch vụ chủ yếu. Thực hiện nghiêm ngặt chế độ thẩm định công nghệ và đánh giá tác động môi trường của các công trình đầu tư. Kiên quyết không cấp giấy phép đầu tư cho các công trình sử dụng những thiết bị thuộc thế hệ có trình độ công nghệ thấp, các thiết bị thải loại.

Triển khai áp dụng các kết quả của các đề tài đã được đánh giá nghiệm thu vào thực tiễn sản xuất, tiếp tục triển khai 137 đề tài thuộc 11 chương trình khoa học công nghệ, 41 đề tài độc lập và 48 dự án sản xuất thử, thử nghiệm. Đặc biệt chú ý các dự án trong chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi.

Tiếp tục sắp xếp lại mạng lưới các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát huy

hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Điều tra cơ bản, thu thập, xử lý, lưu trữ các số liệu về tài nguyên, môi trường để làm cơ sở xây dựng kế hoạch 5 năm và chiến lược 10 năm tiếp theo.

7- Các lĩnh vực văn hóa, xã hội

(1) Tiếp tục triển khai mạnh mẽ việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, tập trung các hoạt động văn hóa, thông tin vào việc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; tổ chức tốt các ngày lễ lớn của đất nước và của dân tộc; xây dựng mô hình cụ thể về xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa - thông tin.

Tiếp tục thực hiện chương trình phủ sóng phát thanh và truyền hình. Năm 2000 đạt mục tiêu 87% số hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam, 80% số hộ xem được chương trình truyền hình Trung ương.

(2) Tiếp tục thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, đưa chương trình vào hoạt động nền nếp, nghiên cứu bổ sung cơ chế quản lý phù hợp để đạt hiệu quả cao. Giảm số hộ nghèo cả nước xuống còn 10 - 11%, cơ bản xóa hết hộ đói; giảm 30 vạn hộ đói nghèo. Lồng ghép tốt mục tiêu các chương trình phát triển kinh tế - xã hội cho xóa đói giảm nghèo trên địa bàn. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng nghèo, xã nghèo đặc biệt khó khăn theo Quyết định 135 của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Thực hiện tốt chương trình giải quyết việc làm. Dự kiến năm 2000, tổng số lao động có thể thu hút với các mức độ khác nhau vào làm việc trong các ngành kinh tế - xã hội khoảng 1,2 đến 1,3 triệu người, vào các lĩnh vực như:

Phát triển các ngành khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản thu hút 12 vạn lao động; khôi phục và phát triển

ngành nghề truyền thống ở nông thôn, khai hoang mở rộng diện tích, bố trí lại dân cư, thu hút khoảng 10 vạn lao động; thực hiện các dự án trồng rừng, Chương trình 773, thu hút khoảng 10 vạn lao động; chương trình quốc gia hỗ trợ việc làm thu hút khoảng 25 - 30 vạn lao động. Ngoài ra sẽ đưa 2 vạn lao động xuất khẩu sang các nước có quan hệ truyền thống với Việt Nam và một số thị trường mới.

Cần tổ chức thực hiện tốt *Pháp lệnh về lao động công ích*, triển khai chương trình kiên cố hóa kênh mương nội đồng, xây dựng đường giao thông nông thôn và xây dựng các cơ sở hạ tầng trên địa bàn theo cơ chế đã ban hành để thu hút thêm nhiều lao động.

(4) Có chính sách hợp lý về phát triển nhà ở, khuyến khích dân tự đầu tư, đi đôi với hỗ trợ cho những người có thu nhập thấp thông qua các chương trình phát triển nhà ở đô thị và những vùng khó khăn.

(5) Tiếp tục thực hiện Chương trình quốc gia phòng, chống các bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm. Triển khai mạnh mẽ công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, hoàn thành dự thảo *Luật thực phẩm*, phát triển và củng cố y tế dự phòng.

Tiếp tục nghiên cứu, thí điểm một số mô hình bệnh viện theo hướng hạch toán thu - chi, gắn trách nhiệm và quyền lợi của giám đốc bệnh viện và nhân viên y tế với người bệnh; thí điểm thu viện phí mới và nhanh chóng rút kinh nghiệm mô hình bệnh viện tư nhân, bệnh viện liên doanh để có thể nhân rộng mô hình này, làm cơ sở cho việc xã hội hóa về y tế.

(6) Đẩy nhanh việc thực hiện xã hội hóa công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, tăng cường hoạt động giáo dục

truyền thông về dân số. Dự kiến năm 2000 tỷ lệ tăng tự nhiên về dân số đạt mức 1,53%.

(7) Tiếp tục duy trì và phát triển phong trào thể thao quần chúng. Tích cực thực hiện chính sách xã hội hóa về thể dục thể thao. Đầu tư tập trung, có chiều sâu để đào tạo lực lượng vận động viên tài năng, bảo đảm thể thao Việt Nam đạt thành tích cao tại các đấu trường quốc tế.

(8) Thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm 100% Bà mẹ Việt Nam anh hùng được nuôi dưỡng đến cuối đời, chăm sóc người có công, gia đình thương binh, liệt sĩ, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 35 - 36%, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa... Thực hiện một bước chính sách tiền lương; hỗ trợ cho các vùng nghèo, vùng khó khăn; hoàn thiện mạng lưới an toàn xã hội, an toàn giao thông...

(9) Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Từng xã phường cần thành lập Ban phòng, chống tệ nạn xã hội để nắm chắc và triệt phá ngay các ổ nhóm mại dâm, ma túy, cờ bạc...; tổ chức cai nghiện, chữa trị, giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng tệ nạn xã hội đã hoàn lương.

III- DỰ BÁO CÁC CÂN ĐỐI LỚN CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2000

1. Cân đối ngân sách

Trên cơ sở dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2000; dự báo sản lượng và giá cả của những sản phẩm chủ yếu và

các mặt hàng xuất khẩu có khả năng tăng lên; dự kiến tổng thu ngân sách nhà nước (bao gồm ghi thu - ghi chi) năm 2000 là 79,2 nghìn tỷ đồng, bằng 18% GDP. Tổng thu cân đối ngân sách là 72,9 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 5,7% so ước thực hiện năm 1999, trong đó thu thuế và phí trên 70 nghìn tỷ đồng, bằng 16% GDP.

Về chi, bảo đảm chi ổn định và những khoản chi phát sinh theo các chế độ chính sách đã được quyết định, bảo đảm chi đầu tư phát triển, thực hiện bù trượt giá vào lương cho khu vực hành chính sự nghiệp và chi trả một lần cho các đối tượng chính sách.

Tổng chi ngân sách nhà nước (bao gồm cả ghi thu - ghi chi) năm 2000 là trên 100,8 nghìn tỷ đồng. Tổng chi cân đối ngân sách là 94,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,7% so với ước thực hiện năm 1999; trong đó chi đầu tư phát triển 24 nghìn tỷ đồng, chi thường xuyên 50,5 nghìn tỷ đồng.

Đặc điểm nổi bật của chi ngân sách năm 2000 và cả năm 2001 là phải dùng toàn bộ các khoản tăng thu ngân sách trong năm để thực hiện chính sách bù trượt giá vào lương.

Về bội chi, giữ ở mức dưới 5% GDP, bội chi chỉ để đưa vào đầu tư phát triển.

2. Dự kiến cân đối đầu tư phát triển

Huy động tối đa nguồn tài chính quốc gia để đưa vào đầu tư:

1- Đối với nguồn vốn từ khu vực dân cư, năm 2000, bằng các cơ chế chính sách, sẽ huy động dân cư bỏ vốn đầu tư thông qua *kênh trực tiếp là chủ yếu.*

Năm 2000, khả năng tiết kiệm nội địa dự kiến khoảng 23 - 23,5% GDP (năm 1999 là 22%), trong đó tiết kiệm khu vực

dân cư và doanh nghiệp bằng 19% GDP. Bằng các cơ chế chính sách khuyến khích, dự kiến huy động khu vực dân cư đưa vốn đầu tư trực tiếp vào các ngành kinh tế - xã hội khoảng 30 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 36% số tiết kiệm có được trong năm của khu vực dân cư.

2- Nguồn tài chính khu vực công cộng

Năm 2000, trên cơ sở cân đối ngân sách, dự kiến sử dụng khoảng 24.000 tỷ đồng để đưa vào đầu tư. Mức huy động này mới chỉ bằng mức bố trí cho kế hoạch đầu năm 1999 (chưa tính khoản bổ sung).

3- Vốn tín dụng nhà nước

Năm 2000, nguồn vốn tín dụng nhà nước dự kiến huy động khoảng 24,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,5% so với kế hoạch năm 1999, trong đó vốn vay ODA cho vay lại là 820 triệu USD, tương đương 11,5 nghìn tỷ đồng, vốn trong nước 13 nghìn tỷ đồng.

4- Khả năng đầu tư từ doanh nghiệp nhà nước

Năm 2000, khả năng huy động nguồn vốn đầu tư khu vực doanh nghiệp nhà nước vào khoảng 22 nghìn tỷ đồng, tăng 15,8% so với năm 1999, trong đó đầu tư từ khấu hao cơ bản khoảng 8.500 - 9.000 tỷ đồng, góp vốn trong các liên doanh 2.500 - 3.000 tỷ đồng, từ cho thuê doanh nghiệp nhà nước, đất đai, nhà xưởng... khoảng 3.000 tỷ đồng; đầu tư từ lợi nhuận sau thuế 4.500 - 5.000 tỷ đồng, vay các nguồn khác, kể cả vay thương mại 4.000 tỷ đồng.

5- Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Năm 2000, khả năng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đưa vào thực hiện khoảng 1.700 - 1.800 triệu USD, trong đó vốn

góp phía Việt Nam khoảng 180 - 220 triệu USD, vốn của đối tác nước ngoài 1.500 - 1.600 triệu USD.

Như vậy, tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2000 vào khoảng 123 nghìn tỷ đồng, bằng 27,9% GDP, tăng 17% so với ước thực hiện năm 1999, trong đó vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước chiếm 19,5%; vốn tín dụng đầu tư chiếm gần 20%; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước chiếm gần 18%; vốn đầu tư của dân và tư nhân chiếm trên 24%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm trên 18%. Trong tổng vốn đầu tư xã hội, vốn trong nước khoảng 80 nghìn tỷ đồng, chiếm 66%; vốn ngoài nước 43 nghìn tỷ đồng, chiếm 34%, trong đó vốn ODA cho đầu tư gần 19 nghìn tỷ đồng, đầu tư trực tiếp nước ngoài trên 22 nghìn tỷ đồng.

Riêng nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước dự kiến 24 nghìn tỷ đồng, bằng phương án giao kế hoạch năm 1999, nhưng thấp hơn năm 1999 đã được bổ sung (27.900 tỷ đồng).

Với nguồn vốn đó, sẽ tập trung đầu tư vào các dự án chuyển tiếp, những dự án có thể hoàn thành và phát huy hiệu quả trong năm, hạn chế mở mới các công trình, nhất là công trình chưa thật cấp bách. Tập trung vốn cho các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, nông nghiệp và phát triển nông thôn; giáo dục, đào tạo, khoa học; tăng vốn cho các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là chương trình xóa đói giảm nghèo... Theo hướng đó, dành trên 60% để đầu tư cho lĩnh vực hạ tầng kinh tế, tập trung xây dựng và hoàn thành một số các công trình trọng điểm, quan trọng của ngành giao thông, thủy lợi..., trong đó, dự kiến ngành giao thông vận tải

chiếm 38 - 39%; thủy lợi 14%... Đầu tư cho lĩnh vực hạ tầng xã hội dự kiến khoảng 30 - 31%, trong đó ngành giáo dục đào tạo chiếm 8%, khoa học công nghệ 2%, y tế 6%. Sẽ tập trung vào việc nâng cao chất lượng trường học, xây dựng ký túc xá sinh viên, y tế cơ sở, y tế chuyên sâu, tăng năng lực các viện nghiên cứu khoa học đầu ngành.

Do nguồn vốn hạn hẹp nên sẽ có nhiều hạn chế trong việc bố trí hoàn thành các mục tiêu đầu tư. Mặt khác, năm 2000, nhiều dự án ODA ở giai đoạn kết thúc, sẽ được giải ngân nhanh, do đó vốn ngoài nước chiếm tỷ trọng cao, vốn đối ứng trong nước phải dành để bố trí là khá lớn, ảnh hưởng đến việc phân bổ các mục tiêu của các công trình trong nước.

Do vậy cần phải tính toán cân nhắc kỹ các phương án để có thể cân đối tăng thêm cho đầu tư phát triển, trước hết là xem xét, huy động tăng thu ngân sách hoặc phải tìm các giải pháp huy động vốn khác, không để thấp hơn năm 1999.

3. Dự kiến cân đối xuất nhập khẩu

Dự kiến năm 2000 kim ngạch xuất khẩu là 11,9 - 12 tỷ USD, tăng khoảng 11,5 - 12% so với năm 1999; trong đó: doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài xuất khẩu 2,9 - 3 tỷ USD, tăng 21 - 25%, doanh nghiệp trong nước xuất khẩu 9 tỷ USD, tăng 8,4% so với năm 1999.

Cơ cấu xuất khẩu dự kiến như sau:

Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản 2,9 tỷ USD, tăng 13,7%; hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp 4,6 tỷ USD, tăng gần 16,5%; hàng nông, lâm, thủy sản 4,5 tỷ USD, tăng 7%.

Dự kiến năm 2000 nhập khẩu 12,5 tỷ USD, tăng 10,6% so với năm 1999; trong đó: doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu 3,3 tỷ USD, tăng 3,4% so với năm 1999.

Cơ cấu nhập khẩu dự kiến như sau:

Máy móc, thiết bị, phụ tùng 3,35 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 1999; nguyên, nhiên, vật liệu 8,55 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 1999; hàng hóa tiêu dùng khoảng 600 triệu USD, chiếm 4,8% kim ngạch nhập khẩu, bằng năm 1999.

Chênh lệch giữa xuất và xuất nhập khẩu năm 2000 dự kiến 500 triệu USD. Tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu khoảng 4,2% (năm 1999 là 5,6%).

4. Dự kiến một số cân đối hàng hóa chủ yếu

Nhìn chung, các mặt hàng chủ yếu sản xuất được trong năm 2000 có thể đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Một số chủng loại sản phẩm sản xuất trong nước chưa đáp ứng được, nhưng có nhu cầu thì phải qua kinh doanh xuất - nhập khẩu để cân đối. Một số mặt hàng năng lực sản xuất còn đang dư thừa thì tìm cách kích cầu đầu tư và tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu để tăng khả năng tiêu thụ và phát triển.

Lương thực: Với sản lượng lương thực năm 2000 dự kiến 34 triệu tấn thì sản lượng lương thực hàng hóa có khoảng 13,2 triệu tấn. Sau khi cân đối cho tiêu dùng và tăng dự trữ thì còn có khả năng xuất khẩu 8 triệu tấn (tương đương 4 triệu tấn gạo). Vấn đề đặt ra trong cân đối lương thực là công tác điều hành của các cơ quan lưu thông để tránh nơi thừa, nơi thiếu, nhất là lúc giáp hạt.

Xăng dầu: Nhu cầu tiêu dùng trong nước dự kiến 7,2 triệu tấn, tái xuất 80 vạn tấn, có thể điều hành nhập khẩu 8 triệu tấn để đáp ứng nhu cầu.

Thép: Nhu cầu sử dụng thép năm 2000 dự báo 2,5 triệu tấn. Sản xuất trong nước 1,4 triệu tấn. Để sản xuất được 1,4 triệu tấn thép, các doanh nghiệp sản xuất thép cần phải xây dựng các phương án nhập 90 vạn tấn phôi thép. Đồng thời tùy theo tín hiệu của thị trường sẽ có thể nhập thêm 1 triệu tấn thép thành phẩm (loại mà trong nước không sản xuất được).

Ximăng: Dự kiến nhu cầu tiêu dùng ximăng năm 2000 là 11,3 triệu tấn. Công suất sản xuất ximăng hiện đang dư thừa nhiều so với nhu cầu tiêu dùng; do vậy cần phải kích cầu đầu tư để tiêu thụ thêm ximăng; đồng thời các nhà sản xuất theo tín hiệu thị trường để bố trí sản xuất thích hợp.

IV- CÁC GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Những giải pháp có tính dài hạn hơn sẽ được đặt ra trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 trình Đại hội IX. Nội dung cơ bản các giải pháp thực hiện trong năm 2000 là tiếp tục triển khai một cách cương quyết, đồng bộ có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4, Trung ương 6 (lần 1) được thể hiện một cách đầy đủ trong Nghị quyết 08 của Chính phủ, nhất là các giải pháp kích thích đầu tư, phát triển sản xuất và nâng cao tiêu dùng xã hội,... đồng thời, trong năm 2000 nhanh chóng triển khai một số việc cụ thể sau đây:

1. Tập trung sức cho phát triển sản xuất gắn liền với việc tiêu thụ hàng hóa trên thị trường

1- Trong nông nghiệp

- Tiếp tục hỗ trợ tích cực về tín dụng, khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật để nông dân thâm canh, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi. Đặc biệt quan tâm tăng nguồn cung cấp lương thực tại chỗ cho người nghèo ở các vùng cao, vùng sâu, vùng xa bằng việc tạo điều kiện phát triển sản xuất lương thực, như làm thủy lợi nhỏ, làm ruộng bậc thang, mở rộng diện tích đất nông nghiệp, làm giống lúa lai, ngô lai.

- Ưu tiên cao cho việc đầu tư phát triển các loại giống, trước hết tập trung thực hiện các dự án cải tạo giống các loại cây, con chính. Tăng cường hệ thống nhân giống, bảo đảm đưa nhanh giống tốt trực tiếp tới dân.

- Phát triển chế biến và bảo quản nông sản, tăng cường công nghệ sau thu hoạch, nhất là công nghệ bảo quản rau, quả, kéo dài thời gian tiêu thụ tươi, nâng cao năng lực sấy lúa hè thu và chế biến gạo xuất khẩu ở đồng bằng sông Cửu Long; xây dựng các nhà máy chế biến hoa quả ở vùng nguyên liệu tập trung, trang bị các dây chuyền giết mổ quy mô nhỏ và chế biến thịt cho các đô thị, khu công nghiệp...

- Hoàn thành cơ bản việc chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp, đổi mới nông, lâm trường. Phát triển kinh tế trang trại, tạo điều kiện để trang trại chuyển sang đăng ký kinh doanh theo các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Thúc đẩy khai hoang, phục hóa, tăng thêm đất canh tác, đất trồng cây công nghiệp, trồng rừng ở những nơi có

điều kiện. Trong năm 2000 có thể khai thác thêm diện tích trồng lúa khoảng 20 - 25 nghìn hécta, trồng cây công nghiệp dài ngày khoảng 25 - 30 nghìn hécta, trồng cây ăn quả 15 - 20 nghìn hécta, trồng cây ngắn ngày 20 - 25 nghìn hécta. Đất lâm nghiệp có thể khai thác thêm khoảng 400 - 500 nghìn hécta, trong đó trồng rừng tập trung 300 - 350 nghìn hécta.

- Phấn đấu đến năm 2000 thực hiện xong việc giao quyền sử dụng đất để tạo điều kiện khuyến khích nông dân yên tâm đầu tư, mua sắm máy móc phục vụ nông nghiệp đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

- Tiếp tục đầu tư mạnh vào khoa học, công nghệ, chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao cho tiêu dùng và xuất khẩu.

2- Trong công nghiệp

- Rà soát lại từng nhóm sản phẩm để tập trung phát triển, giải phóng tối đa năng lực sản xuất hiện có:

+ Đối với các sản phẩm có khả năng cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ như dầu thô, dệt may, giày dép, thủy sản, công nghiệp chế biến... thì sẽ tăng cường đầu tư, đổi mới thiết bị, nâng cao chất lượng để phát triển tối đa.

+ Đối với các sản phẩm bị giới hạn bởi nhu cầu có khả năng thanh toán còn thấp như thép, ximăng, các loại thiết bị máy móc, cơ kim khí tiêu dùng,... thì một mặt cần kích thích đầu tư, tiếp tục thực hiện sâu rộng hơn các chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn để tăng khả năng tiêu thụ các sản phẩm vật liệu xây dựng, giải phóng được năng lực sản xuất còn đang dư thừa. Mặt khác thực hiện chính sách hỗ trợ sức mua cho các tầng lớp dân cư, thông qua cơ chế mua hàng trả góp, thúc đẩy các tầng lớp dân cư

mua sắm các loại thiết bị máy móc phục vụ cho phát triển kinh tế trang trại, khai hoang, xây dựng các cơ sở chế biến, trang bị các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu... tạo khả năng huy động tối đa năng lực sản xuất còn đang dư thừa của một số sản phẩm.

+ Đối với các sản phẩm không có khả năng cạnh tranh và chưa có thị trường thì sắp xếp lại, chuyển đổi phương án sản phẩm.

- Đưa nhanh tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, nhất là các thành quả nghiên cứu về tự động hóa, vật liệu mới, công nghệ thông tin. Nâng cao chất lượng sản phẩm, tìm mọi biện pháp để giảm giá thành, đủ sức cạnh tranh ngay trên thị trường trong nước và tăng khả năng xuất khẩu, chú trọng các sản phẩm trong khuôn khổ thực hiện AFTA.

- Phát triển mạnh các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, thu hút nhiều lao động, đưa nhanh công nghiệp chế biến và sơ chế nông sản thực phẩm về gần vùng nguyên liệu.

3- Trong lưu thông và xuất nhập khẩu

- Phát triển đồng bộ hệ thống thị trường, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường nông thôn, tăng quy mô thị trường nội địa theo hướng đa dạng hóa, sử dụng các biện pháp thích hợp để kích thích sức mua của dân, nhất là ở vùng nông thôn; coi đây vừa là mục tiêu nâng cao mức sống các tầng lớp dân cư, vừa là động lực tạo sự phát triển năng động của nền kinh tế.

- Nhân rộng các mô hình liên kết liên doanh giữa các loại hình doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế và giữa các doanh nghiệp công nghiệp với các cơ sở sản xuất nguyên liệu, bằng những hợp đồng kinh tế dài hạn, bảo đảm tiêu thụ hết

hàng nông sản cho nông dân, mở rộng khả năng trao đổi hàng hóa giữa khu vực nông thôn - thành thị.

- Thúc đẩy thương mại trong nước và xuất khẩu, tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương tất cả doanh nghiệp của các thành phần kinh tế đều có quyền trực tiếp xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ thuộc ngành nghề kinh doanh.

- Nhanh chóng hình thành Quỹ hỗ trợ tín dụng xuất khẩu và bảo lãnh tín dụng xuất khẩu cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu thuộc mọi thành phần kinh tế. Nghiên cứu hình thành và nhân rộng quỹ dự phòng rủi ro và phát triển sản xuất theo ngành hàng.

- Công bố rộng rãi lịch trình AFTA, lộ trình cắt giảm thuế và dự báo giá cả mà doanh nghiệp có khả năng bán được hàng của mình. Từng doanh nghiệp thực hiện các biện pháp khắc phục khó khăn trước mắt, có kế hoạch chương trình để thích nghi với điều kiện giảm thuế nhập khẩu và giá cả thị trường theo lộ trình AFTA, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh. Có cơ chế cụ thể để thúc ép các doanh nghiệp phải tính toán, bảo đảm tính cạnh tranh, chống ỷ lại trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước bảo đảm hội nhập kinh tế có hiệu quả.

2. Tăng khả năng huy động vốn đầu tư, tiếp tục điều chỉnh cơ cấu đầu tư, tập trung vốn cho các dự án có hiệu quả kinh tế - xã hội, có tác động đến nhiều ngành kinh tế, có tỷ lệ xuất khẩu cao

Năm 2000, để giữ tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 1999, một mặt, phải bằng mọi biện pháp để tăng tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó phần đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước

ít nhất phải bằng (hoặc cao hơn) tổng mức đầu tư thực hiện của năm 1999. Mặt khác phải tính toán, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn theo hướng:

+ Rà soát lại các chương trình, dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước, bố trí đầu tư tập trung, có trọng điểm, theo mục tiêu kế hoạch.

Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện phân cấp đi đôi nâng cao trách nhiệm cho các bộ, ngành, các địa phương trong việc quyết định đầu tư và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách.

+ Vốn tín dụng đầu tư sẽ tập trung cho các dự án chuyển tiếp, có thể hoàn thành để tăng năng lực sản xuất và phát huy hiệu quả, tăng khả năng cạnh tranh ngay trong năm 2000. Chú trọng các chương trình kinh tế quan trọng. Dự kiến đầu tư công nghiệp khoảng 60% (bao gồm cả các dự án thuộc lĩnh vực điện), giao thông vận tải khoảng 8 - 10%, sẽ dành một tỷ lệ vốn thích đáng cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh vay.

+ Nguồn vốn của các doanh nghiệp nhà nước tự đầu tư sẽ tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới trang thiết bị, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa có thị trường.

+ Khuyến khích đầu tư và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế. Nguồn vốn của dân cư sẽ hướng tập trung đầu tư vào các cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, phát triển trang trại, nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản, xây dựng nhà ở, khách sạn, cửa hàng, các công trình văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khuyến khích đầu tư theo hình thức BOT.

+ Đối với nguồn vốn ODA, một mặt cần phải tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm thu hút thêm nguồn vốn ODA, mặt khác phải tích cực thúc đẩy việc giải ngân các chương trình, dự án ODA đã được hợp thức hóa, đặc biệt là đối với các dự án lớn sử dụng vốn vay của Nhật Bản, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á. Đảm bảo đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và các thủ tục về đấu thầu, xét thầu, làm hài hòa các thủ tục giữa Việt Nam với bên tài trợ, tăng cường công tác quản lý và điều hành dự án.

+ Đối với nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao tính cạnh tranh và sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, thực hiện một giá hàng hóa và dịch vụ đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như các doanh nghiệp trong nước. Mở rộng danh mục các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư và biện pháp khuyến khích đầu tư, xử lý linh hoạt việc chuyển đổi các hình thức đầu tư đối với từng dự án cụ thể. Linh hoạt hơn trong việc cấp phép đầu tư đối với hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài đối với các dự án sử dụng công nghệ cao, xuất khẩu phần lớn sản phẩm; xây dựng hạ tầng khu công nghiệp ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn.

- Dành một khoản vốn để chuẩn bị đầu tư và tiếp tục đầu tư gối đầu một số dự án quan trọng cho kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và các năm tiếp theo.

Ngoài việc tiếp tục tập trung đầu tư các dự án quan trọng được Quốc hội thông qua như: 5 triệu hécta rừng, chương trình

khí - điện - đạm, Nhà máy lọc dầu số 1, còn tập trung chuẩn bị đầu tư hoặc đẩy nhanh tiến độ xây dựng đối với một số chương trình, dự án như: đường xuyên Á, xây dựng một số đoạn của đường Hồ Chí Minh, hầm qua đèo Hải Vân, cầu Bãi Cháy, cầu Thanh Trì, cầu Cần Thơ, cảng Cái Lân, dự án phóng vệ tinh VINASAT; hồ Lòng Sông, hồ Định Bình, hồ Ia Súp Thượng, các dự án thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long, dự án thủy lợi miền Trung, chương trình xuất khẩu thủy sản; Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 2-1 mở rộng, Nhiệt điện Phả Lại 2, Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đami, chuẩn bị đầu tư Nhà máy Thủy điện Sơn La (sau khi Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư); Nhà máy Ximăng Hải Phòng, Nhà máy Ximăng Hoàng Mai, Nhà máy Ximăng Tam Điệp, Nhà máy sửa chữa tàu biển và giàn khoan, chương trình sản xuất động cơ nhỏ, Nhà máy đại tu đầu máy xe lửa điezen. Khu công nghệ cao ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Một số trường đại học vùng, các trường trọng điểm dạy nghề, Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện Hữu Nghị, Bệnh viện Thống Nhất, Trung tâm y tế chuyên sâu Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam, khu liên hợp thể thao quốc gia.

- Triển khai thực hiện các nghị định và quyết định về khuyến khích đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

- Xây dựng các thể chế của thị trường vốn; khẩn trương mở thị trường chứng khoán; khuyến khích phát triển các thể chế tài chính mới như bảo lãnh, bảo hiểm và đa dạng hóa công cụ tài chính.

- Từng bước công bố công khai quy hoạch sử dụng đất đai ở các thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp tập trung. Hình thành thị trường bất động sản. Rà soát, kiểm tra lại đất đai do các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước quản lý, sử dụng không có hiệu quả để xử lý, tăng thêm quỹ đất để liên kết liên doanh hoặc "*đổi đất lấy công trình*" theo cách làm mới, chặt chẽ, có hiệu quả.

3. Khẩn trương triển khai thực hiện nhất quán *Luật doanh nghiệp*, củng cố doanh nghiệp nhà nước

Xét về khía cạnh hành chính kinh tế, *Luật doanh nghiệp* có nghĩa lớn, mang tính chất bước ngoặt trong tháo gỡ khó khăn, giải phóng sức sản xuất. Vì vậy việc cụ thể hóa nhanh chóng Luật này có tầm quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế ngay trong năm 2000.

- Cần thực hiện ngay việc ban hành đầy đủ và kịp thời 5 Nghị định hướng dẫn thi hành *Luật doanh nghiệp*, công bố danh mục ngành nghề cấm kinh doanh; rà soát lại tất cả các văn bản pháp luật có liên quan đến thực hiện *Luật doanh nghiệp*, trên cơ sở đó bãi bỏ các văn bản pháp luật có nội dung trái với *Luật doanh nghiệp*.

- Tiếp tục chỉ đạo các tổng công ty kiện toàn về tổ chức và sắp xếp các đơn vị thành viên, cải tiến một bước cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ theo hướng phân định rõ địa vị pháp lý, chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của hội đồng quản trị và mối quan hệ giữa tổng công ty và đơn vị thành viên theo mô hình "công ty mẹ - công ty con", trong đó các tổng công ty

được Nhà nước ủy quyền làm chủ sở hữu vốn nhà nước ở các đơn vị thành viên.

- Tiếp tục mở rộng hơn nữa quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho doanh nghiệp nhà nước trong quyết định huy động vốn, đầu tư, thay đổi cơ cấu tài sản, thay đổi cơ cấu, phương án và quy mô sản xuất, chuyển đổi ngành nghề và địa bàn kinh doanh. Bãi bỏ yêu cầu về vốn pháp định đối với doanh nghiệp nhà nước trong mở rộng, bổ sung, thay đổi ngành nghề và quy mô kinh doanh.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ mới đối với doanh nghiệp thông qua việc phát triển Quỹ hỗ trợ phát triển, kết hợp đồng bộ với nguồn tín dụng thương mại, cơ chế huy động vốn của doanh nghiệp.

- Trên cơ sở kết quả kiểm kê, đánh giá lại tài sản, vốn và tình trạng tài chính trong doanh nghiệp nhà nước, phân loại doanh nghiệp để: tiếp tục đầu tư cho các doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ, sản xuất có hiệu quả, có điều kiện phát triển. Có cơ chế tài chính để hỗ trợ doanh nghiệp công ích, doanh nghiệp nhà nước kinh doanh có hiệu quả; đồng thời sớm khắc phục tình trạng hỗ trợ mang tính bao cấp cho doanh nghiệp nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp nhà nước, một mặt phải tìm mọi giải pháp (vốn, công nghệ, thị trường, cán bộ...) để làm cho các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, đảm bảo vai trò chủ đạo. Mặt khác, tiếp tục sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Chính phủ giao chỉ tiêu và danh mục cụ thể số doanh nghiệp phải giao, bán, khoán, và cho thuê các doanh nghiệp

nhà nước có vốn dưới 1 tỷ đồng cho từng bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổng công ty.

Tiếp tục thực hiện nhất quán việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, giải quyết linh hoạt các vấn đề phát sinh để thực hiện có hiệu quả việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

- Tạo thuận lợi nhiều hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ có điều kiện để phát triển, nhất là cho vay vốn, sử dụng đất, chính sách thuế...

- Ban hành Nghị định quy định chuyển một số doanh nghiệp nhà nước kinh doanh sang quản lý và hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

4. Các giải pháp tài chính, tiền tệ, tín dụng

Về chính sách tài chính:

- Nâng cao hiệu quả quản lý thu ngân sách nhà nước, tiếp tục sửa đổi, bổ sung chính sách thu, tiếp tục cải cách thuế bước 2. Hoàn chỉnh các luật thuế mới bảo đảm khuyến khích sản xuất có hiệu quả, đồng thời tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước. Bổ sung sửa đổi và hoàn thiện chế độ thu nhà nước đối với đất đai. Chuẩn bị tốt những điều kiện cần thiết để xây dựng một số luật thuế mới như thuế thu nhập cá nhân, thuế tài sản...

- Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính để khuyến khích mở rộng, huy động các nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển.

- Tăng quyền chủ động và nâng cao vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý tài chính và ngân sách ở các cấp

chính quyền địa phương. Tiếp tục ổn định nguồn thu và các nhiệm vụ chi, bố trí dự phòng ở mức hợp lý cho ngân sách địa phương, thực hiện thưởng vượt thu cho địa phương theo *Luật ngân sách nhà nước* để chính quyền địa phương chủ động phấn đấu tăng thu, bồi dưỡng và khai thác tốt các nguồn thu, bố trí các khoản chi hợp lý, giải quyết kịp thời những nhiệm vụ đột xuất phát sinh.

- Xây dựng kế hoạch về huy động vốn vay và trả nợ để có phương án chủ động điều hành và quản lý nợ quốc gia.

- Tổ chức thực hiện tốt pháp lệnh tiết kiệm và chống lãng phí. Kiểm tra việc thực hiện chế độ quy định về công khai ngân sách các cấp chính quyền, công khai tài chính ở đơn vị sử dụng ngân sách; tăng cường giám sát của các đoàn thể quần chúng, của nhân dân đối với việc thu, chi ngân sách, kịp thời phát hiện những sai phạm trong quản lý tài chính.

Về tiền tệ, tín dụng:

- Hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động ngân hàng; tiếp tục hướng dẫn thi hành *Luật ngân hàng*, *Luật các tổ chức tín dụng*.

- Củng cố bộ máy tổ chức tín dụng, tăng cường các cán bộ có năng lực và phẩm chất trong các vị trí điều hành chủ chốt của các tổ chức tín dụng, chỉ đạo các tổ chức tín dụng nâng cao vai trò tự chủ và chỉ tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh, chú trọng đến hiệu quả cho vay, chất lượng tín dụng, đơn giản hóa các thủ tục cho vay, từ đó mở rộng cho vay đồng thời giảm thấp nợ quá hạn so với đầu năm và phấn đấu giảm xuống trong phạm vi cho phép.

- Tập trung tăng cường bộ máy thanh tra, kiểm soát các tổ chức tín dụng đi đôi với xây dựng các thiết chế an toàn trong hoạt động ngân hàng.

- Tăng cường năng lực tài chính cho các ngân hàng thương mại quốc doanh để đảm bảo cho các ngân hàng này thực hiện vai trò chủ đạo và chủ lực trong hệ thống ngân hàng, thực hiện một số biện pháp nhằm làm lành mạnh hóa tài chính của các ngân hàng thương mại.

- Có cơ chế tạo nguồn vốn để xử lý bước đầu các khoản nợ xấu đồng thời triển khai xây dựng mô hình các công ty mua bán nợ của hệ thống ngân hàng.

- Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện việc chấn chỉnh, củng cố hoạt động của các tổ chức tín dụng theo hướng:

+ Kiên quyết sắp xếp, chấn chỉnh thông qua các biện pháp sáp nhập, nâng cao quy mô hoạt động, hoặc rút giấy phép nếu không đủ điều kiện đối với ngân hàng thương mại cổ phần;

+ Tổng kết quá trình hoạt động thí điểm quỹ tín dụng nhân dân, định hướng và tổ chức lại hoạt động cho phù hợp với từng loại hình tổ chức tín dụng để đáp ứng các nhu cầu vốn trên địa bàn đồng thời bảo đảm các nguyên tắc an toàn;

+ Tách bạch rõ giữa cho vay chính sách và cho vay thương mại đối với ngân hàng thương mại quốc doanh, giảm dần khối lượng tín dụng ưu đãi, giảm đối tượng và các kênh cung cấp tín dụng ưu đãi.

- Thay đổi quy chế tín dụng theo hướng tăng cường quyền hạn và trách nhiệm cho các ngân hàng, các chi nhánh trong

việc quyết định cấp tín dụng, phương thức và thời hạn cấp tín dụng. Hoàn thiện chính sách cầm cố thế chấp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc vay vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh công tác cho vay để mua sắm tiêu dùng nhằm kích cầu và kích thích sản xuất. Từng bước thực hiện điều hành chính sách tiền tệ theo lãi suất cơ bản tạo điều kiện cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại. Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh lãi suất hợp lý, đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển, mở rộng diện cho vay trong tất cả các thành phần kinh tế.

5. Thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, chính sách xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững

- Tiếp tục thực hiện các Quyết định 133 của Chính phủ về chương trình xóa đói giảm nghèo bao gồm cả định canh định cư và Quyết định 135 của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Tổ chức lại công tác quản lý các chương trình mục tiêu trên địa bàn theo hướng: mỗi tỉnh, thành phố chỉ thành lập ***một ban chỉ đạo*** các chương trình quốc gia. Chủ tịch tỉnh, thành phố thực hiện việc lồng ghép các mục tiêu của các chương trình kinh tế - xã hội trên địa bàn, nhất là ở vùng nghèo, xã nghèo vào mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Các bộ, ngành quản lý chương trình chịu trách nhiệm xác định mục tiêu, cân đối nguồn vốn, xây dựng chính sách,

kiểm tra đôn đốc thực hiện, tạo điều kiện các địa phương thực hiện tốt lồng ghép các mục tiêu trên địa bàn. Không được trích từ nguồn vốn dành cho chương trình, mục tiêu quốc gia để hình thành chi phí quản lý.

- Tập trung mức kinh phí của các chương trình mục tiêu cho vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Bảo đảm nguồn vốn đầu tư cho chương trình xóa đói, giảm nghèo tăng hơn năm 1999. Tăng mức kinh phí cho các chương trình chống tệ nạn xã hội: ma túy, mại dâm, AIDS, phòng, chống tội phạm.

- Tăng cường công tác đào tạo các cán bộ quản lý dự án xóa đói giảm nghèo ở cấp cơ sở.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 và Trung ương 5.

- Các bộ, các ngành, các địa phương khẩn trương tổ chức thực hiện Nghị định 73 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, tạo môi trường thật thuận lợi để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia. Các đơn vị, cơ sở tham gia đầu tư vào lĩnh vực xã hội được hưởng tín dụng ưu đãi từ Quỹ tín dụng ưu đãi từ Quỹ hỗ trợ phát triển, giao đất không thu tiền để xây dựng cơ sở vật chất, được hưởng mức ưu đãi tối đa về thuế, được Nhà nước tài trợ bằng biện pháp Nhà nước đầu tư trở lại thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước.

- Thực hiện tốt các chính sách về xã hội; chính sách tiền lương của Chính phủ, chính sách đối với người có công, hỗ trợ cho các vùng nghèo, vùng khó khăn; bảo đảm an toàn xã hội,

an toàn giao thông theo hướng tăng cường hiệu lực của khung khổ pháp luật và tăng cường sự tham gia của dân.

- Hình thành khung pháp luật, chính sách bảo vệ môi trường; động viên mọi tầng lớp dân cư, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế tham gia và đóng góp vào công tác bảo vệ môi trường.

6. Cải cách bộ máy hành chính nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 7

- Tăng cường chất lượng các luật cụ thể, rõ ràng để có thể triển khai ngay sau khi ban hành. Trên cơ sở đó thu hẹp tối đa các văn bản dưới luật để tránh chậm trễ và thậm chí tránh cả làm sai lệch nội dung luật. Đẩy mạnh việc phổ biến pháp luật tới mọi tầng lớp dân cư và đảm bảo pháp luật có hiệu lực thực sự. Đảm bảo hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách có hiệu lực, hiệu quả.

- Phân cấp mạnh và toàn diện giữa các cấp trong hệ thống hành chính nhà nước trên cơ sở gắn kết trách nhiệm, nghĩa vụ. Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện. Mở rộng tổ chức tốt việc phối hợp hoạch định, điều hành cơ chế, chính sách và chương trình. Tăng cường chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, cơ chế ban hành đi đôi với việc khắc phục tình trạng "hình sự hóa" các quan hệ kinh tế. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Có chương trình, kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng thường xuyên công chức nhà nước gắn với đổi mới hệ thống giáo dục, đào tạo theo hướng hiện đại và dân tộc.

V- PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

Căn cứ tình hình năm 1999, dự báo các yếu tố thuận, không thuận trong năm 2000, có tính đến tình hình kinh tế thế giới và khu vực đang phục hồi, có thể tạo những điều kiện thuận lợi để kinh tế nước ta tăng trưởng cao hơn, nhưng cũng đặt ra những thách thức lớn trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt. Do vậy, cần lựa chọn phương án phù hợp để vừa thực hiện mức cao nhất các nhiệm vụ còn lại của kế hoạch 5 năm (1996 - 2000), vừa tạo đà phát triển cho 5 năm tiếp theo.

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích các chỉ tiêu từ các bộ, ngành chủ yếu, các tổng công ty lớn như: Tổng công ty điện lực, thép, dầu khí, ximăng, than, bưu chính viễn thông, hàng không... các tỉnh, thành phố có giá trị sản xuất lớn; từ việc tính toán và dự báo các cân đối vĩ mô, nhất là cân đối về vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, cân đối xuất, nhập khẩu. Dựa vào các phương án bố trí kế hoạch cho từng ngành, lĩnh vực với việc huy động các công suất hiện có và công suất tăng thêm trong năm như trên; đồng thời, có tính đến tình hình thị trường trong, ngoài nước và khả năng tiêu thụ các sản phẩm... và các cơ chế chính sách đã ban hành và sẽ được ban hành trong thời gian tới. Dự kiến xây dựng hai phương án phát triển sau đây:

Phương án 1 được bố trí căn cứ vào dự báo những nhân tố bên trong đang được đẩy mạnh khai thác, phát huy. Trên cơ sở tính toán các cân đối về tích lũy - tiêu dùng, về ngân sách nhà nước, về huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển và xem xét đến khả năng xuất khẩu,

khả năng cán cân thanh toán quốc tế, dự báo những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Về các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô so với năm 1999:

Tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 5,0 - 6,0%.

Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng: 3,5 - 4,0%.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng: 10,5 - 11,0%.

Giá trị các ngành dịch vụ tăng: 4,5 - 5,0%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng: 11,5 - 12%.

Lạm phát khoảng 6,0%; mức bội chi ngân sách không vượt quá 5% GDP.

Một số chỉ tiêu về xã hội dự kiến như sau:

Quy mô trẻ đi nhà trẻ tăng 3,1%, mẫu giáo tăng khoảng 5%, trung học cơ sở tăng hơn 4,6%, trung học phổ thông tăng 12%, quy mô đào tạo nghề tăng 11,5%, trung học chuyên nghiệp tăng 12%, học sinh đại học và cao đẳng tăng 6,8%.

Tỷ lệ tăng tự nhiên về dân số năm 2000 đạt mức 1,53%.

Dự kiến có thể thu hút được từ 1,2 đến 1,3 triệu lao động; nâng mức sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 70%.

Duy trì tỷ lệ 90 - 95% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ sáu loại vắcxin, phấn đấu thanh toán bệnh bại liệt; giảm tỷ lệ bướu cổ trẻ em 8 - 10 tuổi xuống còn dưới 10% và duy trì 100% số dân miền núi, 80% số dân ở đồng bằng sử dụng muối iốt; giảm mắc sốt rét 15%; phấn đấu giảm nguy cơ nhiễm lao xuống 1,4%; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 35 - 36%.

Năm 2000 đạt mục tiêu 87% số hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam, 80% số hộ xem được chương trình truyền hình Trung ương.

Giảm số hộ nghèo cả nước xuống còn khoảng 10 - 11%, cơ bản xóa hết hộ đói; giảm 30 vạn hộ đói nghèo.

Phương án 2 trong quá trình điều hành nền kinh tế, nếu những điều kiện thuận lợi trong nước và nước ngoài đã xuất hiện, khắc phục tốt hơn ảnh hưởng qua khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực, các yếu tố bên trong của nền kinh tế được cải thiện... thì cố gắng phấn đấu thực hiện phương án phát triển kinh tế cao hơn với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6,5 - 7,5%.

Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng: 4,0 - 4,5%.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng: 11% - 11,5%.

Giá trị các ngành dịch vụ tăng: 5,0 - 6,0%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 13 - 14%.

Lạm phát khoảng 7 - 8%.

Các chỉ tiêu về xã hội phấn đấu tốt hơn phương án 1.

Phương án 1 là phương án có tính khả thi cao hơn phương án 2. Tuy vậy cả hai phương án đều có khả năng thực hiện, chỉ khác nhau về mức độ triển khai thực hiện các giải pháp huy động nguồn lực cho phát triển, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ. Nếu có các biện pháp để đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ (khu vực dịch vụ chiếm trên 41% GDP, mà khu vực này các năm trước đây đều có tốc độ tăng cao: năm 1996 tăng 8,8%, năm 1997 tăng 7,2%, năm 1998 tăng 4,9%), để GDP ngành này tăng khoảng 6% thì tốc độ tăng trưởng nền kinh tế đã có thể đạt 6,5 - 7,5%.

Thực hiện được kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2000 đã bố trí như trên, một số chỉ tiêu chủ yếu so với kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 đạt được như sau:

- Tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hằng năm trong 5 năm khoảng 6,7% so với mục tiêu là 9 - 10%.

- Tổng GDP năm 2000 hơn gấp đôi so với năm 1990, đạt mục tiêu chiến lược đã đề ra.

- GDP bình quân đầu người đến năm 2000 gần bằng 1,8 lần so với năm 1990, khó đạt mục tiêu đề ra trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 (bằng 2 lần).

- Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt 48,5 tỷ USD, bằng 85% kế hoạch 5 năm.

- Xuất khẩu bình quân đầu người năm 2000 trên 150 USD, khó đạt mục tiêu đã đề ra là 200 USD.

- Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm đạt 58 tỷ USD, bằng 77% kế hoạch 5 năm.

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện 5 năm 37 tỷ USD (theo giá 1995), đạt 90% so với mục tiêu của 5 năm.

- Nhịp độ phát triển dân số năm 2000 là 1,53%, so với mục tiêu là 1,8%.

- Trong 5 năm giải quyết 6,4 triệu chỗ làm việc mới, so với mục tiêu 6,5 - 7 triệu người.

- Số máy điện thoại trên 100 dân đến năm 2000 là 4 máy, so với mục tiêu là 6 máy.

- Số hộ đói nghèo đến năm 2000 còn khoảng 10 - 11%, so với mục tiêu 10%.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Số 04-KL/TW, ngày 11 tháng 11 năm 1999

Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2000

I

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1999, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 và Trung ương 6 (lần 1) và Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị, mặc dù gặp phải những khó khăn và thách thức lớn do những yếu kém của bản thân nền kinh tế cũng như những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế thế giới, chúng ta vẫn cố gắng duy trì được tốc độ tăng trưởng khoảng 5%; sản xuất nông nghiệp được mùa tương đối toàn diện; sản xuất công nghiệp trong một số lĩnh vực đạt kết quả khá; tốc độ tăng xuất khẩu vượt dự kiến; giảm được trên 40 vạn hộ đói nghèo; tạo việc làm cho khoảng 1,2 triệu lao động; hạ tốc độ tăng dân số xuống mức 1,58%; các hoạt động giáo dục,

khoa học công nghệ, văn hóa - thông tin, y tế, thể thao đều có bước phát triển.

Những thành tựu và tiến bộ đó là kết quả của sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta; là nhân tố quan trọng góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở nước ta; là cơ sở quan trọng để chúng ta phấn đấu khắc phục có hiệu quả những mặt yếu kém, vượt qua khó khăn, thách thức, đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội năm 2000.

Khó khăn, yếu kém của nền kinh tế nước ta hiện nay là: tốc độ tăng trưởng tiếp tục giảm so với năm trước, chất lượng phát triển, năng lực cạnh tranh và hiệu quả chưa cao. Cơ cấu đầu tư còn những mặt không hợp lý, tốc độ tăng vốn đầu tư toàn xã hội có xu hướng giảm dần, hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước còn thấp, nguồn lực trong dân còn lớn nhưng chưa được huy động mạnh mẽ cho đầu tư phát triển; khu vực doanh nghiệp nhà nước chuyển biến chậm; đầu tư nước ngoài giảm; chủ trương kích cầu chưa thực hiện tốt. Văn hóa - xã hội vẫn còn nhiều vấn đề bức xúc, tỷ lệ lao động chưa có và chưa đủ việc làm còn lớn và đang tăng lên, sự phân hóa thu nhập và mức sống còn nhiều bất hợp lý; một số tệ nạn xã hội và tội phạm nguy hiểm chưa giảm; các thành phần kinh tế chưa hăng hái phát triển sản xuất kinh doanh, tâm trạng xã hội có diễn biến phức tạp ở một số vùng, một bộ phận dân cư.

Những yếu kém trên đây có nhiều nguyên nhân, trong đó có phần do những yếu kém cơ bản của nền kinh tế, nhưng nguyên nhân chủ yếu thuộc về những khuyết điểm và bất cập trong cơ chế chính sách vĩ mô, trong sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành từ Trung ương đến cơ sở. Vì vậy, các ngành,

các cấp cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, nắm vững và vận dụng sáng tạo các quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, kiên quyết và kịp thời sửa chữa khuyết điểm và yếu kém, đổi mới và nâng cao hiệu lực tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, khơi dậy và nhân rộng phong trào thi đua yêu nước nhằm tạo cho được bước phát triển mới trong năm 2000.

II

Năm 2000 là năm có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra trong Chiến lược 10 năm (1991 - 2000) và kế hoạch 5 năm (1996 - 2000). So với các mục tiêu mà Đại hội VIII của Đảng đã đề ra cho 5 năm (1996 - 2000), nhiệm vụ của năm 2000 rất nặng nề, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta phải nỗ lực phấn đấu cao hơn nữa nhằm mục tiêu: đẩy mạnh phát triển kinh tế với tốc độ cao hơn năm 1999, phấn đấu thực hiện cho được các chỉ tiêu đã đề ra trong Chiến lược 10 năm (1991 - 2000) và kế hoạch 5 năm (1996 - 2000), tạo được chuyển biến mạnh mẽ về nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế, về phát triển khoa học, công nghệ, bồi dưỡng nguồn nhân lực và giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc; cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của các tầng lớp dân cư, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, tạo đà phát triển bền vững cho 5 năm tiếp theo.

Mục tiêu tổng quát đó đòi hỏi phải tiếp tục bám sát diễn biến thực tiễn đất nước, nhất là thực tiễn ở cơ sở, quán triệt

và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Đảng, tạo động lực mới cho sự phát triển thông qua việc cải thiện môi trường kinh tế vĩ mô với cơ chế thật sự giải phóng lực lượng sản xuất, phát huy cao độ mọi nguồn nội lực đi đôi với chủ động mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế quốc tế.

Các chủ trương và giải pháp phát triển kinh tế, xã hội năm 1999 và năm 2000 đã được nêu rõ trong các Nghị quyết Trung ương 4, Trung ương 6 (lần 1) và Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị. Các cấp ủy đảng, các ngành và các cấp chính quyền, các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội cần tiếp tục cụ thể hóa và tổ chức thực hiện tốt các chủ trương và giải pháp đó.

Trong tình hình mới, Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh thêm một số vấn đề sau đây:

1- *Trong nông nghiệp*

Tiếp tục ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn, tập trung khắc phục nhanh hậu quả ở các vùng bị thiên tai nặng, nhất là ở miền Trung; đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ sinh học tiên tiến, trước hết là về giống các cây trồng và vật nuôi chủ yếu, phù hợp với đặc điểm từng vùng, chú trọng các giống mới có chất lượng cao, tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công kết hợp với chính sách hỗ trợ về tín dụng, về giá; tạo thêm điều kiện thuận lợi và có chính sách khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, đặc biệt là các cơ sở công nghiệp chế biến sử

dụng nguồn nguyên liệu trong nước, công nghệ bảo quản nông sản sau thu hoạch.

Tiếp tục khuyến khích kinh tế hộ nông dân, kinh tế trang trại và các hình thức kinh tế hợp tác trong nông thôn. Tổng kết việc chuyển đổi các hợp tác xã cũ theo *Luật hợp tác xã* và các hợp tác xã mới thành lập để đúc rút kinh nghiệm và chỉ đạo việc mở rộng. Sắp xếp lại và đổi mới mạnh mẽ các nông, lâm trường và quốc doanh thủy sản theo hướng chủ yếu làm dịch vụ khoa học, kỹ thuật chế biến, tiêu thụ, hỗ trợ có hiệu quả các hộ nông dân, ngư dân, các thành phần kinh tế khác đẩy mạnh sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đổi mới cơ chế quản lý, phân phối đi đôi với tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ vùng nghèo, hộ nghèo; coi trọng công tác vận động quần chúng, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, xây dựng nông thôn mới giàu mạnh, đoàn kết, dân chủ, văn minh.

2- *Về công nghiệp và dịch vụ*

Soát xét lại định hướng phát triển của từng ngành, từng nhóm sản phẩm và có chính sách hỗ trợ hợp lý đối với những ngành công nghiệp mũi nhọn và các sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường, sử dụng nhiều lao động, nhất là các sản phẩm xuất khẩu quy mô lớn; có chính sách đầu tư và khuyến khích mạnh các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tự đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất sản phẩm mới, chất lượng cao.

Chính phủ cần xử lý đồng bộ các vướng mắc về thủ tục hành chính, về chế độ quản lý tài chính, tài sản doanh nghiệp,

điều chỉnh và bố trí kịp thời, hợp lý đội ngũ cán bộ chủ chốt, tập trung và ưu tiên đầu tư đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh và thị trường tiêu thụ, mở rộng hơn nữa quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp, hỗ trợ thỏa đáng số lao động dôi dư... để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chủ trương, giải pháp về sắp xếp lại và đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước đã được đề ra trong Nghị quyết Trung ương 4 và Trung ương 6 (lần 1).

3- *Về thị trường*

Đẩy mạnh xuất khẩu và coi trọng đúng mức thị trường trong nước, có chính sách khuyến khích để tăng sức mua cho nhân dân, nhất là khu vực nông thôn, bảo đảm cân đối giữa sản xuất và chế biến, tiêu thụ hầu hết nông sản hàng hóa cho nông dân; có giải pháp đồng bộ để xử lý tình trạng hàng hóa tồn đọng trong một số ngành công nghiệp; tiếp tục coi trọng và đẩy mạnh công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại.

Tiếp tục khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế tìm kiếm thị trường và khách hàng, trực tiếp xuất khẩu.

Tuyên truyền sâu rộng để dư luận xã hội và các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhà nước ý thức thật sâu sắc về trách nhiệm của người sản xuất, người tiêu dùng, các doanh nghiệp trong việc thực hiện các cam kết với AFTA, lộ trình bỏ hàng rào phi thuế và cắt giảm thuế nhập khẩu, thúc đẩy các doanh nghiệp khẩn trương áp dụng các biện pháp nhằm nâng cao sức cạnh tranh, chống tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự bảo hộ và bao cấp của ngân sách nhà nước.

4- *Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư theo hướng khuyến khích mạnh đầu tư phát triển toàn xã hội*

Đối với nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, cần tiếp tục điều chỉnh hợp lý cơ cấu đầu tư và việc phân công, phân cấp tổ chức thực hiện cho địa phương, cơ sở; tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, chống lãng phí, tham nhũng để nâng cao hiệu quả các công trình đầu tư. Tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, về mặt bằng sản xuất, về thuế, về nguồn vay, cũng như các thủ tục hành chính khác, để khuyến khích các hộ dân, các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Khẩn trương giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với các nhà đầu tư nước ngoài đi đôi với việc bổ sung các chính sách khuyến khích các nhà đầu tư tăng cường đầu tư vào Việt Nam, nhất là vào các ngành và lĩnh vực ưu tiên, các vùng nghèo. Mở rộng việc áp dụng hình thức đầu tư BOT. Kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý các cán bộ, công chức nhà nước ở bất kỳ cương vị công tác nào có thái độ và hành động sách nhiễu, gây khó khăn, cản trở đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Các bộ, ngành cần soát xét lại năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc liên quan đến đầu tư và kinh doanh, kiên quyết thay đổi những cán bộ vi phạm hoặc có biểu hiện gây khó khăn, cản trở cho các nhà đầu tư dưới bất kỳ mức độ và hình thức nào.

5- *Đẩy mạnh cải cách hệ thống tài chính, tiền tệ* nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô.

Cùng với việc triển khai thực hiện các giải pháp cơ bản nhằm đổi mới nền tài chính quốc gia, tài chính doanh nghiệp

và cơ chế hoạt động của hệ thống ngân hàng, các tổ chức tín dụng, trước mắt cần khẩn trương nghiên cứu và đề ra các giải pháp khả thi, trong đó lưu ý việc tiếp tục điều chỉnh linh hoạt lãi suất tín dụng vào những thời điểm thích hợp nhằm sớm khắc phục tình trạng giảm giá kéo dài, tình trạng ứ đọng vốn trong các ngân hàng gây tác động xấu đến môi trường sản xuất kinh doanh.

Việc tổ chức triển khai thực hiện các luật thuế mới cần được sơ kết, điều chỉnh, chỉ đạo điều hành chặt chẽ, cân nhắc đầy đủ những tác động đến đời sống kinh tế - xã hội và người lao động, bảo đảm tính khả thi và sự công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ của người dân, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh. Trong năm 2000, cần nghiên cứu chính sách và có bước đi phù hợp để thực hiện việc miễn, giảm thuế nông nghiệp cho nông dân, trước mắt cho các đối tượng chính sách, cho người nghèo, vùng nghèo, vùng núi cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

6- *Triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cải cách bộ máy, tinh giản biên chế*, giải quyết từng bước chính sách tiền lương đã được quyết định tại Hội nghị Trung ương 3 và Hội nghị Trung ương 7 (khoá VIII). Năm 2000 cần tạo cho được bước chuyển biến rõ trong việc xây dựng nền hành chính có hiệu lực và hiệu quả, đội ngũ cán bộ, công chức xã hội chủ nghĩa có năng lực và phẩm chất đạo đức tốt.

7- *Về một số vấn đề xã hội*

Tiếp tục thực hiện các chủ trương và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 về giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe nhân dân và Nghị quyết Trung ương 5 về văn hóa.

Cụ thể hóa chủ trương xã hội hóa đối với một số hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao...

Tiếp tục triển khai các giải pháp đồng bộ về giải quyết việc làm. Tăng vốn đầu tư vào các chương trình kinh tế - xã hội, đồng thời có biện pháp cụ thể huy động các nguồn vật tư trong nước còn năng lực sản xuất hoặc tồn đọng (than, ximăng, sắt thép...) vào việc xây dựng, tu bổ, mở rộng các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (giao thông, kênh mương, thủy lợi, đê điều...) để thu hút thêm lao động và việc làm.

Năm 2000 bảo đảm nguồn vốn đầu tư cho chương trình xóa đói giảm nghèo tăng hơn năm 1999, tập trung cho 1.700 xã nghèo và một số nơi ở miền Trung vừa bị lũ lụt nặng. Chú trọng việc đào tạo cán bộ quản lý dự án xóa đói, giảm nghèo ở cơ sở.

Tổ chức lại công tác quản lý các chương trình mục tiêu trên địa bàn theo hướng mỗi tỉnh, thành phố chỉ thành lập một ban chỉ đạo các chương trình quốc gia.

Thực hiện phương án tiền lương và chính sách đối với người có công theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 7.

Tăng kinh phí và chỉ đạo thường xuyên, liên tục, đồng bộ để tạo điều kiện chuyển biến trong việc thực hiện các chương trình giải quyết việc làm, phòng, chống tội phạm và chống các tệ nạn xã hội như: ma tuý, mại dâm, AIDS.

*
* *

Ban Chấp hành Trung ương giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp thu ý kiến của Trung ương, căn cứ vào tư tưởng

chỉ đạo trên đây, hoàn chỉnh các báo cáo trình kỳ họp thứ 6 Quốc hội khoá X, phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2000.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi đồng bào, đồng chí trong cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài đoàn kết một lòng, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra trong kế hoạch năm 2000 và 5 năm 1996 - 2000.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Ngày 11 tháng 11 năm 1999

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa Trung ương,
Thưa Hội nghị,

Chúng ta họp Hội nghị Trung ương lần này trong khi đợt lũ lớn tàn phá dữ dội ở miền Trung, gây thiệt hại hết sức nặng nề về người và của cải vật chất.

Theo tình hình nắm được cho đến 8 giờ ngày 11-11-1999, đã có 577 người bị chết, 49 người mất tích. Thiệt hại về vật chất ước tính trên 3.721 tỷ đồng.

Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các ngành, các cấp, các đơn vị đã cùng quân, dân cả nước kịp thời và kiên quyết chống lũ, cứu dân.

Đảng bộ, chính quyền, quân, dân các vùng bị lũ lụt đã đoàn kết thương yêu nhau, đem sức của bà con làng xóm để

cứu lấy bà con làng xóm, phát huy lực lượng tại chỗ, không lùi bước trước khó khăn, đến những nơi nguy hiểm, ngày đêm vật lộn giành giật cuộc sống với lũ lụt.

Nhiều tấm gương hy sinh quên mình để cứu dân rất cảm kích.

Cả nước hướng về miền Trung. Trong cơn hoạn nạn, chúng ta càng thấu hiểu chân lý "nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một", càng thấm sâu lòng yêu nước thương nòi của đồng bào ta.

Chúng ta càng tin tưởng mãnh liệt vào ý chí tự lực, tự cường, phẩm chất cao đẹp của dân tộc ta và con người Việt Nam ta.

Từ Thủ đô Hà Nội thân yêu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thay mặt toàn thể các đảng viên cộng sản Việt Nam và nhân dân cả nước xin bày tỏ lòng thương tiếc và chia sẻ nỗi đau không sao nói hết đối với các gia đình đã mất người thân do lũ lụt gây nên, đối với thân nhân các chiến sĩ lực lượng vũ trang đã hy sinh quên mình trong khi làm nhiệm vụ.

Tôi đề nghị Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương dành một phút thiêng liêng mặc niệm, tưởng nhớ những người con của Tổ quốc đã quá cố.

Thưa các đồng chí,

Sau 7 ngày làm việc khẩn trương và với ý thức trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã hoàn thành tốt các nội dung và chương trình đã định.

Hội nghị đã tập trung thảo luận, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999, xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các

giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2000; thảo luận và cho ý kiến về định hướng chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội IX; nghe báo cáo bước đầu về tình hình kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); xem xét xử lý kỷ luật một số cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

Trên cơ sở phân tích thực trạng tình hình kinh tế - xã hội trong nước và dự báo những chiều hướng, khả năng tác động, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính châu Á, Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (12-1998) đã xác định phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát về kinh tế - xã hội năm 1999 và đến năm 2000.

Nhờ nỗ lực phấn đấu bền bỉ và quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, **trong năm 1999** chúng ta đã thu được những kết quả tích cực: kinh tế - xã hội tiếp tục giữ được ổn định; tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt mức tăng trưởng khoảng 5% với nhịp độ quý sau cao hơn quý trước; sản xuất nông nghiệp được mùa lớn; nhịp độ xuất khẩu tăng dần và vượt dự kiến; một số cân đối vĩ mô quan trọng được cải thiện; một số lĩnh vực xã hội như công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, kế hoạch hóa gia đình, xóa đói, giảm nghèo có chuyển biến mới...

Tuy nhiên, do những yếu kém vốn có của nền kinh tế chưa được khắc phục (cơ cấu mất cân đối, năng suất lao động và hiệu quả thấp, sức cạnh tranh yếu...); cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính châu Á tuy đã có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa ổn định và vẫn gây tác động, nên nhìn chung nền kinh tế nước ta vẫn đang đứng trước những khó khăn,

trong đó có một số khó khăn từ các năm trước chưa giải quyết được, đồng thời năm 1999 lại xuất hiện thêm những khó khăn, yếu kém mới rất đáng lưu ý. Đó là tình trạng giảm giá đã kéo dài liên tục trong 8 tháng; nhiều loại vật tư, hàng hóa tồn kho lớn, khó tiêu thụ; nguồn vốn tín dụng huy động của dân ứ đọng trong các ngân hàng không cho vay được; nạn buôn lậu chưa được ngăn chặn; một số tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm, mê tín dị đoan...) tiếp tục phát triển với tính chất và mức độ rất nghiêm trọng. Việc thực hiện các chủ trương trong các Nghị quyết Trung ương 6 về cải cách hành chính và chỉ đạo điều hành chuyển biến còn chậm, trong đó đáng lưu ý là tình trạng quan liêu vẫn diễn ra phổ biến ở mọi cấp, mọi ngành chưa được khắc phục. Chính điều này đã làm hạn chế những kết quả chung mà lẽ ra chúng ta có thể đạt được cao hơn như một số đồng chí Trung ương đã phát biểu tại Hội nghị.

Chúng ta chuẩn bị **bước vào năm 2000** trong bối cảnh vừa có thuận lợi, vừa có khó khăn cả ở bên trong và bên ngoài, cả chủ quan và khách quan, trong đó cần nhấn mạnh rằng sự tác động của thiên tai là nhân tố rất có thể gây ra những đảo lộn lớn, mà chúng ta chưa thể lường hết được để chủ động đối phó.

Để thực hiện đạt mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm (1996 - 2000), chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm (1991 - 2000) và chuẩn bị điều kiện cho các năm đầu thế kỷ XXI, cần nỗ lực phấn đấu để đạt cho được các mục tiêu tổng quát của năm 2000 là: ngăn chặn đà giảm sút tốc độ tăng trưởng, cố gắng đạt tốc độ phát triển cao hơn năm 1999; tạo chuyển biến mới trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất

kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế; chăm lo bồi dưỡng nguồn nhân lực, giải quyết các vấn đề xã hội, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân.

Mục tiêu đó đòi hỏi phải tiếp tục nắm sát diễn biến tình hình thực tiễn của đất nước, nhất là ở địa phương, cơ sở để xử lý đúng tình hình, đề cao trách nhiệm và năng lực tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, để biến các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống, tạo động lực mới cho sự phát triển, tạo không khí hồ hởi, phấn khởi, năng động trong mọi thành phần kinh tế, trong các tổ chức, cá nhân để phát huy cao độ mọi nguồn lực, góp phần đưa đất nước vượt qua khó khăn, tiếp tục phát triển.

Theo tinh thần đó, ngay sau Hội nghị này và sau kỳ họp lần thứ sáu của Quốc hội, cần triển khai các biện pháp để xử lý đúng đắn, cụ thể những khó khăn đang nổi lên trong nền kinh tế, đặc biệt là tình trạng giá cả giảm, hàng hóa và vốn ứ đọng...

Nhân đây, xin nhấn mạnh một nhiệm vụ đột xuất, quan trọng trong kế hoạch năm 2000 là **khắc phục hậu quả đợt lũ lụt vừa qua**. Tình hình đã khó sẽ còn khó khăn hơn.

Phải đánh giá đúng hậu quả, xác định chủ trương, sớm có kế hoạch tổng thể và toàn diện, huy động lực lượng trung ương kết hợp với lực lượng tại chỗ, vừa giải quyết các yêu cầu cấp bách trước mắt, nhanh chóng ổn định đời sống, khôi phục sản xuất, giao thông, học tập, chữa bệnh, sinh hoạt tinh thần..., vừa có kế hoạch lâu dài nhằm đưa các tỉnh miền Trung vừa bị lũ lụt tàn phá vượt lên hoàn thành kế hoạch 5 năm của địa phương, đồng thời chủ động xử lý kịp thời trong phạm vi cả nước, không để xảy ra những xáo trộn về kinh tế,

giá cả, nhất là những tháng cuối năm và dịp Tết cổ truyền của dân tộc.

Vượt qua khó khăn, chuyển khó khăn thành thuận lợi. Đó là quyết tâm của Trung ương. Ban Chấp hành Trung ương đề nghị các đảng bộ và quân, dân cả nước, đặc biệt là các tỉnh miền Trung, đem khí phách anh hùng và truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo vốn có để vượt qua khó khăn, tiếp tục đi lên thực hiện cho được kế hoạch năm 2000, vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Thưa các đồng chí,

Kể từ Hội nghị thành lập Đảng ngày 3-2-1930 đến các Đại hội Đảng tiếp theo, Cương lĩnh nhất quán của Đảng ta là: giải phóng Tổ quốc khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, giành độc lập dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn và để giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, trong mỗi giai đoạn cách mạng, Đảng ta đã xác định và tập trung lãnh đạo hoàn thành các nhiệm vụ trước mắt, tạo tiền đề thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo.

Trải qua gần ba phần tư thế kỷ, kiên định và nhất quán thực hiện Cương lĩnh, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đạt được thắng lợi có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của dân tộc: **Tổ quốc Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội**.

Đảng ta đã thực hiện một phần quan trọng Cương lĩnh chính trị đã đề ra, tạo tiền đề vững chắc để đi đến mục tiêu cuối cùng.

Độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, sự lựa chọn đó của Đảng và dân tộc ta không chỉ là sự lựa chọn của thế kỷ mà là một sự lựa chọn có tính chất thời đại.

Đối với dân tộc ta, thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh giành độc lập và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thế kỷ XXI là thế kỷ bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, xây dựng, củng cố và hoàn thiện chủ nghĩa xã hội.

Trải qua thực tiễn 70 năm, Đại hội IX sẽ khẳng định sự đúng đắn của Cương lĩnh đã đề ra từ ngày thành lập Đảng và Cương lĩnh năm 1991; tiếp tục cụ thể hóa, bổ sung, hoàn thiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội và quyết tâm thực hiện Cương lĩnh đó. **Đó là tư tưởng của Đại hội IX**.

Vì vậy, mọi vấn đề nghiên cứu, cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối trong Báo cáo chính trị và các báo cáo khác chuẩn bị trình Đại hội IX đều nhằm thực hiện có hiệu quả Cương lĩnh của Đảng. Theo tinh thần ấy, sau Hội nghị này, căn cứ vào ý kiến Trung ương, các Tiểu ban chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội IX sẽ hoàn chỉnh đề cương, tổ chức chỉ đạo tổng kết một số vấn đề cần thiết để Trung ương thảo luận, bảo đảm việc chuẩn bị các văn kiện phát huy được trí tuệ của toàn Đảng và sự tham gia đóng góp có hiệu quả nhất của nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Việc triển khai tiếp cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình là vấn đề mà toàn Đảng, toàn dân đang rất quan tâm, theo dõi. Để đáp ứng lòng mong đợi đó, đề nghị các đồng chí lưu ý thực hiện tốt một số điểm:

Phấn đấu trước ngày 3-2-2000, cơ bản hoàn thành xong tự phê bình và phê bình ở cấp tỉnh, thành, cơ quan trực thuộc Trung ương.

Các nơi đã tiến hành tự phê bình và phê bình, cần xem xét còn những vấn đề gì, phải kết luận cho rõ.

Vấn đề hiện nay là nâng cao chất lượng. Các cấp ủy làm sau phải làm tốt hơn các cấp ủy đã làm trước. Muốn vậy, phải **nâng cao tính Đảng, tính chiến đấu, ý thức tự giác trong tự phê bình và phê bình**.

Các đồng chí Ủy viên Trung ương, bí thư các cấp ủy trực thuộc là những người chấp hành và có trách nhiệm chính trong việc thực hiện Nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Chỉ với tinh thần tự giác, dũng cảm của các đồng chí thì đợt tự phê bình, phê bình ở cấp tỉnh, thành, cơ quan trực thuộc mới có thể đạt kết quả với chất lượng cao.

Cần lắng nghe và tiếp thu gợi ý của cấp trên, góp ý của cấp dưới, các đoàn thể và quần chúng nhân dân; nghiêm túc, thẳng thắn và chân thành góp ý cho nhau.

Phải dân chủ thảo luận, phân rõ đúng sai để đi đến kết luận các vấn đề đã đặt ra một cách rõ ràng, dứt khoát.

Động viên nhau phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, cùng nhau đoàn kết, tổ chức thắng lợi các nhiệm vụ năm 2000.

Trong hai ngày cuối Hội nghị, Trung ương đã xem xét kỷ luật trách nhiệm một số đồng chí thuộc diện Trung ương quản lý trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước với tinh thần nghiêm túc, rõ ràng, công minh. Việc Ban Chấp hành Trung ương xem xét kỷ luật lần này nhằm củng cố bản chất cách mạng, kỷ cương, nguyên tắc của Đảng và bộ máy nhà nước, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong

quản lý nhà nước và quản lý xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên thuộc quyền.

Sắp đến, Bộ Chính trị sẽ tiếp tục xem xét các vấn đề còn lại. Vấn đề nào thuộc quyền hạn của Bộ Chính trị, Bộ Chính trị sẽ xử lý và báo cáo với Trung ương. Vấn đề nào thuộc quyền hạn của Trung ương sẽ trình Trung ương trong các hội nghị sau. Chúng ta tin tưởng rằng việc làm này sẽ được sự ủng hộ, đồng tình của nhân dân, góp phần làm cho bộ máy trong sạch hơn và tạo được quyết tâm, nỗ lực cao hơn trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Các cấp ủy cũng phải sửa ngay các khuyết điểm, tiến hành xử lý nghiêm túc, rõ ràng và công minh các vấn đề thuộc quyền hạn cấp mình và báo cáo lên cấp trên các vấn đề thuộc quyền hạn cấp trên.

Nhân kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng, các đảng bộ cần nhìn lại truyền thống chiến đấu 70 năm và báo cáo trước nhân dân kết quả xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình để cùng nhân dân đoàn kết, quyết tâm giành thắng lợi toàn diện và lớn nhất trong năm 2000.

Thưa các đồng chí,

Năm 2000 là năm có ý nghĩa lịch sử trọng đại, đồng thời cũng là năm thử thách lớn nhất đối với chúng ta kể từ 10 năm nay.

Cuộc chiến đấu chống lũ, cứu dân vừa qua ở miền Trung đã cho ta những bài học quý.

Chúng ta không bó tay trước khó khăn, mà phải dũng cảm lao vào khó khăn, nguy hiểm, không chần chừ, không ỷ lại, phải tìm tòi, sáng tạo, huy động lực lượng, quyết tâm giải quyết bằng được khó khăn, phát huy truyền thống tự lực,

tự cường của dân tộc, cả nước một lòng vượt qua phong ba bão táp.

Đó chính là thái độ của những người cộng sản chịu trách nhiệm trước nhân dân, trước những thử thách khốc liệt của cuộc đấu tranh cách mạng, vì dân, vì nước.

Sống và làm việc trong những ngày vừa qua, đứng trước những đau thương mất mát của đồng bào, đồng chí ở miền Trung, những đảng viên cộng sản chúng ta cảm nhận từ trong lòng mình phải sống, làm việc sao cho xứng đáng với tấm lòng và sự hy sinh cao cả của nhân dân.

Nhân dân, Tổ quốc, sự nghiệp cách mạng của Đảng trước thế kỷ mới đòi hỏi Đảng ta, những cán bộ, đảng viên của Đảng phải bền bỉ phát huy ưu điểm, kiên quyết khắc phục khuyết điểm, đặc biệt là khắc phục cho được căn bệnh quan liêu, tham nhũng. Phải đề cao ý thức tổ chức kỷ luật, gắn bó với nhân dân hơn nữa. Càng khó khăn càng đoàn kết, càng khó khăn càng dũng cảm, càng khó khăn càng phải dựa vào dân.

Những thử thách và chiến công trong năm giao thừa của thế kỷ và thiên niên kỷ này sẽ bước vào lịch sử dân tộc ta như một biểu tượng chói lọi chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, ý chí Việt Nam, phẩm chất Việt Nam, trí tuệ Việt Nam.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.

Chúc sức khỏe toàn thể các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
KHÓA VIII

Từ ngày 4 tháng 11 đến ngày 11 tháng 11 năm 1999

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) đã họp từ ngày 4-11 đến ngày 11-11-1999 tại Thủ đô Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chủ trì Hội nghị, đã đọc bài phát biểu quan trọng khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt đã dự Hội nghị.

Mở đầu chương trình Hội nghị, đồng chí Tổng Bí thư đã thông báo đến Ban Chấp hành Trung ương về tình hình lũ lụt nghiêm trọng đang xảy ra ở các tỉnh miền Trung và sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ kịp thời tổ chức cứu trợ, trước hết là cứu dân ở các vùng đang bị ngập lụt nặng. Đồng chí Tổng Bí thư đề nghị Trung ương coi đây là công việc đột xuất, đặc biệt cấp bách; các ngành, các cấp phải dồn sức với tinh thần cao nhất để cứu trợ dân vùng lũ lụt, và sau đó

nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định đời sống đồng bào. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đã biểu thị quyết tâm thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư; biểu dương chiến sĩ, đồng bào cả nước, các cấp, các ngành, các địa phương và cảm ơn các chính phủ, các tổ chức quốc tế đã giúp đỡ đồng bào vùng lũ lụt vượt qua khó khăn.

Hội nghị Trung ương lần này tập trung bàn ba nội dung quan trọng:

- Kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999 và quyết định mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng, giải pháp chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2000.

- Cho ý kiến về định hướng chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội lần thứ IX của Đảng.

- Xem xét kết quả và những vấn đề rút ra qua việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của một số cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương; cho ý kiến chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Hội nghị đã phát huy trí tuệ, đề cao trách nhiệm cá nhân của từng đồng chí Ủy viên Trung ương, dân chủ thảo luận các báo cáo của Bộ Chính trị với tinh thần thẳng thắn, nhìn thẳng vào sự thật, nêu ra các giải pháp ở tầm vĩ mô có tính khả thi để đưa lại hiệu quả cao, phát triển kinh tế - xã hội và tiếp tục xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Hội nghị đã nhất trí thông qua Kết luận "về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2000".

*

* *

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1999, Hội nghị thống nhất nhận định: trong bối cảnh có nhiều khó khăn và thách thức, tình hình chính trị, kinh tế - xã hội nước ta vẫn giữ được ổn định, kinh tế tiếp tục tăng trưởng, sản xuất nông nghiệp được mùa lớn, xuất khẩu vượt kế hoạch đề ra, công tác xóa đói giảm nghèo và các lĩnh vực hoạt động văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao có những tiến bộ, quốc phòng - an ninh được giữ vững.

Đạt được những kết quả đó trước hết là do sự nỗ lực, quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân, sự cố gắng của các ngành, các cấp thực hiện Nghị quyết 4, Nghị quyết 6 (lần 1), Nghị quyết 6 (lần 2) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ năm 1999, gắn chặt công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành của Chính phủ, của các ngành, các cấp có tiến bộ và tiếp tục được đổi mới, cơ chế, chính sách, pháp luật được đồng bộ hóa hơn, chủ động giải quyết những vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội, chủ động tìm nguồn vốn cho đầu tư phát triển, phát huy nội lực và thực hiện các biện pháp kích cầu. Tình hình khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực có xu hướng dịu dần, kinh tế một số nước trong khu vực đang phục hồi cũng tạo điều kiện cho nước ta mở rộng kinh tế đối ngoại và tăng kim ngạch xuất khẩu.

Toàn Đảng, toàn dân cần thấy hết những thành tựu, tiến bộ và phát triển trên một số mặt mà nước ta đã đạt được

trong năm 1999, từ đó vững tin và có quyết tâm cao hơn nữa thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2000.

Hội nghị cũng đã thẳng thắn, nghiêm khắc nêu ra những tồn tại, yếu kém bộc lộ khá rõ. Đó là: nền kinh tế chưa ngăn chặn được sự giảm sút tốc độ tăng trưởng; chất lượng phát triển kinh tế, năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh tế thấp; cơ cấu đầu tư còn những mặt chưa hợp lý, môi trường đầu tư còn nhiều hạn chế; các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, xã hội còn nhiều mặt bức xúc, gay gắt.

Về nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém, Hội nghị cho rằng có những nguyên nhân khách quan, nhưng cần làm rõ nguyên nhân chủ quan là: chưa giải quyết được đồng bộ và có hiệu quả những vấn đề mấu chốt về điều chỉnh cơ cấu kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh tế, ổn định môi trường đầu tư và các cân đối lớn; cơ chế, chính sách trên một số lĩnh vực chưa được đổi mới cho phù hợp với thực tiễn; chưa mở rộng được thị trường như mong muốn; các doanh nghiệp trong nước chuyển biến chậm, khả năng cạnh tranh kém; chưa phát huy mạnh mẽ nguồn lực để phát triển, nhất là nguồn lực trong nước; bộ máy quản lý, điều hành còn cồng kềnh, trùng lắp, kém năng lực và hiệu lực, còn nhiều biểu hiện tiêu cực và trì trệ, tệ tham nhũng chưa được đẩy lùi; nhiều chủ trương và quyết định đúng đắn không được tổ chức triển khai kịp thời.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc những tiến bộ và những tồn tại, yếu kém về kinh tế - xã hội năm 1999, Hội nghị đã quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu của kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2000.

Năm 2000 là năm kết thúc thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (1991 - 2000) và kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) đã được Đại hội VII và Đại hội VIII của Đảng đề ra. Việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ cho năm 2000 phải gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm (1996 - 2000), đồng thời tạo tiền đề gối đầu cho thời kỳ kế hoạch 2001 - 2005.

Như vậy, nhiệm vụ năm 2000 rất nặng nề, đòi hỏi phải có nỗ lực rất cao để đạt được mục tiêu: huy động nội lực, ngăn chặn đà giảm sút tốc độ tăng trưởng, phát huy các nhân tố ổn định để phát triển kinh tế với tốc độ cao hơn năm 1999, phấn đấu đạt mức cao nhất trong kế hoạch 5 năm (1996 - 2000), đạt được chuyển biến mạnh mẽ về nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế, phát triển khoa học, công nghệ, bồi dưỡng nguồn nhân lực và giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của các tầng lớp dân cư, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, tạo đà phát triển bền vững cho 5 năm sau (2001 - 2005).

Để đạt được mục tiêu trên đây, Hội nghị quyết định các nhiệm vụ lớn:

- Đẩy mạnh sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ; phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện; tháo gỡ những tồn đọng, ách tắc trong sản xuất công nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ; coi trọng đúng mức thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh tế - xã hội; có chính sách khuyến khích tăng sức mua cho nhân dân, nhất là khu vực nông thôn.

- Huy động nội lực, tăng đầu tư phát triển, tăng khả năng thu hút và thực hiện có hiệu quả nguồn vốn nước ngoài. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư theo hướng khuyến khích mạnh đầu tư phát triển toàn xã hội. Tập trung đầu tư vào các dự án có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ; bảo vệ môi trường.

- Tích cực giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, chú trọng tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, phòng, chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác. Ngăn chặn và đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng.

- Củng cố quốc phòng và an ninh, kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế. Bảo đảm trật tự kỷ cương trong hoạt động kinh tế - xã hội.

Hội nghị đã quyết định những nhiệm vụ của các ngành kinh tế và nêu ra các giải pháp có tính khả thi để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2000.

Về định hướng chuẩn bị các văn kiện Đại hội IX, Hội nghị đã thảo luận và khẳng định: Đại hội IX của Đảng có tầm quan trọng đặc biệt, là Đại hội đầu tiên của Đảng ta bước vào thế kỷ XXI; trên cơ sở kết tinh và kế thừa những thành quả và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng ta trong 70 năm trong thế kỷ XX, trong 15 năm đổi mới và 5 năm nhiệm kỳ Đại hội VIII, tiếp tục phát triển cụ thể hóa, hoàn thiện thêm một bước Cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng và thể chế của Nhà nước.

Hội nghị nhất trí với những định hướng về các vấn đề lớn cần nêu trong Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế - xã hội và

Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng để trình Đại hội IX. Hội nghị giao cho các Tiểu ban văn kiện chuẩn bị các báo cáo theo quyết định các định hướng của Hội nghị.

Về chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Hội nghị đã thảo luận và nhất trí với Báo cáo của Bộ Chính trị về tình hình tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Kết quả bước đầu là: có sự chuyển biến rõ về nhận thức của toàn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); Bộ Chính trị thống nhất chỉ đạo và có quyết tâm cao, theo dõi chặt chẽ tiến độ và gợi ý cụ thể nội dung kiểm điểm của các cấp ủy địa phương, ngành Trung ương. Những gợi ý kiểm điểm của Bộ Chính trị được các cấp ủy và tổ chức đảng tiếp thu và kiểm điểm nghiêm túc. Bản kiểm điểm tập thể của nhiều cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng đã thể hiện sự nghiêm túc, lắng nghe ý kiến đóng góp của cấp dưới, của các ban, ngành, của các đồng chí lão thành cách mạng, của dư luận nhân dân, cho nên nội dung khá sâu sắc, phân tích rõ ưu điểm, khuyết điểm, đưa được một số vấn đề nổi cộm mà trước đó chưa bao giờ đặt ra để kiểm điểm trong các cấp ủy; các bản kiểm điểm cá nhân của các thành viên trong lãnh đạo một số cấp ủy tỉnh, thành phố, đảng đoàn, ban cán sự đảng thể hiện sự nghiêm túc. Nhiều bản kiểm điểm nêu rõ và phân tích ưu điểm, khuyết điểm, kê khai rõ tài sản bản thân và gia đình. Các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền liên tục và sôi nổi hưởng ứng cuộc vận động, tạo bầu không khí thuận lợi, tạo dư luận xã hội, đòi hỏi trách nhiệm cao của các cấp ủy phải nghiêm túc tự phê bình và phê bình.

Tuy nhiên, xét theo yêu cầu đã nêu trong Chỉ thị của Bộ Chính trị về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng thì tiến độ còn chậm; nội dung báo cáo kiểm điểm của một số cấp ủy và cá nhân đạt thấp, chưa nhìn thẳng vào sự thật, chưa phân tích sâu các nguyên nhân và các giải pháp khắc phục, vẫn còn tình trạng né tránh, nể nang nhau trong những vụ việc cụ thể; khuyết điểm, thiếu sót của tập thể chưa gắn với trách nhiệm của từng thành viên trong ban lãnh đạo. Vẫn còn tình hình một số cấp ủy muốn làm lướt, làm nhanh cho xong, thiếu sự chuẩn bị kỹ lưỡng, nghiêm túc; trong lúc đang thực hiện Nghị quyết vẫn xảy ra tình trạng cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật và đạo đức.

Từ những ưu điểm, khuyết điểm bước đầu đã được nêu ra trong việc thực hiện kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, Hội nghị quyết định: trong năm 2000 nhất thiết phải đạt được kết quả thực sự về cả hai mặt xây dựng và chỉnh đốn Đảng như yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), làm cho Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với lòng tin của nhân dân, tạo thuận lợi cho việc chuẩn bị Đại hội IX của Đảng. Trước mắt cần làm tiếp một số việc:

Nâng cao hơn nữa nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện đúng yêu cầu trong Chỉ thị của Bộ Chính trị; đẩy nhanh tiến độ nhưng phải có chất lượng và hiệu quả cao trong việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, trước hết trong cán bộ lãnh đạo chủ chốt, sau đó đưa việc tự phê bình và phê bình vào sinh hoạt đảng thường xuyên.

Người đứng đầu cấp ủy phải thực sự gương mẫu, nêu cao ý thức trách nhiệm trong cuộc vận động.

Các cấp ủy phải thực hiện đúng quy trình trong chuẩn bị tiến hành kiểm điểm.

Bản kiểm điểm phải được bổ sung, hoàn chỉnh theo gợi ý của Bộ Chính trị trước khi tổ chức kiểm điểm.

Những vụ việc nổi cộm mà các cấp, các ban, ngành góp ý, dư luận cán bộ, đảng viên, nhân dân nêu lên phải được kịp thời xem xét, kết luận và xử lý.

Hội nghị cũng đã xem xét trách nhiệm của một số cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý có liên quan đến một số vụ án lớn gần đây. Sau khi xem xét trách nhiệm, Hội nghị Trung ương đã biểu quyết thi hành kỷ luật: cảnh cáo đồng chí Cao Sĩ Kiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương; cảnh cáo đồng chí Ngô Xuân Lộc, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Quốc hội miễn nhiệm chức Phó Thủ tướng Chính phủ.

*
* *

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII biểu thị quyết tâm và trách nhiệm cao trước toàn Đảng, toàn dân, lãnh đạo và tổ chức thực hiện có chất lượng và hiệu quả cao ba nội dung mà Hội nghị đã thảo luận và quyết định để nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, tạo nên hào khí mới của toàn dân bước vào năm 2000.

Năm 2000 là năm có ý nghĩa lịch sử trọng đại đối với đất nước ta, là năm kết thúc thế kỷ XX, bước sang thế kỷ XXI, là năm chuẩn bị toàn diện và cơ bản Đại hội IX của Đảng. Vì vậy, toàn Đảng, toàn dân hãy đoàn kết, tự tin, vững vàng vượt qua khó khăn, thử thách, thực hành tiết kiệm, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2000, cũng chính là thực hiện thắng lợi kế hoạch 10 năm (1991 - 2000) và kế hoạch 5 năm (1996 - 2000), tạo thế và lực mới đưa nước ta vững bước vào thế kỷ XXI và thiên niên kỷ mới.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 03-KL/TW, ngày 16 tháng 11 năm 1999

Về "Tổng kết Đảng lãnh đạo cuộc chiến tranh cách mạng 30 năm 1945 - 1975"

Về bản dự thảo "Tổng kết Đảng lãnh đạo cuộc chiến tranh cách mạng 30 năm 1945 - 1975", Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Thực hiện nhiệm vụ của Bộ Chính trị giao, sau khi hoàn thành hai công trình tổng kết chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, Bộ phận tổng kết chiến tranh do các đồng chí Đoàn Khuê, Văn Tiến Dũng, Trần Văn Quang phụ trách đã hoàn thành dự thảo "Tổng kết Đảng lãnh đạo cuộc chiến tranh cách mạng 30 năm 1945 - 1975". Đây là một việc làm hết sức thiết thực được sự chỉ đạo chặt chẽ của Thường vụ Bộ Chính trị.

Công trình nghiên cứu này được soạn thảo công phu, thu thập nhiều ý kiến phong phú, thể hiện sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong 30 năm chiến tranh. So với hai bản tổng kết chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, bản tổng kết này mang tính tổng hợp khái quát cao hơn, đúc kết

những bài học về quan điểm, đề cập những luận điểm mới có giá trị cả về lý luận và thực tiễn, về mối quan hệ gắn bó giữa cách mạng và chiến tranh, chiến tranh và cách mạng; phản ánh tầm vóc của cuộc kháng chiến cứu nước lớn nhất, quyết liệt nhất, dài ngày nhất trong lịch sử dân tộc ta, đánh thắng liên tiếp hai đế quốc to là Pháp và Mỹ.

Bản dự thảo đã phản ánh trung thực lịch sử, nêu được những sự kiện chủ yếu về lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh của Đảng, những nhận định, đánh giá và giải pháp chiến lược. Nội dung tổng kết trả lời những câu hỏi lớn mà trong nước và ngoài nước hằng quan tâm: vì sao nhân dân ta phải kháng chiến, kháng chiến dài ngày như vậy và vì sao nhân dân ta thắng?

2. Bộ Chính trị đồng ý về định hướng chung và nội dung cơ bản của bản tổng kết, như dự thảo đã nêu: khẳng định sự lãnh đạo của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc chiến tranh 30 năm. Trọng điểm của tổng kết là hệ thống sáu bài học kinh nghiệm với nội dung khá phong phú của từng bài học.

Về vấn đề đánh giá tổng quát, rút ra ưu điểm, khuyết điểm, Bộ Chính trị nhất trí phải đánh giá đúng thực trạng, nghiêm túc kiểm điểm sự lãnh đạo, từ đó rút ra các bài học cả thành công và sai sót, thậm chí sai lầm. Tuy nhiên, về hình thức thể hiện, cần cân nhắc cách viết cho linh hoạt và thỏa đáng, có sức thuyết phục.

Trong bước tu sửa, hoàn chỉnh bản thảo, cần tiếp thu đầy đủ những ý kiến bổ sung hoặc nhấn mạnh; phân tích rõ hơn bối cảnh lịch sử; đề cập sâu hơn về chiến lược tổng hợp (hoặc phương thức giành thắng lợi); kết hợp đấu tranh quân sự,

chính trị, ngoại giao...; làm đậm nét hơn về đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế...; về thế trận và lực lượng an ninh quốc gia trong nội dung chính quyền cách mạng và chế độ mới; vai trò căn cứ địa hậu phương miền Bắc trong kháng chiến chống Mỹ...; về đánh giá nhân tố thắng lợi, làm nổi rõ sức mạnh của ý chí, bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam, văn hóa Việt Nam. Cần chỉnh lý tiêu đề của một số chương, và bài học cho sát đúng với nội dung lãnh đạo chiến tranh.

3. Bản dự thảo có bố cục hợp lý, phương pháp tiếp cận thích hợp, thể hiện khá tốt sự kết hợp thực tiễn và lý luận, lịch sử và lôgíc, làm nổi rõ và luận giải khá sâu mối quan hệ giữa cách mạng và chiến tranh, chiến tranh và cách mạng của cuộc chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Đó là sự thống nhất biện chứng giữa mục tiêu cách mạng và mục đích chính trị của chiến tranh, giữa lực lượng cách mạng và lực lượng tiến hành chiến tranh, giữa phương pháp cách mạng và phương thức tiến hành chiến tranh cùng nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc. Đây là bước phát triển mới rất sáng tạo về lý luận quân sự cách mạng của Đảng ta.

4. Có thể coi đây là một bản tổng kết cơ bản, toàn diện, khá sâu sắc về chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân ở nước ta, một đóng góp về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, thật sự có ích cho dân tộc ta trong kế sách dựng nước và giữ nước lâu dài, đồng thời đóng góp có ý nghĩa cho các nước bè bạn có hoàn cảnh lịch sử tương tự nước ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, góp phần giáo dục truyền thống và cách mạng cho thế hệ ngày nay và mai sau.

Bộ Chính trị đồng ý sau khi Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh tu chỉnh và hoàn thiện bản thảo, bảo đảm nội dung chặt chẽ theo kết luận của Bộ Chính trị, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia với sự tài trợ kinh phí của Chính phủ sẽ xuất bản công trình này, trước mắt nhằm phục vụ kịp thời kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng và những ngày lễ lớn khác năm 2000.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 263-TB/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1999

Về "Chương trình tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn năm 2000"

Chiều ngày 12-11-1999, sau khi nghe Ban Tổ chức Nhà nước kỷ niệm những ngày lễ lớn năm 2000 báo cáo, Thường vụ Bộ Chính trị nhấn mạnh một số điểm như sau:

1. Năm 2000 là năm trọng đại, có ý nghĩa lịch sử đặc biệt đối với dân tộc ta. Nội dung và các hình thức tổ chức thực hiện Chương trình kỷ niệm những ngày lễ lớn này phải cổ vũ, phát huy cao độ tinh thần dân tộc, ý chí và nỗ lực mới của các tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2000 và kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, vững bước đi vào thế kỷ XXI.

Tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm 2000 phải gắn kết với nhau, nối tiếp nhau tạo thành phong trào thi đua liên tục, thực sự là phong trào thi đua thiết thực của quần chúng ở địa phương, cơ sở mà kết quả sau cao hơn kết quả trước.

2. Cần xác định rõ ngày lễ trung tâm trong các ngày lễ lớn năm 2000. Từ đó, xác định rõ mức độ tổ chức của từng ngày lễ cụ thể:

- Kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng là ngày lễ trọng tâm trong năm 2000. Trong ngày lễ trọng thể đó, có bài diễn văn quan trọng của đồng chí Tổng Bí thư, nội dung thể hiện một cách súc tích những vấn đề cơ bản của Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng, làm rõ mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chuẩn bị sớm dự thảo diễn văn này trình Bộ Chính trị.

- Vào giao thừa 1999 - 2000, đón chào năm chuyển giao thế kỷ, có lời Chào mừng của đồng chí Chủ tịch nước. Tổ chức ngày lễ 1-1-2000 vui vẻ, tiết kiệm, không làm to.

- Kỷ niệm ngày 30-4, 1-5 có mức độ, do các địa phương tổ chức là chủ yếu.

- Kỷ niệm ngày 19-5 gắn liền với việc kiểm điểm thực hiện *Di chúc* của Bác Hồ và báo cáo kết quả sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong Đảng.

- Kỷ niệm 55 năm Cách mạng Tháng Tám và ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không có duyệt binh mà chỉ diễu hành quần chúng. Đồng ý cho bắn pháo hoa ở một số nơi, nhưng phải tính toán tiết kiệm.

- Ngày Giỗ tổ Hùng Vương tổ chức long trọng tại Phú Thọ; cả nước hướng về cội nguồn dân tộc...

- Tổ chức thật tốt Lễ hội giao thừa thế kỷ (2000 - 2001). Trong dịp lễ này, có Tuyên bố một số chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm động viên khối đại đoàn kết toàn dân, động viên sức dân và thúc đẩy tinh thần phấn khởi của các tầng lớp nhân dân chào mừng Đại hội IX của Đảng, vững bước vào thế kỷ XXI. Cần chỉ đạo chuẩn bị tốt nội dung các chính sách này, lấy ý kiến của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi báo cáo Bộ Chính trị xem xét trình Ban Chấp hành Trung ương cho ý kiến.

- Có kế hoạch chuẩn bị chu đáo Đại hội thi đua toàn quốc và tổ chức cho nhân dân vui đón Tết Nguyên đán.

Trong xây dựng Chương trình kỷ niệm những ngày lễ lớn năm 2000, cần có những giải pháp đề phòng khi có đột biến xấu, nhất là về thiên tai để chủ động và kịp thời xử lý.

3. Đồng ý tổ chức các hội thảo quốc tế về Việt Nam. Song, chủ đề hội thảo phải rõ ràng. Hội thảo dân tộc Việt Nam thế kỷ XX có thể mời những người có tên tuổi, có thiện cảm với Việt Nam trên thế giới tham dự. Chúng ta sẵn sàng đón tiếp một số đại biểu của Đảng anh em có mong muốn sang Việt Nam thảo luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà vẫn giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội... Thường vụ Bộ Chính trị ủy nhiệm cho đồng chí Nguyễn Đức Bình và đồng chí Nguyễn Phú Trọng chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức các cuộc hội thảo này.

4. Về thành phần của Ban Tổ chức Nhà nước kỷ niệm những ngày lễ lớn: cần có đại diện của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của Quốc hội, một số ban Đảng, đoàn thể, và cần hình thành các bộ phận giúp việc có hiệu quả.

Xin thông báo các đồng chí biết và thực hiện.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 266-TB/TW, ngày 30 tháng 11 năm 1999

Về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2000 và một số dự án pháp lệnh

Tại phiên họp ngày 25-11-1999 sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày và ý kiến của các ngành về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2000 và một số vấn đề của các dự án: *Pháp lệnh về tình trạng khẩn cấp, Pháp lệnh thương phiếu, Pháp lệnh chất lượng hàng hóa, Pháp lệnh thư viện;* Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. *Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2000 phải bám sát vào những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc và việc quản lý của Nhà nước trong thời kỳ mới; tránh tình trạng luật mới ban hành đã phải sửa đổi, bổ sung.*

Chú ý ưu tiên tập trung xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật giải quyết những vấn đề bức xúc mà thực tiễn đang đòi hỏi, như:

+ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 có liên quan đến vấn đề tổ chức bộ máy nhà nước theo tinh thần

Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII).

+ Sửa đổi, bổ sung và ban hành văn bản mới liên quan đến thực hiện chủ trương phát huy nội lực và lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

+ Sửa đổi, bổ sung một số quy định trong lĩnh vực xét xử để sớm khắc phục tình trạng xét xử oan sai hoặc để án tồn đọng kéo dài.

2. *Đồng ý cần sớm ban hành văn bản pháp luật về tình trạng khẩn cấp nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng những biện pháp đặc biệt để kịp thời bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của nhân dân và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội khi có tình huống xảy ra.*

- Pháp lệnh về tình trạng khẩn cấp có nội dung hệ trọng, phức tạp, cần chuẩn bị kỹ và phải báo cáo xin ý kiến các đại biểu Quốc hội và Quốc hội có nghị quyết riêng giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh này.

- Về phạm vi điều chỉnh, đồng ý như tờ trình của Đảng đoàn Quốc hội. Nội dung của pháp lệnh cần nêu rõ các biện pháp đặc biệt đối với các tình huống có thể xảy ra và trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức và cá nhân. Xác định rành mạch thẩm quyền quyết định ban bố tình trạng khẩn cấp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và của Chủ tịch nước.

3. *Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về sự cần thiết ban hành Pháp lệnh thương phiếu và Pháp lệnh chất lượng hàng hóa (sửa đổi).*

Đảng đoàn Quốc hội cần trao đổi kỹ với các cơ quan chức năng xử lý tốt những nội dung còn ý kiến khác nhau để sớm thông qua hai pháp lệnh này.

4. *Bộ Chính trị cho rằng chưa thực sự cần thiết phải ban hành Pháp lệnh về thư viện:* Trước mắt, Chính phủ ban hành Nghị định về thư viện, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của thư viện, quyền của tổ chức, cá nhân trong hoạt động thư viện, vấn đề quản lý nhà nước về thư viện... để nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống thư viện hiện có.

Về vấn đề thành lập thư viện tư nhân và thư viện của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức cá nhân nước ngoài thành lập trên lãnh thổ Việt Nam, nếu có nhu cầu thực tế phát sinh thì Bộ Văn hóa - Thông tin và Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cần nghiên cứu kỹ và có đề án riêng để báo cáo trình Bộ Chính trị cho chủ trương. Trước mắt chưa quy định vấn đề này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 267-TB/TW, ngày 14 tháng 12 năm 1999

Về dự án *Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (sửa đổi)* và dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất*

Tại phiên họp ngày 13-12-1999, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày và ý kiến của các ngành về dự án *Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (sửa đổi)* và dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất,* Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về dự án Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam

- Khái niệm sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và nguyên tắc lãnh đạo, chỉ huy, quản lý sĩ quan cần quy định rõ:

+ Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam là cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Đội ngũ sĩ quan đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ và sự chỉ huy, quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Đồng ý với kiến nghị của Đảng đoàn Quốc hội về tuổi cao nhất của sĩ quan theo cấp bậc quân hàm và cấp bậc quân hàm cao nhất cho các chức vụ cơ bản. Giữ bậc quân hàm cao nhất của cấp tướng là Đại tướng, chức vụ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị và Tổng tham mưu trưởng có trần quân hàm cao nhất là Đại tướng.

- Về thẩm quyền quyết định đối với sĩ quan, nên quy định thống nhất với quy định phân cấp quản lý cán bộ theo Quyết định số 49-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị.

- Về chính sách, quyền lợi của sĩ quan, Luật chỉ nêu nguyên tắc chung, Chính phủ sẽ quy định cụ thể.

2. Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất

Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất. Lưu ý xem xét để quy định rõ và chặt chẽ hơn một số điểm sau:

- Đất ở, đất xây dựng công trình và các loại đất khác thuế suất 4%. Trường hợp này, đất khác là đất nào?

- Miễn thuế, giảm thuế, chuyển quyền sử dụng đất đối với trường hợp Bà mẹ Việt Nam anh hùng hoặc đất thuộc vùng miền núi.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên và ý kiến của các đồng chí Bộ Chính trị trong phiên họp này, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo chỉnh lý dự án luật để trình Quốc hội xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 6 (Quốc hội khoá X).

T/L BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 271-TB/TW, ngày 23 tháng 12 năm 1999

Về dự án xây dựng một số đoạn trên tuyến đường Hồ Chí Minh ở khu vực miền Trung

Tại phiên họp ngày 16-12-1999, sau khi nghe đại diện Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các cơ quan có liên quan báo cáo về dự án xây dựng quốc lộ Bắc - Nam, ý kiến các đồng chí Cố vấn Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Trong điều kiện nguồn vốn đầu tư có hạn, lại phải đáp ứng yêu cầu đặc biệt là sớm khắc phục hậu quả nặng nề của lũ lụt ở các tỉnh miền Trung, về lâu dài phải thường xuyên đối phó với nạn lũ lụt và hạn hán, bảo đảm sản xuất, bảo đảm an toàn đời sống cho nhân dân, vì vậy việc xây dựng tuyến quốc lộ Bắc - Nam trong ba năm tới (2000 - 2003) phải gắn liền với khu vực trọng điểm này. Tập trung ưu tiên mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới đường hai làn xe đoạn từ Hà Tĩnh đến Ngọc Hồi - Kon Tum. Căn cứ đỉnh lũ cuối năm 1999 làm cơ sở để xây dựng phương án quy hoạch và đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, công trình thủy lợi, quy hoạch dân cư

và các công trình phúc lợi; xây dựng hệ thống giao thông phải gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh quốc phòng và phòng, chống thiên tai.

Để bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ xây dựng, đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc giao thầu cho các đơn vị xây dựng chuyên nghiệp, có kinh nghiệm, chủ yếu là các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải và Bộ Quốc phòng trên cơ sở thiết kế kỹ thuật và dự toán được duyệt, đồng thời có biện pháp tăng cường quản lý, kiểm tra chặt chẽ chất lượng, khối lượng thi công và giá thành xây dựng từng hạng mục công trình cụ thể.

2. Trong kế hoạch hằng năm, đối với quốc lộ 1A phải rà soát lại thiết kế để nâng cấp một số đoạn thường bị ngập úng, trong đó có việc xây dựng đường hầm qua đèo Hải Vân bằng vốn vay của WB, ADB và JBIC; trong khi chưa có điều kiện để thực hiện toàn bộ dự án đường Hồ Chí Minh, từng bước cải tạo và nâng cấp một số đoạn đường bị đứt, xây dựng một số cầu để việc đi lại thuận tiện; việc nâng cấp đường và xây dựng những cầu mới này phải bảo đảm sự đồng bộ và phù hợp với dự án đường Hồ Chí Minh sau này và phải tính toán chặt chẽ, bảo đảm chất lượng, tiết kiệm, thật cần thiết mới làm. Phải có quy hoạch cụ thể về mốc giới dự kiến mở rộng đường, ngăn chặn từ đầu việc bán đất hoặc tự phát làm nhà vào hành lang quy định.

3. Để giúp đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả nặng nề do thiên tai gây nên, Chính phủ cần chỉ đạo ưu tiên đầu tư củng cố và xây dựng mới một số công trình thủy lợi, kết hợp với thủy điện; ưu tiên thực hiện các dự án trồng rừng đầu nguồn (trong chương trình trồng 5 triệu hécta rừng) tại

các tỉnh miền Trung. Đồng thời xúc tiến nhanh việc quy hoạch và xây dựng lại các khu dân cư trong vùng bị ngập lụt, nghiên cứu để thực hiện việc di chuyển một bộ phận dân cư ở các vùng thấp không an toàn lên vùng cao an toàn hơn. Ưu tiên đầu tư xây dựng một số công trình kiên cố cao tầng như trường học, trạm xá, bệnh viện, trụ sở cơ quan ở các vùng xung yếu để có nơi phòng, tránh và hạn chế tổn thất khi có lũ lớn. Kiên cố hóa hệ thống đường giao thông, hệ thống thủy lợi và kết hợp tốt giao thông với thủy lợi nhằm bảo vệ lâu dài các công trình đã xây dựng.

4. Giao Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành và các địa phương liên quan, đặc biệt là Bộ Giao thông vận tải và Bộ Quốc phòng tính toán một cách khoa học, chặt chẽ các phương án để thực hiện tốt chủ trương nói trên, bảo đảm việc xây dựng các công trình đạt chất lượng và hiệu quả cao, triệt để tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí. Kịp thời biểu dương khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích, kiên quyết xử lý nghiêm minh mọi cá nhân, tập thể có biểu hiện tiêu cực trong việc xây dựng các công trình nói trên.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - LÀO

1. Nhận lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu và Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương, Đoàn đại biểu cấp cao Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào do đồng chí Khămtày Xiphăndon, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào dẫn đầu đã thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ ngày 4 đến ngày 7-1-1999.

2. Trong thời gian ở thăm Việt Nam, Đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Nhà nước Lào do Chủ tịch Khămtày Xiphăndon dẫn đầu đã vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, thăm nơi ở và làm việc của Người; đặt vòng hoa tại Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ. Đồng chí Cố vấn Đỗ Mười đã tiếp Chủ tịch Khămtày Xiphăndon. Chủ tịch Khămtày Xiphăndon cũng đã có các cuộc gặp thân mật với Thủ tướng Phan Văn Khải, Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, tiếp ban lãnh đạo Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào đến chào; dự cuộc mít tinh trọng thể do Ban Chấp hành Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân

và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tổ chức chào mừng Đoàn; thăm một số cơ sở kinh tế, văn hóa và đơn vị quân đội ở Thủ đô Hà Nội và tỉnh Hải Dương. Tại các nơi đến thăm, Chủ tịch Khămtày Xiphăndon và Đoàn đã được đón tiếp rất trọng thị và thân tình thể hiện quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào.

Ủy ban liên Chính phủ về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật hai nước đã họp kỳ thứ 21. Hai bên đã ký Hiệp định hợp tác hai nước năm 1999 và Biên bản của kỳ họp.

3. Đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Nhà nước nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã hội đàm trong bầu không khí hiểu biết, tin cậy lẫn nhau và thắm tình đồng chí anh em.

Tham dự hội đàm, về phía Việt Nam có các đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch nước; Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị; Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực, Chủ tịch Phân ban hợp tác Việt Nam - Lào; Nguyễn Mạnh Cầm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao; Lê Minh Hương, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Công an; Nguyễn Văn Son, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương và nhiều đồng chí Ủy viên Trung ương, Bộ trưởng và cán bộ cấp cao của các bộ, ngành hữu quan.

Về phía Lào, có các đồng chí Khămtày Xiphăndon, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Chủ tịch nước; Thongxỉnh Thammavông, Ủy viên

Thường trực Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương; Bunnhăng Volachít, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực, Chủ tịch Phân ban hợp tác Lào - Việt Nam; Axang Laoly, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Nội vụ; Xổmxavạt Lêngxavắt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương và các đồng chí Ủy viên Trung ương, Bộ trưởng và cán bộ cấp cao cùng đi.

Tại cuộc hội đàm, hai bên đã thông báo cho nhau về tình hình gần đây của mỗi Đảng, mỗi nước, đồng thời tập trung thảo luận về phương hướng và các biện pháp nhằm tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và hai nước trong giai đoạn mới.

Hai bên cũng trao đổi ý kiến rộng rãi về các vấn đề quốc tế và khu vực cùng quan tâm.

4. Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam nhiệt liệt chào mừng đồng chí Khămtày Xiphăndon và Đoàn thăm hữu nghị chính thức Việt Nam và nhấn mạnh ý nghĩa của chuyến thăm đánh dấu bước phát triển mới rất quan trọng trong quá trình không ngừng củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, nhất là vào thời điểm sắp kết thúc thế kỷ XX và chuẩn bị bước vào thiên niên kỷ mới.

Các đồng chí lãnh đạo Việt Nam bày tỏ niềm vui lớn trước những thành tựu quan trọng mà nhân dân các bộ tộc Lào, dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào do đồng chí Khămtày Xiphăndon đứng đầu, đã đạt được trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước theo đường lối

đổi mới và chân thành chúc nhân dân các bộ tộc Lào anh em tiếp tục giành nhiều thành tựu to lớn hơn nữa, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, xây dựng thành công một nước Lào hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng.

Đồng chí Khămtày Xiphăndon đánh giá cao những thành tựu quan trọng mà nhân dân Việt Nam đã đạt được trong công cuộc đổi mới và chân thành chúc nhân dân Việt Nam anh em, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Lê Khả Phiêu đứng đầu, tiếp tục giành nhiều thành tựu to lớn hơn nữa, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

5. Điểm lại lịch sử phát triển lâu dài của mối quan hệ giữa hai Đảng, hai nước được thử thách trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và trong sự nghiệp xây dựng đất nước, các đồng chí lãnh đạo Việt Nam và Lào nhấn mạnh tình đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào là quy luật phát triển và là nhân tố bảo đảm thắng lợi của mỗi nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần vào việc củng cố hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở Đông Nam Á.

Các đồng chí lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước thỏa thuận không ngừng phấn đấu đưa quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào lên tầm cao mới, không ngừng phát triển một cách có hiệu quả sự hợp tác đó cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, hướng tới thế kỷ thứ XXI. Để triển khai thỏa thuận này,

Chính phủ hai nước sẽ khẩn trương xây dựng định hướng chiến lược hợp tác Việt Nam - Lào đến năm 2020 và Chương trình hợp tác từ năm 2001 đến năm 2010. Hai bên cho rằng, các cuộc gặp cấp cao thường xuyên giữa lãnh đạo hai Đảng và hai nước có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của mối quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào.

Trên tinh thần đó, hai bên đã trao đổi ý kiến sâu rộng về phương hướng và biện pháp nhằm tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác trên cơ sở phát huy thế mạnh và tiềm năng của mỗi nước theo nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi; dành ưu tiên, ưu đãi hợp lý cho nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, vì lợi ích của mỗi nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác để phát triển ở khu vực và trên thế giới. Cũng theo tinh thần đó, phía Việt Nam một lần nữa khẳng định tăng cường hợp tác với Lào triển khai các thỏa thuận tạo điều kiện thuận lợi cho Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có đường ra biển.

6. Trao đổi ý kiến về các vấn đề khu vực và quốc tế, hai bên nhất trí cho rằng, mặc dù tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, song hòa bình, ổn định, hợp tác để phát triển vẫn là nguyện vọng thiết tha của nhân dân thế giới, là xu thế chủ đạo của quan hệ quốc tế. Hai bên bày tỏ quan tâm tác động sâu rộng của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính đang diễn biến và nhấn mạnh rằng các nước trong và ngoài khu vực cần tăng cường hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau nhằm sớm khắc phục hậu quả do cuộc khủng hoảng gây ra. Hai bên tin tưởng rằng, vượt qua cuộc khủng hoảng, các nước trong khu vực sẽ tiếp tục phát triển năng động và phồn vinh.

7. Hai bên bày tỏ vui mừng trước thành công tốt đẹp của Hội nghị cấp cao chính thức ASEAN VI tại Hà Nội tháng 12-1998 và khẳng định tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các nước ASEAN khác trong việc thực hiện Tuyên bố Hà Nội, Chương trình hành động Hà Nội và các văn kiện đã ký tại Hội nghị, phấn đấu cho mục tiêu tăng cường đoàn kết, hợp tác, cùng nhau vượt qua khó khăn, vì một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển đồng đều, góp phần củng cố hòa bình, hữu nghị, hợp tác và thịnh vượng ở Đông Nam Á cũng như ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

Hai bên cũng khẳng định quyết tâm tiếp tục hợp tác chặt chẽ và đóng góp tích cực vào các diễn đàn khu vực và các diễn đàn đa phương khác. Hai bên đặc biệt coi trọng sự hợp tác phát triển tiểu vùng Mê Kông và hành lang Đông - Tây cũng như các dự án xây dựng tuyến đường sắt và đường bộ xuyên Á - một vùng giàu tiềm năng chưa được khai thác có khả năng đóng góp có hiệu quả vào sự phát triển của cả khu vực. Hai bên kêu gọi các nước trong và ngoài khu vực, các tổ chức quốc tế, bao gồm cả các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế tích cực hỗ trợ cho việc thực hiện các chương trình này.

8. Việt Nam và Lào hoan nghênh việc Quốc hội và Chính phủ mới của Campuchia được thành lập sau cuộc bầu cử tự do và công bằng tháng 7-1998. Là những nước láng giềng gần gũi của Campuchia, Việt Nam và Lào chúc nhân dân Campuchia xây dựng thành công một Vương quốc Campuchia hòa bình, độc lập, thống nhất, trung lập, không liên kết, phồn vinh và có quan hệ hữu nghị với tất cả các nước, trước hết là các nước láng giềng. Hai bên hài lòng nhận thấy rằng, những diễn biến mới rất quan trọng ở

Campuchia góp phần củng cố hơn nữa xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển ở Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương.

Hai bên hoan nghênh quyết định của Hội nghị cấp cao ASEAN VI kết nạp Campuchia làm thành viên chính thức thứ 10 của ASEAN. Hai bên nhiệt liệt chào mừng Vương quốc Campuchia nhân sự kiện này và đánh giá cao những bước chuẩn bị của Vương quốc Campuchia để gia nhập ASEAN và khẳng định sẽ hợp tác chặt chẽ với Vương quốc Campuchia trong khuôn khổ ASEAN.

9. Hai bên thỏa thuận tăng cường hợp tác, tích cực hoạt động trong Phong trào Không liên kết, ở Liên hợp quốc và trong cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp cũng như các diễn đàn quốc tế khác vì những mục tiêu cao cả là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

10. Hai bên nhất trí cho rằng kết quả tốt đẹp của chuyến thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Nhà nước nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào do Chủ tịch Khămtày Xiphăndon dẫn đầu và kỳ họp lần thứ 21 Ủy ban liên chính phủ về kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật nhân dịp này cũng như các Hiệp định hợp tác trên các lĩnh vực điện lực, giao thông vận tải được ký trong dịp Thủ tướng nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào Xixavạt Kẹobunphăn thăm hữu nghị chính thức Việt Nam tháng 7-1998 sẽ tạo động lực mới cho quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và hai nước Việt Nam và Lào, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới. Hai bên khẳng định quyết tâm thực hiện

tốt các thỏa thuận cấp cao đã đạt được nhằm tăng cường hơn nữa sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào.

11. Chủ tịch Khămtày Xiphăndon chân thành cảm ơn Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, Chủ tịch nước Trần Đức Lương và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng như của nhân dân Việt Nam đã dành cho Đoàn sự đón tiếp trọng thị, chân tình và những tình cảm anh em sâu sắc, thể hiện sinh động tình hữu nghị đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào.

Thay mặt Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Chủ tịch Khămtày Xiphăndon mời Chủ tịch Trần Đức Lương thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Chủ tịch Trần Đức Lương đã chân thành cảm ơn và vui vẻ nhận lời; thời gian cụ thể của chuyến thăm sẽ được thu xếp qua đường ngoại giao.

Báo *Nhân dân,*
ngày 8-1-1999.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

1. Nhận lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Giang Trạch Dân, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu đã thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa từ ngày 25-2 đến ngày 2-3-1999.

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu đã tiến hành hội đàm với Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Giang Trạch Dân. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã lần lượt hội kiến với Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Ủy viên trưởng Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Lý Bằng; Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân toàn quốc nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Lý Thụy Hoàn; Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân

Trung Hoa Hồ Cẩm Đào và Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Lý Lam Thanh. Hai bên đã thông báo cho nhau về tình hình chính trị, kinh tế của mỗi nước; trao đổi ý kiến rộng rãi về việc củng cố và tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước, cũng như về các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm. Các cuộc hội đàm và hội kiến đã diễn ra trong bầu không khí thân mật, hữu nghị, chân thành, thẳng thắn, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau.

Hai bên cho rằng chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu đã thành công tốt đẹp, góp phần quan trọng xây dựng quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai Đảng, hai nước hướng tới thế kỷ XXI, và sẽ có ảnh hưởng tích cực đối với hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực.

2. Hai bên bày tỏ hài lòng về sự củng cố không ngừng và phát triển tích cực của quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai Đảng, hai nước. Điều đó không những phù hợp với lợi ích căn bản của hai Đảng, hai nước và nhân dân hai nước mà còn có lợi cho hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới. Hai bên thỏa thuận, trên cơ sở tiếp tục tuân thủ các nguyên tắc được xác định trong các thông cáo chung công bố từ khi bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đến nay và nhận thức chung đạt được giữa lãnh đạo hai Đảng, hai nước, xây dựng quan hệ Việt Nam - Trung Quốc láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai. Hai bên khẳng định trên cơ sở nguyên tắc

độc lập, tự chủ, hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ tiếp tục không ngừng phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác, thúc đẩy quan hệ Nhà nước phát triển toàn diện.

Hai bên xác định cần hướng tầm nhìn tới tương lai, tăng cường hơn nữa giao lưu hữu nghị, hợp tác và trao đổi kinh nghiệm bằng nhiều hình thức giữa các ban, ngành của Đảng, chính quyền, các tổ chức quần chúng và các địa phương hai nước, nhất là tăng cường trao đổi, giao lưu hữu nghị giữa thanh niên, thiếu niên hai nước, làm cho sự nghiệp hữu nghị của hai nước Việt Nam - Trung Quốc phát triển toàn diện, truyền tiếp cho các thế hệ mai sau.

3. Hai bên khẳng định các thỏa thuận và nhận thức chung đã đạt được trong các cuộc gặp gỡ cấp cao hai nước từ năm 1991 đến nay, nhất trí cho rằng sớm giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ giữa hai nước là phù hợp với lợi ích căn bản và nguyện vọng chung của nhân dân hai nước; đồng thời bày tỏ hài lòng về những tiến triển tích cực của các cuộc đàm phán hai nước trong những năm gần đây. Hai bên đồng ý tiếp tục với tinh thần lấy đại cục làm trọng, thông cảm và nhân nhượng lẫn nhau, công bằng hợp lý, hiệp thương hữu nghị và căn cứ vào luật pháp quốc tế, tham khảo thực tiễn quốc tế, thông qua đàm phán hòa bình, giải quyết thỏa đáng những vấn đề biên giới lãnh thổ tồn tại giữa hai nước.

Hai bên quyết tâm đẩy nhanh tiến trình đàm phán, nâng cao hiệu suất công tác, ký kết Hiệp ước về biên giới trên bộ trong năm 1999; giải quyết xong vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ

trong năm 2000; cùng nhau xây dựng đường biên giới hai nước trở thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định.

Hai bên đồng ý tiếp tục duy trì cơ chế đàm phán hiện có về vấn đề trên biển, kiên trì thông qua đàm phán hòa bình, tìm ra một giải pháp cơ bản và lâu dài mà hai bên đều có thể chấp nhận được. Trước khi vấn đề được giải quyết, với tinh thần dễ trước khó sau, hai bên tích cực bàn bạc, tìm kiếm khả năng và giải pháp triển khai hợp tác trên biển trong các lĩnh vực như: bảo vệ môi trường biển, khí tượng thủy văn, phòng, chống thiên tai. Đồng thời, hai bên đều không tiến hành các hành động làm phức tạp thêm hoặc mở rộng thêm tranh chấp, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực. Hai bên cần bàn bạc kịp thời và giải quyết thỏa đáng những bất đồng nảy sinh với thái độ bình tĩnh, xây dựng, không để bất đồng ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước.

4. Hai bên bày tỏ hài lòng trước những tiến triển về mở rộng giao lưu buôn bán, phát triển kinh tế, hợp tác khoa học kỹ thuật và các lĩnh vực khác giữa hai nước trong những năm gần đây. Hai bên cho rằng việc mở rộng hơn nữa hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học - kỹ thuật và các lĩnh vực khác giữa hai nước còn nhiều tiềm lực to lớn, triển vọng sáng sủa. Trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, chú trọng hiệu quả và chất lượng, hình thức đa dạng, cùng nhau phát triển, hai bên quyết tâm cùng nỗ lực phát huy hơn nữa vai trò chủ đạo của các công ty lớn, mở rộng mậu dịch với khối lượng và kim ngạch lớn, khuyến khích và ủng hộ các doanh nghiệp của hai bên triển khai hợp tác các dự án lớn, tạo điều kiện thuận lợi

để họ đầu tư lẫn nhau; thúc đẩy mậu dịch biên giới hai nước phát triển lành mạnh, có trật tự. Hai bên sẽ tích cực tìm kiếm con đường và biện pháp mới nhằm phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu sự hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật và các lĩnh vực khác; đưa quan hệ hợp tác đó lên một trình độ phát triển mới.

Hai bên đã ký Hiệp định hợp tác kinh tế - kỹ thuật giữa Chính phủ hai nước.

5. Hai bên khẳng định lại những nhận thức chung đã đạt được trong các Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc ngày 10-11-1991, 22-11-1994 và 2-12-1995: phía Việt Nam khẳng định, Việt Nam công nhận Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất đại diện cho toàn Trung Quốc; Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ không thể chia cắt của Trung Quốc. Việt Nam chỉ giao lưu về kinh tế, thương mại phi chính phủ với Đài Loan, không phát triển quan hệ chính phủ với Đài Loan. Phía Trung Quốc tỏ sự hiểu biết và hoan nghênh lập trường trên đây của phía Việt Nam. Phía Trung Quốc khẳng định vấn đề Đài Loan hoàn toàn là vấn đề thuộc công việc nội bộ của Trung Quốc và kiên quyết phản đối các nước đã lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc có quan hệ chính phủ dưới bất cứ hình thức nào, hoặc có bất cứ sự đi lại nào mang tính chính phủ với Đài Loan.

6. Hai bên vui mừng trước những thành tựu to lớn đã đạt được trong công cuộc đổi mới, mở cửa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải thiện đời sống nhân dân ở hai nước. Phía Trung Quốc đánh giá cao những thành tựu mà Việt Nam đã đạt được trong công cuộc đổi mới, mở rộng hợp tác quốc tế vì dân giàu,

nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Phía Việt Nam đánh giá cao những thành tựu mà Trung Quốc đã đạt được trong công cuộc cải cách mở cửa, mở rộng quan hệ đối ngoại, cũng như trong sự nghiệp giữ gìn và thực hiện thống nhất đất nước.

7. Hai bên hài lòng với những nhận thức chung rộng rãi về các vấn đề khu vực và quốc tế mà hai bên cùng quan tâm. Hai bên cho rằng giữ gìn và củng cố hòa bình, ổn định ở khu vực và trên thế giới, tăng cường hợp tác kinh tế song phương, đa phương và khu vực là phù hợp với nguyện vọng chung và lợi ích căn bản của nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới. Hai bên chủ trương phấn đấu vì một trật tự chính trị, kinh tế quốc tế mới công bằng, hợp lý và sẽ thiết thực đóng góp phần mình vào việc giữ gìn và củng cố hòa bình, ổn định và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Hai bên cho rằng cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở châu Á đã tác động về mặt kinh tế ở những mức độ khác nhau tại nhiều quốc gia châu Á; các nước hữu quan cần cùng nhau gánh vác trách nhiệm, tăng cường phối hợp và hợp tác nhằm khắc phục cuộc khủng hoảng. Phía Trung Quốc đánh giá cao những nỗ lực tích cực của Việt Nam nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở châu Á, bảo đảm cho nền kinh tế của đất nước tiếp tục phát triển. Phía Việt Nam đánh giá cao những đóng góp của Trung Quốc nhằm làm dịu cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở châu Á và ổn định kinh tế khu vực.

8. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu chân thành cảm ơn về sự đón tiếp trọng thể, nồng nhiệt và hữu nghị của Đảng Cộng sản,

Chính phủ và nhân dân Trung Quốc. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã mời Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Giang Trạch Dân sang thăm Việt Nam một lần nữa vào thời gian thuận tiện. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Giang Trạch Dân đã cảm ơn và vui vẻ nhận lời.

Báo *Nhân dân*,
ngày 28-2-1999.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - CAMPUCHIA*

1. Nhận lời mời của Quốc vương Campuchia Nôrôđôm Xihanúc và Hoàng hậu Nôrôđôm Môniniết Xihanúc, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu và Phu nhân đã thăm chính thức Vương quốc Campuchia từ ngày 9 đến ngày 10-6-1999.

Quốc vương Nôrôđôm Xihanúc và Hoàng hậu Nôrôđôm Môniniết Xihanúc nồng nhiệt chào đón Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và Đoàn đại biểu Việt Nam, thể hiện sinh động mối quan hệ hữu nghị và hợp tác tốt đẹp sẵn có giữa hai nước.

2. Quốc vương và Hoàng hậu đã hội đàm và mở quốc yến hoan nghênh Tổng Bí thư cùng Phu nhân và các vị khách quý Việt Nam.

Xămđéc Chia Xim, Chủ tịch Đảng Nhân dân Campuchia, Chủ tịch Thượng viện Campuchia; Hoàng thân Nôrôđôm Ranarít, Chủ tịch Đảng FUNCINPEC, Chủ tịch Quốc hội Campuchia; Xămđéc Hun Xen, Thủ tướng Chính phủ Hoàng gia Campuchia, đã hội kiến với Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Hoàng Cung.

---

* Văn bản này được sắp xếp theo vấn đề để bạn đọc tiện theo dõi (*B.T*).

Trong thời gian ở thăm Vương quốc Campuchia, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và các vị cùng đi đã đến đặt vòng hoa tại Đài Độc lập và Đài Hữu nghị Campuchia - Việt Nam, thăm một số cơ sở văn hóa, kinh tế, lịch sử ở Thủ đô Phnôm Pênh, và đến thăm Vua Sãi Tép Vông tại chùa Unalom.

3. Các cuộc hội đàm và hội kiến đã diễn ra trong bầu không khí thắm tình đoàn kết hữu nghị truyền thống, trên tinh thần hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.

Quốc vương Nôrôđôm Xihanúc và các vị lãnh đạo khác của Campuchia đánh giá cao ý nghĩa trọng đại của chuyến thăm chính thức Vương quốc Campuchia của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, coi đây là một mốc lịch sử, mở ra giai đoạn phát triển mới của mối quan hệ đoàn kết hữu nghị truyền thống và sự hợp tác nhiều mặt giữa Campuchia và Việt Nam.

Quốc vương và các vị lãnh đạo khác của Campuchia bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nhân dân Việt Nam đã dành cho nhân dân Campuchia trước đây cũng như hiện nay.

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu cũng bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu mà Quốc vương, Nhà nước và nhân dân Campuchia đã dành cho nhân dân Việt Nam trước đây cũng như hiện nay.

4. Phía Campuchia đã thông báo cho phía Việt Nam tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay ở Campuchia, các mục tiêu và chính sách của Chính phủ Hoàng gia nhằm đem lại hòa bình, hòa hợp dân tộc và xúc tiến sự hội nhập của Campuchia vào ASEAN cũng như vào các diễn đàn khác, làm cho cộng đồng quốc tế ngày càng tin tưởng vào sự ổn định chính trị cũng như sự tiến bộ về xã hội và kinh tế của Campuchia.

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đánh giá cao sự lãnh đạo sáng suốt của Quốc vương Nôrôđôm Xihanúc đối với sự nghiệp khôi phục hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc và xây dựng lại đất nước Campuchia.

Tổng Bí thư cũng đánh giá cao những đóng góp to lớn cho hòa bình và phát triển của Quốc vương, một trong những nhà sáng lập của Phong trào Không liên kết, hoan nghênh những kết quả quan trọng mà nhân dân Campuchia đã giành được trong cuộc bầu cử Quốc hội khóa II, thành lập Quốc hội, Thượng viện, Chính phủ ở Campuchia và trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Tổng Bí thư chân thành chúc nhân dân Campuchia giành được những thành tựu mới to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng một nước Campuchia hòa bình, độc lập, không liên kết và phồn vinh, góp phần tích cực vào hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực.

5. Phía Việt Nam thông báo cho phía Campuchia mục tiêu, chính sách và các nỗ lực của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam. Phía Campuchia chúc mừng những thành tựu to lớn mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước và mở rộng hợp tác quốc tế; chân thành chúc nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, giành được những thành tựu mới to lớn hơn nữa, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, ổn định và phát triển phồn vinh ở khu vực.

6. Hai bên bày tỏ sự hài lòng về mối quan hệ tốt đẹp sẵn có giữa hai nước và khẳng định quyết tâm củng cố và

tăng cường quan hệ hợp tác láng giềng tốt đẹp, đoàn kết hữu nghị truyền thống, ổn định lâu dài, trên cơ sở các nguyên tắc đã được nêu rõ trong các Thông cáo chung Campuchia - Việt Nam năm 1992 và 1995, là tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; không cho phép bất cứ lực lượng chính trị, quân sự nào dùng lãnh thổ của nước mình để chống nước kia, hợp tác bình đẳng cùng có lợi.

Hai bên thỏa thuận cùng nhau ngăn ngừa những mưu toan phá hoại quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai dân tộc; và trực tiếp cùng nhau giải quyết mọi vấn đề nảy sinh giữa hai nước bằng thương lượng hòa bình, vì lợi ích của nhân dân mỗi nước.

7. Hai bên thỏa thuận duy trì các cuộc tiếp xúc ở cấp cao nhằm thúc đẩy và tạo thuận lợi cho việc không ngừng mở rộng hợp tác nhiều mặt giữa hai nước; mở rộng giao lưu giữa nhân dân hai nước, nhất là giao lưu hữu nghị giữa các thế hệ thanh niên, thiếu niên nhằm ngày càng thắt chặt quan hệ đoàn kết hữu nghị truyền thống giữa Việt Nam và Campuchia.

8. Hai bên hoan nghênh các thỏa thuận đạt được giữa Chính phủ hai nước nhằm tăng cường sự hợp tác hữu nghị và lâu dài giữa hai nước, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Trên tinh thần đó, hai bên đánh giá cao kết quả kỳ họp lần thứ ba của Ủy ban liên Chính phủ về hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia tiến hành tại Phnôm Pênh nhân dịp này; hoan nghênh việc mở rộng hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa hai nước, nhất là trên các lĩnh vực

nông nghiệp, giao thông vận tải, năng lượng, bưu điện, giáo dục và đào tạo, du lịch, bảo vệ môi trường... Hai bên cũng hoan nghênh sự hợp tác có hiệu quả giữa các bộ, ngành hữu quan cũng như giữa các địa phương của hai nước, nhất là giữa các tỉnh có chung biên giới, trên cơ sở các hiệp định đã ký kết giữa hai Chính phủ, kể cả việc phối hợp chống các hoạt động buôn lậu, tội phạm và buôn bán ma túy, góp phần bảo vệ nền độc lập và chủ quyền quốc gia của mỗi nước.

9. Hai bên hoan nghênh các nỗ lực của Chính phủ hai nước sớm giải quyết vấn đề biên giới thông qua thương lượng hòa bình, trên cơ sở các nguyên tắc đã thỏa thuận trong chuyến thăm chính thức Việt Nam của Ngài Thủ tướng Xămđéc Hun Xen tháng 12-1998. Hai bên đánh giá cao việc thành lập Ủy ban liên hợp về biên giới cùng với kết quả cuộc họp vòng I của Ủy ban này tại Thành phố Hồ Chí Minh tháng 3-1999, và thúc đẩy các vòng đàm phán tiếp theo để giải quyết càng sớm càng tốt những vấn đề biên giới còn tồn tại giữa hai nước trước cuối năm 2000, nhằm xây dựng đường biên giới Việt Nam - Campuchia thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị lâu dài.

10. Tổng Bí thư bày tỏ sự biết ơn chân thành đối với Quốc vương, Nhà nước và nhân dân Campuchia về sự quan tâm, đùm bọc và đối xử bình đẳng đối với Việt kiều giống như tất cả các ngoại kiều khác ở Campuchia, bảo đảm quyền lợi chính đáng và sinh sống, làm ăn bình thường của Việt kiều.

11. Hai bên chia sẻ những nhận thức chung về các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm. Hai bên tin tưởng mạnh mẽ rằng việc sử dụng vũ lực không phải là giải pháp cho các vấn đề của con người, và mọi tranh chấp, xung đột phải và

chỉ có thể được giải quyết thông qua thương lượng hòa bình, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia, quyền tự quyết của các dân tộc, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, tôn trọng luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc.

Hai bên khẳng định chính sách hữu nghị với tất cả các nước trên thế giới, nhất là với các nước láng giềng và khẳng định quyết tâm đẩy mạnh và phát huy hơn nữa tinh thần ASEAN hữu nghị, đoàn kết, hợp tác, không can thiệp, phát triển phồn vinh và đồng đều như đã được thể hiện trong các tuyên bố và hiệp ước của ASEAN.

12. Hai bên hài lòng ghi nhận những kết quả tốt đẹp của chuyến thăm chính thức có ý nghĩa lịch sử Vương quốc Campuchia của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và tin tưởng vững chắc rằng những thỏa thuận cấp cao đạt được trong dịp này sẽ đưa quan hệ đoàn kết hữu nghị truyền thống và sự hợp tác láng giềng tốt đẹp giữa Việt Nam và Campuchia sang một thời kỳ mới, đáp ứng lợi ích của nhân dân hai nước cũng như lợi ích của hòa bình, ổn định và hợp tác ở Đông Nam Á và trên thế giới. Hai bên cũng hoan nghênh thành công của chuyến thăm Việt Nam tháng 5-1999 của Hoàng thân Nôrôđôm Ranarít, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy quan hệ hợp tác và hữu nghị truyền thống giữa hai Quốc hội của hai nước.

13. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chân thành cảm ơn Quốc vương Nôrôđôm Xihanúc, Hoàng hậu Nôrôđôm Môniniết Xihanúc, các vị lãnh đạo khác của Campuchia và nhân dân Campuchia về những tình cảm anh em và lòng mến khách

nồng hậu đã dành cho Tổng Bí thư, Phu nhân và các vị cùng đi.

14. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã chân tình mời Quốc vương Nôrôđôm Xihanúc và Hoàng hậu Nôrôđôm Môniniết Xihanúc sang thăm chính thức Việt Nam vào thời gian thuận tiện. Quốc vương và Hoàng hậu đã chân thành cảm ơn và vui vẻ nhận lời.

Báo *Nhân dân,*
ngày 11-6-1999.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - CUBA*

1. Nhận lời mời của Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Cuba, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Chính phủ Cuba Phiđen Caxtơrô Rugiơ, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu đã thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Cuba từ ngày 8 đến ngày 14 tháng 7 năm 1999.

2. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu đã hội đàm với Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Cuba, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Chính phủ Cuba Phiđen Caxtơrô Rugiơ.

Cuộc hội đàm đã diễn ra trong bầu không khí hiểu biết lẫn nhau, tin cậy và thắm tình đồng chí anh em.

3. Hai bên đã thông báo cho nhau tình hình gần đây của mỗi Đảng, mỗi nước; điểm lại mối quan hệ giữa hai Đảng và hai nước trong bốn thập kỷ qua; vui mừng nhận thấy quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Cuba ngày càng được củng cố và phát triển.

---

* Văn bản này được sắp xếp theo vấn đề để bạn đọc tiện theo dõi (*B.T*).

Phía Việt Nam đánh giá cao những nỗ lực và thành tựu quan trọng mà nhân dân Cuba anh hùng đã giành được, bất chấp mọi áp lực, phong tỏa và thù địch của Mỹ; chúc nhân dân Cuba, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Cuba do đồng chí Phiđen Caxtơrô Rugiơ đứng đầu, thu được những thành tựu mới to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việt Nam kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Cuba, đòi hủy bỏ ngay chính sách bao vây chống Cuba.

Phía Cuba đánh giá cao những nỗ lực và thành tựu quan trọng trong sự nghiệp đổi mới của Việt Nam; chúc nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Lê Khả Phiêu đứng đầu, thu được những thành tựu mới to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

4. Hai bên hài lòng về sự phát triển tốt đẹp của quan hệ đồng chí anh em thủy chung, trong sáng giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước trong mấy thập kỷ qua và khẳng định trong tình hình mới, quyết tâm làm hết sức mình nhằm củng cố và tăng cường hơn nữa quan hệ đoàn kết hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, tin cậy lẫn nhau, hướng tới thế kỷ XXI, trên cơ sở Hiệp ước hữu nghị và hợp tác năm 1982 và các văn kiện chung khác đã được ký kết giữa hai nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và nhân dân Việt Nam bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đối với Đảng Cộng sản Cuba, Nhà nước và nhân dân Cuba anh em về tình đoàn kết trong sáng, sự ủng hộ quý báu và giúp đỡ hết lòng, dành cho nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh để bảo vệ độc lập,

thực hiện thống nhất đất nước trước đây, cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay.

Đảng Cộng sản Cuba, Nhà nước và nhân dân Cuba bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đối với Đảng Cộng sản, Nhà nước và nhân dân Việt Nam anh em về tình đoàn kết trong sáng, sự ủng hộ quý báu và giúp đỡ chí tình, dành cho nhân dân Cuba trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ thành quả của chủ nghĩa xã hội ở Cuba.

5. Hai bên khẳng định trung thành với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, tư tưởng Hồ Chí Minh và tư tưởng Hôxê Mácti, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở mỗi nước, góp phần tích cực hơn nữa vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

6. Hai bên thỏa thuận những phương hướng lớn nhằm thúc đẩy và mở rộng sự hợp tác giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước, trên tất cả các lĩnh vực, nhằm phát huy thế mạnh và tiềm năng của mỗi nước, trên cơ sở hiệu quả, dành cho nhau điều kiện thuận lợi và ưu tiên hợp lý; cũng như sự ủng hộ cần thiết cho công cuộc phát triển của mỗi nước.

Hai bên nhất trí duy trì tiếp xúc cấp cao thường xuyên giữa lãnh đạo hai Đảng và hai Nhà nước, thúc đẩy phát triển quan hệ giữa các ngành, các cấp của hai bên, nhất là khuyến khích giao lưu và giáo dục thế hệ trẻ hai nước, nhằm củng cố, phát triển và truyền tiếp cho các thế hệ mai sau truyền thống tốt đẹp của quan hệ đoàn kết anh em gắn bó Việt Nam - Cuba.

7. Hai bên khẳng định quyết tâm thúc đẩy sự hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học - kỹ thuật giữa hai nước, thông qua thỏa thuận hằng năm của Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Cuba, khuyến khích sự hợp tác trực tiếp giữa các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp của hai nước, nhất là trên các lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, công nghiệp nhẹ, thủ công nghiệp, công nghệ sinh học, ngành dược và thuốc thú y và các ngành sản xuất khác.

8. Hai bên bày tỏ quan điểm chung về tình hình khu vực và quốc tế, những nguy cơ đang xuất hiện, đặc biệt là đối với các nước nhỏ và các nước đang phát triển. Đó là chủ nghĩa bá quyền, việc sử dụng sức mạnh, sự vi phạm những nguyên tắc của luật pháp quốc tế được ghi trong Hiến chương của Liên hợp quốc; làm ngơ hoàn toàn Liên hợp quốc và chức năng gìn giữ hòa bình của tổ chức này, như cuộc xâm lược chống Cộng hòa Liên bang Nam Tư.

Hai bên kiên quyết bác bỏ khái niệm chiến lược mới của NATO tự cho mình quyền can thiệp vào bất cứ nơi nào và khẳng định các quan hệ quốc tế phải được chỉ đạo bằng các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng tự chủ của các quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, toàn vẹn lãnh thổ, không sử dụng vũ lực, cũng như giải quyết các bất đồng thông qua đàm phán chính trị trên cơ sở hợp tác và tôn trọng lẫn nhau.

Hai bên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tôn trọng tổ chức Liên hợp quốc, tiếp tục đấu tranh đòi dân chủ hóa Liên hợp quốc và ngăn chặn âm mưu nắm quyền bá chủ tổ chức này, tuân thủ mục tiêu ban đầu nêu ra là Liên hợp quốc là tổ chức phục vụ sự nghiệp hòa bình, phát triển và hợp tác giữa

tất cả các thành viên. Hai bên cam kết tiếp tục cộng tác trong Phong trào Không liên kết và trong các diễn đàn quốc tế khác để thúc đẩy các hoạt động tiến tới một hệ thống quan hệ quốc tế hợp lý và công bằng, hoàn toàn tôn trọng luật pháp quốc tế, độc lập, phát triển, dân chủ và công lý.

Hai bên bày tỏ sự quan ngại trước những xu hướng đang chi phối nền kinh tế thế giới trong quá trình toàn cầu hóa với những điều kiện áp đặt đối với các nước đang phát triển, gây ra những thiệt hại to lớn về kinh tế và xã hội, tác động đến cuộc sống của hàng triệu con người trên thế giới.

9. Hai bên đánh giá cao kết quả tốt đẹp chuyến thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Cuba của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, sự kiện có ý nghĩa lịch sử, mở ra thời kỳ phát triển mới cho việc tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Cuba anh em.

10. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chân thành cảm ơn Đảng, Nhà nước và nhân dân Cuba đã dành cho đồng chí và Đoàn đại biểu cấp cao của Việt Nam sự đón tiếp trọng thị, thắm tình đồng chí anh em, thể hiện sinh động tình đoàn kết hữu nghị keo sơn giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Cuba.

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã mời Chủ tịch Phiđen Caxtơrô Rugiơ thăm hữu nghị chính thức Việt Nam vào thời gian thích hợp. Chủ tịch Phiđen Caxtơrô đã cảm ơn và vui vẻ nhận lời.

Báo *Nhân dân,*
ngày 14-7-1999.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - ẤN ĐỘ*

Nhận lời mời của Tổng thống nước Cộng hòa Ấn Độ K.R. Naraiannan, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương và Phu nhân đã tiến hành chuyến thăm Nhà nước tới nước Cộng hòa Ấn Độ từ ngày 1 đến ngày 5-12-1999. Cùng đi với Chủ tịch nước Trần Đức Lương có Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm, Bộ trưởng Quốc phòng Phạm Văn Trà, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước Nguyễn Cảnh Dinh, Bộ trưởng Bộ Y tế Đỗ Nguyên Phương, nhiều quan chức cấp cao của Chính phủ và một đoàn các nhà doanh nghiệp Việt Nam. Đây là chuyến thăm Nhà nước đầu tiên của Chủ tịch nước Trần Đức Lương tới Ấn Độ, nhân dân Ấn Độ rất vinh dự về chuyến thăm này.

Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã được đón tiếp trọng thể và hội đàm với Ngài Tổng thống K.R. Naraiannan. Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã tiếp Ngài Cơrítxơna Cantơ, Phó Tổng thống Ấn Độ và hội kiến với Ngài A.B. Vagiơpai, Thủ tướng Ấn Độ. Chủ tịch nước Trần Đức Lương cũng đã tiếp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Giơxơvan Xinh, Bộ trưởng Bộ Phát triển nhân lực M.M. Giôsi, bà Xônia Gandi, lãnh tụ phe

---

* Văn bản này được sắp xếp theo vấn đề để bạn đọc tiện theo dõi (*B.T*).

đối lập tại Quốc hội và nhiều nhà lãnh đạo chính trị cao cấp của Ấn Độ.

Trong thời gian ở thăm Ấn Độ, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã đặt vòng hoa viếng Mahátma Gandi và Giaoaháclan Nêru, thăm một số cơ sở kinh tế và trung tâm văn hóa, khoa học quan trọng ở Thủ đô Đêli và các thành phố Cancutta và Mumbai. Chủ tịch nước Trần Đức Lương và Đoàn đại biểu Việt Nam đã trao đổi ý kiến với các nghị sĩ Quốc hội liên bang, Viện lập pháp bang, giới khoa học, văn hóa, lãnh đạo Phòng Thương mại và đại diện giới doanh nghiệp Ấn Độ. Tại tất cả những nơi đến thăm, nhân dân Ấn Độ đã nồng nhiệt chào mừng Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Phu nhân cùng Đoàn đại biểu Việt Nam, thể hiện mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời giữa hai dân tộc.

Trong các cuộc hội đàm và hội kiến, hai bên đã thông báo cho nhau về tình hình chính trị, kinh tế của mỗi nước, trao đổi ý kiến sâu rộng về việc củng cố và tăng cường hơn nữa mối quan hệ hữu nghị truyền thống và sự hợp tác nhiều mặt giữa hai Nhà nước, Chính phủ và nhân dân hai nước cũng như về các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm. Các cuộc hội đàm và hội kiến đã diễn ra trong bầu không khí thân mật và hoàn toàn hiểu biết lẫn nhau.

Các vị lãnh đạo Ấn Độ bày tỏ sự khâm phục sâu sắc đối với nhân dân Việt Nam và đặc biệt đánh giá cao những thành tựu quan trọng đã đạt được trong quá trình đổi mới và vai trò quốc tế ngày càng cao của Việt Nam. Tổng thống K.R. Naraiannan và Thủ tướng A.B. Vagiơpai đã bày tỏ với Chủ tịch Trần Đức Lương và qua Chủ tịch tới toàn thể nhân dân

Việt Nam lời chúc mừng nhiệt liệt và lời cầu chúc tốt đẹp nhất nhân dịp kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chủ tịch nước Trần Đức Lương bày tỏ sự khâm phục sâu sắc trước những thành tựu mà nhân dân Ấn Độ đã đạt được trong hơn 52 năm từ khi giành độc lập và đặc biệt từ khi tiến hành công cuộc cải cách kinh tế trong hơn 10 năm qua. Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã nhiệt liệt chúc mừng nhân dân Ấn Độ nhân dịp 50 năm thành lập nước Cộng hòa Ấn Độ vào năm 2000 và chúc nhân dân Ấn Độ thành công trong công cuộc xây dựng đất nước Ấn Độ hòa bình và phồn vinh, tiếp tục đóng góp vào sự nghiệp hòa bình, an ninh, ổn định và thịnh vượng ở khu vực cũng như trên thế giới.

Chuyến thăm Ấn Độ của Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã tạo cơ hội cho hai bên đánh giá một cách toàn diện mối quan hệ song phương. Hai bên bày tỏ tin tưởng chuyến thăm sẽ góp phần quan trọng vào việc tăng cường và mở rộng hơn nữa mối quan hệ song phương vì lợi ích của nhân dân hai nước.

Các vị lãnh đạo của hai nước bày tỏ hài lòng về sự hợp tác ngày càng mở rộng giữa hai nước trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học - công nghệ, nông nghiệp, văn hóa, đào tạo cũng như trong các lĩnh vực khác, đồng thời nhận thấy còn nhiều tiềm năng to lớn để mở rộng hơn nữa mối quan hệ song phương. Hai bên thỏa thuận sẽ tiến hành các nỗ lực mạnh mẽ hơn nữa để nâng quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực lên tầm cao mới.

Hai bên bày tỏ tin tưởng rằng việc sử dụng vũ lực không phải là giải pháp cho các vấn đề tranh chấp trên thế giới và khẳng định lập trường chung nhất quán của hai nước là mọi tranh chấp và xung đột chỉ có thể và cần được giải quyết thông qua thương lượng hòa bình, trên cơ sở các quốc gia triệt để tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc. Hai bên thỏa thuận tham khảo lẫn nhau về vấn đề cải cách và dân chủ hóa Liên hợp quốc. Phía Việt Nam khẳng định lại ủng hộ Ấn Độ làm Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc mở rộng. Phía Ấn Độ bày tỏ biết ơn về sự ủng hộ kiên định đó của Chính phủ Việt Nam.

Hai bên khẳng định lại lập trường của mình rằng nền an ninh của tất cả các quốc gia chỉ có thể được bảo đảm thông qua việc loại bỏ hoàn toàn tất cả các loại vũ khí hạt nhân. Phía Ấn Độ tuyên bố hoàn toàn tôn trọng quy chế Khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân và sẵn sàng biến cam kết này thành nghĩa vụ pháp lý.

Hai bên khẳng định sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ về ASEAN, trong Phong trào Không liên kết cũng như tại các diễn đàn khu vực và quốc tế khác và cùng với các nước khác phấn đấu vì một trật tự thế giới công bằng và hợp lý.

Hai bên khẳng định lại rằng hợp tác Nam - Nam là bộ phận quan trọng trong chính sách đối ngoại của nước mình và cho rằng sự hợp tác đó càng cần thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa nhanh chóng nền kinh tế thế giới kèm theo những rủi ro khủng hoảng kinh tế mà nhiều nước, nhất là các nước

ở Đông Nam Á đang phải đối phó. Trong bối cảnh đó, hai bên hy vọng rằng Hội nghị cấp cao các nước Phương Nam sẽ được tổ chức tại Cuba vào tháng 4-2000 sẽ xem xét các vấn đề này. Hai bên cũng hy vọng Hội nghị cấp Bộ trưởng lần thứ ba của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) tại Xiatơn (Mỹ) sẽ xem xét các vấn đề mà các nước đang phát triển quan tâm trong bối cảnh toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới và cải cách cơ cấu tài chính quốc tế.

Hai bên đánh giá cao vai trò quan trọng của ASEAN đối với hòa bình, an ninh và phát triển ở khu vực cũng như trên thế giới, đặc biệt là sự đóng góp quý báu của Hội nghị cấp cao chính thức ASEAN lần thứ 6 tổ chức tại Hà Nội vào quá trình này. Ấn Độ khẳng định lại sự coi trọng các mối quan hệ và giao lưu với ASEAN với tư cách nước thành viên đối thoại và trong Diễn đàn An ninh khu vực (ARF).

Trong dịp chuyến thăm của Chủ tịch nước Trần Đức Lương, hai bên đã ký các văn kiện sau:

1- Hiệp định tín dụng;

2- Biên bản trao đổi Văn kiện phê chuẩn Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư song phương;

3- Thỏa thuận về việc thành lập Trung tâm phát triển nguồn nhân lực phần mềm tại Việt Nam;

4- Thỏa thuận hợp tác giữa Học viện Quan hệ quốc tế Việt Nam và Học viện Ngoại giao Ấn Độ.

Hai bên bày tỏ tin tưởng rằng việc ký kết những văn kiện này sẽ góp phần mở rộng hơn nữa sự hợp tác giữa hai nước.

Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã bày tỏ cảm ơn Tổng thống K.R. Naraiannan cùng các vị lãnh đạo khác và nhân dân

Ấn Độ về sự đón tiếp trọng thị và thắm tình anh em đã dành cho Chủ tịch, Phu nhân và các thành viên trong Đoàn đại biểu Việt Nam.

Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã mời Tổng thống K.R. Naraiannan và Phu nhân tiến hành chuyến thăm Nhà nước tới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào thời gian thuận tiện. Tổng thống K.R. Naraiannan đã chân thành cảm ơn và nhận lời mời.

Báo *Nhân dân*,
ngày 5-12-1999.

PHÁT BIỂU
CỦA ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH NƯỚC TRẦN ĐỨC LƯƠNG TẠI HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

Ngày 23 tháng 3 năm 1999

Thưa các đồng chí,

Tôi vui mừng có dịp gặp mặt đông đủ các đồng chí đại biểu về dự hội nghị tổng kết công tác nội chính đảng năm 1998. Nhân dịp này, thay mặt các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước tôi chúc các đồng chí mạnh khỏe, chúc Hội nghị thành công.

Năm 1998, trong bối cảnh đầy khó khăn và thử thách, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền kinh tế nước ta tiếp tục tăng trưởng, đời sống tinh thần và vật chất của đa số nhân dân tiếp tục được cải thiện, tình hình chính trị - xã hội tiếp tục được ổn định, vị thế nước ta trong khu vực và trên thế giới tiếp tục được nâng cao. Trong thành tựu chung đó có sự đóng góp tích cực của các ngành, các cơ quan trong khối nội chính.

Các cơ quan nội chính đã có nhiều cố gắng thực hiện một khối lượng công việc rất lớn; đã phát hiện kịp thời, tham mưu

cho Đảng và Nhà nước giải quyết nhiều vấn đề quan trọng đấu tranh phòng, chống tội phạm; đã tích cực tham gia xây dựng nhiều dự án luật, pháp lệnh, góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, đồng thời cùng với hệ thống các cơ quan nhà nước phổ biến cho các tầng lớp nhân dân về các văn bản pháp luật, nhằm bảo đảm thực hiện pháp luật một cách nghiêm túc trong xã hội. Công tác kiểm sát, thanh tra được nâng cao, vừa chú trọng mở rộng ra tất cả các lĩnh vực vừa tập trung vào các vấn đề cốt yếu nhằm bảo vệ, xây dựng Đảng và Nhà nước, bảo đảm cuộc sống bình yên của nhân dân. Các cơ quan nội chính đã cố gắng nâng cao hiệu quả hoạt động của mình, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an toàn các hoạt động lớn của Nhà nước trong năm, đã tích cực trấn áp bọn tội phạm, đã có nhiều tiến bộ bảo đảm yêu cầu bắt đúng người, xử lý đúng tội, đúng pháp luật; tập trung giải quyết nhiều vụ án lớn và quan trọng, đặc biệt là các vụ án buôn lậu, tham nhũng, ma túy, xâm phạm nhân phẩm, tính mạng và tài sản của nhân dân. Nhiều bản án xét xử nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật, đã được công luận hoan nghênh. Việc xét xử và thi hành án dân sự cũng đã có nhiều chuyển biến tích cực góp phần vào việc ổn định xã hội, nâng cao tính cộng đồng trong các đơn vị dân cư. Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, chống thất thu thuế cũng đã đạt được nhiều thành tích.

Cấp ủy đảng ở các địa phương có sự quan tâm nhiều hơn đến công tác nội chính, chú trọng hơn đến việc lãnh đạo các hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Công tác xây dựng

Đảng, công tác tổ chức cán bộ, xây dựng lực lượng trong các ngành nội chính tiếp tục được kiện toàn từng bước.

Thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương khen ngợi các cơ quan trong khối đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm qua.

Thưa các đồng chí,

Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, trong năm qua, do nhiều nguyên nhân, kể cả nguyên nhân yếu kém trong quản lý, điều hành của bộ máy nhà nước các cấp, tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội vẫn còn nhiều phức tạp. Các vi phạm và tội phạm vẫn gia tăng về số lượng, phức tạp về tính chất. Các đối tượng thực hiện hành vi phạm pháp tinh vi, xảo quyệt hơn.

Trong tình hình đó, đánh giá kết quả hoạt động của các ngành nội chính nói chung và các cơ quan bảo vệ pháp luật nói riêng không thể chỉ căn cứ vào số lượng các vụ đã được xử lý, mà điều quan trọng là chất lượng xử lý các vụ việc đó có đúng pháp luật và có được dư luận đồng tình không? An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội có được bảo đảm không? Tình hình các loại vi phạm và tội phạm có giảm bớt hay không? và nhất là quyền dân chủ, lợi ích hợp pháp của công dân có được bảo vệ tốt hay không?...

Với cách nhìn như vậy, cần khẳng định rằng, mặc dù chúng ta đã có nhiều cố gắng, từng ngành giải quyết được khối lượng công việc tăng nhiều so với trước, song chúng ta vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi, trong đó có không ít vấn đề bức xúc. Tình hình đất nước hiện nay vẫn tiềm ẩn

những dấu hiệu khá phức tạp. Tệ nạn tham ô, lãng phí, cửa quyền, quan liêu, ức hiếp quần chúng chưa giảm; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn những mầm mống xấu; các loại tội phạm nguy hiểm như giết người, cướp của, ma túy, mại dâm, buôn lậu,... có chiều hướng gia tăng; nhiều loại tội phạm mới, như tẩy rửa tiền, lưu hành tiền giả, khủng bố, tống tiền... cũng đã xuất hiện không chỉ còn là trường hợp cá biệt.

Tình hình đó, đòi hỏi các ngành nội chính, các cơ quan bảo vệ pháp luật phải nỗ lực bội phần để hoàn thành các nhiệm vụ nặng nề đang đặt ra.

Trước hết, các ngành nội chính, các cơ quan bảo vệ pháp luật phải tiến hành nghiêm túc, có kết quả việc xây dựng ngành, cơ quan trong sạch, vững mạnh, tiến hành sâu sắc đợt sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đánh giá đúng tình hình, rút ra cho được những bài học cần thiết, khắc phục bằng được những khuyết điểm, yếu kém, các biểu hiện tiêu cực đã bộc lộ và còn tiềm ẩn trong nội bộ các cơ quan chúng ta. Làm được như vậy, chúng ta sẽ củng cố được niềm tin của toàn Đảng, toàn dân về khả năng của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc nghiêm trị các hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội, các nhân tố thoái hóa biến chất trong Đảng, trong hệ thống công chức nhà nước một cách nghiêm minh, không khoan nhượng với bất kỳ ai, ở bất kỳ cương vị nào, nếu họ có hành vi vi phạm pháp luật.

Các ngành bảo vệ pháp luật cần có chương trình hành động cụ thể thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về

yêu cầu này. Đồng thời nghiên cứu để chuẩn bị trình Thường vụ Bộ Chính trị xem xét quyết định phương án về hệ thống tổ chức, công tác nội chính đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và chuẩn bị cho Nghị quyết Trung ương 7.

Hai là, tổng kết nghiêm túc, rút ra bài học kinh nghiệm về việc tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nội chính. Hướng dẫn và cụ thể hóa để thực hiện thống nhất trong cả nước việc các cấp ủy đảng chỉ đạo công tác nội chính nói chung và một số vụ án quan trọng nói riêng. Như các đồng chí đều biết, tuy đã có Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 8-11-1993 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật, nhưng việc lãnh đạo của một số cấp ủy đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật còn chưa đúng mức, chưa thường xuyên, chưa đều. Cách thức lãnh đạo còn thiếu sự thống nhất trong cấp ủy đảng các cấp, còn nhiều biểu hiện lúng túng. Hiện tượng cấp ủy đảng và cá nhân một số các đồng chí lãnh đạo cấp ủy có ý kiến quá sâu vào tiến trình tố tụng, có trường hợp còn thiếu khách quan, hoặc chỉ đạo sai lệch, không theo đúng quy định của pháp luật, đã làm cho các cơ quan bảo vệ pháp luật lúng túng, khó xử khi áp dụng các điều luật hiện hành hoặc ỷ lại, chờ đợi ý kiến chỉ đạo của cấp ủy và làm mất tính chủ động, chỉ tuân theo pháp luật của các cơ quan này mà pháp luật đã quy định. Chính vì vậy, gần đây Bộ Chính trị đã có yêu cầu tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW nhằm rút ra các bài học cần thiết, nâng cao hơn nữa hiệu quả lãnh đạo của các cấp ủy

đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật, nhất là trong tình hình phức tạp hiện nay. Trong kỳ họp này, Ban Nội chính Trung ương đã có tổng hợp đưa ra dự thảo báo cáo. Đề nghị các đồng chí có sự thảo luận, đóng góp tích cực để báo cáo phản ánh được thực tiễn phong phú trong những năm qua.

Ba là, để bám sát và thực hiện đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, bám sát thực tiễn trong nước và các hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng cũng như môi trường trong nước và quốc tế hiện nay, các ngành nội chính cần xuất phát từ thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của mình để đề xuất các kiến nghị, các giải pháp về chủ trương, chính sách để Đảng và Nhà nước có các quyết định cần thiết cho phù hợp với tình hình mới, nhất là các chủ trương lớn về đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp đã được đề cập tại Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) với những nội dung cơ bản là: nâng cao chất lượng hoạt động của Viện Kiểm sát, tập trung làm tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử, nghiên cứu áp dụng thủ tục rút gọn xét xử một số vụ án đơn giản, đổi mới thủ tục giám đốc thẩm; phân cấp bổ nhiệm thẩm phán tòa án cấp tỉnh và cấp huyện; sắp xếp lại các cơ quan điều tra; kiện toàn các tổ chức thi hành án; nghiên cứu thành lập cảnh sát tư pháp; củng cố và tăng cường các tổ chức bổ trợ tư pháp; xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh...

Tiếc rằng những yêu cầu đó chưa được triển khai thực hiện thành đề án cụ thể. Nay Bộ Chính trị đang chỉ đạo các ngành, các cấp xây dựng các đề án cụ thể phục vụ cho Hội nghị

Trung ương lần thứ 7, trong đó có nhắc lại yêu cầu này. Tôi đề nghị Ban Nội chính Trung ương có kiến nghị về đề cương và tổ chức để huy động các ngành, các cấp trong khối tham gia tích cực cho việc chuẩn bị này.

Trong những vấn đề cụ thể tôi muốn được góp ý về những vấn đề sau đây trong tiến trình tố tụng của các cơ quan bảo vệ pháp luật:

1- Việc phân định trách nhiệm giữa các khâu trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan trong quá trình tố tụng còn chưa được rõ; việc phối kết hợp giữa các cơ quan thiếu chặt chẽ, vừa có sự chồng chéo lại vừa buông lỏng ở khâu này hoặc khâu khác, nơi này hoặc nơi khác. Không ít các trường hợp phức tạp, một số cơ quan trong khối không thực hiện hết trách nhiệm của mình, còn có hiện tượng đùn đẩy công việc sang các cơ quan khác hoặc lên cấp trên. Có trường hợp các cơ quan có trách nhiệm còn hữu khuynh, né tránh, bao che... làm cho quá trình xử lý công việc kéo dài, dẫn đến việc ra quyết định không đúng pháp luật; mặt khác, lại có hiện tượng nương nhẹ hoặc bỏ qua các vi phạm của một số cán bộ, công chức, nhất là trong các vụ án tham nhũng làm cho nhân dân và dư luận xã hội phê phán gay gắt.

Để khắc phục tình trạng trên đây, nên tiến hành xây dựng quy chế làm việc giữa các cơ quan tham gia quá trình tiến hành tố tụng. Trong đó phải phân định cụ thể chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan này với nhau, từ khâu điều tra, lập hồ sơ, truy tố cho đến khi mở phiên tòa xét xử. Sao cho các cơ quan thực hiện công việc tiếp theo phải có trách nhiệm kiểm tra độ chính xác

của các cơ quan trước đó. Có như vậy mới có thể bảo đảm việc bắt giam chính xác; việc điều tra, truy tố, xét xử có đủ chứng cứ, chặt chẽ và khoa học, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

2- Việc phân tích tính chất một số vụ án, việc vận dụng và giải thích pháp luật còn chưa thật sự khoa học, chưa theo cùng một tiêu chí thống nhất, nhiều lúc còn mang tính chủ quan, phụ thuộc ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền hoặc bị sức ép của dư luận, nên đã tiến hành xử theo *Luật hình sự* một số tranh chấp trong các quan hệ kinh tế, dân sự hoặc ngược lại; chưa phân định rạch ròi trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự của cá nhân người đại diện và của pháp nhân. Nhất là khi thụ lý một vụ án có liên quan đến một pháp nhân, chưa chú ý đúng mức đến các biện pháp bảo đảm việc làm và quyền lợi cho người lao động.

Tôi đề nghị các đồng chí có sự phối hợp nghiên cứu để quy định và có hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước hệ thống các tiêu chí nhằm phân định chính xác vi phạm hình sự, vi phạm dân sự và vi phạm kinh tế. Có như vậy khi xử lý một vụ án mới bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, được dư luận đồng tình.

3- Công tác điều tra, bắt giam, xét hỏi các đối tượng vẫn còn nhiều vấn đề đáng quan tâm, như: việc bắt người, tạm giam chưa tuân thủ nghiêm ngặt những quy định của pháp luật về bắt quả tang, bắt người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người có lệnh phê chuẩn trước của Viện Kiểm sát, tình trạng bắt oan, giam giữ quá hạn trong các khâu điều tra,

truy tố, xét xử còn xảy ra không ít, việc vi phạm tự do thân thể, sinh mệnh chính trị của công dân vẫn còn... Khuyết điểm, thiếu sót do nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân kinh phí, trang bị phương tiện... nhưng qua theo dõi các vụ án thì nguyên nhân chủ quan do trình độ, năng lực, phẩm chất, ý thức trách nhiệm vẫn là cơ bản.

Tôi đề nghị các cơ quan liên quan có những biện pháp cụ thể, đặt ra chỉ tiêu rõ ràng cho từng thời kỳ để xóa bỏ cho được tình trạng trên đây càng sớm càng tốt.

4- Coi trọng việc tham gia xây dựng các dự án bổ sung, sửa đổi pháp luật. Trước hết là *Luật hình sự* và *Luật tố tụng hình sự*, các luật có liên quan đến các biện pháp chế tài đối với các vi phạm pháp luật trong xã hội. Cần coi trọng mối quan hệ biện chứng giữa xây và chống trong công tác xây dựng và bảo vệ pháp luật. Cần giảm bớt các loại tội danh có mức án tử hình. Nghiên cứu để đề xuất hình thức thi hành án tử hình cho phù hợp với bối cảnh xã hội hiện nay.

5- Cần coi trọng ban hành các quy định chế độ bảo mật các tài liệu có liên quan đến các vụ án; cùng với các cơ quan có liên quan quy định chế độ cung cấp thông tin cho báo chí về các vụ án lớn trước, trong và sau khi xét xử; bàn bạc với các cơ quan liên quan để quy định thời điểm được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về một vụ án sao cho vừa kịp thời vừa bảo đảm thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ. Quy định cụ thể vai trò và nâng cao trách nhiệm của luật sư, kể cả việc tuân thủ pháp luật của luật sư trong quá trình tố tụng.

6- Trong các cơ quan nội chính hiện nay vấn đề trình độ, phẩm chất đạo đức của một số cán bộ đang trở thành cấp thiết. Không ít cán bộ còn phạm phải những sai sót. Một số cán bộ không được đào tạo một cách chính quy, chưa am hiểu thấu đáo quy định của pháp luật, nên xử lý công việc theo kinh nghiệm, dẫn đến việc có những sai sót đáng tiếc. Một số ít cán bộ thoái hóa, biến chất đã có biểu hiện lợi dụng chức quyền những nhiễu, hách dịch, thiếu những phẩm chất, tư cách đạo đức của người cán bộ được giao nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, gây ảnh hưởng không tốt đến uy tín của ngành nội chính, của Đảng và của Nhà nước.

Thông qua thực tiễn công tác, các cơ quan nội chính của Đảng cần nghiên cứu, bổ sung để chuẩn hóa về chức năng, xác định rõ nhiệm vụ chủ yếu, xây dựng quy chế làm việc, kiện toàn công tác tổ chức và cán bộ. Tạo điều kiện để cán bộ trong các cơ quan bảo vệ pháp luật học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

Cần phải có quy hoạch cán bộ, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí cán bộ, thưởng phạt, khen chê rõ ràng. Đồng thời cũng cần phải nghiên cứu để sớm đề xuất các chính sách đãi ngộ, có bao hàm ý nghĩa "dưỡng liêm" đối với đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật. Đó là những biện pháp quan trọng nhằm xây dựng lực lượng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, chống các biểu hiện tiêu cực, đáp ứng yêu cầu công tác, đáp ứng đòi hỏi của Đảng, của nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Trước mắt chúng ta có nhiều thuận lợi, nhưng cũng còn nhiều khó khăn. Tình hình đất nước ổn định và phát triển, nhưng còn nhiều phức tạp và thách thức mới. Nhiệm vụ công tác nội chính rất nặng nề. Các cơ quan nội chính cần phát huy thành tích đã đạt được, vượt qua mọi khó khăn thử thách, hợp tác chặt chẽ với các ngành, các cấp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao.

Chúc các đồng chí sức khỏe và đạt được nhiều thành tựu to lớn trong công tác, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÊ KHẢ PHIÊU TẠI CUỘC MÍT TINH KỶ NIỆM 109 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ 30 NĂM THỰC HIỆN *DI CHÚC* CỦA NGƯỜI

Về học tập, rèn luyện tư tưởng và đạo đức cách mạng, thực hiện thắng lợi cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng*

Ngày 18 tháng 5 năm 1999

Thưa các đồng chí lão thành cách mạng,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách,

Với niềm tự hào về lòng biết ơn vô hạn, hôm nay chúng ta tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm lần thứ 109 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam, người thầy vĩ đại của Đảng, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, danh nhân

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

văn hóa thế giới. Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta.

Đầu thế kỷ này, trong đêm đen nô lệ, chỉ có hai bàn tay trắng, với lòng yêu nước thương dân nồng nàn và sâu nặng, Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước. Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin như một cuộc "hẹn hò lịch sử" giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với học thuyết cách mạng và khoa học của thời đại.

Cùng với việc xây dựng đường lối, chiến lược, sách lược cách mạng, Nguyễn Ái Quốc tập trung công sức thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người xác định: Cách mạng Việt Nam "trước hết phải có Đảng cách mệnh", "Đảng có vững cách mệnh mới thành công".

Đảng đã lãnh đạo nhân dân cả nước dấy lên cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh, cao trào đấu tranh chính trị 1936 - 1939, các cuộc khởi nghĩa cực kỳ anh dũng ở Nam Kỳ, Bắc Sơn, Ba Tơ và cùng với nhân dân thế giới quyết tâm chống chủ nghĩa phát xít, hết lòng giúp đỡ cách mạng hai nước anh em Lào và Campuchia.

Mười lăm năm tuổi, với 5.000 đảng viên, Đảng lãnh đạo nhân dân ta làm Cách mạng Tháng Tám thành công, xây dựng Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Qua 30 năm trường kỳ kháng chiến, Đảng đã lãnh đạo dân tộc ta lập nên hai kỳ tích có ý nghĩa thời đại: kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, thực hiện người cày có ruộng, giải phóng hoàn toàn miền Bắc; 20 năm kháng chiến chống Mỹ, kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng

hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đi theo con đường của Bác và thực hiện sáng tạo tư tưởng của Người, sau 12 năm đổi mới, nhân dân ta vừa phải khắc phục hậu quả nặng nề do các cuộc chiến tranh xâm lược để lại, vừa phải đối phó với những khó khăn do ảnh hưởng của những biến động ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô, với các thủ đoạn bao vây, cấm vận kinh tế, mưu toan bạo loạn của các thế lực thù địch, đưa nền kinh tế nước ta ra khỏi khủng hoảng trầm trọng kéo dài, giữ vững ổn định chính trị, giành được những thành tựu rất quan trọng về kinh tế - xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Những thành tựu ấy đã tạo ra thế và lực mới của cách mạng Việt Nam, tạo điều kiện và tiền đề đưa nước ta bước vào thời kỳ phát triển mới: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Hồ Chí Minh là tấm gương sáng ngời của một chiến sĩ cộng sản trọn đời vì nước vì dân, là biểu tượng của khí phách anh hùng, ý chí độc lập tự cường, kiên trì lý tưởng, sáng tạo và quyết thắng, không chịu khuất phục trước mọi kẻ thù. Noi gương Người, biết bao cán bộ, đảng viên, thanh niên và đồng bào đã hy sinh vì Tổ quốc, lấy sự nghiệp chung làm lẽ sống, trên dưới một lòng, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, tạo ra sức mạnh vượt qua mọi thử thách và hiểm nghèo có lúc tưởng chừng không vượt nổi.

Chặng đường vẻ vang gần bảy thập kỷ qua của Đảng và nhân dân ta đã khẳng định: sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Với sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu kỳ diệu.

Một Tổ quốc độc lập, thống nhất vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Một Đảng Cộng sản kiên định, mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng.

Một nhà nước của dân, do dân, vì dân với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng được phát huy trong đời sống xã hội.

Một lực lượng vũ trang cách mạng, trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Một Mặt trận dân tộc thống nhất tiêu biểu cho đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng, không ngừng củng cố và mở rộng.

Một tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Trong tâm trí các giai cấp cần lao bị áp bức và nhân loại tiến bộ "*Việt Nam - Hồ Chí Minh*" đã trở thành biểu tượng của niềm tin, ý chí, lương tâm và phẩm giá.

Một thời đại mới trong lịch sử dân tộc - *Thời đại Hồ Chí Minh*.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các vị khách,

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đặc biệt tới việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đảng phải là đội tiên phong của giai cấp và dân tộc, phải hoàn thiện mình để lãnh đạo đất nước.

Người khẳng định: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân"[1]. Vì người cầm quyền, người lãnh đạo nếu không là đày tớ của dân thì chỉ có thể là ông quan phụ mẫu, ông chủ của dân mà thôi. Phải hiểu rằng khi được giao chức quyền, cán bộ, nhân viên nhà nước chỉ là người đại diện cho nhân dân.

Nhà nước ta là của dân, do dân và vì dân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng đảm bảo Nhà nước ta là công cụ phục vụ lợi ích của nhân dân, thực hiện nhân dân làm chủ. Bác Hồ xem *dân chủ là bản chất của chế độ ta, Nhà nước ta. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, coi trọng xây dựng nền nhân dân là hai mặt không tách rời nhau của cùng một vấn đề*. Muốn xây nền nhân dân phải có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, muốn giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng phải củng cố nền nhân dân thật bền vững.

Về chỉnh đốn Đảng, Bác không coi đó là biện pháp tình thế mà là nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng, là sự vận động của bản thân Đảng trong quá trình phát triển của cách mạng. Khi cách mạng khó khăn, chỉnh đốn Đảng để xây dựng thái độ bình tĩnh, sáng suốt, kiên định lập trường, không để rơi vào tình trạng dao động, bi quan; khi cách mạng trên đà thắng lợi, chỉnh đốn Đảng để ngăn ngừa bệnh kiêu ngạo, chủ quan, tự mãn, lạc quan tếu;

---

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.622 *(B.T)*.

khi Đảng cầm quyền, đảng viên rất dễ đánh mất mình, ngày hôm qua vĩ đại, không nhất định hôm nay vẫn được mọi người yêu mến nếu họ không trong sáng, sa vào chủ nghĩa cá nhân. Vì vậy lại cần coi trọng chỉnh đốn Đảng.

Đặc biệt là hiện nay, trước yêu cầu xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ lịch sử mới và trước thực trạng của Đảng ta thì nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng vừa là cơ bản, thường xuyên lại vừa rất cấp bách.

Trong những năm qua, cùng với những thành tựu quan trọng mà nhân dân ta đã giành được, Đảng đã có bước trưởng thành mới về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đa số cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất cách mạng. Nhưng chúng ta cũng nghiêm túc thấy rằng có một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống.

Trong khi cách mạng đòi hỏi sự phấn đấu kiên định và bền bỉ để thực hiện mục tiêu lý tưởng thì một bộ phận cán bộ, đảng viên lại giảm sút ý chí, phai nhạt lý tưởng, dao động về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đáng chú ý là có cả một số cán bộ, đảng viên cấp cao làm trái Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, vi phạm luật pháp Nhà nước, thiếu tinh thần trách nhiệm khi giải quyết những vấn đề của đất nước cũng như của địa phương mình, ngành mình, đơn vị mình.

Công cuộc xây dựng đất nước đòi hỏi phải toàn tâm toàn ý chăm lo sự nghiệp chung thì lại làm việc cầm chừng, thiếu tinh thần đồng cam cộng khổ, chỉ lo vun vén cá nhân, tham nhũng, hối lộ, đặc quyền đặc lợi, cục bộ địa phương, cơ hội, luồn lách, chỉ coi trọng lợi ích vật chất mà xem nhẹ giá trị tinh thần; nặng về lợi ích thực dụng trước mắt, xem nhẹ lợi ích cơ bản và lâu dài.

Cách mạng đòi hỏi đảng viên và người lãnh đạo phải gần gũi nhân dân, đi sát cơ sở, đi sâu vào thực tiễn, hiểu thấu nguyện vọng của đồng bào, lắng nghe ý kiến và học tập kinh nghiệm của quần chúng, tổ chức thực hiện cụ thể, giải quyết kịp thời các vấn đề nóng hổi đặt ra trong đời sống, thì lại xa dân, quan liêu, đại khái, hống hách, xách nhiễu, không tôn trọng nhân dân, không lấy kết quả chăm lo đời sống của nhân dân làm thước đo sự lãnh đạo và phẩm chất của mình.

Đất nước ta còn nghèo, nhân dân ta còn thiếu thốn, sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đòi hỏi phát huy cao nhất nội lực, cần, kiệm, liêm, chính thì một bộ phận cán bộ, đảng viên xa hoa, phung phí tiền của, bỏ mặc tài sản của công mất mát, hư hỏng và bị phá hoại.

Các thế lực thù địch đang dùng mọi thủ đoạn nham hiểm, trắng trợn và độc ác chống lại hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc vẫn diễn ra phức tạp và quyết liệt đòi hỏi bản lĩnh chính trị vững vàng và tỉnh táo thì một số cán bộ đảng, cán bộ nhà nước lại mơ hồ, mất cảnh giác.

Nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm, kỷ luật và quản lý đảng viên lỏng lẻo, chế độ sinh hoạt tự phê bình và phê bình không nghiêm, tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài ở một số cấp ủy, địa phương...

Trước tình hình ấy, có cấp ủy, đảng viên chưa thấy hết tính chất nghiêm trọng của thực trạng, còn chủ quan, đơn giản, thờ ơ, không nhận thức được yêu cầu cấp thiết của việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách,

Đảng ta vừa tiêu biểu về trí tuệ vừa là biểu tượng của đạo đức, lương tâm, danh dự của dân tộc. Chúng ta không thể xem thường tính chất nghiêm trọng của sự suy thoái đó. Phải ngăn ngừa và kiên quyết khắc phục. Nếu chúng ta không kiên quyết chặn đứng, đẩy lùi sự suy thoái đang diễn ra trong Đảng, trong bộ máy nhà nước thì sẽ dẫn đến nguy cơ làm biến chất Đảng, đe dọa sự sống còn của chế độ, độc lập và an ninh của Tổ quốc.

Từ vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng, từ yêu cầu của thời kỳ mới, từ thực trạng Đảng ta hiện nay, Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã đi tới một quyết định đặc biệt quan trọng: phải tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng. Cuộc vận động tiến hành trong hai năm, từ 19-5-1999 – 19-5-2001, sau đó trở thành nền nếp thường xuyên.

Cuộc vận động này phải đạt được yêu cầu:

- Nâng cao sự thống nhất về nhận thức tư tưởng, chính trị, về ý chí và hành động trong toàn Đảng, kiên định lập trường cách mạng và những quan điểm cơ bản có tính nguyên tắc, củng cố và tăng cường sức mạnh của Đảng về mọi mặt, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong thời kỳ mới.

- Bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái

về đạo đức, lối sống, làm cho Đảng gắn bó máu thịt với nhân dân, Đảng - dân một ý chí, thực hiện lời dạy của Bác: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh".

- Tạo bước chuyển biến mới trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, gương mẫu chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nói đi đôi với làm.

- Chấn chỉnh, sắp xếp các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính để bộ máy hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhân dân.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng lần này, cần gắn chặt việc quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với việc tiếp tục học tập Cương lĩnh, Điều lệ và pháp luật của Nhà nước.

Giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống phải gắn chặt với công tác quản lý cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc cũng như tại nơi cư trú. Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên thông qua tổ chức đảng, các cơ quan bảo vệ pháp luật, hệ thống cơ quan dân cử, nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng.

Thực hiện có hiệu quả đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng, nhất là trong các cấp ủy đảng, các cán bộ chủ chốt cấp Trung ương và tỉnh, thành. Tự phê bình và phê bình phải nhằm mục đích làm cho mỗi cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng nhận rõ ưu điểm để phát huy, chỉ ra khuyết điểm để sửa chữa. Trước hết, mỗi đảng viên phải trung thực, tự giác, lấy phẩm chất và danh hiệu cộng sản mà soi xét bản thân, đánh giá thật đúng mình, tranh thủ sự

phê bình góp ý của đồng chí. Khắc phục tình trạng xuê xoa, nể nang để lấy lòng, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, thậm chí tìm cách bao che cho nhau, hoặc lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, thiếu tính xây dựng. Muốn tự phê bình tốt phải tổ chức cho cấp dưới và nhân dân phê bình cán bộ, đảng viên và tiếp thu nghiêm túc những ý kiến phê bình đó.

Tập trung chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống lãng phí, chống quan liêu. Các cấp ủy và người đứng đầu các địa phương, các ngành, cơ quan, đơn vị, phải trực tiếp chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tham nhũng, lãng phí tại đơn vị mình. Các cơ quan thanh tra, kiểm tra phải làm tốt việc xử lý và kết luận các đơn thư tố cáo tham nhũng đối với cán bộ các cấp. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống lãng phí, chống quan liêu phải được chỉ đạo chặt chẽ trong quá trình tiến hành các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, văn hóa, khoa học giáo dục, quốc phòng an ninh, đối ngoại. Khắc phục những sơ hở trong chế độ quản lý kinh tế, tài chính, tài sản, văn hóa, gắn chặt với thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, các quy định của Đảng, của Nhà nước và cải cách chế độ tiền lương.

Một việc rất quan trọng, rất cơ bản là củng cố tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở xã, phường, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang. Đưa toàn bộ các chế độ sinh hoạt Đảng, như sinh hoạt lãnh đạo, sinh hoạt học tập, sinh hoạt tự phê bình và phê bình thành nền nếp; làm tốt việc phân công và kiểm tra công tác của đảng viên, để nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng.

Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách,

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng lần này thể hiện trách nhiệm và tình cảm của Đảng đối với Bác Hồ, đối với nhân dân. Cuộc vận động ấy liên quan đến vận mệnh của Đảng, của chế độ, hạnh phúc của đồng bào và việc hoàn thành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đổi mới toàn diện và sâu sắc đất nước. Vì vậy, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng và cũng là nguyện vọng, trách nhiệm của toàn dân.

Năm nay vừa tròn 30 năm toàn Đảng, toàn dân thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Do ý nghĩa đặc biệt ấy, với lòng thành kính nhớ ơn Người, chúng ta phải tự xem xét lại mình một cách cặn kẽ đã sống, học tập, rèn luyện, làm việc, chiến đấu như thế nào và phải tiếp tục làm gì để thực hiện *Di chúc* của Bác.

Trong buổi lễ trọng thể này, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, trước hết là các đồng chí có trọng trách, quyết tâm và gương mẫu thực hiện thắng lợi cuộc vận động. Tôi thiết tha đề nghị các đồng chí lão thành cách mạng, các vị trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đại biểu Quốc hội, các nhân sĩ, trí thức, công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, sinh viên cùng toàn thể đồng bào và các lực lượng vũ trang nhân dân cả nước tích cực hưởng ứng cuộc vận động, thường xuyên tham gia xây dựng Đảng, giám sát cán bộ, đảng viên, làm cho Đảng thật trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thưa các đồng chí lão thành cách mạng,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách,

Thế kỷ XX sắp kết thúc. Một trong những nét nổi bật của thế kỷ này là: dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam đã được loài người tiến bộ đánh giá là một chiến sĩ tiên phong của phong trào giải phóng dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại, chiến sĩ quốc tế kiên cường và vô cùng trong sáng. Tấm lòng của Người luôn luôn hướng về nhân dân các dân tộc, các tầng lớp cần lao bị đọa đày đau khổ. Người thiết tha mong mỏi thế giới hòa bình, các dân tộc được tự do và bình đẳng, con người được sống hạnh phúc và tốt đẹp.

Nhân dịp này, thay mặt Đảng và Nhà nước Việt Nam, tôi bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với các Đảng Cộng sản và công nhân, phong trào độc lập dân tộc, phong trào hòa bình và dân chủ, anh em bầu bạn khắp năm châu, các chính phủ và các tổ chức quốc tế đã ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Sự ủng hộ to lớn đó đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng nước ta.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì dân giàu, nước mạnh, Tổ quốc vững bền, xã hội công bằng và văn minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.

Xin cám ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ, THƯỜNG TRỰC BỘ CHÍNH TRỊ PHẠM THẾ DUYỆT TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ TOÀN QUỐC

Về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong hai năm (19-5-1999 – 19-5-2001)*

Ngày 18 tháng 5 năm 1999

I- PHẦN MỞ ĐẦU

Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng do Hội nghị Trung ương quyết định mang tính thời sự và có ý nghĩa rất sâu sắc, quyết định vận mệnh và vai trò lãnh đạo của Đảng ta trong giai đoạn cách mạng mới, trước những thách thức mới của thiên niên kỷ mới. Lễ mít tinh phát động của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng sáng nay với bài diễn văn rất quan trọng của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã thể hiện đầy đủ tinh thần đó.

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt *(B.T)*.

Bộ Chính trị đã và đang chỉ đạo triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) theo Kế hoạch 01, 03 và 04 của Bộ Chính trị. Các đồng chí lãnh đạo và toàn Đảng đã được thông báo, học tập, quán triệt bước đầu. Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ra đời được dư luận toàn Đảng cũng như trong và ngoài nước rất quan tâm, đang mong chờ làm sao đưa Nghị quyết này vào cuộc sống, thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng có kết quả thiết thực, làm chuyển biến tình hình tốt lên rõ rệt; chấm dứt tình trạng "nói nhiều làm ít", "ra nhiều nghị quyết mà làm không được bao nhiêu".

Nghị quyết có tầm quan trọng như vậy, đòi hỏi tất cả các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng ở các cấp phải thật sự hiểu đúng, làm đúng; lãnh đạo được mọi cán bộ, đảng viên từ Trung ương đến cơ sở cùng quán triệt, cùng làm, cùng có quyết tâm cao để thực hiện.

Vì lẽ đó, Bộ Chính trị đã quyết định mời 492 đồng chí lãnh đạo chủ chốt về dự Hội nghị quan trọng này để nghe thông báo, trao đổi ý kiến về những vấn đề quan trọng cần nhận thức đúng, cần thống nhất ý chí để chỉ đạo thực hiện. Mong sao sau Hội nghị này, chúng ta đều thông suốt về chủ trương, rõ về nội dung, bước đi và cách làm; tỉnh thành nào, ban ngành nào, cấp ủy nào cũng có quyết tâm mới thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), làm cho cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng có kết quả thực sự, đáp ứng lòng mong mỏi của toàn Đảng, toàn dân.

II- NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2) VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LỚN CẦN NHẬN THỨC ĐÚNG

Nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2), các bài

phát biểu khai mạc, bế mạc Hội nghị và diễn văn trong buổi lễ kỷ niệm 109 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 30 năm thực hiện *Di chúc* của Người và phát động cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng sáng nay của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã nêu những vấn đề cốt lõi, sâu sắc cần quán triệt, cần làm đúng.

Quá trình thảo luận ra Nghị quyết này, Trung ương đã tiếp thu đầy đủ ý kiến đóng góp của các cấp ủy, các đồng chí lão thành cách mạng và Hội nghị đã thảo luận, tranh luận về những vấn đề quan trọng; thể hiện sự nhất trí cao với kết luận những điểm quan trọng trước khi ra Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Phần giới thiệu hôm nay, tôi không báo cáo lại nội dung của Nghị quyết, mà chỉ muốn nêu những vấn đề Trung ương quan tâm thảo luận để ra Nghị quyết này. Sau đó cố gắng làm rõ những vấn đề cần tổ chức chỉ đạo thực hiện để các đồng chí về triển khai.

Sau khi các đồng chí trong Bộ Chính trị giới thiệu, có vấn đề gì cần hỏi, cần thảo luận và đề xuất mong các đồng chí thẳng thắn trao đổi ý kiến.

1. Có nhiều tên, tức là chủ đề của Nghị quyết được nêu ra trong quá trình chuẩn bị. Trung ương cho rằng chỉ còn khoảng hai năm nữa đã tiến hành Đại hội IX, cho nên cần chọn những vấn đề vừa cơ bản vừa cấp bách, mang tính khả thi nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII; do vậy, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) được mang tiêu đề "Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay" mà nội dung chỉ đề cập ba vấn đề "nhận thức tư tưởng chính trị; đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; một số vấn đề tổ chức" và

quyết định phải có cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đi sâu vào tổ chức thực hiện.

2. Phần đánh giá tổng quát tình hình: Trung ương đánh giá tình hình không bi quan, không phải như có ý nêu "Đảng đang đứng bên bờ vực thẳm". Nhưng cũng không thể chủ quan cho rằng "về cơ bản không có vấn đề gì lớn". Vì trong sự nghiệp đổi mới, Đảng ta đang tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang, có đường lối đúng, đã giành những thành tựu rất to lớn, nhưng cũng phải thấy chúng ta đang đứng trước những thử thách rất gay gắt, có nhiều vấn đề mới, những yếu kém vốn có càng bộc lộ rõ. Đặc biệt là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên đang làm suy giảm sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đòi hỏi Đảng phải sửa chữa khuyết điểm, rèn luyện bản lĩnh chính trị và năng lực tổ chức thực tiễn để ngang tầm nhiệm vụ của thời kỳ mới, giữ vững và nâng cao lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta.

3. Về các nguyên nhân để xảy ra những khuyết điểm như vừa qua, có ý kiến nhấn mạnh "do chủ nghĩa cá nhân phát triển", có ý kiến nhấn mạnh "sự lạc hậu, chậm trễ, yếu kém về công tác lý luận...", có ý kiến nhấn mạnh "sự hữu khuynh" của lãnh đạo...

Ý kiến Trung ương cho rằng: đúng là chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, thực dụng, vụ lợi, kèn cựa địa vị đang phát triển là một nguyên nhân chủ yếu dẫn tới suy thoái về đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên không thể xem thường. Nhưng cũng có sự yếu kém, bất cập về mặt lý luận như nhiều văn kiện của Đảng đã xác định. Tuy nhiên, không thể phủ định

những việc đã làm được; cần hiểu thành tựu lý luận của Đảng trước hết thể hiện trong các nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Trung ương, đã vận dụng lý luận vào thực tiễn và thể hiện thành đường lối chính trị của Đảng. Có điều cần nhận rõ là có sự yếu kém, chậm trễ tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận, đưa lý luận vào cuộc sống.

Trung ương cho rằng xét trên đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách cơ bản, cũng như chủ trương, chính sách đối nội, đối ngoại, Bộ Chính trị đã thể hiện sự trung thành với Cương lĩnh, nghị quyết Đại hội Đảng, không mắc "tả" hoặc "hữu khuynh". Song trong xử lý một số việc cụ thể thì có biểu hiện do dự, chậm trễ, hữu khuynh như để nạn tham nhũng, lãng phí của công phát triển tràn lan và nghiêm trọng, có những vụ việc xử lý không nghiêm minh, nhiều nơi xảy ra mất đoàn kết kéo dài, giải quyết không kịp thời...; đó là biểu hiện hữu khuynh của các cấp ủy, trước hết là sự chỉ đạo của Bộ Chính trị.

4. Về các giải pháp là vấn đề được Trung ương thảo luận và quan tâm nhất. Mười nhiệm vụ mà Trung ương quyết định đó là hệ thống các giải pháp để giải quyết vấn đề cơ bản, cấp bách trong công tác xây dựng Đảng và nhận thức tư tưởng chính trị, về đạo đức lối sống và tổ chức đảng. Song, Trung ương rất tâm huyết về giải pháp cần mở ngay cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo *Di chúc* của Bác Hồ. Trong cuộc vận động này phải làm cho cán bộ, đảng viên nghiêm túc học tập thường xuyên và rèn luyện theo tư tưởng và đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hành "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", "sửa đổi lối làm việc", "đưa cán bộ rèn luyện trong thực tiễn, trong phong trào cách mạng của

nhân dân"; làm ngay một số việc thiết thực gây đà chuyển biến tình hình như thực hiện ngay đều khắp việc kê khai tài sản theo quy định của Nhà nước, thực hiện việc giám sát, xây dựng của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên, trước hết là đảng viên giữ trách nhiệm lãnh đạo, quản lý; xử nghiêm một số vụ tham nhũng lớn có liên quan đến một số cán bộ, đảng viên; quy định ngay và thực hiện nghiêm túc tiết kiệm trong dịp Tết Kỷ Mão...

Có ý kiến đề xuất trong cuộc vận động cần phải "đổi thẻ đảng viên". Trung ương cho rằng: trong nội dung cũng như phương pháp rèn luyện đảng viên về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống phải tiến hành triệt để, nghiêm túc trên tinh thần tự phê bình và phê bình, lấy giáo dục, ngăn ngừa làm chính, ai không đủ tư cách đảng viên thì đưa ra khỏi Đảng, không nên đặt ra vấn đề đổi thẻ đảng viên gắn với thanh lọc dễ gây tâm lý bất lợi trong Đảng và trong xã hội.

Chống tham nhũng là một việc rất quan trọng, là yêu cầu bức xúc của toàn Đảng và toàn xã hội. Tuy nhiên, Trung ương cho rằng không cần lập một ban đặc biệt để chỉ đạo chống tham nhũng. Chống tham nhũng là việc làm thường xuyên, phải huy động sức mạnh tổng hợp; trách nhiệm chỉ đạo thực hiện do tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và những cán bộ đứng đầu các cấp, các ngành, các đơn vị; đồng chí nào không bảo đảm trọng trách đó thì cấp ủy có thẩm quyền phải kịp thời thay thế. Vừa phát huy trách nhiệm tập thể, vừa làm rõ trách nhiệm cá nhân.

5. Về tình trạng "còn có ý kiến chưa thống nhất cao trên một số vấn đề cơ bản cũng như một số vấn đề cụ thể quan hệ tới quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng".

Trung ương cho rằng trong từng thời kỳ cách mạng, khi còn hoạt động bí mật cũng như khi đã có chính quyền, thời chiến cũng như thời bình, trước những tình huống khó khăn, phức tạp, nhất là khi chuyển đổi giai đoạn cách mạng thường có ý kiến khác nhau khi thảo luận, song rõ ràng đường lối chủ đạo của cách mạng là đúng đắn, sự kiên định, vững vàng là nguyên nhân quan trọng nhất đã làm cho Đảng ta là khối thống nhất ý chí và hành động, đưa cách mạng vượt qua mọi khó khăn tiến lên. Trong Đảng có sự tranh luận, có ý kiến khác nhau trên một số vấn đề là điều bình thường. Trong đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chưa có sẵn mô hình, cần phải động viên mọi cấp, mọi người suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo. Nhưng khi đã có kết luận, có nghị quyết thì mọi cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm túc, nói và làm phải theo Nghị quyết Trung ương đề ra. Từ nay đến Đại hội IX của Đảng, cần chọn một số vấn đề quan trọng bức xúc nhất, tiến hành tổng kết thực tiễn, thảo luận sâu sắc, làm rõ hơn về quan điểm, lý luận để Đại hội IX của Đảng quyết định.

6. Những vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng, của cách mạng đã ghi trong Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và Nghị quyết Đại hội VIII là những vấn đề phải kiên định. Trung ương cho rằng, kinh nghiệm của Đảng ta trước mỗi bước ngoặt lịch sử, khi diễn biến tình hình phức tạp thì phải có định hướng chính trị, tư tưởng đúng đắn, kịp thời để lãnh đạo. Năm 1989, khi đang mở rộng, đẩy mạnh công cuộc đổi mới thì Nghị quyết Trung ương 6 (khóa VI) đã kịp thời chỉ ra sáu nguyên tắc phải bảo đảm trong khi đổi mới, nhấn mạnh yêu cầu đổi mới có nguyên tắc. Càng mở rộng dân chủ thì càng phải giữ vững nguyên tắc. Trong lãnh đạo không thể để phạm sai lầm

về nguyên tắc, vì nếu sai lầm về nguyên tắc, nhất là những nguyên tắc cơ bản thì sẽ nhanh chóng đổ vỡ Đảng và chế độ như đã xảy ra ở Liên Xô và Đông Âu. Chính vì vậy mà Cương lĩnh 1991 của Đảng đã ghi "Cương lĩnh này là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới".

Trung ương nhất trí cao việc phải xử lý nghiêm minh, kịp thời những người vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ như tán phát tài liệu, truyền bá ý kiến trái với Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng.

7. Về nguyên tắc tập trung dân chủ: Trung ương nhận định chúng ta vừa có tình trạng mất dân chủ, dân chủ hình thức; vừa có tình trạng tổ chức kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo; cần sớm xác định một hình thức cụ thể, vừa bảo đảm dân chủ, vừa bảo đảm kỷ luật chặt chẽ, để trao đổi những ý kiến còn khác nhau trong lý luận và thực tiễn, kể cả ý kiến cần bảo lưu nhằm phát huy được mọi sáng tạo, trí tuệ nhưng không hỗn loạn, vô chính phủ.

8. Về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Khi thảo luận, nhiều ý kiến muốn giải quyết một số vấn đề cụ thể ngay tại Hội nghị; yêu cầu phải sắp xếp bộ máy hệ thống chính trị, trước hết là tổ chức bộ máy của Đảng; cho rằng bộ máy và biên chế ngày càng phình ra là do các cơ quan Trung ương và Trung ương ép các địa phương, cho nên phải kiên quyết sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế để nâng cao hiệu lực và hiệu quả của cả hệ thống chính trị. Cũng vì sự cấp bách đó, Trung ương thống nhất giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo xây dựng phương án cùng với chính sách tiền lương

để trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương. Đồng thời, Trung ương yêu cầu phải ban hành các quy chế về phân cấp quản lý, đánh giá, bổ nhiệm, luân chuyển, kiểm tra cán bộ, quy định những việc cán bộ, đảng viên không được làm, quy chế về học tập chính trị... coi đó như những bộ luật cụ thể của Đảng, về tổ chức, cán bộ.

9. Về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng: Trung ương nhất trí cao việc mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo *Di chúc* của Bác nhân kỷ niệm 30 năm Ngày Bác từ biệt chúng ta để lại *Di chúc* lịch sử và 70 năm Ngày thành lập Đảng, tiến hành trong hai năm từ ngày 19-5-1999 đến ngày 19-5-2001 mà mở đầu là cuộc phát động trọng thể sáng nay với lời kêu gọi rất quan trọng của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã phát biểu với toàn Đảng, toàn dân.

Về các vấn đề hình thức ra nghị quyết, điều chỉnh chương trình làm việc của Trung ương cho phù hợp và dự kiến kế hoạch chuẩn bị cho Đại hội IX của Đảng cũng được Trung ương thảo luận và đưa vào Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với những nội dung báo cáo đã trình Hội nghị và những vấn đề Trung ương quan tâm thảo luận đã được thống nhất nói ở phần trên. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã ra Nghị quyết ngắn gọn, với 10 điểm rất quan trọng, rất cụ thể mà các đồng chí đã được thông báo và học tập gồm 10 nội dung:

1- Tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức chính trị, ý chí và hành động, nắm vững thời cơ, kiên trì đấu tranh đẩy lùi bốn nguy cơ; đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước; kiên định những vấn đề quan điểm có tính nguyên tắc...

2- Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận.

3- Đổi mới công tác giáo dục trong Đảng và trong xã hội về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

5- Tập trung chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu có hiệu quả.

6- Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng.

7- Củng cố tổ chức, tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng.

8- Sắp xếp lại tổ chức, bộ máy đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

9- Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và 70 năm Ngày thành lập Đảng.

10- Cải tiến việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng.

Mười vấn đề mà Nghị quyết nêu ra cũng là hệ thống giải pháp nhằm tập trung giải quyết ba vấn đề lớn về "tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và tổ chức", nhấn mạnh việc tổ chức thực hiện "nói đi đôi với làm" nhằm thực hiện có kết quả thiết thực cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo *Di chúc* của Bác Hồ.

Vấn đề là việc tổ chức chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) như thế nào cho có kết quả; cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng làm thế nào sẽ thành công, đây là nhiệm vụ và trách nhiệm người cộng sản và quyết tâm của các tổ chức đảng, của cán bộ chủ chốt chúng ta.

III- KẾ HOẠCH 01, 03 VÀ 04 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ ĐỂ THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG (đã nêu chi tiết)

1. Bước chuẩn bị: Từ khi có Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đến ngày 19-5-1999, đã tiến hành các việc:

- Các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn thông báo nội dung Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đến đảng viên các cơ sở. Tuy là thông báo nhưng nhiều nơi đều tổ chức học tập, quán triệt cẩn thận. Kết quả Hội nghị và nội dung của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) được cán bộ, đảng viên đồng tình cao. Tâm trạng ai cũng lo là không làm tốt thì rất bất lợi cho uy tín của Đảng.

- Bộ Chính trị có bản kiểm điểm gửi các cấp, các ngành và đã tiếp thu ý kiến phê bình của các cơ quan, ban, ngành, các cấp ủy, các cán bộ lão thành và toàn Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, phê bình góp ý với Bộ Chính trị. Trên cơ sở đó Thường trực Bộ Chính trị gợi ý phần chung, phần riêng để từng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị kiểm điểm và tự phê bình ở Bộ Chính trị gần 10 ngày. Dự định Hội nghị Trung ương 7 sẽ báo cáo kết quả tự phê bình của Bộ Chính trị và các Ủy viên Bộ Chính trị để Trung ương góp ý.

Bộ Chính trị chỉ đạo triển khai tự phê bình của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội và Thường vụ

Thành ủy Hà Nội. Phần này đồng chí Nguyễn Văn An sẽ có gợi ý sâu hơn với các đồng chí.

- Bộ Chính trị đã ban hành các quy chế về phân cấp quản lý cán bộ, đánh giá cán bộ, bổ nhiệm cán bộ, về những điều đảng viên không được làm, chế độ kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ, về giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý và quy chế học tập chính trị cho mọi đảng viên. Các đồng chí Nguyễn Văn An và Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Nguyễn Phú Trọng sẽ giới thiệu những vấn đề quan trọng với các đồng chí.

Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ra quyết định tiêu chuẩn sử dụng xe ôtô trong cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước, sử dụng điện thoại, kê khai tài sản... Đó đều là những việc cụ thể để mọi đảng viên, cán bộ chấp hành nhằm đưa các pháp lệnh chống tham nhũng, chống lãng phí, thực hiện nghĩa vụ công chức và các quy chế dân chủ ở cơ sở vào cuộc sống.

- Việc thực hiện Chỉ thị về tiết kiệm trong ma chay, cưới xin, biếu xén trong dịp Tết Nguyên đán cũng đang được các địa phương thực hiện có nhiều kết quả, cần phải làm triệt để hơn, hiệu quả hơn.

Có thể nhận định bước chuẩn bị vừa qua đã làm được nhiều việc có kết quả bước đầu. Nhưng phải chờ các bước triển khai cụ thể tiếp theo kết quả thế nào mới là quan trọng, mới có ý nghĩa quyết định.

2. Bước 1: Từ ngày 19-5-1999 đến ngày 2-9-1999.

- Hôm nay ngày 18-5-1999, Trung ương Đảng đã chính thức phát động mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng

nhân kỷ niệm 109 năm Ngày sinh nhật Bác Hồ và 30 năm thực hiện *Di chúc* của Bác.

- Quán triệt và phổ biến kế hoạch triển khai về cuộc vận động quan trọng này tới lãnh đạo các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương.

3. Bước hai: Từ ngày 2-9-1999 đến ngày 3-2-2000 (kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và 70 năm Ngày thành lập Đảng) nhằm làm cho toàn Đảng, toàn dân phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng, học tập, làm theo *Di chúc* của Bác Hồ và 5 lời thề của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân với Bác trong lễ truy điệu Người. Tiếp tục triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, rèn luyện đạo đức và năng lực cán bộ, đảng viên, đoàn kết nội bộ trong các cấp ủy, các đảng bộ, lãnh đạo tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp theo tinh thần tự phê bình và phê bình và chỉnh đốn Đảng. Bước này sẽ có sơ kết sau 10 tháng chính thức triển khai cuộc vận động chỉnh đốn Đảng.

4. Bước ba: Từ ngày 3-2-2000 đến ngày 19-5-2001.

Lãnh đạo tiếp tục hoàn thành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội IX của Đảng. Đợt này sẽ tổ chức nhiều ngày lễ trọng đại của năm 2000. Tổ chức tốt Đại hội Anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc của năm 2000 và chuẩn bị cho nước ta bước vào thế kỷ XXI với sự vững mạnh, phát triển toàn diện, thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần chuẩn bị cho sự thành công Đại hội IX của Đảng quý I năm 2001.

Sau đó sẽ tổng kết toàn bộ cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đưa nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng trở thành nhiệm vụ thường xuyên, làm cho Đảng ta thật sự

trong sạch, vững mạnh, đủ tầm gánh vác nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và vững bước đi lên trong thời kỳ quá độ của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

IV- PHẦN KẾT LUẬN

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong hai năm kể từ hôm nay là cuộc vận động cực kỳ quan trọng; được toàn Đảng, toàn dân đồng tình ủng hộ. Như trên đã trình bày, cuộc vận động trong hai năm có nhiều việc phải làm, nhưng nhiệm vụ tập trung cao nhất là phải chỉnh đốn Đảng về nhận thức, tư tưởng chính trị; về đạo đức lối sống; và chấn chỉnh tổ chức. Phương pháp chủ yếu nhất, cơ bản nhất là làm thật tốt đợt tự phê bình, phê bình trong toàn Đảng mà các cấp ủy đảng và đảng viên ở Trung ương, tỉnh, thành... phải làm gương cho cấp dưới.

Cuộc vận động có ý nghĩa lịch sử này đang ở vào giai đoạn phải kiên trì đường lối đổi mới, phải kiên định đưa đất nước đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa; do vậy phải qua cuộc vận động làm cho từng đảng viên vững vàng về chính trị, tư tưởng; gương mẫu trong sáng về đạo đức, lối sống, sống theo gương "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư" của Bác Hồ, nguyện vừa là người lãnh đạo, vừa là người đày tớ trung thành của nhân dân; phải làm cho mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị, trước hết là các tổ chức đảng các cấp đều gọn nhẹ, có hiệu lực, mọi nghị quyết đề ra đều trở thành hiện thực trong cuộc sống.

Tôi thiết nghĩ, sau tự phê bình và phê bình, mọi đảng viên đều phải chấp hành nghiêm nghị quyết của Đảng, nói và làm

theo nghị quyết, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Mọi cán bộ, đảng viên kiên quyết không mắc tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, không tiêu xài lãng phí, bỏ được tệ tục quà cáp biếu xén bằng tiền công; sống gần dân, sát cơ sở, không mắc phải quan liêu, mất dân chủ trong Đảng, trong dân. Sau Hội nghị Trung ương 7, mọi tổ chức trong hệ thống chính trị từng bước đều tinh giản, gọn nhẹ, làm việc có hiệu lực... thì cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng sẽ thành công, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) sẽ được thực hiện thắng lợi; lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng sẽ được nhân lên gấp bội.

Thưa các đồng chí,

Nội dung, đường hướng, việc làm của cuộc vận động do Trung ương đề ra thông qua Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) là rất rõ; ai cũng đồng tình, nhất trí với Đảng. Nhưng tin tưởng là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) nhất định được thực hiện thắng lợi thì còn là câu hỏi lớn?

Không ai khác, Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt toàn quốc về dự Hội nghị hôm nay phải chịu trách nhiệm lớn để trả lời câu hỏi đó trước toàn Đảng, toàn dân. Có như vậy cuộc phát động vận động xây dựng Đảng của Trung ương sáng nay mới có ý nghĩa, 5 lời thề hứa với Bác mới có thể làm được, Đảng Cộng sản Việt Nam mãi mãi xứng đáng là đảng cách mạng chân chính do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện.

Chúc các đồng chí có quyết tâm mới và thành công.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CẦN CHUẨN BỊ TỐT VIỆC TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH CỦA CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ TỈNH, THÀNH*

Hội nghị cán bộ toàn quốc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã kết luận: năm 1999, tập trung thực hiện việc tự phê bình và phê bình của các cơ quan Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc.

Vừa rồi, tôi và các cơ quan của Trung ương có đi kiểm tra một số nơi. Cần phải thẳng thắn chỉ ra rằng: Việc chuẩn bị tự phê bình và phê bình tuy có cố gắng, nhưng chưa đạt yêu cầu; không ít đồng chí bí thư chưa trực tiếp tham gia chuẩn bị, còn khoán trắng cho một số cơ quan chức năng.

Vậy cần tiếp tục chuẩn bị như thế nào?

Trước hết, đồng chí bí thư và phó bí thư phải trực tiếp chuẩn bị tự phê bình và phê bình của cấp ủy.

Cần dành thời gian thích đáng để xem xét tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị mình một cách nghiêm túc và

---

* Bài viết của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu đăng trên báo *Nhân dân* ngày 4-8-1999 *(B.T).*

trung thực; xem xét mặt được, mặt chưa được, đặc biệt là các vấn đề tồn tại, khuyết điểm. Dũng cảm đặt ra cho hết những vấn đề tồn tại, khuyết điểm trên bàn nghị sự.

Thứ hai, cấp trên và các cơ quan chức năng của cấp trên có trách nhiệm giới thiệu và gợi ý trước cho từng tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy, ban cán sự, đảng đoàn các cơ quan trực thuộc Trung ương những vấn đề cần quan tâm.

Thứ ba, lấy ý kiến phê bình của các đồng chí lão thành cách mạng, các vị trong Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các đảng ủy và cơ quan cấp mình và cấp dưới trực tiếp quản lý. Khuyến khích và hướng dẫn để các tổ chức và cá nhân tham gia ý kiến phê bình thẳng thắn, trung thực.

Thứ tư, trong từng cấp ủy phát động tinh thần dân chủ, tích cực tham gia ý kiến. Điều gì chưa rõ phải chất vấn, người kiểm điểm phải trình bày công khai trong cấp ủy.

Kiểm điểm chung của cấp ủy phải chỉ rõ địa chỉ; khi kiểm điểm các cấp ủy viên phải làm rõ phần kiểm điểm chung và nêu lên phần mà mình có trách nhiệm.

Thứ năm, các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm chuyển tới các cấp ủy những ý kiến góp ý, phê bình của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ, các nhà báo, cơ quan ngôn luận và tổ chức đảng nơi cán bộ, đảng viên công tác và sinh sống.

Cấp ủy nào chuẩn bị xong, báo cáo lên cấp trên xem xét đạt yêu cầu mới kiểm điểm. Khi tổ chức kiểm điểm thì cấp trên sẽ cử cán bộ có trách nhiệm xuống dự.

Nơi nào làm chưa đạt yêu cầu phải tổ chức kiểm điểm lại theo các điều nói trên.

Chuẩn bị tự phê và phê bình là một thử thách lớn về sự nghiêm túc, lòng trung thực, tinh thần dũng cảm, tinh thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân của các đồng chí chủ trì.

Chuẩn bị thật tốt thì tự phê và phê bình mới có kết quả như nhân dân mong đợi.

Báo *Nhân dân*,
ngày 4-8-1999.

PHÁT BIỂU CỦA ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHAN VĂN KHẢI TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM LẦN THỨ V*

Ngày 28 tháng 8 năm 1999

Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước,
Thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các vị khách quốc tế,
Thưa các vị đại biểu,

Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần này là một sinh hoạt chính trị rất quan trọng đối với đất nước ta vào cuối thế kỷ XX. Thay mặt Chính phủ, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các vị đại biểu Đại hội, những người tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân, cùng các vị khách quý trong và ngoài nước tham dự Đại hội này.

Chính phủ tán thành Báo cáo chính trị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình bày trước Đại hội.

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt *(B.T)*.

Chính phủ tin tưởng rằng Mặt trận tiếp tục phát huy vai trò cực kỳ quan trọng của mình trong sứ mệnh động viên khối đại đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Nhân dịp này, thay mặt Chính phủ, tôi xin chân thành cảm ơn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về những đóng góp tích cực, chủ động và có hiệu quả trong việc tập hợp và phát huy sức mạnh của toàn dân tham gia xây dựng chính quyền; vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội; triển khai Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở giữ gìn đoàn kết và xây dựng các cộng đồng dân cư văn minh tiến bộ.

Trong nhiệm kỳ qua, Mặt trận các cấp đã chủ động mở rộng hoạt động bằng nhiều hình thức đa dạng và có hiệu quả; đi sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhiều cuộc vận động của các tổ chức thành viên đã mang lại hiệu quả đáng khích lệ. Các phong trào thi đua yêu nước có quy mô toàn quốc, mang tính toàn dân được quần chúng tự nguyện tham gia đã góp phần nâng cao dân trí và thúc đẩy việc thực hiện thắng lợi các chương trình kinh tế - xã hội. Đặc biệt, cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" với phương châm dựa vào sức dân để xây dựng cuộc sống cho dân, lấy đoàn kết để phát huy sức mạnh của mọi tổ chức và cá nhân, thực hiện dân chủ, công khai ở cơ sở làm động lực, xây dựng cuộc sống mới ở cộng đồng dân cư đã thu được nhiều kết quả thiết thực. Đây là kinh nghiệm quý báu để các cấp Mặt trận phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của mình trong thời gian tới.

Kính thưa Đại hội,

Trong hơn mười năm qua, công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, được sự ủng hộ của toàn Đảng, toàn dân đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng nhanh và liên tục trong nhiều năm; nhiều năng lực sản xuất mới và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng lên đáng kể; đời sống nhân dân được cải thiện từng bước, có bộ phận được cải thiện rõ rệt; quan hệ quốc tế được mở rộng, vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao; an ninh chính trị và an toàn xã hội được giữ vững.

Từ giữa năm 1997, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ và suy thoái kinh tế ở nhiều nước trong khu vực và trên thế giới đã ảnh hưởng một cách nặng nề đối với quá trình phát triển của nước ta. Thêm vào đó là những diễn biến bất thường của thời tiết, gây tổn thất lớn về người và của đối với nhiều vùng. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời và đúng đắn của Đảng và Nhà nước cùng với sự nỗ lực của toàn dân, đất nước ta đã vững vàng vượt qua sóng gió của cuộc khủng hoảng khu vực, tránh được những đảo lộn về kinh tế và xã hội, nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng và bắt đầu có những chuyển biến tích cực hơn trong các tháng của quý II và quý III năm nay.

Tuy nhiên, từ một nền kinh tế có điểm xuất phát thấp, lại phải tiếp tục giải quyết nhiều khó khăn do cuộc chiến tranh để lại và những yếu kém vốn có của nền kinh tế từ cơ chế cũ chuyển sang cơ chế mới, mặc dù chúng ta đã giành được những thành tựu quan trọng trong quá trình đổi mới,

nhưng ngày nay, nước ta vẫn thuộc số các nước nghèo trên thế giới; một bộ phận nhân dân ta đang sống trong điều kiện có nhiều khó khăn, thiếu thốn, đặc biệt là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, trong đó có các căn cứ địa của cách mạng trước đây.

Tình hình đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải nỗ lực vượt bậc, vươn lên khắc phục khó khăn, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giành thắng lợi lớn hơn trong giai đoạn mới, trước mắt là phấn đấu hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra cho năm 1999. Chính phủ mong nhận được sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của Mặt trận trong việc tập hợp, động viên các tầng lớp nhân dân, các tổ chức thành viên của Mặt trận dấy lên các phong trào cách mạng mới trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội những tháng cuối năm 1999 và năm 2000, giành thành tựu to lớn hơn nữa để tạo đà và khí thế mới, đưa đất nước ta bước vào thế kỷ XXI. Đó cũng là cách thiết thực nhất để chào mừng các ngày lễ lớn của dân tộc ta trong năm 2000.

Kính thưa Đại hội,

Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước tuy còn nhiều khó khăn, thách thức, chứa đựng nhiều yếu tố bất lợi, nhưng cũng đã xuất hiện thêm những điều kiện thuận lợi, những cơ hội mới để phát huy mạnh mẽ các nguồn lực trong nước, tranh thủ vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng quan hệ quốc tế, nhằm mục tiêu đẩy nhanh hơn tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách giữa nước ta và các nước trong khu vực.

Nhiệm vụ tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian trước mắt là: phấn đấu chấm dứt đà giảm sút nhịp độ tăng trưởng kinh tế, đồng thời tạo cho được bước phát triển cao hơn trong những tháng cuối năm 1999 và năm 2000; nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế; giữ vững các cân đối lớn và ổn định kinh tế vĩ mô; đổi mới và chấn chỉnh hoạt động tài chính - tiền tệ; tạo cho được bước chuyển biến rõ nét về các vấn đề xã hội bức xúc; thúc đẩy tiến trình xã hội hóa một số lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao; thực hiện một bước cải cách tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chế độ tiền lương theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Để thực hiện các nhiệm vụ đó, phải thấu suốt và kiên trì thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách vĩ mô; cải thiện và làm sống động môi trường đầu tư, giải phóng và phát huy cao độ mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế trong nước; khai thác các lợi thế để mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, chủ động và vững vàng hội nhập kinh tế khu vực và thế giới; từng bước chấn chỉnh và làm trong sạch bộ máy, nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý nhà nước, trước hết là trong việc chỉ đạo điều hành, kiểm tra bảo đảm thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật, thể chế của Nhà nước.

Để hoàn thành nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1996 - 2000), trước mắt cần tập trung mọi

nỗ lực để tạo cho được chuyển biến mới về phát triển kinh tế - xã hội những tháng cuối năm 1999, đồng thời khẩn trương chuẩn bị các điều kiện và tiền đề cho việc thực hiện các mục tiêu năm 2000.

Nhiệm vụ những tháng còn lại của năm 1999 rất nặng nề. Thời gian thực tế chỉ còn bốn tháng, chúng ta vừa tập trung khắc phục các khó khăn, vừa triển khai thực hiện những chủ trương và giải pháp để đẩy nhanh hơn nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là tập trung thích đáng cho việc thực hiện chủ trương "kích cầu" trong nước, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình đầu tư, kể cả đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, tăng năng lực sản xuất và đầu tư cho xuất khẩu; xử lý các vấn đề xã hội cấp bách, trong đó có sự tập trung thích đáng cho ba lĩnh vực: xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và chống tệ nạn ma túy.

Cùng với việc tiếp tục triển khai các chủ trương và giải pháp đã đề ra cho năm 1999, trước tình hình mới, tại kỳ họp tháng 6-1999, Chính phủ đề ra bảy nhóm giải pháp lớn cần tập trung sức chỉ đạo điều hành nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn cho sáu tháng cuối năm 1999. Nhân dịp Đại hội Mặt trận Tổ quốc kỳ này, thay mặt Chính phủ, tôi xin trình bày tóm tắt những nội dung chính các nhóm giải pháp đó:

1. Các giải pháp kích cầu đầu tư và tiêu dùng nhằm khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh: Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện các biện pháp huy động và giải ngân các nguồn vốn bảo đảm tổng mức vốn đầu tư đề ra trong kế hoạch năm 1999; tiếp tục huy động thêm vốn để tăng khả năng

đầu tư cho nền kinh tế, nhất là đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, đầu tư cho kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao đặc biệt khó khăn, các công trình bảo đảm hiệu quả, có thể sớm hoàn thành để đưa vào sử dụng trong năm 1999 và 2000; thực hiện các biện pháp hỗ trợ đẩy mạnh công nghiệp chế biến và tiêu thụ nông, hải sản, tăng sức mua của dân cư.

2. Các giải pháp khuyến khích xuất khẩu: Đây là một vấn đề lớn đối với nền kinh tế nước ta hiện nay, bởi vì tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế cao hay thấp, một phần rất lớn tùy thuộc vào việc có đẩy nhanh được tốc độ xuất khẩu hay không. Vì vậy, Chính phủ coi đây là nhóm giải pháp trọng tâm cần tập trung chỉ đạo. Cùng với những chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, nhiệm vụ quan trọng của các ngành, các cấp là tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách, về thủ tục hành chính nhằm tạo lập môi trường thông thoáng hơn cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Đồng thời, các bộ, ngành và các doanh nghiệp lớn phải đẩy mạnh việc tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu, kể cả thị trường truyền thống và thị trường mới. Vừa qua, Chính phủ đã lập và đưa Quỹ hỗ trợ xuất khẩu vào hoạt động cùng với việc áp dụng một số chính sách mới như thưởng xuất khẩu, cho phép được áp dụng chế độ hoa hồng,... là nhằm tạo thêm điều kiện thuận lợi và khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh hàng xuất khẩu.

3. Các giải pháp về tài chính tiền tệ: Trong thời gian qua, trước tác động mạnh của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ,

nhờ chúng ta đã áp dụng các chính sách tài chính - tiền tệ hợp lý và linh hoạt, cho nên nền kinh tế đã không gặp phải những biến động lớn trên lĩnh vực này. Tuy mới là bước đầu, nhưng đây là một thành công rất quan trọng, có ý nghĩa lớn cả về kinh tế, chính trị và xã hội. Chính phủ chủ trương tiếp tục đổi mới từng bước nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống tài chính tiền tệ, phấn đấu làm cho hệ thống tài chính và ngân hàng nước ta thật sự trở thành những công cụ quản lý vĩ mô có hiệu lực đối với nền kinh tế.

Chính phủ tiếp tục sửa đổi và kiến nghị với Quốc hội bổ sung, sửa đổi một số quy định về thuế giá trị gia tăng nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu theo tinh thần mới. Quản lý chặt chẽ chi tiêu ngân sách, thực hành nghiêm ngặt chính sách tiết kiệm, bảo đảm thu đúng, thu đủ các khoản thuế, phí theo luật định; bảo đảm đủ vốn cho nhu cầu đầu tư kể cả vốn đầu tư trung, dài hạn; đổi mới hoạt động cho vay theo hướng tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp và người dân vay vốn đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát để đưa hoạt động của các ngân hàng thương mại vào nền nếp. Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường để điều hành tỷ giá linh hoạt, bảo đảm khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, tăng dự trữ ngoại tệ.

4. Các giải pháp về ổn định môi trường đầu tư sản xuất, kinh doanh: Áp dụng các giải pháp tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng

sản xuất, kinh doanh; sắp xếp lại và đổi mới tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa những doanh nghiệp đã được đưa vào kế hoạch, hoàn chỉnh và ban hành các quy định về giao, bán, khoán, cho thuê số doanh nghiệp nhà nước thua lỗ kéo dài hoặc không cần giữ 100% sở hữu nhà nước.

Trong nền kinh tế nước ta, các doanh nghiệp nhà nước có vị trí rất quan trọng. Những chủ trương và giải pháp trên đây là nhằm làm cho khu vực các doanh nghiệp nhà nước hoạt động thật sự có hiệu quả, nâng cao vai trò và vị thế của khu vực này trong quá trình phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đồng thời tạo môi trường và điều kiện để các thành phần kinh tế khác phát huy hết khả năng và thế mạnh vốn có của mình trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra sức mạnh tổng hợp cùng xây dựng đất nước.

5. Tăng cường chỉ đạo công tác xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn: Ngay từ đầu năm, Chính phủ đã coi đây là một lĩnh vực công tác trọng tâm của năm 1999 và cũng là nhiệm vụ công tác trọng tâm của Chính phủ và nhân dân ta trong nhiều năm tới.

Theo tinh thần đó, Chính phủ đã dành một phần quan trọng của ngân sách nhà nước cho Chương trình quốc gia này. Đồng thời, thấy được những đòi hỏi bức xúc và trách nhiệm lớn lao của Đảng và Nhà nước ta đối với một bộ phận nhân dân thuộc các vùng đặc biệt khó khăn, Chính phủ đã tách riêng chương trình mục tiêu đối với 1.715 xã đặc biệt khó khăn, trong đó tập trung giải quyết trước một

bước cho 1.000 xã bức xúc nhất. Đây là những chương trình có nhiều khó khăn, phức tạp trong quá trình chỉ đạo thực hiện, nhưng quyết tâm của Chính phủ là bằng mọi cách, phấn đấu trong khoảng thời gian 5 - 7 năm, tạo cho được bước chuyển biến cơ bản trên địa bàn các xã này, ít nhất là sau khoảng 5 năm, các xã đặc biệt khó khăn phải có được một số kết cấu hạ tầng chủ yếu và công trình phúc lợi chung tương đương như các xã trung bình ở đồng bằng hiện nay. Gắn với hai chương trình này là việc triển khai thực hiện chương trình trồng rừng, định canh định cư, phổ cập giáo dục, mở rộng mạng lưới y tế ở vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc ít người, chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã, phường biên giới... nhằm tạo cho được bước chuyển biến mới đối với vùng nghèo, hộ nghèo.

6. Về lĩnh vực xã hội: Ngoài việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ và chương trình đã được đề ra trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thể dục thể thao. Trong thời gian tới, Chính phủ đã xác định một số công tác trọng tâm trong lĩnh vực xã hội cần tập trung chỉ đạo thực hiện.

Một là, thất nghiệp và thiếu việc làm đang ngày càng gia tăng là vấn đề xã hội lớn mà Chính phủ hết sức quan tâm và đang đề ra nhiều biện pháp để từng bước giải quyết, kể cả việc duy trì chương trình giải quyết việc làm và các chương trình có liên quan như chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, chương trình trồng rừng, chương trình đánh bắt cá xa bờ, đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi nội đồng ở nông thôn, v.v..

Tuy nhiên, hướng quan trọng nhất trong vấn đề giải quyết việc làm là Nhà nước tạo môi trường và cơ hội thuận lợi, thực hiện các chính sách khuyến khích mạnh mẽ hơn nữa để nhân dân đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, trên cơ sở đó mà tạo ra nhiều việc làm cả ở thành thị và nông thôn cho những người lao động. Với ý nghĩa này, việc tạo điều kiện và khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh cũng đồng thời là tiền đề, là cơ sở quan trọng để giải quyết việc làm cho xã hội.

Hai là, bên cạnh những thành tựu và tiến bộ về kinh tế và xã hội đã đạt được trong các năm qua, hiện nay có một số vấn đề xã hội bức xúc đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta phải giải quyết đến nơi đến chốn, bảo đảm xây dựng được đất nước ta có kinh tế phát triển và có đời sống văn hóa văn minh, tiến bộ.

Trong những năm qua, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách để giải quyết vấn đề này, nhưng nhìn chung, vẫn chưa tạo được chuyển biến rõ rệt, nhiều tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng, lan rộng, gây tâm trạng bất an, lo lắng cho nhân dân, trong đó, nhức nhối nhất là tệ nạn ma túy và một số tội phạm nguy hiểm khác.

Để tạo cho được bước chuyển biến rõ nét và cơ bản trên lĩnh vực này, Chính phủ chủ trương huy động mọi khả năng có thể có của Nhà nước, tạo cho được một phong trào rộng lớn của toàn xã hội cùng tiến công vào các loại tội phạm nguy hiểm và tệ nạn ma túy, nỗ lực phấn đấu để trong một số năm có thể ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả các tệ nạn này.

Đây là lương tâm và trách nhiệm của thế hệ chúng ta đối với các thế hệ mai sau và vì vậy, chúng ta không được phép

tiếc công sức và tiền bạc nhằm bảo đảm cho dân tộc ta tránh được thảm họa thế kỷ này.

7. Nâng cao năng lực và hiệu lực chỉ đạo điều hành: Trong những năm gần đây, Chính phủ đã kiên trì thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, nhất là các thủ tục liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp và công việc của dân; đơn giản hóa và công khai hóa các quy định của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và nhân dân, đồng thời tăng cường sự giám sát của nhân dân trong quá trình thực thi công vụ của các công chức và cơ quan liên quan. Nhìn chung, đã đạt được tiến bộ bước đầu trên một số khâu thường gây nhiều phiền hà, nhũng nhiễu như xuất - nhập khẩu, hải quan, xét duyệt các dự án đầu tư hoặc vay vốn ưu đãi đầu tư, thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh,... Hoạt động của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương đã có sự chuyển hướng sát địa phương và cơ sở hơn, phát hiện và xử lý kịp thời hơn những vướng mắc cũng như các kiến nghị của địa phương và cơ sở.

Tuy nhiên, đây vẫn là lĩnh vực còn nhiều yếu kém. Trong thời gian tới, theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (khóa VIII), cùng với việc tiếp tục triển khai cải cách thủ tục hành chính, gắn cải cách thủ tục hành chính với việc triển khai "Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở", Chính phủ sẽ chuyển trọng tâm cải cách hành chính vào lĩnh vực tổ chức bộ máy và công chức, công vụ, trong đó có việc làm rõ hơn mối quan hệ phân công, phân cấp về thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp và từng cơ quan trong bộ máy hành chính. Trên cơ sở đó và đi liền theo đó là quá trình tinh giản tổ chức và

biên chế, làm trong sạch bộ máy nhà nước. Đây là công việc hết sức bức xúc, nhưng cũng rất khó khăn, phức tạp. Chính phủ mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ tích cực của Mặt trận Tổ quốc trong nhiệm vụ lớn lao này, nhằm củng cố và xây dựng Nhà nước ta thực sự là "Nhà nước của dân, do dân và vì dân".

Kính thưa Đại hội,

Chính phủ luôn luôn quán triệt nguyên lý: "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng". Để thực hiện tốt, có hiệu quả các giải pháp nói trên, cùng với sự cố gắng của các bộ, các ngành và chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc có một vai trò hết sức quan trọng. Là một bộ phận thuộc hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nơi hiệp thương phối hợp và thống nhất hành động của các tổ chức thành viên, hoạt động của Mặt trận đã và sẽ góp phần rất quan trọng vào sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Chính phủ tin tưởng rằng Đại hội lần thứ V của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sẽ đánh dấu bước phát triển mới của khối đại đoàn kết toàn dân trong việc thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển đất nước ta trong thời kỳ mới. Chính phủ mong nhận được sự cộng tác chặt chẽ của Mặt trận các cấp trong việc thực hiện các chương trình và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có các giải pháp lớn

đã trình bày trên đây; đồng thời Chính phủ sẽ tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ như Luật định. Chính phủ đặc biệt hoan nghênh và tiếp thu các ý kiến đóng góp của Mặt trận trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội, để các cơ chế, chính sách đó thể hiện được đầy đủ quyền làm chủ cũng như nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Ngoài các nhiệm vụ và giải pháp lớn nêu trên, năm 2000 là năm đất nước ta có nhiều ngày lễ lớn. Để thiết thực kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, Chính phủ xin đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Mặt trận các cấp tham gia vào một số công tác cụ thể như sau:

Một là, tổ chức thật tốt phong trào thi đua yêu nước với những mục tiêu thiết thực và cụ thể chào mừng các ngày lễ lớn trong năm 2000. Đặc biệt là tổ chức tốt Đại hội thi đua yêu nước từ cơ sở tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc vào tháng 12-2000. Thông qua các đại hội thi đua này để biểu dương người tốt, việc tốt, bầu chọn các Anh hùng, chiến sĩ thi đua trong 15 năm đổi mới.

Hai là, tiếp tục duy trì và phát triển cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" theo sáng kiến của Mặt trận. Đây là một phong trào thi đua yêu nước, một cuộc vận động mang nhiều ý nghĩa sâu sắc, đem lại hiệu quả thiết thực, phát huy sức mạnh nội lực của người dân ở mỗi khu dân cư để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các tầng lớp nhân dân. Bằng những hình thức hoạt động phong phú và

sáng tạo, cuộc vận động này là góp phần quan trọng trong việc tăng cường đoàn kết, giữ vững trật tự, trị an ở cơ sở; ngăn ngừa và đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; thể hiện một cách sinh động việc thực hiện lời dạy của Bác Hồ kính yêu: "Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong".

Ba là, triển khai tốt "Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở". Xin đề nghị Mặt trận phối hợp với chính quyền các cấp vận động toàn dân thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", trong đó đặc biệt quan trọng là công khai hóa các khoản thu, chi của ngân sách xã, phường, các khoản đầu tư xây dựng các công trình công cộng ở cơ sở, mở rộng việc xây dựng cuộc sống mới bằng cách xây dựng và thực hiện các hương ước, quy ước thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố.

Bốn là, động viên toàn dân tham gia quản lý nhà nước; giám sát và kiểm tra các hoạt động của các cơ quan nhà nước, công chức nhà nước. Xin đề nghị: trên cơ sở *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* mới được Quốc hội ban hành và Điều lệ sắp được ban hành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên tập hợp rộng rãi hơn nữa ý kiến của các tầng lớp nhân dân góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, làm cho mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ngày càng mật thiết. Việc phối hợp giữa Mặt trận với Nhà nước nhằm cụ thể hóa quyền hạn, trách nhiệm và phương thức hoạt động thanh tra, kiểm tra của Mặt trận theo Luật định là rất cần thiết, nhất là trong các lĩnh vực chống tham nhũng, buôn lậu, lãng phí, giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân; xây dựng Pháp lệnh

hoạt động giám sát của nhân dân làm công cụ pháp lý cho nhân dân phát huy vai trò giám sát từ cơ sở.

Năm là, hoàn thành tốt công tác bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Đây là một cuộc vận động chính trị và sinh hoạt dân chủ sâu rộng của nhân dân cả nước, nhằm bầu ra những đại biểu ưu tú, đại diện cho nhân dân địa phương trong nhiệm kỳ đầu thế kỷ XXI. Với chức năng như *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* đã quy định, mong rằng cơ quan Mặt trận các cấp phối hợp chặt chẽ với cấp ủy đảng và chính quyền tiến hành tốt việc hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong công tác cán bộ. Đại biểu Hội đồng nhân dân trong khóa tới phải được lựa chọn căn cứ theo tiêu chuẩn do Luật định, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các độ tuổi, dân tộc, tôn giáo, nam, nữ; giảm số lượng đại biểu là cán bộ ở các cơ quan hành chính nhà nước, tăng số lượng đại biểu là người ngoài Đảng, phụ nữ, dân tộc và đại biểu trẻ tuổi.

Kính thưa Đại hội,

Đoàn kết là truyền thống quý báu, là sức mạnh cực kỳ to lớn của dân tộc ta trong suốt hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Sức mạnh đoàn kết đã là nhân tố quyết định thắng lợi trong cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, với chức năng, nhiệm vụ đã được quy định trong *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, Mặt trận càng có nhiều điều kiện thuận lợi để góp phần to lớn hơn nữa vào tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Chính phủ tin tưởng rằng Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần này sẽ mở ra một thời kỳ mới với những nội dung hoạt động thiết thực, được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng sát hợp, cống hiến ngày càng lớn hơn cho nhiệm vụ xây dựng và nâng cao khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Toàn Đảng, toàn dân ta hãy thắp sáng lên truyền thống đoàn kết, phát huy nội lực chấn hưng đất nước, mở ra một chương mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Một lần nữa, xin chúc sức khỏe các vị đại biểu,

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Báo *Nhân dân,*
ngày 28-8-1999.

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu tập 58 V

- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu khai mạc Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, ngày 25 tháng 1 năm 1999 1
- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, số 91-BC/TLHN, ngày 25 tháng 1 năm 1999, về một số vấn đề cơ bản và cấp bách về công tác xây dựng Đảng hiện nay 14
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 09-NQ/TW, ngày 2 tháng 2 năm 1999 55
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 10-NQ/TW, ngày 2 tháng 2 năm 1999, về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay 57
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, ngày 2 tháng 2 năm 1999 68
- Thông báo Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII từ ngày 25 tháng 1 đến ngày 2 tháng 2 năm 1999 86

- Kế hoạch của Bộ Chính trị, số 03-KH/TW, ngày 10 tháng 2 năm 1999, về triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng 91
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 195-TB/TW, ngày 25 tháng 1 năm 1999, về việc sửa đổi *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân* và *Pháp lệnh công an xã* 98
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 196-TB/TW, ngày 30 tháng 1 năm 1999, về dự án *Bộ luật hình sự (sửa đổi)* 100
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 201-TB/TW, ngày 23 tháng 3 năm 1999, về một số vấn đề liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài 103
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 205-TB/TW, ngày 2 tháng 4 năm 1999, về việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc 106
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 206-TB/TW, ngày 10 tháng 4 năm 1999, về dự án *Luật công ty và doanh nghiệp tư nhân* 108
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 207-TB/TW, ngày 10 tháng 4 năm 1999, về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân,* dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân* 111
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 208-TB/TW, ngày 10 tháng 4 năm 1999 về dự án *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* 113
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 209-TB/TW, ngày 10 tháng 4 năm 1999, về dự án *Luật báo chí* 116

- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 211-TB/TW, ngày 21 tháng 4 năm 1999, về tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 1999 và việc triển khai Nghị quyết Trung ương sáu (lần 1) về kế hoạch năm 1999 118
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 212-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 1999, về dự án *Bộ luật hình sự (sửa đổi)* 123
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 213-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 1999, về dự án *Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng* và việc sửa đổi *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân* 125
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 49-QĐ/TW, ngày 3 tháng 5 năm 1999, về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý cán bộ 127
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 50-QĐ/TW, ngày 3 tháng 5 năm 1999, về việc ban hành Quy chế đánh giá cán bộ 150
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 51-QĐ/TW, ngày 3 tháng 5 năm 1999, về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm cán bộ 159
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 214-TB/TW, ngày 3 tháng 5 năm 1999 về đề án "Nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng" 173
- Quy định của Bộ Chính trị, số 52-QĐ/TW, ngày 5 tháng 5 năm 1999, về giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý 175
- Quy chế của Bộ Chính trị, số 53-QC/TW, ngày 5 tháng 5 năm 1999, về chế độ kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ 179

- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 215-TB/TW, ngày 8 tháng 5 năm 1999, về đàm phán chương trình Miyazawa - Nhật Bản 187
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 47-CT/TW, ngày 12 tháng 5 năm 1999, về việc phát hành và tổ chức cuộc vận động toàn dân tham gia mua công trái xây dựng Tổ quốc 190
- Quy định của Bộ Chính trị, số 54-QĐ/TW, ngày 12 tháng 5 năm 1999, về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng 193
- Quy định của Bộ Chính trị, số 55-QĐ/TW, ngày 12 tháng 5 năm 1999, những điều đảng viên không được làm 200
- Kế hoạch của Bộ Chính trị, số 04-KH/TW, ngày 13 tháng 5 năm 1999, về triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng 204
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 216-TB/TW, ngày 14 tháng 5 năm 1999, về tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước, khoán, cho thuê kinh doanh và chuyển đổi sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước nhỏ 213
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 48-CT/TW, ngày 21 tháng 5 năm 1999, về đại hội của các hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương 216
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 217-TB/TW, ngày 24 tháng 5 năm 1999, về dự án *Luật doanh nghiệp* 220
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 218-TB/TW, ngày 24 tháng 5 năm 1999, về dự án *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* 221
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 219-TB/TW, ngày 29 tháng 5 năm 1999 về dự án *Bộ luật hình sự* (*sửa đổi*) 223

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 220-TB/TW, ngày 31 tháng 5 năm 1999, về việc xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại tỉnh Nghệ An 225
- Thông tri của Thường vụ Bộ Chính trị, số 05-TT/TW, ngày 9 tháng 6 năm 1999, về lãnh đạo Đại hội Hội Chữ thập đỏ các cấp 227
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 222-TB/TW, ngày 9 tháng 6 năm 1999, về thí điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài 229
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 224-TB/TW, ngày 16 tháng 6 năm 1999, về tổ chức việc quản lý và các hoạt động của cụm công trình di tích lịch sử, văn hóa khu Ba Đình 231
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 231-TB/TW, ngày 5 tháng 7 năm 1999, về quyết định phân lũ, chậm lũ thuộc hệ thống sông Hồng 233
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 232-TB/TW, ngày 10 tháng 7 năm 1999, về việc xây dựng đặc khu kinh tế tại Việt Nam 237
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 233-TB/TW, ngày 12 tháng 7 năm 1999, về đề án phát huy nội lực, tăng vốn cho đầu tư phát triển, kích thích mạnh sản xuất và nâng cao tiêu dùng hợp lý 239
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 11-NQ/TW, ngày 26 tháng 7 năm 1999, về tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000 242
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 236-TB/TW, ngày 2 tháng 8 năm 1999, về Đại hội V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 247

- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 49-CT/TW, ngày 7 tháng 8 năm 1999, về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004 250
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 237-TB/TW, ngày 7 tháng 8 năm 1999, về hai năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) về khoa học - công nghệ 254
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 223-TB/TW, ngày 9 tháng 6 năm 1999, về đề án trình Hội nghị Trung ương 7 258
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 235-TB/TW, ngày 26 tháng 7 năm 1999, về đề án trình Hội nghị Trung ương 7 262
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu khai mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII ngày 9 tháng 8 năm 1999 267
- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 104/TLHN, ngày 4 tháng 8 năm 1999, đề án về đổi mới và kiện toàn một bước tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị 272
- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 105/TLHN, ngày 12 tháng 8 năm 1999, về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng 335
- Bản trình bày của Bộ Chính trị, số 122/TLHN, ngày 16 tháng 8 năm 1999, về ý kiến thảo luận của Trung ương đối với các đề án về tổ chức, bộ máy và tiền lương 349

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 12-NQ/TW, ngày 16 tháng 8 năm 1999 366
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 13-NQ/TW, ngày 16 tháng 8 năm 1999, một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước 368
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, ngày 16 tháng 8 năm 1999 380
- Thông báo Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII, từ ngày 9 tháng 8 đến ngày 16 tháng 8 năm 1999 389
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị số 239-TB/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1999, về việc tiếp nhận, xử lý đơn, thư khiếu tố 394
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị số 240-TB/TW, ngày 20 tháng 8 năm 1999, về chương trình khí - điện - đạm 396
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 243-TB/TW, ngày 20 tháng 8 năm 1999, về Đại hội IV Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam 398
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 241-TB/TW, ngày 21 tháng 8 năm 1999, về dự án *Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích (sửa đổi)* 401
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 244-TB/TW, ngày 23 tháng 8 năm 1999, về Đại hội lần thứ VII Hội Nhà báo Việt Nam 403

- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 50-CT/TW, ngày 24 tháng 8 năm 1999, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Khuyến học Việt Nam 407
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 257-TB/TW, ngày 18 tháng 10 năm 1999, về tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2000 410
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 67-QĐ/TW, ngày 20 tháng 10 năm 1999, về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 417
- Thông tri của Thường vụ Bộ Chính trị, số 06-TT/TW, ngày 20 tháng 10 năm 1999, hướng dẫn thi hành Quyết định số 67-QĐ/TW, ngày 20-10-1999 của Bộ Chính trị, về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 421
- Quy định của Bộ Chính trị, số 68-QĐ/TW, ngày 21 tháng 10 năm 1999, về việc thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp cao 427
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 258-TB/TW, ngày 22 tháng 10 năm 1999, về triển khai thực hiện thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hộ sản xuất nông nghiệp có thu nhập cao 434
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 262-TB/TW, ngày 6 tháng 11 năm 1999, về kế hoạch tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế 436
- Đề cương phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu khai mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, ngày 4 tháng 11 năm 1999 438
- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 126/TLHN, ngày 27 tháng 10 năm 1999, về tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2000 449

- Kết luận Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 04-KL/TW, ngày 11 tháng 11 năm 1999, về nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2000 520
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, ngày 11 tháng 11 năm 1999 530
- Thông báo Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII, từ ngày 4 tháng 11 đến ngày 11 tháng 11 năm 1999 540
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 03-KL/TW, ngày 16 tháng 11 năm 1999, về "Tổng kết Đảng lãnh đạo cuộc chiến tranh cách mạng 30 năm 1945 - 1975" 550
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 263-TB/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1999, về "Chương trình tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn năm 2000" 554
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 266-TB/TW, ngày 30 tháng 11 năm 1999, về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2000 và một số dự án pháp lệnh 557
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 267-TB/TW, ngày 14 tháng 12 năm 1999, về dự án *Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam (sửa đổi)* và dự án Luật sửa đổi, bổ sung một điều của *Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất* 560
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 271-TB/TW, ngày 23 tháng 12 năm 1999, về dự án xây dựng một số đoạn trên tuyến đường Hồ Chí Minh ở khu vực miền Trung 563

PHỤ LỤC 567

- Tuyên bố chung Việt Nam - Lào 569
- Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc 577

- Tuyên bố chung Việt Nam - Campuchia 584
- Tuyên bố chung Việt Nam - Cuba 591
- Tuyên bố chung Việt Nam - Ấn Độ 596
- Phát biểu của Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Trần Đức Lương tại Hội nghị tổng kết công tác nội chính, ngày 23 tháng 3 năm 1999 602
- Phát biểu của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu tại cuộc mít tinh kỷ niệm 109 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và 30 năm thực hiện *Di chúc* của Người, về học tập, rèn luyện tư tưởng và đạo đức cách mạng, thực hiện thắng lợi cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngày 18 tháng 5 năm 1999 613
- Phát biểu của Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị Phạm Thế Duyệt tại Hội nghị cán bộ toàn quốc về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong hai năm (19-5-1999 – 19-5-2001), ngày 18 tháng 5 năm 1999 625
- Cần chuẩn bị tốt việc tự phê bình và phê bình của các cơ quan Trung ương và tỉnh, thành (bài viết của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu, đăng trên báo *Nhân dân* ngày 4-8-1999) 640
- Phát biểu của Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải tại Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ V, ngày 28 tháng 8 năm 1999 643

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ
Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM THỊ THINH
	ThS. ĐÀO QUỲNH HOA
	ThS. VŨ QUANG HUY
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	PHẠM NGUYỆT NGA
Sửa bản in:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu:	BAN SÁCH ĐẢNG

Mã số: 3KV(060)"1999"
CTQG - 2015

In 5.000 cuốn, khổ 15x22 cm, tại ...
Số đăng ký xuất bản: ...
Quyết định xuất bản số: ...
Mã số ISBN: ...
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2015.